


L. M. NGUYỄN-KHẮC-XUYÊN

MỤC · LỤC PHÂN · TÍCH
TẠP - CHÍ
NAM - PHONG
1917 - 1934



TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU ẨM-HÀNH
VỚI SỰ HỢP-TÁC CỦA VIỆN KHẢO-CỐ

BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC
1968

L.M. NGUYỄN-KHẮC XUYÊN

MỤC - LỤC PHÂN - TÍCH
TẠP-CHÍ
NAM-PHONG

1917 — 1934

TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU ẤN-HÀNH
VỚI SỰ HỢP-TÁC CỦA VIỆN KHẢO-CỒ

Bộ Văn-Hoá Giáo-Dục
1968

MUỘI Ơ CỜ GIÁ
HÀ DI NGHIỆM KIM
TỰ-ĐỨC
(*Khám-định Việt-sử*
thông-giám, 'cương-mục,
(Tựa 11-7-1856))

SÁCH NÀY DO TRUNG-TÂM HỌC.
LIỆU ÁN-HÀNH VỚI SỰ HỢP-TÁC
CỦA VIỆN KHẢO-CỒ

TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU BỘ GIÁO-DỤC
IN LẦN THỨ NHỨT : 1968

MỤC - LỤC

	TRANG
Lời tựa	9
Phần I.— Mục-lục theo tác-giả :	35
1— Tản-văn	37
2— Vận-văn	231
Phần II.— Mục-lục theo bộ-môn	347
Phụ-trương Pháp-ngữ :	
Mục-lục theo tác-giả và vô danh.	419
Bảng dẫn đề-mục	448
Mục-lục các tranh ảnh	453

LỜI TỰA

Đề giúp phương-tiện làm việc, trong các sách khảo-cứ có sâu rộng đôi chút, tác-giả thường soạn một Mục-lục các tác-giả có trưng trong sách và một Mục-lục các đề-tài. Những tạp-chí đứng-đầu thường cũng có những bản Mục-lục tương-tự, nhất là sau nhiều năm sinh-hoạt : ở đây, có thể là cần-thiết nữa. Nếu chỉ lưu-ý độc-giả về một vài bộ tạp-chí khảo-cứ văn-hoá xuất-hản tại nước ta về mấy mươi năm trước đây, chúng ta có thể kể ra Tạp-chí Trường Viễn đông Bác cổ của Pháp (Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient, viết tắt là BEFEO), bộ này cũng có bảng Mục-lục thiết-lập do Nguyễn-Văn-Tố (Index général des Tomes I-XX du BEFEO Hà-nội, 1923), và bộ tạp-chí của Hội Hiếu-cờ Huế (Bulletin des Amis du Vieux Hué, viết tắt là BAVH) với bảng Mục-lục phân-tích thiết lập do L. Cadière (Le Bulletin des Amis du Vieux Hué, 1914-1923, Hà-nội, 1925). Hai bộ Mục-lục trên đây đã được tiếp-tục bổ-túc về sau.

Nhận thấy tờ NAM-PHONG là một tài-liệu căn-bản cho lịch sử Văn-học Việt-Nam, mặc dầu đường lối chính-trị của nó thuộc về một thời-đại thực-dân và phong-kiến, chúng tôi thử làm một việc cung cấp phương-tiện, nghĩa là thiết-lập Mục-lục này. Như chúng ta đã biết tờ NAM-PHONG càng ngày càng trở nên hiếm, nó cũng có thể trở thành ra xa-lạ đối với chúng ta, nếu chúng ta không có một cuốn chỉ-nam, một thứ « chìa khoá » để mở kho-tàng đã bắt đầu thuộc về khảo-cổ. Bởi đó, với sự khuyến-kích của ông Trương-Bửu-Lâm, giám-đốc Viện Khảo-cổ, với sự giúp đỡ tích-cực của ông Phạm-Huy-Thụy, quản-thủ Thư-viện Khảo-cổ, chúng tôi hân-hạnh cống-hiến độc-giả tài liệu nhỏ mọn này.

Chúng tôi chia làm hai phần : phần thứ nhất là Mục-lục theo Tác-giả và phần thứ hai là Mục-lục theo Bộ-môn.

I. — MỤC-LỤC THEO TÁC-GIẢ

Trong phần Mục - lục theo Tác - giả, chúng tôi đã chia làm hai mục : Mục về Tản - văn, hay văn xuôi và Mục về Vận-văn, hay văn vần (thơ). Chúng tôi chia như vậy vì chúng tôi muốn cho công - việc tìm - tòi được giản - tiện. Thực ra, khi nói đến NAM-PHONG, người ta thường chú - trọng tới các loại thuộc văn xuôi nhiều hơn. Đó mới là chủ-chốt của sự-nghiệp NAM - PHONG. Tuy-nhiên, phần Vận-văn hay thơ cũng là một thành-phần quan-trọng của Tạp-chí. Cho tới nay, phần này ít được khai-thác, trừ một số bài đề-cập tới mấy tên tuổi quen thuộc mà thôi. Khi làm xong bảng Mục - lục, chúng tôi thấy còn phải nghiên-cứu rộng-rãi và xác - đáng hơn nữa, như chúng tôi sẽ nói sau. Có người đã cho chúng tôi biết ý-kiến : đó là ghi-chú cả Tản - văn, Vận - văn vào cùng một tác-giả, nghĩa là không làm thành hai phần. Thực ra, để dễ-dàng công-việc, chúng tôi biên thêm « coi : Vận-văn », nếu một tác-giả nào vừa viết văn xuôi vừa viết văn vần — thường chỉ là một thiều số, còn đa-số thì ngã hẳn về nhà văn hoặc về nhà thơ.

Đề thiết-lập Mục-lục theo Tác-giả, chúng tôi đã theo thời-gian các bài, chứ không theo đề-mục. Tuy nhiên, nếu muốn, vừa theo tác-giả vừa theo bộ-môn của tác-giả đó, chúng ta có thể lần dở phần Mục-lục theo Bộ-môn được, như chúng tôi sẽ cước-chú sau.

Chúng tôi xếp thứ-tự các tác-giả theo mẫu-tự tên họ, chứ không theo tên gọi, thí dụ : Bùi-Huy-Cường, Cung Giũ-Nguyên, Diệp-Văn-Kỳ, Đặng-Nguyên-Khu, Hoàng-Song-Cử, Huỳnh-Hiến-Tử. . . Nếu tác-giả vừa có tên thật vừa có tên hiệu, thì thường thường chúng tôi ghi tên thật với phụ-chú ngay sau một hay nhiều tên hiệu, thí-dụ : Phạm-Quỳnh (Hồng-nhân, Thượng-chi), Nguyễn-Hữu-Tiến (Đông-châu). . . Nếu chỉ có biệt-hiệu thì chúng tôi dùng biệt-hiệu ấy. Cách xếp-đặt theo mẫu-tự tên họ, đối với nhiều người, có lẽ chưa quen, song chúng ta phải nhận rằng : đó là một điều tiện-lợi hơn và nhiều nơi bắt đầu áp-dụng thể-thức này rồi.

Về cách ghi-chép, trước hết chúng tôi viết tên tác-giả với biệt hiệu, nếu có, rồi lần-lượt đến đầu bài, số quyển (tome) bằng số La-mã, số tạp-chí, tháng, năm và sau cùng số trang, thí-dụ : Nguyễn - Trọng - Thuật (Đồ - nam, Đồ-nam - tử), *Khảo - cứu và phán-đoán về truyện Kiều*. XXII, 125, 1/1928, tr. 41-50. Nếu một bài được đăng trong nhiều số gián-đoạn hay liên tiếp, thì chúng tôi ghi ngay tất cả những số đó. Thực ra, chúng tôi không phải chỉ biên có đầu bài suông mà thôi, nhưng chúng tôi thường viết cả phụ-đề, dàn bài, những ý-tưởng chính trong bài, một thứ toát-lược, nhất là đối với những bài mà chúng tôi cho là quan-trọng và hữu-ích. Hơn nữa, trong nhiều bài, chúng tôi còn trích theo nguyên-văn với tham-chiếu rõ-rệt một vài câu, một vài đoạn căn-bản, độc-đáo, thiết-yếu để hiểu tư-tưởng tác-giả. Để làm thí-dụ, độc-giả hãy coi ba bài quan-trọng để hiểu mục-đích của tờ Nam-Phong : Phạm-Quỳnh, *Mấy nhời nói đầu*, số 1 ; Hán-Thu, *Nam-Phong ngày trước, Nam-Phong bây giờ*, số 199 ; Nguyễn-Hữu-Tiến, *Tổng-luận sự-nghiệp Nam-Phong*, số 210. Theo ba bài đó, độc-giả có thể làm thành một quan-niệm sống-động về sinh-hoạt thăng trầm của tờ báo đó rồi. Đối với nhiều bài khác, chúng tôi cũng trích nguyên - văn trong-tự. Chúng tôi thiết-nghĩ : thêm một ít chi-tiết như vậy, bảng Mục-lục sẽ bớt phần khô-khan, không có tính-cách toán-học, như một cái xác không hồn, trái lại, vừa hứng thú vừa đầy-đủ, thay-thế một phần nào cho chính bộ Nam-Phong mà mỗi người không thể nào có sẵn

trong thư-viện nhỏ hẹp của mình. Người có bản mục-lục này như có toàn bộ thu bé lại vậy.

Cuối cùng, chúng tôi ghi tắt những đề-mục chính, mặc dầu khó mà xác-định một cách tuyệt-đối. Đó là những mục : Chính-trị (CT), Du-hành hay Du-ký (DH), Giáo-dục (GD), Khoa-học (KH), Kinh - tế (KT), Lịch-sử (LS), Ngôn - ngữ (NN), Pháp-luật (PL), Tạp-chí (TC), Triết-học (TH), Tiểu-sử (TS), Văn-học (VH), trong đó có văn-học Việt-Nam và văn-học Pháp (VHP), sau cùng có mục Xã-hội (XH).

Chúng tôi đã theo toàn bộ Nam-Phong hiện nay tàng-trữ tại Viện Khảo-cổ. Bộ này còn được duy-trì nguyên-ven, đóng thành từng quyển gáy da cũ. Thực ra có thiếu một số, đó là số 200, ngày 16 tháng 7 năm 1934. Chúng tôi đã tra-cứu số này tại Thư-viện Quốc-gia.

Về các tác-giả, trước hết phải kể tới các nhà văn. Và trong nhóm các nhà văn này, tiên vàn phải nói đến PHẠM-QUỲNH, hiệu Hồng-nhân và Thượng-chi, một trong số ba người sáng-lập, lại vừa làm chủ-nhiệm và chủ-bút phần Việt-ngữ, trong khi ông NGUYỄN-BÁ-TRẮC phụ-trách phần Hán-ngữ. Sau đó lần-lượt phải chú-trọng tới NGUYỄN-HỮU-TIẾN, hiệu Đông-châu, NGUYỄN - TRỌNG - THUẬT hiệu Đờ-nam, NGUYỄN - BÁ - HỌC và NGUYỄN - ĐÔN - PHỤC, hiệu Tùng-vân.

Sau đó, chúng ta phải nhắc tới LÂM-TẤN-PHÁC, hiệu Đông-hồ cùng với nhóm "Trí-đức Học-xá"; PHẠM-DUY-TỐN, NGUYỄN-VĂN-KIÊM, hiệu Trọng-toàn; LÊ-DU, hiệu Sở-Cường; TƯƠNG-PHỐ. Sau cùng chúng ta cũng phải đề ý tới một số tác-giả quen-thuộc đã cộng-tác với Nam-Phong với những bài xuất-sắc như : DƯƠNG-BÁ-TRẮC, hiệu Tuyết-huy; DƯƠNG-QUẢNG-HẠM; HOÀNG - NGỌC - PHÁCH; LÊ-THĂNG, NGUYỄN-MẠNH-BÔNG, hiệu Mân-châu; NGUYỄN - TIẾN-LĂNG, hiệu Hán-thu; NGUYỄN-TRIỆU-LUẬT, THIỆN-ĐÌNH; THIẾU-SƠN, TRẦN-TRỌNG-KIM, hiệu Lệ-thần; TRẦN-VĂN-NGOẠN hiệu Tuyết-trang; VŨ-ĐÌNH-LONG.

Về các nhà thơ, trước hết chúng ta phải kể tới những thi-sĩ như : NGUYỄN - BÌNH - KHIÊM, NGUYỄN - CÔNG - TRÚ, NGUYỄN - KHUYẾN, TRẦN-KẾ-XƯƠNG, nhóm « Hồng - Đức ». Rồi trong rất nhiều thi-gia, trỗi lên về lượng mà ít khi 'chúng ta nhắc tới và theo thiên-ý chúng tôi phải có những công-cuộc khai-thác mới, đó là những nhà thơ như : DƯƠNG-ĐÌNH-TÂY, ĐÌNH-TRAI, ĐOÀN-NHŨ-NAM, ĐOÀN-TINH-CANH, LÊ-ĐÌNH-HUYẾN, MINH-PHƯƠNG, MỘNG-LAN, NGUYỄN-BÁ-XUYẾN, NGUYỄN-CAN-MỘNG, hiệu Nông-sơn, NGUYỄN-TIẾN, NGUYỄN - TRUNG - KHUYẾN, NGUYỄN - VĂN - ĐÀO, NHÀN-KHANH, NHÀN-VÂN-ĐÌNH, TRẦN-MỸ, VŨ - TÍCH - CỐNG... Trong số các văn-gia cũng có một số đồng-thời cũng là thi-gia như : NGUYỄN - HỮU - TIẾN, NGUYỄN - TRỌNG - THUẬT, NGUYỄN-ĐÔN-PHỤC, LÂM-TẤN-PHÁC...

Đề có một ý-niệm tổng-quát về mấy tác-giả chính, chúng tôi xin ghi sau đây những nét đại-cương.

PHẠM - QUỲNH

Phạm - Quỳnh là như tiêu - biểu cho tờ Nam - Phong, là linh - hồn của tất cả tờ báo. Nguyễn - Tiến - Lãng đã nói rất đúng về Phạm - Quỳnh rằng : « Cho nên trước đây cái tên Nam - Phong gần như lẫn với tên Thượng-chí, đó cũng là đích-đáng vậy » (N P 199, tr. 9). Mấy dòng sau, Hán - thu lại khen ông Phạm-Quỳnh bằng những lời : « Cho hay một đời hồ để có mấy Thượng-chí » (Có thể coi thêm bài của Nguyễn-Văn-Kiểm trong N P số 188, tr. 219-222 n). Địa - vị của Phạm-Quỳnh trong báo Nam-Phong và trong văn-học-sử nước nhà đều đã được các tác-giả công-nhận như Dương - Quảng - Hàm, Vũ-Ngọc-Phan, Thiệu - Sơn... và gần đây Chu-Đặng-Sơn và Trần - Việt - Sơn trong *Luận-đề về nhóm Nam - Phong tạp chí*, Thăng - Long, Saigon, 1960, và Nguyễn-Duy-Diển trong *Luận-đề về Nam-phong tạp-chí*, Khai-Trí, Saigon, 1961.

Trong bảng Mục-lục theo tác-giả, chúng tôi chia làm bốn mục : 1) Mục nhất gồm tất cả những bài tác-giả, viết buông như trứ-tác phê-bình, khảo-cứu, tất cả hơn 175 đề-mục lớn nhỏ, dài ngắn ; 2) Mục thứ hai

gồm những bài văn dịch, dịch đích-danh hay biên-dịch. Có nhiều bài dịch-giả ghi rõ tên tác-giả và tên bài dịch, song nhiều bài dịch-giả không tham-chiếu rõ-rệt, chỉ nói là dịch hay biên-dịch. Thực ra nhiều bài có thể nói là biên-khảo, chứ không hẳn là biên-dịch: 3) Mục thứ ba chúng tôi đặt là mục « Nam-Phong », bởi vì ký tên đó, hoặc không ký tên chi cả, tỉ như trong mục « Thời-đàm ». Trong thời-kỳ Phạm - Quỳnh làm chủ-bút thì hẳn phải do ông soạn, trừ khi người khác thay-thế ông, khi ông đã vào Kinh, ngày 7 tháng 11 năm 1932. Tuy nhiên, để hiểu-biết về sinh-hoạt của tờ Nam-Phong, chúng tôi cũng ghi bài của Đông-châu cáo-chung tờ tạp-chí trừ-danh trong mục này, ngày 16 tháng 12 năm 1934, số cuối cùng; 4) Mục thứ bốn, chính là phần Pháp-ngữ, gồm những bài Phạm-Quỳnh biên-soạn bằng Pháp-văn (Coi : Phần Pháp-ngữ).

Như chúng tôi đã nói ở trên, trong phần các tác-giả, chúng tôi đã ghi theo thời-gian. Muốn xem tác-giả đã soạn về những bộ-môn nào, chúng ta có thể lần theo Mục-lục Bộ-môn ở dưới đây để tìm biết. Thực ra Phạm-Quỳnh đã viết về rất nhiều đề-tài khác nhau, từ triết-học sang văn-học, từ chính-trị đến xã-hội, ngôn-ngữ, kinh-tế... Như nhiều tác-giả đã nhận thấy, giá-trị trường-cửu của Thượng-chi không ở những bài giới-thiệu học-thuật tư-tưởng Âu-châu, nhất là Pháp-quốc, mà chính là ở những bài khảo-cứu về văn-học, ngôn-ngữ, văn-tự nước nhà. Dĩ-nhiên trong khi dịch-thuật những tác-phẩm nước ngoài, dịch-giả đã chịu tìm-tòi danh-từ, ngữ-vựng để có thể diễn-đạt được trong tiếng mẹ đẻ của mình, điểm đó chúng ta cũng đã nhận thấy. Sự làm giàu cho tiếng Việt là một trong những sự nghiệp văn-học của Phạm-Quỳnh. Tuy nhiên chúng tôi lưu-ý độc-giả tới một nhận xét của của chúng tôi về Thượng-chi như sau.

Trước hết cái trực-giác sâu-sắc nhất của tác-giả chúng ta đang bàn tới, đó là nêu lên địa-vị ưu-tiên của chữ quốc-ngữ trong văn-học và sự học của chúng ta. Về điểm này, tác-giả đã công-bố ngay trong những năm đầu viết văn của ông, như trong những bài : *Cái vấn-đề giáo-dục ở nước Nam ta ngày nay*, số 12, tháng 6/1918; *Tiếng Annam có cần phải hợp-nhất không ? Đứ nên làm tự-điền Annam chưa ?* số 18, tháng 12/1918. Rồi lần-lượt,

chúng ta thấy đề-cập tới vấn-đề dùng chữ nho trong chữ quốc-ngữ (số 20, tháng 2/1919), vấn-đề bộ Việt-âm tự-điền (số 74, tháng 8/1923), vấn-đề học cổ-điền Hán-tự (số 88 tháng 10/1924), việc học Hán-Việt văn-tự (số 107, tháng 7/1926), khảo về chữ quốc-ngữ (số 122, tháng 10/1927), lại về việc cổ-học Hán-tự (số 132, tháng 8/1928)...

Rồi trong mấy năm sau cùng của đời nhà văn, trước khi ra «*làm quan*» lo việc chính-trị, chúng ta thấy tác-giả có những bài rất đặc-sắc chung quanh vấn-đề văn-học. Những năm này là những năm 1930-1932. Trong bảng Mục-lục, chúng tôi có trích nhiều đoạn, nhiều câu rất ý-nghĩa như độc-giả sẽ thấy. Bắt đầu những bài thuộc loại này là bài tác-giả trả lời bài phê-bình của Phan - Khôi đăng trong «*Phụ-nữ tân-văn*» (NP 152). Trong bài này, ông lên tiếng xét xem nước nhà đã có những sự-nghiệp văn-học nào vĩ-đại khả dĩ sánh cùng Âu-Á, cũng như tác-giả phê-phán về cái lối học hiện-đại thế nào: những lời lẽ ngày nay vẫn còn giá-trị, một giá-trị rất thời-sự. Rồi tới những bài như : *Bảo-thủ và tiến-hoá* (NP 156), *Bàn về quốc-học* (NP 163), *Luận về phương-pháp* (NP 163), *Quốc-học với Quốc-văn* (NP 164), *Quốc-học với chính-trị* (NP 165), *Nhà nho* (NP 172), *Chuyện tâm-tinh* (NP 172) là những bài rất dồi-dào tư-tưởng và có màu-sắc thâm-thúy đặc-biệt. Tiếc rằng sau đó, nghĩa là từ khi vào Kinh, tác giả không soạn được bài nào thuộc về văn-học tư-tưởng như hồi còn làm chủ-bút Nam-Phong, trừ mấy lời đáp lại một cuộc phỏng-vấn đăng trong số 189, tháng mười năm 1933, một bài cho chúng ta biết về sự nghiệp của tác-giả qua chính những lời tác-giả ngỏ cùng toà báo «*Impartial*».

NGUYỄN-HỮU-TIẾN

Nguyễn - Hữu - Tiến, hiệu Đông - châu, làm công - việc giới - thiệu văn-học Trung - hoa cũng như Phạm - Quỳnh giới thiệu văn học Pháp-quốc. Ông là người được chứng kiến mệnh-một Nam-Phong và chính ông là người đã cáo chung tờ tạp chí mà ông đã cho ra mắt độc-giả bằng *Mấy nhời nói đầu*.

Trừ một ít bài về văn-học Việt-Nam có giá-trị như *Nam-âm thi-văn khảo-luận* (NP 14), *Nam-âm thi-thoại* (NP 26), *Khảo về câu đối năm* (NP 102), *Việt-nam từ-quốc túy-ngôn* (NP 169), *Thơ mới với thơ cũ* (NP 193), chúng ta còn thấy một ít bài khảo-cứu khác về âm-nhạc (NP 30), về y-học (NP 31), về các danh-nhân, danh-nho, danh-thần, danh lam thắng cảnh và bài khảo về « Đại-việt sử-lược » của Lê-Văn-Hưu (NP 83). Ngoài ra, sự nghiệp của Đông-châu thuộc về loại văn dịch từ Hán-văn.

Trước hết phải kể bản dịch trường-hoai về bộ tiểu-thuyết cổ *Linh nam dật-sử*, từ số 52 và nhất là bộ *Vũ-trung tùy-bút* của Phạm-Đình-Hồ, từ số 121.

Sau đó những bài về văn-học Trung-Hoa, về lịch-sử luân-lý nước Tàu, Văn học nước Tàu, Nguyên-lưu chữ Tàu, Mẹo văn Tàu, các lối văn Tàu, Lịch-sử nước Tàu, câu đối chữ Hán, Học-thuật tư-tưởng nước Tàu, Luân-lý học-sử nước Tàu, lịch sử Phật-giáo nước Tàu, Một bậc cao-sĩ nước Tàu. Trong số những bài dịch này, phải kể hai tác-phẩm : *Mạnh-tử quốc văn giải-thích* từ số 78, đến số 126 thì có sự cộng-tác của Nguyễn-Đôn-Phục (Tùng-vân) và *Luận-ngữ quốc-văn giải-thích* từ số 165.

Ngoài ra tác-giả cũng giới-thiệu mấy nhân-vật quan-trọng trong học-thuật tư-tưởng Trung-Hoa như Khuất-Nguyên, Vương-Dương Minh, Tư-Mã Quang, Tô-Đông-Pha.

Như các nhà khảo-cứu văn-học Việt-Nam đã nhận xét về Đông-châu : nếu với nền Pháp-văn thịnh-hành ở nước ta, người ta ít chú-trọng đến những bài giới-thiệu văn-học Thái-tây của Phạm - Quỳnh thì với nền Hán-học suy-vong, người ta càng cần đến những bài dịch khảo-cứu về học-thuật và tư-tưởng nước Tàu. Phải chăng đó là khía-cạnh có thể trường-tồn được của Nguyễn-Hữu-Tiến ?

NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT

Nghi đến Nguyễn-Trọng - Thuật, hiệu Đò-nam hay là Đò-nam-tử, chúng ta thường nghĩ đến cuốn tiểu-thuyết tiên-phong của Văn-học-sử cận đại Việt-Nam : *Quá đura đó*. Thực ra sự-nghiệp của tác-giả còn vẻ-vang hơn thế nhiều, tuy không phong-phú bằng Đông-châu.

Về văn-học Việt-Nam, tác-giả đã bàn về thơ hay văn ngụ-ngôn (NP 116). Chính ông cũng đã soạn một số thơ theo thể đó (Coi : phần Văn-vấn). Ông cũng nói về truyện Kiều (NP 115), về gia-đình giáo-dục... Về vấn đề sử-địa ông cũng góp được nhiều bài như : Nguyễn-Trường-Tộ, Danh nhân Hải-dương, từ số 151, Cự Lãn - Ông, từ số 69, Ngũ-hành-son... Về tôn-giáo, ông đã bàn về sách Khoa-hư (NP 189) và nhất là Phật-giáo tân-luận, từ số 208. Về tác-phẩm dịch, người ta phải kể : Xuân-thu tả-truyện, từ số 127.

Điều chúng tôi lấy làm lý-thú hơn cả đó là ý-kiến của ông trong vấn đề tân-cựu, mới cũ, cái học xưa và nay. Chúng ta biết rằng vào năm 1930, bắt đầu đặt Vấn-đề quốc-học. Theo ông Lê - Dư thì nước ta có quốc-học, nhưng theo ông Phan - Khôi thì không. Vậy tác-giả, trong một bài diễn-văn đọc tại Hội Trí-Tri Hải-dương đã lên tiếng dằn xép và phân-biệt có không, không có thế nào. Chúng tôi thiết nghĩ có lẽ vì đó mà bắt đầu tác-giả đứng ra «phản công» đối với giới tân-học. Chúng tôi có thể nói : trong mấy năm đầu, trào-lưu mới thắng thế, phái cựu-học chịu yên-phận đề nhường bước. Nhưng sau chừng một ít năm, thấy trong đám tân-học chưa sáng-kiến hay có một phương-pháp tiến-thủ khả-quan nào, cho nên phái cựu khởi công phản-kháng, đứng hơn lên tiếng cảnh-cáo. Trong bài *Cùng ai trong ban Tây-học* (NP 182), Đò-nam kết-án : «Bất kỳ Nho-học Tây-học, nếu là cái học hủ-bại thì đều đáng trách cả». Cho nên tác-giả đã như đề-nghị một chương-trình học mà ngày nay chúng ta đọc lại vẫn thấy còn giá-trị thời-sự (NP 191).

Sau cùng có một bài nói trắng ngay ra cái học từ-chương, khuyên-sáo của phái Tây-học ngày nay đã được đăng trong số 192, vào đầu năm 1934. Chúng tôi có cảm-tưởng đây là chóp đỉnh cuộc tranh-luận tân-cựu đã ngấm-ngàm hay công-khai khởi-sự từ ít lâu nay. Theo tác-giả thì không có hy-vọng

ở phái Tây-học, bởi vì ngày xưa, học nô-lệ thiếu sáng-kiến, nhưng được đạo-lý; còn ngày nay có lẽ lại đi vào lối xưa mà kém đạo-lý !

Đề biết đầy-đủ về tác-giả, chúng ta còn phải chú-ý tới cuộc bút-chiến nhỏ hẹp giữa ông Tứ-ly, biệt-hiệu của Nguyễn-Tường-Tam và Nguyễn-Trọng-Thuật, chung quanh một câu dịch từ sách *Luận-ngữ* (NP số 199 và 201-202). Nhưng qua hai nhà văn, người ta có thể nhìn thấy hai tạp-chí Phong-Hóa và Nam-Phong, Tân và Cựu chẳng ? Bởi vì có lẽ đã đến thời Nam-Phong trở nên cũ, trở nên già và một thế-hệ mới đang lên !

NGUYỄN-BÁ-HỌC

Nguyễn-Bá-Học chỉ viết cho Nam-Phong trong một thời-gian ngắn, 1918-1921, nhưng ông đã gây cho mình một tên tuổi trong nhóm.

Trước hết ông là người viết truyện ngắn : *Câu truyện gia-đình*, *Ông Lý - Chấm*, *Có gan làm giàu*, *Tạp-trở*, (NP 33), *Chuyện có Chiêu-Nhì*, *Câu chuyện một tối tân-hôn*, *Một nhà bác-học* (hoạt-kê tiêu-thuyết).

Nhưng người ta còn được biết và mến Nguyễn-Bá-Học như một nhà đạo-đức giảng luân-lý. Về điểm này, phải kể *Lời khuyên học trò* đăng trong ba số 24-26, gồm 32 phụ-đề về những đức-tính của học-sinh; rồi đến *Bàn về chức-phận các thầy giáo tiểu-học* (NP 25).

Phụ-thuộc vào vấn-đề đạo-đức, còn có vấn-đề giáo-dục. Nguyễn-Bá-Học đã bàn-giải về tự-do kết-hôn, về gia-đình giáo-dục (NP 28 và 34-35), việc cải-lương hương-thôn, việc nữ-học, vệ-sinh trong xã-hội, việc hành-lạc trong hương-thôn. Và sau cùng chúng tôi có thể nói: tác-giả của chúng ta đã bắt đầu chú-trọng đến vấn-đề kinh-tế, kinh-tế có ảnh-hưởng đến trình-độ văn-học, tư-cách, giáo-dục của một nước. Về loại này, chúng ta có : *Bàn về tiết-kiệm*, *Chí-phú cầm-nang*, (Phép làm giàu), nhất là *Yếu-lược về kinh-tế-học* (NP 45-46).

Sự nghiệp của Nguyễn-Bá-Học rất có thể còn sáng tỏ hơn nữa, song tiếc thay ông đã mất sớm vào tháng 8 năm 1921.

NGUYỄN-ĐÔN-PHỤC

Tác-phẩm của ông Nguyễn-Đôn-Phục, hiệu Tùng-vân, không đời nào bằng Đông-châu, nhưng tương-tự như vậy, và đa số là những bài hay sách dịch từ Hán-văn. Chúng ta biết chính Tùng-vân đã cộng-tác với Đông-châu dịch Luận-ngữ. Ngoài ra, về tác-phẩm dịch, phải kể : Tây-thi diễm-sử, Chồng-tôi (Dư chi phu), Nhất nộ vị hồng nhan, Tám gương tình, Quí-phi diễm-sử. Về văn-học Trung-hoa, Nguyễn-Đôn-Phục có soạn: về lịch-sử nước Tàu, Lịch-sử học-thuyết Vương-Dương-Minh, Danh-nho nước Tàu, bàn về Lương-Khải-Siêu, Đàn bà Đông-phương.

Về sáng-tác, có thể kể một số *hài-văn* khảo-luận về cách *hài-văn*, nhất là bài khảo cứu về cuộc *hát á-đào*, bài còn giá-trị lâu dài.

Cũng như những người trong nhóm, ông chủ - trương lấy quốc ngữ làm phương - tiện diễn-đạt tư-tưởng học - thuật. Ông cũng nhận thấy địa-vị của quốc-văn (coi bài : *Văn-đề quốc-văn*. số 126), mà ông viết năm 1928. Có lẽ cũng như Đờ-nam, ông bắt đầu nghi tới nguy-cơ của một nền tân-học hủ-bại, và trở lại với một thái-độ ôn-hoà hơn, thẳng băng hơn, không quá khinh bọng cựu-học như mấy năm về trước, trong buổi giao-thời, cũng không quá suy-tôn bọng tân-học, trái lại tân hay cựu đều không đáng ghét, chỉ ghét nguy-tân, nguy-cựu mà thôi (Coi bài : *Phái nhà nho khoảng ba mươi năm nay đối với sự học cũ*, NP 195).

Sau cùng, cũng như Nguyễn - Trọng - Thuật đã lên tiếng chỉ trích Nguyễn - Tường - Tam, thì Tùng-vân cũng phê-phán gắt-gao về lời thơ mới trong bài : *Giải-thích về nghĩa bất-học vô-thuật* (NP 192). Cho nên, với cuộc bút-chiến giữa Đờ-nam và Tứ-ly, với lời khích bác thơ mới, vào năm cuối cùng của Nam-Phong, 1934, chúng ta đã nhận thấy sự sụp-đổ sắp tới của Nam-Phong đề như thế nhường bước cho một trào-lưu mới.

Sau năm nhà văn chủ-chốt của Nam-Phong (*Vũ-Ngọc-Phan* phân-tích bảy tác-giả : Phạm-Quỳnh, Nguyễn-Bá-Học, Phạm-Duy-Tốn, Nguyễn-Hữu-Tiến, Nguyễn-Trọng-Thuật, Đông-hồ và Trương-Phổ ; hai ông *Chu-Đặng-Sơn* và *Trần-Việt-Sơn* chỉ khảo-cứu có bốn : Phạm-Quỳnh, Nguyễn-Bá-Học, Nguyễn-Trọng-Thuật và Nguyễn-Hữu-Tiến ; còn ông *Nguyễn-Duy-Diển* cái đề-cập tới có ba : Phạm-Quỳnh, Nguyễn-Bá-Học và Nguyễn-Trọng-Thuật, trong các sách *Luận-đề về Nam-Phong* của các ông) , chúng ta còn phải chú-trọng tới mấy nhà văn đã có một màu-sắc riêng làm cho Nam-Phong được phong-phú và tiên-phong trong nhiều thể văn hay sắc-thái. Đó là Bà Trương-Phổ với : *Giọt lệ thu, Một giấc mộng, Mỗi thương tâm của người bạn gái, Bức thư rơi, Tặng bạn chân đời* ; Phạm-Duy-Tốn với chỉ có ba « tả-chân tiểu-thuyết » hay truyện ngắn đặc-biệt : *Sống chết mặc bay, Con người sờ-khanh, Nước đời lấm nổi*.

Trước khi chấm dứt mấy lời tổng-quát về mấy nhà văn tiêu-biểu cho nhóm Nam-Phong chúng tôi nói sơ-qua về mấy tác giả khác, trong giai-đoạn này, đã đề cập tới chữ quốc-ngữ và những cố-gắng dành cho nó một địa-vị như chúng ta có ngày nay.

Ông Dương-Quảng-Hàm chỉ viết có một bài Bàn về tiếng An nam (NP 22), năm 1919, song trong bài đó ông đã nói về việc dịch các danh-từ mới ra quốc-ngữ và than phiền một câu rất thấm-thía về sự sao-lãng việc nghiên cứu văn-tự nước nhà (coi : Mục-lục). Ông Lê-Thăng cũng chỉ viết có hai bài, trong đó có một bài bàn về *Tiếng Nam* trong đó ông hô-hào dùng tiếng Việt trong hết mọi ngành hoạt-động, văn-hoá, pháp-luật, chính-trị. Ông cũng phàn nàn về sự thiếu tự-tin, tự-đại, của người mình đối với tiếng của mình (NP 160). Người có tâm-quyết đặc-biệt với quốc-văn, tiếp tới, đó là Lê-Dư, hiệu Sờ-cuông. Ông đã soạn mấy bài nói về văn-học Việt-Nam như : *Chữ-nôm với quốc-ngữ, Quốc - âm thi-văn từng-thoại, Nguồn-gốc văn-học nước nhà, Ca-vũ và âm-nhạc nước nhà, và Phật-giáo yếu-lược*.

Sau cùng, chúng ta phải dành riêng nghiên-cứu về Thi-sĩ Đông-hồ Lâm-Tấn-Phác với tổ-chức « Trí-đức Học-xá » do ông khởi-xướng. Với Đông-hồ, người ta được biết về cảnh-vật Hà-tiên, bài khóc vợ rất lâm-li thống-thiết của ông (*Linh-phượng*, NP 128). Ông cũng diễn thuyết về quốc-văn, về truyện Kiều. Việc ông hoạt-động cho quốc-văn vào buổi đầu thành-hình nền quốc-ngữ thật là đáng khen, nhất là với ảnh-hưởng của ông, Trí-đức học-xá đã ra đời với những nhà văn như Trọng-toàn Nguyễn-Văn-Kiểm, Trúc-Hà, Mộng-Tuyệt.

Ông Trọng-Toàn đã viết một bài về ông, nhan-đề *Một người có công với quốc-văn* : ông Đông-Hồ, đăng trong Nam-Phong số 173 tháng 6 năm 1932.

Đề kết ở đây, chúng tôi lấy Nguyễn-Văn-Kiểm, người đất Hà-tiên, làm chứng-nhân cho công-cuộc của Phạm-Quỳnh và nhóm Nam-Phong. Có thể nói Nguyễn-Văn-Kiểm là người miền Nam nước Việt hưởng-ứng nhiệt-liệt nhất, hăng-hái nhất đối với Nam-Phong. Đối với ông, Phạm-Quỳnh là người đi tiên-phong trong vấn-đề suy-tôn quốc-văn. Trong bài : *Ý kiến người trong nước về vấn-đề quốc-văn* ông đã trích ra rất nhiều câu nói của chủ-bút Nam-Phong. Trong một bài khác cũng về vấn-đề quốc-văn ông có trưng ra nhiều lời khác thu-tập trong nhiều tạp-chí trong nước và ngoài nước. Bàn về truyện Kiều, ông đã nêu ra một lời danh-tiếng của Thượng-chí :

« Có gì mà sợ,
Có gì mà lo...
Truyện Kiều còn, tiếng ta còn,
Tiếng ta còn, nước ta còn... »

Chính Nguyễn - Văn - Kiểm cũng viết hai bài nói về thân - thể và sự-nghiệp Phạm tiên - sinh (NP 174 và 188). Sau cùng bàn về việc *Bảo-tồn nam-ngữ*, ông đã trích câu nói của Phan - Kế - Bình trong bài tựa sách *Tam-quốc chí diễn-nghĩa*, rằng : « Nước Nam ta mai sau này hay dở cũng ở như chữ quốc ngữ » một câu danh tiếng mà ông đã lập lại một lần nữa trong bài « Học quốc văn », song song, với lời ông nói lên :

“ Nước Nam chỉ có quốc-văn là quý-báu hơn cả ” (NP 149, tr.311).

Thực ra câu nói sâu-sắc như một lời tiên-tri, một sấm-ngôn của ông Phan-Kế-Bính đã trở nên phù-thông và chạy trên nhiều cửa miệng, ông Trúc-Hà trong bài *Quốc-văn đối với công-dụng và thời gian* cũng nhắc lại nguyên-văn. Và trong một bài khác, ông đã coi lời đó như một “lời di-ngôn của một bậc tiền-bối” (NP 176, tr.284).

Phạm-Quỳnh trong bài «Khảo về chữ quốc-ngữ» năm 1927, số 122, có nói khác đi đôi chút rằng : «Tôi tin rằng hậu-vận nước Nam ta hay hay dở là ở chữ quốc-ngữ, ở văn quốc-ngữ...».

II. — MỤC-LỤC THEO BỘ-MÔN

Sau khi thiết-lập xong phần *Mục-lục theo tác-giả*, chúng tôi đã do-dự rất nhiều khi bắt vào phần hai về *Mục-lục theo Bộ-môn*. Tuy nhiên, cuối cùng, chúng tôi đã quyết-định và thi-hành.

Trong phần *Mục-lục theo bộ-môn* này chúng tôi xếp thành 14 đề-mục :

- 1) Nam-Phong, Báo-chí
- 2) Triết-học
- 3) Tôn-giáo
- 4) Xã-hội
- 5) Chính-trị
- 6) Kinh-tế, Pháp-luật
- 7) Giáo-dục
- 8) Phong-tục
- 9) Ngôn-ngữ
- 10) Khoa-học
- 11) Mỹ-thuật
- 12) Văn-học
- 13) Lịch-sử
- 14) Du-ký.

Đĩ-nhiên, tất cả các đề-mục đều không quan-trọng bằng nhau, như chúng tôi sẽ vẫn-tắt đề-cập tới từng mục sau đây. Đề giản-tiện-hóa trong cách ghi, chúng tôi trước hết đặt một số cho mỗi nhan-đề, rồi chính nhan-đề đầy-đu hoặc giản-lược, cuối cùng chúng tôi chỉ biên có số tạp-chí và số trang mà thôi. Đề biết tường-tận hơn, độc-giả có thể tìm lại trong Mục-lục

các tác-giả, bởi vì ở đó, chúng tôi viết tỉ-mỉ hơn. Nếu bài nào được đăng trong nhiều số thì chúng tôi chỉ chép có số đầu và và viết tắt «Coi : Mục-lục các tác-giả» (MLTG). Hẳn còn có những vụng-về bởi chính do-dự của bài, nghĩa là bài đó có thể xếp vào bộ-môn này hay bộ-môn kia được, chúng tôi hy-vọng chư-vị chỉ-bảo cho, chúng tôi thành-thực cảm ơn trước. Sau đây là tổng-quát các đề-mục và bộ-môn.

I.— NAM-PHONG

Ngay đầu bảng Mục-lục theo Bộ-môn, chúng tôi đặt mục «Nam-Phong» xếp theo thời-gian từ số 1 đến số chót 210. Nhìn vào đó, chúng ta thấy tất cả một lịch-sử sống-động, từ lúc khai-sinh (*Mấy nhời nói đầu của Phạm-Quỳnh*) đến khi khai-tử (*Tổng-luận sự-nghiệp Nam-Phong của Đông-châu Nguyễn-Hữu-Tiến*) qua những năm mới, những tuổi mới, những đời-thay lớn lao nhất và quan-hệ nhất như mọi người đã nhận thấy, chính là việc «vô Kinh» của Phạm-tiên-sinh. Người ta lấy làm lạ rằng Nam-Phong đã bắt đầu bằng việc hô-hào dùng quốc-ngữ và quốc-học làm nền-tảng với cây bút có một không hai là Phạm-Quỳnh, song Nam-Phong đã kết-thúc bằng người kế chân như chỉ quen viết Pháp-ngữ : Ông Nguyễn - Tiến - Lãng. Người ta có cảm-tưởng như Nam-Phong đã là dấu nối giữa văn-hóa cũ, Hán-học và văn-hóa mới, Pháp-ngữ. Việt-ngữ có thể chỉ là cái dấu nối đó. Lớp Hán-học sẽ tàn dần, không phải để rồi thay-thế bằng lớp người có tâm-huyết với Quốc-học, quốc-ngữ, song bằng một lớp người chỉ tôn-trọng Pháp ngữ và khinh thường Việt-ngữ. Mĩa-mai thay ! Công-cuộc giáo-hoá của người Pháp hình như đã đạt tới mục-đích : hạ-bệ Hán-học để suy-tôn Pháp-học. Nhưng may thay, dưới chân trời văn-học nước nhà thời đó, trong khi Nam-Phong sắp lặn ở phương trời Tây thì một mặt trời mới đang lên ở rặng-đông đất nước, đó là nhóm «Phong-hoá» và những luồng tư-tưởng mới. Nam-Phong đã chết, mặc dầu những cố-gắng của những cây bút cố-hữu như Đông-ckhâu, Tùng - vân, Đờ - nam. Cái tài văn-hoa Tây-phương như Hán - thu Nguyễn - Tiến - Lãng cũng không thể cầm hơi cho nó được. Nam-Phong đã làm tròn sứ-mệnh lịch-sử của nó, Nam-Phong nay đã thuộc về lịch-sử, một lịch-sử vẻ-vang nhưng không khỏi nhuộm màu bi-đát như cái cảnh bi-đát của chủ-bút tiên-khởi của nó.

II.— TRIẾT-HỌC

Về triết-học, chúng ta còn đang ở vào giai-đoạn mở đường. Tuy nhiên người ta phải đề ý tới hai tiêu-mục khá quan-trọng, một đàng hồi-phục hay phổ-biến nền triết-học Đông-phương, và đàng khác giới thiệu nền triết-học Tây-phương. Trong mục trên, hầu hết các bài đều là bài dịch do một nhà nho cụ-phách thời đó : Đông-châu NGUYỄN-HỮU-TIẾN. Người ta được biết tới những tư-trưởng học-thuật nước Tàu, triết-học nước Tàu cũng như những triết-gia và học-thuyết của Khổng, Mạnh, Lão, Trang, Vương-Dương-Minh... Ngoài ra, chúng ta còn thấy nhiều bài khảo-cứu của những nhà văn như TRẦN-TRỌNG-KIM, TÙNG-VÂN và NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT, vị sau này đã có công trong việc hồi-phục nền triết-học và tôn-giáo đức Thích-ca (Coi : Tôn-giáo).

Về mục Triết-học Tây-phương, chúng ta thấy PHẠM-QUỲNH giới-thiệu với chúng ta nền tư-trưởng học-thuật của Thái-tây, với những tác-giả tên tuổi thời đó như Gustave Le Bon, Henri Bergson, Auguste Comte, Descartes, Taine và Renan... Đây mới chỉ là những bài phóng-tác và dịch-thuật trong một phạm-vi nhỏ-hẹp mà thôi.

III.— TÔN-GIÁO

Không kể Khổng-giáo và Lão-giáo mà chúng tôi đã xếp vào mục Triết-học Đông-phương ở trên, Tôn-giáo ở đây được qui-tụ vào những tôn-giáo cổ-hữu của dân-tộc, nhất là Phật-giáo. Có ba bài dài của PHẠM-QUỲNH, của ĐÔNG-CHÂU và của NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT (Số 4, 8, 11). Các bậc cao-tăng, các ni-cô cũng được khảo-cứu tới

Sau Phật-giáo thì đến các nghi-lễ cổ-hữu của người dân Việt như hôn-lễ, tang-lễ, tế Giao, tế-tự... Tuy nhiên cũng có một bài giới-thiệu Hồi-giáo (bài số 31) của HỒNG-NHÂN, còn tuyệt-nhiên không có ai, không có bài giới-thiệu một tôn-giáo rất phổ-biến tại Âu-châu và trên thế-giới: Cơ-đốc-giáo, hay Thiên-chúa-giáo. Chúng tôi cố lượm lặt và tạm kể việc Giáo-hoàng ban bộ-tính cho Quận-công Nguyễn-Hữu-Bài (số 1) như một vết-tích Công-giáo. Chúng tôi tự hỏi: Phải chăng người ta đã làm việc sao-những lớn lao này vì cái tinh-thần bài-xích và phản-đối Cơ-đốc-giáo của Âu-châu đúng hơn Pháp-quốc, thời đó ?

IV.— XÃ-HỘI

Sau những bài tổng-quát và những bài mà chúng tôi tạm xếp vào tiêu-mục « Công-dân giáo-dục », chúng tôi thấy hiện lên mấy vấn-đề xã-hội chính-yếu của thời-đại này. Đó là vấn-đề hôn-nhân và gia-đình, việc cải-lương hôn-nhân trong giai-đoạn giao-thời Âu-Á, việc hiểu-biết chế-độ gia-đình cổ Việt-Nam, đề-rời thích ứng với tâm-tướng mới.

Vấn-đề hương-thôn và cải-lương hương-chính cũng là một vấn-đề quan-trọng trong những năm 1925-1935, nhất là tại Miền Bắc nước Việt-Nam. Tất cả các bài nói về vấn-đề này đã lên tới con số 32, bởi vì song-song với nó còn có vấn-đề kỳ-mục, vấn-đề lại-tệ, vấn-đề dân-mãn, học hành... Ở đây không những có bài về lý-thuyết mà còn có những bản dự-án hương-ước, những thí-nghiệm, những thực-hiện cụ-thể ở một vài diêm.

Vấn-đề phụ-nữ cũng là vấn-đề hệ-trọng trong buổi giao-thời, giữa hai nền văn-minh Âu-Á. Người ta đã đặt những tư-tưởng mới như nữ-quyền, nữ-học, cả đến việc cắt tóc ngắn cũng được nói tới. Có thể thêm « Phụ-nữ giáo-dục » với những đường lối giáo-dục mới: thư cho con gái du-học bên Tây, gái thời nay, vấn đề nữ-lưu, nữ-ngôn... Tại trường Mỹ-thuật Hà-nội, đã có một nữ-sinh cấp sách đi học mặc quần đen, để tóc đuôi gà và ruộm răng đen, trong khi đó vấn-đề « nhày dằm » đang được dư-luận phụ-nữ bàn-tán !

Sau vấn-đề phụ nữ, tới *vấn-đề quan-trường* và bậc thượng-lưu. Cuộc tranh-luận về chấn-chỉnh quan-trường do THÂN-TRỌNG-HUỆ đề-xướng, đã gây được một tiếng vang (số 3). Về bậc thượng-lưu trí-thức mới, bài của PHẠM-QUỲNH (số 19) « Chuyện tâm-tĩnh cùng người xuất-ngoại hồi-hương » là một điển-hình mà ngày nay vẫn có thể còn giá-trị thời-sự. Kể du-học trở về nước một đảng thấy mình hình như bị lạc-lông, « mất rễ », đảng khác họ cảm thấy như không muốn nhận thực-trạng của quê-hương xứ-sở.

Cuối cùng, thời đó còn đặt lên những vấn-đề khẩn-cấp như việc đê-chính và trị-thủy, việc cờ-bạc, nghiện rượu và thuốc sai...

V. — CHÍNH-TRỊ

Di-nhiên, chính-trị thời này là *chính-sách thực-dân* của người Pháp mà chính-phủ Nam-triều chỉ là thứ bù-nhìn và quan-lại là tay sai đắc-lực. Hãy xem những bài diễn-văn của chính-quyền nơi những vị toàn-quyền, thống-sứ thì rõ. Tờ Nam-Phong là cơ-quan gần như chính-thức của chính-phủ Bảo hộ lúc đó dĩ-nhiên phải là phản-ảnh của đường-lối chính-trị thực-dân. Chúng ta được biết rằng toà báo đã được đặt trong « Phủ toàn-quyền » và một trong ba sáng-lập-viên là một người Pháp, Louis Marty, cố-vấn chính-trị (?) sau này được bổ-nhiệm khâm-sứ Ai-lao. Chúng ta có thể đọc bài diễn-văn của toàn-quyền Albert Sarraut đăng trong số 23 tháng 6 năm 1919 và chúng ta sẽ thấy chính-sách thực-dân được che đậy khôn-khéo thế nào.

Về phía *chính-trị Nam-triều*, việc quan-trọng nhất có thể là việc Bảo-Đại hồi-loan và việc sửa-đổi hay là cuộc cách-mạng không đổ máu trong triều ngày 2 tháng 5 năm 1933. Ngoài ra, viện Dân-biểu Trung-Kỳ và Viện Dân, biểu Bắc-Kỳ cũng là những bước tiến trong đường lối chính-trị. Người ta nói tới một thể-chế quân-chủ lập-hiến, việc thành-lập các chính-đảng, nhưng tất cả dưới quyền tối-cao của thực-dân (!). Thực-ra, ra ngoài hẳn khuôn-khò của chính-quyền thực-dân cũng như Nam-triều, ra ngoài cả phương-tiện văn-học do thực-dân chỉ-huy, người ta thấy những phong-trào quốc-gia hùng-mạnh trong bóng tối, và thỉnh-thoảng đã có những biến-động hay bạo-động làm áy náy nhà cầm quyền Bảo-hộ.

Trong mục *chính-trị ngoại-quốc*, người ta đã đề-cập tới nhiều nước quật-cường và canh-tân như nước Nhật với quân-chủ lập-hiến, nước Thổ-nhĩ-kỳ với Mustapha Kémal... song gương những nước đó không thể làm nổi lên một phong-trào chống thực-dân và cải-cách đất nước được. Chính thực-dân và tư-lợi của những tai sai là những chướng ngại vật quá lớn lao

VI. — KINH-TẾ

Có lẽ là lần đầu tiên, chúng ta thấy viết bằng quốc-ngữ những khảo-luận về *kinh-tế-học*. Điều đặc-biệt hơn cả, có lẽ sự sáng suốt của nhà văn NGUYỄN-BÁ-HỌC. Ông này không những viết chuyện ngắn, giảng luân-lý, song cũng đề ý tới cách làm giàu (Chỉ-phú cầm nang) khảo-cứu về kinh-tế-học. Người

ta bắt đầu bàn về kỹ-nghệ, kỹ-sư, việc công-thương, về ngân-hàng, về tiền-tệ, về nông-nghiệp. Người ta đã nhận ra mối lợi đồn cả vào người Trung-Hoa và cò-võ việc hùn vốn đi buôn cạnh-tranh với người Tàu. Ông Bạch-Thái-Bưởi đã là người độc-nhất thời đó nổi tiếng là kinh doanh vi-đại cạnh những thương-gia lớn nhất người Trung-Hoa. Hơn một lần tờ Nam-Phong nói tới ông và coi ông như tiêu-biểu cho đường lối công-thương Việt-Nam. Nhưng trong số người Việt, trường-hợp ông Bạch-Thái-Bưởi chỉ có một. Một đàng sức tiến mãnh-liệt của các thương-gia Tàu, đàng khác chính-sách kinh-tế của thực dân Bảo-hộ không cho phép người Việt tinh-ngộ và nắm vững nền kinh-tế quốc-gia trong tay. Cho nên, tất cả những trục kinh-tế lớn đều ở nơi người Pháp và người Tàu. Chúng tôi tự hỏi có phải vì thế mà các nguồn lợi đều dồn vào người Pháp và người Tàu, còn người Việt chỉ còn là những tiểu-ông-chức phục-vụ cho chính-quyền Bảo hộ mỗi tháng lãnh một số lương ít nhiều tùy tiện. Thắng hoặc có kinh-doanh, trong phạm-vi nhỏ-hẹp của tiểu-thương, tiểu-công-nghệ ?

Những bài về *pháp-luật*, tương-đối ít ỏi, tất cả chừng hơn 10 bài. Người ta đề ý tới việc giải-thích hiến-pháp vạn-quốc, khảo-cứu Luật-học, nhất là bàn về Bộ Luật mới áp-dụng cho Bắc-kỳ, bộ Dân-luật. Người ta cũng nói đến luận-án của TRẦN-VĂN-CHƯƠNG, ông nghề Tây mới du-học Pháp-quốc.

VII.— GIÁO-DỤC

Trong mục «*Xã-hội*», chúng tôi đã xếp tiểu-mục về *công-dân giáo-dục* và *vấn-đề phụ-nữ*, ở đây chúng tôi thấy có mấy vấn-đề nổi bật lên trong giai-đoạn này, đó là phong-trào lập các *Ấu-tri-viên*, *vấn-đề gia-đình giáo-dục* và *phụ-nữ giáo-dục*.

Việc học trong dân-gian cũng là vấn-đề khàn-cấp. Chúng ta đã biết mấy bài đạo-đức hay giáo-dục của NGUYỄN-BÁ-HỌC như «*Chức phận các thầy giáo...*», «*Lời khuyên học trò*». Nhưng chúng ta còn phải chú-trọng đến việc cải-cách học-chính đề-cập nhiều lần trong tạp-chí, thực-hiện sau khi Phạm - Quỳnh vào Kinh giữ chức Thượng-thư bộ giáo-dục

quốc-dân. Tuy nhiên, vẫn trong khuôn-khò của một nước bị trị, ngành giáo-dục vẫn chưa được phát-triển đúng đường lối của một quốc-gia chân-chính.

VIII. — PHONG-TỤC

Thực ra, mục này không có gì là phong-phú : một vài thói tục của người mình như cách ăn mặc, cái lạy, mấy nghi-lễ bỗ-túc cho mục tôn-giáo, mấy phong-tục xấu của mình, phong-tục của một vài địa-phương, của người Mường hay đồng-bào thiểu-số. Thêm vào đó có một số bài về phong-tục các nước như Ai-lao, Cao-ly, Eskimô, Tàu, Xiêm...

IX. NGÔN-NGỮ

Đây mới là công-cuộc trường-tồn và giá-trị của Nam-Phong. Bởi vì Nam-Phong lấy tôn-chỉ sử-dụng quốc-tự, quốc-ngữ làm phương-tiện truyền - đạt tư - tưởng học-thuật, nên vấn-đề ngôn - ngữ - học là vấn-đề then-chốt. Và cũng là một bước tiên-phong, nên nó có một giá-trị lịch-sử bền-bì đối với chúng ta ngày nay. Thực ra sau gần nửa thế-kỷ, những đề-tài được Nam-Phong bàn-giải, vẫn còn phải được chúng ta ngày nay tiếp-tục hoàn-bị-hoá : nó vẫn còn giá-trị thời-sự. Đó là những vấn-đề như danh-từ hoá-học, địa-dư, chính-trị, pháp-luật, vấn-đề tự-diễn, vấn-đề một Hàn-lâm-viện.

Đặc-biệt, trong buổi giao-thời, chúng ta sung-sướng đọc những bài nói về địa-vị chữ Hán trong quốc-tự hay quốc-ngữ, Hán-tự sẽ và còn là nguồn phong - phú cho văn-tự nước nhà tựa như La-ngữ trong Pháp-ngữ. Một ngày kia, những nhà chuyên-môn Hán-tự có lẽ sẽ chỉ còn là thiểu-số, nhưng mỗi người học-sinh cấp sách đến trường, mỗi người dân nước Việt không thể nào không dùng những chữ mà chúng ta có thể gọi được là những chữ Hán-Việt. Người thông Hán-tự sẽ thấu suốt từ-ngữ mình dùng hơn, chưa kể những tác-phẩm cổ-cựu bằng chữ nho của nước ta mà những sử-gia chân-chính không thể nào sao-nhãng đi được.

Chúng tôi phải nói nhiều về mấy tiêu-mục thiết-yếu như vấn-đề *Quốc-học*, *Quốc-ngữ*, *Quốc-tự*, *Quốc-văn*, nhưng trong phạm-vi tổng-quát của bài này, chúng tôi không thể bàn-giải hết được. Đây là những đề-mục lý-thứ và trường-tồn nhất của tờ Nam-Phong, theo thiên-ý chúng tôi. Không những chúng có một giá trị thuộc lịch-sử, mà còn giữ một địa-vị thời-sự. Xin độc-giả coi đề-mục «Quốc-học, Quốc-ngữ, Quốc-văn». Thực ra vấn-đề quốc-ngữ không phải đã đạt tới thành công trong dễ dãi, trong thoả-thuận : một cuộc tranh-luận sôi-nổi đã khởi-công ngay trong số 16, trong đó nhiều người lỗi-lạc đã tham gia vào (Coi : *Quốc-ngữ*, số 36). Dầu sao, nếu ngày nay quốc-ngữ được trọng-dụng và trở thành quốc-tự, thì một phần lớn cũng là nhờ vào cái công khai-thác và điều-luyện của nhóm Nam-Phong, điều mà không ai có thể chối-cải. Chúng tôi hy-vọng sẽ có nhiều tác-giả rõ-ràng làm nổi địa-vị của nhóm này hơn nữa, đề không những làm sáng tỏ hơn một vấn-đề thuộc lịch-sử mà còn làm đà tiến cho công-việc thuộc hiện-tại và tương-lai.

X. — KHOA-HỌC

Mục khoa-học ở đây không có gì đặc-sắc, lượng cũng như phẩm. Có thể gọi là một thứ khoa-học phổ-thông mà thôi. Người ta giới thiệu bằng *tiếng mẹ đẻ* những phát-minh khoa-học như chớp bóng, điện-ảnh, phim-ảnh, điện-học, điện-tín, vô-tuyến-điện. Người ta nói về nghề hàng không, về sao băng, sấm sét, tàu ngầm, tàu bay... Có lẽ đề-tài thích-thú hơn cả chính là mấy bài khảo-cứu về thuốc nam, về nền y-học cổ-cựu của ta hoặc y-phái của nước ta. Ngoài ra còn có mấy kiến-thức phổ-thông về vệ-sinh và bệnh-tật.

XI. — MỸ-THUẬT

Nếu so về lượng thì mục này lại còn nghèo hơn mục Khoa-học, nhưng về phẩm thì hào-hứng hơn, bởi vì là những bài khảo-cứu về Mỹ-thuật cổ-hữu của nước nhà. Những bài *Cầm-học tâm - nguyên* của HOÀNG-YẾN vẫn còn giá-trị cho tới ngày nay, nhất là khi ít người biết chơi đàn cổ Việt-Nam. Bài *Hát á-đào* của Tùng - vân cũng vậy, nghĩa là vẫn còn là một tài-liệu quý đối với chúng ta ngày nay.

Đề phục-hồi những giá-trị cũ mà thời buổi mới có thể làm mai-một đi mất, người ta đã đề-nghị cho thành-lập những hội Hiếu-cổ, như Hà - thành Hiếu-cổ ở Hà-nội (kiểu như hội Cổ-đô Huế hiếu-cổ). Người ta cũng cổ-võ cho phong-trào mỹ-nghệ Việt-Nam. Về kỹ-thuật mới, có lẽ chỉ có một bài của VŨ-ĐÌNH-LONG về lối thủy-hoạ.

XII. — VĂN-HỌC

Đây là mục phong-phú hơn cả. Chúng tôi buộc phải phân-chia ra làm nhiều tiêu-đề-mục. Sau mục bàn-giải tổng-quát về văn-hoá, văn-học, văn-minh, hoặc so-sánh hai văn-hoá Âu-Á, chúng tôi xếp đặt tiêu-đề về các *thi nhân và văn-gia*. Các nhà văn lớp cũ như tác-giả *Chinh phụ ngâm*, *Cung-oán ngâm-khúc*, NGUYỄN-TRÃI... đã được nghiên-cứu tới, cũng như lớp nhà văn mới như ĐÔNG-HỒ: PHAN-KẾ-BÍNH. Người ta phải chú-trọng đến NGUYỄN-DU và truyện *Kiều*. Có thể nói đây là nhân-vật và tác-phẩm được suy-tôn hơn cả. Khởi-điểm chính là ngày lễ kỷ-niệm cụ Tiên-điền và những bài diễn-văn trong dịp này, có ông TRẦN-TRỌNG-KIM tham-gia tích-cực. Có thể đây là lần đầu tiên trong văn-học sử nước nhà, một tác-phẩm thơ-văn chữ nôm được trọng-quí, suy-tôn và phân-tích bằng những phương-pháp mới. Mục-tiêu duy-trì và cõ-động nền học cũ một phần nào đã được thực hiện ở đây.

Trong mục *Văn - phẩm*, chúng tôi xếp trước hết là các chuyện ngắn, với hai tiêu-thuyết dài, một «Linh-nam đặt-sử» do ĐÔNG-CHÂU dịch và một thuộc sáng-tác v) được giải-thưởng «Quả dưa đỏ» của Đồ-nam NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT. Sau đó tới những tiêu-mục «Truyện» dịch Pháp-văn, «Truyện» dịch Hán-văn. Chúng tôi cũng dành cho hải-văn hay hí-văn một tiêu-mục riêng. Mục «kịch, tuồng» cho chúng ta một ý-niệm về một loại mà có lẽ sau này càng thấy hiếm trong văn-học Việt-Nam. Mục «phê-bình sách» cho chúng ta thấy sơ-qua về những sáng-tác trong thời-kỳ đó,

Chúng tôi đặc-biệt lưu-ý tới mục *Văn-thê*, bởi vì ở đây chúng ta được biết tới việc học và việc thi-cử của ta xưa và nay, nhất là thời xưa, tỉ như việc thi đình, thi hội... Sau đó lần-lượt, chúng ta chú-trọng tới thi ca Việt-Nam. Những bài như Thi-ca Việt-Nam của PHẠM-QUỲNH, Nam âm

thi-thoại của CHƯƠNG-DÂN. Thi-văn tùng-thoại của SỞ-CUÔNG, là những tài liệu quý. Một văn-thê phong-phú và đặc-biệt Việt-Nam đó là các tục-ngữ-phong-dao, hay ca-dao, phương-ngôn, cách-ngôn đã được khảo-cứu tới. Chúng ta cũng nên tìm hiểu các văn-thê khác như câu-đối, hát tuồng, chèo, kịch, truyện cổ nước Nam...

Một loại mà chúng tôi gọi là *Văn-chương*, *Tùy-bút* đã kết-thúc đại-đề-mục Văn-học Việt-Nam. Mục này gồm tới hơn 120 bài. Chúng tôi đã cố xếp theo thứ-tự mẫu-tự của nhan-đề bài.

Hai mục về *Văn-học Pháp* và *Văn-học Trung-Hoa* đã đến đề bổ-túc cho những mục về Triết-học Tây-phương, Triết-học Đông-phương. Việc giới-thiệu văn-học Pháp thường là do Phạm-Quỳnh, còn phần khảo-cứu hay phổ-thông văn-hoá Trung-Hoa phần lớn do Đông-châu, Tùng-vân và Đồ-nam-tử.

XIII.— LỊCH-SỬ

Có lẽ trong thời-kỳ Đô-hộ Tàu, người Việt-Nam ít chú-trọng đến việc tìm-hiểu *lịch-sử nước nhà*, cũng như trong thời-kỳ Bảo-hộ Pháp, người ta đua nhau học sử nước người, đến nỗi, mĩa-mai thay, người Việt đã nhận «tò-tiền mình là giống người Gaulois». Tờ Nam-Phong với tôn-chỉ «không quên cái cái quốc-túy trong nước», «dung-hợp cái học cũ của ta với cái học thời mới», tìm lại cái ta của ta, đã chuyên-chú nghiên-cứu và phổ-thông sử-liệu nước nhà. Trong tiêu-mục tổng-quát, chúng ta thấy có nhiều bài khảo-cứu về Việt-sử, giới-thiệu «Đại-Việt sử-lược», «Việt-nam cận-cổ-sử» và nhất là «Vũ-trung tùy-bút» của Phạm - Đình - Hồ : bản này do ĐÔNG-CHÂU dịch-thuật.

Nhiều *nhân-vật lịch-sử* cũng được bàn-giải và phê-phán tới, từ Lạc - Long - Quân qua Hồ - Quý - Ly đến Lê - Lý - Trần, từ Bá-đa-lộc tới bản-triều nhà Nguyễn. Về địa-dư, chúng ta được những bài khảo-luận dài hơi như «Kontum địa-chí», «Quảng-ngải tỉnh-chí» của NGUYỄN-BÁ-TRÁC, cạnh những bài ngắn hơi hơn như «Hà-tiên Mạc-thị sử», «Nam-kỳ địa-chí»...

Sau tiêu-mục lịch-sử thế-giới, chúng tôi xếp mục *Tiêu-sử*, trong đó có ghi nhiều *tiểu-truyện* về các danh-nhân trong nước và ngoài nước từ Maurice Barrès qua Cao - Bá - Quát tới các danh-nho nước Tàu, nước ta, từ thánh Gandhi tới thi-hào Tagore qua các liệt-nữ, anh hùng, văn-gia, thi-gia, chính-trị-gia nước ta.

XIV.— DU-KÝ

Nhiều khi chúng ta tự cảm thấy, sống trong đất nước với giang-sơn gấm vóc mà không được biết tới những cảnh gấm vóc giang-sơn. Thì đây theo tò Nam-Phong, chúng ta có thể một phần nào làm lại cuộc hành-trình qua tất cả những phong-cảnh hùng-vĩ nhất, đẹp đẽ nhất của đất nước chúng ta từ Bắc chí Nam, từ Cao-bằng Lạng-sơn đến đảo Phú-quốc, từ núi Tiên-du đến cảnh Hà-tiên qua Ngũ-hành-sơn, từ Cồ-loa, Hạ-long đến Huế thơ-mộng... Với thời-gian, hẳn những tài liệu này càng ngày càng trở nên quý-hoá đối với chúng ta.

Trong mục Du-ký này, phải kể bài «Hạn-mạn du-ký» của NGUYỄN-BÁ-TRÁC, «Lại tới Thân-kinh» của NGUYỄN-TIẾN-LĂNG, «Mười ngày ở Huế», «Một tháng ở Nam-kỳ» và nhất là «Pháp-du hành-trình nhật-ký» của PHẠM-QUỲNH.

Tới đây, nguyện-vọng của chúng tôi, khi thiết-lập bảng Mục-lục Nam-Phong toàn-bộ này, đó là cung-cấp một phương tiện khai-thác và tìm-kiếm cho những lớp người đang lên. Được như vậy, công-việc nhỏ-mọn của chúng tôi không đến nỗi trở nên vô-dụng và tạp-chí Nam-Phong không còn chỉ là một món đồ cồng-tích nằm rêu-phong trong tủ kính toà nhà Khảo-cổ.

Thị-nghè 12-3-1962.

NGUYỄN-KHẮC-XUYỀN

PHẦN I

MỤC LỤC THEO TÁC-GIẢ

MỤC-LỤC THEO TÁC-GIẢ

I.— TẢN-VĂN

AN-KHÉ

- Quốc-tuý và văn-minh. XIII, 78, 12/1923, tr. 553-458. VH.
- Quốc-văn ta hồi triều Gia-Long. Những văn-thư lúc Bản-triều mới khai quốc. XIV, 80, 2/1924, tr. 130-136. VH.
- Mở giao-thiệp với người ngoại-quốc dùng bằng quốc-văn. XIV, 82, 4/1924 tr. 318-322. VH.
- Khảo về triết-học Khổng-giáo. XIV, 83, 5/1924, tr. 375-383.— XV, 86, 8/1924. tr. 127-138. TH.
- Khảo về học-thuyết của các môn-đồ Khổng-tử. XV, 89, 11/1924, tr. 383-392. TH.
- Khảo về học-thuyết Mặc-tử. XVI, 91, 1/1925, tr. 29-37. — XVI, 93, 3/1925, tr. 253-261 : Thân-thể, sự-nghiệp, phép Tam-biêu, tôn-giáo. TH.
- Khảo về chế-độ lập-hiến của nước Nhật-bản. XVI, 96, 6/1925, tr. 517-532. Cải-cách Minh-Trị... Đế-quốc hiến-pháp. CT.
- Khảo về lịch-sử xứ Trung-kỳ. XVII, 99, 9/1925, tr. 231-242 : Cuộc Nam-tiến, lấy đất Chàm ba lần. LS.

B.-T.

- Cái tinh-thần lập-quốc của nước Nam. XII, 70, 4/1923, tr. 305-308. XH.

BẠCH-TRAI

- Bức thư của A-tròn B-méo cư-sĩ trả lời Ngang-bằng sỏ-ngay tiên-sinh. XXXV, 206, 10/1934, tr. 137-144. NN.

BÁI-XƯƠNG-NGÔN

Thái-độ hạng trí-thức Trung-kỳ đối với viện Dân-biểu. XXXIII, 186, 7/1933, tr. 84-86 : Bọn tiểu-mạ, bọn lãnh đạm, bọn hoà-nghi, bọn thất-vọng, bọn chực sẵn, bọn thích-thời. CT.

BẢO-ĐẠI

Đạo chỉ-dụ thứ nhất của đức Bảo-Đại 10-9-1932. XXXI, 176, 9/1932, tr. 318-322.

“Quá-nhân ghi nhớ lời đức Tiên-hoàng di-chức rằng : ‘Kính Trời, bắt chước tổ-tiên, yêu dân, thương dòng họ, thề-tất cho các người làm tôi, giữ theo phép nước, dùng người hiền, xa người không có tài. CT.

Coi : Phụ-trương Pháp-văn, cùng số.

Dụ ngày 27-4 năm Bảo-Đại thứ tám 23-5-1933. XXXII, 184, 5/1933, tr. 517-518 : Qui-tắc hành-chánh, bảng kê-khai quyền-hạn, các thứ giấy tờ : dụ, sắc, chỉ. CT.

Lời huấn-thị sắc-ngữ của Hoàng-đế ban cho viện Nhân-dân Đại-biểu Trung-kỳ khi vào bộ-kiến tại điện Quang-Minh ngày 9-10-1933. XXXIII, 188, 9-1933' tr. 213-219.

“Phàm việc cải-cách phải thay-đổi người trước. Người đã mới thì chính-sách tất phải mới”. CT.

BIÊN-XA

Khoa-học tạp-trở. VII, 38, 8-1920, tr. 145-152 : 1) Bộ mặt trời. 2) Các thiên văn-đài.— 3) Từ trái đất lên mặt trăng. KH.

Một cái bi-kịch ngoài bề, dịch Maupassant. VIII, 43, 1/1931, tr. 58-61. VHP.

Cách ăn-mặc của người Nam ta. VIII, 48, 6/1921, tr. 447-453 : Tại sao ta phải ăn mặc ? Mặc theo lối cũ (Tàu). Mặc theo lối mới (Tây). XH.

BÙI-ĐỨC-TRIỆU

Câu truyện văn-chương. XV, 89, 11/1924, tr. 415-417. VH.

BÙI-HUY-CƯỜNG

Người đàn bà điên, dịch Maupassant. IX, 51, 9/1921, tr. 246-248. VHP.

BÙI-PHỤ-KINH

Hưu-đê là một sự ích-lợi chung cho xứ Bắc-kỳ. IV, 24, 6/1919, tr. 488-490. XH.

BÙI-QUANG-HUY

Gia-đình giáo-dục. XVII, 99, 9/1925, tr. 209-217. GD.

C.

Bàn về sự dịch những danh-từ về địa-dư, tên người các nước Châu
Ơ-róp và châu A-mê-ric. XI, 61, 7/1922, tr. 49-50. VH. ĐD. NN.

CAO-HỮU-TẠO

Bàn về truyện Kiều. XVIII, 106, 6/1926, tr. 469-475. VH.

CẨM-GIANG

Phê-bình sách Hán-Việt thành-ngữ của ông Bửu-Cân. XXXIII, 190,
11/1933, tr. 461-462. VH.

CƠ-MẬT-VIỆN

Ngự giá sang Đại-Pháp: Châu dụ. X, 57, 3/1922, tr. 239-243. CT.

CUNG-GIỮ-NGUYÊN

Phê bình «Cổ-lâu-mộng» của Ngạc-Am Vô-Liêm-Sơn (Tân Văn-ngệ tùng
thư, 27, Gia-Long, Huế. q. th. 132 tr., hạ 124 tr.).XXXV, 204,
9/1934, tr. 71-75.

*«Nay xin tóm-tắt nói rằng quyển Cổ-lâu-mộng là một quyển sách có
giá-trị về văn-chương và tư-tưởng đáng cho ta sắp vào tủ sách một
bên quyển Quả dưa đỏ vậy..» (tr.75). VH.*

CHÂU-NGUYỄN

Đêm thu đọc sách. V, 26, 8/1919, tr 152-153. VC.

CHI-ĐÌNH

Câu chuyện phá nghi, thuộc về lịch-sử nước nhà. XXXIII, 188, 9/1933, tr. 258-260: Lạc-Long-Quân và bà Âu-Cơ.- Phù-đồng-thiên vương. LS.

CHIÊU-LÝ đời Lê

Văn cổ đời Lê: Chiến bài Tụng cảnh Tây-hồ. XX, 113, 1/1927, tr. 53-56. VH.

CHU LANG-VÂN

Từ từ lời nói : đáp Ng-h-V. III, 18, 12/1918, tr.382-383: Là người ở giữa, ôn-tồn, tìm lẽ phải, giữa ông Quỳnh và ông Ng.h.V. NN.

CHU-XƯỚC-DU

Vấn đề thề-dục. XI. 63, 9/1922, tr 196-198. XH.

CHUYÊN-MÔN

Một nhà nữ bác sĩ nước Pháp: bà Curie.VIII, 48,6/1921, tr. 453-456. KH.

CHƯƠNG-DÂN

Nam-âm thi-thoại. II, 8, 2/1918, tr 80-82: Thi là gì?-Bài "Tự thuật của Trần Chi-Tín. Bài «đĩ già đi tu» của Tôn Thọ-Tường.- Mấy câu đặc-điểm riêng.-Hai bài «Ngũ-hành» của Bùi-Ấn-Niên và Thái-Duy-Thanh. Bà Bang-Nhãn. VH.

- II, 11,5/1918, tr. 300-301 : «Vịnh Hát bội» của Tú-Quy và ứng-khầu «Con dế». - Bài thơ ngũ ngôn «Tổng-biệt». - Đầu bài thơ về «Hèn vay, hèn trả». - «Cẩn sự» của Phạm-Như-Xương. - Tập thơ.-
- II, 12,6/1918, tr. 353-354 : Những câu đùa bỡn. - Những thề thơ riêng của ta. - Bốn bài của Nguyễn-Đánh-Ngọc.-
- III, 17,11/1918, tr. 286-287.
- III, 18,12/1918, tr.358-359 : Thơ Dục-tôn khóc Bằng-phi. - Thơ cụ Phan-Thanh-Giản. - Thơ ông Ích-Khiêm. - Thơ ông Hoàng-Mẫn-Đạt.

— IV,22,4/1919, tr. 306-308 : Hai bài của bậc tiền-bối không biết tên. Mười bài của Tôn-Thọ-Tường người Nam-kỳ với hai bài «Tôn phu-nhân qui Hán», «Từ Thứ qui Tào». - Phan-Văn-Trị và bài «Tôn Phu-nhân qui Hán». VH.

Bàn về tế Giao, II,10,4/1918, tr. 223-228 : 1) Phát đoan, -2) Tế Giao là gì ? - 3) Về việc tế Giao ở nước Tàu.- 4) Về việc tế Giao ở nước ta. - 5) Về việc tế Giao ở Bản triều.-6) Quốc dân ta đối với lễ Giao quan-niệm ra thế nào ? TG.

Cái sùu. II,12,6/1918, tr. 366-367. VC.

Chuyện các bậc tiền-bối : chuyện quan thái-sư Nguyễn-Đặng-Tuân.

IV, 19,1/1919, tr.39-41. TS.

Mấy lời tóm tắt về phép vệ-sinh. IV, 19,1/1919, tr.42-44 XH.

Bàn về việc giáo-dục trong gia-đình, dịch sách Tàu. IV,20,2/1919, tr. 114-117 : 1) Những điều trái với phép giáo-dục. -2) Giáo-dục cùng tính di-truyền. - 3) Nói về đức-dục trong gia-đình. - 4) Nói về trí-dục trong gia-đình. — 5) Giáo-dục về chức-nghệp. GD.

Chuyện quan Hiệp biện Phạm Phú-Thứ. IV, 22,4/1919, tr. 303-306. TS.

Về việc cấm rượu ở các nước cùng việc rượu lậu ở nước ta. IV,23, 5/1919, tr.390-394. XH.

DIỆP-VĂN-KỲ

Vấn-đề cử ông phái-viên Annam sang Pháp làm thế nào cho vừa dân nguyện ? (Báo Công-luận Saigon). XXXI, 174,7/1932, tr.99-100. CT.

Trung-kỳ đã bắt đầu cải-cách hình chính. XXXIII, 187, 8/1933, tr. 144-149. PL.

Chuyện cũ về triều-đình Huế : Nhân-vật mới, nhân-vật cũ. XXXIII,188, 9/1933, tr. 262-266 : Thời-kỳ : «bốn tháng đời ba trào vua (Tứ-nguyệt tam vương)» vào đầu thời-kỳ Pháp đô-hộ. LS.

DƯƠNG-BÁ-TRẠC (Tuyết-huy)

Bài ký kỷ-niệm quan toàn-quyền Sarraut đến Hà-nội. I, 1,7/1917, tr. 52-54. VC.

Một bài học rất có ích cho quốc-dân ta. IV, 23, 5/1919, tr. 385-390: Bàn về mấy điểm trong diễn-văn toàn-quyền Sarraut 27-4-1919 : 1) Mở rộng nhân-quyền. — 2) Mở thêm trường cao-đẳng. — 3) Dựng bậc thượng-lưu. CT.

Việt-sử khảo. III, 15, 9/1918, tr. 142-150: Tự ngôn). — 1) Lập quốc địa-vị. Nhân-chương. — 3-Tiến-hoá trình-độ. — 4-Quốc-dân đối ngoại tính-chất. — 5- Lịch-triều chính-trị. LS.

Lịch-sử luận. IV, 22, 4/1919, tr. 300-303: Chuyện đời thượng-cổ, kèm bài thơ thất ngôn cổ-phong dài.

— IV, 23, 5/1919, tr. 399-401 : Chuyện ông Thánh-Gióng. — Chuyện nàng My-châu, kèm theo lời bàn và một bài thơ cổ-phong.

— IV, 24, 6/1919 tr. 490-493 : Thời-đại nội-thuộc, thơ ngũ-ngôn kèm theo.

— V, 25, 7/1919, tr. 57-58 : Chuyện hai quan Tàu Tích-Quang và Nhâm-Diên, thơ ngũ-ngôn kèm theo. LS.

Lời mừng cuộc toàn thắng của Đồng-Minh. III, 17, 11/1918, tr. 298-300. VC

Mừng xuân. IV, 19, 1/1919, tr. 76-77. VC.

Cái vấn-đề định lợi quan-chế ở Bắc-kỳ ta, dịch bài Hán-văn. IV, 20, 2/1919, tr. 99-106. XH.

Bài minh mộ-chí ông Tô-Tự, có lời bàn của người dịch. IV, 20, 2/1919, tr. 145-147. VC.

Kính cáo Thanh-niên. IV, 22, 4/1919, tr. 297-300 : 1) Phải đoàn-luyện thân-thề. — 2) Phải ức-chế ngạo-khí. — 3) Phải nhẫn-nại lao-khổ. — 4) Phải giới-trừ tính ý-lại. — 5) Phải khắc-chế tư-dục. — 6) Phải tu-luyện thường-thức. — 7) Phải cần-thận chơi bạn. GD.

Bài tự đưa ông Lâu Đò-Nam đi chơi Hoài-nam định tu tiên. Dịch của Liễu-tử-Hậu, một nhà đại-văn-học đời Đường, văn cồ-áo lắm. IV, 22, 4/1919, tr. 333-336. VC.

Khảo-cứu về sự thi ta. IV, 23, 5/1919, tr. 373-385 : 1) Phát đoán : chọn kẻ làm quan do tiến-cử, do sát-hạch, do thi-cử. — 2) Lịch-sử khoa-cử bên Tàu. — 3) Lịch-sử khoa-cử ở nước ta 4) Các điều-lệ về thi-hương. — 5) Các điều lệ về thi hội.— 6) Những điều hay.—7) Những điều tệ.—8) Kết luận. VH.

Bàn về vấn-đề học chữ Hán. IV, 24, 6/1919, tr. 463-472 : I) Có nên học chữ Hán nữa không ? — II) Cách học chữ Hán bây giờ nên thế nào ?

Cách ghép chữ, cách dùng chữ, cách đặt câu.

Duy-trì văn-hoá cũ : Hội-học, quán-đồ-thư, cuộc làm sách, dịch sách.

Kết-luận : có hai cách học, một phổ-thông và một thâm-thuý. VH.

Bài trâm « Sợ » của Liễu Tôn-Nguyên. V, 25,7/1919, tr. 75-76. VC.

Hội Khai-trí tiến-đức đối với tiền-đồ Việt-Nam và cái nghĩa-vụ quốc-dân ta đối với hội ấy. X,59,5/1922, tr.375-380. XH.

Lời điều-trần cùng quan thượng-thư Thuộc-địa. XXIX, 167, 11-12/1931 tr, 392-411. CT.

DƯƠNG-ĐÌNH-TÁY

Văn-chương (?). XVIII, 102, 1-2/1926, tr. 81-86 : Nhớ bạn Hà - thành.

Có chi ngồi nhẩn tẩn canh ? — Một bức thư. — Một bức thư tình. — Hỡi khách đa-sầu — Một cuộc lãng-du. — Hành-trình đi Faifo. VC.

DƯƠNG-MẠNH-HUY

Bài ký núi Cỏ-Tích. V, 27,9/1919, tr. 269-270. VC.

DƯƠNG-QUẢNG-HÀM

Bàn về tiếng Annam. IV, 22,4/1919, tr. 287-297 : I, Cách dịch những tiếng mới :

- 1) Cách dịch tên riêng.
- 2) Cách dịch tiếng về khoa-học, triết-học và kỹ-nghệ.
- 3) Tiếng về văn-chương.
- 4) Sự học tiếng Annam.

"Lạ thay cho nước mình ! Có tiếng nói mà không hề ai học tiếng, không đâu dạy cách dùng tiếng, không sách nào nói đến nghĩa tiếng cùng mẹo đặt câu " (tr. 295). VH.

DƯƠNG-TỰ-NGUYỄN

Nghiên-cứu về tình-hình kinh-tế nước Tàu, dịch. III,15,9/1918, tr. 172-176. — III,16,10/1918, tr. 226-229. — IV,21,3/1919, tr. 208-213. KT.

Cái mục-đích học tiếng Pháp để làm gì ? IV, 19,1/1919, tr 45-47 :
Học chính tông-qui nói : phải dạy tiếng Pháp cần cho học vấn.—
Mười người đáp lại câu : học tiếng pháp để làm gì ? Mục-đích chính : cửa mở vào thế-giới mới, như người Tàu người Nhật học tiếng Anh... VH.

DƯƠNG-THIỆU-TƯỜNG

Văn thi hội. Việc chánh-trị bây giờ càng khó, Trung-kỳ, Bắc-kỳ tình thế khác nhau, nên sửa sang những điều gì trước, luận. (Coi bài của NGUYỄN-CAO-TIÊU tiếp) — Nước ta văn-hiến trải mấy ngàn năm, bây giờ nghĩ phỏng Thái-Tây đặt viện Hàn-lâm dịch các sách vở, luận. (Coi bài của BÙI-HỮU-THỨ tiếp).— Nước ta việc hình-luật đời nào cũng trọng, quan-hệ hơn-tâm phong-tục thế nào, luận. (Coi bài của Nguyễn-Cao-Tiêu tiếp).

Chúng ta được biết rằng : Dương-Thiệu-Tường tiến-sĩ thứ 7,
Nguyễn-Cao-Tiêu tiến-sĩ thứ 4, Bùi-Hữu-Thứ phó-bảng thứ hai.
IV,24,6/1919,tr.445-450. VH.

DƯƠNG-XUYÊN-HÀU

Văn cò đời Lê : tờ xin tiền cưới vợ lẽ. XX,113,1/1927,tr.49. VC.

D. H.

Của trời trời lại lấy đi. Truyện ngắn. IV,24,6/1919,tr.502-505. VH

D. N.

Điều-trần về hiện-tình ở nhà quê. XVIII, 104, 4/1926, tr. 257-265 : —
Quan lại.— Việc dân chính.— Thuế thuốc phiện và rượu.

— Cờ bạc.— Việc học.— Trình-độ người nhà quê. XH.

Cái tai-hại nước lụt ở xứ Bắc-kỳ năm 1926-1927. XX,115,3/1927, tr.
230-237 : Thời-kỳ bị lụt, thời-kỳ bị đói, thời-kỳ cứu-chữa. XH.

Hai người nước Triệu đời Chiến-quốc : Liêm-Pha và Lạn-Tương-Như
XXI, 119, 7/1927,tr. 31-36. LS.

Văn Chiến-quốc sách. XXVII, 153,8/1930, tr. 165-168 : Trang-Tân luận
về những kẻ hạnh-thần.

XXVII,154,9/1930,tr.258-260 : Triệu-Tương-Tử, Khách-Ti đoán
hai vua Hàn Ngụy tất phải Tri-Bá.

XXVIII,160,3/1931,tr.279-281.— XXVIII,161,4/1931,tr.399-401.—
XXIX, 164,7/1931,tr.73-79. LS

Khảo về hiến-pháp vạn-quốc. XXVIII,158,1/1931, tr. 30-38.— XXVIII,
159,2/1931, tr.119-121. PL.

Danh-nhân Hải-dương. XXVIII, 160,3/1931, tr. 234-239 : Nguyễn-Bình-
Khiêm và Bà Mẫu.— Trần-Vinh-Tuy.—Phạm-Duy-Quyết.— Nguyễn
Đoàn-Khâm.— Anh em Vũ-Văn-Uyên.— Vũ-văn-Mật.

— XXVIII, 161, 4/1931, tr. 340-345 : Chúa Khúc-Thừa-Hạo, Bà cô Phạm Lễ-Nghi, Bà Sao-Sa, ông Nguyễn Thế-Nghi, ông Trần-Vi, ông Mai Duy-Viên, Đinh Văn-Tả, Bà mẹ và họ « Hàn ».

— XXXIX, 164, 7/1931, tr. 63-68 : Nguyễn-Hữu-Cầu, Trần-Cảnh và gia-thế, Phạm-Đình-Trọng, Vũ công Bất-não. LS

Câu chuyện kinh-tế. XXIX, 164, 7/1931, tr. 57-59. KT.

Khảo về tài-chánh Nhật-bản hồi Duy-tân. XXIX, 166, 10/1931, tr. 265-274. KT.

Đ. T.

Nhà quê kẻ chợ. XIV, 84, 6/1924 tr. 512-514. XH.

ĐÀM-XUYÊN Nguyễn-Phan-Lãng

Nghe đàn. I, 4, 10/1917, tr. 253-255. VC.

Mưa dầm. II, 12, 6/1918, tr. 367-369. VC.

Thường sen hồ Tây. II, 12, 6/1918, tr. 369-370. VC.

Ngựa già. Truyện ngắn. III, 13, 7/1918, tr. 36-37. VC.

Thuốc đắng. III, 15, 9/1918, tr. 165-167. VC.

Nói về sách « Mối sầu trung ». III, 18, 12/1918, tr. 371-373. VH.

Văn khóc cha. III, 18, 12/1918, tr. 369-371. VC.

Cảm xuân. IV, 19, 1/1919, tr. 75. VC.

ĐẠM-PHƯƠNG

Tự thuật cảnh Hương-giang buổi chiều. III, 13, 7/1918, tr. 37-38. VC.

Ngày xuân đi chơi núi. IV, 21, 3/1919, tr. 234-235. VC.

Vấn-đề nữ-học. VIII, 43, 1/1921, tr. 66-68. GD.

Cái trình-độ nữ ngôn đời bây giờ. IX, 49, 7/1921, tr. 83-84. GD.

Viếng cụ Nguyễn-Bá-Học. IX, 51, 9/1921, tr. 238-239. VH.

Lược-khảo về tường hát Annam. XIII, 76, 10/1923, tr. 303-307. VH

ĐẠM - TRAI

Ký Núi Dục-Thụy. V, 28, 10/ 1919, tr. 352—354 : kèm hai bài thơ một đường luật. một ngũ-ngôn. VC.

ĐÀO ĐÌNH-HÀO

Một làng ở xứ Bắc-kỳ hiện nay. XXXI, 177, 10/1932, tr. 351-363 :
Mặt làng, số người, phần đất, việc quản trị XH.

ĐẶNG - NGUYỄN - KHU

Hi-long di-thống : đặt-sử một nhà nho ở nước Nam : cụ Đặng-Xuân-Bảng tự Hi-long ; (1910) XXIII, 132, 8/1928, tr. 135-145.

Quê « Hành-thiện... đở đầu Tam-giáp (1856). lịch-sĩ Tuần-phủ... trải tám triều vua, thực là một bậc lão-thành, hoàn-danh, hoàn-phúc».

— Vào làm Ngự-sử trong triều : số tấu việc tài-chính, số về dân-chính, số về binh-chính...

XXIII, 133, 9/1928. tr. 257-266.

134, 10/1928, tr. 377-390.

135, 11-12/1928, tr. 455-465.

XXIV, 136, 1-2/1929, tr. 47-58.

137, 3-4/1929, tr. 150-163.

138, 5/1929, tr. 253-266.

139, 6/1929, tr. 348-356.

XXV, 140, 7/1929. tr. 50-63. TS.

ĐẶNG-XUÂN-PHƯƠNG

Dư-luận về bài «Chấn-chỉnh quan-trưởng» của Tổng-đốc Thân Trọng-Huê. V, 29, 11/1919, tr 456-460. XH

ĐẶNG XUÂN-VIÊN

Thanh-bạch tiên-sinh truyện. Một vị quan thanh-liêm họ Đặng. XXV, 140, 7/1929, tr. 31-39. TS

Hương-chính cải-lương cải-lương nguyên-nhân. XXV, 141, 8/1929, tr. 157-166 : Tộc-biểu, giá-thú, tế-lễ, đưng cai khao-vọng, vọng-lão, tổng-táng, nông-tang, công-nghệ, thương-mại, học-hành, nghĩa-thương, hương-ước, tuần-phòng. XH.

Vua Lê Chúa Trịnh. XXV, 145, 12/1929, tr. 548-560. LS

Định-hoá châu du-ký. XXV, 145, 12/1929, tr. 613-616.

— Du-hành và quan-sát phong-tục đồng-bào Thượng miền Thái-nguyên giáp Bắc-kạn. DH.

Mạc-gia tiều-sử. XXVI, 146, 1/1930 tr. 39-44. TS.

Phong-tục Hòa-bình. XXVI, 156, 11/1930 tr 474-479.

— Khí hậu, nhân-chúng, phong-tục, lễ-hôn, lễ-tang, canh-nông, thương-mại, công-nghệ, giáo-dục, tôn-giáo, chính-trị. XH

Cảm-tưởng đối với thiếu-niên ngày nay. XXVII, 157, 12/1930, tr. 556-558. GĐ.

Triệu Úy-Đà. XXVIII, 160, 3/1931, tr. 214-221. LS

Lược-sử vua Lý Nhân-tôn. XXVIII, 163, 6/1931, tr. 564-569. LS.

Thụy-Anh du-ký. XXIX, 164, 7/1931, tr. 69-73.

— Thuộc Thái-Bình, giáp huyện Thanh-quan.— Nghề làm thuốc
lào.— Nghề làm muối.— Nghề làm cá. DH.

Gia-định tam-hùng. XXIX, 165,8-9/1931, tr. 147-157 : Chu Văn-Tiếp,
Đỗ Thành-Nhân, Vũ Văn-Tính. LS.

ĐIẾU-HOÀNG

Đồng tiền nói truyện. IV, 19, 1-1919, tr. 68-70. VC.

ĐINH-LINH-UY

Á-châu cận-thế sử. XXVIII, 160, 3/1931, tr. 266-274.

— Triều Thanh từ Mãn-châu nổi lên (1644-1795) : Triều Thanh và vua Thế-Tổ, sự-nghiệp vua Khang-Hi, vua Kiền-Long, văn-hoá nhà Thanh.

— XXVIII, 161, 4/1931, tr.356-363 : Thời Âu-Tây xâm-chiếm 1795-1900 : Âu-Tây với Đông Ấn - độ, Anh chiếm Ấn, nhà Thanh với nước Anh. LS

ĐOÀN-ĐÌNH-DUYỆT

Diễn-thuyết ở quốc-tử-giám. V, 26, 8/1919, tr. 164-166.

— Nói về việc nha thu thuế. — Ngày tết phải làm ơn cho nha-thuộc. — Ngày tết phải cấp-dưỡng xem-xét tù-phạm. — Phòng đạo-kiếp và cấm cờ bạc. XH.

ĐOÀN-MAI-NHẠC

Bài tựa truyện « Tuyết-hồng lệ sử ». XV, 88, 10/1924, tr. 356-357. VC.

ĐOÀN-NGỌC-BÍCH

Gả bán con... Truyện ngắn. XII, 67, 1/1923, tr.45-48. VC.

Truyện cô Phụng. XI,65, 11/1922, tr. 381-385. VC.

ĐOÀN-NHỮ-NAM

Có mới nói cũ. Truyện. XVIII, 105, 5/1926, tr. 369-374. VC.

ĐOÀN-QUỲ

Dịch bài tựa truyện Kiều của Chu-Mạnh-Trình. VI, 31,1/1920, tr. 78. VC

ĐOÀN-TRIỂN

Diễn-thuyết của hội Khai-trí tiến-đức IV, 22,4/1919, tr. 257-259. XH.

ĐOÀN-VINH

Nên đặt tòa Hàn-lâm, IV, 22,4/1919, tr. 308-310. VH.

" Cứu vớt lấy quốc-hồn, tôi tưởng không gì khẩn-cấp bằng dựng
tòa Hàn-Lâm, hiệp những nhân-tài ở trong Nam ngoài Bắc lại
một nhà mà cùng nhau dựng lại nền Nam-văn cho hiệp-nhứt. (tr.309)

ĐỒ-NAM : (Coi Nguyễn-Trọng-Thuật)

ĐỒ-ĐÌNH

Nghĩa chữ văn-minh ở trong tâm-lý người Pháp. Dịch bài của giáo-sư
Robert Curtius (Heidelberg, Paris). XXVII, 154, 9/1930, tr. 231-
238.

— Văn-minh, nguyên nghĩa là thành-thị (Civilisation). Văn - minh :
làm cho xã-hội thêm dễ-dàng, đẹp-đẽ, phép-tắc luân-lý. Văn-hóa
(Culture, Kultur) : trọng trí-tuệ, tư-tưởng.

— XXXIV, 197, 1-6/1934, tr. 396-399. — XXXIV, 199, 1-7/1934,
tr. 30-33. VH

ĐỒ-ĐÌNH-NGHIÊM

Một đoạn lịch-sử nước nhà : Đức Cao-hoàng và ông giám-mục Bá-đa
lộc. XIV, 79, 1/1924, tr. 13-29. LS.

ĐỒ-HÀO-ĐÌNH

Bàn về truyện cổ Annam ta. VIII, 46, 4/1921, tr. 320-327.

— Cần phải coi cổ-tích, bia, tháp... của ta, song cần phải coi Hi-lạp
La-mã làm mẫu. VH.

ĐỒ-THẬN

Quan, hôn, tang, tế. XVI, 94, 4/1925, tr. 327-348. TG.

Cải-lương hương chính. XVII, 9,99/1925, tr. 217-225. XH.

ĐỖ-UÔNG

Y-học khảo : giống muỗi truyền bệnh sốt rét. XI, 63, 9/1922, tr 169-181.

— Bệnh-trạng.— Trùng sốt rét.— Đề-phòng.— Chánh-phủ đối phó.

— XIII, 78, 12/1923, tr. 483-486 : các bệnh-tật đối với loài người.

— XIV, 80, 2/1924, tr. 105-121 : Bệnh phong và vấn-đề cứu-tế người hủi. KH.

ĐỖ-VẠN-KHOẢNH

Bệnh truyền-nhiễm và giống vi-trùng. V, 30, 12-1919, tr. 500-502.

— VI, 31, 1/1920, tr, 33-36. KH.

Vệ-sinh học. VI, 31, 1/1290, tr. 52-62,

— Lập báo vệ-sinh.— Diễn-thuyết vệ-sinh.—Lớp học vệ-sinh.—
Mở hội thể-thao. XH.

ĐÔNG-CHÂU (Coi : (Nguyễn-Hữu-Tiến)

ĐÔNG-HỒ Lâm-Tán-Phác

Hà-tiên Mạc-thị sử. XIX, 107, 7/1926, tr. 31-43 : Lịch-sử đất Hà-tiên, chiếu theo Mạc-gia-phả và Việt-sử. LS.

XXV, 143, 10/1929, tr. 322-323 : Lịch-sử ông Mạc-Cửu và sự thành-lập và bồi-đắp đất Hà-tiên. LS. TS.

Gia-đình giáo-dục ký. XX, 115,3/1927, tr. 211-217.

— Diễn-thuyết tại KTTĐ học xá về : Rằm tháng Mười, Khai trí tiến-đức, nhất là về học quốc-ngữ. GD.

Câu truyện tháng tám. XXI, 119, 7/1927, tr. 15-21.

— Địa-vị truyện Kiều trong văn-học Việt-nam. Ý-kiến của mấy tác-giả như : Phạm-Quỳnh, Trần Trọng-Kim, Lê-Thước, Vũ-Đình-Long, Nguyễn Tường-Tam. VH.

Thăm đảo Phú-quốc. XXI, 124, 12/1927, tr. 531-550. DH.

Linh-Phượng : Tập lệ-ký của Lâm Trác-chi. XXII, 128, 4/1928,
tr. 347-360.

— Bài lâm-li ghi những cảm xúc thành-thực và cảm-động khi
vợ lâm bệnh nặng và qua đời. Một bài khóc vợ ai oán vậy.

Lời giới-thiệu của Thượng-chi :

“Quốc-văn ta đã chịu đựng, đã mang nỗi cái chí-tình như thế thực đã
xứng-đáng-làm một nền văn-chương chân-chính vậy”(tr.347).

Nhớ tiết hạ-nguyên. Gia-đình giáo-dục ký. XXIII, 135, 11-12/1928,
tr. 435-446 B. GD.

Cảnh-vật Hà-tiên (Đông-hồ và Nguyễn-Văn-Kiểm sao-lục). Bài ký chơi
Châu-nham. XXVII, 154, 9/1930, tr. 250-257. DH.

Bài ký về giáo-dục. XXVII, 157, 12/1930, tr. 571-582.

— Lễ nghi Tết của Trí-đức học-xá: các bài chúc thọ của học-sinh,
kèm theo một số bài thơ ngâm vịnh vào dịp này của những tác-
giả hay dịch-giả như Tùng-vân, Trác-chi, Bạch-như, Trúc-hà,
Quang-đầu. VC.

Chuyện cầu tiên ở Phương-thành. XXX, 171, 4/1932, tr. 393-401.

— Mục-đích cuộc phụ-tiên, cảnh đàn tiên: cách dọn đàn, cách
cầu, thơ tiên.

— Lược kể ít chuyện linh-nghiem.

— Tuyên-lục ít bài thơ tiên.

— Bài luyện đồng. TG.

Lý-thú đọc sách. XXXI, 174, 7/1932, tr.22-25. GD.

Tình xưa. Nguyễn-văn Pháp-ngữ «Eurydice» của Nguyễn-Tiến-Lãng, có kèm
theo lời bạt của dịch-giả. XXXI, 179, 12/1932, tr. 621-627. VC

Hoài-cảm. Hồi-ức-lực của Đông-hồ. XXXIII, 189, 10/1931, tr. 324-330.

1) Lời thơ-ngây, tháng 9 năm 1928.— 2) Cảnh mai trên bãi biển, 12 năm 1926.— 3) Cuộc hào ngâm.

— XXXIV, 201-202, 1-15-8/1934, tr. 65-68.

— XXXV, 203, 1-9/1934, tr. 21-24 : Làng báo trẻ con. VC.

ĐỨC-HUY

Mấy lời bàn góp về Âu-trĩ-viên. XII,68,2-1923,tr.163-166. XH.

H. C. T

Khảo về lịch-sử Chiêm-thành. Dịch «Ngoại-quốc liệt-truyện».

XXXIV, 201-202,1-15-8-1934, tr. 57-60.

XXXV, 203, 1-9/1934, tr. 25-27. LS.

Lịch-sử ngoại-giao của bản-triều. XXXV, 209, 1-12/1934, tr. 279-280 :

Khảo về những đoạn đối-phó và giao-thiệp với người Tây-phương. LS.

H. Đ.

Thư cho người bạn. XXII, 131, 7/1928, tr. 28-30 : Bàn về việc đào-tạo cho đất nước nhiều «các-nhân hảo-hạng».

— XXIII,132,8/1928, tr. 132-134 : Bàn tiếp về «giáo-dục cá-nhân», «đào-tạo nhân-tài».

— XXIII, 134, 10/1928, tr. 347-348 : Phải có một hoài-bảo. GD.

H. T.

Lược-khảo về bộ luật mới Bắc-kỳ.

X, 57,3/1922, tr .171-181.

58,4/ — 263-272.

59,5/ — 338-349.

60,6/ — 439-448.

XI, 61,7/	—	16-22.	
XIII, 67,1/1932,	tr.	32-44.	
68,2/	—	114-127.	
69,3/	—	200-205.	
70,4/	—	308-313.	
71,5/	—	424-429.	
72,6/	—	498-503.	PL.

HÀ-HUY-SÀN (Huế)

Nhớ Hà-nội. VIII,47,5-1921, tr. 415-421 : Nhớ người Hà-nội,—Nhớ cảnh Hà-nội. VC.

HẠC-ĐÌNH

Mười năm dân chủ ở nước Tàu. XII, 72, 6/1923, tr. 503-512 : Lược-thuật về cận-sử nước Tàu, theo báo Tây. LS.

Một bộ sách Tây khảo về văn-minh Tàu. XXVII,154,9/1930, tr.226-230 : Bộ « *Civilisation chinoise moderne* » của Legendre. VH.

Một trường Đại-học Đông-phương. XXVIII, 158, 1/1931, tr. 1-4.

— Nhân một bài của thi-hào Tagore bàn về trường Đại-học.

— « *Phàm làm thầy dạy học, hễ tự-mình không học thêm mãi thì không thể dạy cho đích đáng được* » (tr.4).

— « *Trường Đại-học đã là nơi trung-tâm nghiên-cứu, lại là nơi chủ-động đạo-đức và kinh-tế nữa* » (tr.4).

Một cái chương-trình xử-thế. Dịch « *L'art de vivre* » của Bs. Toulouse. XXVIII, 158, 1/1931, tr. 53-56. XH.

Cuộc công-thải thuộc-địa đối với xứ Đông-dương ta. XXVIII, 159, 2/1931 tr. 131-139. KT.

NỮ-quyền. XXVIII, 159, 2/1931, tr. 151-155. XH

Tình-trạng khủng-hoảng về đạo-đức tinh-thần ngày nay. Dịch « Les Moeurs du temps » của Paul Gaultier. XXVIII, 160, 3/1931, tr. 199-205. GD.

Một cái tiểu-thuyết rất ngắn. Dịch « Un roman très court » của Garchine do Koesler dịch ra Pháp-văn. XXX, 168.1/1932, tr. 72-75. VH.

HẢI-HẠC

Một bài phong-dao về thể luận-lý và tư-tưởng giải-phóng. XXXIV. 196.16-5/1934, tr.340-343.

— *Cô kia khẩn trắng tang ai ?*

— *Nhất tang cha mẹ, thứ hai tang chồng.*

— *Tang chồng thì vất tang đi.*

— *Tang cha tang mẹ ta thì tang chung.* VH

HẢI-KHÁCH

Giải-luận năm cái đặc-sắc về cuộc đời hôn của đức Kim - thượng. XXXIV. 194.4/1934, tr. 232-234.

— 1) Hợp phép vệ-sinh, cả hai 21 tuổi. — 2) »Tuyên-trạch tự do. — 3) Tinh-thần bình-đẳng. 4) Phá thành-kiến về tôn-giáo. 5) Chí quả-quyết. XH.

Sự-nghiệp duy-tân của vua Thánh Bi-đức (Saint Péter) đối với nước Nga ngày nay. XXXIV, 198,6/1934, tr. 429-432. LS.

HẢI-LANG (thôn-nữ)

Thư cho em gái. XXVII, 154,9/1930, tr.239-241. XH.

— Vấn-đề nữ-lưu ngày nay. — Đừng đua đòi văn-minh, tự do, tránh cái dịch « thời trang » phẩn son đừng thái quá, tránh nạn thề-thao. XH.

HÁN THU (Coi : Nguyễn-Tiến-Lãng)

HOA-ĐƯỜNG

Ông Tagore đối với văn-minh Thái-tây. XIV,84,6/1924, tr. 454-461 :

— Lời tuyên-cáo của Đông-phương, Tagore.

— Lời đáp lại của Tây-phương, M. Croiset. VH.

Học-thuyết Tây với học-thuyết Tàu : Darwin và Trang-tử. Dịch bài của
Chương Hồng-Chiêu. Bắc-kinh, 1923. XV, 87, 9/1924, tr. 216-
226. TH.

HOÀNG-ÁI-HƯƠNG

Một cái gương sáng nên soi. X, 59,5/1922, tr. 403-404 : Bàn về cách
mặc : tây phục và quốc-phục. XH.

HOÀNG-HỮU-ĐÔN

Thơ cho Nam-Phong. VI,33,3/1920, tr. 232-238 : Chúc cho Việt-Nam
biết lấy học-vấn, đức-độ, văn-minh mà thức-tỉnh. XH

Giúp cho vấn đề cải-lương hương-tục : một dự án cải-lương. VII,
37, 7/1920. tr. 41-59.

— 1) Đặt toà hội-đồng kỳ-mục. — 2) Sở chi thu. — 3) Việc học.

4) Lớp học của kỳ-mục. — 5) Giá-thứ và lệ lan-nhai — 6) Lập
hội nghĩa hương. — 7) Việc cảnh-sát... (tất cả 34 khoản...). XH.

Bàn về việc học ở nhà quê. VIII, 43, 1/1921, tr. 16-29 bis. XH.

Giác chiêm bao dữ (H.H.Đ. lai-cáo). VIII, 46,4/1921, tr. 316-317. VC.

Mấy lời phân-giải lại về bài « Bàn về việc học ở nhà quê ». VIII,
48,6/1921, tr. 508-513. XH.

HOÀNG-MINH

Phê-bình văn-chương ca-dao. XXXII, 184, 5/1933, tr. 478-483 : Tả
cảnh, tả tình, vấn-đáp, trào-phúng. VH.

HOÀNG-NGỌC-PHÁCH (Song-an)

- Cái đau-đớn trên đời. V, 26, 8/1919. tr. 157-158. VC.
- Mấy câu nói nhỏ cùng khách chán đời. V, 28, 10/1919, tr. 354-355. VC.
- Văn-chương với nữ giới : Cái hại văn-cảm đối với nữ-học-sinh. VII, 41, 11/1920, tr. 379-383. XH.
- Cảm-giác và tinh-thần. VIII, 43,1/1921, tr. 68-70. TH.
- Thư gửi cho bạn. IX, 51,9/1921, tr. 243-246 : Giọt lệ hồng-lâu.—IX, 52,10/1921, tr. 365-367 : ... mới đổ ra trường Cao-đẳng Sự-phạm. — IX, 54,12/1921, tr. 549-552 : Bàn về luân-lý, hai nền luân-lý xưa và nay. GD.
- Xét tâm-lý người thôn-quê bằng những câu-hát. XV, 88, 10/1924, tr. 311-322. VH.
- Hồng - nhan bạc-mệnh có hẳn là tại trời không ? XVII, 98,8/1925, tr. 149-151. XH.

HOÀNG-SONG-CỬ

Lễ Du-xuân, IV, 21, 3/1919, tr. 233-234. VC.

HOÀNG-SƠN

Một truyện dã-sử về Nguyễn-Công-Trứ. XXVI, 151,6/1930, tr. 557-569.

- 1) Thuyền-quyên " ứ-hự ". — 2) Cưỡi ngựa bằng bò. — 3) Lấy chồng xem gan. — 4) Đánh bạc gạt vợ. TS.

HOÀNG-TÍCH-CHU

Tính dễ tính khó. VI, 31, 1/1920, tr. 79. VC.

Thiếu-niên Nam-Việt. VI, 36, 6/1920, tr. 529-533. XH

Văn « tiêu-khiển », văn « biện-thuyết ». VII, 37, 8/1920, tr. 161-162. VH

HOÀNG-THỨC-HỘI

Cuộc thi thơ đề hai Bà Trưng nữ-vương. X, 60, 6/1922, tr. 495-498. VC.

HOÀNG-THỨC-KHIÊM

Nghĩa bộc báo chủ, hát chèo. Năm cảnh : rừng núi, nhà giàu, nhà giàu, huyện đường và trại glam, rừng núi có miếu. XXVII, 155, 10/1930, tr. 390-399.-XXVII, 156, 11/1930, tr 495-501. XXVII, 157, 12/1930, tr. 612-619. VH.

Tích Phụng-nghi-đình, tuồng. Sáu cảnh : Đình quan Tư-đồ. — Đường đi vào phủ Thừa-tướng. — Vườn hoa đình quan Tư-đồ. — Đình quan Tư-đồ. — Phủ Thừa-tướng. — Phụng-nghi-đình. XXVIII, 162, 5/1931, tr. 479-487. — XXVIII, 163, 6/1931, tr. 593-600. — XXIX, 164, 7/1931, tr. 84-93. VH

HOÀNG-VÂN-TRUNG

Ba-bè du-ký. X, 55, 1/1922, tr, 21-31. DH.

HOÀNG-YẾN

Cầm-học tìm-nguyên : Khảo về nghề đờn ở nước ta.

— VIII, 47, 5/1921, tr. 370-386 :

- 1) Cầm học tiêu-dẫn : lục kì, thất bát đàn, bát tuyệt.
- 2) Cầm học thông-khoả
- 3) Các thứ đờn : đờn cầm, đờn sắt, đờn tranh, đờn trúc, đờn không hầu, đờn tỳ-bà, đả-cầm hay dương-cầm, đờn

nhật, đờn nguyệt, đờn nhị, đờn tam, đờn độc-huyền, đờn cầm nam, đờn đáy, ống sanh, hoàng, địch, quản, tri, huân thược.

4) Những người đờn có tiếng xưa nay.

— VIII, 48, 6/1921, tr. 468-481 :

Phép đánh đờn và các bài đờn :

Lê-ngôn

Dấu riêng đờn nguyệt

Phép lên dây

Mấy bản « cò-nhạc ».

— IX, 49,7/1921, tr. 44-61 :

Đờn chậm

Mấy bản đờn « cò »

Đờn nam, mấy bản đờn.

— IX, 50, 8/1921, tr. 149-158 :

Đờn tranh. — Mấy bản đờn tranh.

— IX, 51, 9/1921, tr. 249-260 :

Mấy bản đờn...

— IX, 52, 10/1921, tr. 353-363 :

Mấy bài ca cò... AN.

Ít lời ngỏ với ông Thận-đức Nguyễn-Hữu-Quát. Về bài « cầm-học tầm-nguyên ». IX, 52, 10/1921, tr. 369-372. AN

Nói chuyện đờn ca Huế. XXXIII, 187,8/1933, tr. 97-110.

— Sáu điều kỵ và bảy điều không nên đờn. — Đờn cầm, đờn sắt, đờn tranh, đờn trúc, đờn không-hầu, đờn tỳ-bà, đờn nhật, đờn nguyệt, đờn nhị, đờn tam, đờn độc-huyền, đờn cầm nam, đờn nhà trò, ống sanh, hoàng, vu, tiêu, địch, quản, tri, huân, thược. AN.

HỒ-TỬ-TUẤN

Bàn về các quan đại-thần. IV, 23, 5-1919, tr. 370-372. XH.

HỘI-NHÂN

Đêm thất tịch : xúc cảnh cảm-hoài. V, 26, 8/1919, tr. 158-159. VC.

Đêm tháng sáu chơi hồ Hoàn-kiểm. V, 28, 10/1919, tr. 355-357. VC.

Bôn ba nhớ cảnh quê nhà. V, 29, 11/1919, tr. 443-444. VC.

Xuân cảm. VI, 32, 2/1920, tr. 177-178. VC.

Thiếu-niên. VI, 33, 3/1920, tr. 264. VC.

Sự tin. VI, 35, 5/1920, tr. 456-458. VC.

Liệt-nữ nước ta. VI, 36, 6/1920, tr. 502-506.

Nguyễn-thị-Kim.— Nguyễn-thị-Ngũ.— Hoàng-thị-Hân.— Thị-Tinh

Nguyễn-thị-Hảo.— Phan-thị-Trang.— Nguyễn-thị-Ý.— Trần-thị-

Tuần.— Thái-thị-Oanh.— Trương-thị-Vân.— Nguyễn-thị-Thanh.—

Nguyễn-thị-Thủy.— Phan-thị-Đốc.— Đào tiết-phụ.— Mị-Ê.— Trần

thái-hậu.— Trần liệt-phụ.— Vợ Bùi-Khuê.

(Dịch sách «Liệt-nữ của Hoàng Cúc-Lữ»). TS.

HỒNG-GIỆM

Cái oan càng nhiệt mới tình càng to. Tiểu-thuyết mới. III, 18, 12/1918.

tr. 384-386. Lời tiểu-dẫn của P.Q.— Đề-tài : dân bị đàn anh áp-

bức. VH.

HỒNG-NHÂN (Coi : Phạm-Quỳnh)

HUỲNH-BẢO-HOÀ

Banà du-ký. XXVIII, 1, 63/1931, tr. 552-559 : Mấy ngày đặng sơn lên
thăm núi Chúa. DH.

Nhân-cách phụ-nữ. XXXIII, 191, 12/1933, tr. 545-552. GD.

Vì sao tôi cúp tóc ? XXXIV, 197, 6/1934, tr. 399-392 : Bắt đầu cúp tóc
từ 1933, thiệt-hại về tóc dài, lợi-ích của tóc ngắn. XH.

HUỶNH-HIÊN-TỬ

Nam-âm thi-thoại. V, 27, 9/1919, tr. 257-260. VH.

HUỶNH-THÚC-KHÁNG

Câu đối viếng P. Pasquier. XXXIII, 191, 12/1933, tr. 518. CT.

HƯƠNG (Cố Chính)

Luân-lý đối với khoa-học thế nào ? IX, 49, 7/1921, tr. 14-20. VH.

KIỆM-HỒ

Thuyết hình-danh của Hàn-Phi. XXXIV, 196, 5/1934, tr. 356-358. —
XXXIV, 198, 6/1934, tr. 449-451. TH.

Tư-tưởng kinh-tế của Mặc-địch. Nguyễn-văn Tiền Thực-Phủ. XXXV, 210,
12/1934, tr. 327-332.

— Thời-đại và hoàn-cảnh của Mặc-địch. — Quan-niệm cõi-rẽ
và phương-pháp triết-học của Mặc-tử. KT.

KHÁI-SINH

Khảo về loài kiến. XV, 85, 7/1924, tr. 49-55. KH.

LẠC-KHỔ

Hồ cái già. Nhật-ký sự vợ. XXI, 124, 12/1927, tr. 601-613.

Sở chép của chàng Long-khâu - Sinh, chép lại cái nông-nổi
lấy phải vợ là người tây-học không tinh, hiểu lầm hai chữ
tự-do... làm tan nát gia-đình.

Tưởng sự trăm năm. — Ngày lễ tơ hồng. — Định điều-luật
mới. — Về thăm mẹ già.

- XXII, 125, 1/1928, tr. 65-73.
- XXII, 126, 2/ — 173-184.
- XXII, 127, 3/ — 287-297.
- XXII, 128, 4/ — 394-302.

Sau khi đức Bảo-đại về nước tiền-đồ việן dân-biểu sẽ ra thế nào ?

(Báo TIẾNG-DÂN ở Huế) XXXI, 174, 7/1932, tr. 95-97.

— Phái cực-đoan thân dân-quyền. Phái cực-đoan tôn quân-quyền.
Phái dung-hợp điều-hoà. CT.

Câu truyện diêm-trang, cuộc chơi mật-nguyệt. — Lời mẹ khuyên,
lời ví ong chúa, ghen giết chết mèo... — Nhục giữa đám đông.—
Mẹ già lánh mình... XH.

LÂM-TẤN-PHÁC (Coi : Đông-hồ)

LÊ-DU (Sở-cường)

Thảo-trạch anh-hùng. XXVIII, 163, 6/1931, tr. 530-537.

— Suu-tập tất cả những bậc anh-hùng hùng diên của nước
nhà từ xưa đến nay.

« Nước mô chẳng có anh-hùng

Nước mô chẳng có đũa hùng đũa diên » (Tục-ngữ)

— Giặc châu-chấu (truyện Cao Bá-Quát). — Giặc chảy vôi (Đoàn
Trưng và Đoàn-Trực).

— XXIX, 164, 7/1931, tr. 31-46 : Nguyễn Hữu-Cầu, Nông Văn-Vân,
Quảng Văn-Tề, Cai tổng Vàng. — Phụ-lục : Truyện Cai-Vàng,
Trần-ngôn ca (lục-bát).

— XXIX, 165, 8-9/1931, tr. 171-181 : Lê Duy-Mật, Nguyễn
Tuyền, Ba Nhân, Lê Duy-Phụng, Tú Thôn, Nguyễn Danh-Phương,
Lê Độ-Mô.

— XXIX, 166, 10/1931, tr. 274-284 : Giặc Kỳ-dồng, Mạc thiên-
binh, Bạch Công-Trần, Nguyễn-suy Trạn, Lý Dương-Tài, Đại-
thắng-vương, Nguyễn-Hựu-Khôi, Đàng Sát-điu, Đạo Xiển-văn, Vua
Ba Vành, Lê Duy-Long, Bạch-xi chân-nhân, phụ-lục bài văn ca. LS.

Cái chết của người trung-nghta. XXX, 168, 1/1932, tr. 16-22 : Phạm Đình-Trạc, Lý Trần-Quán, Nguyễn-Lê, Nguyễn-Biêu, Nguyễn-Suy, Vũ Công-Duệ, Trần Việt-Thọ, LS.

Lịch-sử Bằng Quốc-công. XXX, 170,3/1932, tr. 248-265. LS.

Chữ nôm với quốc-ngữ. XXX, 172, 5/1932, tr. 495-498.

— Cội gốc chữ nôm : có từ đời Sĩ-vương, bắt đầu cho dịch các sách Tàu.

— Đến Bồ,cái đại-vương, đời Đinh, đời Trần.

— Hàn-Thuyên với tác-phẩm « Phi-sa tập », Nguyễn - Sĩ - Cổ làm phú nôm.

— Chu-An với « Quốc-ngữ thi-tập » (tr. 496), Hồ-quí-Ly dịch Kinh Thi, gọi là « Quốc-ngữ Thi-nghĩa » (tr. 497) năm 1394.

— Ông Đặng Thái-Phương dịch Kinh Dịch « Chu Dịch quốc-âm dịch nghĩa » Ông Nguyễn Bá-Lân « Thi-Kinh quốc-âm ».

— Bộ « Quốc-ngữ Thi-nghĩa » không còn, các bộ quốc-âm có chỗ còn. NN.

Quốc-âm thi-văn từng-thoại. Nói truyện về một số các bài thơ của những nhân-vật như : Thân Nhân-Trung, Lê-Duy-Bá, Hạo-trai, Nguyễn Khải - Xuyên, Thanh-Quan, Ôn-như - hầu... và nhiều « tác-giả » khác...

XXX, 173,6/1932, tr. 597-608.

XXXI, 175,8/ — 135-140.

XXXI, 176,9/ — 248-256.

XXXI, 177, 10/ — 396-493.

XXXI, 178, 11/ — 488-491.

XXXI, 179, 12/ — 604-606.

XXXII, 1/80, 1/1933, tr. 30-33. VH.

Cổ kim dật sự. XXXIII, 188, 9/1933, tr. 227-241 :

— Nguyễn Văn-Giai, Nguyễn Đại-Pháp, Trần Vỹ, Vũ Tự, Nguyễn Văn-Huy, Mộ-trạch Vũ-thị, Phạm Đình-Trọng, Nguyễn Huy-Oánh, Phạm-Viên, Đinh Tiên-hoàng, Miếu Thủy-thần, Hạ-bi dị-nhân, Mộ tổ nhà Trần, Nạn chết dịch, Chuyện tái-sinh. TS.
— XXXIII, 189, 10/1933, tr. 359-367 :

— Sư Bất-Sô chùa Quang-minh, Trương Ba, Võ Đăng-Hiền, Nguyễn Thế-Nghi, Nguyễn Toàn-An, Quách Giai, Lê Nại, Lê Đình, Tề-tướng hai triều, Mai Sĩ-Kháng, Nguyễn Văn-Tự, Nguyễn Văn-Liêu, Nguyễn Cư-Sĩ, Nguyễn Văn-Phùng, Tạ Hữu-Độ, Nguyễn Đình-Tế, Nguyễn Văn-Trình.

— XXXIV, 192, 1/1934 tr.64-76 : Nguyễn Xuân-Ánh, Phan Đình-Nghi, Nguyễn Văn-Lương, Nguyễn Văn-Danh, Phan Đăng-Doanh, Nguyễn Đình-Thần, Vũ Huyền, Giả mà hoá thực, Vân-canh tiết-nghĩa, Con thuyền chài tráo đời với con quan, Đỗ-Uông, Vũ-Công Xường, Nguyễn Công-Hãng, Nguyễn Văn-Giai, Đinh Văn-Tả, Thần Phạm Ngũ-Lão với người glám sinh, Nguyễn. Danh-Cừ, Nguyễn Phan, Lê-thu, Thọ mộc Nam-hoa, Phạm-Viên, Trịnh Quang-Huy. TS.

Một quan-niệm mới về đời người. XXXIII, 189, 10/1933, tr. 331-336,

— Người Việt có nét xấu ý-lại, cầu-thả, hủ-bại. Lại do ba điều : hoàn cảnh gia-đình, ác-tập hương-thôn, xã-hội hủ-bại (học phong sai-lầm, khí-vị dân-tộc, bại-tục, gia-đình, mê-tính). XH.

Nguồn-gốc văn-học nước nhà và nền văn-học mới. XXXIII, 190, 11/1933, tr. 399-408.

— Về Hán-học (trường của Trần Ích-Tắc, phủ Thiên-trường, Lan-kha thư-viện, Chu-Văn-An), Phật-học, Tây-học, chữ nôm và chữ quốc-ngữ.

— Nền văn-học mới (Nguyễn Văn-Vinh muốn thay năm dấu hãng năm chữ Lê-Dư chủ-trương bỏ năm dấu). VH.

Cơ-vũ và âm-nhạc nước nhà. XXXIV, 193, 2-3/1934, tr. 169-177.

— **Lược xét về nữ nhạc :** hát trai (Hà-liều), hát bắc-phản (hát mờ), hát nói (Hà-nam), hát miếu, hát chữa-khi, nhịp ba cung bắc, gửi thơ, hát hãm, hát đồn đại-thạch, điệu ngâm-vọng, đồn cung nam (dồn nhất), nói đại-thạch (miếu đại-thạch), thét nhạc (đăng hương), lối hát hà-vị. AN.

Phật giáo yếu-luận. XXXIV, 195, 1-5-1934, tr. 290-296.

— **Thuyết vạn-hữu, thuyết vô-thủy vô-chung, thuyết chư-hành vô-thường, thuyết chư-pháp vô-ngã, thuyết nhân-quả ứng-báo, thuyết luân hồi chuyển-sinh, tiêu chuẩn điều thiện điều ác, cái hoặc-tính, tu-hành, nát-bàn, kết-luận.** TG.

LÊ-DƯƠNG

Nhân cuộc hồi-loan của vua Bảo-đại hai chữ cải-cách lại thấy lời ra. XXX, 175, 8/1332, tr. 208-209. CT.

LÊ-ĐÌNH-THẮNG

Bài ký chơi chùa Thày. VIII, 48, 6/1921, tr 514-517. DH.

LÊ ĐỨC-NHƯỢNG

Me con tôi không mặc được sống nâu. Truyện ngắn. XXXIV, 193,2-3. 1934, tr. 179-180. VC

Anh hủ lấm. Truyện ngắn. XXXIV, 194, 4/1934, tr. 247-250. VC.

Bức ảnh phóng đại. Truyện ngắn. XXXIV, 195, 1-5/1934, tr. 308-312. VC

Người thím nuôi. XXXIV, 196, 5/1934, tr. 352-355. VC.

Đồ mát dạy. XXXIV, 198, 6/1934, tr. 436-439. VC

Sao cũng bày đồ nghi-vệ ? Truyện ngắn, XXXIV, 200, 7/1934, tr. 76-78. VC.

Lại một hóa hai. Truyện ngắn. XXXIV, 201-202 8/1934, tr. 61.64. VC.

Bữa cỗ nợ miệng. Truyện ngắn. XXXV, 204, 9/1934, tr. 76-78. VC.

Lòng nhi-nữ. Truyện-ngắn. XXXV, 205, 10/1934, tr. 103-107. VC.

Ông Hội Hờ. Truyện ngắn. XXXV, 209, 12/1934, tr. 286-287. VC.

Từ hôn. Truyện ngắn. XXXV, 210, 12/1934, tr. 333-335. VC.

LÊ-GIỰ

Loài vật hay. Những chuyện có thực về loài vật. XVI, 91, 1/1925, tr.

55-59.— XVI, 92, 2/1925, tr. 143-150.— XVI. 93, 3/1925, tr. 272-

280. KH.

LÊ-HÀO

Một đêm đông của khách giang hồ. VI, 3', 3/1920, tr. 266-267. VC.

LÊ-NGUYỄN

Câu truyện «tiếng ta» bên kinh-đô Pháp. XIV, 84, 6/1924, tr. 509-512.

NN.

LÊ-TÂN-HÂN

Tiếng oan những muốn vạch trời kêu lên. Truyện khuyên răn. XV, 90,

12/1924, tr. 538-539. VC.

LÊ-TƯỜNG

Truyện con yêu được vợ, dịch Lesage. X, 56, 2/1922, tr. 162-165. VC.

LÊ-THĂNG

Tiếng Nam. XXVIII, 160, 3/1931, tr. 263-265.

- Phải dùng tiếng Việt trong học-vấn, chánh-trị và pháp-luật.
 - «*Học chữ Tàu, phóng chép tư-tưởng văn-minh Tàu, Nước nhà thật đã sống vào cái đời «con yêng» vậy !* (tr. 263).
 - «*Cái địa-vị tiếng Pháp ngày nay chẳng khác gì địa-vị của tiếng Trung-hoa ngày xưa. Như thế đủ biết rằng người bản-xứ còn chưa biết tự-tôn, tự-quý, nước Pháp còn hùng-cường hơn nước Nam*» (tr. 264).
- Dùng tiếng Pháp có hai cái hại : cho người Việt, và cho người Pháp. NN.

Cuộc kinh-tế khủng-hoảng trong thế-giới. XXIX, 164, 7/1931, tr. 11-15b.

- Sinh-sản thái-quá, tiêu-thụ bất-cập. KT.

LÊ-THÚC-THÔNG

Nam-sử liệt-truyện khảo-cứu. XVII, 100, 10-11/1925, tr. 329-340.

— Triệu-Àu, Mai-hắc-đế. Trần-Thời-Kiến, Hàn-Thuyên, Hồ Quý-Ly.

— XVII, 101, 12/1925, tr. 454-466 : Lê-Khôi, Nguyễn-Xí, Phạm-Đình-Trọng, Lý-Trần-Quán, Trần-Công-Xán, Nguyễn-Hữu-Chinh.

— XVIII, 102, 1-2/1926, tr. 43-53 : Nguyễn Huệ, Nguyễn Thiếp, Nguyễn Thị-Kim, Nguyễn Công-Trứ. LS.

LÊ-TRÀNG-KIỀU

Lãng mạn.— Đạo thánh và người trần.— Một cuộc phân li trong xã-hội. XXXV, 206, 10/1934, tr. 150-152. VC.

LÊ-VIẾT-LƯỢNG

Văn-tế : Kim-Trọng tế Thúy-Kiều ở sông Tiền-đường. Nguyên-văn của Phạm-Liệu. XVI, 92, 2/1925, tr. 179-181. VH.

LÊ-XUÂN-SINH

Câu chuyện thầy đồ quê : Nói với các chủ có con học. XIV, 79, 1/1924, tr. 61-67.— XIV, 83, 5/1924, tr. 406-408. VC.

LƯU-VĂN-MINH

Muốn giỏi tiếng Pháp nên biết chữ latin. VIII, 45, 3/1921, tr. 215-225.

— Lý-lẽ về chữ Việt và chữ Hán cũng tương-tự như tiếng Pháp với tiếng latin : lời tòa-soạn Nam-Phong. VHP.

LƯƠNG-ĐIỀN (Coi : Nguyễn-Mạnh-Bông)

LƯƠNG KHẮC-NINH

Mượn chữ sai hoạc văn-minh. IV, 22, 4/1919, tr. 327-328.

— Vấn-đề phiên-âm các tên riêng ngoại quốc.

— Lời bàn của Phạm-Quỳnh. NN.

MAI-ĐĂNG-ĐỆ

Bàn góp bài «Tráy Chùa Hương» của Ông Thượng-Chi trong NP 23. V, 26, 8/1919, tr. 133-136.

— Sửa-chữa những ý-kiến của T.C. bàn về «vô-thần của Khổng-giáo», về Phật-giáo nữa...

— Thượng-chi đáp lại. TG.

MAI-KHÊ

Tuyết-hồng lệ-sử, dịch Từ-Trầm-Á, truyện chung-tình.

XIII, 77, 11/1923, tr.	421-428.
XIII, 78, 12/ —	507-515.
XIV, 79, 1/1924	68- 73.
80, 2/ —	153-161.
81, 3/ —	250-257.
82, 4/ —	328-335.
83, 5/ —	428-434.
84, 6/ —	519-526.
XV, 86, 8/ —	170-173. VH.

Bàn về truyện Kiều. XVII, 99, 9/1925, tr. 225-230. VH.

Cuộc chơi trăng sông Nhuệ. XVII, 101, 12/1925, tr. 444-449. DH.

MAI-LIÊN nữ-sĩ

Tuyệt luận mộng : truyện nàng Mị-châu. Luận-lý truyền-kỳ kịch-bản. XVII, 97, 7/1925, tr. 71-83. VH.

MAI-TÁT-TOAN

Quốc-dân ta cần phải có một tập Phổ-thông nguyệt-báo. X, 56, 2/1922, tr. 141-142. XH.

MÂN-CHÂU (Coi : Nguyễn Mạnh-Bông)

MỀ-NHÂN

Cái hại hút thuốc. IV, 23, 5/1919, tr. 395-397.

— Một vật-phẩm thị-hiệu.- Lịch-sử thuốc hút.- Các phân trong chất thuốc.- Phân lượng chất độc.- Tác-dụng của nicotin.- Hại cho người còn trẻ. XH.

Nước Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie) sau cuộc đại-chiến-tranh. V, 25, 7/1919, tr. 41-48.

— Lịch-sử.- Nguyên-nhân suy-yếu.- Chịu ép với Nga.- Nga, Anh

Đức cạnh-tranh về Thỗ.- Nhân-duyên ác người Đức với người Thỗ.- Thỗ gia-chiến.- Thỗ khuất-phục.- Tội-trạng người Thỗ.- Giải-quyết vận-mệnh Thỗ. CT.

Cái văn-minh mới sau trận đại chiến-tranh này thế nào ? V, 25, 7/1919, tr. 59-61. XH.

Cụ Bùi-Huy-Bích. V, 27, 9/1919, tr. 246-250. TS.

MĨ-NGỌC

Lược-thuật hành-trình cuộc ngự-giá bắc-tuần (28-11 đến 14-12 năm 1933). XXXIII, 190, 11/1933, tr. 491-499. DH.

Sức mạnh về tinh-thần của nước Nhật-bản. XXXIV, 193, 2-3/1934, tr. 157-168.

— Những đức-tính.- Về lịch-sử.- Luật danh-dự.- Mĩ-thuật.- Thần-đạo.- Cải-cách.- Sức mạnh. CT.

Vấn-đề giáo-dục ở nước Tàu. XXXIV, 201-202, 8/1934, tr 73-78.

— Lịch-sử việc học nước Tàu, việc học ngày nay. GD.

MINH-PHƯỢNG

Kiếp văn-tự. XIX, 107, 7/1926, tr. 29. VH.

Hương-sơn du-ký. XIX, 109, 9/1926. tr. 264-283. DH.

Sống chết. XIX, 110, 10/1926, tr. 355-356. VC.

Bàn về giáo-dục Đông-Tây. XIX, 111, 11/1926, tr. 493-495. GD.

Tình-cảnh buổi chiều. XIX, 111, 11/1926, tr. 495-497, VC

MÍNH-VIÊN (Coi : Huỳnh Thúc Kháng)

MÔNG - TUYẾT

Bông hoa đua nở, tập làm văn. Gồm 24 bài làm văn. XXVI, 146, 1/1930, tr. 4-17. VC.

Chơi Phú-quốc. XXXIV, 198, 6/1934, tr. 440-443.- XXXIV, 199, 7/1934, tr. 22-24. DH

N. M.

Chính-trị Pháp-Việt. Lại bàn góp về bài Fontaine. XX, 118, 6/1927, tr. 497-498. CT.

N. T.-T.

Vấn-đề hương-chính ở Bắc-kỳ ngày nay. XIX, 112, 12/1926, tr. 545-554. XH.

N. U.

Kỳ-học lược-khảo. Khảo về nghề đánh cờ. IX, 53, 11/1921, tr. 408-421. MT.

N. X. H.

Lược-ký đi đường bộ từ Hà-nội vào Sài-gòn. XXII, 129, 5/1928, tr. 459-468.— Tr. 466-467 : bàn về cách ăn-mặc của phụ-nữ Bắc-Nam. DH

NAM-CỔ

Bàn về nghĩa chữ « đại-nhân ». XII, 67, 1/1923, tr. 49-50. VH.

Một cái ý-kiến về sự bầu-cử ở các dân-thôn. XII, 69, 3/1923, tr. 233-237. XH.

Hung-nông khảo-luận. XII, 70, 4/1923, tr. 327-329.

— Cần phải chữa đốt sáng lại.— Phải giữ vệ-sinh cho cây XH.
KT.

Sự biến-đổi của hương-thôn từ xưa đến nay. XII, 72, 6/1923, tr. 516-523.— XIII, 75, 9/1923, tr. 237-240.— XIII, 76, 10/1923, tr. 326-330.— Sự học, luân-lý... Về thực-nghiệp. Về vệ-sinh. XH.

NAM-GIANG

Nên có một thứ sách cho trẻ con xem. XV, 85, 7/1924, tr. 59-63. GD.

NAM-MINH

Máy lời bình-luận về cuộc diễn-kịch của hội KTTĐ. XI, 35, 5/1920,
tr. 396-408A. VH.

NAM-PHONG (Coi Phạm-Quỳnh. Nam-Phong)

NAM-THẠCH

Kiên nhi, dịch tiểu-thuyết Tàu. IV, 24, 6/1919, tr. 505-507. VH

Trần-Đạt, truyện Tàu. V, 26, 8/1919, tr. 182-183. VH.

Lão hàng rượu, truyện Tàu. V, 26, 8/1919, tr. 183-184. VH.

NG. - K. - C.

Viếng con gái từ-trần. XXII, 128, 4/1928, tr 343-344. VH.

NGỌC-ĐÌNH Phạm-Quang-Sán

Cửa đời người thế, dịch truyện Tàu. VI, 36, 6/1920, tr. 519-523. VH

Làm ơn nên oán, tiểu-thuyết Tàu. VIII, 43, 1/1921, tr. 62-65 VH.

Bỏ nhà chuộc bạn, tiểu-thuyết Tàu. VIII, 44, 2/1921, tr. 151-154. VH.

Truyện cỏ-bồn-ca, dịch truyện Tàu. VIII, 46, 4/1921, tr. 317-320. VH.

NGỌC-TRÚC

Thống-lĩnh Masaryk nước Triết-khắc (Tchécoslovaquie). XXVI, 149, 4/
1930, tr. 391-395. CT.

Lịch-sử độc-lập nước Hy-lạp. XXVI, 150, 5/1930, tr. 492-495. CT.

Nước Miến-điện ở dưới quyền thống-trị của người Anh, dịch E. A.
Blair. XXVI, 150, 5/1930, tr. 495-499. CT.

NGÔ-KỶ-NGƯ

Vấn đề trị lụt ở xứ Bắc-kỳ.

— II, 7, 1/1918, tr. 7-10 : Đường thoát nước.- Cửa tháo nước. Có hai hình về đập nước giữa tr. 8 và 9.

— II, 8, 2/1918, tr. 69-75 ; tờ báo cáo của quan kỹ-sư Norman-din. Chương-trình của Peytavin. Sự chỉnh-lý đất Trung-châu : đập cho để được mạnh thêm, lợi-dụng hết các đường thoát, đặt các cửa tháo.

— II, 9, 3/1918, tr. 132-138 : Cách thức về sự chỉnh-lý : cách tháo nước vào, cách thoát nước đi.— Cái phương-diện thuộc về đường kinh-tế.- Những công-trình phụ thêm.- Dự toán các khoản kinh-phí. Sự thi-hành chương-trình.— Buổi giao-thời.— Sự kết-quả mong được.— Toát-yếu và kết-quả. XH.

NGÔ-NGỌC-KHA

Nguyễn-triều trong thời-kỳ sơ-khởi. XXXII, 184, 5/1933, tr. 450-465

— Thời Nguyễn-Ánh lưu-lạc, ký-kết với Pháp và khôi-phục lại giang-san. LS.

Mai, truyện ngắn. XXXV, 207, 11/1934, tr. 183-187. VH.

NGÔ-QUÍ-CHẤN

Bàn về việc kỹ-nghệ và buôn-bán. V, 26, 8/1919, tr. 169-171. KT.

Nói về cái giầy thân-ái của người nước Nam đối với người Đại-Pháp.

Việc chiến-tranh góm-ghe này là một cuộc tiến-hoá cho nhân-loại. V, 29, 11/1919, tr. 445-448. CT.

NGÔ-THƯƠNG-GIA

Bàn về thương-nghiệp : Cách tổ-chức một nhà buôn. VIII, 47, 5/1921, tr. 345-354. KT.

NGÔ-VI-LÂM

Ngắm cuộc đời. III, 15, 9/1918, tr. 168-169. VC.

Chữ Hán không nên bỏ. V, 26, 8/1919, tr. 172-173. VH.

NGU-SƠN

Một cái tục-lệ rất có phương-hội đến nhân-cách. XXXI, 175, 8/1932,
tr. 209-211.

— Nên bỏ «cái lạ»

— «Lễ là theo nhân-tình mà làm ra tiết-văn».

— «Lễ chi dụng, hòa vi quý». XH.

NGUYỄN-ANH-TUẤN

Bàn về tín-giáo tự do. V, 28, 10/1919, tr. 340-341. TG.

Bàn góp ít câu truyện Kiều. XII, 72, 6/1923, tr. 512-515. VH.

NGUYỄN-BÁ-HỌC

Câu truyện gia-đình, tiểu-thuyết mới. II, 10, 4/1918, tr. 242-246. VH.

Truyện ông Lý Chấm, hương-tình tiểu-thuyết. III, 13, 7/1918, tr. 50-53.
VH.

Bàn về tiết-kiệm. IV, 21, 3/1919, tr. 191-194: Không tiết-kiệm vì: 1)
ngu-dại, 2) mê-tín, 3) thói quen, 4) hiểu-danh. GD.

Có gan làm giàu, truyện ngắn. IV, 23, 5/1919, tr. 404-409. VH.

Lời khuyên học-trò. IV, 24, 6/1919, tr. 472-480:

- 1) Phải thề lòng cha mẹ
- 2) Phải sửa mình cho đúng mực
- 3) Chịu khó
- 4) Phải bỏ nết xấu

- 5) Phải biết dự-bị
- 6) Ý-hướng cho chuyên
- 7) Phải biết phục-tòng
- 8) Miễn-cư-ơng
- 9) Mạo-hiềm
- 10) Chúng bạn
- 11) Nên người trọn vẹn
- 12) Đặc-sắc
- 13) Lòng thương
- 14) Không nên chơi bời
- 15) Văn chương
- 16) Tuần tự.

— V, 25, 7/1919, tr. 61-65 :

- 17) Tám điều cần : Cần-mẫn, quả-đoán, từng-trải, linh-lợi, can-đảm, thành-thực, chất-phác.

- 18) Tự-trọng
- 19) Đòi người
- 20) Tiết-kiệm
- 21) Dụng người
- 22) Chí thành
- 23) Hi-vọng
- 24) Phản đối

— V, 26, 8/1919, tr. 142-145 :

- 25) Ở đời
- 26) Sống lâu
- 27) Sự vui sự khổ
- 28) Lý-tưởng

- 29) Chấn đời
- 30) Chê đời
- 31) Phá hủ-tục
- 32) Thượng-lưu. GD.

Bàn về chức-phận các thầy giáo tiểu-học. V, 25, 7/1919, tr. 65-68)

- 1) Biết trách-nhiệm. 2) Tu-đức tính. 3) Gây học-thức.
- 4) Giữ sức khoẻ.— a) Đối với học-trò: công-bằng, từ-ái, hoạt-bát, cần-thận. b) Đối với nhà trường. c) Đối với xã-hội. d. Đối với quốc-gia. GD.

Câu truyện nhà sư. V, 26, 8/1919, tr. 176-182. VH.

Bàn về nghĩa-vụ tự-do kết-hôn. V, 27, 9/1919, tr. 231-235 :

- Hai trào-lưu tân, cựu đối-thoại
- Lễ-hôn bên Âu-châu
- Lễ-hôn theo cồ-lệ của đạo nho. XH.

Gia-đình giáo-dục ký. Lý-tưởng của một nhà giáo-dục. V, 28, 10/1919, tr. 321-327. GD.

Chí-phú cầm-nang, Phép làm giàu. V, 29, 11/1919, tr. 407-412.— V, 30, 12/1919, tr. 503-510.— VI, 31, 1/1920, tr. 36-41. XH.

Chuyện việc làng. VI, 32, 2/1920, tr. 131-143 :

Tự-ngôn

- 1. Cải-lương tục làng
- 2. Việc lý-tài
- 3. Bầu chức dịch
- 4. Giáo-dục trẻ em
- 5. Xử-đoán
- 6. Tuần phòng
- 7. Tiệc lệ

8. Công-nghệ. XH.

« Tập-trở » . VI, 33, 3/1920, tr. 249-253 :

1. Đánh dấu thuyền đề mò kiếm
2. Con nhếch và con tằm
3. Thuốc cồng tay
4. Người xấu học nhẩn
5. Thư-trá
6. Chuyện người mất dao
7. Người bán mộc và người bán giáo
8. Người Lỗ sang Việt
9. Cướp vàng giữa chợ
10. Biện-Trang đâm hồ
11. Loài không quý tiện
12. Doãn thị trị-sản. VH. GD.

Sự giáo-dục trong gia-đình. VI, 34, 4/1920, tr: 287-306 :

1. Phận sự đàn bà
2. Đàn bà phải làm thế nào cho hết phận-sự
3. Dạy con thế nào cho biết phục-tòng cha mẹ
4. Dạy con thế nào cho có tính thành-thực
5. Dạy cho nên người liêm-chính
6. Dạy cho có lòng tự-tin
7. Dạy tinh-thần trật-tự
8. Dạy tính tiết-kiệm
9. Dạy lễ-nhượng
10. Quan-niệm đồng-tính của trẻ.

— . VI, 35, 5/1920, tr. 409-419 :

11. Tập cho trẻ thói quen thanh-khiết
12. Cách thưởng-phạt

13. Khi trẻ giao-du với bạn
14. Khi trẻ nhận lời
15. Khi trẻ bất tốn
16. Tính-chất người mẹ. GD.

Dư-sinh lịch-hiêm-kí, xã-hội tiểu-thuyết. VI, 35, 5/1920, tr. 437-446 : lời
tự-thuật của một người dỏ-dang về học giới. XH.

Thư trả lời ông chủ-bút Nam-Phong về vấn-đề nữ-học. VII, 40, 10/
1920, tr. 322-324 :

- Về việc giúp chồng
- Về việc trị gia
- Về việc dạy con
- Về việc truyền-chúng. GD.

Chuyện cô Chiêu Nhì, truyện ngắn. VIII, 1/1921, tr. 55-58. VH.

Đạo vệ-sinh trong xã-hội. VIII, 44, 2/1921, tr. 142-145 :

Bệnh xã-hội :

1. Không biết bảo-hộ đầu-não
2. Giá-thú sinh-dục sớm quá
3. Lớn bé tập điều giả-dối
4. Sừa phạt hay dùng roi
5. Thờ nguyên chủi rửa
6. Hay tin mệnh vận. XH.- GD.

Việc hành-lạc ở chốn nông-thôn. VIII, 44, 2/1921, tr. 145-147 :

Nên mở : 1) Sở «Trần-thiết» hay triều-lâm

2) Hội diền-thuyết. XH.

Mấy điều yển-lược về kinh-tế-học. VIII, 45, 3/1921, tr. 200-206 :

1. Kinh-tế bởi thị dục
2. Hiệu-dụng và giá trị của giá-trị của tài-sản
3. Chế-tạo tài-sản

4. Những vật cốt-yếu trong sinh-nghiệp
5. Những phương-pháp về đường kinh-tế. KT.- XH.
— VIII, 46, 4/1921, tr. 290-295, tiếp.

Câu chuyện một tối của người tân-hôn. VIII, 46, 4/1921, tr. 307-310.
VH.

Văn-minh Âu-Á khác nhau thế nào : Động-văn-minh và tĩnh-văn-minh. VIII, 47, 5/1921, tr. 365-370. VH.

Đạo chúng bạn. VIII, 48, 6/1921, tr. 463-465. XH.

Chủ nhà với đầy tớ. VIII, 48, 6/1921, tr. 465-467. XH.

Một nhà bác-học. Hoạt-kê tiểu-thuyết. IX, 49, 7/1921, tr. 67-71. VH.

À ! Truyện chiêm-bao, nt, trang 70-71.

Coi : Cụ Nguyễn-Bá-Học, trong IX, 50, 8/1921, tr. 163-172, gồm : 1) Bài viếng lúc hạ huyệt tại Nam-định ngày 26-8-1921; 2) Lược-sử; 3) Lời di-ngôn của cụ; 5) Cảm-tình của một người đọc Nam-Phong (Coi : mục Phạm-Quỳn). TS

NGUYỄN-BÁ-KÍNH

Túy-vân du-ký. XI, 62, 8/1922, tr. 136-137. DH.

NGUYỄN-BÁ-TRÁC

Ngọn gió Hồ Gươm. I, 1, 7/1917, tr. 51-52. VH.

Bài tự-tình với Sông Hương. I, 2, 8/1917, tr. 118. VH.

Bàn thêm về trường Pháp-Chính. I, 3, 9/1917, tr. 187-192 ; 1) Thơ của quan Tuần Thái-bình. 2) Mấy nhời bàn theo. PL.

Cái quan-niệm dân ta đối với chủ-nghĩa «Đông-dương thống-nhất». II, 10, 4/1918, tr. 191-197 : Theo Sarraut, lập một «Đệ-nhị Pháp-quốc» ở cõi Á-châu, một liên-bang Pháp. CT.

Bàn về học-thuật nước Tàu. III, 15, 9/1918, tr. 129-141.

1. Thượng-cổ thời-đại
2. Thời-đại Hạ, Thương, Châu
3. Tần, Hán, Tam-quốc
4. Tấn và Nam Bắc-Triều
5. Tùy, Đường, Ngũ-đại
6. Tống, Nguyên
7. Minh, Thanh. VH.

Mấy lời ngỏ lại cùng ông Ng. h. V. Nam-kỳ. III, 17, 11/1918, tr. 256-258. NN.

Giải-nghiã về sự lập Hội đảng. III, 18, 12/1918, tr. 327-330, CT.

Nói ngay cũng phải dju lời (nhân dịp đáp lại Ng. h. V.). IV, 20 2/1919, tr. 97-99. NN.

Quan Toàn-quyền đối với hiến-pháp Đông-dương. IV, 21, 3/1919, tr. 184-186. CT.

Hạn-mạn du-ký (Lời ký của một người đi chơi phiếm).

— VII, 38, 8/1920, tr. 134-144 : Lời mở đầu. 1) Ra khơi. 2) Đến Bangkok. 3) Đi Hương-cảng, 4) Sang Nhật-bản.

— VII, 39, 9/1920, tr. 219-232 : Về nước Nhật, Kinh-đô Nhật.

— VII, 40, 10/1920, tr. 303-322 : 6) Phong-tục Nhật-bản. 7) Từ Nhật về Thượng-hải. 8) Địa-lý và lịch-sử Trung-quốc.

— VII, 41, 11/1920, tr. 385-403 : 9) Từ Thượng-hải tới Nam-Kinh. Người Triều-tiên. Lịch-sử Triều-tiên. 10) Người đồng-hương tại Thượng-hải.

— VII, 42, 12/1920, tr. 457-467 : 11) Đi Quảng-tây. Quế-lâm gia-đình.

— VIII, 43, 1/1921, tr. 21-35 : 12) Bắc-kinh. 13) Từ-Yên-kinh đi Tứ-xuyên. 14) Tình-hình Quảng-đông. DH.

Bàn về Hán-học. VII, 40, 10/1920, tr. 324-336 : 1) Du-học Tàu. 2) Vì Phật-học mà biết Hán-học. 3) Đạo nho, Đạo-Phật đồng truyền-bá. 4) Đạo nho rất thịnh. VH.

Lời di-ngôn của cụ Nguyễn-bá-Học. IX, 50, 8/1921, tr. 168-171. TS.
Quảng-ngãi tỉnh-chí (do Nguyễn-Bá-Trác và một ban biên-tập).

— XXXII, 181, 2/1933 : *Hình-thế*, lịch-sử, giới-hạn, hình-thế, sông ngòi, bờ bãi, thời tiết khí-hậu, cở-tích linh-từ, kết-luận.

— XXXII, 182, 3/1933, tr. 287-293 : *Chính-trị*, lịch-sử các dân-tộc.

— XXXII, 183, 4/1933, tr. 368-378 : Sơn phòng, lịch-sử bảo-hộ

— XXXII, 184, 5/1933, 466-477 : *Chính-trị* : địa-thể hai miền Trung-châu Thượng-du, nhân-số, người An-nam, giáo-dục.

— XXXII, 185, 6/1933, tr. 602-610 : *Binh-bị*, người Mọi (sinh-hoạt, phong-tục...), tổng-luận.— *Kinh-tế*...

— XXXIII, 186, 7/1933, tr. 49-59 : Ruộng đất trồng lúa, giồng các thứ khác, thổ-sản ăn khi đỡ đói, thổ-sản ở rừng, thổ-sản ở miền bãi.

— XXXIII, 187, 9/1933, tr. 177-182 : Nuôi súc-vật, sản-vật dưới đất, kỹ-nghệ, sự buôn-bán.

— XXXIII, 188, 9/1933, tr. 267-283 : Xuất-nhập cảng, giao-thông vận-tải, điện-phòng và trạm.— Kết-luận và kỳ-vọng đối với tỉnh Quảng-ngãi. DH. LS.

Coi : Nam-Phong, phần Hán-văn.

NGUYỄN-BẠT-TUY

Cái quan-niệm dân ta đối với quê-hương nên thế nào ? V, 29, 11/1919, tr. 448-450. XH.

NGUYỄN-CẢNH

Phương-cách trị-thuỷ. XXIII, 133, 9/1928, tr. 245-256. XH.

NGUYỄN-CU

Mấy lời bàn về sự thờ Trời. Lễ Giao ở nước Nam ta. XV, 86, 8/1924, tr. 138-155. TG.

NGUYỄN-CU-TRINH

Truyện Sãi-vãi. VII, 39, 9/1920, tr. 232-238.

— Bài hoạt-kê đối-thoại của tiên-nho Nguyễn-Cu-Trinh tiên-sinh soạn năm 1750. VI.

NGUYỄN-DẠ-THANH

Cối rẽ chữ «tày chay» (đề-chế). V, 27, 9/1919, tr. 282-284 XH.

NGUYỄN-ĐẶNG-GIUẢN

Ta nên xây nền quốc-văn cho bền chặt. XXX, 168, 1/1932, tr. 22-26.

— Phương-pháp : 1) Soạn bộ tự-điền
2) Soạn sách học
3) Mở khoa thi quốc-văn. VH.

NGUYỄN-ĐÌNH-GIÁM

Ý-kiến riêng về máy ván-đề hiện-thì. VIII, 43, 1/1921, tr. 71-73.

— Việc học-giới.— Việc hương-chính.— Việc nữ-giới. XH.

NGUYỄN-ĐÌNH-TỶ

Bàn sự học con gái bây giờ nên thế nào ? IV, 23, 5/1919, tr. 397-399.
GD.

NGUYỄN-ĐÌNH-VĂN

Hai bài văn cũ về truyện Kiều : I. Bài biều Thúy-Kiều (NĐV). II. Bài phú Thúy-Kiều (không rõ của ai). XIV, 82, 4/1924, tr. 304-309 VH.

NGUYỄN-ĐÔN-PHỤC (Tùng-vân)

Vợ thày Cừ-Lự, dịch tiểu-thuyết Tàu. V, 25, 7/1919, tr. 80-83. VH.

Chùa nói chữ nho, hài-văn. IX, 50, 8/1921, tr. 148. VH.

Mấy lời trung-cáo với các bạn nhà nho, nguyên-văn chữ Hán của Nguyễn Bá-Trác, trong NP số 49. IX, 51, 9/1921, tr. 189-199. VH.

Chuyện con tinh nói dối, hài văn. IX, 52, 10/1921, tr. 351-352. VH.

Thần đảng đi thi IX 53, 11/1921. tr. 455. VH.

Du Ngọc tân-ký. X, 57, 3/1922, tr. 212-215. DH.

Văn -chương và nhân-vật trong truyện Thúy-Kiều. X, 58, 4/1922, tr. 302-315. VH.

Du Tử-trầm-sơn ký. X, 59, 5/1922, tr. 392-400. DH.

Sự lạ, hài-văn. X, 29, 5/1922, tr. 402. VH.

Ván-đề ấu-trĩ viên. X, 60, 6/1922, tr. 427-437. XH.

Ván-đề thiết-lập ra các ấu-trĩ viên của hội Khai-trí liên-đức. XI, 61, 7/1922, tr. 1-10 : Ấu-trĩ-viên, cách lập, bản qui-tắc, ấu-trĩ-viên ca (song thất). XH.

Lời phê-bình sách quốc-ngữ trong nhà giáo. XI, 61, 7/1922, tr. 13-16 : Nhân bộ «Minh-giáo xích-độc» trong đó tác giả là người Âu đã dùng nhiều chữ Hán. VH.

Câu chuyện của người bán cam, truyện. XI, 61, 7/1922, tr. 48. VH

Luận về nghĩa trời, đất, người. XI, 62, 8/1922, tr. 88-101. TH.

Cuộc đi quan phòng làng Thượng-cát. XI, 63, 9/1922, tr. 182-192. DH.

Khảo-luận về cách hài văn. XI, 64, 10/1922, tr. 280-285. VH.

Lịch-sử dân-tộc ta khai-thác về cõi Nam, dịch bài Hán-văn, NP số 44, của Nguyễn-bá-Trác. XI, 65, 11/1922, tr. 339-352. LS.

Du-lịch về phía Nam nước Tàu, dịch «Nam-du-ký của Tôn Gia-Đồ, tự Tích-Công đời nhà Thanh. XI, 66, 12/1922, tr. 456-470.- XII, 68, 2/1923, tr. 136-143.- XII, 69, 3/1923, tr. 206-211. DH.

- Khảo-luận về cuộc hát á-đào. XII, 70, 4/1923' tr. 277-289. AN.
- Truyện ông đồ Ba-Vầy, truyện khôi hài. XII, 71, 5/1923, tr. 399-408.
VC.
- Câu chuyện vãi năm người, chuyện ngắn. XIII, 73, 7/1923, tr. 43-49.
VC.
- Lời thư thàn Lương-tâm trách thàn Tai, thàn Mắt, thàn Lưỡi, thàn Tay,
hài văn, XIII, 74, 8/1923, tr. 139-142. VC.
- Oan hay là chẳng oan, hài-văn. XIII, 75, 9/1923, tr. 223-229.
- Bàn về chữ danh, dịch «Bắc-sơn di-văn». XIII, 76, 10/1923, tr. 285-293
VH.
- Dự thảo một bản chương trình. XIII, 77, 11/1923, tr. 416-420. Chuyện
vui hay là chuyện «bù khú», gồm hai mươi sáu điều-lệ của «Hội
Ch... gái». VH.
- Thế nào là lối phòng-cổ hài-văn ? XIII, 78, 12/1923, tr. 467-476 : Hành-
văn, bảo-toàn đạo nho, khóc cụ Vũ Trần-Thiệu, Nông-nổi nghiệp,
dân-xã nên cải-lương, vịnh cái bút lông. VH.
- Bàn về lịch-sử nước Tàu. XIV, 80, 2/1924, tr. 136-142.
XIV 81, 3/1924, tr. 219-227 : văn-hoá.
XIV, 83, 5/1924, tr. 409-415 : về lịch-sử khoa-trương.
XIV, 84, 6/1924, tr. 498-505 : về lịch-sử hủ-bại, 60 năm gần đây.
XV, 85, 7/1924, tr. 19-26 : dân-quốc rối loạn.
XV, 86, 8/1924, tr. 118-126. LSTQ.
- Phép giáo-dục về nghề ma-men, hài-văn. XV, 86, 8/1924, tr. 156-160.
VC.
- Bài ký chơi Cờ-loa. XV, 87, 9/1924, tr. 203-216. DH.
- Xã-hội loài nháy, hài-văn. XV, 88, 10/1924, tr. 329-332. VC.
- Lịch-sử họ Bất, hài-văn. XV, 90, 12/1924, tr. 509-530. VC.

Cuộc đi chơi năm tầng núi. Thuộc tỉnh Bắc-ninh, Tiên - du, ga Cầu Lim. XVI, 91, 1/1925, tr. 40-54. DH.

Cuộc đi chơi Sài-sơn. Thuộc phủ Quốc-uy, Thạch-thất, Sơn-tây. XVI, 93, 3/1925, tr. 237-253. DH.

Cuộc vui chơi hàng ngày của hạng người thượng-lưu trí-thức. XVI, 94, 4/1925, tr. 365-377 : phái đạo - đức, phái đa-tình, đổ thơ, phụ tiên, hát ả-đào, tắm mát...— Ngày nay giao-thời, tư-lợi, quốc-văn ft... XH.

Cuộc thưởng kinh-nghĩa nô-m. XVI, 95, 5/1925, tr. 438-454 : Lời kỳ-sự. Máy đầu bài .

- Chim khôn đậu nóc nhà quan.
- Cửa đánh bạc đề ngoài sân.
- Mài mực ru con, mài son đánh giặc.
- Thì xưa kén lấy con dòng.
- Trắng đến rằm thì tròn. VH.

Câu truyện học ở đời nay. Việc học trong buổi giao-thời. XVII, 97, 7/1925, tr. 61-71. VH.

Các nhân-vật trong cuộc cờ nước Tàu. XVII, 100, 10-11/1925, tr. 311-312. XH.

Lời cảm-cựu về mấy ngày chơi Bắc-ninh. XVII, 100, 10-11/1925, tr. 340-355. DH.

Đàn bà Đông - phương. XVII, 101, 12/1925, tr. 435-444 : 1) Vợ chồng cậu ấm Trinh. — 2) Vợ chồng ả Lê-Xuân. — 3) Kỹ-nữ Hoa cô-nương. XH.

— XVIII, 102, 1-2/1926, tr. 67-70.— XVIII, 104, 4/1926, tr. 266-273.— XVIII, 105, 5/1926, tr. 363-368.— XIX, 107, 7/1926, tr. 63-76.— XIX, 110, 10/1926, tr. 344-355.— XIX, 112, 12/1926, tr. 560-567 : Soạn-giả trích truyện các bậc liệt-nữ trong lịch sử.

Trung-hoa... — XX, 116, 4/1927, tr. 348-354. — XX, 117, 5/1927, tr. 435-448.

— XXI, 119, 7/1927, tr. 44-55. — XXI, 120, 8/1927, tr. 168-173. — XXI, 121, 9/1927, tr. 280-288. — XXI, 123, 11/1927, tr. 492-501. TS.

Cuộc xem cỗ-tích miền Đông-Bắc tỉnh Hải-dương. XVIII, 102, 1-2/1926, tr. 53-66. DH.

Lịch-sử Vương-Dương-Minh. XIX, 108, 8/1926, tr. 143-153. TH.

Cảnh lạc hương, hí-văn. XIX, 108/1926, tr. 165-173 : Chuyện ký về sự giai-nhân tài-tử trong làng chơi, lời lãng-mạn, ngụ châm-biểu gồm chín đoạn dài ngắn không đều.

Học-thuyết Vương-Dương-Minh. XIX, 109, 9/1926, tr. 245-257 : Lập chí thuyết, lời truyền-thụ môn-nhân, văn-chương Vương-Dương-Minh, quân-tử đình ký, thư trả lời quan Hiến-phó họ Mao, bài văn tế chôn kẻ chết đường, tiễn-biệt ông Trạm Cam-Toàn, bài ký tả về chí-khí Tông-Ngô đạo-nhân. TH.

Điều-tra về tình-trạng hương-thôn. XX, 113, 1/1927, tr. 41-48. XH.

Tây-Thi diễm-sử, lịch-sử tiều-thuyết, dịch.

— XX, 114, 2/1927, tr. 167-174.

— 115, 3 266-277.

— 116, 4 367-374.

— 117, 5 465-473. VH.

Chồng tôi, phong-lưu diễm-sử, dịch Từ-Trẫm-Á : « Dư chi phu »

XXI, 119, 7/1927, tr. 79-86.

120, 8 — 188-196.

121, 9 — 295-303.

122, 10 — 408-415.

123,11 — 508-517.

124,12 — 614-621.

XXII, 125, 1/1928, tr. 73-81.

126,2 — 185-191.

127,3 — 298-305.

128,4 — 403-408.

129,5 — 506-512.

130,6 — 620-625. VH TQ.

Câu chuyện tiêu ngày dài : Chàng Thiện-sĩ ba kiếp thác-sinh. XXI,
120,8/1927, tr. 150-155. VC.

Vấn-đề quốc-văn. XXII, 126, 2/1928, tr. 101-117 :

— Quốc-ngữ và quốc-văn.

“Về đường văn-hóa, thì người Nam ta là tờ giấy còn trắng, người Trung-hoa đem chữ nho viết vào. Người Nam ta là thửa ruộng còn nguyên, người Trung-hoa đem hạt Khổng, hạt Mạnh, hạt Phật, hạt Lão... gieo vào” (tr. 103).

— Lịch-sử quốc-ngữ : chữ nôm, chữ quốc-ngữ ; ưu điểm, tiền đồ và triển-vọng, cải đổi ; bồi-đắp do hai phái nho học và tây-học ; việc in sách, đọc sách, văn dịch.

— Phát-đạt : 1) trong ca-dao ngôn-ngữ, 2) do chữ nho nhập-tịch, 3) do tài-liệu nho-học, 4) do tài-liệu tây-học.

“Quốc-văn tiền-đồ thế nào, quang-cảnh thế nào, ấy ở quốc-dân” (tr.117).
VH.

Nhất nộ vị hồng-nhan, Lịch-sử tiểu-thuyết dịch : tả thời-kỳ nhà Mãn-Thanh diệt nhà Chu Minh vào chủ nước Trung-Hoa... hồi thập lục thế kỷ..

XXIII, 131, 7/1928, tr. 80-68.

132,8 — 194-202.

133,9 — 296-303.

134,10 — 404-411.

135,11-12 — 504-511.

XXIV, 136,1-2/1929, tr. 88-93.

137,3-4 — 191-195.

138,5 — 296-302.

139,6 — 400-406.

XXV, 140,7 — 86-90, VH.

Danh nho nước Tàu, Tùng-Vân thuật.

— XXIV,136,1-2/1929, tr.27-30 : Đổng Trọng-Thư, Phạm-Nịnh.

— XXIV,138,2/1929,tr.232-234B : Vương-Thông, Tiết-Du.

— XXV,141,8/1929, tr. 166-173 : Hàn-Dũ, Chu Đôn-Di.

— XXV,142,9/1929,tr.259-262 : Thiệu-Ung.

— XXV,144.11/1929,tr.441-449 : Trình.Hiệu và Trình-Di.

— XXVI,146,1/1930,tr.31-38 : Trương-Tái, Tạ Lương-Tá, Hồ An-Quốc.

— XXVI,147.2/1930,tr.144-155 : Chu-Hi và học-thuyết của Chu tiên-sinh.— La-Tông Ngạn, Lý-Đông, Hồ-Dần, Lưu Miển-Chi.

— XXVI, 148, 3/1930, tr.270-275 : Lục-Cửu-Uyên, Triệu-Phục.

— XXVI, 151, 6/1930,tr.570-574 : Hứa-Hành, Hứa-Khiêm. TS.

Tám gương tình, biên dịch.

— XXV,142, 9/1929,tr.296-301:Thôi Anh Kỳ-đàm, Ý-Hoa thắm-sử.

— XXV,143, 10/1929, tr. 411-416 : Tiêu-hậu tiền-định án.

— XXV, 145, 12/1929, tr. 617-622 : Cảnh cây liên lý.— Vàng đá tâm-kiên.

— XXVI, 147, 2/1930, tr. 185-190 : Giấc mộng tương-phùng.— Liễu-trình nữ-truyện.

— XXVI, 148,3/1930,tr.285-289 : Hoa đào với mặt người.— Tình duyên năm bột trắng.— Hồn làm thơ.— Bức họa chị như em.

— XXVI,149, 4/1930, tr. 385-390 : Bàn chân trắng.— Bắt qui được người.

— XXVII, 152, 7/1930, tr. 81-90 : Tái sinh chữa rút hương thề.—
Nhờ tay ân-sĩ cứu người u-cung.

— XXVII, 153, 8/1930, tr. 187-197 : Trai yêu-điều gái anh-hùng.
Nhờ tay tế-độ vớt người trầm-luân. — Trùng-phùng dầu họa có khi.

— XXVII, 154, 9/1930, tr. 281-286 : Mai-hoa hồn ký.. VH.

Quý-phi diễm-sử, tiểu-thuyết dịch.

XXVII, 155, 10/1930, tr. 410-416.

XXVII, 156, 11/1930, tr. 521-529.

XXVII, 157, 12/1930, tr. 619-625

XXVIII, 158, 1/1931, tr. 77-83. VH.

Gương đẹp đàn bà, biên-thuật.

— XXIX, 165, 8-9/1931, tr. 157-164 : Chiếc thuyền tình.— Quả
chuông cửa chùa.— Vết máu Tiên, bàn tay Phật.— Chẳng tham
ruộng cả ao liền.— Nguyệt-lão văn-chương.— Tiếng thời bề, giọng
ngâm thơ.

— XXX, 168, /11932, tr. 57-64 : Ra cửa không vào cửa công.—
Một tiếng ùm.— Cứu người ra nơi địa-ngục.— Đòi hài theo
phép Phật.— Nết ở sạch.

— XXX, 169, 2/1932, tr. 193-203 : Người khôn mắc phải lưới
tình.— Ván đá đóng thuyền.— Cống ta đó là chông ta đó.— Đồn
đây có gái kén chồng.— Phù-dung cõi Phật, dương liễu cõi Không.

— XXX, 170, 3/1932, tr. 307-313 : Trăm nết hiếu là đầu.— Chữ đức
làm nên chữ phúc.— Vì ân nên phải trả thù.— Bản án công-bằng.

— XXXI, 177, 10/1932, tr. 411-423 : Trinh hiếu vẹn hai.— Giết giặc
ác gặp vua minh.— Thuyền-nghĩa hoá ra thuyền tình.— Hai đoá
hoa hợp-truyện.— Danh-kỹ Tiểu Phụng-Tiên.— Danh-kỹ Bối-
Cầm. . . GD.

Tử-Tự. Tử-Dự. Tử-Lê và Tử-Lai làm bạn với nhau, dịch cò-văn của Trang - Chu đời Chiến - quốc. XXX, 170, 3/1932, tr. 315-316. VC.

Bàn về sự kiến-đô của nước Tàu. XXXI, 171, 4/1932. tr. 377-393 : Kinh-đô Tràng-an, Lạc-dương, Biện-kinh, Bắc-kinh, Nam-kinh. LS.

Nhạc-dương-lâu ký. XXX, 171, 4/1932, tr. 424-425 : Bài ký trên bia của Phạm-Trọng-Yêm đời Tống, dịch cò-văn. VC.

Câu truyện ba khúc rồng, dã-sử. XXXI, 174, 7/1932, tr. 16-21 : Kèm ba bài thơ Hán-ngữ và bản dịch Việt-ngữ. VH.

Câu truyện cày bằng bút, truyện. XXXI, 175, 8/1932, tr. 114-115d. VC.

Cuộc tiền-đồ Mãn - Châu của nước Tàu. XXXI, 175, 8/1932, tr. 141-151. CT.

Truyện làng ni. XXXI, 177, 10/1932, tr. 344 - 351. Về phụ-nữ xuất-gia tu-hành cõi Phật :

- Bà Sư Tiểu-Vân, chùa Gia-hưng.
- Bà Sư Tuệ-Không, chùa Phú-thọ.
- Cô tiểu Tu-Tâm, chùa Vĩnh-Hưng
- Cô Sư Ngọ-Đàm, chùa Bảo-Sơn.
- Cô Sư Tuệ-Nhân. TG.

Câu chuyện có con phải cho đi học. XXXI, 178, 11/1932, tr. 458-465. GD.

Bàn về nhân-vật Tướng Giới-Thạch. XXXI, 179, 12/1932, tr. 586 - 593. CT.

Phép giáo-dục của thầy giáo Tâm, truyện triết-lý. XXXII, 180, 1/1933, tr. 16-19. TH.

Nhân-vật trong lịch-sử Trung-hoa. XXXII, 182, 3/1933, tr.243-251 : So-sánh với nhân-vật ngày nay : Quán-Trọng, Thương-Uông, Trương

Tử-Phòng, Chư Cát-Lượng, Quách Tử-Nghi, Nhạc-Phi, Vu-Khiêm, Tăng Quốc-Phiên. LS.

Câu chuyện tình trong giấc mộng. Chàng Vương-sinh chưa vợ ở đất Kim-lăng. XXXII, 183, 4/1933, tr. 382-385. VC.

Phương thuốc chữa bệnh buồn gầy của một nhà đạo-sĩ, thuyết-mộng. XXXII, 184, 5/1933, tr. 448-449. VC.

Bàn về nhân-vật Lương Khải-Siêu. XXXII, 185, 6/1933, tr. 549-555 :
— Người Quảng-đông đỗ cử-nhân, tiến-sĩ, học-trò Khang Hữu Vi đời vua Quang-Tự. Mưu đồ cải-cách, lánh sang Nhật, về tham-chính, rồi cuối cùng đời ăn-dật, thọ hưởng 60 tuổi.

« Xem học-thuyết Âu-tây như đồ ăn cao-lương, xem học-thuyết Tống nho như đồ ăn sơ-thái, muốn chữa cái bệnh gầy hao thì không gì bằng ăn đồ cao-lương ; muốn chữa cái bệnh béo-rực, thì không gì bằng đồ sơ-thái » (LKS). VH.

Bốn nhân-vật kỳ-vĩ trong cửa Khổng. XXXIII, 186, 7/1933, tr. 9-17 :
Tử-Lộ, Nhan-Tử, Tử-Cống, Tả Khru-Minh. VH.

Bề tròn chìm nổi, truyện ngắn. XXXIII, 187, 8/1933, tr. 183-191. VC.

Tình-hải từ-hàng. XXXIII, 189, 10/1933, tr. 368-373.

— Sự kinh-nghiệm về chữ tình của hạng con trai : chàng Du Bản-Sơ.

— Bóng đẹp Dung-hồ.

— XXXIII, 190, 11/1933, tr. 463-469 : Chàng Phương Quán-Ngô.—Chàng Trương Khả-Thành.— Chàng Vương Thiệu-Đường.

— XXXIII. 191, 12/1933, tr. 589-595 : Chàng Hà Văn-Pha.— Chàng Chu Phạm-Ngô.— Chàng Hoa Thực-Phủ.

— XXXIV, 192, 1/1934, tr. 76-82 : Chàng Trương Sáu-Cúc.— Chàng Chu Quốc-Hành. VH.

Giải-thích về nghệ thuật bất-học vô-thuật. XXXIV, 192, 1/1934, tr. 12-17 :

— Nhận xét về cách làm thơ mà không phải tản-văn không phải vận-văn. Phải chăng vì «bất-học» mà thành ra «vô-thuật»? Chỉ trích thơ mới... VH.

Câu chuyện câu đối đỏ. XXXIV, 192, 1/1934, tr. 36-37. VH.

Thở-công nghiệp nghe báo. XXXIV, 193, 2-3/1934, tr. 147-148. VH.

Cảm-tưởng về lịch-sử dĩ-vãng của sự giáo-dục. XXXIV, 193, 2-3/1934, tr. 113tt.

— Lịch-sử nước Nam. Đạo Khổng-Mạnh. Sự giáo-dục của Bản-triều. Các vị nho-thần của Bản-triều, Lịch-sử năm vị nho-thần : Đào Duy-Từ, Trương Đăng-Quế, Doãn-Uần, Nguyễn Công-Trứ, Trương Quốc-Dụng. Cái lưu-lệ sự khoa-cử ngày trước. Thuyết văn-minh và nghĩa điều-hoà. GD.

Phái nhà nho khoảng ba mươi năm nay đối với sự học cũ. XXXIV, 195, 5/1934, tr. 285-289.

— Ba phái : phái biết thời, phái lười biếng, phái a-dua,

«Lối tân không phải là đáng ghét, chỉ ghét kẻ ngụy duy-tân mà chẳng ghét kẻ chân duy-tân. Lối cựu cũng có đáng quý, nhưng chỉ quý kẻ chân thủ-cựu mà chẳng quý kẻ ngụy thủ-cựu» (tr. 289). VH.

Câu chuyện hành không muối, hài-văn. XXXIV, 195, 5/1934, tr. 297-299. VH.

Bức thư thần Quốc-ngữ kéo nài thần chữ Nho, hài-văn. XXXIV, 196, 5/1934, tr. 359-362. NN.

Bức thư thần chữ nho trả lời thần quốc-ngữ, hài-văn. XXXIV, 197, 6/1934, tr. 400-409. NN.

Câu chuyện Bụt chùa nhà, hài-văn. XXXIV, 201-202, 8/1934, tr. 67-72. VH.

Ba nhân-vật kiến-lập trong lịch-sử nước ta : Khúc Thừa-Dụ, Khúc-Hiệu, Dương Diên-Nghệ. XXXV, 204, 9/1934. LS. TS.
Học-thuật làm cỗ, câu chuyện tiêu-đạo-du. XXXV, 207, 11/1934, tr. 188-193. GD.

NGUYỄN-ĐỒNG-KHANG

Văn-chương với nữ giới. Trả lời ông Hoàng-Ngọc-Phách đăng trong NP. số 41. VII, 42, 12/1920, tr. 506-510. VC.

NGUYỄN-ĐỨC-DIỄN

Bàn về các kỳ-mục nhà quê. V, 26, 8/1919, tr. 112-113. XH.

NGUYỄN-ĐỨC-TÁNH

Lịch-sử và gia-thế cụ Nguyễn-Du. XXIII, 134, 10/1928, tr. 319-328. VH.

Các nơi cồ-tích đất Nghệ-Tĩnh. XXIII, 135, 11-12/1928, tr. 466-477.

— Từ-đường Nguyễn-Du, đi chơi Nam-đàn.

— XXIV, 136, 1-2/1921, tr. 38-47 : Đi chơi Lam-thành.

— XXIV, 137, 3-4/1929, tr. 142-149 : Làng Hoàn-sơn, sự-tích đình làng Hoàn-sơn, tiểu-tử quan thám Nhất Nguyễn-đức-Đạt.

— XXIV, 138, 5/1929, tr. 243-252 : Sự-tích đền Ngũ-Long và chùa Diên - quang. Cuộc đi chơi phủ Diên. Chơi động Lạc-sơn.

— XXIV, 139, 6/1929, tr. 342-347 : Cuộc đi chơi cửa Lò.

— XXV, 140, 7/1929, tr. 40-50 : Lịch-sử ông Nguyễn-Xí. Lịch-sử ông Nguyễn-Đình-Đắc. DH.

Các lăng-diện ở Huế. XXV, 141, 8/1929, tr. 148-157. DH.

NGUYỄN-HÁO-VĨNH

Chú lái buôn thành Venise. IV, 21, 3/1919, tr. 214-228. Rút trong bản tường «Le marchand de Venise» của ông văn-sĩ Anh-cát-lợi W. Shakespeare. VH.

NGUYỄN-HOÀI-TÌNH

Mừng Nam-Phong đầy niên. III, 13, 7/1918, tr. 34-35. VC.

NGUYỄN-HỒNG-NGUYỄN

Khuyên người ta nên xem báo. II, 11, 5/1918, tr. 320-321. VC.

Phải trái ở đời. III, 15, 9/1918, tr. 167-168. VC.

NGUYỄN-HỮU-HIỆU

Nước Thổ-nhĩ-kỳ mới. XXXV, 204, 9/1934, tr. 59-67.

— Lịch-sử và sự-nghiệp của Mustapha Kémal.— Nước Thổ mới.— CT.

NGUYỄN-HỮU-KHA

Lời khuyên con. Mấy bức thư của Tăng Văn-Chính, tức Tăng Quốc-Phiên đời nhà Thanh, hỏi nước Tàu mới giao-thiệp với Âu-châu.

XV, 89, 11/1924, tr. 405-409.

XVI, 91, 1/1925, tr. 73-80.

XVI, 95, 5/1925, tr. 462-468.

XVI, 96, 6/1925, tr. 533-547. GD.

NGUYỄN-HỮU-LÃNG

Quang cảnh ngày hội mừng đình-chiến ở Hà-nội. III, 17, 11/1918, tr. 300-301. VC.

NGUYỄN-HỮU-QUÁT (Thận-đức)

Trả lời bài «Cầm-học tầm-nguyên». IX, 50, 8/1921, tr. 175-176. AN.

NGUYỄN-HỮU-TIẾN (Đông-châu)

Chuyện chàng Đại-nam, dịch chuyện Tàu. II, 9,3/1918, tr. 182-185 VH.

Dịch bài văn của ông Hàn-Dũ tế cháu là Thập-nhị lang. III, 13, 7/1918, tr. 38-39. VH.

Nam âm thi-văn khảo - biện. III, 14, 8/1918, tr. 85-89. — III, 18, 12 1918, tr. 340 - 354 : *Mấy câu ca-dao, Hàn Thuyên, Trần Khánh Dư, *Mấy câu ca-dao* đời Lê. Nguyễn-Trãi và *mấy bài thơ. Lê-Thánh-tôn và *mấy bài thơ. Nguyễn-Bình-Khiêm và *mấy bài thơ. Phạm-Trần đời nhà Mạc. Lê-Quý-Đôn và *thơ của ông. Phạm-Thấu và *mấy thi-gia cuối đời Lê như Nguyễn-Hữu-Chính. Bài tán ông tiến-sĩ. Bài phú Tây-Hồ. Truyện Kiều. *Mấy thi-gia khác. Tóm : « *phôi thai từ đời Trần, phát-đạt từ đời Lý, mà đến triều Nguyễn ta mới thực là toàn thịnh* » (tr. 352). — IV, 19, 1919, tr. 33 — 36 : Nguyễn Văn-Thành, Trần-Hựu thời Nguyễn Sơ. Ông Đặng Trần-Thường và ông Ngô Thời-Nhiệm. Chiêu-Hồ và Hồ xuân-Hương, Cụ Lý Văn-Phúc và bài « *Tự thuật ký* ». — IV, 20, 2/ 1919, tr, 109 - 114 : Nguyễn-Công-Trứ, Cao Bá-Quát, Yên-Đồ, Nguyễn Văn-Thắng* VH.******

Hồng Ngọc, dịch Liễu-trai. III, 14, 8/1918, tr. 117 - 121. VH.

TÒN-CỎ-LỤC :

Tiền triều diên-lễ : Lễ triều hạ đời Lê Cảnh-hung. IV, 22, 4/1919, tr. 311-312. TG.

Danh-nhân truyện ký . Nguyễn Duy-Thời. Nguyễn Văn-Giai. Nguyễn Công-Hăng. Nguyễn Bá-Dương. Nt, tr. 312-319. VH. — TS.

Danh lam thắng cảnh : Núi Dục Thúy. IV, 24, 6/1919, tr. 493-495. DH.

Danh-nhân truyện-ký : Chu-Văn-An. Nguyễn-Lễ. Nt, tr.495-499. VH.— TS.

Tài-nữ truyện-ký : Nguyễn thị-Điềm, Lê-Phi Nguyễn-thị. Nt, tr. 499-502. TS.

Bài ký chơi núi Phật-tích. V, 25, 7/1919, tr. 48-51. DH.

Danh-nhân truyện ký : Nguyễn Công-Hoàn, Lê Tuấn-Mậu, Vũ-Công-Duyệt Đình Văn-Tà, Uông Sĩ-Đoan. Nt, tr. 51-57 VH. — TS.

Bài tự kể sự-trọng lúc thiếu-niên của Phạm tiên-sinh Đình-Hồ.
V, 26, 8/1919, tr. 137-138. VH.

Lối chữ thời cổ. Nt., tr. 138-140. VH.

Văn-thẻ các đời trước. Nt, tr. 140-142. VH.

So-sánh địa-mạch và nhân-vật nước ta với nước Tàu. V, 28, 10/
1919, tr. 331-333. LS.

Xét về tên các xứ đất nước ta thay đổi mỗi đời một khác Nt,
tr.333-336. ĐD.

Thẻ-cách thơ-từ các đời trước. Nt, tr, 336-339. VH.

Điền-lễ việc tế-tự. V, 29, 11/1919, tr. 419-425 : 1) Các đình miếu
thờ thần. 2) Các đàn-tràng cúng-tế. 3) Tang-lễ. 4) Tế-lễ. TG.

Âm-nhạc, V, 30, 12/1919, tr. 518-523 :

— Thượng-cờ, nhà Tàn, nhà Hán... các sách nhạc-chí, nhạc-thứ.

— Năm Hồng-đức (1470) với bộ Đồng-văn và Nhã-nhạc... Nhạc
chốn dân-gian.

— Năm thanh. Quân-nhạc. Nhạc-khí. Các cung.

— Hát cửa quyền. Văn-ca và bặt-hí.

— Lối hát : 1) ả-đào. 2) ca lý. 3) tuồng. AN.

Y-học. VI, 31, 1/1920, tr. 42-46. KH.

Cái tệ nghiện chè tự đời cố Lê. Nt., tr. 45-46. KT.

Muốn cải lương hương- tục nên làm thế nào ? V, 26, 8/1919, tr. 190
112 : Các vấn-đề trong làng : hương-mục, kỳ-hào, miếng đình-
chung Mấy kinh-nghiệm : làng Đông-ngạc... XH.

Nam âm thi-thoại, V, 26,8/1919, tr. 120-122 VH.

Danh-thần lục, dịch Nguyễn-triều Liệt-truyện. VI, 31, 1/1920, tr. 47-51 :
Võ-Tánh.— Nguyễn-văn-Thành. LS. TS.

Danh thần lục, dịch Đại-nam Chính-biên Liệt-truyện. VI, 32, 2/1920,
tr. 154-158 : Nguyễn Hoàng-Đức, Lê Văn-Duyệt.

— VI, 33, 3/1920, tr. 238-244 : Chu Văn-Tiếp, Nguyễn Đức-Xuyên, Nguyễn Văn-Nhân.

— VI, 35, 5/1920, tr. 429-437 : Nguyễn Văn-Trương, Đặng Đức-Siêu, Lê Quang-Định, Trịnh Hoài-Đức. LS. TS.

Các bậc cao-sĩ nước Nam ta. VI, 32, 2/1920, tr. 150-154 : Lý Tử-Cấu, Trần Phán-Quan, Nguyễn Thời-Trung, Nguyễn-Dự, Nguyễn-Duàn. TS.

Khảo về lịch-sử luân-lý học nước Tàu, dịch «Trung-quốc luân-lý học sử» của Sái-Chấn. VI, 34, 4/1920, tr. 347-357 : Tự-luận.

1) Tổng-luận. 2) Tư-tưởng luân-lý mới manh-nha từ đời Đường Ngụ, Tam-đại. 3) Nho-gia : Khổng-tử, Tử-tư...

— VI, 35, 5/1920, tr. 419-429 : Mạnh-tử, Tuân-tử. 4) Đạo-gia, Lão-tử.

— VI, 36, 6/1920, tr. 495-502 : Trang-tử. — Nòng-gia.

— VI, 37, 7/1920, tr. 33-41 : Mặc-gia, Mặc-tử. — Pháp-gia : Quán-tử, Thương quân.

— VI, 38, 8/1920, tr. 127-133 : Hàn Phi-tử.

— VII, 42, 12/1920, tr. 472-482 : 1) Tổng-luận về thời-đại Hán-Đường. 2) Hoài nam-tử. 3) Đồng Trọng-Thư. 4) Dương Hùng.

— VIII, 43, 1/1921, tr. 35-46 : Vương Sung, các nhà thanh-đàm, Hàn-Dũ, Lý-Cao.

— VIII, 45, 3/1921, tr. 189-200 : Thời-kỳ lý-học đời nhà Tống, nhà Minh. Tổng-thuyết : Vương Kinh-Công (Vương An-Thạch), Thiệu Khang-Thiết, Châu Liêm-Khê, Trương Hoành-Cừ, Trình Minh-Đạo, Trình Y-Xuyên.

— Học trò hai ông Trình : Chu Hối-Am, Lục Tượng-Son, Dương Tử-Hồ, Vương Dương-Minh. Tổng-luận về thời-kỳ thứ ba. THĐP.

- Tế-Liêu**, dịch Liễu-Traí. VI, 36, 6/1920, tr. 515-519. VH.
- Hoắc-nữ**, dịch truyện Tàu, Liễu-trai. VII, 38/1920, tt. 166-173. VH.
- Việt-nam phong-sử**, nguyên bố-chính sung Trung-kỳ Tư-vấn Nghị-trưởng Nguyễn-Văn-Mai soạn, Đông-Châu cần-chí. VII, 41, 11/1920, tr. 415-425. Gồm 100 câu phong-dao về Việt-sử với lời chú-giải. LS.
- Hương-chính hương-tục: Cải-lương tân khoán-ước**. VIII, 44, 2/1921, tr. 105-134 : I.— Hương chính: Tộc-biêu, Nghĩa-sương, Vệ - sinh chung. II.— Hương-tục: Việc giá-thú. Việc tang-ma. Lễ bán ngôi thứ và khao-vọng. Việc tế-lễ.— Lời tổng-kết. XH.
- Các bậc danh-nho nước ta**, trích «Lịch-triều hiển-chương». IX, 52, 10/1921, tr. 307-311 : Chu-An, Lý Tử-Tấn, Lý Tử-Cấu, Võ-Mộng-Nguyên, Trình-Thanh, Nguyễn Bá-Ký, Nguyễn Nhân-Thiếp, Võ-Tụ, Đặng Minh-Khiêm. TS.
- IX, 53, 11/1921, tr. 428-434 : Võ-Quỳnh, Nguyễn-Bình-Khiêm, Phạm-Trấn, Nguyễn Phong, Nguyễn Văn-Nghi, Nguyễn-Đặng.
- IX, 54, 12/1921, tr. 495-501 : Nguyễn Minh-Triết, Võ Công-Đạo, Võ Duy-Đoán, Nguyễn Đình-Trụ, Võ-Thành, Bùi Sĩ-Tiêm, Võ Công-Trấn, Lê Quí-Đôn. . .
- X, 55, 1/1922, tr. 31-37 : Đoàn Duy-Tĩnh, Nguyễn Huy-Cần, Phan Huy-Cần, Ngô Thời-Sĩ. LS—TS.
- Một bộ tiểu-thuyết cổ** : Lĩnh nam dật-sử.. VIII, 48, 6/1921, tr. 485-501. — IX, 49, 7/1921, tr. 71-78 — IX, 52, 10/1921, tr. 341-351. — IX, 53, 11/1921, tr. 435-439 : Ai làm ra bộ tiểu-thuyết «Lĩnh nam dật-sử» ?
- IX, 53, 11/1921, tr. 456-467.— IX, 54, 12/1921, tr. 527-538.—
- X, 55, 1/1922, tr. 58-68.— X 56, 2/1922, tr. 143-150.— X, 57, 3/1922, tr. 198-207. X, 58, 4/1922, tr. 290-299.— X, 59, 5/1922, tr. 381-391.— X, 60, 6/1922, tr. 460-470.— XI, 61, 7/1922, tr. 35-42.— XI, 62, 8/1922, tr. 127-134.— XI, 63, 9/1922, tr. 204-213.— XI, 64, 10/1922, tr. 300-307.— XI, 65, 11/1922, tr. 393-404. XI, 66, 12/1922, tr. 474-481.— XII, 67, 1/1923, tr. 60-66.— XII, 68, 2/1923, tr. 150-155.— XII, 69, 3/1923, tr 237-244.— XII, 70,

4/1923, tr. 329-337.— XII, 71, 5/1923, tr. 430-438.— XII, 72, 6/1923, tr. 525-533.— XIII, 73, 7/1923, tr. 70-77.— XIII, 74, 8/1923, tr. 155-162.— XIII, 75, 9/1923, tr. 240-250.— XIII, 76, 10/1923, tr. 330-341. VH.

Xét nguồn gốc chữ Tàu lúc mới phát-âm ra làm sao, bài chữ Hán của Lương Khải-Siêu, trong ĐĐTC, q. 18, số 21. X, 55, 1/1922, tr. 37-46. NN.

Văn-học sử nước Tàu, dịch Vương Mộng-Tăng. X, 56, 2/1922, tr. 128-133.— X, 57, 3/1922, tr. 182-189.— X, 58, 4/1922, tr. 273-279.— X, 59, 5/1922, tr. 358-361.— X, 60, 6/1922, tr. 449-453.— XI, 61, 7/1922, tr. 23-28.— XI, 63, 9/1922, tr. 192-196.— XI, 64, 10/1922, tr. 286-289. VH.

Lập ấu-trĩ-viên ích-lợi như thế nào ? XI, 64, 10/1922, tr. 274-279. GD.

Khảo về nguyên-lưu chữ Tàu, biên dịch XII, 70, 4/1923, tr. 299-304 : Lục-thư, Tự-thê, Âm-vận nguyên-lưu, Phân-biệt tứ thanh, Phép thiết-âm. NN.

Lược thuật về mẹo văn Tàu, biên-dịch. XII, 71, 5/1923, tr. 395-399. NN.

Khảo về các lối văn Tàu, biên dịch. XII, 72, 6/1923, tr. 480-484 : 1) Thê văn luận-biên. 2) Thê Tự-bạt. — XIII, 73, 8/1923, tr. 39-43 : 3) Thê văn tấu nghị. 4) Thê văn thư-độc.— XIII, 74, 8/1923, tr. 134-139.— XIII, 75, 9/1923, tr. 216-220 : Thê văn tặng tự Thê văn chiếu lệnh.— XIII, 76, 10/1923, tr. 299-302 : Thê văn tụng-tán, từ-phú, Ai-văn tế. . . VH.

Phong-dao và lịch-sử. XIII, 77, 11/1923, tr. 353-369. VH.

Mạnh-tử quốc-văn giải thích. XIII, 78, 12/1923, tr. 487-495 : Lời căn-chỉ, Lịch-sử thầy Mạnh, đạo-thống, học-vấn, khí-tượng. . . XIV, 79, 1/1924, tr. 55-61.

80, 2 — 142-148.

- 83, 5 — 423-428.
— 84, 6 — 514-519.
XV, 86, 8 — 164-170.
— 87, 9 — 250-254.
— 88, 10 — 339-342.
— 89, 11 — 449-453
- XVI**, 92, 2/1925, tr. 165-171.
— 95,5 — 473-482.
— 98,8 — 165-170.
- XVII**, 101, 12/1925, tr. 476-481.
- XVIII**, 102, 1-2/1926, tr. 70-75.
— 106,6 — 476-483.
- XIX**, 108, 8/1926, tr. 174-179.
— 112, 12 — 599-603.
- XXII**, 126, 2/1928, tr. 168-173 (Từ số này thêm Tùng-Vân)
- XXII**, 127, 3 — 275-287.
— 129, 5 — 494-505.
— 130, 6 — 609-620.
- XXIII**, 131, 7 — 71-80.
— 132, 8 — 185-193.
- XXIII**, 133, 9/1928, tr. 288-295,
— 134, 10 — 395-403.
— 135, 11-12 499-503.
- XXIV**, 136, 1-2 1929, tr. 80-87.
— 137, 3-4 186-191.
— 139, 6 — 394-399.
- XXVI** 141, 8 — 185-189.
— 144, 11 — 510-520.
- XXVI**, 146, 1/1930, tr. 78-84.

—	148,	3	—	275-281.
—	149,	4	—	378-385.
—	150,	5	—	510-516.
XXVII,	152,	7	—	70-81.
—	153,	8	—	183-187.
—	154,	9	—	261-269.
—	155,	10	—	400-409.
—	156,	11	—	514-520.
—	158,	1/1931,	tr.	56-63. VH. TQ.

Chơi vịnh Hạ-Long, XIV, 82, 4/1924, tr. 322-327. DH.

Khảo về sách « Đại-Việt sử-lược », của Lê-văn-Hưu. XIV, 83, 5/1924, tr. 388-395. LS.

Khảo về địa-dư và lịch-sử tỉnh Quảng-yên. XIV, 84, 6/1924, tr. 467-479 : có nhiều bài thơ tại các danh lam thắng cảnh. LS. — ĐD.

Hôn lễ (lễ cưới), trích dịch trong « Văn-công gia-lễ ». XV, 86, 8/1924, tr. 113-118. TG.

Gương tự-do, dịch tiểu-thuyết của Từ Trâm-Á. XV, 87, 9/1924, tr. 255-260. VH.

Tang-lễ, theo « Thọ Mai gia-lễ » và « Văn-công gia-lễ ».

— XV, 90, 12/1924, tr. 483-502.

— XVI 92, 2/1925, tr. 132-143.

— XVII, 98, 8/1925, tr. 123-135. TG.

Nói về truyện các cụ nước ta đi sứ Tàu. XVI, 92, 2/1925, tr. 113-123. XH.

Qua chơi mấy nơi cổ-tích đất Ninh-bình. XVI, 94, 4/1925, tr. 349-364. DH.

Lịch-sử đời Tây-Sơn, dịch bài của Sở-Cường. XVII, 97, 7/1915, tr. 11-28. LS.

- Khảo về các câu đối nôm. XVIII, 102, 1-2/1929, tr. 31-42 : Thất ngôn luật bằng, luật trắc, phú, các thứ câu đối. VH.
- Bàn về văn-minh Đông-Tây, dịch Song-Phủ. XVIII, 103, 3/1926, tr. 129-141 : 1) Tinh văn-minh và động văn-minh. 2) Đông-phương với Tây phương văn-minh sau khi Âu-chiến. VH.
- Người ta đối với cuộc thế-giới vi-lai, dịch Song-Phủ, trong tập «Đông phương Văn khố». XVIII, 104, 4/1926, tr. 237-256 :
Không hút thuốc phiện. Uống rượu. Nên tập ăn rau. Không mặc sa-hoa. Không để vườn hoang. Chuộng giản-dị, tự-nhiên. Không nên chỉ nhờ vào tư-sản và tư-cách để sinh-hoạt. XH.
- Công lợi với học-thuật. XIX, 107, 7/1926, tr. 5-11 : nguyên-văn của Tiền Trĩ-Tu trong Đông-phương văn-khố. Nhà nước giúp đỡ tư-nhân có thể nghiên-cứu. VH.
- Chủ nghĩa xã-hội, dịch Hạnh-đức Thu-thủy, Hán-văn do Cao-Lao, XIX, 109, 9/1926, tr. 233-244.— XIX, 110, 10/1926, tr. 329-343. CT.
- Khảo về phong-tục nước Tàu, theo «Trung-quốc phong-tục sử» của Trương Lương-Thái. XIX, 111, 11/1926, tr. 472-483 : Thời-đại thuần-phác.— XIX, 112, 12/1926, tr. 571-585 : Từ đời Châu đến khoảng giữa đời Châu. Thời-đại bác-tạp.— XX, 113, 1/1927, tr. 57-70 : Đời Lưỡng Hán.— XX, 114, 2/1927, tr. 158-166 : Phụ-nữ thời-đại tức là đời loạn trọc.— XX, 115, 3/1927, tr. 245-257 : Xét về đời Đường, Xét về đời Ngũ-đại.— XX, 117, 5/1927, tr. 423-434 : Xét về đời Tống, đời Liêu, Kim, Nguyên.— XX, 118, 6/1927, tr. 549-563 : Đời Minh. XH.
- Luyện về cách khéo làm quan. XX, 114, 2/1927, tr. 175-176. CT.
- Phong-tục Xiêm-la, dịch Đông-phương văn-khố. XX, 115, 3/1927, tr. 257-262. XH.
- Cái thói cần kiệm chất-phác của người Đức, dịch Đông-phương văn-khố. XX, 115, 3/1927, tr. 262-265. XH.

- Phạm-Lãi ba lần thiên-tỉ đều thành danh, dịch cồ-văn. XX, 115, 3/1927, tr. 278-281. VH.
- Đà bà nước MT, dịch Đông-phương văn-khố. XX, 117, 5/1927, tr. 459-465 : gia-đình, học-đường, giao-tế, trai gái, kinh-tế, tôn nữ tiện nam, du-hí, phục-sức. XH. PN.
- Cái đẹp đàn bà trong thế-giới mỗi nơi một khác, dịch Đông-phương văn-khố. Nt. XH.
- Quản, Yến liệt truyện.— Trương Nghi vào nước Tần làm kẻ khách khanh, dịch cồ-văn. XX, 117, 5/1927, tr. 477-481. VH.
- Lúc đi thi đưa thư cho người.— Bài thư dâng lên quan Trương-Bộc-Xạ. XX, 118, 6/1927, tr. 578-580 : dịch cồ-văn. VH.
- Khảo về Khuất-Nguyên. XXI, 119, 7/1927, tr. 4-14 : Thân-thế, sự-nghiệp, dịch nguyên-văn Lương Khải-Siêu. VH.
- Tạp biên về Cao-ly. XXI, 119, 7/1927, tr. 56-60 : Người Triều-tiên, cách và đồ vận-tải, phục-sức, nhà cửa, ăn uống, quan kỳ, khí-hậu, thiết-lộ. Dịch. DH.
- Trùng-Nhĩ đi du-lich các nước.— Giới Chi-Thôi không thêm kẻ công. XXI, 119, 7/1927, tr. 88-90 : dịch cồ-văn. VH. TQ.
- Văn-hóa nước Tàu sau khi Âu-chiến. XXI, 120, 8/1927, tr. 137-141 : Có khác với các nước không ? Có nên bảo-tồn không ? Ảnh hưởng đến thế-giới ? VH.
- Nho-thuật và nho-giáo ở nước Tàu, dịch. XXI, 120, 8/1927, tr. 147-149. VH.
- Súc-Tập nói với bà Triệu Thái-Hậu. — Nhan-Súc nói với Tề-Vương cho sĩ làm quý hơn, trích dịch Chiến-quốc-sách. XXI, 120, 8/1927, tr. 199-201. VH.
- Vũ-trung tùy-bút. của Phạm-Hồ (Chiêu Hồ).
— XXI, 121, 9/1927, tr. 236-244 : Chép về những sự thực về đời Lê-quí. — Tự-thuật, Trịnh-phủ cố-sự, lục-hải, tả chí hầu cảnh chùa Sơn-tây, địa-danh duyên-cách, hoa thảo.

XXI, 122, 10/1927, tr. 357-368 : Học-thuật, lối chữ, cách uống chè, xét về địa-mạch và nhân-vật, đêm rằm tháng tám, biện về âm-nhạc.
— XXI, 123, 11/1927, tr. 455-465 : Bàn về lễ, lễ đội mũ, hôn lễ, thừa-tự, tậ-tục, lễ tế-giao, tạp-ký, phong-tục, nón đội, áo mặc, Nguyễn - Nghiêu - Minh, đường sĩ-hoạn, đàn, nhân-ngư (cá voi), mấy năm được mùa.

— XXI, 124, 12/1927, tr. 561-569 : Trộm cắp, mẹo lừa, mộng và số, thác oan, khoa cử, cuộc binh văn trong nhà Giám, phép thi nghiêm mật, điềm quái gỡ.

— XXII, 125, 1/1928, tr. 31-41 : Nguyễn-Kính, việc thi cử, y học, xứ Hải-dương.

— XXII, 126, 2/1928, tr. 159-168 : Tên huyện Đường-an, làng Châu-kê, Đoàn Thượng, Phạm Tử Hư, Phạm Ngũ Lão, Phạm Cư Sĩ, làng Hạ-bì, Đỗ Ưông, Nhữ-công-Tung, Lý Đạo-Tái, Võ thái-phi, Đền thờ làng Tuấn-kiệt, thói kiêng ngày trùng tang trùng phục, khách đề cửa, cồ-tích.

— XXII, 127, 3/1928, tr. 264-275 : Việc tế-tự, đền Đễ-Thích, Thần hồ, Thần trẻ con, miếu bà chúa ngựa, đền thờ Cao-tướng công, Phạm Trấn, Đỗ Ưông, Bùi Thế-Vinh, Võ Công-Thạnh, Văn thê, phép thi, thê-văn kinh nghĩa, thê văn tứ lục, thê thơ, thê văn sách.

— XXII, 128, 4/1928, tr. 384-393 : Việc tai-dị, nhà họ Nguyễn ở Tiên-diên, diêm cây đa, gò đất làng Đình tồ, việc tế-tự, lễ tang, lễ nhà miếu, thần lễ, bái lễ, quan chức.

XXII, 130, 6/1928, tr. 599 - 608 : Lễ tang, tế lễ, bái lễ, truyện vua Lê-Lợi, lễ sách phong cư tang mộ chí, trợ tế, thần hồ Đồng-đình, duyên cách. LS., XH., VH., TS., ĐD.

Các tư-tưởng xã-hội của các nhà triết-học cổ nước Tàu, dịch. XXI, 121, 9/1927, tr. 245-248. XH.

Bàn góp về thí-học người làm thơ phải có cái bản-lĩnh lịch-sử và địa-dư, biên-dịch của Hoắc Khữ-Bệnh. XXI, 121, 9/1927, tr. 248-249. VH.

Khảo về hôn lễ các nước, dịch, XXI, 121, 9/1927, tr. 273-279, XH, TG.

- Tô-Tồn đen ké liên-hoành bảo vua Tần, dịch cò văn. XXI, 123, 11/1927, tr. 519-521. VH.
- Khảo về lễ thọ. XXI, 124, 12/1927, tr. 551-554 : Nghi-tiết lễ thọ của cụ Chí-đình.- Nghi-tiết lễ thọ của cụ Ngạc-đình. TG.
- Lược ký về lịch-sử nước Tàu. XXII, 125, 1/1928, tr. 23-29.- XXII, 126, 2/1928, tr. 131-141.- XXII, 127, 3/1928, tr. 239-247.- XXII, 128, 4/1928, tr. 361-366. LS.
- Phạm-Thư nói với vua Tần, dịch cò văn. XXII, 125, 1/1928, tr. 84-85. VH.
- Một dân-tộc rất khoái lạc, dịch XXII, 127, 3/1928, tr. 234-237 : dân Eskimô, Bắc-Mĩ. PT.
- Khảo về câu đối chữ Hán. XXII, 129, 5/1928, tr. 433-454D : Hoàn-hiền. Ngũ ngôn, thất ngôn, tám chữ. Lối đặt câu dài. Những bài làm mẫu. Tập cú.
- Ngạc-đình Nguyễn tiên-sinh đối-liên-tập.
 - Hiệp-thái, Vân-trì tiên sinh đối-liên-tập.
 - Hai điệu nội của Ngô Thời Vị, của Ngạc-đình.
 - Bào-cư tiên-sinh đối-liên-tập, VH.
- Lời răn đàn bà con gái, của bà Bau Chiêu đời Hán. XXII, 130, 6/1928, tr. 568-576 : Nữ-giới. Nữ luận-ngữ. Nữ-huấn. GD.
- Lễ phép dạy trẻ con, dịch Đờ Hi-Minh nhà Minh. XXIII, 131, 7/1928, tr. 19-28. GD.
- Phép trị gia, dịch. XXIII, 132, 8/1928, tr. 128-131 : Trị gia cách-ngôn.— Tiết-chế việc chi-dụng trong nhà. GD.
- Chế độ gia-đình, dịch. XXIII, 134, 10/1928, tr. 370-377 : 1) Gia-đình cũ. 1. Cái tề đồng-cư, 2. Tề về hôn-nhân, 3. Tề về lập trưởng, lập hậu.- Không thích-hợp, thúc-phục tự-do con người, ngăn cản tiến-hóa xã-hội.- 2) Chế-độ gia đình mới : a) Tề-chức ở riêng, lễ hôn-nhân, tài sản. b) Từng phần : chồng, vợ, con... c) Cảnh-tượng... XH.

Kết-hôn cải-lương, dịch. XXIII, 134, 10/1928, tr. 391-395: Bốn khí chất: đãm-dịch, thần-kinh, đa huyết, niêm-dịch.- Về tuổi của hai giới và sự phát dục. XH.

Lược ký-sử Nhật-bản, theo sách quốc-sử Nhật-bản. XXIII, 135, 11-12/1928, tr. 447-454.- XXIV, 137, 3-4/1929, tr. 133-141.- XXIV, 138, 5/1929, tr. 280-295. LS.

Thuật-bình về chủ-nghĩa luân-lý Tây-phương, dịch XXIV, 136, 1-2/1929, tr. 12-27 : 1. Chủ-nghĩa cấu dục. 2. Chủ-nghĩa khoái lạc. 3. Chủ-nghĩa khoái-lạc cá-nhân, 4. Chủ-nghĩa khoái-lạc công chúng. 5. Chủ-nghĩa khoái-lạc về đường tiến-hóa. TH.

Tổ-thực luận, luận về cách ăn chay, dịch. XXIV, 137, 3-4/1929, tr. 181-186 : Hợp sinh-lý, quan-hệ về tâm-lý, ăn chay và ăn thịt, bớt bữa ăn... (Theo «Bách khoa toàn thư»). GD.

Cái bản-chất xã-hội nước Tàu, dịch Thang Hạc Dật trong ĐPVK. XXIV, 139, 6/1929, tr. 330-342. XH.

Xã-hội cổ nước Tàu. XXV, 141, 8/1929, tr. 133-142 : Qui-chế lập nên xã, lập đàn xã... XH.

Truyện ký một bậc cao-tăng nước Tàu: ông Đường tăng Huyền Trang. XXV, 142, 6/1929, tr. 227-242 : Hướng đi tìm đạo, những người tây du trước đời Đường, gia-thể Huyền trang, khởi thủy đi tây du, tập thứ khí sắp đi, Cao-xương vương.

— XXV, 143, 10/1929, tr. 374-387 : Chơi qua Bắc Ấn-độ, qua chơi Trung Ấn-độ, Tây-Ấn và trở về. Vua Thái Tôn hậu đãi Huyền Trang. Bài tựa trong kinh Tam Tạng thánh giáo. TG.

Một nhà đại-triết học đời Minh : Vương-Dương-Minh, dịch và phê bình. XXV, 145, 12/1929, tr. 589-603.

— XXVI, 146, 1/1930, tr. 52-67 : dịch bài của Tôn-Dục-Tu có, thêm lời phê-bình. TH.

Lập thân luận. dịch, XXV, 143, 10/1929, tr. 344-348.- XXV, 144, 11/1929, tr. 490-499.- XXV, 145, 12/1929, tr. 565-572 : Thất-bại với thành-công. Vận-mệnh. Chức-nghiệp. Thề-dục. Chuyên-tâm. Độc-lập. Quyết-đoán. Phong thái. GD.

Lịch-sử và sự-nghiệp Tư-mã-Quang, dịch Tôn Dục-Tu. XXVI, 147, 2/1930, tr. 173-184.- XXVI, 148, 3/1930, tr. 237-250. LS.- VH.

Lịch-sử và sự-nghiệp Tô-Đông-Pha, dịch Tôn Dục-Tu. XXVI, 149, 4/1930, tr. 344-357.- XXVI, 150, 5/1930, tr. 462-477. LS.- VH.

Gương đạo-đức : biện-thuật, dịch Lương Khải-Siêu.

— XXVI, 151, 6/1930, tr. 538-548 : biện-thuật.

— XXVII, 152, 7/1930, tr. 15-20 : biện-thuật (tiếp).

— XXVII, 153, 8/1930, tr. 176-182 : lập-chí.

— XXVII, 154, 9/1930, tr. 270-280 : Tri-bản.

— XXVII, 155, 10/1930, tr. 359-369 : tri-bản (tiếp).

— XXVII, 156, 11/1930, tr. 461-473 : Tri-bản (tiếp) ; tồn dư-ông.

— XXVII, 157, 12/1930, tr. 599-611 : Tồn-dư-ông (tiếp).

— XXVIII, 158, 1/1931, tr. 45-52 : Tồn-dư-ông ; tỉnh-khắc.

— XXVIII, 159, 2/1931, tr. 122-127 : Tỉnh-khắc (tiếp).

— XXVIII, 160, 3/1931, tr. 256-263 : Tỉnh-khắc (tiếp).

— XXVIII, 161, 4/1931, tr. 351-355 : Tỉnh-khắc,

— XXVIII, 162, 5/1931, tr. 469.... : Ứng-dụng. Dịch Lương-Khải Siêu. GD.

Cái xu-hướng về chế-độ đại-nghị, dịch, XXVII, 155, 10/1930, tr. 342-349 : Chế-độ chức-nghiệp đại-biêu, chế-độ tỉ-lệ tuyên-cử. CT

Máy điều khuyét-diêm của chính-thê đại-nghị, dịch Tích-Trần trong ĐPVK. XXVII, 156, 11/1930, tr. 439-445 : Cái chương ngại lớn, cái mâu-thuần, chính-trị bộn ngu, thuyết trá-ngụy. CT.

Vấn-đề học-hội, dịch Lương Khải-Siêu. XXVIII, 159, 2/1931, tr. 128-130 : Lợi-ích và cần-thiết của việc hội-học, đoàn-thê, gặp-gỡ, hội học GD. — XH.

Nữ-học, dịch Lương Khải-Siêu. XXVIII, 159, 2/1931, tr. 156-162. GD
Công-đức, dịch Lương Khải-Siêu. XXVIII, 160, 3/1931, tr. 252-255. GD.
Tự-trị, dịch Lương Khải-Siêu. XXVIII, 160, 3/1931, tr. 275-278. CT.
Sinh lợi phân lợi, dịch Lương Khải-Siêu. XXVIII, 161, 4/1931, tr. 364
376. KT.

Phép đọc sách, nguyên-văn Nhật, dịch theo Hán-văn. XXVIII, 161, 4/1931/
tr. 376-384 : 1) Cần đọc sách. 2) Lịch-sử và tính-chất đọc sách
3) Những lúc thích-nghi nên đọc sách : những lúc thân thể khỏe
mạnh, khi tinh-thần sáng khoái, lúc tinh-tự an tĩnh, chuyên tâm đọc
sách, tuyền sách nhất-định.

— XXVIII, 162, 5/1931, tr. 462-469 : cách tuyền sách hay, phép
đăng tả và phép nhớ ngầm, phép toát-yếu và phân-giải, mấy qui-tắc
lặt-vặt. GD.

Khảo về học-thuật tư-tưởng nước Tàu. XXVIII, 163, 6/1931, tr. 538-
552 :

1) Phôi-thai thời-đại : Hoàng-đế, Hạ-Vũ, Châu-sơ, Xuân-thu.

2) Toàn-thịnh thời-đại : đời Châu.

— XXIX, 164, 7/1931, tr. 16-30 : 3) Các học-phái.

— XXIX, 165, 8-9/1931, tr. 122-133 : So với Hi-lạp, Ấn-độ.

4) Nho-học thống-nhất thời-đại.

— XXIX, 166, 10/1931, tr. 243-260 : Lịch-sử nền nho-học. Các
danh nho chép sách. Kết-quả.

— XXIX, 167, 11-12/1931, tr. 340 tt: 5) Lão-học, thời-đại : Phái
huyền-lý, phái đan-đỉnh, phái phù-lục, phái chiêm-nghiệm.

6) Phật-học thời-đại : lịch-sử, các tông-phái.— Phật-học nước Tàu
có bốn đặc-sắc : a) Từ Ấn không có Phật-học mà truyền sang Tàu.
b) Đại-thừa ở Tàu, trong các nước lại là tiểu-thừa, c) Các tông-
phái đều do Tàu sáng-lập, chứ không phải tự nguyên-thủy. d) Tôn-
giáo kiêm triết-học. VH.

Giới-thuyết về sách Mạnh-tử. XXVIII, 163, 6/1931, tr. 560-563. TH.
Luận-ngữ quốc-văn giải-thích, có bài tiểu-sử đức Khổng-phu-tử.

XXIX, 165, 8-9/1931, tr. 181-190.	
XXIX, 166, 10 —	294-302.
XXIX, 167, 11-12/ —	420-427.
XXX, 170, 3/1932	301-306.
XXX, 172, 5 —	531-540.
XXXI, 177, 10 —	403-410.
XXXI, 178, 11 —	503-511.
XXXI, 179, 12 —	598-603.
XXXII, 184, 5/1933	483-493.
XXXIII, 187, 8 —	135-144. VHTQ, TS.

Khổng-tử với Thích-già, dịch. XXIX, 167, 11-12/1931, tr. 331-339. TH.

Khảo về luân-lý học-sử nước Tàu. XXX, 168, 1/1932, tr. 45-56 : 1)

Cổ-đại : đời Đường ngu, Nghiêu Thuấn, đời Tam-đại, Kinh dịch.
— XXX, 169, 2/1932, tr. 173-185 : Các tên que kinh Dịch.

2) Nho-giáo : Khổng-tử.

— XXX, 171, 4/1932, tr. 364-377 : Uyên-thâm của học-thuyết Khổng-tử, triết-học, tôn-giáo, giáo-dục ; Trung-dung, lễ, nhân ; luân-lý thuyết, bản-vụ, thực-hành đạo-đức, chính-trị.

— XXX, 173, 6/1932, tr. 586-596 : Thuyết giáo-dục, mục-đích và phương-pháp giáo-dục. Phê-bình chung.— Học-trò của Khổng và các trước-tác : Hiếu-kinh, Đại-học (quan-hệ).

— XXXI, 174, 7/1932, tr. 48-60 : Tử-Tư Mạnh-tử.

— XXXI, 176, 9/1932, tr. 270-286 : Tuân-tử, Biểu nhất lãm «Nho giáo lược-thuyết» (tr. 278-286).

— XXXI, 178, 11/1932, tr. 466-478 : Đạo-gia : Lão-tử, các thuyết về vũ-trụ, bản-thê, hiện-tượng, tính người, nhân-sinh-quan, luân-lý, mục-đích của luân-lý... So-sánh Khổng với Lão. Quan Doãn-tử.— Liệt-tử,

— XXXII, 180, 1/1933, tr. 47-54 : Trang-tử.

— XXXII, 185, 6/1933, tr. 570-582 : Dương-tử, Mặc-gia, Pháp-gia, Quán-tử.

— XXXIII, 186, 7/1933, tr. 33-39, : Thân-tử, Thương-tử, Hàn Phi-tử.

— XXXIII, 189, 19/1933, tr. 336-358 . Danh-gia: Đặng Tích-tử, Doãn Văn-tử, Công Tôn-Long.— Binh-gia.— Biểu nhất-lâm về các nhà ngoại phái Nho-gia: Đạo-gia, Dương-gia, Mặc-gia, Pháp-gia, danh-gia, binh-gia, tạp-gia.

— XXXIV, 192, 1/1934, tr. 54-63 : Thời Trung-cổ : đời Tần, đời Hán, đời Tiền Hán (Hoài Nam-tử, Đông Trọng-Thư, Dương-Hùng).

— XXXIV, 193, 2-3/1934, tr. 180-190 : Các nhà học-giả đời Tiền-Hán đời Hậu-Hán : Vương-Sung.

— XXXIV, 195, 4/1934, tr. 313-317 . Cái đặc-sắc của luồng tư-tưởng cuối đời Hán, tư-tưởng luân-lý về đời Lục-triều.

— XXXIV, 199, 7/1924, tr. 25-29 : Nho-giáo về thời-đại Lục-triều. Đạo-giáo về thời Lục-triều.

— XXXV, 205, 10/1934, tr. 113-117 : Phật-giáo về thời-đại Lục-triều.— Tư-tưởng luân-lý về đời Tùy.

— XXXV, 210, 12/1934, tr. 336-340 : Tư-tưởng luân-lý đời Đường: Tóm đại-khái; Nho-giáo. . . (Còn nữa). LL.— VH.

Việt-nam tổ-quốc tuý-ngôn. Những lời tinh-túy của tổ-quốc Việt-nam.

XXX, 169, 2/1932, tr. 130-136 : Tuyên-trạch, phân-loại, chú-giải và bình-luận. I. Luân-lý : tu-thân, gia-tộc. . .

— XXX, 170, 3/1932, tr. 275-284 : Đối với con, vợ chồng.

— XXX, 171, 4/1932, tr. 401-408 : Họ hàng.— III. Quốc-gia luân-lý : nghĩa-vụ đi lính, yêu nước.— IV. Xã-hội luân-lý.

— XXX, 172, 5/1932, tr. 508-515 : Hợp quần luân-lý.

— XXX, 173, 6/1932, tr. 626-631.

— XXXI, 174, 7 — 60-65.

— XXXI, 177, 10 — 386-395.

— XXXI, 178, 11 — 478-487.

— XXXII, 180, 1/1933, tr. 39-47.

- XXXII, 181, 2 — 155-162.
- XXXII, 183, 4 — 351-357.
- XXXII, 185, 6 — 583-595.
- XXXIV, 193, 2-3/1934, tr. 128-134.
- XXXIV, 198, 6 — 444-448.
- XXXV, 9 68-70.
- XXXV, 12 — 281-285.
- XXXV, 12 — 324-325.
- Tất cả gồm có 909 câu ; tiếp các mục : nhân-cách, giao-tế, chức-nghiệp, danh-dự, đạo-đức, đức-tính, công-bằng, xử-thế, tạp-ngữ. . . XH, VH, ĐĐ.

Máy điều chứng-nghiệm về tâm-lý của quần-chúng, dịch Chương Tích-Thâm. XXX, 169, 2/1932, tr. 147-151. TH.

Tư-tưởng về quốc-gia, dịch Lương Khải-Siêu. XXX, 170, 3/1932, tr. 246-248. CT.

Khảo về cách-thức làm báo, dịch Từ Bảo-Hoàng. XXX, 172, 5/1932, tr. 472-482 : Chức-vụ cốt-tử của tờ báo ; định-nghĩa của tờ báo, tính-thái của tờ báo, giá-trị của tờ báo, phân-loại các tin, các lược-thuật các tin, lai-nguyên của tin-tức, cách nhật tin, tư-cách phóng-viên. . .

— XXX, 173, 6/1932, tr. 616-626 : Biên-tập tờ báo, những điều cốt-tử về cách biên-tập. . .

— XXXI, 175, 8/1932, tr. 159-164 : Cách thông-tin cho nhà báo, tổ-chức báo-quán. . . BC.

Tolstoï với Phật-kinh. XXX, 172, 5/1932, tr. 498-508. TG.—TH.

Văn đời Tần : Triệu-Lương nói với Thương-quân, dịch cò-văn. XXXI, 174, 7/1932, tr. 78-79. VH.

Nghề báo bên Âu-châu, dịch Dũ-Chi trong ĐPVK. XXXI, 177, 10/1932, tr. 364-376 : Địa-vị của tờ báo, cách sưu-tầm và biên-tập tin, tổ-chức thông-tin-xã, nghề làm báo.— Thống-kê các báo tại mỗi nước. BC.

Lịch-sử Phật-giáo nước Tàu, theo Trung-quốc Phật-giáo tiêu-sử của Trần-Bân-Hòa. XXXI, 178, 11/1932, tr. 492-498 : I. Thời-đại phiên-dịch kinh-diễn : Đông-Hán, Tam-quốc. Tây-Tấn.— (Đông - Hán 25-221, Tam-quốc 222-280, Tây Tấn 280-316).— II. Thời-đại truyền-bá Phật-giáo : Đông-Tấn 317-420.— Tam luận tông, thành-thực tông.

— XXXII, 180, 1/1933, tr. 19-30 : Phật-giáo đời Nam triều : thiên-tông, nhiếp-luận tông, thiên-thai tông ; Bắc triều : Sát-bàn tông, địa-luận tông (40-588).—

Thời-đại hưng-thịnh . đời Tùy 589-618, đời Đường 618-907.

— XXXII, 183, 4/1933, tr. 357-367 : Tịnh-thò tông, pháp tướng tông, câu-xá tông, luật tông, hoa-nghiêm tông, chàm-ngôn tông.

Phật-giáo bảo-thủ : đời Ngũ-đại 907-960, đời Tống 960-1279, đời Nguyên 1279-1367, đời Minh 1368-1663.

Phật-giáo suy-vi : đời Thanh 1663-1911. TG.

Một nhà cao-sĩ nước Tàu : Ông Đào Uyên-Minh. XXXI, 179, 12/1932, tr. 560-578 : 1) Lời tông-luận. 2) Ngũ-Liễu tiên-sinh. 3) Làm quan huyện Bành-trạch (Bài thơ danh tiếng : QUI - KHỨ LAI-TỬ). 4) Tết trùng-cửu say vì cúc (Bài thơ). 5) Thác ý truyện Đào-nguyên. 6) Dạy con (Bài thơ trách con), 7) Bài văn tự viếng mình. VH.

Học-thuyết thày Mạnh. XXXII, 183, 4/1933, tr. 340-350 : «Tu làm sao cho đem lại được bản tính ?». Gồm sáu điều : cầu phóng-tâm, quả-dục, tồn-dạ-khí, tri-ngôn, dưỡng-khí, khuếch-sung. TH.

KÍNH-CÁO ĐỘC-GIẢ. XXXIV, 192, 1/1934, tr. 1-2.

«Nào là nghiên-cứu học-thuật, nào là chấn-hưng quốc-văn, nào là đem những điều tinh-túy của các học-thuyết học-phái tây-đông tân-cựu, la-liệt phô-bày để cống-hiến các nhà hiểu-học, mong sẽ nhân đó mà kiếm tìm ra được những điều mới lạ hay-ho. Trên đối với chính-phủ, bán-chi giúp về đường Khai-hóa, mong cho tân-trí-thức truyền-bá ra khắp

nơi ; dưới đôi với quốc-dân, bản-chỉ giúp về đường canh-tân, mong cho cụu hủ-tục xưa bỏ đi cho chóng hết...» (tr. 1).

«Chúng tôi nhận ra rằng ngọn tân-trào của xã-hội ta ngày nay đã có vẻ khác trước, học-vấn càng cần về phương-diện phổ-thông. Đòi là đòi mới, muốn cho xã-hội trẻ lại, quốc-dân trẻ dai, trên đàn ngôn-luận, ngày xuân còn dài...» (tr. 2). TC., VH.

Thơ mới với thơ cũ. XXXIV, 193, 2-3/1934, tr. 109-112.

— Thơ mới không tại ở thi-tứ hay tinh-thần cho bằng tại không cú-pháp, nên «khó đọc và khó nhớ».

«Nếu có tài mà đem những cách tả-mạc của thơ Tây mà mở rộng những khuôn-mẫu cũ trên ấy cho sinh-sắc hơn ra, thế tức là thơ mới, chứ không phải mô-phỏng cả cái khuôn-mẫu không cùng một âm-loại vào mới là mới». VII.

Nền thống nhất phép đo-lường. XXXIV, 196, 5/1934, tr. 333-336. KT.

Một đạo luật bảo vệ tâm-tờ, XXXIV, 200, 7/1934, tr. 60-62 KT.

Quân-tử với liêu-nhân. XXXV, 205, 10/1934, tr. 89-91. TH.

Học-thuyết và nhân-cách của Khổng-tử ảnh-hưởng về tinh-thần các thời-đại. Dịch. XXXV, 208, 11/1924, tr. 222-228, TH.

Tình-trạng sinh-hoạt dân quê hiện nay. XXXV, 209, 12/1934, tr. 255-258. XH.

TỔNG-LUẬN SỰ-NGHIỆP NAM-PHONG, XXXV, 210, 12-1924 :
Coi Phạm-Quỳnh, tr. 132.

NG.— H.—V. Nam-kỳ (Nguyễn-Hảo-Vĩnh).

Thư ngỏ cho chủ-bút Nam-Phong. III, 16, 10/1918, tr. 198-209.

— Lời Phạm-Quỳnh.

— Bài nghị-luận : Bắc chữ Hán.

— I. Chữ Annam giàu hay nghèo ?

— II. Ta nên đặt tiếng mới hay là mượn tiếng nước khác mà dùng trong khi thiếu thốn ?

— Hồ hào các hội học tiếng Việt, làm tự-điền. VH.

NGUYỄN-KIỆM

Dịch tựa truyện « Tuyết hồng lệ sử ». XVI, 91, 1/1925, tr. 86-87. VC.

NGUYỄN-KỶ-NAM

Bài tựa sách Quốc - túy của quan-đốc Ngô-khanh-Uyên. II, 12, 6/1918, tr. 365-366. VC.

NGUYỄN-KỶ-PHÙNG

Cảm-tưởng sau khi đọc sách Gia-long, của M. Marcel Gauthier, tựa của P. Pasquier. XXXIII, 186, /1933 tr. 39-43. LS.

NGUYỄN-KHẮC-BÌNH

Bàn về việc học ở nhà quê. VIII, 47, 5/1921, tr. 406-415. GD.

Vấn-đề việc học nước ta bây giờ. VIII, 48, 6/1921, tr. 501-508.

— Ý-kiến về việc học.— Về cái tinh-thần việc học.— Về cái hình-thức việc học. GD.

Vấn-đề tiếng ta chữ ta. XI, 65, 11/1922, tr. 371-380.

1. Cảm-tình đối tiếng ta chữ ta thế nào ?
2. Tiếng ta thuộc âm-vận nào ?
3. Tiếng ta hiệp với âm vận của ta.
4. Nhờ đâu nên giàu có ?
5. Nhờ sự may nào ?
6. Sao nói theo tiếng Hán ?
7. Phải theo thế nào ?
8. Tên riêng có nên dùng chữ Hán ?
9. Tên các nước ? VH, NN.

NGUYỄN-KHÁC-CÁN

Quốc-dân giáo-dục. XXXIV, 198, 6/1934, tr. 433-435. GD.

Ông phó xệ. Truyện ngắn. XXXIV, 199, 7/1934, tr. 17-21. VH.

Nghĩa-vụ của thanh-niên. XXXV, 204, 9/1934, tr. 51-56. GD.

NGUYỄN-KHẮC-HANH

Khen, chê. V, 29, 11/1919, tr. 441. VC.

Khảo-cứu về thuốc nam. V, 30, 12/1919, tr. 511-518. KH.

Mấy lời nói nhỏ cùng các ông thích đồ tàu. VI, 31, 1/1920, tr. 86-88.
PT.

NGUYỄN-KHẮC-HIỆU

Chữ «tài». I, 3, 9/1917, tr. 180-182. VC.

NGUYỄN-KHẮC-NGUYÊN

Thời-cực nước Tàu. XVI, 91, 1/1925, tr. 13-29. CT.

NGUYỄN-KHOA

Câu chuyện nên ghi. V, 26, 8/1919, tr. 160-161. VC.

NGUYỄN-LÊ

Ngọc-Hoàng nổi-giận (Sấm sét). III, 15, 9/1918, tr. 151-155. KH.

Giây nói. IV, 24, 6/1919, tr. 480-483.

— V, 27, 9/1919, tr. 235-241. KH.

Sao băng. V, 28, 10/1919, tr. 327-331. KH.

Nói về các giống vi-trùng. XII, 71, 5/1923, tr. 409-419.— XII, 72, 6/
1923, tr. 484-497. KH.

Người với vợ. XVIII, 106, 6/1926. tr. 454-468.

— Khi độc, vợ dài tay, đười ươi, vợ Phi-châu, vợ mặt trắng.- Người với khi giống nhau thế nào ? Bộ xương, sọ và óc, thuyết Lamarck, thuyết Darwin, thuyết Hackel.

— Có hình vẽ, tr. 467-468. KH.

NGUYỄN-LÊ-BÔNG (Lương điền)

Trường giang lưu (nói chuyện sự đời) II, 9, 3/1918, tr. 168-169. VC.

NGUYỄN-MẠNH-BÔNG (Mân-Châu)

Văn học Hy-lạp. I, 4, 10/1917, tr. 226-229.

I, 5, 11/1917, tr. 297-300.

I, 6, 12 - 372-373.

II, 8, 2/1918, tr. 82-84. VH.

Điện-học khái-luận : cái điện-trì (pile) thứ nhất. Nguyễn-Lê lai.cáo Nguyễn-Mạnh-Bông dịch. II, 9, 3/1918, tr. 158-161. KH.

Một phen khâu-biện nên công, dịch Chiến-quốc sách. III, 13, 7/1918, tr. 22-23. VH.

Mừng tuổi Nam-Phong. III, 13, 7/1918, tr. 48-49. VC.

Ghi lời chị Nguyệt, Giác mộng đêm hè. III, 14, 8/1918, tr. 101-102, VC.

Tân-văn tạp-chí; Hán-học; Nhà học-giả với kẻ độc thư, dịch «Thiên-tắc bách-thoại» của Da-đăng Hoằng-Chi. III, 15, 9/1918, tr. 163-165. VC.

Sách «Phổ-thông độc-bản» của Nguyễn-văn-Ngọc, Hà-nội, trường sơ-học Pháp-Việt. 1918. III, 17, 11/1918, tr. 290-291. VH.

Sách «Khối tình» của Nguyễn-khắc-Hiếu, Hà-nội, Đông-kinh ấn-quán, III, 17, 11/1918, tr. 291-293. VH.

Dịch Chiến-quốc sách : Lời Tô-Tần nói với Triệu Huệ-Vương. - Lời Giang Nhất thừa với vua Kinh Tuyên-Vương. III, 17, 11/1918, tr. 303. VC.

Quyền «Mối-sầu-Trung», vận-văn của Hoàng-Thăng. III, 18, 12/1918, tr. 360. VH.

Hai buổi chơi Hội chợ 15-12-1918. III, 18, 12/1918, tr.373-380. VC.

Cảm-tình khi gặp xuân. IV, 20, 2/1919, tr. 142-143. VC.

Chơi xuân cảm-hoài. IV, 21, 3/1919, tr. 232-233. VC.

Bài ký cái thuyền khắc bằng hạt quả, dịch Hán văn. IV, 21, 3/1919, tr. 235-236. VC.

Bàn về thơ nôm (Sách «Thơ nôm thích nghĩa» của hiệu Cát-thành, 1912. IV, 22, 4/1919, tr. 319-322. VH.

Tiệc trà của hội Khai-trí tiến đức. IV, 23, 5/1919, tr. 412-415. XH.

Mừng hội Hòa-bình. V, 25, 7/1919, tr. 73-75. VC

Hi-vọng với đời người. Dịch văn Tàu. V, 26, 8/1919, tr. 127-133.

— Hi-vọng là gì ? — Tư-tưởng phát-đạt. — Ngoại-giới khích-thích đời mong ă, đủ nay lại mong ngày mai nường vào quốc-gia xã-hội Công-dụng : với cá nhân, với quốc-dân. — Chương-ngại : lòng bảo-thủ, sức đề-kháng. TH.

Mùa thu tiền bạ. V, 27, 9/1919, tr. 279-274. VC.

Ai giết người. Luân-lý tiêu-thuyết. V, 28, 10/1919, tr. 357-364. VC.

Lòng yêu nước. V, 29, 11/1919, tr. 441-442. VC.

Văn chương. V, 30, 12/1919, tr. 549-550. VC.

Tiến-thủ. VI, 31, 1/1920, tr. 80-81. VC.

Tân-niên thuật tân-dân. VI, 32, 2/1920, tr. 174-177. VC.

Trần-trọc đêm xuân, truyện ngắn. VI, 34, 4/1920, tr. 368-371. VC.

Hợp đàn. VI, 35,5/1920, tr. 455-465. VC.

Thần thiên-lương, bi-tình tiểu-thuyết. VI, 36,6/1920, tr. 511-515. VC.
Hào-kiệt hàm-dưỡng khác người thường. VI, 36, 6/1920, tr. 545-547
VC.

NGUYỄN-MẠNH-HỒNG

Cuộc chơi trăng trên sông Nhuệ. XVI, 96, 6/1925, tr. 554-556. VC.
Cảm tưởng về nông-nghiệp lúc đêm hè. XVII, 98, 8/1925, tr. 146
148. VC.
Cuộc thưởng ca ở làng Hữu-Thanh-oi. XVII, 100, 10-11/1925, tr. 363.
368. VC.

NGUYỄN-MỤC-TIÊN

Một nhà danh-sĩ nước Pháp : Ông Anatole France (1844-1924). XV,
89, 11/1024, tr. 409-415. VHP.

NGUYỄN-NĂNG-QUỐC

Lập-hiến là gì ? XXVII, 153, 8/1930, tr. 134-136. CT.
Giải-nghĩa hiến-pháp. XXVII, 155, 10/1930, tr. 335-341.
— Giải-nghĩa bài luận thuyết của ông PQ. về hiến-pháp. PL.

NGUYỄN-NỮ THANH-SAN

Bông hoa cuối mùa. Tập học làm văn. XXVIII, 162, 5/1931, tr. 434-449.
— Gồm hai bài thơ của Đông-Hồ và 30 đầu bài tập làm văn. VC.

NGUYỄN-NGỌC-CHỈ

Một nhà thi-sì trứ-danh nước ta : Cụ Nguyễn-Đình-Chiều làm truyện
« Lục Vân Tiên » (1825-1885). XIII, 76, 10/1923, tr. 308-311.
VH.

NGUYỄN-NGỌC-THIỀU

Truyện một người võ-sĩ tòng chinh . XIII, 73, 7/1923, tr. 66-70. VC.

Duyên kỳ-ngộ một chị hàng hoa, tiêu-thuyết. XIII, 76, 10/1923, tr. 311-315. VC.

Câu truyện khách làng chơi. XIV, 81, 3/1924, tr. 245-249. VC.

NGUYỄN NHÂN-HẠP

Bài hịch Ông Lê-duy-Mật. XVI, 92, 2/1925, tr. 178-179. VC.

NGUYỄN-NHU-MÔNG

Thơ cực chẳng đã hỏi Nam Phong. Đáp Ng.-H.-V. III, 18, 12/1918, tr. 381-382.

— Nói cho sáng thế-lệ. — Nói cho tỏ lòng dân.— Nói cho thấu gốc tiếng. NN.

NGUYỄN-NHU-NGỌC

Bàn về cải-lương hương-chính. VII, 41, 11/1920, tr. 403-415. XH.

Vấn-đề sửa soạn một quyền sách điền-lích Annam ta là một vấn-đề rất thiết-yếu cho ta bây giờ. X, 57, 3/1922, tr. 232-235. VH.

Bàn góp về truyện Kiều. XIII, 75, 9/1923, tr. 221-223. VH.

NGUYỄN-PHAN-LONG (Coi : Đàm-Xuyên, Phần Vận văn).

NGUYỄN-PHONG-DI

Quan Lại bộ Thượng-thư Nguyễn-hữu-Bài, được đức giáo-hoàng La-Mã tặng đệ-nhi hạng Phiê Bội-tinh. VIII, 45, 3/1921, tr. 245-246. TG.

NGUYỄN-PHÚC-CẢNH

Bài văn của ông Hoàng-tử Cảnh tế ông Bách-đa-lộc. I, 3, 9/1917, tr. 179-180. LS.

NGUYỄN-PHƯỢNG-TƯỜNG

Một bức thư ngỏ . XXIII, 133, 9/1928. tr. 316-318,

— Ca-tụng bài « Giọt lệ thu ».

« Ôi ! vẫn nước ta còn trẻ, tiếng nước ta còn non, mà trong nữ-giới nước ta đã xuất-hiện được một áng văn-chương đặc-biệt như thế, thời cũng đáng mừng cho tiền-đồ quốc-văn ta vậy » (tr. 317). VC.

NGUYỄN-QUÝ-TOÀN

Vấn-đề thề-dục. XIII, 73, 7/1923, tr. 21-38. XH.

Thanh-hóa nhân-vật chí. Dịch tác-phẩm của Le Breton.

XIII, 77, 11/1923, tr. 403-411.

XIV, 80, 2/1924, — 148-153.

XV, 88, 10 — 343-350.

XV, 89, 11 — 441-449.

XVI, 92, 2/1925, tr. 171-178.

XVII, 98, 8/1925, tr. 170-176.

XVII, 100, 10-11/1925, tr. 369-373. TS.

NG.—T.—NG. (Thanh-Nghệ-Tinh tân-văn)

Có nên dạy toàn quốc-văn ở các trường hương-thôn không ? XXXII, 185, 6/1933, tr. 547-548 B.

— «*Nay muốn khỏi cái tai-hại đó tưởng cần phải phở ngay chữ Pháp đi mà dạy toàn bằng quốc-văn... ở hết thầy các trường về bậc sơ-đẳng giáo-dục*» (tr. 548b) VH.

NGUYỄN-TÁT

Bàn về việc học của quốc-dân. Chữ nho có bỏ được không ? IV, 21, 3/1919 tr. 197-201. VH.

Khảo về tiền bạc. VI, 33, 3/1920, tr. 219-225.

— Chức-vụ tiền-của.— Phép đúc tiền.— Tiền «chủ» và tiền «phụ».— Tiền các nước.— Tiền nước ta. KT.

N. T. L.

Chính-sách của quan toàn-quyền René Robin đối với việc cai-trị dân
Annam. XXXIV, 194, 4/1934, tr. 235-239. CT.

NGUYỄN-TIẾN-LĂNG (Hán-thu).

Một cuộc đời mới. XXXIV, 199, 7/1934, tr. 1-8.— XXXIV, 200, 7/1934
tr. 69-75. XH.

I, Thế nào là đời mới ? Ở nước ta có thể có một cuộc đời mới
chẳng ?

«Là cuộc đời hoạt-động, lấy sự tiến-hóa làm mục-dịch, lấy sự tái-tạo
làm sự lo lắng hằng ngày».

II. Nhiệm-vụ bạn thanh-niên trong sự vận-động một cuộc đời
mới : đi-ưu-hòa, bắt-chước, khôn-khéo, bồi-bổ nền-móng cũ...

III. Gương một vài nước ngoài.

IV. Cảm tưởng và hi vọng của chúng tôi. XH.

NAM-PHONG NGÀY TRƯỚC, NAM-PHONG BÂY GIỜ. XXXIV,

199, 7/1934. tr. 9-12.

— Đã bốn kỳ đời mới, tuy bây giờ kém xưa, nhưng hãy nhớ
bước lịch-sử xưa.

«Từ lúc ra đời, NP. đã gây nên những phong-trào về văn-chương,
về học-thuật, về luân-lý, về chính-trị, đã luận-bàn một cách sâu-xa mà
thiết-thực về nhiều vấn-đề có quan-hệ đến quốc-gia. Nhiều tư-tưởng
của NP đã truyền-bá, ảnh-hưởng hiện nay cũng còn vang động đến
thời-cực».

NP được như vậy là nhờ cái học-vấn, cái tài-danh của Phạm tiên-
sinh, cho nên trước đây cái tên NP gần như lẫn với tên Thượng-
Chi, đó cũng là đích-đáng vậy» (tr. 9).

«Cho hay một đời hồ để có mấy Thượng-Chi !» (tr. 9).

«N. P. già rồi ! N. P. cũ rồi !»

«*Cô thiếu-nữ «tân-thời» nay lại nói tiếng Pháp nữa, cũng như tôi, cũng như các ngài! Cô thiếu-nữ xin thôi không nói chữ nho!* (Nam-Phong thêm một phần chữ Pháp, bỏ phần chữ nho)» (tr. 11).

«*Dù hiện nay công-việc trong tòa soạn NP, những việc gì thuộc về ban khảo-cứu thì tôi không dám nhận một chút trách-nhiệm nào, song riêng tôi thì chỉ biết thờ chủ-nghĩa thanh-niên, chỉ muốn cùng anh em thanh-niên mượn NP làm cơ-quan mà thử lo tính một vài sự kiến-thiết. . .»* (tr. 12). VH. TC.

Những nguyện-vọng của dân Annam, XXXIV, 200, 7/1934, tr. 49-54.

— Cuộc thí-nghiệm về Bảo-đại Hoàng-đế, Nguyện-vọng của các người nhà quê Annam, của kỳ-lý, của các quan.

— XXXIV, 201-202, 8/1934, tr. 48-50.

— Nguyện-vọng thanh-niên.

— Về vấn-đề du-học Pháp, một phái sợ cái hại vong-bản, một phái kỳ-vọng ở việc canh-tân quốc-hồn quốc-túy. Chủ-trương của điển-giả thuộc về phái sau. CT. — GD.

Lại tới Thần-kinh. Tiếp chuyện ông Phạm - Quỳnh, bàn về vấn-đề quan-trường. . . XXXIV, 200, 7/1934, tr. 79-83. — XXXV, 204, 9/1934, tr. 56-58.

«*Thế cho nên dù khi ấy chỉ là một cậu học-trò «con-le» đến gặp nhà danh-sĩ mà tôi hỏi liền ông Phạm câu sau này, nói tiếng Pháp:*
«*Tiên-sinh hiện đang bệnh vực quan trường? . . .»* DH.

Văn mới của người Tàu. XXXV, 210, 12/1934, tr. 318-323.

— Ảnh hưởng ngoại-quốc, về tản-văn : lối tiêu-thuyết. VH.

Coi: Phụ trương Pháp-văn.

NGUYỄN-TỬ-LANG

Tiếng Nam Bắc khác nhau. *Tử-vượng Hà-nội—Sài-gòn*. XXVII, 152, 7/1930, tr. 56-60.

— Cách đọc tiếng Nam : V=D ; C=T ở cuối một câu ; bèn=bằng ; các dấu (sắc), (hỏi). . .

— «Tuy vậy, chữ quốc-ngữ phổ-thông ở trong Nam trước ngoài Bắc, những sách và tự-điền trong Nam ngày trước in đúng hơn các sách trong Nam ngày nay, thế thì cái sai đó có lẽ tại ngày nay không để trí đến» (tr. 56).

— Trong Nam, có đặc-sắc phân-biệt : tr, ch, d, gi, r, s và x.

— Tự-vượng gồm 330 tiếng. NN.

NGUYỄN-TƯỜNG

Khảo về văn-hóa của động-vật. XXIX, 166, 10/1931, tr. 289-294.

— Ngôn-ngữ, vật-chất, kỹ-thuật, thần-thoại và khoa-học, tập-quán tôn-giáo, gia-đình và xã-hội tổ-chức, tài-sản, chính-phủ, chiến-tranh. KH.

Nghề hồng không hiện nay. XXXI, 179, 12/1932, tr. 549-559. XH - KT.

NGUYỄN-TƯỜNG-PHƯỢNG

Một nhân-vật tỉnh Bắc-ninh ; ông Cao-bá Quát. XXXV, 209, 12/1934, tr. 259-266. VH.

NGUYỄN-TƯỜNG-TAM

Máy lời bình-luận về văn-chương truyện Kiều. XIV, 79, 1/1924, tr. 30-36. VH.

NGUYỄN-THẾ-ĐẠT

Tư-tưởng một nhà gỗ đầu tré, V, 26, 8/1919, tr. 163-164 VC.

NGUYỄN-THẾ-HỮU

Hành-trình chơi núi An-tử. Thuộc vùng Hải phòng. Trao đổi thơ văn với
sư cụ. XVIII, 105, 5/1926, tr. 325-334.- XVIII, 106, 6/1926, tr.
443-453. DH.

NGUYỄN-THẾ-XƯƠNG

Luận-thuyết «tân xã-hội».

— Tìm cách cải-tạo xã-hội Việt-nam.- Một xã-hội công-cộng chính-
trị.- Xã-hội công-cộng phong-tục, công-cộng xã-hội, công-cộng lễ-
phép.- Xã-hội công-cộng sản-nghiệp tạp-sự, trọng-cấm, giám-sát...
XX, 118, 6/1927, tr. 538-548.- XXI, 119, 7/1927, tr. 36-43.-
XXI, 120, 8/1927, tr. 155-167.-XXI, 121- 9/1927, tr. 264-272.
XH.

Mấy ngày chơi Thát-khê. XXI, 122, 10/1927, tr. 381-392. DH.

Giấc chiêm bao của người thiếu-nữ. XXI, 124, 12/1927, tr. 591-600.

— Bàn phẩm về vấn-đề nữ-giới : nữ-sinh, nông-giới, công nhân,
nữ-thương, quyền-quí, «quan-lại phu-nhân»..., nữ-giới phồn-hoa.
XH.

Tư-cách nghị-viên các nước bên Thái Tây. XXXIII, 188, 9/1933, tr. 260-
262. CT.

Mừng vua Bắc tuần. XXXIII, 189, 10/1933, tr. 314b. CT.

NGUYỄN-THỨC-KHIÊM

Tường hát Nguyễn-Chúa phù Lê-Hoàng. XX, 116, 4/1927, tr. 354-366.
XX, 117, 5/1927, tr. 448-458.

XX, 118, 6/1927, tr. 564-671.

XXI, 119, 7 — 67 - 78.

XXI, 120, 8 — 177-188.

XXI, 121, 9 — 289-294.

XXI, 122, 10 — 401-407.

XXI, 123, 11 — 501-508. VH.

Một bản kịch «Chinh phụ ngâm» mới. XXIII, 134, 10/1928, tr. 349-357.

— Bản chữ Hán của Đặng-Trần-Côn, kèm bản dịch theo điệu cổ, đề «bảo-tồn điệu thơ tự nhiên của cô-nhân, vừa là có ý lại hợp với điệu tuồng giọng nam giọng bắc» (tr. 349). VH.

Tuồng hát: Xuân-Hương khóc cay chàng Tổng Cóc. XXIII, 135, 11-12/1928, tr. 489-498. — XXIV, 136, 1-2/1929, tr. 71-80. VH.

Tô-thị ghét đấng anh Kỳ-lừa. XXIV, 138, 5/1929, tr. 266-279. — XXIV, 139, 6/1929, tr. 371-381.

— I. Vườn hoa.— II. Phố Kỳ-lừa và rừng núi.— III. Nhà và núi Vọng-phu.— IV. Đường núi và chùa Tam-thanh. VH.

Tuồng hát: Nàng dâu oan. XXV, 143, 9/1929, tr. 282-295. — XXV, 143, 10/1929, tr. 399-410. VH.

Khảo về hát-tuồng và hát-chèo. XXV, 144, 11/1929, tr. 461-472. VH.

Tuồng hát lối mới: Lão an thiếu hoài. XXVI, 146, 1/1930, tr. 25-30. VH.

Trót nặng lời thề. Hát chèo. XXVI, 149, 4/1930, tr. 366-378.

XXVI, 150, 5/1930, tr. 500-509.

XXVI, 151, 6/1930, tr. 611-617. VH.

Truyện ông nghề Tân. XXVII, 153, 8/1930, tr. 137-147.

— Tự bé tình-nghịch, viết hộ đơn trâu, quảng cáo xuống bùn, đóng cối đề thơ, từ chức đi chơi. VC.

Truyện quan trọng Khiếu. Tròi năm phần cho mõ. XXVII, 157, 12/1930, tr. 559-570.— XXVIII, 158, 1/1931, tr. 23-30 : Học mãi rồi phá ngu. TS.

Dã-sử quan trọng Gàu. XXVIII, 159, 2/1931, tr. 144-151. — XXVIII, 160, 3/1931, tr. 225-233 :

— Ăn may may bước, trường giả gả con, mười tám tuổi đổ trạng-nguyên, mười năm đi sứ, hoa lại về vườn cũ. TS.

Bích câu kỳ ngộ. Truyện Tú Uyên, hát chèo. XXXI, 179, 12/1932, tr. 612-620.— XXXII, 180, 1/1933, tr. 70-79.— XXXII, 181, 2/1933, tr. 184-190.

— Sáu cảnh : Chùa Bà Ngô.— Ngòi Bích câu.— Đền Bạch-mã.— Phố cầu Đông và nhà.— Nhà giàu.— Vườn hoa. VH.

NGUYỄN-TRÁC

Bài diễn-văn của ông nghị-trưởng Nguyễn-trác thay mặt toàn-viện đọc tại buổi khai-mạc Hội-đồng Dân-biểu Trung-kỳ. XXXI, 176, 9/1932, tr. 322-326. CT.

Một giờ bệ-kiến đức Bảo-đại. (Của ông Viện-trưởng Dân-biểu Trung-kỳ, 1-10-1932). XXXI, 177, 10/1932, tr. 438-442. CT.

NGUYỄN-TRI-KIỆM

Diễn-thuyết ở Quốc-tử-giám. Về kinh-nghiệm trong viện dân-chính. VI, 36, 6/1920, tr. 508. . . CT.

NGUYỄN-TRIỆU-LUẬT

Ở đời lấy gì làm khuây. XII, 67, 1/1923, tr. 51-56.

— Ham sống.— Hiếu động.— Đạo-đức.— Khỗi tình. VC.

Bàn góp về truyện Kiều. XIV, 81, 3/1924, tr. 227-231. VH.

- Tâm-lý học.— XV, 89, 11/1924, tr. 400-404 : Tâm-lý-học là một khoa mới, là khoa-học thần-hồn.— Các hiện-tượng về tâm-lý.— Thân-thể và tinh-thần : Maudsley và Huxley.
- XV, 90, 12/1924, tr. 531-538 : Dòng tư-tưởng.— Đòi tiềm-thức.— Chú-ý.— Nhân-tính (personnalité).
- XVI, 92, 2/1925, tr. 161-165 : Phân loại các hiện-tượng tâm-lý và các tính người.— Tính-khi: đa cảm, đa trí. . . Tính có thay-đổi không ?
- XVI, 95, 5/1925, tr. 455-462 : Thế nào là tình-tự.— Khô-lạc tình.— Cảm - động cảm - tình (Les émotions).— Các sự khuynh-hướng.
- XVI, 96, 6/1925, tr. 578-584 : Duy tha hoặc vong-kỳ khuynh-hướng.— Tối cao khuynh-hướng.— Các sự ham mê.
- XVII, 99, 9/1925, tr. 243-253 : Tâm-hồn đàn-bà: về tác-phẩm của bà Gina Lombroso.
- XVII, 101, 12/1925, tr. 466-475 : Thế nào là trí ? Trí-tuệ.— Cảm-giác.— Giác-quan mới.— Giác-quan cũ.— Định-lệ của cảm-giác.
- XVIII, 102, 1-2/1926, tr. 76-80 : Tri-giác. Thế nào là tri-giác ?
— Ý-tưởng về không-gian.
- XVIII, 103, 3/1926, tr. 156-166 : Tri-giác ngoại-giới đối với nội-giới.— Ký-ức.— Liên-tưởng.
- XVIII, 105, 5/1926, tr. 374-382 : Tưởng-tượng.— Trừu-tượng và khái-quát.
- XIX, 107, 7/1926, tr. 76-84 : Phán-đoán.— Suy-lý.— Đệ-nhất nguyên-lý.— Các dấu-hiệu, ngôn-ngữ và văn-tự.
- XIX, 108, 8/1926, tr. 179-189 : Dấu-hiệu.— Ngôn-ngữ và tư-tưởng.— Văn-tự.— Đòi hoạt-động.— Bản-năng.— Thói quen.— Động-tác của linh-hồn.— Linh-tính có tự-do không ? Tự-nhiệm, tiền-định chủ-nghĩa.

Kết-luận.— Phụ-lục : Tâm-lý học toàn-đồ. TH.

Bàn về cách dịch các danh-từ hóa-học. XIX, 111, 11/1926, tr. 484-489.
NN.

NGUYỄN-TRỌNG-SỬ

Tám lòng hoài cò. XXII, 129, 5/1928, tr. 469-477.

— Phép đề ngày,— Tết Nguyên-đán.— Tranh-ảnh, y phục và địa-
đồ.— Nhật-báo cũ.— Học chữ Hán. VC.

NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT (Đồ-nam)

Dư-luận về vấn-đề «Chấn - chính quan - trường». V, 30, 12/1919, tr.
526-529. XH.

Một nhà danh-nho và danh-y của nước ta ngày xưa : cụ Lãn-Ông
XII, 69, 3/1923, tr. 191-200.— XII, 70, 4/1923, tr. 290-298. TS.

Một tập du-ký của cụ Lãn-Ông : Thượng-kinh ký-sự, nguyên Hán-văn
dịch ra quốc-ngữ. Hoàng-triều Cảnh-hưng năm 44, quý-mão tháng
trọng-đông.

XIII, 77, 11/1923, tr. 369-381.

XIII, 78, 12 — 459-466.

XIV, 79, 1/1924 37-47.

XIV, 80, 2 — 122-130.

XIV, 82, 4 — 313-318.

XIV, 83, 5 — 416-419.

XV, 85, 7 — 64-69.

XV, 87, 9 — 226-239. DH.

Khóc Kiều. XV, 86, 8/1924, tr. 161-163. VH.

Một quyền gia-phả có giá-trị : Thế-đức-đường ký. (Hải nam thư-hiên
văn-tập). XVII, 101, 12/1925, tr. 449-454 : 1) Cụ Trần Cảnh.

— XVIII, 103, 3/1926, tr. 151-156.

— XVIII, 105, 5/1926, tr. 355-362.

— XIX, 110, 10/1926, tr. 370-391 : Ông Trần-Tiến.— Ông Trần Đĩnh. TS.

Quả dưa đỏ. Phiếu-lưu tiêu-thuyết, được giải thưởng văn-chương Hội Khai-trí Tiến-đức năm 1925.

XVIII, 103, 3/1926, tr. 167-182.

— 104, 4 — 279-291.

— 105, 5 — 382-394.

— 106, 6 — 483-496.

XIX, 107, 7 — 85-95.

— 108, 8 — 190-198.

— 109, 9 — 284-296.

— 110, 10 — 391-399.

— 111, 11 — 498-507.

— 112, 12 — 604-612.

XX, 1/1927 75-84. VH.

Bốn tay hùng-biện đời Chiến-quốc. XX, 114, 2/1927, tr. 141-146 :

— Phái lập thuyết : Mạnh-tử, Mặc-tử.

— Phái du thuyết : Tô-Tần, Trương-Nghi. LS.

Khảo về lối văn ngụ-ngôn ở các nước XX, 116, 4/1927, tr. 332-339 :

Trung-quốc, Ấn-độ, Âu-châu, Việt-nam : về Hán-ngữ, về Việt-ngữ. VH.

Hương-chính tinh-nghĩa. XX, 117, 5/1927, tr. 417-422 : Lời phủ đầu, quốc-quyền, quốc-gia với quốc-dân, nước lập-hiến, thế nào là địa-phương tự-trị, thực-hành tự trị, tự-trị thế, quyền giám-đốc của quốc-gia,

— XX, 118, 6/1927, tr. 517-523 : Làng, tư-cách của làng, làng Đông phương và Tây-phương, cương-vực của làng, nhân-dân của làng.

— XXI, 119, 7/1927, tr. 61-66 : Trụ-dân-quyền, công-dân-quyền, pháp-luật của làng.

— XXI, 120, 8/1927, tr. 142-146.

- 121, 9 — 250-259.
- 122, 10 — 392-401.
- 123, 11 — 466-475.
- 124, 12 — 580-600. XH.

Nghiên-cứu và phán-đoán về truyện Kiều. XXII, 125, 1/1928, tr. 41-50 : Về tâm-lý, tập luận, tả người. — Về Kim-Trọng, Thúc-sinh, Từ-Hải, G'ám-sinh. — Tự sự, văn thơ, hiệu-dụng.

XXII, 126, 2/1928, tr. 150-159 : Về ngữ-học và văn-học. — Về độc-pháp. VH.

Khảo về sách Xuân-thu tả-truyện.

XXII, 127, 3/1928, tr. 225-234 : Khảo nguyên, bốn cái tinh-thần sử-học của Xuân-thu : chủ-nghĩa, thể-thi, nghĩa-lệ, văn-pháp.

XXII, 128, 4/1928, tr. 327-337 : Chương-trình san-dịch. Chế độ phong-kiến và nguyên-nhân thời-cục đời Xuân-thu. Biểu liệt-quốc hưng-vong đời Xuân-thu. — Đời vua Ân-công, vua Trịnh-Bá.

XXII, 130, 6/1928, tr. 576-586 : Đời vua Hoàn-công.

XXIII, 131, 7/1928, tr. 35-48 : Đời vua Trang-công. — Đời vua Mẫn-công.

XXIII, 132, 8/1928, tr. 146-157 : Đời vua Hi-công.

XXIII, 133, 9/1928, tr. 267-274.

— 134, 10 — 358-369.

— 135, 11-12/1928, 477-488.

XXIV, 136, 1-2/1929, tr. 58-70.

— 137, 3-4 — 163-174.

— 139, 6 — 356-370.

XXV, 140, 7 — 63-74.

— 141, 8 — 173-184.

— 142, 9 — 272-282.

— 143, 10 — 388-399.

XXV, 144, 11/1929, tr. 500-509.

— 145, 12 — tr.603-613.

XXVI, 146, 1/1930, tr. 67- 77. VH.

Nghĩa tự-cường. XXV, 145, 12/1929, tr. 538-540. Ba đức-tính : 1) Nuôi tính tri-sĩ, 2) Gây tính tự-lập, 3) Gây tính mạo-hiêm. GD.

Khảo về tôn-giáo Nhật-bản. XXVI, 147, 2/1930, tr. 129-135 : 1) Thời cò.— 2) Nhà Đức-xuyên.

XXVI, 148, 3/1930, tr. 265-270 : 3) Đời Minh-Trị.

XXVI, 149, 4/1930, tr. 331-336 : 4) Phật-giáo trung-hưng.— 5) Đạo Gia-tô thịnh-hành.— 6) Đạo Phật và đạo Gia-tô cạnh-tranh.— 7) Các tôn-giáo đổi mới.

XXVI, 150, 5/1930, tr. 420-427 : 8) Thần đạo.— 9) Phật-giáo vẫn hủ-bại.— 10) Các nhà tôn-giáo thay mới. TG.

Một nhà y-sĩ Trung-quốc : Tăng-Khoa-Tiến. XXVI, 148, 3/1930, tr. 281-284. «*Ông công-kích bọn thầy lang lối cũ và khám-phá ra nhiều sự sai-lầm của cựu-thuyết ta.*» YH.

Danh-nhân Hải-dương. XXVI, 151, 6/1930, tr. 604-610 : Tướng-quân Phạm Cự-Lạng và gia-thế : Đoàn-Thượng ; Tiên-thế nhà Trần và Hưng-đạo-Vương Trần quốc-Tuấn.

— XXVII, 152, 7/1930, tr. 37-42 : Đại-tướng-quân Trần Khánh-Dư ; Tướng-quân Phạm Ngũ-Lão ; Yết-Kiều ; Trần-Kiến ; Mạc-đình-Chi.

— XXVII, 153, 8/1930, tr. 153-157 : Phạm Lệnh-công, Trần Khắc-Chung, Đỗ Thiên-Thư, Đoàn Nhữ-Hài, Phạm Sư-Mạnh, Hàn-Thuyên.

— XXVII, 154, 9/1930, tr. 245-250 : Tô Pháp-Loa, Trần Quốc-Lặc, Bạch-Liêu, Bùi Bá-Kỳ, Cha con Lê Cảnh-Tuân, Phạm Thị-Viên, Lương Như-Hộc.

— XXVII, 155, 10/1930, tr. 380-390 : Anh em ông Trần Sùng-Dinh, Ngô Hoán, Ông Vũ-Dương và Khoa-cử huyện Thanh-Lâm, Ông Nguyễn Đức-Trinh, Cha con Ông Đình Lưu-Kim, Ông Hoàng Kiều-Vinh, Ông Vũ-Hữu và gia-thế, gia-phong họ Vũ... Ông Nguyễn Kim-An, anh em ông Lê Nại, Ông Trương Phu-Thuyết.

XXVIII, 159, 2/1931, tr. 114-149 : Nguyễn Tuyên-Cần, Trần-Thục Nguyễn Thâm-Lộc, Lại Kim-Bính, Phạm Tôn-Mại, Trần-Thâm, Đỗ Thế-Bình, Lý Tử-Cấu, Vũ-Cán, Lê Quang-Bí, Nguyễn Thái Bạt, Phạm-Trấn và Đỗ-Uông, Nguyễn Hữu-Chí, Trần Tự-Bảo.

— XXVIII, 162, 5/1931, tr. 474-479 : Nguyễn Văn-Gial, Vũ Duy-Chí, Vũ Duy-Hài, Vũ Công-Đạo, Nguyễn Công-Đồng.

— XXVIII, 163, 6/1931, tr. 578-583 : Vũ Duy-Đoán, Nhữ-Đình Dụng, Lê Ích-Vịnh, Vũ-Thành, Nguyễn-Mại.

— XXIX 165, 8-9/1931, tr. 133-141 : Lê Hữu-Kiều, Lê Hữu-Trác, Vũ Thuần-Phú... Phạm Đình-Hồ. TS.

Văn chiến-quốc-sách. XXVII, 152, 7/1930, tr. 53-56 : I. Tô-Tân đem chước «hợp tung» bảo vua Triệu.- II, Trịnh Đồng lấy việc binh nói với vua Triệu.- III Công-tôn Long can Bình nguyên quân đừng thụ-phong. VH.

Khảo về hiến-pháp Vạn-quốc, dịch.

— XXVII, 155, 10/1930, tr. 326-335.

— XXVII, 156, 11/1930, tr. 502-513.

— XXVII, 157, 12/1930, tr. 590-599. PL.

Điều-định cái ón quốc-học. Dẫn-văn tại Hội Trí-trí Hải-dương 26-11-1931. XXIX, 167, 11-12/1931, tr. 361-387.

— Ông Lê-Dư chủ trương nước ta có quốc-học, trái lại ông Phan-Khôi nói ta không có quốc-học. Vậy Nguyễn-Trọng-Thuật lên tiếng bàn-giải.

— Phân-biệt quốc-học và thế-giới công-học.

1) Quốc-học : Nhật-bản; Việt-nam : quốc-sử, quốc-văn-tự, quốc-thân, địa-dư-chí, cò-diễn, ngôn-ngữ phong-dao, văn thi cũ.

2) Thế-giới công-học : Trung-quốc; Nhật-bản; Việt-nam : a) tính chất hợp sáng, b) tính-chất biệt-sáng (Chu-An thực-hành học-phái, Hoa-Việt Nho-học phái, Quế-Đường học-phái hay Lê Nguyễn học-phái), c) tính-chất mô phỏng (Nho thì theo Tống nho, Phật thì theo Bắc tông môn-đồ).

«Nay đã biết cái bệnh-căn của cõi học ta xưa, một là vì xã-hội cầu-thả mà toàn mô-phỏng, một là vì kẻ học-giả ham cái cận-lợi khoa-cử» (tr. 386).

«N hư thế thì ra quốc-học là cái có sẵn mà chưa biết ra đó thôi. Còn thế-giới công-học thì tiên-nhân ta trước cũng có thể gọi là đã nhiều người có tư-cách biết học và cũng đã có biết chăm về cái học nghĩa lý» (Lời giới-thiệu của Ngô-Vi-Liễn, tr. 361). VH.

Khảo về tài-chính Nhật-bản. XXX, 168, 1/1932, tr. 64-71. KT.

Vấn-đề giáo-dục ở thôn-quê hiện nay. XXX, 173, 6/1932, tr. 631-634. GD.

Giáo-dục phổ-thông phải lấy tinh-thần làm trọng. XXXI, 174, 7/1932, tr. 46-48.

«Pháp-văn cổ nhiên là cái lợi lớn cho dân-tộc Việt-nam ngày nay, không những ở cái lợi nhỏ mọn để giao-thiệp, đi làm việc, mà chính ở cái lợi rất to là cầu học. Song có nhiều chỗ bất-tiện không có thể dùng làm thứ văn-tự phổ-thông như Hán văn được» (tr. 47). GD

Thăm lăng Sĩ-vương, thuộc Bắc-ninh. XXXI, 175, 8/1932, tr. 109-113. DH.

Cái phong (Cầu trực-ngôn). XXXI, 177, 10/1932, tr. 337-339.

«Muốn có trực-ngôn, không cần phải hạ sắc-lệnh cầu, mà chỉ mở rộng chế-độ báo-quán, mở rộng đường xuất-bản và ngôn-luận, là trực-ngôn tự tranh nhau đem ra cống-hiến» (tr. 339). XH.

Việt-nam dân-chính luận. XXXI, 179, 12/1932 tr. 578-586. CT.

Nguyễn Trường-Tộ trên lịch-sử Việt-nam. XXXII, 180, 1/1933, tr. 1-11.

— Thân-thế : nho-học, rồi học Pháp-văn, qua La-mã, Paris, Hương-cảng ; «qui-y đạo Thiên-Chúa», phái bộ sang Pháp, điều-trần, thọ 41 tuổi.

— Học-vấn : viết bài trần-tình-khải, điều-trần về đại-thế trong thiên-hạ, điều-trần về thời-sự, bài lục-lợi-từ, điều-trần về giao-thông, về nông-chính, về học-đường... CT. LS.

Hồn ai ? XXXII, 181, 2/1933, tr. 163-167 : mơ giao-tiếp với người chết.
VH.

Cùng ai trong ban Tây-học. XXXII, 182, 3/1933, tr. 236-242.

— Gương Lương Khải-Siêu nghiên-cứu Tây-học, gương Nguyễn Trường-Tộ... Tại sao phái du-học không phiên-dịch sách vở ?
Tại sao chưa có trước-tác ?

«*Vô-luận Tây-học Nho-học, hễ kẻ theo học nó mà không thâm-đắc được chỗ tinh-thần, không suy-diễn làm ra của riêng mình, không truyền-thụ ra cho đất nước được thì đều là hủ-bại cả. Mà cái hủ-bại ấy mới là cái hủ-bại tây-đình. Hủ-bại cho cả nòi giống*» (tr. 242) VH.

Nam du đến Ngũ-hành-sơn. XXXII, 184, 5/1933, tr. 437-448.

— Cảnh-vật dân-sinh xứ Huế, đại-thể kinh-thành Huế, cung chiêm điện miếu, Khải-định bảo-tàng-viện và hồ Tĩnh-tâm, viếng lăng.

— XXXII, 185, 6/1933, tr. 555-570 : Xem diễn nghi tế Giao, văn-hóa và hình-thể kinh-thành Huế, thăm người tiếp chuyện, trên sông Hương khúc Nam-ai, từ Huế ra cửa Hàn, Ngũ-hành-sơn, đạo xem Cửa Hàn. DH.

Ba cái báu của kẻ sĩ ngày nay. XXXIII, 186, 7/1933, tr. 1-4.

— Lập chí dưỡng-khí và trị-sinh.

«*Ngày nay sự học qui sáng-kiến, nghĩa-vụ qui thực-hành, trách-nhiệm của kẻ sĩ đã nặng-nề hơn cũ-nhơn nhiều mà kinh-tế lại khó-khăn hơn ngày trước*» (tr. 4). VH.

Xã-hội tâm-giáo. XXXIII, 187, 8/1933, tr. 111-124.

I. Xã-hội-giáo : giải-nghĩa, lợi-ích của sự giáo-hóa, xã-hội-giáo của các nước, tại Việt-nam.

II. Xã-hội tâm-giáo : bốn ngôi (bản thân, Tò-quốc, Thế-giới, Thượng đế), một đức.

«*Thế cho nên Tây thì các nước Âu-châu, Đông thì Nhật-bản, sở dĩ người ta được văn-minh như ngày nay, là bởi quốc-dân các nơi ấy đều giàu cái lòng tín-ngưỡng cả*» (tr. 122). GD

Lịch-sử tư-pháp của Nhật-bản hồi duy-tân. XXXIII, 187,8/1933, tr. 125-135. PL.

Đáp lại một cái nguyện-vọng hay của ông Lê-Thăng. XXXIII, 188, 9, 1933, tr. 223-227.

— Ông Lê - Thăng viết một bài đáp lại bài của Nguyễn - Trọng Thuật bàn về « bạn Tây-học ». Lê-Thăng thêm mấy lý-do : (bài « Présent » trong báo « Argus de la la Presse ») ách của Tàu ; chính trị bất công. Vậy cần nhờ thế-lực của chính-phủ. Tuy nhiên, nên bắt đầu từ cá-nhân hay đoàn-thể nhân-dân. VH.

Bình-luận về sách Khóa-hư. XXXIII, 189, 10/1933, tr. 315-324.

« Khóa hư » giảng về nghĩa hư-không, là một quyển khuyến-hóa tu hành về Phật-giáo, của vua Trần Thái-Tôn soạn ra.

— Thời-đại Phật-giáo, đời đế-vương, đời học-vấn (tác-phẩm mắt : chú-giải kinh Kim-cương, Thiền-tông chi-nam, trừ bài tự-tự).

— 1) Nội-dung : bài văn linh-tinh. 2) Triết-lý. — Kết luận. TG.

Vấn-đề nông-nghiệp của nước ta sau này. XXXIII, 190, 11/1933, tr. 430-435.

— Nông-nghiệp với nước ta, tiểu-nông và đại-nông, can-thiệp chấn hưng, khai-khẩn thượng-du. KT.

Dân-tộc kinh-tế. XXXIII, 191, 12/1933, tr. 519-524.

— Học-glã tìm kiếm, nhà thực-nghiệp kinh-doanh, nhà nghề chế tạo, kẻ thưởng-thức, nhà thương-mại.

— Nền kinh-tế không phát-đạt là tự ta. KT.

Chương-trình cầu học của người Việt-nam hiện nay nên thế nào ? XXXIII 191, 12/1933, tr. 524-529.

— Về phần tinh-thần : chú-trọng đến sự-nghiệp tân-sáng, biệt-sáng, suy-nghi lại, làm của mình.

— Về phần thực-hành : cơ-quan-chứa sách, thí-nghiệm vật lý-học phiến-dịch và soạn-thuật, ấn-hành, cõ-động cách học tự-tu. VH.

Không khéo vẫn là cái học trong khuyên sáo. XXXIV, 192, 1/1934, tr. 3-5.

— Tự hỏi xem tân-học đã đi tới đâu : ít hi-vọng. Ngày xưa học nô-lệ thiếu sáng kiến, nhưng được đạo-lý. Ngày nay có lẽ vì hoàn-cảnh eo-hẹp, vì huyết-mạch di-truyền, có lẽ lại đi vào lối xưa mà kém đạo-lý. Tác-giả-tự hỏi vậy ! VH.

Ta phải nên cải-cách âm-nhạc thế nào ? XXXIV, 192, 1/1934, tr. 6-11.

— Nhạc-khí và nhạc khúc : nhạc «salon» và nhạc nơi công-chúng » (ca lý-tưởng, ca-vũ), ca-kịch...— XXXIV, 194, 4/1934, tr. 240-246. Hát xàm, hát ả-đào, ca-kịch, ca lý Huế. AN.

Gia-đình giáo-dục, dịch Chu Khánh-Lan XXXIV, 2-3/1934, tr. 121-128.

— Sự khâu-yếu, chỗ căn-bản, những sự kiện về gia-đình giáo-dục.

— XXXIV, 196, 5/1934, tr. 344-351 : Giáo-dục phải theo trình-độ của trẻ con, cách giáo-dục bằng khí-tượng gia-đình, trách-nhiệm cha mẹ, hoạt bát và «lưu-láo», giáo-dục về điều nhân, điều nghĩa.

— XXXIV, 200, 7/1934, tr. 63-68 : Lễ, trí, tín, thói cầu-thả.

— XXXV, 205, 10/1934, tr. 108-112 : Giáo-dục về tính cần-kiệm, về công-đức, về công-dân, lời nói việc làm của cha mẹ.

— XXXV, 208, 11/1934, tr. 238-244 : Đính mắng không bằng dạy khuyên, di ghẻ với con chồng, cha mẹ không nên mờ dối nhau, vú em và người ở, cho đi học, gia-đình với học đường. GD.

Phải thống-nhất lấy ý-chí của một dân-quyền. XXXIV, 193, 2-3/1934, tr. 149-151. GD.

Thương thiếu-niên (Tặng mấy người bạn trẻ của tôi).XXXIV, 149, 4/1934 tr. 228-231. GD.

Vấn-đề cải-tạo xã-hội. XXXIV, 195, 5/1934, tr. 281-284. XH

Đối với hướng-đạo đoàn Việt-nam, góp thêm ba ý kiến. XXXIV, 195, 5/1934, tr. 300-302 : Nghĩa-hiệp, cần-lao, kiệm-ước. GD.

Cuộc tổng tuyển-cử dân-biểu Bắc-kỳ khóa này đã có vẻ lạc-quan. XXXIV, 196, 6/1934, tr. 337-339. CT.

Hiện-tình kinh-tế dân quê. XXXIV, 197, 6/1934, tr. 379-382,

“Tuy thế nhưng ở nhà quê dù khổn-khó đến đâu, cũng chỉ rên-ri trong mồm chứ không găm-gào ra ngoài miệng, dói thì nằm bẹp chứ không chạy kêu như dân thất-nghiệp bên Tây, nên không mấy người biết tới. Đó cũng là nhờ được có cái tính di-truyền lành-hiền và ăn hèn ở khó đã quen... (r. 38?). KT.— XH.

Chùa Bút-tháp lăng Kinh-dương-vương. XXXIV, 197, 6/1934, tr. 383-389. DH.

Văn thế nào là thoát sáo mà lại thiết-thực ? XXXIV, 198, 6/1934, tr. 425-428. VH.

Giải và dịch lại câu sách Luận-ngữ cho báo Phong-hóa. XXXIV, 199, 7/1934, tr. 13-16.

— Phong-hóa số 98, bài của ông Nguyễn Trường-Tam, hiệu Tứ-ly-VH.

Một cái bí-quyết chống với nạn kinh-tế khủng-hoảng : Chủ-nghĩa cần-kiệm. XXXIV, 201-202, 8/1934, tr. 45-47.— XXXV, 20510/1934, tr. 92-94. KT.

Thì ra ông Tứ-Ly phù đạo Khổng. XXXIV, 201-202, 8/1934, tr. 54-56.

— Trả lời bài « Trả lời bài. Dịch và giải lại câu sách Luận-ngữ trong Phong-hóa » số 108, ngày 27-7-1934. VH.

Người Pháp với đạo Khổng. XXXV, 203, 9/1934, tr. 12-15. TH.

Nhân-vật với hoàn-cảnh. XXXV, 206, 10/1934, tr. 133-136. XH.

Ta nên cải-cách lễ-nghi thế nào ?

— XXXIV, 200, 7/1934, tr. 55-59 : Lễ táng (lúc lâm chung), việc đề tang giữ hiếu.

— XXXV, 206, 10/1934, tr. 145-149 : Bỏ tục thờ linh-sàng mà thờ linh-cửu. Tờ cáo-phó và lễ phúng-viếng. Tống chung hay là đưa đám. Phần mộ. TG.

Sùng thực trưát hư. XXXV, 207, 11/1934, tr. 173-175. GD.

Phật-giáo tân-luận. XXXV, 208, 11/1934, tr. 217-221: 1) Giáo-nghĩa.—
XXXV, 209, 12/1934, tr. 267-278 : Luân-lý phá-độ, Tu dưỡng
nghĩ-vấn. TG.

NGUYỄN-ỨNG

Khảo-cứu về nghề làm ảnh. VII, 42,12/1920, tr. 467-472 : Thuộc ảnh.
— VIII, 45, 3/1921, tr. 207-214.

— IX, 50,8/1921, tr. 122-129 : ảnh môi.— Về ánh sáng.— In ảnh,
« Người viết bài này. . hi-vọng rằng có nhà lưu-tâm mở xưởng mà làm
giấy, kính, máy lữy... » (tr. 129).

NGUYỄN-VĂN-BÂN

Bài ký phong-thổ tỉnh Tuyên-quang. VI. 32, 2/1920, tr. 143-150. DH.

Thánh hiền cách-ngôn, lời nói của thánh-hiền.

— IX, 50, 8/1921, tr. 104-116 : Bàn về chữ nhỏ, có thích-âm rõ
ràng, đối chiếu với quốc-ngữ.— Tựa. Phạm-lệ.— Phép dạy trẻ,
ch.1.— Khuyên răn, ch.2.

— IX, 51, 9/1921, tr. 200-215 : Vua tôi, ch.3.— Cha con, ch.4.—
Vợ chồng, ch.5.

— IX, 52, 10/1921, tr. 297-306 : Anh-em, ch.6.— Bè bạn, ch.7.—
Sửa mình, ch.8.

— IX, 53, 11/1921, tr. 399-408 : Tề gia, ch.9.— Trị nước, ch.10.
VH.

Bài ký phong-thổ tỉnh Vĩnh-yên. XIV, 84, 6/1924, tr. 506-509. DH.

NGUYỄN-VĂN-CƠ

Một cánh hoa chìm, truyện ngắn. V, 25, 7/1919, tr. 76-77. VH.

NGUYỄN-VĂN-CHỨC

Nói về lẽ nên đúc thêm tiền đen. V, 26, 8/1919, tr. 173-174. XH.

NGUYỄN-VĂN-ĐẢN

Sự nghèo. VI, 31, 1/1920, tr. 80. VC.

NGUYỄN-VĂN-ĐÀO

Hoa, dịch « Les Fleurs » của Maeterlinck. VI, 32,2/1920, tr. 178-180. VC.

NGUYỄN-VĂN-ĐIỂN

Chánh-sách của nước France đối với các thuộc-địa và đối riêng với
Đông-Pháp. XI, 62, 8/1922, tr. 80.88. CT.

NGUYỄN-VĂN-HIẾU

Dân tộc Nhật-bản. XIV, 81, 3/1924, tr. 189-211. — XIV, 82, 4/1924,
tr. 285-304.

Lịch-sử Nhật-bản. XVII, 97, 7/1925, tr. 29-61 : Thượng-cồ, phong-kiến,
Phục-hưng, Minh-Trị. Kết. LS.

Nước Thổ-nhĩ-kỳ mới. XXXV, 203, 9/1934, tr. 16-20. CT.

Cuộc tiến-hóa của dân-tộc Việt-nam. XXXV, 205, 10/1934, tr. 95-102.

— Luật tiến-hóa.— Những khuyết-điểm làm khó việc kê-cứu.—

Thời-kỳ tự-tiến.— Thời-kỳ Bắc-hoá.

— XXXV, 206, 10/1934, tr. 153-157 : Thời-kỳ Âu-hoá.— Cuộc
tiến-hoá của phụ-nữ.— Kết-luận, XH.

NGUYỄN-VĂN-KIỆM (Trọng-toàn)

Quốc-ngữ quốc-văn. XIX, 110, 10/1926, tr. 357-369.

— Nhớ ngày kỷ-niệm cụ Tiên-điền.

« Có gì mà sợ,

Có gì mà lo...

Truyện Kiều còn, tiếng ta còn.

Tiếng ta còn, nước ta còn... » (Phạm-Quỳnh). VH.

Bảo-tồn Nam-ngữ. XXI, 122, 10/1927, tr. 368-380.

« Có duy-trì khoa Việt-văn mới giữ gìn được cốt-cách người Nam » (tr. 380).

— XXI, 123, 11/1927, tr. 467 :

« Ở tựa sách Tam-quốc chí diễn-nghĩa, ông Phan-kế-Bính có câu ;
« NƯỚC NAM TA MAI SAU NÀY HAY DỜ CŨNG Ở NHƯ
CHỮ QUỐC-NGỮ » (tr. 477)

« Có người ức-đoán rằng không thể dịch được sách Cao-đẳng nhưng lời ức-đoán ấy chúng tôi vẫn cho là không khỏi có chỗ sai lầm, và riêng những đình-ninh quđ-quyết rằng sách Cao-đẳng sẽ có người dịch ra Việt văn được, mà việc phiên dịch ấy chẳng qua là một việc mai chiểu sớm muộn mà thôi. Chúng tôi trước sau vẫn tin quyết như thế và sau này cũng vẫn tin-quyết như thế mãi » (tr. 484). NN.

Học quốc-văn. XXVI, 149, 4/1930, tr. 311-330.

« Nước Nam chỉ có quốc-văn là quí-báu hơn cả » (tr. 311).

— Quốc-văn phong-phú ; bàn về các tôn-chỉ (Khổng, Phật, Tây-phương),

« Nước Nam ta mai sau này hay dở cũng ở như chữ quốc-ngữ » (Phan-kế-Bính).

— Công của Nam-Phong và ông Phạm-Quỳnh.

— Có bốn câu danh-tiếng của Phạm-Quỳnh về việc duy-trì quốc ngữ. NN.

Cảnh-vật Hà-tiên. XXVII, 153, 8/1930, tr. 168-176.

— Trường học, nhà thân-phụ tôi. Đông-hồ và sông Hà-tiên, cảnh pháo-đài, ao sau. VC.

Cảnh vật Nhật-bản. Dịch ba đoạn trong « Au Japon, choses vues » của Olive Holland. XXVII, 155, 10/1930, tr. 351-359.

— Tính yêu hoa.— Sinh-hoạt thôn-quê.— Đạo thần-học. DH.

Quốc-văn : ý-kiến người nước về vấn-đề quốc-văn. XXX, 168, 1/1932 tr. 27-44 :

— Lời Nguyễn-Phan-Long và lời Phạm-Quỳnh cồ-động cho quốc văn.

— Ý-kiến danh-nhân ngoài nước, ý-kiến danh-nhân trong nước, ý-kiến các lương-hữu báo Nam-Phong, ý-kiến ông Phạm-Quỳnh (câu 66-165).

XXX, 170, 3/1932, tr. 284-300.

Ý-kiến người nước ngoài.— Ý-kiến người trong nước.— Ý-kiến ông Phạm-Quỳnh (câu 57-80). VH.

Cuộc Nam-tiến của dân tộc Việt-nam. XXX, 169,2/1932, tr.152-153. LS.

Một người có công với quốc-văn : ông Đông-Hồ. Thân-thể và sự-nghiệp thi-văn. XXX, 173, 6/1932, tr. 574-585. VH.

Thăm ông Phạm-Quỳnh. XXXI, 174, 7/1932, tr. 25-29. VH.

Vấn-đề quốc-văn. XXXII, 181, 2/1933, tr. 128-147.

— Ý-kiến người nước ngoài.— Ý-kiến người trong nước (câu 20 bis-81)

XXXII, 182, 3/1933, tr. 260-279.

— Ý-kiến người trong nước (câu 82-124).— Ý-kiến các lương-hữu báo Nam-Phong (câu 125-161). NN.

Lược bàn về ông Phạm-Quỳnh. (Bằng các đoạn văn trích-lược của ông).

XXX, 188,9/1933, tr. 229-222n.

1.— Cuộc đời tư : thi "diplôme".

2.— Nói về các nhà chí-sĩ.

3.— Nói về chủ-nghĩa quốc-gia.

4.— Văn dịch.

5.— Văn diễn-thuyết, phê-bình, du-ký.

6.— Cồ-động việc học quốc-văn.

7.— Lời phê-bình của người Pháp.

8.— Lời phê-bình của người trong nước. VH.— TS.

NGUYỄN-VĂN-KHAI

Truyện chàng A-lí-bé, Truyện ngắn Tây. XIII, 78, 12/1923, tr. 504-507.
VH.

NGUYỄN-VĂN-LIÊN

Vận mạng nước nhà. XXXII, 185, 6/1933, tr. 529-547.

— Định-nghĩa đức tín, đức tín buổi phôi-thai, buổi Bắc-thuộc, buổi tự-chủ, mất đức tín buổi Đông-Tây xung-đột, đức tín hồi-phục. Kết-luận. XH.

NGUYỄN-VĂN-LUẬN

Viếng cụ Nguyễn-Bá-Học. IX, 51, 9/1921, tr. 236-238. TS.

Bình-luận về thi-văn nước ta : Cung oán ngâm-khúc. IX, 50, 8/1921, tr. 133-138. VH.

Các nhà thi-sĩ, dịch Bossuet. IX, 53, 11/1921, tr. 439-442. VH.

NGUYỄN-VĂN-MẠI

Ông tám mươi nói chuyện mười tám, truyện ngắn. XII, 69, 3/1923, tr. 227-231. VC.

NGUYỄN-VĂN-NGỌC

Tản-văn ông Khắc-Hiếu. Phê-bình sách. III, 17, 11/1918, tr. 288. VH.

Sách «Bình-yên» của ông Dufresne (Livre de lecture, Taupin, Hanoi 1918). III, 17, 11/1918, tr. 288-290. VH.

Tiếng dưng trong quốc-văn. IV, 19, 1/1919, tr. 37-39. NN.

Cái mũ phục thù, dịch Pháp văn. IV, 20, 2/1919, tr. 154-157. VHP.

Người Mừng. XVI, 95, 5/1925, tr. 417-438.

— Góc-tích; Lang và Dân; ăn, mặc, ở; sinh, cưới, tang; tôn-giáo tiếng, học; công, thương. Kết. XH.

NGUYỄN-VĂN-TOU

Phong-tục Lào Luang-Prabang. XXII, 129, 5/1928, tr. 487-493. XH.

NGUYỄN-VĂN-TƯỜNG và Patenôtre

Điều-ước Bảo-hộ 1884, thường gọi là điều-ước Patenôtre. XXVII, 152, 7/1930, tr. 5-10.

— Song-ngữ Pháp-Việt; làm tại Huế ngày 6-6-1884, ký : Nguyễn-Văn-Tường, Phạm-Thận-Duyệt, Tôn-Thất-Phán và Patenôtre. LS.

NGUYỄN-VĂN-TRÌNH Ưng-ân

Việt-sử danh-nhân liệt-nữ ngâm-khúc. XIX, 112, 12/1926, tr. 586-598. LS.

NGUYỆT-THÀNH

Câu chuyện rửa hờn. VII, 38, 8/1920, tr. 164-165. VC.

NHÀ-NHO

Bàn góp về chính-trị Pháp-Việt. XX, 117, 5/1927, tr. 397-404.

— Chính-trị cũ; từ khi có Bảo-hộ; xã-hội biến-đổi; việc chính-đốn :

- Định quyền-hạn đấng quân-chủ
- Chính-đốn lại quan-trường
- Cho người Việt dự vào việc nước. CT.

NHÀN-VÂN-ĐÌNH

Hai chữ anh hùng ở nước Nam. XXIII, 131, 7/1928, tr. 31-34. XH.

Đoàn toạ vị-thiệt. XXVI, 151, 6.1930, tr. 586-595.

«...Những lời nói bóng, nói phiến, nói tản, nói lừng..!» Nghĩa là một cảnh gia-đình đầm-thắm, kẻ vui xum-hạp, người chuyện khôi-hài. Có mẫu có vị, có vẻ êm-đềm dịu-dàng, ai nấy đều khuynh-tâm chú-mục đem tất cả tinh-thần mẫn-tiếp ra mà lý-hội những điều-uu-uân cho đúng.

Đó là đề-tài của bài.

— Nhân - loại, văn-tự, khí-dụng, thực-phàm, động-vật, thực-vật.
VC.

Quần-phương nông-tuế khảo. XXVII, 161, 4/1931, tr. 385-398.

— Theo phong-tục từng tháng trong năm, lời văn-chương nhiều hơn nghiên-cứu. XH.

Quảng-yên du-ký. XXX, 168, 1/1932, tr. 81-91. DH.

Hồn nước. XXX, 173, 6/1932, tr. 608-615.

— Qua các triều-đại, từ Hồng-Bàng tới Bản-triều (1802) và ngày nay. LS.

Một vị cao-tăng nước nhà : dật-sử cụ Cồ. XXXI, 174, 7/1932, tr. 30-45.

— Cụ Cồ sinh 1851, tại Quần-phương-thượng, tịch 1932, tại Cồ-lễ. TG.

NHỮ-ĐÌNH-TÁN

Điều-lệ giáo-hóa triều Lê, 47 điều. XV, 88, 10/1924, tr. 322-328.

— Truyền lại từ năm 1663, tới 1760 lục tổng cho dân-gian. Nguyên-văn chữ Hán, Nhữ-Đình-Tán diễn quốc-âm, thẻ lục-bát. GD.

P. Đ. Đ.

Lại-tê dân-tình sách. IV, 24, 6/1919, tr. 484-488.

— Về các quan phủ - huyện.— Về phần nha-lại.— Về những viên trợ-biên.— Về phần lính lệ.— Về lính cơ.— Về chánh phó tổng.— Về lý-trưởng, tiên thứ chi, kỳ-mục.— Về những kẻ toạ-tụng. XH.

Trông gương thanh-niên nước ngoài. XXXV, 203, 9/1934, tr. 1-11.

— Nước Nhật ra công đào-tạo thanh-niên, theo «Le Japon intime» của Andrée Viollis. GD.

PAGÈS thống-sứ

Lược-thuật bài diễn-thuyết của quan thống-sứ Pagès đọc tại Hội-đồng dân-biêu ngày 9-11-1932. XXXI, 178, 11/1932, tr. 532-543.

— Tình-hình chính-trị, chính-sách đối với nông-dân; tài-chính và ngân-sách. CT.

PASQUIER

Chính-trị Pháp-Việt : Bài diễn-thuyết về chính-sách nước Pháp đối với dân Việt-nam. Nam Phong dịch. XXII, 127, 3/1928, tr. 209-225. CT.

Một bài diễn-thuyết quan-trọng. quan Toàn-quyền Pasquier lược-thuật tình-hình chính-trị Đông-dương và tuyên-bố phương-châm cải-cách. XXVII, 154, 9/1930, tr. 292-301. CT.

Việc cải-cách ở Trung-Bắc-kỳ, trích diễn-văn, song-ngữ. XXIX, 166, 10/1931, tr. 230-235. XH.—CT.

PHẠM-DUY-TÓN

Sống chết mặc bay ! Một lối văn hay. Tiêu-dẫn của Phạm-Quỳnh. III, 18, 12/1918, tr. 355-357. VH.

Con người sở-khanh, tả chân tiêu - thuyết. IV, 20, 2/1919, tr. 151-154. VH.

Nước đời làm nổi. . . tả chân tiêu-thuyết. IV, 23, 5/1919, tr. 401-404. VH.

PHẠM-ĐÌNH-HÒA

Sáo biết nói, hài-văn. IX, 54, 12/1921, tr. 559-560. VC.

PHẠM-HUY-CHÍNH

Cải-lương hương-chính. XI, 62, 8/1922, tr. 137-139. XH.

PHẠM-HUY-HỔ

Việt-nam ta biết chữ Hán từ đời nào ? V, 29, 11/1919, tr. 416-419.
VH.

Máy nghĩa nên bàn lại. VIII, 43, 1/1921, tr. 46-55. XH.

— Giải-nghĩa mấy câu phương-ngôn, mấy phong-tục, mấy sự-việc
thuộc lịch-sử... XH.

PHẠM-KỸ

Gà Nam-Việt và gà Nhật-bản. V, 26, 8/1919, tr. 153-155. VC.

PHẠM-LIỆU

Diễn-thuyết Quốc-tử giám. VI, 33, 3/1920, tr. 244-249.

— Về việc bàn giao.— Gương lại-trị. XH.

PHẠM NHƯ-MÔN

Tục-ngữ phú. Dùng 100 vần, gom-góp rất nhiều câu tục-ngữ. XXII, 127,
3/1928, tr. 256-263.— XXII, 128, 4/1928, tr. 367-374. VH.

PHẠM-QUỲNH (Hồng-nhân, Thượng-chi)

A.— VĂN VIẾT

Máy nhời nói đầu. I. Tôn-chi. II. Mục-đích, các đề-mục, I, 1, 7/1917, tr.
1-7. TC

*«Gây lấy một cái cao-đẳng học-thức để thay vào cái học-thức cũ đã gần
mất. . .» (tr. 3)*

*«Muốn gây lấy một cái học-thức như thế thì chúng tôi lại thiết-trường
rằng không gì bằng khéo điều-hòa dung-hợp cái học cũ của ta với cái
học mới thời nay, khiến cho sự học của ta sau này vừa không đến nỗi
thất-bản mà vừa không đến nỗi trậm thời. . . (tr. 3-4)*

“Trong nước ta ngày nay không những là những người thuần cựu-học mà không thích-dụng với thời-thế, những người thuần tân-học cũng không ứng-thuận với quốc-dân. Người nọ thiếu cái gốc mà người kia thiếu cái ngọn vậy. . . ! (tr. 4)

1.— Cái mục-đích của bản-báo là muốn gây lấy một nền học mới đề thay vào cái nho-học cũ, cùng đề-xướng lên một cái tư-trào mới hợp với thời-thế cùng trình-độ dân ta. Cái tính-cách của sự học-vấn mới cùng cái tư-trào mới ấy là tồ-thuật cái học-vấn tư-tướng của Thái-Tây, nhất là của nước Đại-Pháp, mà không quên cái quốc-túy trong nước.

2.— Bản-báo không chủ sự phò-thông mà muốn làm cái cơ-quan riêng cho bọn cao-đẳng học giới nước ta, gồm cả những bậc cựu-học cùng tân-học mà dung-hòa làm một.

3.— Cái phạm-vi của bản-báo là gồm những sự học-thuật tư-tướng đời xưa đời nay cùng những vấn đề quan-trọng trong thế-giới bây giờ. Nhưng trọng cách diễn-thuật bình-phẩm những học-thuật tư-tướng cùng những vấn-đề ấy, bản-báo vụ theo lấy cái phương-diện dẫn-dị hơn nhất, cho thích-hợp với trình-độ người nước ta.

4.— Bản-báo theo thể “tạp-chí” mỗi tháng xuất-bản một tập, vừa bằng quốc-ngữ, vừa bằng chữ nho, mỗi phần ước 50, 60 trang, chia mấy mục như sau: 1) Luận-thuyết, 2) Văn-học bình-luận, 3) Triết-học bình-luận, 4) Khoa-học bình-luận, 5) Văn-uyên, 6) Tạp trò, 7) Thời-đàm, 8) Tiều-thuyết. . . (tr. 5)

Bàn về văn-minh học-thuật Pháp. I. Yếu-tố nhân-tính. II. Về văn-chương. III. Về triết-học. IV. Về tôn-giáo. V. Về lịch-sử. IV. Về tông-kết. I, 1, 7/1917, tr. 9-18. VHP.

Nghĩa cái chết. Một bộ tiều-thuyết mới: « Nghĩa cái chết » (Le sens de la mort, của P. Bourget). I, 1, 7/1917, tr. 19-27. VHP.

- Hội Hàn-lâm của nước Pháp. I, 1, 7/1917, tr. 55-58 VHP.
- Văn quốc-ngữ. I, 2, 8/1917, tr. 77-80. VHVN.
- Một bài diễn-thuyết của quan toàn-quyền Sarrault. I, 2, 8/1917, tr. 81-84. VHVN.
- Nghĩa gia-tộc. I, 2, 8/1917, tr. 89-92. GD.
- Triết-học là gì ? I, 2, 8/1917, tr. 97-100. TH.
- Tò triết-học nước Pháp : ông Descartes cùng sách « Phương-pháp luận ». I, 2, 8/1917, tr. 100-104. THP.
- Bình-phâm «Một tám-lòng» của Đoàn-Như-Khuê. I, 2, 8/1917, tr. 123-125. VHVN.
- Bài diễn-thuyết của quan học-chính Russier về việc nước Mi nhập cuộc với Đồng-minh. I, 2, 8/1917, tr. 125-127. CT.
- Trường Đại-học. I, 3, 9/1917, tr. 145-152. VH.
- Trường Hậu-bổ cũ với trường Pháp-chính mới. I, 3, 9/1917, tr. 153-158. CT.
- Bàn về bộ tiểu-thuyết «Vua bề» (Le maître de la Mer) của Eugène Melchier Vogüé. I, 3, 9/1917, tr. 159-167. VHP.
- Sự giáo-dục đàn-bà con-gái. I, 4, 10/1917, tr. 207-217. GDPN.
- Nghĩa-vụ là gì ? I, 4, 10/1917, tr. 217-221. GD.
- Sử-học chuyên-luận. I, 4, 10/1917, tr. 223-225. LS.
- II, 7, 1/1918, tr. 19-22.— Không phải chuyên về những người trừ-danh, không chuyên xét các việc đặc-biệt, song còn đề ý tới sự tuần-tự tiến-triển, khoa-học, các môn phụ-thuộc. . .
- II, 8, 2/1918, tr. 76-79. — Phương-pháp lịch-sử. Triết-học lịch-sử.
- Bàn về thơ nôm. I, 5, 11/1917, tr. 293-297. VHVN.
- Một nhà khoa-học đại-danh của nước Pháp : Berthelot tiên-sinh.

I, 5, 11/1917, tr. 307-310.

I, 6, 12/1917, tr. 379-383.

II, 7, 1/1918, tr. 30-33.

II, 8, 2/1918, tr. 92-94. KHP.

Nghĩa-vụ làm báo. I, 6, 12/1917, tr. 352-357. BC.

Pháp-văn thi-thoại : Bách-đức-lai (Baudelaire) tiên-sinh. I, 6, 12/1917, tr. 367-371. VHP.

Đẹp là gì ? Máy nhời bàn về mỹ-học. I, 6, 12/1917, tr. 375-378.— II, 7, 1/1918, tr. 26-29 : đẹp khác với thích, khác với ích-lợi, khác với sự thực, khác với sự thiện ; cái duyên.— II, 8, 2/1918, tr. 88-91 : các nguyên-tố của cái đẹp về cảm giác : sức-lực, sinh-hoạt, duyên ; về trí-thức : nhất-trí, giản-diệu, thích-nghi ; kết : chân mỹ, mỹ-diệu, hùng-tráng. TH.

Mộng hay mơ ? Nhân đọc «Giấc mộng con» của Nguyễn-khắc-Hiếu. II, 7, 1/1918, tr. 23-25. VHVN.

Pháp-văn tiểu-thuyết bình-luận : Phục-thù cho cha, P. Bourget, *André Cornélis*. II, 9, 3/1918, tr. 139-154.— Lữ độ đường (L'Étape) của P. Bourget. V, 25, 7/1919, tr. 24-32 ter. VHP.

Mười ngày ở Huế. II, 10, 4/1918, tr. 198-222. DH.

Cái vấn-đề giáo-dục ở nước Nam ta ngày nay : bàn về bộ « Học-chính tổng qui. II, 12, 6/1918, tr. 323-344 : I. Tổng-luận. II. Tinh-thần cùng hình-thức bộ «Tổng-qui» mới. III. Sự dạy học bằng tiếng Pháp. IV. Cái tương-lai của Hán-học và chữ quốc-ngữ. V. Kết-luận.— Biều dịch các danh-từ về học-chính. GD,

Nhật-báo hay tạp-chí. III, 13, 7/1918, tr. 1-3. TC.

Sự tiến-hóa của nước Mỹ. III, 14, 8/1918, tr. 59-81 : xã-hội hay dân-tộc người Mĩ ; về kinh-tế ; về tinh-thần : sự giáo-dục, tôn-giáo ; về

trí-thức ; về chính-trị ; những khó-khăn : về chính-trị, về vấn-đề xã-hội, vấn-đề chủng-loại. XH.

Bàn về chiến-tranh. III, 16, 11/1918, tr. 243-255 : I. Một bài diễn-thuyết của quan giám-quốc Hoa-kỳ về mục-đích sự chiến-tranh. II. Có trong ba tháng. III. Tướng Foch nước Pháp, và tướng Ludendorff nước Đức. XH.

Một tháng ở Nam-kỳ. III, 17, 11/1918, tr. 268-285.— IV, 19, 1/1919, tr. 20-32.— IV. 20, 2/1919, tr. 117-140. DH.

Tiếng An-nam có cần phải hợp-nhất không ? Đã nên làm tự-diễn Annam chưa ? III, 18, 12/1918, tr. 320-326 : Bắc Trung Nam tiếng, chỉ khác có cái giọng. Gây sự thông-dụng quốc-văn trong cùng một cả tam kỳ. Điều-kiện để thành-công : 1) Quốc-âm và chữ Hán có liên-lạc rất mật-thiết ; 2) Quốc-văn phải chịu ảnh-hưởng của Pháp-văn ; 3) Tuy nhiên quốc-văn phải giữ tinh-thần riêng của mình.- Việc cần làm tự-diễn Việt-nam, nhất là «tự-diễn Pháp-Việt». NN.

Bàn về sự dùng chữ nho trong văn quốc-ngữ. IV, 20, 2/1919, tr. 83-97 : 1. Quốc-văn do Hán văn mà ra. Phe đối lập viện lý-do : 1) chữ nho là chữ của người Tàu, 2) dân-trí bán khai là tại nho học ; ý-nghĩa xác-thực.- 2. Cách dùng Hán-văn trong Quốc-văn : 1) tùy tính-cách và trình-độ bài văn, 2) khi dùng phải kén-chọn, 3) định-nghĩa cho phân-minh. NN.

Bệnh lao có chữa được không ? IV, 20, 2/1919, tr. 107-109. XH.

Giới thiệu sách mới. IV, 20, 2/1919, tr. 149-151 : « Địa-cầu vạn-vật luận. Thực-vật, » của Cố Thịnh, 1918, Hương-cảng, bán ở Sở-kiện Phủ-lý.- «Principes de la loi pénale Annamite. Đại-nam hình-luật ý» của Camille Briffaut, Hoàng-trọng-Phu dịch, Đông-kinh ấn-quán, Hàng Bông Hanoi. VH.- PL.

IV, 23, 5/1919, tr. 422-424 : «Đài gương» của Nguyễn-Khắc-Hiếu, « Lên sáu » của Nguyễn-Khắc-Hiếu, « Dây đờn đau-đón » của Nam-Thảo. VH.

V, 26, 8/1919, tr. 195-197 : «Địa-cầu vạn-vật luận. Nhân loại-thân-thê » của Cổ Thịnh, Hương-cảng, 1919.— « Triết-học khoa. Phép mộ sự khôn-ngoan », q.1, 404 tr., q.2, 343 tr. của Cổ Chính-Linh, (Père A. Schlicklin) Hương-cảng, 1917.— «Đàn bà tàu» của Nguyễn-khắc-Hiếu, 67, tr. Đông-kinh ấn-quán, Hanoi. VH.—KH.—TH

Bàn về lịch-sử văn-minh Âu-châu. IV, 21, 3/1919, tr. 169-184 : tiểu-dẫn của dịch-giả, bài thứ nhất..., lời bàn của người dịch. VH.

Đạo-đức luận. IV, 21, 3/1919, tr. 186-191. TH.

Tiệc trà của hội «Khai-trí tiến-đức» ngày 27-4-1919. IV, 22, 4/1919, tr. 255-256. XH.

Chữ Pháp có dùng làm quốc-văn Annam được không ? IV, 22, 4/1919, tr. 279-286 : Chuộng chữ Pháp không ruộng bỏ quốc-âm. Chữ Pháp hay, nên phải thay cho tiếng Việt, đó là lầm.- Tiếng nói là phần cốt-yếu làm thành một nước.- Kẻ chủ-trương dùng chữ Pháp vì : chữ Pháp là văn-tự hay nhất thế-giới (?), thông-dụng trong thế-giới (?), tiếng của kẻ cai trị. Nhưng chỉ là nguy-biến.- Kẻ chủ-trương như vậy chỉ là «vị lợi», «kiếm ăn» mà thôi. NN.

Cái thế-lực của đồng tiền. IV, 23, 5/1919, tr. 352-359.

«Bởi đâu mà đồng tiền có cái thế lực rất to rất mạnh như vậy, và cái thế-lực ấy có phải là chánh-đáng không ?» (tr. 352). XH.

Chảy Chùa Hương. IV, 23, 5/1919, tr. 359-370. DH.

Về mấy bài bình-phẩm báo «Nam-Phong». IV, 24, 6/1919, tr. 456-459 : Nhân bài phê-bình của linh-mục biệt-hiệu «Tây-Dương», Phạm-Quỳnh lại nêu lên chủ-trương của mình : thấu-thập văn-minh học-thuật Pháp và bảo-tồn văn-hóa quốc-túy quốc-hồn, «nhờ vào tay

Đại-Pháp» (?).— Kèm theo mấy lời minh-bạch bằng Pháp-văn của ông Marty. CT.

Danh-dự luận. V, 25, 7/1919, tr. 1-9: chân danh và giả danh hay hư danh.—
Nhưng đặc-tính, giá-trị và sự người đời trọng quý danh-dự. TH.

Thơ cho người bạn. V, 26, 8/1919, tr. 114-116 : Người công dân trước thời-cuộc vận-mệnh quốc-gia.— Trách-nhiệm của bậc thượng-lưu : V, 27, 9/1919, tr. 224-226.— Trước thời-cuộc, V, 28, 10/1919, tr. 319-320bis : «*Giải-tán cái nghi-ngờ nó phân lia người Pháp với người Nam*» ; «*Cho nên về phần tôi, tôi vẫn chỉ lấy việc giáo-dục làm cần-cấp hơn cả*». XH.

VI, 32, 2/1920, tr. 192-131 : bàn về giáo-dục. GD.

Khảo về học-chế của Nhật-bản. V, 27, 9/1919, tr. 203-223 : 1) Mục-đích : giáo-dục bình-đẳng theo Thái-tây, ba tinh-thần : tồn-cổ, duy-tân, thấu-nhập cái hay của thiên-hạ. 2) Tờ-chức : sơ-đẳng. 3) Trung-đẳng giáo-dục. 4) Thực-nghiệp giáo-dục. 5) Bậc đại-học. 6) Cao-đẳng sư-phạm, các trường cao-đẳng khác 7) Hội Hàn-lâm «*Bác-học-viện*». 8) Các nhân tài. 9) Trĩ-dục. GD.

Bàn về việc tranh thương với người khách, Bắc-kỳ nên lập một thương-hội lớn. V, 27, 9/1919, tr. 226-227. XH.

Khảo về ngân-hàng (nhà «*băng*»). V, 28, 10/1919, tr. 300-314. KT.

Chấn-chỉnh thương-trường. V, 28, 10/1919, tr. 314-319. XH.

Chấn-chỉnh thương-trường. Một cái gương cho thương-giới nước ta : ông Bạch-thái-Bưởi. V, 29, 11/1919, tr. 381-394. KT. TS.

Truyện Kiều. V, 30, 12/1919, tr. 480-500 : 1) Cội rễ truyện Kiều. 2) Lịch-sử tác-giả. 3) Văn-chương truyện Kiều. 4) Tâm-lý cô Kiều. VHVN. GD.

Bàn về thương-nghiệp nước Pháp và sự thương-nghiệp giáo-dục. VI, 31, 1/1920, tr. 22-28. XH.

- Tính nhớ (La mémoire). VI, 31, 1/1920, tr. 29-32 : 1) Tính nhớ là gì ?
2) Trong tính nhớ chia ra làm mấy phần ? 3) Học thuộc lòng có ích-
lợi gì không ? 4) Nói về những phương-pháp giúp trí nhớ. TH.
Thân-thề và tinh-thần. VI, 32, 2/1920, tr. 120-125. TH.
- Cùng các phái viên. Nam-kỳ. VI, 32, 2/1920, tr. 125-128 : ý-nghĩa của phái-
viên Nam-kỳ tới thăm Hội-chợ Hà-nội (Bắc-du). KT.
- Chính-trị Pháp đối với nước Tàu. VI, 33, 3/1920, tr. 213-217. CT.
- Lời dụ quý-hóa. VI, 3/1920, tr. 217-218. Chỉ-dụ ngày 11 tháng 12 năm
Khải-Định IV về việc quan-hôn tang-chế.— Về hôn-lễ, tang-lễ, lễ-
tế, lễ ăn mừng. XH.PT.
- Một sự thí-nghiệm nên công : bàn về cuộc diễn-kịch của Hội Khai-trí
tiến đức. VI, 34, 4/1928, tr. 306-312 : diễn «Bệnh tưởng» bản-dịch
của Nguyễn-Văn-Vinh. VHP. KN.
- Mấy câu trả lời bài lai-cáo trên. VI, 35, 5/1920, tr. 408B-408G. VH.
- Mừng các ông tân-khoa trường Đại-học. VI, 36, 6/1920, tr. 490-494 ter.
VH.
- Khảo về tiền-tệ. VII, 37, 7/190, tr. 17-32 ter : 1) Khái-luận về tiền-tệ, 2) Tiền
tệ chế-độ, 3) Tiền-tệ ở Đông-Pháp. KT.
- Phật-giáo lược-khảo. VII, 40, 10/1920, tr. 263-302L : Phật-tổ sự-tích, 2)
Phật-lý uyên-nguyên, 3) Phật-giáo lịch-sử. TG.
- Tự-vưng các danh-từ về chính-trị, pháp-luật đã dịch trong mấy bài
«Khảo về chính-trị nước Pháp». VII, 41, 11/1920, tr. 357-369.
NN. PL.
- Bài tựa sách «Cải-lương hương-tục» của ông Hoàng hữu-Đôn. VII, 41, 11/
1920, tr. 433-434. XH.
- Văn-minh-luận. VII, 42, 12/1920, tr. 437-445. VH.
- Bàn về tiều-thuyết. Tiều-thuyết là gì và phép làm tiều-thuyết thế nào. VIII,
43, 1/1921, tr. 1-15 : 1) Tiều-thuyết là gì ? 2) Kết-cấu là thế nào ?

3) Phê-diễn, 4) Các loại : ngôn-tình, tả-thực truyền-kỳ, 5) Triết-lý và ảnh-hưởng của tiêu-thuyết. VH.

Một bộ tiêu-thuyết tây về phong-tục Annam (Jean Marquet, «De la rivière à la montagne,» Paris, Delalain, 1920, 192pp.). VIII, 45, 2/1921, tr. 101-104 ter : phê-bình văn-học. VH.

Bàn về diễn-thuyết. VIII, 45, 2/1921, tr. 169-180 : 1) Sự quan-trọng, 2) Thuật diễn-thuyết : lý, tính, tình ; 3) Ba bộ phận : sáng-ý bố-cục, lập từ ; 4) Ba lối : chỉ-biện, nghị-biện và án-biện ; 5) Hiện-tình : «*Những giả-thiết tiếng Annam nghèo thật, thời lỗi ấy tại ai ?* » (tr. 179). VH.

Nước Nam đời xưa. Bàn về sách « Cờ Nam-Việt » (L'Annam d'autrefois) của quan khâm-sứ Pasquier, Paris, Challamel, 1907. VIII, 45, 3/1921, tr. 182-188. XS.

Tục-ngữ ca-dao. VIII, 45, 4/1921, tr. 253-272 : Tục-ngữ, ca-dao là gì ? Bàn về tục-ngữ, Bàn về ca-dao. Phụ-lục ít nhiều câu tục-ngữ. VH.

Việc cải-lương hương-chính ở tỉnh Hà-đông. VIII, 46, 4/1921, tr. 327-331. XH.

Khảo về các luận-lý học-thuyết của Thái-tây. VIII, 47, 5/1921, tr. 354-362. IX, 49, 7/1921, tr. 6-12.— IX, 50, 8/1921, tr. 100-104. TH.

Về sự giáo-dục đàn-bà con gái. Tôn-chỉ sự giáo-dục. Vận-mệnh người đàn-bà. IX, 49, 7/1921, tr. 1-6. GD.

Khảo về diễn-kịch (Lối diễn-kịch của Âu-châu). IX, 51, 9/1921, tr. 179-189 Kịch là gì ? 1) về lập-ý, 2) về bố-cục, 3) về lập-từ. Các loại : 1) Bi kịch, 2) Hí-kịch. VH.

Một bộ sách có giá-trị cho quốc-sử : sách « Việt-nam cận-cò sử » của ông giáo Maybon. IX, 52, 10/1921, tr. 293-296. LS.

Văn-chương pháp (Pháp quốc văn-học đại-quan) IX, 53, 11/1921, tr. 379-398 bis : Quan-niệm về văn ta và tây, thời phôi-thai, thế-kỷ 16, thế-kỷ 17, thế-kỷ 18, thế-kỷ 19-20. VHP.

Tổng-luận về luật-học. IX, 54, 12/1921, tr. 475-485 : Nguồn gốc pháp-luật :

1) Ai gây quan-niệm về pháp-luật, 2) Ai đặt và tuyên-bố, 3) Làm thế nào bắt tuân-hành. Ba phương-diện : 1) Thực-hiện pháp-luật (droit positif), 2) Pháp-luật lịch-sử, 3) Lập-pháp học. PL.

Một bộ sách có giá-trị... của ông Maybon. IX, 54, 12/1921, tr. 485-494.—

Coi đoạn về Alexandre de Rhodes. tr. 490-491. LS.

Pháp-du hành-trình nhật-ký. X, 58, 4/1922, tr. 253-261 ; 59, 5/1922, tr.

333-338 ; 60, 6/1922 tr. 423-426.— XI, 63, 9/1922, tr. 226-231 ; 65, 11/1922, tr. 329-338 ; 66, 12/1922, tr. 433-437.— XII, 68, 2/1923, tr. 98-102 ; 69 3/1923, tr. 188-190 ; 70, 4/1923, tr. 273-276.— XIII, 73, 7/1923 tr. 14-20 ; 75, 9/1923, tr. 193-196 ; 77, 11/1923, tr. 396-403.— XIV, 79, 1/1924, tr. 6-12 ; 80, 2/1924, tr. 99-104B ; 83, 5/1924, tr. 369-374 ; 84, 6/1924, tr. 462-466.— XV, 85, 7/1924, tr. 32-36 ; 86, 8/1924, tr. 110-112 ; 88, 10/1924, tr. 301-308 ; 89, 11/1924, tr. 378-382 ; 90, 12/1924, tr. 476-482.— XVI, 91, 1/1925, tr. 6-12 ; 92, 2/1925, tr. 109-115 ter ; 93, 3/1925, tr. 220-226 ; 94, 4/1925, tr. 319-326 ; 95, 5/1922 tr. 411-416.— XVII, 100, 10-11/1925, tr. 306-311. DH.

Diễn-từ nghênh-tiếp quan toàn-quyền (Pháp văn và quốc-ngữ). XI, 63 9/1922, tr. 222-225. CT.

Thuật chuyện du-lich ở Paris. XI, 64, 10/1922, tr. 250-274 : diễn-văn ngày 15-10-1922, trong gần hai giờ đồng-hồ, trước ngàn rưởi người tới nghe. DH.

Bộ sách mới ông Nghè mới. XI, 64, 10/1922, tr. 290-296 : mới về cuốn « Bàn về cái Tinh-lý của pháp-luật nước Tàu và nước Nam » (Essai sur l'Esprit du droit sino-annamite) và tác-giả là ông Trần-văn Chương, đỗ Luật-khoa tiến-sĩ PL.

Khảo về cội rễ « Âu-trĩ-viên ». XI, 65, 11/1922, tr. 319-328. XH

- Bàn về danh-dự. Danh-dự giả với danh-dự thật. XII, 67, 1/1923, tr. 1-6, 68, 2/1923, tr. 83-91 ; 71, 5/1922, tr. 363-369. TH.
- Một bài kịch mới bằng chữ Pháp. Bàn về vở « Le chevalier de Colomb » của François Porché. XII, 67, 1/1923, tr. 14-18. VHP.
- Làm văn. XII, 67, 1/1923, tr. 18-20. VHVN.
- Thanh-niên có nên buồn không ? XII, 68, 2/1923, tr. 92-98. GD.
- Văn-chương trong lối ở-đào. Diễn-văn có kèm theo đào-nương ca-hát và kép gảy đàn. XII, 69, 3/1923, tr. 171-188. VHVN.
- Một nhà danh-sĩ nước Pháp : ông Pierre Loti. XII, 72, 6/1923, tr. 451-470. VHP.
- Việc khởi-thảo một bộ «Việt-âm tự-điền». XIII, 74, 8/1923, tr. 106-112A : Mục-đích, cách làm, mấy phạm-lệ : sưu-tập, tăng-gia, thích-nghĩa và thí-dụ, chữ Hán-Việt, các tiếng chuyên-môn, tiếng các nghề, chung cho cả ba kỳ. NN.
- Cách nói chuyện. XIII, 75, 9/1923, tr. 177-192. VH.
- Quan toàn-quyền Merlin đối với hội Khai-trí. Một bài học có giá-trị về dân-tộc tiến-hóa. XIII, 76, 10/1923, tr. 280-284. CT.
- Một nền dân-chính : chính-sách thực-hành của quan Thống-sứ Monguillot ở Bắc-kỳ. XIII, 77, 11/1923, tr. 411-415. CT.
- Cuộc đấu-xảo mĩ-nghệ của Hội Khai-trí. XIII, 78, 12/1923, tr. 495-504. MT.
- Học-phong và sĩ-khí. XIV, 79, 1/1924, tr. 1-5. GD.
- Một nhà danh-sĩ nước Pháp : ông Maurice Barrès. XIV, 81, 3/1924, tr. 177-188. VHP.
- Địa-vị người đàn-bà trong xã-hội nước ta. XIV, 82, 4/1924, tr. 269-284. GD.
- Bàn phiếm về văn-hóa Đông-Tây. XIV, 84, 6/1924, tr. 447-453. VH.
- Cách giao-tế trong xã-hội. Thế nào là lễ-phép và lịch-sự. XV, 85, 7/1924, tr. 1-19. XH.

- Bài diễn-thuyết bằng quốc-văn của ông Phạm-Quỳnh, nhân dịp kỷ-niệm cụ Tiên-điền Nguyễn-Du. XV, 86, 8/1924, tr. 91-94.— Cõi : bài bằng Pháp-văn, supplément cùng số tr. 94-96. VHVN.
- Máy sự cải-cách trong học-giới. XV, 87, 9/1924, tr. 183-188. GD.
- Xử-thế châm ngôn. XV, 87, 9/1924, tr. 201-202.— 88, 10/1924, tr. 351-352. VH, TH.
- Học cổ-điển có ích-lợi thế nào (L'utilité des études classiques annamites). XV, 88, 10/1924, tr. 279-301 : Bài khai giảng khoa «Hán-Việt văn-chương» ở trường Cao-đẳng Đông-Pháp ngày 25-18-1924, nguyên-văn Pháp-ngữ dịch quốc-văn. VH.
- Nên đọc sách thế nào ? XV, 89, 11/1924, tr. 371-375. VH.
- Đông-phương và Tây-phương. XV, 89, 11/1924, tr. 376-377 : nhân đọc «Orient et Occident» của René Guénon, Payot, Paris, 1924. TH.
- Hoàn-cảnh. XV, 90, 12/1924, tr. 471-476. TH.
- Văn-sĩ. XVI, 92, 2/1925, tr. 101-108 : bàn về quyền «Nhà văn-sĩ» của Pierre Mille. VH.
- Nghĩa-vụ ngày nay. XVI, 95, 5/1925, tr. 407-410 : nhân một câu chuyện về nhà thi-hào D' Annunzio, suy tư về nghĩa-vụ ta ngày nay. XH.
- Chơi Lạng-sơn Cao-bằng. XVI, 96, 6/1925, tr. 507-515. DH.
- Cụ Thân-Trọng-Huê (tạ-thế). Đám tang. XVI, 96, 6/1925, tr. 516.— XVI, 96, 6/1925, tr. 598-599. CT.
- Đảng xã-hội ở nước Pháp, XVII, 97, 7/1925, tr. 1-10. CT.
- Nghề làm báo. XVII, 99, 9/1925, tr. 199-208 : thể-lực và nghĩa-vụ. BC.
- Dân Annam đối với quan toàn-quyền Varenne. XVII, 100, 10-11/1925, tr. 303-306. CT.
- Chủ-nghĩa quốc-gia. XVII, 100, 10-11/1925, tr. 401-405. CT.

- Một cái chương-trình chính-trị. XVII, 101, 12/1925, tr. 417-418. CT.
- Chính-trị nước Pháp đối với dân Annam. XVII, 101, 12/1915, tr. 418-420. CT.
- Phụ-mẫu dân hay là công - bộc dân ? XVIII, 102, 1-2/1926, tr. 1-4. CT.
- Bàn về cái tinh-thần lập-quốc. XVIII, 103, 3/1926, tr. 103-106. CT.
- Chấn-chỉnh quan-trưởng. XVIII, 103, 3/1926, tr. 108-112. CT.
- Lòng nguyện-vọng của người Việt-nam. XVIII, 103, 3/1926, tr. 113-117. XH.
- Hai bài diễn-thuyết về chính-sách «Pháp-Việt hợp-tác» : bài của ông Phạm-Quỳnh và bài của ông Varenne. XVIII, 104, 4/1926 tr. 237-246. CT.
- Một cái chương-trình cải-cách sự học ở nước ta. XVIII, 105, 5/1926, tr. 315-320 : tiêu, trung, đại-học. GD.
- Văn-hóa và chính-trị. XIX, 107, 7/1926, tr. 1-4 : Làm thế nào trở nên một nước chân-chính ? Làm thế nào cho nước ấy có một bản-linh chánh-dáng về tinh-thần, về thực-tế. . . CT.
- Hán-Việt văn-tự. XIX, 107, 7/1926, tr. 12-23 : Bài dạy ở trường Cao-học Đông-Pháp (Ecole des Hautes Études Indochinoises), cuối tr. 12-13 có chương-trình cho ba năm, mỗi tuần một giờ.— I) Hai khoa về ngôn-ngữ văn-tự : bác-ngữ học và ngữ-ngôn học, Hán-ngữ với Việt-ngữ : so-sánh tiếng tàu và tiếng ta.— H. Maspéro chia ngữ-học Việt thành năm thời-kỳ, các âm-thanh Việt-ngữ.— XIX, 110, 10/1926, tr. 317-327 : Xét về cội rễ tiếng Việt-nam. L. Arousseau, Himly, Maspéro, Souvignet... XXI, 120, 8/1927, tr. 122-136 : Nói về mấy cái đặc-tính của văn-tự và tư-tưởng người Tàu. NN.
- Chính-trị Pháp-Việt. XX, 114, 2/1927, tr. 125-128. CT.
- Một quyển sách mới về Ai-cập và Ấn-độ. XX, 116, 4/1927, tr. 303-317 : cuốn «L' Inquiétude de l' Orient. Sur la route de l' Inde» của Maurice Pernot. CT.

Khảo về chữ quốc-ngữ. XXI, 122, 10/1927, tr. 327-339 : Nguồn gốc, tiểu sử Đắc-lộ (Alexandre de Rhodes), tác-phẩm, tự-điền, Phép giảng tám ngày.- Cố D' Adran, cố Taberd.- Trương-vĩnh-Ký, Paulus Của ...- Cải-cách : A. Landes (Notes sur le quốc-ngữ, Société des Études, indochinoises, 1886) phản-đối. Đề nghị của Nordemann không ai theo.- Tương-lai chữ quốc-ngữ.

« Tôi tin rằng hậu-vận nước Nam ta hay hay dở là ở chữ quốc-ngữ ở văn quốc-ngữ... » (tr. 337).

« Tôi quyết rằng vận-mệnh chữ quốc-ngữ với vận mệnh tiếng Annam ta từ nay là liền hẳn với nhau... » (tr. 339).

Vấn-đề cổ-học Hán-Việt. XXIII, 132, 8/1928, tr. 117-127 :

« Muốn cho khỏi gây ra một thức óc tạp-chủng, thật không hay ho gì mà lại rõ-ràng có nguy-hiểm, thời trong nền tân-học, dù là học Pháp hay học Pháp-Việt, cũng không thể nhất thiết trừ bỏ cái học cổ-điền ấy đi được » (tr. 118).

« Từ khi ban-bổ Tây-học mới... thời hốt nhiên đoạn-tuyệt mất cái nền học cũ nghìn năm đó, khiến cho đời trước với đời sau gián-đoạn nhau, và trong việc trí-dục đức-dục của người Việt-nam có phần khuyết điếm vậy » (tr. 127). VHVN.

Đông-phương và Tây-phương. XXV, 143, 10/1929, tr. 319-321. VH.

Bài học của lịch-sử. XXV, 145, 12/1929, tr. 535-537 : tưởng-niệm về nguồn gốc chung của dân Việt-nam từ gốc Hùng-vương đến hết cuộc Nam-tiến. LS.

Gương nước Nhật. XXVI, 146, 1/1930, tr. 1-4 : *Luân-lý Khổng-Mạnh đề học đạo làm người và sự duy-tân Nhật-bản đề học đạo trị nước* ». CT. XH.

Văn-hóa Pháp đối với tiền-đồ nước Nam. XXVI, 147, 2/1930, tr. 99-102 : Nhà nho muốn hấp-thụ văn-hóa Pháp, song phiền vì không thạo tiếng Pháp ; kẻ tân-tiến ngày nay biết tiếng Pháp, song một

là thiếu óc lão-luyện, hai là học-hành nông-cạn.— Phải biết lợi-dụng văn-hóa Pháp để làm giàu cho nền văn-hóa cổ-hữu dân-tộc. VH.

Độc sách có cảm. XXVI, 149, 4/1930, tr. 307-310 : « Tôi đọc quyển nho-giáo của ông Trần-Trọng-Kim... Trước hết riêng lòng cảm-phục cái chí của ông bạn, giữa buổi thiên-hạ đương rẻ-rúng đạo Khổng Mạnh, quả quyết ung-dung đem ngọn bút thiết-tha răn-giới mà hộ-vệ cho nền danh-giáo cũ nước nhà ». VH.

Vấn-đề lập-hiến cho nước Nam. XXVI, 151, 6/1930, tr. 527-537 :

1) Bảo-hộ hay là trực trị. 2) Nói về vấn-đề lập-hiến. 3) Quốc-gia giáo-dục. CT.

Một bài diễn-thuyết tán-dương cái chế-độ bảo-hộ của quan Thuộc-địa bộ Thượng-thư Pietri. XXVII, 152, 7/1930, tr. 1-4. CT.

Trả lời bài « Cảnh-cáo các nhà học-phiệt » trong Phụ-nữ tân-văn. XXVII, 152, 7/1930, tr. 10-14 : Nhân bài công-kích của Phan-Khôi, Phạm-Quỳnh trả lời, nhắc lại Ngô-đức-Kế, chủ-bút tờ Hữu-thanh đã công-kích PQ chung quanh vấn-đề truyện Kiều. PQ nói lên chủ-trương của mình « là nhà làm văn, nhà học-vấn », lấy khí-cụ là « ngôn-ngữ văn-tự trong nước », « cõ-động cho quốc-văn, tài-bồi cho quốc-văn ». PQ cũng tuyên-án cái lối học xưa và nay :

« Nói đến học-thuật chân-chính thì cõ-lai nước ta có gì ? Không dám bội-bạc với tiền-nhân, nhưng thật không có người nào vậy ? »

« Nhưng các cụ đã phát-minh được những điều gì, trước thuật được những sách gì thật giá-trị ? . . . »

« Nước mình tịnh không có gì cả . . . »

« Xưa kia phóng chép người Tàu, ngày nay bắt chước người Tây. Xưa kia động nói là dương danh ông Khổng, ông Mạnh, ông Chu, ông Trình, ngày nay động nói là giờ ra khoa-học với lý-luận, dân-chủ với

dân-quyền. Nghe người ta nói mình cũng nói, chur vị tất đã thấu hiểu đến chỗ tinh-vi. » VH.

Chế-độ đồng-lũ quân. XXVII, 153, 8/1930, tr. 121-128. GD.

Nước Nam năm mươi năm nữa thế nào ? XXVII, 154, 9/1930, tr. 215-219. Gần như độc-lập về chính-trị, kinh-tế, song văn-hóa còn giữ liên-lạc với nước Pháp.

« Văn-minh nước Nam sau này sẽ in dấu-hiệu của nước Pháp, cũng như xưa kia đã in dấu-hiệu của Cờ-Chi-na vậy. Nay cái văn-minh duy tân đó rồi sẽ ra thế nào ? Ta đã nói : sẽ dung-hòa được cả cái tinh-hoa của Âu-Á » (tr. 218).

« Cái hương-hóa của nòi giống đó sau này sẽ sáp-nhập vào trong một hình-thể văn-minh mới, có in dấu tinh-thần của nước Pháp », VH.

Dân-chúng Á-châu. XXVII, 155, 10/1930, tr. 321-325: Nhân đọc tác-phẩm «*Serviteurs et Mahatma*» và «*Foules d'Asie*» của Dennery ; những nhận-xét về Á-châu, Ấn-độ, Trung-hoa, Việt-nam và Nhật-bản. XH.

Bảo-thủ với tiến-hóa. XXVII, 156, 11/1930, tr. 431-434 : Con đường PQ nêu ra là con đường trung-dung, điều-hòa.

« Một bên muốn bảo-tồn lấy cái bản-thể của mình, lại một bên muốn muốn tiến-hóa cho thích-hợp với hoàn-cảnh » (tr. 433).

« Nước Nam cần phải tiến-hóa, và cần phải tiến-hóa theo Âu-châu ; đó là một lẽ tất yếu, không những thế, lại là một vấn-đề sinh-tử nữa. Nhưng tiến-hóa không phải là đi từ chỗ không mà bước lên được. Ở chỗ gốc phải có cái gì đã. Cái gì đó là gồm cả cuộc ký-vãng của một dân-tộc, hiện-tại cùng tương-lai của dân-tộc ấy thế nào cũng là tùy-thuộc ở đó » (tr. 433).— Gương nước Nhật. VH

Cải-cách về trí-thức tinh-thần. XXVII, 156, 11/1930, tr. 435-438.

« Phải biết khéo hòa-hợp cho thích-nghi, nên việc điều hòa đó cần phải có trí khôn ngoan sáng-suốt mới làm được ».

Gương nước Nhật mà nền giáo-dục cốt lấy « người con hiếu-thảo, người dân lương-thiện, người lính giỏi giang một lòng thờ vua thờ nước ».

VH.

Giải-nghĩa thế-giới đời nay. XXVII, 157, 12/1930, tr. 541-545 : **Phê-bình sách «Interprétation du monde moderne» của Maurice Smart, Flammarion, 1930.** XH.

Du-lịch xứ Lào. XXVIII, 158, 1/1931, tr. 5-15 : «**Đường xa chó ngại Ngò, Lào**». — 159, 2/1931, tr. 105-113b. DH.

Một mình giữa bể Đại-tây XXVIII, 158, 1/1931, tr. 64-67 : **Một thủy-thủ vượt Đại-Tây-dương, ông Gerbault, viết cuốn «Seul à travers l'Atlantique».** DH.

Bàn về quốc-học. XXVIII, 163, 6/1931, tr. 515-522 : **bài rất mực quan-trọng.**

« Anh-hùng ta có, liệt-nữ ta có, danh-sĩ cao-tăng ta cũng có ; nhưng trong cõi học nước ta, cò-kim chưa người nào có tài sáng-khởi, phát-minh ra những tư-tưởng mới, thiết-lập ra những học-thuyết mới, đủ có cái vẻ độc-lập một « nhà » khác, như bách-gia chur-từ bên Tàu ngày xưa. Hay thẳng hoặc cũng có mà mai một đi mất, sử sách không truyền chãng ? » (tr. 515),

Phê-phán cái lối học xưa, khuynh-hướng sự học thời nay.

« Trước kia học sách tàu thì làm học trò tàu, ngày nầy học sách tây cũng chỉ làm học trò tây mà thôi. Duy có khác... » (tr. 516).

Tới nay ta không có quốc-học, nhưng có thể gây thành không ?

« Nếu ngày nay ta lại đồng-hóa theo Tây như ngày xưa đồng-hóa theo Tàu, thì giả sử có thành-công nữa cũng phải đến mười đời, mà rút cục lại cũng chỉ thành một bản phóng mờ của nước Pháp, chứ chẳng có tinh-thần cốt-cách gì cả... » (tr. 519).

« Khoa-học là sự học lấy lý-luận làm tiên-phong, lấy thực-nghiệm làm hậu-kinh, lấy sự thực hiên-nhiên làm căn-cứ, lấy lẽ phải tất-nhiên làm mục-đích ».

« Lối học như vậy thì Đông-phương ta thật không có. Đông-phương chỉ có đạo-học, chứ không có khoa-học » (tr. 520).

« Muốn cho gây được thành một cái quốc-học riêng của mình, thì phải dùng phương-pháp phê-bình, khảo-cứu của khoa-học mà phân-tích những học-thuyết cùng nghĩa-lý cũ của Á-đông ta, rồi đem ra nghiên-ngẫm, suy-nghi, đối-chiếu với những điều chân-lý cùng những điều chân-lý cùng những sự phát-minh của khoa-học Thái-Tây » (tr. 525). VH.

Giải-nghĩa đồng-hóa. XXVIII, 163, 6/1931, tr. 523-526.

« Đồng-hóa với người một cách khôn-ngoaan như vậy, thì không có gì là trái với sự bảo-tồn những cái đức-tính cổ-hữu của giống Việt-nam ta. Ta thiếu cái gì thì ta mượn của người, bất tất phải phá-hoại cả cái gốc cũ của ta, hay là khinh rẻ coi thường .. (tr. 524). VH.

Coi : Bài Pháp-văn số 162, phụ trương, tr. 47-49.

Luận về phương-pháp. XXVIII, 163, 6/1931, tr. 526-529a. Coi : Phần Pháp-văn, Phụ-trương cùng số.

« Ta mượn là phải mượn cái phương-pháp của họ, mượn cách tổ-chức của họ, và thuộc về các chuyên-môn thì mượn những cái kỹ-thuật của họ đã sáng nghĩ ra cho khéo lợi-dụng các sức mạnh cùng cùng các vật-chất vậy» (tr. 528).

« Phương-pháp ấy thế nào » ? . . . (tr. 529).

« Nhưng đến khi đã có phương-pháp rồi, thời trong tay như có một cái lợi-khí rất mạnh để khám-phá được những sự bí-mật của khoa-học cùng văn-minh Thái-Tây, và vừa giữ được cốt-cách mình, vừa cải-tạo được cho nước nhà cùng nòi giống (tr. 529a).

Quốc-học với quốc-văn. XXIX, 164, 7/1931, tr. 1-7.

« Nước ta sở dĩ không có một nền quốc-học chân-chính, phần nhiều là bởi không có một nền quốc-văn xứng-dáng» (tr. 1).

« Trong thời-đại Hán-học, cái hại ấy đã thâm-trầm cho đến nỗi nước ta vẫn có tiếng là nước văn-hiến mà thủy-chung không gây được một nền quốc-văn cùng quốc-học cho xứng-dáng.

Nay đến thời-dại Tây-học, xem ra cũng không thấy khác gì, hình như chúng ta lại muốn bước vào cái vết xe cũ của đời trước» (tr. 3).

«Mượn tiếng người thì mượn cả tư-tưởng của người, mượn cả học-thuật của người, rồi đến mượn cả tính-tình phong-tục của người nữa» (tr. 4).

Cho nên nước mất đầu, thượng-lưu cắt đứt với quần-chúng. Chủ-trương của tác-giả là : bồi-đắp cho quốc-văn bằng sưu-tầm tài-liệu cũ và gầy dựng một nền tân-văn. Sưu-tầm là dự-bị, gầy-dựng là kiến-thiết.

«Văn tiêu-khiến ta đã có ít nhiều, nên vun-trồng cho nảy-nở thêm ra ; văn học-văn ta tuyệt-nhiên chưa có, phải gia-công mà xây-đắp cho thành» (tr. 6).

«Ấy quốc-văn quan-hệ cho quốc-học như vậy ; quốc-học quan-hệ cho quốc-vận như vậy. . .

Đó là cái chủ-nghĩa của tôi bấy lâu nay, mà là cái tín-điều thứ nhất trong đạo Quốc-gia của tôi vậy» (tr. 7). VH.

Chủ nghĩa là gì ? (Coi : phụ-trương Pháp-văn cùng số). XXIX, 164, 7/1931, tr. 7-10.

«Chủ-nghĩa đây là sự cần phải biết chủ-trương tư-tưởng mình, biết sắp-đặt cho có thứ-tự, biết phàm-bình cho được đích-xác, biết đem ra đối-chiếu với sự thực, biết tổ-chức thành hệ-thống, đủ có lẽ phải và đủ được uyền-chuyển để in theo với sự kinh-nghệm cùng sự tiến-hóa tự-nhiên, mà lại đủ có sức mạnh vững-vàng để chống được với những sự xô-dẩy cùng sự cám-dỗ ở bên ngoài» (tr. 9). VH.

Quốc-học với chánh-trị. XXIX, 165, 8-9/1931, tr. 107-111.

«Có lẽ ngày tây hơn tôi. . .»

«Tò-tiên ta là giống Gô-loa. . .»

— Người làm chính-trị phải có tinh-thần Việt-nam, hiểu-biết quốc-văn, quốc-học, đừng «tây hơn tây».

— Có hai con đường : một dễ-dàng là theo những gì đã có sẵn, làm sẵn, một khó-khăn phải bắt đầu mọi sự, mọi việc. Phải bỏ dễ mà đi vào khó : đó là con đường dân-tộc, quốc-học, quốc-văn.

— Người thượng-lưu Việt-Nam, kẻ làm đầu trong nước phải làm gương cho quốc-dân về vấn đề gây dựng nền quốc-văn. Quốc-văn còn thì còn quốc-học, còn quốc-học thì còn quốc-gia : vấn-đề chính-trị trọng-yếu vậy.

«Trong hai chúng ta đây, có lẽ ngài tây hơn tôi», lời P. Reynaud nói với «bạn đồng-bang quý của tôi «là ông Bùi-quang-Chiêu, sau bài diễn-văn hùng-hồn bằng Pháp-ngữ. VH. CT.

Chính-thề Ấn-độ (Coi : Phụ-trương Pháp-văn cùng số). XXIX, 165,8-9/1931, tr. 111-115. CT.

Vấn-đề Ấn-độ do người Ấn-độ quan-sát (Coi : Phụ-trương Pháp-văn cùng số). XXIX, 165, 8-9/1931, tr. 115-119.

« Tôi tin rằng Đông-phương với Tây-phương có thể chân-chính hòa-hợp với nhau được » (Tagore)). CT.- VH.

Trải qua mấy nước Đông-phương (Coi : Phụ-trương Pháp-văn cùng số). XXIX, 165, 8/1931, tr. 119-121b. Phê bình cuốn « A travers l'Orient » của Max de Saint-Félix, Figuière, Paris, 1930. CT.

Bức thư ngỏ trình quan Thuộc-địa Tổng-trưởng, song-ngữ Pháp-Việt. XXIX, 166, 10/1931, tr. 221-229.

«Chúng tôi là một dân-tộc đang đi tìm tổ-quốc mà chưa thấy tổ-quốc ở đâu» (tr. 225).

«Xin ngài cho chúng tôi một cái tổ-quốc để chúng tôi thờ» (tr. 229). CT.

Nước Thổ-nhĩ-kỳ mới (Coi : Phụ-trương Pháp-văn cùng số). XXIX, 166, 10/1931, tr. 236-239. CT.

Nước Ai-cập mới (Coi : Phụ-trương Pháp-văn cùng số). XXIX, 166, 10/1931, tr. 239-243. CT.

Tiêu sử-quan giám-quốc Doumer. XXIX, 166, 10/1931, tr. 284-289. CT.

Vấn-đề rượu ở Đại-hội-nghị. XXX, 168, 1/1932, tr. 1-15b. XH.

Chính-trị nước Pháp. XXX, 169, 2/1932, tr. 115-119. CT.

Trường dạy làm báo. XXX, 169, 2/1932, tr. 119-122. BC.

Một nhà học-giả trứ-danh đời nay : bác-sĩ Gustave Le Bon. Trích dịch mấy đoạn danh-ngôn của Gustave Le Bon. XXX, 169, 2/1932. tr. 160-173.— XXX, 170, 3/1932, tr. 239-245b. VHP.

Hồn của chủng-tộc (Coi : Phụ-trương Pháp-văn). XXX, 3/1932, tr. 231-235.

«Hồn của chủng-tộc chính là một cái hầm sâu, cái hang thẳm, một nơi thành-quách kiên-cố, phải lấy cái cảm-tình êm-ái, lấy sự khuyến-dụ ôn-hòa mới có thể lần lần bước vào được, chứ quyết là không dùng võ-lực hay dùng bạo-động mà vào được». (tr. 235). TH.

Hồn quần-chúng. XXX, 170, 3/1932, tr. 235-239. TH.

Phong-hoá suy-đời. XXX, 171, 4/1932, tr. 339-344.

«Vì nho-học mất đi, không có gì thay vào nữa. Không thể nói là lấy tây-học thay vào được...» (tr. 340).

«Làm sao chấn-chỉnh được tinh-thần đạo-đức của kẻ thức giả trong nước, để cho biết nhận chân cái chức-trách hướng-đạo quốc-dân, đó là cái cấp-vụ ngày nay» (tr. 344). XH.

Một nhà đại chính-trị nước Pháp : ông Aristide Briand. Thêm bài : Người ru đời đã tạ-thế, dịch Edouard Julia. XXX, 171, 4/1932, tr. 344-353d. CT.

Nhà nho. XXX, 172, 5/1932. tr, 449-458.

— Mấy giòng mở bài :

«Nhà nho có lẽ đến ngày nay là cùng-vận. Con nhà nho bây giờ là cái vật trái mùa, còn ai là người quí-chuông. . .» (tr. 441).

— Nhà nho là gì ?

— Thiên-chức của nhà nho là gì ?

— Ảnh-hưởng trong xã-hội thế nào ?

— Nói về ông đồ hay thầy đồ.

— Một tôn-giáo mà giáo-chủ là Khổng-tử, giáo-sĩ là thầy đồ.

— Phê-bình óc «hương-nguyên» của hủ-nho.

«Vì dân ta không thể không có thầy đồ được, cái giống thầy đồ còn cần phải di-truyền mãi. Nhưng có di-truyền, lại phải có tiến-hóa nữa mới được» (tr. 458). VH.

Chuyện tâm-tình. (Coi : Phụ-trương Pháp-văn «Confidences»). XXX, 172, 5/1932, tr. 462-463b.

— Một người xuất-ngoại thành-tài về nước, nhưng sống «vong-bản», mắt rể, xa lạ giữa chính quê-hương mình. Họ trách bạn đàn anh, thực ra chính họ phải làm hơn lên.

«Phải cam-nhận cái thân-phận mình. . . Ta sinh-trưởng là người Annam, thời sống là người Annam, mà chết vẫn là người Annam. Đừng có mơ-mộng thành ra người khác được ; đừng có kiếm cách tự mình không nhận mình được» (tr. 463b). XH.

Phái chủ-trương. (Coi : Phụ-trương Pháp-văn «L' Ecole dirigeante»). XXX, 172, 5/1932, tr. 458-462.

— Thời xưa thượng-lưu thuộc phái nho vừa xuất vừa xứ. Ngày nay phái tây-học có thể làm thượng-lưu và làm thế nào ? XH.

Câu truyện lập-hiến, Thư cho bạn. XXX, 173, 6/1932, tr. 559-569.

«Gần đây trong nước có biến-động, dai-dẳng mãi mới tạm yên. . . Lại nữa dịp đức Bảo-đại đã trưởng - thành, sắp rục-rịch trở về nước. Tưởng là cái cơ-hội tốt nên bàn về việc cải-cách» (tr. 559). CT.

Đức Bảo-đại về nước. XXX, 174, 7/1932, tr. 1-8.

— Nguyễn-vọng quốc-dân là một chính-thê «quân-chủ lập-hiến». CT.

Pháp-Việt tự-diễn dụ-thảo. XXXI, 174, 7/1932, tr. 1-10: A — Abstraitement.

«Hiện nay việc dịch sách là việc cần hơn cả. Việc dịch sách Pháp-văn ra quốc-ngữ lại là cần hơn nữa. . . (tr. 1).

«Báo Nam-phong làm việc khởi-thảo bộ «Pháp-Việt Tự - diễn» này, chính cũng là theo đuổi cái mục-dịch tài-bồi cho quốc-văn bấy lâu nay, (tr. 1).

XXXI, 175, 8/1932, tr. 11-20 : Abstrus — Acoquinant.

XXXI, 176, 9/1932, tr. 21-30 : Acoquiner — Adoucissant.

XXXI, 177, 10/1932, tr. 31-38 : Adoucissement — Affranchir.

XXXI, 178, 11/1932, tr. 39-48 : S' affranchir — Ajoutage.

Nghĩa tôn-quân đối với thời-thế mới. XXXI, 175, 8/1932, tr. 101-108. CT.

Chính-trị ở Huế : Một cuộc phỏng-vấn quan Thượng Phạm-Quỳnh. XXXIII, 189, 10/1933, tr. 305. . .

— Lời tự-ngôn của báo Impartial, lời tự thuật của phóng-viên, và sau đây là mấy ý-tưởng của Phạm-Quỳnh.

«Vì tôi đây đã từng viết trong các báo. Ngày nay, vì địa-vị, vì chức-vụ không thể viết báo được nữa, nhưng nghề làm báo thực là một nghề có hứng thú lắm, ai đã làm qua thời vẫn giữ như cái vết in trong tâm-não, không bao giờ phai được.

«Nghề làm báo như vậy, mà nghề dạy học cũng vậy. . . Nghề dạy học vốn là cái tở-nghiệp của nhà tôi. Chính tôi cũng từng dạy học ở trường Đại-học Hà-nội. Thân-phụ tôi, tở-phụ tôi, các cụ tôi đời trước đều là nhà nho dạy học trò cả. Cho nên tôi nay ra chủ-trương bộ Quốc-dân Giáo-dục mới, thực là nối lại cái nghiệp nhà mấy mươi đời làm thầy dạy học» (tr. 306).

«Tôi đã từng có dịp viết văn và diễn-thuyết nhiều lần về việc đó. Tôi quả-quyết chủ-trương rằng nước Nam cần phải có một nền học phổ-thông bằng tiếng Nam... Những môn đó, học bằng tiếng nước mình thì cố nhiên là học mau hơn, dễ hơn là bằng một thứ tiếng ngoại-quốc» (tr. 308).

«Kẻ thượng-lưu nước Nam hoặc có thể tây-hóa được; mà tưởng cũng cần phải tây-hóa một phần; nhưng kẻ bình-dân đa-số trong nước thời phải tiến-hóa theo nền-nếp của nước mình, mà thực cũng không có cách nào khác được» (tr. 308).

— Văn-đề lập-hiến (tr. 310-311).

— Văn-đề Bắc-kỳ đối với Nam-triều.

«Phải, tôi là người chủ-trương cái thuyết lập-hiến, cũng như chủ-trương cái thuyết bảo-hộ đối với thuyết trực-trị. Tư-tướng tôi năm 1930 thế nào thì nay tôi vẫn giữ thế» (tr. 310), tuy phải thực-tế, tùy thời thì hành. VH, CT, TS.

B. VĂN DỊCH.

Cái vấn-đề về sự tiến-bộ : Hai cái tỉ-lệ của sự văn-minh : cái « lượng » cùng cái « phẩm », dịch Guglielmo Ferrero. I, 1, 7/1917, tr. 29-41. VH.

Tàu ngầm tàu lặn. I, 1, 3/1917, tr. 43-50.— I, 2, 8/1917, tr. 105-110. KH.

Bộ tiểu-thuyết «Cái vinh cái nhục của Nhà-quân» (Grandeur et servitude militaires, của Alfred de Vigny). Truyện cái dấu đỏ (thăm tình tiểu - thuyết). I, 1, 7/1917, tr. 72-75.— I, 2, 8/1917, tr. 141-144.— I, 3, 9/1917, tr. 193-196.— I, 4, 10/1917, tr. 269-270.— I, 5, 11/1917, tr. 331-334.— I, 6, 12/1917, tr. 399-402. VHP.

Sử-luận, dịch Đái-cát-Phu, I, 2, 8/1917, tr. 93-96. LS.

Cây cũng có cảm-giác như người. I, 2, 8/1917, tr. 110-114. KH.

Bài văn của vua Gia-long tế ông Bách-đạ-lộc. I, 2, 8/1917, tr. 116-117. LS.

Truyện người lính băng tuyết, của Georges d'Espèrès. I, 2, 8/1917 tr. 121-123. VHP.

Máy bay, tàu bay. I, 3, 9/1917, tr. 175-178.— I, 4, 9/1917, tr. 241-249. KH.

Phương-pháp luận, của Descartes.- Có tóm lược đại-ý và sau có lời bàn của người dịch. I, 3, 9/1917, tr. 169-173.- I, 4, 10/1917, tr. 232-237.- I, 5, 11/1917, tr. 301-306.

— Chỉ dịch có ba chương, còn thì đình lại, vì tư-tưởng, theo dịch giả, siêu-việt quá, vì quá cũ, Coi lời phân-giải ở : I, 8, 2/1918, tr. 91. TH.

Triết-học của sự chiến-tranh, của Gustave Le Bon. I, 4, 10/1917. tr. 238-239. TH.

Tự nguyện hóa chồng, đoạn thiên tiểu-thuyết, dịch « Femmes et Gosses héroïques » của Paul d'Ivoi. I, 5, 11/1917, tr. 323-325. VH.

Thánh dụ truyền cho quan dân trong nước phải chăm đường lập ngôn chức thuật, ngày 18 tháng 9 Khải-định năm II. Dịch thánh dụ kèm theo lời cần-chỉ I, 6, 12/1917, tr. 349-351. CT.

Thế lực Nhật-bản ở Tàu. I, 6, 12/1917, tr. 357-364 : I. Cái giấc mơ bá-đồ của Nhật. II. Cái chính-sách thừa-cơ của Nhật. III. Hai mươi mốt điều yêu-cầu của Nhật. IV. Trong đất nước Tàu dùng cảnh-sát Nhật.- II, 7, 1/1918, tr. 10-17 : V. Giữ quyền quân-đội ở Tàu, VI. Âm mưu về việc chính-trị. VII. Sự lo-sợ về đường kinh-tế nước Tàu. VIII. Mẹo mực Nhật-bản thu của ở Mãn-châu. IX. Thuộc về thế-lực của Nhật CT.

Văn-thuyết, dịch Tống-Liêm. I, 6, 12/1917, tr. 365-367. VH.

- Truyện «cái gậy song»,** dịch Alfred de Vigny. II, 7, 1/1918, tr. 46-49.- II, 8, 2/1918, tr. 112-115.- II, 9, 3/1918, tr. 179-181.- Không đăng trọn : coi III, 13, 7/1918, tr. 53. VHP.
- Triết-học nước Pháp,** dịch «La Philosophie française» của H. Bergson. II, 8, 2/1918, tr. 85-88.- II, 9, 3/1918, tr. 155-157.- II, 12, 6/ 1918, tr. 355-357.- III, 13, 7/1918, tr. 24-26.- III, 14, 8/1918, tr. 90-93. TH.
- Bài văn không đề-mục,** Paul Bourget, Pháp-Việt đối chiếu. II, 9, 3/1918, tr. 171-172. VHP,
- Mục-dịch và lược-sử của kinh-tế học.** II, 12, 6/1918, tr. 345-352 : I. Thích nghĩa kinh-tế học. II. Kinh-tế học là một khoa-học. III. Phương-pháp của kinh-tế học.- III, 13, 7/1918, tr. 16-21 : Phép thống-kê - III, 14, 8/1918, tr. 82-85 : Kinh-tế học quan-hệ với luân lý và pháp-luật thế nào. Dịch A. Touzet. KT.
- Khổng-phu-tử luận.** III, 13, 7/1918, tr. 4-15 : 1. Một nhà sử-học. 2. Một nhà luân-ly, đạo-đức. 3. Sự cung-kính trong Khổng-giáo. 4. Thánh nhân, quân-tử : quan-niệm về người trên. 5. Một đạo «hành-via». TH.
- Bề lớn,** dịch «L' Océan» của J. M. Guyau, kèm theo lời bàn. III, 14, 8/1918 tr. 106-111. VHP.
- Một bài diễn-thuyết của quan toàn-quyền Sarrault,** 17-11-1918, Pháp Việt. III, 18, 12/1918, tr. 311-319. CT.
- Một bậc thiếu-niên anh-hùng.** Truyện ông phi-tướng Guynemer. III, 18, 12/1918, tr. 331-339. VHP
- Bà Hoàng-phi nước Belgique,** dịch Pierre Loti, Pháp-Việt đối- chiếu. IV, 19, 1919. tr. 48-51. VHP.
- Lòng bác-ái,** dịch «La sympathie universelle» của J. M. Guyau. IV, 20, 2/ 1919, tr. 148-149. VHP.

Lối tả chân trong văn-chương. Bàn về nhà văn-sĩ Pháp Guy de Maupassant (1850-1893). IV, 21, 3/1919, tr. 194-197. VHP.

Sự học, dịch "La science" của È. Renan. IV, 21, 3/1919, tr. 236-238. VHP.

Bàn về mĩ-thuật An-nam, dịch H. Gourdon. IV, 24, 6/1919, tr. 431-444:
— Có một chủng-tộc Đông-dương và cũng có một mĩ-thuật Đông-dương. I.- Kiến-trúc : thiếu đá, song nhiều gỗ, đền đài ít độc-sáng, song lãng mộ thì đặc-sắc.- II.- Điêu-khắc gỗ, các tượng, đồ trang-sức, k'âm sà-cừ, đàn.- III.- Đồ đúc đồng, kim loại, đỉnh, đồ thờ, đồ gốm, thêu... IV.- Các đặc-tính : tôn-giáo, vô-danh, không sáng tạo, có tính-cách trang-hoàng... V.— Mở các Hội, các trường mĩ-thuật, Bảo-tàng-viện, cách đào-luyện. MT.

Hai nhà khoa-học trứ-danh của nước Pháp : Ông Lavoisier và ông Pasteur có lời bàn trước của dịch-giả. IV, 24, 6/1919, tr. 456-456. KH.

Tịch-mịch. V, 25, 7/1919, tr. 10-24 : Tịch-mịch trong các tôn-giáo, tịch-mịch của người có tín-ngưỡng, tịch-mịch của sự học-vấn. TH.

Bàn về lịch-sử văn-minh Âu-châu, kèm theo lời bàn. V, 26, 8/1919, tr. 95-109. VH.

Gia-tộc luận. V, 29, 11/1919, tr. 375-381. XH.

Một nhà phú-hào nước Mĩ : Ông Carnegie. V, 29, 11/1919, tr. 397-400. KT.

Bàn về nghề kỹ-sư và cách dạy kỹ-sư ở nước Pháp. V, 29, 11/1919, tr. 400-406. KH.

Đông-Á Tây-Âu : hai cái văn minh có thể dung-hòa được không? V, 29, 11/1919, tr. 412-416 : Lời tiêu-dẫn của Thượng-Chi ; Pháp Việt đối-chiếu, dịch G. L. Dickinson. VH.

Bàn về công-nghệ thương-nghiệp trong thế-kỷ thứ mười chín. V, 30, 12/1919, tr. 471-480 : Cách thức cũ của công-nghệ. Cách-thức cũ

của thương-nghiệp. Hơi nước. Hỏa xa. Đường xe lửa đại-lục. Hỏa thuyền. Những công-ti hàng hải, sông đào Suê. Điện khí. Các đường giầy thép qua bề. Các bưu-chính. Công-nghệ phát-đạt. Đại công-nghệ. Đại thương-nghiệp. Kết-quả. KT.

Khảo về chính - trị nước Pháp. VI, 31, 1/1920, tr. 1-22 : Hình-thê của, quốc-gia. Hiến-pháp. Các cơ-quan lớn. Bên-chế hiến-pháp.— VI, 32, 2/1920, tr. 97-120 : Nói về quận. Về huyện. Về tổng. Về « chợ » (Commune). Các đặc-lệ trong « chợ ». Về kháng-cáo.— VI, 36, 6/1920, tr. 463-479 : Cách tổ-chức quyền tư-pháp.— VII, 37, 7/1920, tr. 1-16 : Tư-pháp (tiếp).— VII, 41, 11/1920, tr. 345-357 : Tư-pháp (hết). CT.

Chính-sách của Đại-Pháp đối với thuộc-địa. Lời tuyên-bố của quan thuộc địa bộ tổng-trưởng Sarraut, Pháp-Việt. VI, 33, 3/1920, tr. 206-212 CT.

Các việc lớn Âu-châu từ sau khi chiến-tranh đến giờ. VI, 34, 4/1920 tr. 313-346 : Nước Đức mới. Mấy lần tăng hạn đình-chiến. Công việc Hội-hòa. Hòa-ước Versailles 28-6-1919. Giá-trị của Hòa-ước. Sự sửa-đổi trong Hòa-ước. Ký Hòa-ước. Hòa-ước Saint-Germain Phong-trào cách-mạng ở Âu-châu. CT.

Lịch-sử nghệ diễn-kịch ở Pháp. Bàn về hí-kịch của ông Molière. VI, 35 5/1920, tr. 377-395 : Lịch-sử ông Molière. Sự-nghiệp : hài-hí và chân-thật. Luân-lý. Lịch-sử hí-kịch trước Molière. VHP.

Cái óc người ta. VI, 36, 6/1920, tr. 479-490 : Hình-thê và sinh-lý của óc. Các « não-căn » hành-động thế nào ? Bệnh nhưc óc buồn ngủ. KH.

Người hủ ở thành A-óc (Le Lépreux de la Cité d' Aoste) của Xavier de Malstre, triết-học tiểu-thuyết. VII, 37, 7/1920, tr. 65-78. VHP.

Tường Lôi-Xích, dịch « Le Cid » của Corneille, Pháp-Việt. VII, 38, 8/1920, tr. 87-126.— VII, 39, 9/1920, tr. 179-218 D. VHP.

Tình bè bạn, dịch « Traité de l' amitié » của Marquise de Lambert, tk. 18. VII, 41, 11/1920, tr. 369-378. TH.

- Thế - lực của khoa - học., dịch « La puissance de la science » của Charles Moureu. Pháp-Việt. VII, 42, 12/1920, tr. 446-456. KH.
- Bệnh lao. VIII, 44, 2/1921, tr. 87-101 : Lịch-sử Nguyên-nhân. Con trùng. Hiện-chứng. Chẩn-đoán và liệu-trị. Vệ-sinh. Trị bệnh. KH.
- Truyện chàng Man-nông hay là sự khôn-ngoan của người đời, hoạt-kê tiêu-thuyết pháp của Voltaire. VIII, 44, 2/1921, tr. 148-151. VHP.
- Chàng ngọc quá khôn vì tình, dịch Marivaux. VIII, 45, 3/1921, tr. 225-243. VHP.
- Về sự giáo-dục đàn-bà, dịch P. Janet. VIII, 46, 4/1921, tr. 304-307. G.D.
- Truyện một thầy bà-la-môn, hoạt-kê tiêu-thuyết Pháp của Voltaire. VIII, 46, 4/1921, tr. 310-312. VHP.
- Thi chạy với hồ, kỹ-thực tiêu-thuyết của J. H. Rosny. VIII, 46, 4/1921, tr. 313-315. VHP.
- Thơ là gì ? VIII, 48, 6/1921, tr. 437-446. VH.
- Các thời-kỳ lớn trong lịch-sử văn-minh thế-giới. IX, 49, 7/1921, tr. 21-43 : Người ta xuất-hiện từ đời nào ? Đời đá mọc. Đời đá chuốt. Đời kim-loại. Lối ở hồ. Lối ở hang. Văn-minh Ai-cập. Căn-đê và A-tây-lí. Do-thái. Phini tây. Ba-tư. Hi-lạp. La-mã. Đạo Thiên-Chúa Đông La-mã. Ấn-độ. Tàu Nhật. Rợ Man chiếm La-mã.. Phục-hưng.. Cách-mạng Pháp.. Nga Đức.. Hội Vạn-quốc. LS.TG.
- Khổng-giáo luận, dịch Hovelaeque. IX, 50, 8/1921, tr. 116-122. TH.
- Truyện anh chàng đi khắp thiên-hạ đề học .. run, truyền-kỳ tiêu-thuyết cổ-tích nước Đức. IX, 50, 8/1921, tr. 138-144. VH.
- Phu-nhân là người tiết-kiệm, đoán thiên kịch-bản, dịch M. Donnay. IX, 50, 8/1921, tr. 144-148. VH.
- Thế-giới tiến-bộ sử. IX, 51, 9/1921, tr. 215-224 : 1/ Lịch sử địa-cầu và sự tiến-hóa của các giống sinh-vật. 2/ Sự tiến-hóa trong cơ-thể giống

người. IX, 52, 10/1921, tr. 285-292 : 2/ Sự tiến-hóa về trí-thức : về tiếng nói, về chữ viết.— IX, 53, 11/1921, tr. 442-451 : 4/ Về mi-thuật. 5/ Về sự họa. 6/ Về các tục mê-tín.— IX, 54, 12/1921, tr. 516-523 : 7/ Sự tiến-bộ trong các khoa-học : số-học, thiên-văn, địa-dư...— XII, 68, 2/1923, tr. 143-149 : Các khoa vật - lý - học. VH.— KH.— LS.

Công nước Pháp trong lịch-sử khoa-học, dịch Challaye. IX, 52, 10/1921, tr. 277-285 : về triết-học, vật-chất-học. TH. KH.

Ôi ! thiếu-niên..., hoạt-kê tiểu-thuyết, dịch G. Courteline. IX, 52, 10/1921, tr. 326-337. VHP.

Đạo-đức như bà, đoán-thiên kịch-bản, dịch M. Donnay. IX, 52, 10/1921, tr. 338-341. VHP.

Truyện-ngôn : Ngày sinh-nhật, nhã tinh tiểu-thuyết ; Đồ hèn, chuyện suông IX, 53, 11/1921, tr. 452-455. VH.

Trí khúc-triết cùng trí tinh-nhuệ, dịch Pascal. IX, 54, 12/1921, tr. 523-526. TH.

Tình duyên với lợi tình cờ, ngôn tình hài kịch, dịch Marivaux. IX, 54, 12/1921, tr. 538-548.— X, 55, 1/1922, tr. 69-81. VHP.

Một bậc vĩ-nhân trong khoa-học đời nay : Ông Pasteur. XI, 66, 12, 1922, tr. 419-432 : Lịch-sử. Sự-nghiệp. Trước thuật. Viện Pasteur. Bách niên kỷ-niệm. Phụ dịch mấy bài diễn-thuyết KH.

Triết-học là gì ? XII, 79, 4/1923, tr. 257-265, TH.

Thế-lực của liệt-cường ở Á-đông. Tinh-thần và địa-vị của nước Pháp. XII, 70, 4/1923, tr. 257-272. XH. CT.

Văn-minh là gì ? XII, 71, 5/1923, tr. 369-382 : Trí-thức, mi-thuật, vật-chất, kỹ-thuật, luân-lý... văn-minh Âu-châu có bền không ? VH. LS.

- Thời-thế với anh-hùng. XII, 72, 6/1923, tr. 471-479 ; Lénine ở Nga. Moustapha Kémal nước Thổ. D' Annunzio ở Ý. Mussolini nước Ý. XH.
- Các thi-nhân nước Tàu, dịch Abel Bonnard. XIII, 73, 7/1923, tr. 10-13 VHTH.
- Tuồng Hòa-Lạc, dịch « Horace » của Corneille. XIII, 73, 7/1923, tr. 49-63.— XIII, 74, 8/1923, tr. 142-155.— XIII, 9/1923, tr. 230-236, VHP.
- Thế nào gọi là một nước, dịch E. Renan. XIII, 74, 8/1923, tr. 93-106. TH.
- Khảo về động đất. XIII, 76, 10/1923, tr. 265-275. XH.— KH.
- Học là gì ? dịch « L' Art d' apprendre » của M. Prévost. XIII, 76, 10/1923, tr. 276-279. VH.
- Nghề diễn-kịch ở nước Mĩ. XIII, 77, 11/1923, tr. 388-393. VHM.
- Bút sắt và bút lông, dịch « La Plume et le Pinceau » của R. Crayssac. XIII 78, 12/1923, tr. 439-435 : Dị-biệt và tương-đồng giữa văn Pháp và văn Việt. Kết :
« Hai cái văn-chương như hai con sông dài, dòng nước không có đê lộn nhau, nhưng mà cùng nhau, chảy thẳng ra bề khơi cả, là chỗ Bồng-lai tiên-cảnh » (tr. 453). VH.
- Làm người, dịch Woodrow Wilson, bản tiếng Pháp của P. Chavannes. XIV, 80 2/1924, tr. 85-98. TH.
- Vấn đề Phi-luật-tân. XIV, 81, 3/1924, tr. 231-245. CT.
- Một người tiêu-biểu ở nước Anh ngày nay : ông thủ-tướng Mac Donald. XIV, 82, 4/1924, tr. 309-313. TS.
- Thăm miếu ông Khổng. XIV, 83, 5/1924, tr. 356-368 : Cuộc hành-trình. Miếu ông Khổng. Vào thăm miếu. Nhà dựng nhạc-khí. Miếu ông Nhan-tử. Mộ. DH.

- Khảo về cổ rễ dân Annam, dịch bài của L. Arousseau, BEFEO, XXIII, 1923. XIV, 84, 6/1924, tr. 480-489. LS.
- Hai cái phong-trào cải-cách trong thế-giới đời nay : ông Wilson và ông Lénine. XIV, 84, 6/1924, tr. 490-498. XH.— CT.
- Cái tư-tưởng căn-bản của Khổng Mạnh. XV, 85, 7/1924, tr. 26-31. TH.
- Chuyện thái-tử Su-đà-na, chuyện Phật. XV, 85, 7/1924, tr. 37-48. TG.
- Khái-luận về triết-học nước Tàu, dịch L. Arousseau phê-bình sách «A brief history of early Chinese philosophy» của Daisetz Teitaro Suzuki. TH.
- Xét về nguyên-do sự hủy-báng, dịch «Nguyên-hủy» của Hàn-Dũ nhà Đường. XV, 88, 10/1924, tr. 308-310. VH.
- Luân-lý là gì ? XVI, 91, 1/1925, tr. 1-6. TH.
- Lược-khảo về văn-học sử nước Pháp. XVI, 92, 2/1925, tr. 124-131.— XVI, 96, 6/1925, tr. 557-567 : Thời Trung - cò. Thế - kỷ 16.— XVIII, 103, 3/1926, tr. 141-150 : Thế-kỷ 16 và Thế-kỷ 17.— XX, 113, 1/1927, tr. 30-40 : Thơ cò-diễn thế-kỷ 17, tản-văn cò-diễn, diễn-thuyết, luân-lý, sử-học... Thế-kỷ 18.— XXIV, 137, 3-4/1929, tr. 174-180 — XXV, 142, 9/1929, tr. 263-271. VHP.
- Thế-giới nhất-lãm, dịch «Un regard sur le monde» của Sarraut. XVI, 93, 3/1925, tr. 203-219.— XVI, 94, 4/1925, tr. 307-319. XH.
- Chàng Ba-búc xét chuyện đời thế nào ? dịch «Le monde comme il ira, vision de Babouc» của Voltaire. XVII, 98, 8/1925, tr. 136-145. VHP.
- Tự-do luận, dịch Jules Simon. XVII, 101, 12/1925, tr. 406-417. TH.
- Đông-phương và Tây - phương. XVII, 101, 12/1925, tr. 421-435 : Ý-kiến ông Guglielmo Ferrero... qua mấy thế-kỷ 15-19 ; ông André Dubosd... ; ông Sylvain Lévy... ; Gaston Rageot... ; René Guénon... VH.

- Khảo luận về chính-đảng.** XVIII, 102, 1-2/1926, tr. 5-15 : Nguồn gốc, điều-kiện, mảy tác-giả bàn về vấn-đề, các chính-đảng ở Âu-Mĩ trong khoảng 40 năm nay. CT.
- Giải-thích về nghĩa tự-do.** XVIII, 102, 1-2/1926, tr. 15-30 : Trích dịch trong sách «Triết-học» của Paul Janet. TH.
- Giải-nghĩa ái-quốc.** XVIII, 102, 3/1926, tr. 106-100. XH. — TH.
- Chủ-nghĩa quốc-gia ở Ấn-độ :** tiêu-sử các nhà chí-sĩ Ấn-độ đời nay. XVIII, 103, 3/1926, tr. 118-128. CT. — TS.
- Lịch-sử, và học-thuyết của Rousseau (Lư-thoa).** XVIII, 104, 4/1926, tr. 207-225. — tr. 225-237 : trích-dịch các sách của Rousseau : luận về nguyên - nhân sự bất-bình-đẳng trong loài người ; bức thư ông D'Alembert luận về tuồng hát. — XVIII, 105, 5/1926, tr. 345-354 : bộ tiểu-thuyết «Nouvelle Héloïse» với mấy lời phê-bình về Rousseau. — XVIII, 106, 6/1926, tr. 434-442 : Lời tuyên-ngôn của ông cố đạo đất Savoie ; kết-quả hay của sự giáo-dục tự-nhiên. — XIX, 108, 8/1926, tr. 131-142 : Bộ «Xã-ước», bộ «Sam-hối lục». Phán-đoán về Rousseau. VHP.
- Các chính-đảng ở nghị-viện Pháp.** XVIII, 105, 5/1926, tr. 320-325. CT.
- Tình hình chính-trị ở Ấn-độ.** XVIII, 105, 5/1926, tr. 334-344 : Tình-hình, Ấn trách Anh những gì, chủ-tư-ương quốc-gia Ấn, tôn-giáo và chính-trị, phong-trào quá-khích. CT.
- Cái hiềm-tượng Thái-bình-dương và tình thế cõi Đông-Á :** ý kiến một nhà ngoại-giao Trung-hoa. XIX, 107, 7/1926, tr. 24-28. CT.
- Thăm Hương-cảng và Quảng-Đông.** XIX, 107, 7/1926, tr. 48-63 :
- 1) Tôn-Dật-Tiên chủ-nghĩa, quốc-dã-dã g, xung-đột với cộng-sản,
 - 2) Cách cai-trị của QĐĐ, chính đảng cầm quyền lần II, hay hay dở.
 - 3) Cộng-sản thoái bộ, thợ bãi công ở Hương-cảng. 4) Các điều-ước

bất-công, quốc-tế ủy-viên, liệt-cường ở Quảng-đông - XIX, 108, 8/1926, tr. 154-165 : 5) Phong-trào đê-chế Anh, bãi-công. 6) Chế-độ tài-chính Quảng-đông, cải-cách thuế, Bọn quân-phiệt 7) Sự đê-chế đương hoạt-động, bãi công với chính-phủ Hương-cảng.- XIX, 109, 9/1926, tr. 257-263 : 8) Bọn thức-giả trục-xuất cộng-sản, Trường Cơ-đốc trục-xuất bọn quý-khích. 9) Hương-cảng không bị thiệt về đê-chế. Tương-lai có thể lạc-quan. XH. CT.

Lịch-sử và học thuyết của Montesquieu (Mạnh-đức-tư-cưu). XIX, 108, 8/1926, tr. 113-122. VHP.

Hội Vạn-quốc. XIX, 108, 8/1926, tr. 122-130 : Tờ-chức, hành-động, dư-luận. CT.

Đạo làm người. XIX, 109, 9/1926, tr. 219-232 : dịch thiều trong sách «La Recherche de la Sagesse» của E. Duplessis.- XIX, 111, 11/1926, tr. 461-472.- XX, 113, 1/1927, tr. 21-30.- XX, 117, 5/1927, tr. 405-415.- XX, 118, 6/1927, tr. 505-516.- XXI, 123, 11/1927, tr. 444-454.- XXIII, 134, 10/1928, tr. 330-346. TH.

Truyện Kiều và xã-hội Á-đông, dịch R. Crayszac. XIX, 111, 11/1926, tr. 421-442.- XIX, 112, 12/1926, tr. 531-545. VH.

Vấn-đề đê-chính ở Bắc-kỳ. XIX, 111, 11/1926, tr. 443-450 : Việc đắp đê ngăn nước hay vấn-đề trị thủy. XH.

Lịch-sử và học thuyết của Voltaire (Phúc-lộc-đặc nhĩ). XX, 114, 2/1927, tr. 101-124.- XX, 115, 3/1927, tr. 201-211. VHP.

Sự sinh-hoạt một trường Đại-học nước MT, dịch G. Roux. XX, 113, 1/1927, tr. 1-11. VHM.

Sự chết, dịch «La mort» của M. Maeterlinck. XX, 117, 5/1927, tr. 484-485. TH.

Người ta có bình-đẳng không? XX, 118, 6/1927, tr. 499-505. XH.

- Ái-tình, dịch G. de Maupassant. XX, 118, 6/1927, tr. 571-575. VHP.
- Nói về báo-quán, dịch «La Presse» của M. de Salvandy. XX, 118, 6/1927, tr. 585-587. BC.
- Triết-học Âu-châu đời nay. XXI, 119, 7/1927, tr. 22-30.— XXI, 121, 9/1927, tr. 339-347.— XXII, 130, 6/1928, tr. 587-598.— XXIII, 131, 7/1928, tr. 58-70. TH.
- Nói về văn-minh, dịch «Sur la civilisation» của E. Sénart. XXI, 119, 7/1927, tr. 93-95. TH.—VH.
- Văn-minh Nhật-bản, XXI, 120, 8/1927, tr. 107-122. VH.
- Tư-tưởng và thời-thế, dịch «Pensées actuelles» của Garros và của Al. de Pouvourville. XXI, 120, 8/1927, tr. 202-204. VH.
- Khảo về đạo Phật : các môn phái của đạo Phật ở Tàu, theo «Tân văn-hóa từ-thư» :
- Phật-tồ, giáo-lý, đại thừa và tiểu-thừa, truyền-bá.
 - Câu xá tôn. Thành-thực tôn. Ná-bàn tôn. Luật-tôn. Thiên-tôn. Duy-thức tôn. Tam-luận tôn. Nhiếp-luận tôn. Địa-luận tôn. Hoa-nghiêm tôn. Thiên-thai tôn. Chân-ngôn tôn. Tĩnh-thổ tôn.— XXI, 121, 9/1927, tr. 215-225.— XXI, 122, 10/1927, tr. 348-356.— XXI, 124, 12/1927, tr. 554-559. TG.
- Khảo-sát về hiện tình nước nga, dịch theo Armand Dorville. XXI, 121, 9/1927, tr. 226-235. CT.
- Khoa-học và luân-lý, dịch theo Marcelin Berthelot XXI, 123, 11/1927, tr. 425-438. TH.—KH.
- Văn-minh nước Mỹ : ý-kiến một nhà làm sách Anh. XXI, 123, 11/1927, tr. 439-444. VHM.
- Điều-tra về nội-lạc nước Tàu. XXII, 125, 1/1928, tr. 1-21. XH —CT.
- Phép xử-thế : nói về cách giao-tế trong xã-hội. XXII, 126, 2/1928, tr. 118-125 : Xã-hội là gì, tư-tưởng thông-thường trong xã-hội, lễ-thói

xã-hội, xã-hội bắt buộc gì, thói cạnh-tranh, tập cách giao-thiệp. XXII, 130, 6/1928, tr. 549-560 : Trông mặt bắt hình dong, cái cười có duyên, con mắt ý-tứ, giọng nói và điệu nói, cách cử động, dáng đi đứng, sắc với duyên, mấy thuật nhỏ làm cho có duyên, về sức khỏe, thể nào là nhã, trang sức. XXIII, 132, 8/1928, tr. 168-184 : Về kiêu-sức, tác-thái, đẹp lòng xã-hội, tư-cách giao-thiệp, không tự-phụ, không chấp-nệ, tính tự-cao, hòa-khí, khiêm-tốn, ôn-hòa. . . uy-tín. XH.

Lời cách-ngôn của vua Marc-Aurèle. XXII, 128, 4/1928, tr. 317-327.—
XXII, 129, 5/1928, tr. 425-432. TH.

Phép làm sử và sử Việt-nam. XXII, 130, 6/1928, tr. 531-548 : 1) Tìm nhật tài-liệu. 2) Kén chọn tài-liệu. 3) Phê-bình tài-liệu 4) Khôi-phục lại việc cũ.

— Biểu đối-chiếu lịch-sử nước Nam và nước Tàu. (Theo bài của Ch. B. Maybon vào năm 1907). LS.

Quốc-gia luận. XXIII, 132, 8/1928, tr. 105-116 :

- Một lãnh-thò, một chủng tộc, một ngôn ngữ, một tôn-giáo.
- Một quyền lợi, một phong-tục, một pháp-luật, một lịch-sử.
- Một tinh-thần, một cái hồn thiêng : giáo-dục và lòng ái-quốc.
- Phê-bình thuyết «xã-ước». CT.

Hai cái quan-niệm về nghĩa-vụ và quyền-lợi. XXIII, 131, 7/1928, tr. 1-13 : Theo Kant, luật tự-nhiên, luật xã hội ; quyền-lợi : thuyết tự-nhiên, yếu-cần, cao-thượng. . . TH.

Nhân-quyền luận. XXIII, 133, 9/1928, tr. 215-227. CT.

Kinh-tế tổng-luận. XXIV, 136, 1-2/1929, tr. 1-11. KT.

Tình-trạng chính-trị Âu-châu ngày nay. XXIV, 137, 3-4/1929, tr. 103-129: Sau Genève, giảm binh-bị, hiềm-tượng nước Ý, sáp-nhập Áo vào Đức, Hung-gia-ly, vấn-đề Ba-lan, nước Nga, đế-quốc Mĩ, phương-pháp bđ-cứu. CT.

Lịch-sử và triết-học Auguste Comte. XXIV, 138, 5/1929, 205-210.—XXIV, 139, 6/1929, tr. 313-324. TH.

Bài học của Rabelais. Người Annam làm thế nào đổi mới được văn-minh của mình, dịch E. Vayrac. XXV, 140, 7/1929, tr. 1-25.

“Các dân-tộc đều phải tập lấy khoa-học Âu-tây. Khoa-học rồi sẽ biến-đổi hết thảy, không những trong cách sinh-hoạt về vật chất, mà cả trong chế-độ phong-tục nữa” (tr. 7).

— Cái chương-trình cho người Việt-nam theo (tr. 24). VH.

Phật-giáo tổng-luận. XXV, 142, 9/1929, tr. 213-226 : Nguồn gốc, liên-hệ với Vêđa, với đạo Ba-tư, khác với Bà-la-môn giáo, giáo lý, tiêu-thừa và đại-thừa, sự hưng-khởi của đạo Phật... (Nguyên-văn của J. Przyluski). TG.

Đời đạo-lý, dịch P. Carton : chú-giải «Klím-thư» của Pythagore. XXV, 144, 11/1929, tr. 431-441.— XXV, 145, 12/1929, tr. 560-564B — XXVI, 148, 3/1930, tr. 233-236.— XXVI, 151, 6/1930, tr. 549-556.— XXVII, 153, 8/1930, tr. 157-164.— XXVII, 156, 11/1930; tr. 452-459.— XXVII, 157, 12/1930, tr. 549-553.— XXVIII, 158, 1/1931, tr. 39-45.— XXVIII, 159, 2/1931, tr. 172-177.— XXVIII, 163, 6/1931, tr. 583-592.— XXX, 172, 5/1932. tr. 186-192.— XXX, 172, 5/1932, tr. 483-495. GD.

Nước Thổ-nhĩ-kỳ ngày nay. XXVI, 146, 1/1930, tr. 17-24 : Lịch-sử, chính-thể, kinh-tế, văn-học. CT.

Hòa-lan du-ký. XXVI, 147, 2/1930, tr. 103-112 : Một xứ bình-tĩnh, một xứ sông nước, một xứ mi-thuật, một xứ hòa-bình, dịch Louis-Lucien Hubert. DH.

- Chính-trị học.** XXVI, 148, 3/1930, tr. 207-228 : Từ thượng-cò đến cuối thế-kỷ 18 — XXVI, 150, 5/1930, tr. 428-444 : Chính-trị học về Cận-đại. CT.
- Mahomét giáo-chủ đạo-Hồi.** XXVI, 148, 3/1930, tr. 228-223. TG.
- Triết-học Bergson.** XXVI, 150, 5/1930, tr. 415-420. TH.
- Sự lễ-nhượng đời nay,** dịch Gaston Ragmot. XXVII, 152, 7/1930, 21-24. XH.
- Khảo về Hiến-pháp Nhật-bản.** XXVII, 153, 8/1930, tr. 107-121. CT.
- Chế-độ lập-hiến và chế-độ đại-ngiã.** XXVII, 154, 9/1930, tr. 219-225. CT.
- Tâm-lý lính lê-dương,** dịch Pierre Mille trong tạp-chí «Le Temps». XXVII, 154, 9/1930, tr. 242-244 b. XH.
- Nghề làm báo.** XXVII, 156, 11/1930, tr. 446-451. BC.
- Chuyện trên xe lửa,** dịch Guy de Maupassant. XXVIII, 158, 1/1931, tr. 73-76. VHP.
- Quan-niệm cố thủ-tướng Pháp Clémenceau.** XXVIII, 159, 2/1931, tr. 99-104. CT.
- Một nhà văn-hào nước Pháp : Anatole France.** Văn Anatole France : Tư-tưởng về vũ-trụ (dịch). XXVIII, 161, 4/1931, tr. 311-325b. VHP.
- Sự-nghiệp văn-học triết-học của Taine và Renan.** Văn Renan : Thế nào gọi là một nước (dịch). XXVIII, 162, 5/1931, tr. 419-433d. VH. — TH.
- Đông-phương với Tây-phương,** dịch René Gillouin. XXVIII, 163, 6/1931, tr. 529a-529b. LS — TG.
- Thiên-tài là gì ?** XXX, 169, 2/1932, tr. 123-128.
«Nói tóm lại thời thiên-tài là sáng-tạo, không phải mô-phỏng ; là đặc-

biệt, không phải phổ-thông ; là duy-tâm, không phải duy-trí ; là chủ-quan, không phải là khách-quan...» (tr. 128).

Việc Trung-Nhật. XXX, 171, 4/1932, tr. 359-363 : 1) Lược-thuật đầu đuôi việc Trung-Nhật ở Thượng-hải. 2) Chính-sách Nhật-bản với nước Tàu. CT.

Quốc-gia : Nước là hay hay là dở ? dịch «La Nation» của Boulenger. XXX, 172, 5/1932, tr. 464-471. CT.

Nữ-quyền, dịch «Vấn-đề nữ-quyền» của Edmond Jaloux. XXX, 173, 6/1932, tr. 571-573d XH.

Nhà luân-lý học, dịch Louis Lavelle. XXXI, 174, 7/1932, tr. 8-15d. GD.

Thề-thao, dịch Henri Bouquet bác-sĩ. XXXI, 175, 8/1932, tr. 165-173. TT.

Văn-minh nước Mỹ cùng văn-minh thế-giới, dịch chương kết của «La vie américaine et ses leçons» của Braunschvig, Colin, 1931. XXXI, 176, 9/1932, tr. 213-221. VHM.

Làm án nước Mỹ, dịch «Cái ung độc nước Mỹ» của Louis Guilaine. XXXI, 176, 9/1932, tr. 221-227b. XH. — CT.

Chủ-nghĩa Pha-xi nước Ý. XXXI, 177, 10/1932, tr. 329-336 : Chủ-nghĩa «phát-xít» theo mục «Facisme» trong bộ «Encyclopédie Italienn e» do chính Mussolini soạn. CT.

Cái bệnh tự-tử, lời nhập-đề và bản dịch bài của Edmond Jaloux «Xét-nghiệm về cái bệnh tự-tử». XXXI, 177, 10/1932, tr. 340-343d. XH.

Văn-minh nước Nhật, dịch một thiên trong sách «Các dân-tộc Á-đông : nước Nhật» của Emile Hovelague, Flammarion. XXXI, 178, 11/1932, tr. 443-457b. VH.

Socrate hay Citroën, dịch Gaston Rageot. XXXII, 180, 1/1933, tr. 12-15 : Bỏ luân-lý đề theo khoa-học doanh-nghiệp ? Thế-giới ngày nay chọn giải-pháp thứ hai. XH.

Tâm-lý người Pháp, dịch bài của Alfred Fouillée. XXXII, 181, 2/1933, tr. 117-123. XH.

Cái bệnh của thanh-niên nước Đức. XXXII, 181, 2/1933, tr. 124-127. GD.

Tán-dương quyền sách. XXXII, 183, 4/1933, tr. 327-333. VH.

C. NAM-PHONG (Thời Đàm...)

Phần việc của nước MT trong cuộc chiến-tranh, dịch. I, 2, 8/1917, tr. 85-87. CT.

Về luật mới. I, 4, 10/1917, tr. 261-267 : Hình-sự tổ-tụng. Dân-luật. Luật các tòa án. Luật dân-sự và luật hình-sự. PL.

Quan-trửơng. I, 5, 11/1917, tr. 277-283. CT.

Một nền «Minh-trị». II, 7, 1/1918, tr. 1-6 : Ý-hướng nền chính-trị mới dựa theo cách-mạng Vua Minh-trị Nhật-bản áp-dụng vào Việt-nam. CT

Thống-nhất luận. II, 8, 2/1918, tr. 64-69 : Sự thống-nhất Nam Bắc Trung Việt-nam. CT.

Sự thi-hành luật mới. Nhời hiệu-thị của quan Nam-án thủ hiến cho các quan án đệ-nhất cấp. II, 8, 2/1918, tr. 107 : Về việc vi-cảnh, về phiên tòa, về cách dựng án.— II, 9, 3/1918, tr. 173-178 :

Về sổ sách, kháng-cáo về án vi-cảnh, cách xin tiêu-án, sự thi-hành những án vi-cảnh.— Việc dân sự và thường-sự : cách hòa-giải, việc hòa-giải không xong.— Về hòa-glải.— Về sự giúp việc quan tòa án tỉnh. PL.

Lớp diễn-thuyết ở trường Quốc-tử giám Huế : về việc bàn giao, về việc điền thổ, về việc án-mạng, về việc phòng sát.— Bài diễn-thuyết ngày khai-trường Canh nông thực-hành Tuyên-quang 15-4-1918. II, 10, 4/1918, tr. 252-256. GD.—HC.

Về việc ngự giá Bắc tuần : gồm một số bài diễn-văn của Khải-định và

các nhân-vật chính-trị khác trong dịp Ngàì ngự-giá Bắc-tuần 26-4/6-5 năm 1918. Lời kết của tác-giá. II, 11,5/1918, tr. 258-259. CT.

Sự giáo-dục người An-nam có phương hại cho thể lực nước Pháp không ? trích trong «Nam-kỳ tân-báo» (Tribune indigène). II, 11, 5/1918, tr. 317-318. GD.

Lễ quốc-triều đại-kỷ-niệm Huế, ngày 2-5 Âm-lịch, 10-6 dương-lịch. II, 12, 6/1918, tr. 375-377. CT.

Lời thánh-dụ cho dân xứ Bắc-kỳ. II, 12, 6/1918, tr. 377-378. CT.

Bàn về sự học chữ nho, trích «Tribune indigène» số 84, 1/7/1918. III, 13, 7/1918, tr. 57-58. VH.

Nam-phong mở rộng. III, 16, 10/1918, tr. 181-184. TC.

Bàn về việc chiến tranh. Đồng minh chiến-thắng. III, 16, 10/1918, tr. 185-187. XH.

Bàn về sự vay tiền cho việc chiến tranh và cuộc quốc-trái ngày nay : Hồ-hào quốc-dân mua quốc-trái. III, 16, 10/1918, tr. 188-193. XH.

Quan đại-tướng Foch, dịch sách Pháp. III, 16, 10/1918, tr. 194-197. CT.

Bàn về sự cải-cách ngạch thuế thân ở Bắc-kỳ. III, 17, 11/1918, tr. 235-239. XH.

Bàn về hội tư-ván Bắc-kỳ. III, 17, 11/1918, tr. 240-242. CT.

Đình-chiến và Nghị-hòa. — Kỳ thi Hội sang năm. III, 17, 11/1918, tr. 310. Kết : «Kỳ Hội-thi sang năm này các ông cử-nhân ngoài Bắc-kỳ cũng vẫn được vào ứng-thi như xưa. Nhưng phủ Thống-sứ Bắc-kỳ có nói trước cho Bộ Học trong Kinh biết rằng người nào đỗ tiến-sĩ hay phó-bảng, tuy vẫn còn giữ cái danh-dự cũ mà không đủ quyền được bỏ vào quan-trường như trước nữa. Quan trường ngoài Bắc-kỳ đã sửa đổi theo cái chương-trình học mới, không có ngạch nào riêng cho các ông nghè ông bảng mới sang năm» (tr. 310). CT.

Thánh-dụ bỏ khoa cử ở Trung-kỳ (21-11-1918). Lý-do : cải-lương chế-độ, nguyện-vọng dân là thông quốc-ngữ và chữ Pháp. III, 18, 12/1918, tr. 390. CT.

Hội Khai-trí Tiến-đức, thành lập 5-2-1919 với điều-lệ. IV, 20, 2/1919, tr. 160-167. CT.

Công-văn phải dùng quốc-ngữ. IV' 21, 3/1919, tr. 241-242 : Các nha-môn phải dùng quốc-ngữ.

«Thật là am-hiếu thời-thế và biết rằng cái tương-lai nước Nam ta chính là ở chữ quốc-ngữ vậy», lời N.P bàn thêm (tr. 261). VH-NN.

Cái chánh-sách của nước Pháp đối với dân An-nam. IV, 23, 6/1919, tr. 341-352 : Bàn về bài diễn-thuyết của quan toàn-quyền Sarraut ở tiệc trà hội Khai-trí. 1) Chánh-sách thực-dân, lợi-dụng, đồng-hóa, hiệp-lực, khai-phóng. 2) Đối với VN, hai chánh-sách sau cùng. 3) Về chính-trị thì là quyền tự-chủ về đường hành-chánh. CT.

Thi đình. IV, 23, 5/1919, tr. 422.

«Kỳ thi Hội năm nay là chung-cục sự khoa-cử ở nước ta. Hôm 28-4 đã ra bằng trúng cách, được mười tám ông đỗ hội và năm ông thiên-thủ. Hôm 15-5 vào đình, Phụng đức Hoàng thượng ta thân sách lấy hai chữ «Văn-minh» làm đề-mục. ! ! (tr. 422). — Các đề-mục rất hợp-thời và ích quốc lợi dân. GD.

Các ông Nghè ông Bông mới. Danh sách 7 ông tiến-sĩ và 16 ông phó bảng. IV, 24, 6/1919, tr. 511-512.

«Bản-quán có lời mừng chung cả 7 ông Nghè và 16 ông Bông, vì các các ông nhờ ơn Thánh-thượng đã được cái vinh-dự rất quý-báu, sau này không bao giờ có nữa» (tr. 511.)

Chấn-chỉnh thương-trường. V, 27, 9/1919, tr. 229-230 ter. KT.

Việc cải-lương hương-lực của làng Bộ-la. (Thái-bình). V, 27, 9/1919, tr. 286-287. XH.

Sửa đổi việc học ở Trung-kỳ. V, 28, 10/1919, tr. 367. GD.

Giới-thiệu sách mới. V, 2^a, 11/1919, tr. 470.

— Thần-tiền. của Nguyễn-Khắc-Hiếu, Hà-nội, 1919.

— Lê-triều thượng-cổ truyền-giáo, của Romanet du Caillaud, Hồng-kông, 1919 : Sự-tích Ordonez de Cevallos, đời Lê-thế-Tôn (1573-1599) đến giảng-đạo tại hoàng-gia và bà chị vua là Ngọc-Hoa công-chúa tông-giáo. VH.

Thánh-thọ ngự tuần đại khánh-tiết. VI, 31, 1/1920, tr. 84-86. CT.

Bàn về sự tăng lương cho các viên-chức tông-sự chánh-phủ bảo-hộ. VI, 34, 4/1920, tr. 281-286. XH.

Phụ-dịch truyện cụ Nguyễn-Cư-Trình, trích ở Đại-nam liệt-truyện tiền biên, q. 5, tr. 5a-11a. VII, 39, 9/1920, tr. 239-241. TS.

Tế Nam-giao ở Huế : Giao-đàn và Trai-cung.— Nghi-thức và ý-nghĩa tế Giao. VIII, 45, 3/1921, tr. 246-250. TG.

Một cái thương cho báo-giới Bắc-kỳ. VIII, 47, 5/1921, tr. 362-364 : Kèm theo bài viếng của Phạm-Quỳnh tỏ lòng thương tiếc đối với ông Phan Kế-Bính (30-5-1921).

Dân-số Nam-kỳ năm 1921 và 1901. VIII, 47, 5/1921, tr. 428. CT.

Hát ở-đào, của Phạm-Văn-Duyệt soạn. VIII, 48, 6/1921, tr. 525. VH.

Cụ Nguyễn-Bá-Học. 1) Bài viếng lúc hạ-huyệt tại Nam-định ngày 26-8-1921. 2) Lược-sử. 3) Lời di-ngôn của cụ. 4) Cảm-tình của một người đọc báo : Vũ-Đình-Phiên. IX, 50, 8/1921, tr. 163-168, 168-172. VH.

Quan Thượng Thân-Trọng-Huê về Kinh : dư-luận các báo. IX, 51, 9/1921, tr. 270-275. CT.

Công-thời 6 triệu đồng và tiền-đồ xứ Đông-Pháp. X, 55, 1/1922, tr. 6-13. CT.—KT.

Tổng-thuật về phái-bộ Bắc-kỳ đi quan-sát đường xe lửa Vinh-Đông hà. X, 56, 2/1922, tr. 93-100. DH.

Hai cái thái-cực, dịch Pascal. (Dịch-giả ?). X, 57, 3/1922, tr. 235-237.

TH.

Chính-sách đảng quá-khích nước Nga biến-đổi. X, 58, 4/1922, tr.

280-286. CT.

Lịch-sử trường thề-dục ở Hà-nội. X, 58, 4/1922, tr. 286-290. GD.

Kính cáo các ngài hội-viên hội «Khai-trí tiến-đức». XI, 62, 8/1922, tr.

77-80. XH.

Ngự-giá Âu-du tổng-thuật. XI, 62, 8/1922, tr. 144-148. DH.

Diễn-thuyết của thống-sứ Bắc-kỳ tại hội-đồng tư-vấn 1922. XI, 63, 9/

1922, tr. 236-241. CT.

Kính cáo các bạn đọc báo. XI, 64, 10/1922, tr. 249-250 : giới-thiệu phần

Pháp-văn: «*Đề trước là đối-phó với các bạn tân-học ưa đọc Pháp-văn, sau là giới-thiệu những sự học-hành, tư-tưởng, dư-luận, hành-vi của người mình cho người Tây biết, sau nữa là lâm-thời có thể đạt được ý-kiến quốc-dân tới chánh-phủ bảo-hộ mau hơn và tiện hơn là bằng quốc-văn*» (tr. 250). VH.

Cái nghĩa-vụ của thượng-lưu, dịch «Dépêche coloniale». XI, 64, 10/1922,

tr. 311-312. XH.

Điều-tra về tục-ngữ phương-ngôn, ban Văn-học hội K Γ Đ Đ. XI, 66, 12/

1922, tr. 438. VH.

Ông bác-sĩ Sylvain Lévy sang chơi bên ta. XI, 65, 11/1922, tr. 408-

409.— XH.

Máy bài diễn-thuyết của ông S. Lévy. XI, 66, 12/1922, tr. 496-502.

— Về học tiếng ngoại-quốc.

— Về xứ Népal.

— Về giao-tế Ấn-độ với Tàu, về phương - diện Phật-giáo và về «nhân-đạo-học». VH.

Quan toàn-quyền Long. XII, 67, 1, 1923, tr. 7-13. CT.

- Sự tiến-hóa của nước Nhật-bản về đường tinh-thần. XII, 72, 6/1923, tr. 535-538. VH.
- Sự đạo-đức trong việc buôn-bán và việc doanh-nghiệp. Tổng-luận về phép doanh-nghiệp thời nay. Nguyên-văn Pháp-ngữ của ông Janvier nhà máy giấy Đấp-cầu. XIII, 73, 7/1923, tr. 1-10. KT.
- Về ông Henri Oger và công-cuộc khảo-cứu của ông. XIII, 75, 9/1923, tr. 264.
- Văn cổ đời Lê: bài tụng Tây-hồ, thẻ phú. XV, 85, 7/1924, tr. 69-72. VH.
- Ông Tagore sang chơi Tàu. XV, 85, 7/1924, tr. 81-82. VH.
- Lễ kỷ-niệm cụ Tiên-điền, 8-9-1924. XV, 86, 8/1924, tr. 89-90. VH.
- Trường Cao-đẳng mới. XV, 87, 9/1924, tr. 274-275. GD.
- Lược-sử cụ Nguyễn-Công-Trứ, theo Liệt-truyện bản triều. XVI, 93, 3/1925, tr. 280-283. VH.—TS.
- Cổ-học-viện ở Huế. XVI, 94, 4/1925, tr. 404-406 : Chinh-đốn sách vở, khảo cứu 50 tủ sách, 60 ngàn quyển. Có thư-viện đề tiện việc nghiên-cứu. XH.
- Ông Phan-Chu-Trinh đối với chữ quốc-ngữ. XVI, 95, 5/1925, tr. 504-506 : Lấy quốc-ngữ làm căn-bản, các tiếng khác chỉ là ngoại-ngữ. VH. — NN.
- Đông-phương với Tây-phương. XVI, 96, 6/1925, tr. 591-596 : Trào-lưu tìm hiểu và so-sánh hai văn-hóa. VH.
- Vấn-đề giáo-dục ở Ấn-độ. XVII, 97, 7/1925, tr. 93-95. GD.
- Tên «Cochinchine» ở đâu mà ra ? XVII, 97, 7/1925, tr. 101-102. LS.
- Tiền-đồ nước Nam. XVII, 98, 8/1925, tr. 103-122 : Lời J. Marquet phán-đoán bi-quan song thành-thực về người Việt-nam và nước Việt-nam. XH.

- Lịch-sử và học-thuyết của Tôn-Văn (Tôn-dật-Tiên). XVII, 98, 8/1925, tr. 190-194 : Tam-dân là dân-tộc, dân-quyền, dân-sinh. — **Khôi-phục đạo-đức cũ.** CT.
- Hoàng-đế Khải-định thăng hà, ngày 6-11-1925. XVII, 99, 9/1925, tr. 297-299. XH.—CT.
- Xứ Bắc-kỳ có phải cái hoạn dân-mãn không ? dịch của Henri Cucherousset. XVII, 100, 10-11/1925, tr. 313-328. XH.
- Truyện ông Gandhi. XVII 100, 10-11/1925, tr. 390-396. TS.
- Chính-đảng có thể thành-lập không ? XVIII, 103, 3/1926, tr. 199-200. CT.
- Cụ Phan-Chu-Trinh tạ thế, 24-3-1926. XVIII, 103, 3/1926, tr. 200. TS.
- Vấn-đề quốc-ngữ. — Hiện tình sự học ở chốn thôn-quê. XVIII, 103, 3/1926, tr. 200-205. VH.—NN.
- Ý-kiến quan toàn-quyền Varenne về tiền-đồ nước Nam. XVIII, 104, 4/1926, tr. 310-313. CT.
- Ông Bùi-Quang-Chiêu ở Nam-kỳ. Vận-động Đảng lập-hiến «Pháp-Việt de-nue và bình-dẳng», XVIII, 104, 4/1926, tr. 313-314. CT.
- Nên lập một hội «Tăng-long hiếu-cờ» như kiểu hội «Đồ-thành Hiếu-co xa» ở Huế. XVIII, 105, 5/1926, tr. 411-412. VH.
- Lược-khảo về nước Đức. XX, 114, 2/1927, tr. 191-197. CT.
- Sắp xuất-bản «Nam Phong tùng-thư», gồm có : Văn-minh luận, Ba tháng ở Paris, Văn-học nước Pháp, Chính-trị nước Pháp, Khảo về tiểu-thuyết, Lịch-sử thế-giới... XX, 114, 2/1927, tr. 199-200. VH.
- Tư-tưởng của Charles Maurras, song-ngữ. XX, 115, 3/1927, tr. 218-220. VHP.
- Lược-khảo về nước Nga. XX, 115, 3/1927, tr. 202-206. CT.

Lược-khảo về nước Ba-Lan. XX, 116, 4/1927, tr. 392-395. CT.

Lược-khảo về Tchecoslovaquie. XX, 118, 6/1927, tr. 595-598. CT.

BÁO NAM-PHONG ĐỒI MỚI. XXI, 119, 7/1927. tr. 1-3.

— 1917-1927... «Giữa lúc ấy, báo Nam-Phong ra đời. Chủ-nghĩa của báo Nam-Phong, thế nào? Ở một nước dân hầy còn chưa khai-thông hẳn, quyền ngôn luận cũng còn chưa được hoàn-toàn như nước ta, lấy chính-trị làm tôn-chỉ không bằng lấy văn-hóa làm chủ-nghĩa...»

— Về chính-trị.

— Về văn-hóa.

— Đoàn-luyện quốc-văn, truyền-bá học-thuật... Phương-pháp.
VH.- TC.

Nam-kỳ dựng tượng kỷ-niệm ông Trương Vĩnh-Ký, tiểu sử. XXI, 123, 11/1927, tr. 528-529. VH.-TS.

Lời thỉnh cầu về bậc trung-học và bằng tú-tài bản xứ. XXII, 130, 6/1928, tr. 640-641. VH. — GD.

Cụ Phương-đình Nguyễn-Văn-Siêu. XXIII, 134, 10/1928, tr. 328-330.
TS.

Sự-nghiệp duy-tân của nước Ai-cập. XXVI, 147, 2/1930, tr. 197-199.
CT.

Về việc biến-động ở Yên-bái. XXVI, 147, 2/1930, tr. 206 : Kết án 15 người, tử-hình 13 còn thì khờ-sai, Hoạt-động của Quốc-dân đảng do Nguyễn-Thái-Học làm lãnh-tự. CT.

Cuộc vận-động của Gandhi ở Ấn-độ. XXVI, 150, 5/1930, tr. 516-518.
CT.

Đông-phương với Tây-phương, dịch «Orient et Occident», lời một người Nhật, S. I. Motono. VH.

Bộ dân luật mới Bắc-kỳ, tờ trình của Hội-đồng biên-tập (gồm Morché,

Guillemain, Hoàng-Trọng Phu, Vũ-Ngọc-Oánh). XXVIII, 160, 3/1931, tr. 206-211. PL.

Sau cuộc kinh-lý của quan tổng-trưởng Reynaud, tiêu-biểu cho tinh-thần khoan-dung và trào-phúng Pháp ! XXIX, 167, 11-12/1931, tr. 325-330 CT.

Ban Hà - thành khảo - cổ, trong Hội Địa-dư (Section du vieux Hanoi, ở "Société de Géographie"). Ông Coedès giám-đốc trường Bác-cò, De Feysal, Loubet, Gallin, Cucherousset, Phạm-Quỳnh, Nguyễn-Văn-Vinh, Bourgeois và Masson. XXX, 171, 4/1932, tr. 442. VH.

Nước Pháp muốn đòi đảo Tây-sa (Siosan) cho dân Việt-Nam ta : Những chứng cứ và lời biện bạch. XXX, 172, 5/1932, tr. 554-557. CT.— LS.

Gương thanh niên. XXX, 173, 6/1932, tr. 569-570 : Ông Nguyễn Mạnh-Tường, con ông phán-sự Nguyễn-Văn-Cát, đỗ tiến sĩ Luật năm 1932, mới 22 tuổi, sau khi đã đỗ Văn-khoa tiến-sĩ (1931) và các văn-bằng khác. GD.

Ông Bạch-Thái-Bưởi tạ-thế. Bài viếng của Hoàng-Trọng-Phu. XXXI, 174, 7/1932, tr. 94-95. KT.— XH.

Đức Bảo-đại hồi-loan. XXXI, 175, 8/1932, tr. 201-203 : Tiệc tại Pháp với diễn-văn đáp-từ, chương-trình nghênh-tiếp tại Việt-Nam : Marseille 12-8, Tourane 8-9. CT.

Phạm Tiên-sinh có chỉ triệu về kinh lĩnh chức « Thượng thư sung Ngự tiền Văn-phòng Đông-lý). XXXI, 177, 10/1932, tr. 339. — Từ nay quản-lý NP : Ông Lê-Văn-Phú, biên-tập ông Đông-châu Nguyễn-Hữu-tiến. Tôn-chỉ và thề-tài vẫn không thay đổi. CT.

Ông Phạm-Quỳnh vào kinh. Lên đường vào Huế ngày 7-11-1932. XXXI, 177, 10/1932, tr. 436. VH.

Ngự giá Bắc-hành (các tỉnh Bắc xứ Trung-kỳ). XXXI, 178, 11/1932, tr. 528-531. CT.

Thượng-dụ khuyển-khích quan-trưởng (Báo Đông-Pháp, nguyên-văn chữ nho). XXXI, 178, 11/1932, tr. 531-532. CT.

Giới-thiệu sách mới : Truyện cổ nước Nam. XXXI, 179, 12/1932, tr. 655-656. VH.

Ngự giá Nam-tuần. XXXII, 180, 1/1933, tr 94-101 : Hoàng thượng đi thăm các miền Nam Trung-kỳ, có Võ-hiền Nguyễn-Hữu-Bài và Đồng-lý Vác-Phòng Phạm-Quyên tháp-tùng, 10-1 tới 18-1-1933. CT.

Lễ Nam-giao, ngày 16-3-33, tức 21-2 ta). Lễ Gia-tôn và Lễ Tấn-phong. XXXII, 182, 3/1933, tr. 313-315. TG.

Việc cải-cách trong triều-đình Huế. XXXII, 184, 5/1933, tr. 423-436F.
— Ngày 2 tháng 5 năm 1933. Viện-trưởng Cơ-mật Nguyễn-Hữu-Bài được triệu vào chầu Hoàng-đế và được lệnh về hưu cùng các vị : Võ-Liêm, Tôn-I hất-Đan, Phạm-Liệu, Vương-Tứ-Đại, đề Hoàng-thượng tự mình chấp-chánh. Lời dụ của Báo-Đại và lời đáp của Nguyễn-Hữu-Bài ; sắc-dụ đặt năm vị khác : Tnai-Vân-Toàn, Phạm-Quyên, Hồ-Đắc-Khai, Ngô-Đình-Diệm, Bùi-Bằng-Đoàn.

«Lời hôm ấy tin truyền đi khắp Kinh-thành Huế như sấm vang, như chớp nhoáng, ai nấy sừng-sốt tạ-lùng. Một tu không ai ngờ!» (tr. 431).
«Việc cải-cách tự nhà vua, chứ không phải Bao-nộ có ý cưỡng ép vạ» (tr. 436F.)

Sửa đổi máy điều Học-chính tông-quì. XXXII, 185, 6, 1933, tr. 625-631. — Bạc tiêu-học, bạc sơ-dáng yêu-lực, bạc cao-đang tiêu-học Pháp-Việt, chương-trình sát-nạch cổ quốc-van và Hán-tự. GD.

Thuyết tôn-dân, dịch Lương-Khai-Siêu. XXXIII, 186, 7, 1933, tr. 5-9.
«Ngũ gia tân-dân có hai : một là trau-cấuốt cải của mình có cho mới mẽ ra, hai là thâu-nhặt cải mình vốn không có để cho mới thêm ra» (tr. 7). CT.

Công-văn về các việc cải-cách trong triều-đình Huế. XXXIII, 186,

7/1933, tr. 18-33. Về hành-chánh, dụ 23-5-1933, các sự-vụ đặc-tài của Hoàng-đế, của Hội-đồng Thượng-thư... Các Bộ... CT.

Cải-cách lễ-tiết của Hoàng-gia : bỏ lễ tam-sinh, bỏ mấy lễ-tiết hằng năm... XXXIII, 186, 7/1933, tr. 79-80. TG

Công-văn về các việc cải-cách trong triều-đình Huế. XXXIII, 187, 8/1933, tr. 149-176.

Thề-lệ tài-chánh của Nam-triều. Hình-luật mới. Cải-tồ Viện Dân-biểu Trung-kỳ. Cải-tồ nền phổ-thông giáo-dục trong nước. Định thề-lệ và chương-trình thi vào quan-trưởng. Định quan-viên qui-trình mới. CT.

Ông Nguyễn-Bá-Trác thăng bỏ Tổng-đốc. XXXIII, 187, 8/1933, tr. 199 : Từ Tuần-vũ Quảng-ngãi thăng Tổng-đốc Thanh-hóa. CT.

Lấy Quốc-tử giám làm nơi học-xá. XXXIII, 187, 8/1933, tr. 201-202 VH.

Cụ Hoàng Thái-Xuyên tạ-thế, 22-9-1933 (Hoàng Cao-Khải). XXXIII, 188, 9/1933, tr. 292-294. TS.

Sử liệu nước nhà. Lại câu chuyện Nội-các (Tiếng dân). XXXIII, 199, 10/1933, tr. 314-314a. LS.

Lược trích bài diễn-văn của ông thống-sứ Tholance đọc tại kỳ Hội-Đồng Bắc-kỳ Dân-biểu, 5-10-1933. XXXIII, 189, 10/1933, tr. 385-392.

— Về chính-trị, nông-nghiệp khủng-hoảng, việc trồng lúa ngô, làm cho thóc gạo dễ bán, giảm thuế thân An-nam, đúc tiền trinh, tài-chính, trị-thủy, dẫn-thủy nhập điền, y-tế, học-chính, Đức Bảo-đại hồi loan và việc cải-cách. CT. KT.

Sửa đổi lại thề-lệ bầu-cử viện Dân-biểu Bắc-kỳ. XXXIII, 189, 10/1933, tr. 392-395. CT.

Quốc-học Đờ-thư-quán thành-lập. XXXIII, 190, 11/1933, tr. 458-460. VH.

Một cái tang lớn cho hai dân Pháp-Nam ở xứ Đông-dương: quan toàn-quyền Pasquier tạ-thế. Tiểu-sử. XXXIII, 191, 12/1933, tr. 511-514. CT.

Đối với cái tang quan toàn-quyền Pasquier. XXXIII, 191, 12/1933, tr. 516-517. CT.

Kính cáo các độc giả. XXXIII, 191, 12/1933, tr. 518.

— Từ số này, việc biên-tập và quản-lý đều do ông Lê-Ván-Phúc. TC.

Số đặc-biệt đề nghênh-giá đức Bảo-đại hoàng-đế (1-34).

— Cuộc Bắc-tuần, tr. 2-4.

— Vị quốc-vương tân-thời thứ nhất của nước Nam: một ngày của Hoàng thượng, tr. 4-7.

— Đô thành Huế là trung-tâm diềm của chính-trị Pháp-Việt. Triều đình mới, tr. 8-10.

— Triều-đình mới của Việt-Nam hoạt-động, tr. 11-14.

— Các quan hộ giá, tr. 14-16.

— Quan Albert Sarraut đối với Kim Thượng tr. 16-19.

— Những lời chỉ-dụ, I-VI, tr. 19-30.

— Các báo Pháp ca-tụng Đức Bảo-đại, tr. 30-34. CT. LS.

MỤC-ĐÍCH BÁO NAM-PHONG. XXXIV, 192, 1/1934 (năm XVIII) bla tr. 2.

«Mục-đích báo Nam-phong là là hề cái chủ-nghĩa khai-hóa của chính-phủ, biên-tập những bài bằng quốc-văn, Hán-văn, Pháp-văn, để giúp sự mở mang tri-thức, gìn-giữ đạo-đức trong quốc-dân An-nam, truyền-bá các khoa-học của Thái-Tây, nhất là học-thuật tư-tưởng Đại-Pháp, bảo-tồn quốc-túy của nước Việt-Nam. ta, cùng bênh-vực quyền-lợi người Pháp người Nam trong trường kinh-tế.

Báo Nam phong lại chủ-ý riêng về sự tập luyện quốc-ngữ cho thành một nền quốc-văn An-nam... ».

NGƯỜI SÁNG-LẬP: Phạm-Quyên, Louis Marty, Nguyễn-Bá-Trác
Văn - học Khoa - học Tập - chí. TC.

BẢN-CHÍ KHẢI-SỰ. XXXIV, 193, 2-3/1934, tr. 205.

— Bắt đầu từ số 193 trở đi, bớt phần Hán-văn, thêm bài quốc-văn Pháp-văn thế vào.

— Từ tháng 4 năm 1934, mỗi tháng xuất-bản hai số, mỗi số độ chừng 60 trang. TC.

NAM-PHONG CHẤN-CHÍNH LẠI. XXXIV, 194, 4/1934, tr. 225-227.

— Xã-hội đổi thay, nên Nam - Phong cũng phải chấn-chỉnh lại
"Nam Phong bấy lâu nay một niềm phụng-sự cái chủ-nghĩa bồi-đắp cho
nền quốc-văn và truyền-bá hai cái nguồn học-thuật Đông-Tây để cống
hiến cho quốc-dân..." (tr. 225).

— Về hình-thức : mỗi tháng hai kỳ, có tranh-ảnh nhiều hơn trước.

— Về tinh-thần : bớt Hán-văn mà thêm quốc-văn và Pháp-văn ;
tr-tưởng phổ-thông hơn, văn-chương «tốt-đẹp, vui-vẻ» hơn.. TC.

Mò được kho vàng ở bãi bẻ Thanh-hóa, ngày 26-8-1934.. XXXV, 203,
1-9-1934, tr. 43,— XXXV, 204, 16-9-1934, tr. 86-87.— XXXV,
206, 16-10-1934, tr. 172. LS.

Quan cai-trị Marty thăng Khâm-sứ Ai-lao. XXXV, 207, 1-11-1954, tr.
213-214. CT.

Trường Bác-cổ tìm được bốn ngôi cổ-đền. Thuộc núi Và, làng Nghi-vệ
(Và), huyện Tiên-du, Bắc-ninh. XXXV, 209, 1-12-1934, tr. 294. MT.

Hội Phật-giáo (ở Hà-nội). XXXV, 209, 1-12-1934, tr. 295-297.

— Tờ-chức hoàn-bị gồm nhiều ban ; rước sư tồ Vinh-Nghiêm,
Bắc-giang, 94 tuổi về chùa Quán-sứ. TG.

TỔNG-THUẬT SỰ-NGHIỆP NAM-PHONG (bài ký tên Nguyễn-Hữu-
Tiến). XXXV, 210, 16-12-1934, tr. 299. . .

— « MƯỜI TÁM NĂM... thực đã hiến cho văn-đàn người Nam
một cái sự-nghiệp khai-mạc đáng ghi-nhớ, là cái sự-nghiệp làm tăng-
tiến tinh-thần cho tiếng mẹ đẻ» (tr. 299).

«*Sự-nghiệp Nam-Phong cống-hiến cho quốc-dân trong mười tám năm trời, nay tóm lại không ngoài hai cái tinh-cách : một là bắt đầu làm cho tăng-tiến trình-độ tiếng Nam, hai là duy-trì chủ-nghĩa quốc-gia cho dân-tộc*» (tr. 300).

«*Nam-Phong biết vậy, biết rằng tiếng Nam không nghèo. Tiếng Hi-lạp làm cái nguần... cho tiếng... Âu-Tây được, thì tiếng Hán ngữ... cho tiếng Nam được... không nghèo mà lại phong-phú nữa...*»

«*... đem tiếng Nam ứng-dụng ngay vào những lối văn cao-đẳng như những văn khảo-cứu, luận-thuyết, phê-bình và triết-học, chính-trị, kinh-tế, khoa-học, lịch-sử, xã-hội, tôn-giáo, và dịch những văn những sách về những môn loại trên ấy của Đông-phương và Tây-phương*» (tr. 301).

Ba giai-đoạn :

1 — Đến khi Tây-du : trong thì thí-nghiệm và thực-hành, ngoài thì cõ-động khắp nơi quốc-dân và sưu-tầm văn-cổ của tiền-nhân : *gây thanh-thế*.

2 — Từ Tây-du về đến khi vào Kinh : «*việc tập-cõ ít dần đi mà việc trú-tác càng thêm nhiều ra*», giai đoạn dài hơn cả : *thời toàn thịnh*.

3 — Từ vô Kinh đến nay : ngắn hơn cả. Đầu 1934 ông Lê-văn-Phúc giữ chủ-nhiệm. a) Phong-trào tiến-hóa thay đổi. b) Phạm-Quỳnh vào Kinh vừa xa, vừa bận. Đã thay-đổi : luận-văn ngắn hơn, thiết-thực, giản-dị hơn, thêm vào văn vui. Hình-thức đổi. Từ 1933 đến nay không hề vậy.

Ba đoạn-lạc, ba thê văn-tự.

Phần Hán-văn do Nguyễn-Bá-Trác. Ông cũng về Kinh. Ích lợi : «*sưu-tập và đấng-tái được nhiên áng danh-văn rất qui mà tản-nát bỏ sót ở các nơi, bấy nay quốc-dân ít được biết đến, như tập văn của Nguyễn-Tràng-Tộ và các thơ văn của các danh-nhân Hậu-Lê, v.v... Sách thì như bộ «Lịch-triều Hiển-chương» là một bộ sử-học có giá-trị, xưa*

nay chưa in ra được, thế mà vì có Nam-Phong mà đăng-tái lại được một lần» (tr. 303).

Phần Pháp-văn...

«Nay đến lúc chia tay, cái hôn kỷ-niệm nồng-nàn, Nam-Phong xin chỉ vào tập sách 210 số có tên bôn-chí mà dặn cùng các bạn văn, bạn học và bạn tri-âm một lời rằng :

Bàn văn luận đạo bấy nay,

Bạn cùng tri-kỷ còn đây là tình !» (tr. 304).

NGUYỄN-HỮU-TIẾN

PHẠM-TRỌNG-THIỆU

Nói về nữ-quyền ở nước Nam : Địa-vị của người đàn bà, theo phong-tục, theo pháp-luật nước ta ra thế nào ? XVI, 93, 3/1925, tr. 227-237.

— Khi ở nhà, có chồng, goá chồng, khi li-dị... XH.

PHẠM-VĂN-LIÊU

Giấc mộng sông Hương. Nguyễn-văn chữ Hán của Nguyễn Bá-Trác, NP. 38. VII, 42, 12/1920, tr. 497-506 VH.

PHẠM-VĂN-THỤ

Dư-luận về vấn-đề « chấn-chỉnh quan-trường ». V, 30, 12/1919, tr. 524-526. XH.

PHẠM-VĂN-THƯ

Một buổi đi xem đèn Lý-bát-đế. XVI, 91, 1/1925, tr. 37-39. DH.

PHẠM-VỌNG-CHI

Hầu bài quan, hài văn. XXVII, 157, 12/1930, tr. 629-630. VC.

Mấy truyện ngắn : 1.— Vì đâu nên nổi dờ-dang ? Vì nàng mê-tín, vì chàng tà-dâm. 2.— Vô nam dụng nữ, vô tử hoàn tông.— 3. Mạt kiếp vi nô. XXVIII, 159, 2/1931, tr. 167-172. VC.

XXVIII, 160, 3/1931, tr. 281-290 : Hai tay viết báo trứ - danh. Cậu ấm Khặc.— Ca-trường đại-chiến.— Gái ngoan khóc chồng.— Thú ả-đào. VC.

Quốc-văn. XXIX, 164, 7/1931, tr. 60-62. VH.

PHẠM-XUÂN-NÙNG Hữu tô

Đức đủ thứ giai . III, 16, 10/1918, tr. 223-224. VC.

Chữ «chệt» có hại gì cho quốc-văn ? III, 17, 11/1918, tr. 258-259. NN.

Quyền «Mối sầu Trung» của Hoàng-Thăng. III, 18, 12/1918, tr. 361-362. VH.

PHAN-ANH

Phụ-nữ Nhật-bản đời nay. Theo «Le Japon intime» của Andrée Viollis. XXXV, 210, 12/1934, tr. 305-312.

— Nghiêm-khắc, phụ-nữ nhu-mi thuần-thục, phụ-nữ thôn-quê... XH.

PHAN-BỘI-CHÂU

Hai câu đối viếng quan toàn-quyền P.Pasquier. Chữ nho dịch quốc-âm. XXXIII, 191, 12/1933, tr. 517-518. CT.

PHAN-TẮT-TẠO

Đi tàu bay. IV, 22, 4/1919, tr. 323-324. DH.

PHÓ-ĐỨC-ĐÔN

Hưu-đê thuyết. V, 26, 8/1919, tr. 116-120.

— Nguyên-nhân nước to và kết-quả về sau.— Phương-pháp hưu-đê.— Sự ích-lợi của hưu-đê.— Kết-luận. XH.

Thời-đại nên biến-cải. Những việc cải-cách hương-thôn. V, 29, 11/1919'
tr. 453-456. XH

PHÓ-ĐỨC-THÀNH

Tết ở Huế. IV.20, 2/1919, tr. 144-145. VC.

Lễ thanh minh.— Tu thân. V, 29, 8/1919, tr. 161-163. VC.

PHỤC-BA

Lịch-sử Chúa Lam-Sơn, Lê-Lợi. XXV, 141, 8/1929, tr. 103-117. LS.

Phạm Thế-Lịch tiên-sinh truyện. XXVI, 147, 2/1930, tr. 113-123.

— Một danh-nhân trong quan-trường, thao-lược, văn-võ toàn tài,
đi sứ, rồi về phụng-sự triều-đình, sau bị cánh chức, thọ 80 tuổi,
mất năm Tự-đức thứ 27. TS.

Nam-sử tạp-biên. XXVI, 147, 2/1930, tr. 168-173.

— Hùng-vương : cương-giới, chủng-loại, phong-tục, nghề-nghiệp.
— Lý Nam-đế. LS.

Chuyện cũ nước Nam : Na-sơn ký .— Lê Phụng-Hiêu. XXVI, 150,
5/1930, tr. 486-492. TS.

Đông-sơn hoài-cổ. XXVII, 153, 8/1930, tr. 147-153. IS.

Cuộc đi chơi Huế. XXVII, 157, 12/1930, tr. 586-589. DH.

Chuyện Cống Chính. XXVIII, 158, 1/1931, tr. 16-22. TS.

Chiêm-thành ngoại-sử. XXVIII, 161, 4/1931, tr. 326-340. LS.

Nước Nam về đời nội-thuộc nhà Đông-Hán. XXVIII, 161, 5/1931, tr.
449-453. LS.

Y-phái của nước ta XXIX, 166, 10/1931, tr. 260-264.

Lê Hữu-Huân.— Nguyễn Đại-Năng.— Nguyễn-Quý—Nguyễn Bá-
Tĩnh. — Khuyết-điểm : triều-đình không đặt ra y-khoa, làm sách
thiên-chấp ý-kiến, chỉ truyền cho con cháu.— Lời hiệu-triệu tâm-
huyết. KH.

Khảo về sử Ấn-độ, theo sách Tàu. XXX, 169, 2/1932, tr. 154-160. LS.

PHÙNG-MAI

Khắc-cứu về thuốc Nam IX, 52, 10/1921, tr. 367-369. KH.

QUÁCH ĐIỀU

Hòa-bình quan-lang sử-lược. XVII, 100, 10-11/1925, tr. 355-363.

— Qua các đời vua và triều-đại, cho tới thời Bảo-hộ, kèm thêm
« Hòa-bình quan lang sử-lược diễn ca » lục-bát. LS — XH.

QUAN DỤC-NHÂN

Báo Tàu bình-luận công-thương nước ta. Nhân coi Hội chợ Hà-nội. VI,
33, 3/1920, tr. 268-270. XH.

QUÁN-CHI

Luân-lý Đông-phương cận-lai bởi sao suy-thoái ? X, 60, 6/1922, tr.
453-460.

— Văn tỷ-dụ với văn ngụ-ngôn.— Không có hài-văn, cảm-văn.—
Hại bởi diễn-kịch và tiểu-thuyết. XH.

ROBIN René

Bài diễn-văn của quan Thống-sứ đọc tại Hội-nghị Kinh-tế Tài-chính
Pháp ở Bắc-kỳ. XXVII, 154, 9/1930, tr. 316-320. CT.

ROSS Ed. Alsworth

Làm sao người Tàu không có cái trí sáng-khởi ? Ý-kiến một nhà làm
sách nước Mi. VI, 35, 5/1920, tr. 408H. XH.

S. A.

Dư luận và thanh-niên : một cảnh đống buồn cho bọn thanh-niên.
XVI, 91, 1/1925, tr. 68-70. XH.

SARRAUT Albert

Diễn-thuyết của toàn-quyền Albert Sarraut. IV, 22, 4/1919, tr. 260-278D. CT.

SONG-AN (Coi : Hoàng-Ngọc-Phách)

SONG - CỬ

Vật cũng có đoàn-thề sao ? III, 14, 8/1918, tr. 100-101. VC.

Quốc-văn thuyết. III, 14, 8/1918, tr. 127-128. VC.

Ngự giá Nam tuần hành-trình ký (14-2-1933 tới 23-2-1933). XXXII, 182, 3/1933, tr. 221-235. — XXXII, 183, 4/1933, tr. 333-339. DH.

SONG - MAI

Tiêu-sử Đức Tuy-ly vương. Phụ chép một đoạn lịch-sử nước nhà. XXVII, 152, 7/1930, tr. 31-36.

— Con thứ mười một của vua Minh-Mệnh, sanh 3-2-1820, tác-phẩm : *Vĩ-dạ hợp-tập* ; mất 18-11-1897.

«*Ngài sinh-hạ được 39 con gái và 41 con trai*» (tr. 36) (Theo L.Sogny trong B.A.V.H). TS.

Người điên. XXVII, 153, 8/1930, tr. 128-134. XH.

SÔNG HƯƠNG

Thi-nhân Trung-kỳ : Ông Thúc-Giạ. VII, 38, 8/1920, tr. 162-164. VH.

SỞ-CUÔNG (Coi : Lê-Dư)

T. D.

Câu truyện đường xe hoả Canada. XI, 61, 7/1922, tr. 63-65. VC.

T. D. N.

Thế nào là hư-văn. XI, 65, 11/1922, tr. 386-388. VH.

T. P.

Vấn-đề độc-lập của Phi-luật-tân. XXXIV, 191, 5/1934, tr. 363-366.

— Vị-trí và dân-cư, một đoạn lịch-sử, vận-động độc-lập, tại sao Hoa-kỳ cho độc-lập. Kết-luận. CT.

T. X.

Kontum tỉnh-chí. XXXIV, 193, 2-3/1934, tr. 135-146 : Dân Mọi và phong tục Mọi.— Tôn-giáo : đạo Thiên-Chúa, các đạo khác. Văn tế âm-hồn Kontum.— Kinh-tế.

— XXXIV, 194, 4/1934, tr. 251-256 : Rừng rú, mỏ vàng, nghề chăn nuôi, thương-mại.

— XXXIV, 195, 5/1934, tr. 303-307 : Công-nghệ, nhân-công, vận-tải, thành-phố Kontum. Tổng-luận. LS.

TẢ-HÌNH-HÀU

Văn cổ đời Lê. Tờ đáp lại. XX, 113, 1/1927, tr. 49-50. VH.

TÂN-ĐÌNH

Câu chuyện đi chơi nước Ai-cập. XI, 63,9/1922, tr. 216-220. DH

TÂY-DƯƠNG (Cõi thêm : Hương cổ Chính)

Về bài bình-phẩm báo Nam-Phong. Thư đề 25-7-1919. V, 25, 7/1919, tr. 87.

« Je vous prie de croire à mes melleurs voeux pour le succès de l'oeuvre que vous avez entreprise de faire connaître et aimer la France dans votre pays ». VH.

TÂY-HIÊN

Thấy người rồi tở đến ta ! IV 22, 4/1919, tr. 325-326. Có bài thơ Đường kết. VC.

Nghe người thợ bần thuật chuyện. XII, 69, 3/1923, tr. 231-233. VC.

TIÊU-ĐÁU

Họp-mọn du-ký. V, 29, 11/1919, 394-397. DH.

TÔN-QUANG-PHIỆT

Dư-luận về thanh-niên : thanh-niên ta có ai biết buồn đâu ! XVI, 91, 1/1925, tr. 70-73. XH.

TÙNG-HOÀ

Bàn về nhân vật truyện Kiều. XVIII, 104, 4/1926, tr. 275-279.

— Kim-Trọng, Thúy-Vân, Thúc-sinh và Hoạn-thư, Từ-Hải, Hồ Tôn-Hiến. VH.

TÙNG-HƯƠNG và Trọng-Toàn

Trên đường Nam-Pháp. Mấy đoạn gia-thư của Tùng-Hương. XXXI, 176, 9/1932, tr. 257-269.

— Tác-giả muốn mai-danh ăn-tiếng, song người em lại muốn ghi nhớ công anh đem in lên báo : *«Nhớ anh mà em mới biết quý tiếng nước nhà»*.

— Bài du-ký này bắt đầu từ Tân-an ngày 16-7-1924 tới ngày 21-1-1931 tại Paris, rồi đoàn-tụ tại Tân-an ngày 12-3-1931.

— Ký-sự thành-thực của một sinh-viên không biết vì lẽ gì phải bỏ giờ học — chưa tới Cao-đẳng — hồi-hương làm công sở thường. DH.

TÙNG-LÂM.

Quan phủ ở nhà quê. VI, 36, 6/1920, tr. 509-510. XH.

TÙNG-NHAM

Bàn về chủ-nghĩa chán đời, dịch. V, 25, 7/1919, tr. 33-41.

— Lý-luận về cảm-giác, về đạo-đức. — Về cảm-giác, theo Schopenhauer. — Về đạo-đức. — Về lịch-sử : loài người càng tiến-bộ, thì càng thông-khở. — Kết-luận : «không đến nỗi chán mà cũng không lẽ nào nên chán». TH.

Kính cáo những nhà thực-nghiệp nước ta. V, 26, 8/1919, tr. 123-126.
XH.

Chúa trong nghề kiến-chúc đời bấy giờ : đất «bê tông» (béton). V, 27, 9/1919, tr. 242-245. KH.

TÙNG-TOÀN

Tuyết Nga. Truyện ngắn. XXXIV, 195, 2-3/1934, tr. 152-156. VH.

Bèo bọt hoa trôi, phiêu-lưu ký. Thuật theo Hán-văn của Hồ-Ký-Trần. XXXIV, 193, 2-3/1934, tr. 191-198. — XXXIV, 194, 4/1934, tr. 260-270. VC.

Vì đâu nên nổi. Truyện ngắn. XXXIV, 195, 5/1934, tr. 318-319. VC.

Lưỡi dao oan-nghiệp. Truyện ngắn. XXXIV, 197, 6/1934, tr. 393-395. VC.

Đời súng đạn, một truyện trinh-thám mạo-hiêm hồi Âu-chiến.

— XXXIV, 197, 6/1934, tr. 410-415.

— 198, 6 — , tr. 452-456.

— 199, 7 — 34- 39.

— 200, 7 — 84- 89.

— 201-202, 8/1934, tr. 79-85.

— XXXV, 203, 9/1934, tr. 28-33.

— 206, 10/ — tr. 158-163.

— 207, 11/ — tr. 201-205.

— 210, 12/ — tr. 341-345. VH.

TÙNG-VÂN (Coi : Nguyễn-Đôn-Phục)

TUYẾT-MAI (Hà-tiên)

Bông hoa đầu mùa- Tập học làm văn. Gồm 24 bài tập của học-trò tặng thầy giáo Lâm Trác-Chi. XX, 118, 6/1927, tr. 532-537.— XXII, 125, 1/1928, tr. 50-57. VC.

Cảnh học-đường, ôn giáo-dục. XXI, 121, 9/1927, tr. 260-264 : Một tập văn ngắn dâng thầy đã rèn luyện quốc-văn... VC.

TUYẾT-TRANG (Coi : Trần Văn Ngoạn)

TỬ-GIANG

Phong-tục các dân thượng-du Ai-lao. XX, 113, 1/1927, tr. 71-74 : về tôn-giáo, hôn-tục, tang-tục... XH.

TỪ-DIỄN-ĐỒNG

Tuồng Nguyễn-Trãi. XV, 88, 10/1924, tr. 333-338.

— XV, 89, 11/1924, tr. 431-440.

— XVI 91, 1/1925, tr. 59-67.

— XVI, 92, 2 — 150-157.

— XVI, 93, 3 — 261-271. VH.

TỰ-LỰC VĂN-ĐOÀN

Giải-thưởng Tự-lực văn-đoàn (năm 1935). XXXIV, 197, 6/1934, tr. 415.

— Tặng những tác-phẩm « tiểu-thuyết, phóng-sự, khảo-luận, thi-ca, kịch, sử-ký... » có giá-trị và hợp tôn-chỉ của đoàn. Giải 100\$ và 50\$. VH.

TƯƠNG-PHỐ

Giọt lệ thu. Tặng hương-hồn anh T.V.D. XXIII, 131, 7/1928, tr. 13-18.

— « Văn Tàu lão-luyện đã dành, tiếng ta non nớt mà cũng mang được

những cái tình cảm nặng nề như thế. ầu cũng là cái triệu quốc-văn có tấn tới vậy » (Thượng-chí đề tựa, tr. 14).

— Phụ-lục bài thơ : « Vợ trẻ khóc anh T.V.D. ». VH.

Một giấc mộng. Thư gửi cho bạn thuật truyện chiêm bao. XXIII, 133, 9/1928, tr. 228-244D. VH.

Mối thương tâm của người bạn gái. Tư-tưởng về đời. XXIII, 135, 11-12/1928, tr. 426-435. VH

Bức thư rơi, sao-lục XXIV, 139, 6/1929, tr. 324-329. VC.

Tặng bạn chán đời. Câu chuyện tự tử. XXV, 143, 10/1929, tr. 349-358. VC

TƯỜNG-VÂN

Cảm-tưởng về vụ chám thi « Sơ-học yếu-lược » mới rồi. XVI, 96, 6/1925, tr. 548-553. VH.

TH. T.

Chuyện ông tổng-sư và ông lang thuốc, hài-văn. X, 60, 6/1922. tr. 481. VC

THÁI-HÁM-SINH

Quan-hạnh : thanh-liêm với tham-những. I, 5, 11/1917, tr. 283-292.XH.

THAM-PHỦ

Mê-tín với chân-lý. XXVII, 155, 10/1930, tr. 369-380.

— Mê-tín cá-nhân, gia-đình giao-tế, trong lúc xuất-hành, xã-hội giao-tế, thuộc : các hiện-tượng ngoại-giới. XH

Câu chuyện ra ở đời. Truyện ngắn. XXVIII, 160, 3/1931, tr. 246-251.VC.

Tâm-lý hư-vinh và cách xung-hô. Kèn theo biểu liệt các danh-từ xưng-hô. XXXIII, 190, 11/1933, tr. 409-429. XH.

THÂN-TRỌNG-HUỀ và Dương-Bá-Trạc

Con đường tiến-bộ của nước ta. Hán : TTH, dịch : DBT. II, 8, 2/1918, tr. 61-64.— II 9, 3/1918, tr. 125-131. XH.

Cũng vì ông Ng H. V. IV, 19, 1/1919, tr. 17-20.

— Lời Hoàng-thượng chê ông Ng. H-V.

Ý-kiến tác-giả. NN.

Chấn-chính quan-trưởng. V, 26, 8, 1919, 91-95.

— Đi lễ quan là môi dẫn cho sự tang-hối. XH.

Bảo-hộ quan-trưởng. V, 27, 9, 1919, tr. 199-202. XH.

Quan giám. V, 28, 10-1919, tr. 289-293.

“ Nói rút lại, cái gương của quan-trưởng là làm người trước nhất ”

(Lời kết). XH.

Một cái thơ đáng đọc. VI, 33, 3/1920, tr. 187-206.

= Nguyên-văn, bản dịch và bài giải bức thư của ông Le Myre de Vilers nguyên-soái Nam-kỳ ở Saigon gửi cho Đức Dực-ôn ngày 13-3-1882. LS.

Cung dịch thánh-ý. IX, 50, 8/1921, tr. 89-99.

— Kinh Bảo-hộ. — Tôn-quân-quyền. — Khai dân-trí. — Quảng dân-tài. CT.

THIỆN-ĐÌNH

Lịch-sử Tây-sơn. XXIII, 135, 11-12/1928, tr. 417-426. LS.

Truyện đức Hương-hải thiên-sư (ông tồ Cầu). XXIV, 136, 1-2/1929, tr. 31-37. TS.

Lịch-sử Nguyễn-Hữu-Cầu. XXIV, 137, 3-4, 1929, tr. 129-132D.

— Về triều Cảnh-hưng Chúa Trịnh, Hữu-Cầu nổi lên chống Chúa Trịnh, bênh-vực quyền-lợi dân-chúng. TS.

Nội có sách. XXIV, 138, 5, 1929, tr. 210-251.

— «*Có tờ-quốc thì có văn-chương... văn-chương còn thì hồn nước còn...*»

— Các ngôn-ngữ lập-thành bài phú, lập thành từng đề-mục như : luân-thường đạo-lý, học ăn học nói, làm ruộng, buôn-bán... VH.

Hồn du-ký (Áo-tướng tiêu-thuyết).

— XXIV, 139, 6/1929, tr. 381-393.

— XXV, 140, 7/1929, tr. 74- 85.

— XXV, 141, 8/1929, tr. 189-200.

«*Giận nổi địa-cầu không tan-nát.*

Xin người thế-giới chớ sinh-sinh». VC.

Truyện đức Dương Khổng-Lộ. XXV, 141, 8/1929, tr. 142-147.

— Vị thiên-sư nhà Lý, triều Thuận-thiên. (1010-1026). TG.

Tờ-quốc phong-thi. XXV, 142, 9/1929, tr. 243-258. — XXV, 143, 10/1929, tr. 359-373. — XXV, 145, 12/1929, tr. 573-588.

«*Thơ văn nước ta thế nào ? Thơ văn bằng chữ Hán, là theo lối Tàu, không phải tiếng của nước mình trước xưa vẫn có ; lời phong-dao, câu ngôn-ngữ, cảm-xúc ở bên trong, phát-hiện ở bên ngoài, có âm-hưởng tự-nhiên, ấy thật là thơ văn của nước ta đó...*»

«*Vậy đem những lời phong-dao xưa nay thường nói đến, chia ra làm phong, nhã, tụng... làm thêm chú-thích...* (tr. 243). VH.

Ưc-trai di-tập. Các thư-trát của cụ Nguyễn-Trãi thảo thay lời cho vua Lê-Lợi. XXV, 144, 11/1929, tr. 473-485. VH.

Nghi-lễ phổ-thông. XXVI, 146, 1/1930, tr. 45-52.

«*Việc lễ ngày nay phải theo trình-độ của quốc-dân mà châm-chước cho hợp với thời-nghi, cũng đừng theo cả lối văn-minh mà bỏ cở-lễ, mà cũng đừng nên câu-chấp cở-lễ mà không theo lối văn-minh*» (tr. 45).
I. Hôn-lễ.

— XXVI, 147, 2/1930, tr. 136-144 : II. Tang-lễ : lúc gần mất, lúc khí tuyệt, lập chủ-tang và hộ-tang...

— XXVI, 148, 3/1930, tr. 250-258 : III. Tang-lễ : lễ đề-chủ, lễ tế-ngụ... Mấy bài văn-tế...

— XXVI, 149, 4/1930, tr. 358-366 . IV. Các tế-lễ : lễ hạ-thọ, lễ phong-tặng, phân-hoàng, sinh-phong, tiết-phụ, được sắc cáo-tò, tế xuân, tảo-mộ, nguyên-dán, hậu-thần, tế văn-từ, thánh Quan-đức.

— XXVI, 150, 5/1930, tr. 478-485 : V. Các tế-lễ : lễ đức thánh Văn-Xương, đức Thánh-tò, chùa Thầy, đức thánh Gióng, đền Hùng-vương, Trần-Hưng-Đạo, đức Chúa Liễu, đức Phật Quan-âm, tam-phủ, Thành-hoàng đức, Đương-niên, kỳ-yên, Táo-thần... ông thầy học, chúng-sinh... TG.—XH.

Nhuận-Hồ tiều sử. Họ nhà Hồ, Hồ-Quý-ly. XXVI, 151, 6/1930, tr. 596-603. TS.

Nguyễn-Tựu tiên-sinh truyện. XXVII, 152, 7/1930, tr. 25-30.

— Một danh-quan quán làng Dũng-nghĩa, sanh 1838, sau đỗ đạt làm quan thanh-liêm, có liên lạc với cụ Trần-Lục (cụ Sáu), mất năm Thành-Thái thứ sáu. LS.

Truyện thàn-nữ Vân-Cát. Thuộc huyện Thạch-thành, tỉnh Tnanh-hóa. XXVII, 156, 11/1930, tr. 479-484. TG.

Quảng-xương danh-thắng. XXVII, 157, 12/1930, tr. 583-585.

— Núi Sâm-sơn thuộc xã Lương-niệm, huyện Quảng-xương. DH.

Tây-đô thắng-tích. XXVIII, 160, 3/1931, tr. 222-225. DH.

Ngô-vương-Quyền. XXVIII, 161, 4/1931, tr. 346-350. LS.

Nam-ký địa-chí. Xứ Nam-kỳ trước khi thuộc quyền nước Pháp. XXVIII 162, 5/1931, tr. 453-462.

— Gia-định, Vinh-long, Định-tường, An-giang, Hà-tiên, Biên-hòa. LS.

Ninh-bình phong-vật-chí. XXVIII, 163, 6/1931, tr. 569-577.

— Nói về hình-thể, nói về phong-tục, về cò-tích, về danh-thắng, về danh-nhân liệt-nữ. LS.

Nam-định địa-dư nhân-vật khảo. XXIX, 164, 7/1931, tr. 47-56. LS.

Máy tay tuần lại nước Tàu đô-hộ nước ta xưa. XXIX, 165, 8-9/1931, tr. 141-146.

— Tích-Quang, Nhâm-Duyên, Lý-Thiện. Trương-Kiều và Chúc-Lương, Hạ-Phương, Giả-Mạnh-Kiên, Sĩ-Nhiếp, Đào-Huỳnh, Đỗ-Tuệ-Độ, Triệu-Xương, Mã-Tông, Mã-Thực. LS.

Trần Nguyên chiến kỹ. XXIX, 167, 11-12/1931, tr. 387-391 LS.

Hộ-Lê chính-trị. XXX, 168, 1/1932, tr. 75-81.

— Quan-chế, binh-chế, hình-luật, khoa-cử, học-thuật, tài-chính, tiền-pháp, bưu-chính, đê-chính, khoáng-sản. LS.

Gương sĩ-hoạn : Đâu-quang tiên-sinh. XXXIII, 182, 3/1933, tr. 251-255. TS.

Gương nữ-giới. Nương-hoàn phụ-tử. XXXII, 182, 3/1933, tr. 255-259. TS.

THIỆU-SƠN

Nhi-nữ tạo anh-hùng : Bà Liên-hoa với ông Lư-lhoa (Mme de Warens et J.J. Rousseau). XXV, 144, 11/1929, tr. 485-490. VHS.

Truyện anh Trúc-sĩ. XXV, 145, 12/1929, tr. 541-547. TS.

Ái-tình với triết-học : Bà Clotilde de Vaux trong triết-học ông Auguste Comte. XXVI, 147, 1/1930, tr. 156-167.

— Thành-lập «Tôn-giáo Nhân-loại» có kinh-lễ, chế-độ. TH.

Sự-nghiệp của ái-tình : Bà Taylor với ông Stuart Mill. XXVI, 148, 3/1930, tr. 258-265. TH.

Một người có công về phụ-nữ giáo-dục nước Pháp : Félix Pécaut. XXVI, 149, 4/1930, tr. 337-344. GD.

Nghĩa quốc-gia và lòng ái-quốc. XXVII, 175, 12/1930, tr. 346-548. CT.

THỊNH-CHÂU

Đêm hè nhớ bạn. V, 25, 7/1919, tr. 70-71. VC.

THÔN ĐẢO

Học-sinh Annaïm ở bên Pháp. XIX, 112, 12/1926, tr. 631-635.

— Hành-trình, cập các bến, tới Marseille, tới Pháp, các trường, tại Toulouse, hội Ái-hữu ở Toulouse. DH.

THUẬN-GIANG

Một bức «Vạn ngôn thư» của Vương An-Thạch dâng vua Tống Thần-tôn. XXXV, 207, 11/1934, tr. 176-182.— XXXV, 208, 11/1934, tr. 229-237. VH.

THƯỢNG-CHI (Coi : Phạm-Quỳnh)

THỮ-LY

Một vấn-đề trái mùa : vấn-đề đời đô. XXXI, 175, 8/1932, tr. 211-212. XH.

TRẦN-ÁI-LIÊN

Viếng cụ Nguyễn-Bá-Học. IX, 51, 9/1921, tr. 240-242. TS.

TRẦN-DUY-NHẤT

Tại làm sao mà sự quốc-dân giáo-dục không có cơ tiến-bộ ? VIII, 47, 5/1921, tr. 386-405.

— Mục-đích học Hán-tự.

— Mục-đích học chữ Pháp.

— Mục-đích học quốc-ngữ.

1. Học phổ-thông và học trực-tiếp của quốc-ngữ.

2. Mục-đích học chữ ngoài, cách học.

3. Không dùng toàn Hán-văn nữa.

4. Khuyến học Nam-học.

5. Đòi chương-trình học Pháp-ngữ.

6. Tờ-chức lại chương-trình học.

7. Làm thêm sách quốc-ngữ.

8. Trường ở thôn quê. VH.—NN.

Vận-mệnh quốc-văn về tương-lai thế nào ? IX, 52, 10/1921, tr. 311-319. 1. Xuất-hiện. — 2. Chữ nôm phát-sinh. — 3. Chữ nôm này mầm. — 4. Chữ nôm tàn. — 5. Chữ quốc-ngữ phát-sinh. — 6. Quốc-ngữ phò-cập. VH.

Thổ-địa nhân-dân xứ Bắc-kỳ. Mấy tai-hại của nghề nông. X, 45, 1/1922, tr. 46-58.
— X, 56, 2/1922, tr. 133-139 : Khuyết-diêm về việc trồng-trọt. XH.

Bàn về hương-chính xứ Bắc-kỳ. X, 59, 5/1922, tr. 361-367.
1. Hội-đồng hương-chức. — 2. Việc khai-vọng. — 3. Việc tuần-phòng. — 4. Đường xá. — 5. Vệ-sinh. — 6. Giáo-dục. — Hội-nghị. XH.

Cải-lương phong-tục. X, 59, 5/1922, tr. 367-374.
— Tồ-chức từ-đường. — Công-lịch gia-tộc. XH.

TRẦN-ĐÌNH-NAM

Muốn tương-ái, phải tương-tri. IX, 54, 12/1921, tr. 553-555. GD.

TRẦN-HIỂN

Xa nghe con cuộc nó kêu. III, 17, 11/1918, tr. 301-303. VC.

TRẦN-HUNG-ĐẠO

Phụ-lục : bài hịch của đức thánh Trần (1285). VIII, 45, 3/1921, tr. 180-182. LS.

TRẦN-HỮU-KHÁNH

Văn có thực thì nước mới hay. X, 60, 6/1922, tr. 471-474.

— Hư-vấn :

1. Văn đối từng câu từng chữ.
2. Văn có vần-diệu.
3. Chứng dẫn nhiều lời. VH.

TRẦN-KỶ-Ý

So-sánh tiếng An-nam và tiếng Pháp. XXXII, 181, 2/1933, tr. 147-155.

I. Tiếng và giọng (có 14 giọng).

II. Chữ và sự thay đổi của chữ.

«Có người bảo rằng số chữ tăng thêm theo trình-độ văn-minh của từng dân-tộc, dân càng văn-minh thời văn-tự càng nhiều ; nói vậy rất là hiệp-lý : vì có tư-tướng mới có văn-tự.

Song le văn-tự cũng có ảnh-hưởng cho tư-tướng, nên ta có thể đi ngược lại, nghĩa là đặt cho nhiều văn-tự để tư-tướng ta cho rộng thêm, để kiến-thức ta cho xa thêm.

Một việc to-tát như thế này một người không thể kham được. Ít nữa cũng phải sáu người, đủ nghị-lực, có nhiệt-thành đối với quốc-văn, chia nhau mỗi quyền mỗi người, nghị-luận và thương-lượng cùng nhau đặt ra một cái chương-trình, hè nhau mà lấn-lóc trong mười năm mới có thể trông mong thành hiệu» (tr. 155). NN.

TRẦN-MẠNH-ĐÀN

Quốc-ngữ đính ngoà. Đính-chính những giọng nói sai của ba kỳ.

— XXXII, 180, 1/1933, tr. 109-116 : CH. — TR.

— — 181, 2 — 209-220 : S. — X. ; D. — GI. — R.

— — 182, 3 — 317-326 : D. — GI. — V.

— — 183, 4 — 411-422 : GI. — NH. ; HA.— A.

— — 184, 5 — 521-528 : HA. — A. (tiếp).

— — 185, 6 — 635-642 : AN. — ANG.

— XXXIII 186, 7 — 87- 96 : EN. — ENG ; IN. — ING.

— OAN — OANG.

— — 187, 8 — 205-212 : ON.— ONG ; UAN.— UANG.

— — 188, 9 — 297-304 : ONG.— ON ; AT.— AC.

— — 190, 11— 501-510 : ET, EC ; IT, ICH ; OAT, OAC ; UAT, UAC. NN.

TRẦN-MẠNH-NHẪN

Máy điều khuyết-diêm ở Trung-kỳ. XV, 89, 11/1924, tr. 419-427. XH.

TRẦN-PHÁT-ĐOAN

Tại sao người tài-tử ta hay sinh yếu-đoản mà người tài-tử tây thì lại thọ-trường ? X, 56, 2/1922, tr. 139-140. XH.

Sự mê-tín bởi đâu sinh ra ? X, 56, 2/1922, tr. 140-141. XH.

TRẦN-QUÁN-CHI

Muốn chấn-hung phong-hóa thời phải cải-cách mọi đường sinh-hoạt của quốc-dân. XI, 62, 8/1922, tr. 110-127.

— Giáo-dục gia-đình, sách báo, tuồng hát, thị-thành, nhà ở, phục-sức, cách đứng ngồi, hội hè, hôn-nhân, vợ lẽ... XH.

Cái hại tảo-hôn phải kíp đem trừ. XI, 63, 9/1922, tr. 198-204.

1. Vì đàn ông lười
2. Vì hiềm-thù tranh-cạnh.
3. Vì cần lấy của.
4. Vì tục lấy nhiều vợ.
5. Vì nhiều tang-trở. XH.

TRẦN-QUAN-HOÀNG

Bài ký chơi Bàn-thành và đèn Hiền-trung. XX, 116, 4/1927, tr. 381-385. DH.

TRẦN-QUANG-HUYẾN

Ai-lao hành-trình. X, 57, 3/1922, tr. 189-197. DH.

TRẦN-TẤN-TÍCH

Bàn về văn-chương quốc-ngữ. V, 29, 11/1919, tr. 450-452. VH.

Bàn góp về hội «Khuyến học». VI, 36, 6/1920, tr. 523-529. XH.

TRẦN-TẤN-THỌ

Nên đúc tượng kỷ-niệm hai bà Trưng. XI, 64, 10/1922, tr. 308-310.

— Khuyết-diêm của người Việt :

1. Ít đọc sử
2. Kém lòng ái-quốc
3. Ít tượng bia đề kỷ-niệm. XH.

TRẦN-TỬ-VIÊN

Tình-tệ thôn-quê (Tuồng hát dùng cho các học-trò nam-nữ tập hát trong ngày nghỉ ở các trường làng). XX, 113, 1/1927, tr. 11-21. VH.

TRẦN-THANH-PHONG

Bác những kẻ bàng-quan. V, 26, 8/1919, tr. 167-168.

— Khen sự thông hiểu giữa Nam Bắc nhờ tờ Nam Phong.

— Bài dịch chi-trích kẻ đứng ngoài ngó xem và phê-bình. XH.

Tục bài-bác kẻ bàng-quan. V, 30, 12/1929, tr. 532-535. XH.

TRẦN THỨC-CÁP

Bàn về phong-tục xấu của dân mình. V, 26, 8/1919, tr. 174-176.

1. Trong gia đình
2. Chấn hương-thôn : hương-âm, tổng-chung, hội bô.
3. Nơi thành-thị : nam nữ giao-thân, đạo bằng-hữu, nghĩa sư-sinh... XH.

TRẦN-THÚY Cát-thành

Tập cải-lương kỷ-niệm của làng Thượng-cát. Kèm thêm bản Hương-ước. XXXIII, 191, 12/1933, tr. 553-566. — XXXIV, 192, 1/1934, tr. 37-53. XH.

TRẦN-THUYẾT-MINH

Nam tống du-đàm. XI, 63, 7/1922, tr. 29-35.

— Một buổi đi chơi có hi-vọng về tiền-đồ kinh-tế, kỹ-nghệ, ngôn-ngữ, văn-chương, phong-tục, xã-hội nước nhà. DH.

TRẦN-TRỌNG-KIM

Sự-tích Khổng-phu-tử. VII, 39, 9/1920, tr. 242-254. TS.

Nho giáo. Diễn-văn tại « Việt-nam thanh-niên hội » Hà-nội 22-10-1922.—

XI, 65, 11/1922, tr. 353-371.— XI, 66, 12/1922, tr. 439-456. TH.

Đạo-giáo. Đạo Lão tử. XII, 67, 1/1923, tr. 21-32.

68, 2 — 103-113.

XIII, 74, 8 — 113-127.

75, 9 — 197-209. TH.

Sự du-lịch đất Hải-ninh. XII, 71, 5/1923, tr. 383-394.

— Gốc-tích người Nùng ở miền này. Việc nhập-tịch và phong-tục của họ. DH.

Bài diễn-thuyết của ông Trần-Trọng-Kim về lịch-sử cụ Tiên-Điền và văn-chương truyện Kiều. XV, 86,8/1924, tr. 96-109. VH.

TR.- V. Đ. một người Nam-kỳ

Trả lời cái thư ngỏ cho chủ bút Nam-Phong của thầy Ng.H.V. III, 17, 11/1918, tr. 259-267. NN.

TRẦN-VĂN-HIỀN

Hôn luật. XV, 89, 11/1924, tr. 393-399. PL.

TRẦN-VĂN-NGOẠN Tuyết-trang

Tang thương ngẫu lục. Trích mấy truyện cũ, kèm theo « nhời bàn của người dịch ». I, 6, 12/1917, tr. 393-395. VC.

Việc cũ trong phủ Chúa Trịnh : Tết trung-thu. I, 6, 12/1917, tr. 395-396. VC.

Bà Liệt-phụ họ Đoàn. Tồn-cổ lục. I, 6, 12/1917, tr. 396-397. TS.

Thi Hội về đời Lê. I, 6, 12/1917, tr. 397-398. VH

Đền Tam-Trung ở tỉnh Cao-bằng II, 7, 1/1918, tr. 42-44.

— Ba vị tử-tiết đền Minh-Mạng : Bùi-Tăng-Huy, Phạm-Đình-Trạc, Phạm-văn-Lưu. LS.

Tháp chùa Báo-thiên. II, 8, 2/1918, tr. 105-106. DH.

Bia núi Thành-nam. II, 8, 2/1918, tr. 106-107. DH.

Ông Hoàng Sầm. Dịch Tang thương ngẫu lục. II, 10, 4/1918, tr. 240-241. TS.

Miếu Thanh-cầm. II, 12, 6/1918, tr. 371. DH.

Ông Nguyễn-Văn-Giai. II, 12, 6/1918, tr. 371-372. TS.

Tồn cổ lục. IV, 19, 1/1919, tr. 52-62.

— Tiêu-dẫn về tác-giả vừa mệnh-một, của Phạm-Quỳnh.

— Bày tình người.—Gláng giấp con người.— Cách ở với đời.— Thói quen.— Làm sách vở.— Ta theo thói Tàu.— Phép giáo-dục và thi-cử ngày xưa.— Học-thuật lúc Lê mạt.— Lễ cưới.

— IV, 21, 3/1919, tr. 202-208 : Nguyễn Bá Dương.— Đàn : đàn đá, đàn nguyệt.— Phong-tục : sự thay-đổi phong-tục, các thứ nón, các màu áo, phong hóa suy-đổi. XH.

Lấy chông dê, thần-tiên tiêu-thuyết, dịch « Thánh-tôn di-thảo » VII. 37, 7/1920, tr. 79-82. VH.

TRẦN-VĂN-QUANG

«Lạ» có làm mất danh-giá hay không ? XXXI, 177, 10/1932, tr. 437-438.

— Về tinh-thần «lạ» rất cao-thượng, về vật-chất thì oai-nghi, trừ kẻ a-dua nịnh-nọt hoặc người trên áp-chế. XH.

TRẦN-VĂN-TANG

Quá-khứ và hiện-tại. XVIII, 106, 6/1926, tr. 413-433.

— Hai nghĩa-vụ. — I ã trời, tính cảm-sinh của Lẽ trời, tính dịch-hóa của Lẽ trời, tâm-chí chủ-sự thuyết, ý-trung nhân-loại, văn-minh Tây-phương, văn-minh Đông-phương. Kết-luận về cái hiện-tượng của Đông-phương và Việt-nam trong thế-kỷ 20. XH.

TRẦN-VĂN-THI

Lòng hài-cảm của một người học-trò Nam-Việt. V, 30, 12/1919, tr. 547-548. VC.

TRÍ-ĐỨC HỌC-XÁ (Nguyễn-Văn-Kiểm biên tập)

Cảnh-vật Hà-liên. XXVI, 150, 5/1930, tr. 445-462 : Cảnh-đẹp, nghề-sinh-nhai, thị-h-, hồ, chợ Hà-tiên, Đông-hồ ấn-nguyệt, Châu-nham lạc-lộ, Phương-thành, Đồng-điền.

— XXVI, 151, 6/1930, tr. 575-586 : Các thứ danh-mộc, hoa mai, các thứ kiềng, hoa sen, hoa lan nguyệt-dạ, tre trúc, trái cây, khoai đậu.

— XXVII, 152, 7/1930, tr. 42-52 : Cầm thú, vòm hào, tôm cá.

— XXVII, 153, 8/1930, tr. 168-176 : Trường học, Đông-hồ và sông Hà-tiên, cảnh pháo-đài, ao sen. VC.

TRÍ-ĐỨC HỌC-XÁ nữ-sinh

Mười ba năm. Kính tặng hương-hồn từ-mẫu. XXX, 172, 5/1932, tr. 516-518. VC.

TRỊNH-ĐÌNH-RU

Sách «Ngọn đèn khuya», của ông Mãn-châu Nguyễn-Mạnh-Bồng, nhà in Ngô-Tử Hạ, 1-1918. — III, 18, 12/1918, tr. 363-364. VH.

Buổi mới người cũ. V, 26, 8/1919, tr. 171-172. XH.

TRỊNH-THU-TÂM

Luận về đàn bà con gái nước ta đối với sự học và sự văn-chương.
II, 11, 5/1918, tr. 319-320. GD.

TRỊNH-XUÂN-NHAM

Giàu sang chưa chín một nồi kê, truyện Tàu. I, 5, 11/1917, tr. 325.
327. VH.

Tàn nương. Truyện Tàu. I, 8, 2/1918, tr. 115-117. VC.

Tu-thân dưỡng-tâm. — Chó chết hết chuyện. IV, 23, 5/1919, tr. 412-...
VC.

Tính người hay cờ bạc. V, 25, 7/1919, tr. 72-73. VC.

TRỌNG-TOÀN (Coi : Nguyễn-Văn-Kiểm)

TRÚC-ĐÌNH

Chớp ảnh : điện-ảnh, phim-ảnh. VIII, 48, 6/1921, tr. 457-463. KH.

TRÚC-HÀ

Câu truyện dưới trăng. XXII, 126, 2/1928, tr. 126-130. VC

Quốc-văn đối với công-dụng và thời-gian. XXII, 128, 4/1928, tr. 337-
342.

«Nào những ai hào-kiệt anh-hùng, nên vì cái tiền-đồ Việt-nam, cái
vận-mệnh Việt-nam mà nghĩ cho : «NƯỚC NAM TA MAI SAU
NÀY HAY DỞ CŨNG Ở NHƯ CHỮ QUỐC NGŨ» (tr. 342).
NN.

Truyện tao-đàn. Bức thư gửi người bạn gái. XXII, 129, 5/1928, tr. 455-
459. GD.

Nhà nho có lẽ chịu sầu ? XXII, 130, 6/1928, tr. 561-563.

— Cảnh-tượng nho-lâm tiêu-diêu trong buổi giao-thời, kể theo mới người nệ cũ. . . XH

Văn-chương : Đi học — Hai cái sợ. — Một bầy khi. — Một cắc bạc. XXV, 141, 8/1929, tr. 127-132. VC.

Chuyện giáo-dục ở Phước-thành (Một bài diễn-văn về giáo-dục). XXV, 144, 11/1929, tr. 450-460. GD.

Lược-khảo về sự tiến-hóa của quốc-văn trong lối viết tiêu-thuyết. XXXI, 175, 8/1932, tr. 116-134.

«Hiện thời nếu có một người nào dám công - nhiên hạ lời khinh rẻ chữ quốc-ngữ, dầu là viện lẽ gì mặc lòng, tức khắc sẽ bị lôi ngay ra giữa tòa án dư-luận trong toàn-quốc (tr. 116).

— Phạm-Duy-Tổn, Nguyễn-Bá-Học, dịch tiêu-thuyết Tàu, tiêu-thuyết Tây.

— XXXI, 176, 9/1932, tr. 228-248.

— Năm 1925, kỷ-niệm một bước dài : «Quả dưa đỏ» của Nguyễn-Trọng-Thuật ; «Kim-Anh lệ-sử» của Trọng-Khiêm và «Nho Phong» của Nguyễn-Tường-Tam ; «Tố Tâm».

— Viết truyện ngắn trong các báo-chí.

«Nay đã xét về phương-diện tiêu-thuyết, quốc-văn ta thật đã có tiến, Thế là một điều đáng vui mừng cho những người đã gia-công nỗ-lực phụng-sự quốc-văn trong bao nhiêu năm, có thể coi như một phần thưởng thiêng-liêng xứng-đáng» (tr. 247).

«... Chứng-cớ xác-thực để đối-chiếu lời di-ngôn của một bậc tiền-bối : « NƯỚC NAM TA MAI SAU HAY DỞ CŨNG Ở NHƯ CHỮ QUỐC-NGỮ » (tr. 248). NN.

TRÚC-PHA

Bàn góp về việc làm Tự-diễn. XIII, 75, 9/1923, tr. 261-262. VH.

TRÚC-PHONG (Hà-tiên)

Tôn-giáo với ái-tình. XXXIV, 201-202, 8/1934, tr. 51-53.

— Nhân cuộc đại-hôn của Hoàng-thượng, một người không công-giáo với một người công-giáo. XH.

Tết chơi biển. XXXV, 207, 11/1934, tr. 194-200. VC.

TRƯƠNG-CAM-KHUYẾN

Nói về nghề chớp bóng. XVI, 94, 4/1925, tr. 377-384.— Nguồn gốc, phim ảnh đầu, con hát đóng phim đầu tiên.

Nói về điện-tín, vô-tuyến-điện. XVI, 96, 6/1925, tr. 567-578.

XVII, 98, 8 — 151-164.

— 99, 9 — 262-278. KH.

TRƯƠNG-LĨNH-HẦU

Văn cổ đời Lê : Bài phú tụng cảnh Tây-hồ (dùng độc-vận Hồ). Col : NP số 85, tr. 69.— XX, 113, 1/1927, tr. 50-53. VC.

TRƯƠNG-PHỤC-HỨA Nghiêu-dân

Bài văn-sách trị hà, dịch của Hoàng Thúc-Hội. V, 27, 9/1919, tr. 250-256. Vấn-đề trị thủy, đắp đê. XH.

TRƯƠNG-THÚC-ĐÌNH và Nguyễn Đông-Hà.

Một cái học-thuyết mới : thuyết "đối-dịch" của ông Einstein. XIII, 76, 10/1923, tr. 316-326. KH.

Một nhà đại-thi-sĩ Ấn-độ : ông Rabindranath Tagore. XIV, 83, 5/1924, tr. 396-405. VH.

UNG-DINH

Điện-thuyết ở Quốc-tử-giám. Sử dân dĩ thời. V, 27, 9/1919, tr. 260-261. XH.

ƯNG-TRÌNH

Pháp-Việt danh-gia . Ông Đỗ-Hữu-Vị. IV, 19, 1/1919, tr. 70. TS.

Lối danh-lợi. V, 25, 7/1919, tr. 71-72. VC.

V. B.

Chữ quốc-ngữ cổ. XIII, 74, 8/1923, tr. 112B.

— Mấy giòng trong sách của Cố Alexandre de Rhodes. VH.

VẠN-KHOẢNH

Vệ-sinh thực-hành. VI, 33, 3/1920, tr. 225-232.

Chương-trình đem áp-dụng : 1. Vệ-sinh thành-phố.— 2. Dạy vệ-sinh cho người bản-xứ.— 3. Vệ-sinh ở các làng.

VÂN-BÌNH

Nghĩa-vụ tứ dân đối với sự trị-an của đức Bảo-đại Hoàng-đế, sau khi ngự giá hồi loan. XXXI, 174, 7/1932, tr. 97-99. XH.

VÂN-HÁN

Thư cho con gái du-học bên Tây. XXV, 142, 9/1929, tr. 302-304.

— Gồm nhiều lời khuyên hay và lạ : đọc sách ít, quan-sát nhiều ; học về chức-vụ mình ; hè đi chơi các nước khác ; không muốn cho con học âm-nhạc "Tây"... GD.

VÂN-HƯƠNG

Gái đời nay. XXV, 140, 7/1929, tr. 26-30B.

— Lời một vị phu-nhân có nền-nếp mắng răn con gái là bậc tân-học. GD.

Nợ duyên trong mộng. Lời Trường-Sinh tự-thuật. XXV, 141, 8/1929, tr. 117-127.

— Câu chuyện chàng thanh-niên mơ lấy phải người vợ «không, hiền» làm xôn-xao, tan-nát gia-đình. XH.

VIỆN CƠ-MẬT

Thượng-dụ định ngạch quan lại và quan hàm ở Bắc-kỳ. IV, 19, 1/
1919, tr. 1-16. XH.

VIỆT-DÂN

Chính trị Pháp-Việt : bàn về bài luận của ông Fontaine. XX, 116,
4/1927, tr. 299-302. CT.

VÕ-ĐÌNH-CHÍ

Ôi! Thiếu-niên! XVI, 95, 5/1925, tr. 469-472. VC.

VÕ-LIÊM

Bài diễn-thuyết của quan Thượng-thư bộ binh Võ-Liêm đọc trong Quốc-
tử-giám. III, 14, 8/1918, tr. 125-127. XH.

VÕ-LIÊM-SƠN

Tân cộ điều-hòa. XI, 66, 12/1922, tr. 471-473. XH.

VÕ-THANH-TÂN

Nên biết quốc-sử. V, 27, 9/1919, tr. 261-264. VH.

Văn-minh nhờ giáo-dục. VI, 36, 6/1920, tr. 506-507. GD.

VŨ-CÔNG-NGHI

Lê-Công-Vj hiếu-nữ, dịch La jeune Sibérienne :

X, 57, 3/1922, tr. 220-231.

X, 58, 4 — 317-324.

X, 60, 6 — 483-493.

X, 60, 6 — 493-494 : Lê Công-Vị hiếu-nữ đề-từ : thơ lục-bát. VH.

Tiếng An-nam có nghèo không ? X, 59, 5/1922, tr. 349-357.

— Có bản về danh-từ riêng. VH.

Cổ-Liên nữ-sĩ, dịch Corinne ou l'Italie của Staël.

XI, 61, 7/1922, tr. 51-62.

XI, 62, 8 — 139-144.

XI, 66, 12 — 482-490.

XII, 67, 1/1923, tr. 67-72. VH.

Những bước đầu của một nhà chế-tạo trú-danh : Ông Thomas Edison.

XII, 69, 3/1923, tr. 220-227.

XII, 70, 4/1923, tr. 321-326. TS.

VŨ-ĐÌNH-CHI

Truyện một người du-học-sinh Annam. Đoàn-thiên tiêu-thuyết. XV, 90, 12/1924, tr. 540-548. VH.

VŨ-ĐÌNH-LONG

Nhân-vật truyện Kiều. XII, 68, 2/1923, tr. 127-135.

XII, 69, 3/1923, tr. 211-219.

XII, 70, 4/1923, tr. 313-321. VH.

Triết-lý và luân-lý truyện Kiều. XII, 71, 5/1923, tr. 420-423. VH.

Khảo về lối thủy-họa : thuốc vẽ, các màu, giấy bút, các vật-liệu phụ, phép pha màu. . .

XIII, 77, 11/1923, tr. 383-388.

XIII, 78, 12 — 476-482.

XIV, 79, 1/1924, tr. 47-54.

Văn-chương truyện Kiều. I. Phân-tích truyện Kiều. — II. Toàn thê văn-chương. — Bản về bút pháp.

XIV, 81, 3, 1924, tr. 211-219

- XIV, 83, 5 — 420-423
XV, 85, 7 — 56-59
— 87, 9 — 240-249. VH.

VŨ-ĐÌNH-PHIÊU

- Một cách chiếm đất ngầm của người Tàu ở những miền Thượng-du
Trung-du nước ta. II, 11, 5/1918, tr. 321-322, XH.
Cụ Nguyễn-Bá-Học. Cảm-tình của một người đọc báo. IX, 50, 8/1921, tr.
171-172. TS.

VŨ-ĐOAN-TRANG nữ-sĩ

- Bàn góp truyện Kiều XV, 87, 9/1924, tr. 260-263. VH.

VŨ-KHẮC-TIỆP

- Hành-trình mạn ngược từ Cao-bằng xuống Phú-thọ. VIII, 44, 2/1921,
tr. 136-142. DH.

VŨ-MIỀN-NAM

- Bác nghiệm. Truyện ngắn. V, 25, 7/1919, tr. 78-80. VC.

VŨ-NGỌC-LIÊN

- Văn-chỉ làng tôi. V, 26, 8/1919, tr. 155-157. VC.
Lòng mộ đạo. V, 27, 9/1919, tr. 274-276. VC.
Bàn về nữ-học nước ta. V, 29, 11/1919, tr. 452-453. GD.
Nghĩa-vụ. VI, 33, 5/1920, tr. 264-266.
1. Tham lợi.— 2. Trẻ nãi.— 3. Nhất sự.— 4. Lòng vị kỷ. GD.

VŨ-VĂN-LỄ

Mừng năm mới. IV, 20, 2/1919, tr. 142. VC.

VƯƠNG-GIA-BẬT

Mộ ông Bá-đà-lộc hiện nay ở đâu ? XVI, 92, 2/1925, tr. 157-160.

— Tìm hiểu mộ ở Ngọc-hội, gần Nha-trang. LS.

VƯƠNG-THỤC

Ngòi bút kiếm ăn.— Sắc nước hương trời. IV, 20, 2/1919, tr. 143-144.
VC.

XX.

Sử-liệu nước nhà. XXXIII, 189, 10/1933, tr. 312-314.

— Một đoạn lịch-sử Nội-các về triều ta (Minh-mạng, Tự-đức, sau triều Tự-đức). LS.

XA-RY

Một việc thí-nghiệm nên làm gương cho chúng ta. X, 60, 6/1922, tr. 437-439.

— Gương Phi-luật-tân đã được tự-trị. CT.

Một sự điều-tra quan-hệ đến tiền-đồ một dân-tộc. XI, 61, 7/1922, tr. 11-13.

— Mỹ cho điều-tra ở Phi-luật-tân. CT.

Một bài học khôn về việc chánh-trị. XI, 62, 8/1922, tr.101-104. CT.

(VÔ-DANH và KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC)

Cảnh nhá nhem. (Một người đọc báo). IV, 22, 4, 1919, tr. 332-333. VC.

Bạm say (Sinh-viên QTG). V, 26, 8, 1919, tr. 163. VC.

- Cờ-bạc (Un abonné à Sơn-tây). V, 27, 9/1919, tr. 276-278. VC.
- Dự-luận về bài «Chấn-chỉnh quan-trường» của quan tổng-đốc Thân-Trọng-Huê. V, 28, 10/1919, tr. 294-300. XH.
- Việt-nam thanh-niên hội (Foyer des Etudiants Annamites) (KTTĐ). XI, 62, 8/1922, tr. 104-109. XH.
- Bản dự-thảo về qui-tắc Ấu-trí-viên. (KTTĐ) XI, 62, 8/1922, tr. 109-110.
- Cuộc lạc-quyên ấu-trí-viên (KTTĐ). XI, 63, 9/1922, tr. 161-168. XH.
- Dự bàn lập một «Văn-học ban» trong Hội Khai-Trí Tiến-Đức (KTTĐ). XI, 63, 9/1922, tr. 220-222. VH.
- Việc điều-tra tục-ngữ phương-ngôn để giúp làm Việt-âm tự-điền (KTTĐ). XII, 68, 2/1923, tr. 169-170. NN.
- Trung hiếu thần tiên, Truyện Hưng-đạo vương. Tuồng hát.
- XXX, 170, 3/1932, tr. 265-274.
 - XXX, 171, 4 — 409-420.
 - XXX, 172, 5 — 519-531.
 - XXX, 173, 6 — 635-648.
 - XXXI, 174, 7 — 65-76.
 - XXXI, 175, 8 — 174-186.
 - XXXI, 176, 9 — 287-301. VH.
- Tới hay lui ? Tiền-đồ viện Dân-biểu Trung-kỳ (Một người dân). XXXI, 176, 9/1932, tr. 326-327. CT.
- Văn-phòng tứ-bảo. Hát tuồng.
- XXXII, 182, 3/1933, tr. 294-300.
 - XXXII, 183, 4 — 386-393.
 - XXXII, 184, 5 — 493-504.
 - XXXII, 185, 6 — 611-619. VH.

Lân Phượng kỳ-duyên (Vô-danh ?). Tuổi hát.

XXXIII, 186, 7/1933, tr. 59-72.

XXXIII, 190, 11 — 469-476.

XXXIII, 191, 12 — 595-602.

XXXIV, 192, 1/1934, tr. 83-94.

XXXIV, 193, 2-3/1934, tr. 199-205. VH.

Kontum tỉnh-chí (Vô-danh ?), XXXIII, 191, 12/1933, tr. 529-544.

-- *Hình-thế* : gốc chữ Kontum, hình-thế và giới-hạn, nguồn nước, thời-tiết và khí-hậu, rừng, cảnh, cô-tịch, dân-tộc. — *Chính-trị*.

XXXIV, 192, 1/1934, tr. 22-35 : Y-chánh, học - chánh, các dân Mọi — Chính-trị Nam-triều ở Kontum, người Việt-nam ở Kontum. Sử-địa.

Gái đẹp với anh đồ (Người rừng xanh). XXXIV, 192, 1/1934, tr. 18-12.

MỤC-LỤC THEO TÁC-GIẢ

II. VẬN-VĂN

(Trong mục về «Thơ» này, chúng tôi giản-dị-hóa cách ghi như sau : sau đề-mục thì tới số La-mã tập (tome), rồi đến số tạp-chí, và sau cùng là các số trang).

A-LÊ-THI

Tự thán : XIII, 75, tr. 252.

A-NGỌC, PH. TH.

Nhớ bạn. — Viếng bạn. — Gửi bạn. — Chùa Hoàng-long. — Đợi tàu ngẫu hứng : XXVI, 149, 399.

Đi thuyền mong bạn. — Đêm hè. — Đứng bờ sông nhớ bạn. — Tiễn bạn. — Cơn đông : XXVI, 151, 618.

ÁI-HOÀ

Đề miếu bờ sông Đào (thờ hai người tử-sĩ) : II, 8, 100.

Hồ Trúc-bạch. — Tự vịnh. — Đánh cờ. — Nhớ bạn (4 bài thơ Đường chưa rõ tác-giả, Ái-hoa sao-lục) : III, 15, 157.

Mừng thắng trận (Tứ tuyệt) : III, 16, 220.

Vua Lê Thái-Tổ (Thượng tây-lâu) — Tranh-hôn (Võ-lăng-xuân). — Thời-thế với anh-hùng (Thanh-thương-oán) : V, 30, 564.

Chơi xuân : Đền Quan-Thánh. — Chùa Một-cột. — Chùa Thái-bình. — Đền Voi-phục. — Chùa Láng. — Chùa Đồng-quang. — Ngọc-sơn về Vũ-thạch. — Xuân-tĩnh. — Xuân-biệt. — Xuân-hoài : VI, 32, 172-173.

ÁI-LIÊN

Vịnh sử : Nàng Mị-châu. — Tuổi giải oan (về cảnh chùa Hương). — Hỏi trời. — Hỏi trăng. — Nhớ bạn : IX, 49, 78-79.

Bác đờ đi cày (sâm) : IX, 261.

AN-THÀNH-VƯƠNG

Bão năm Thìn. — Hữu cảm: VI, 34, 359.

B. T.

Mừng vua bắc tuần : XXXIII, 190, 476.

Nam ti-bà hành : XXXIII, 190, 479-480.

BẠCH-AM (Coi : Nguyễn-Bình-Khiêm)

BẠCH-ĐÔNG-ÔN

Vịnh trắng ba-mươi đêm (Từ mồng một đến 30) : XXXII, 183, 378-382.

BẠCH-NHƯ

Đêm thu. — Trông tin bạn. — Cảm ơn bác Trác-chi. — Mưa thu. — Chơi hồ. — Lưu-biệt. — Đêm nghe đàn. — Cảnh hồ cơn mưa. — Đêm thu. — Chơi núi Tiêu Tô-châu. — Giang-thành cảnh chiều. — Trông trăng nhớ nhà — Nhớ cảnh vườn. — Cảnh trời chiều. — Đêm thu chơi trăng trên Đông-hồ. — Tự-cảm. — Trông trăng trên hồ Giang thành. — Mừng được bạn tặng NP. — Than đời (hát nói). — Cùng bạn chơi Thạch-động. — Đêm khuya dưới trăng xem hoa. — Chơi Kim-dữ : XXIII, 131, 91-93.

Tiến bạn. — Chiều về thăm vườn. — Chơi biền có cảm. — Thú nhà nông. — Thú ngư-ông. — Giang thành chiều trông bạn. — Trăng rằm. — Than thân. — Ngán đời. — Thăm vườn. — Phú đặc : « Lấy chông cho đáng ... ». — Chơi bãi Lộc-tử, hái hoa... : XXIV, 137, 196-197.

BẠCH-TUYẾT-LÊ

Bài ca anh ru em : V, 28, 352.

BẠCH-VÂN

Bạch-vân thi tập, Coi : Nguyễn-Bình-Khiêm.

BĂNG-TÂM 氷心

Nguyệt đáp.— Đề ảnh.— Lữ-khách cảm-hoài : XVI, 91, 85.

BỘI-HOÀN, T.T.

Một đêm ngủ trong rừng hoa (14 thứ hoa, mỗi hoa là một bài thơ tứ-tuyệt).

— Đề ảnh đầm cười.— Chèo thuyền mặt biển, 2 bài.— Đề tranh tổ-nữ hòa âm-nhạc.— Vịnh ả Hằng.— Nợ đời.— Giả lời bạn.— Chèo thuyền câu cá thường hoa sen : XXXIII, 187, 193-195.

BÙI-DIỄN

Ngày xuân.— Nghĩ mình : XVI, 93, 290.

BÙI-ĐỨC-TRIỆU

Hai sách một đèn.— Truyện Dương-Lễ Lưu-Bình : XV, 90, 503-509.

BÙI-HỮU-DIÊN

Rắn cờ-bạc.— Thuốc phiện làm hại.— Đề trường học ở Văn-chỉ.— Học quốc-ngữ.— Cảnh buồn trên sông : XIV, 83, 436.

Thu cảnh : XV, 86, 175.

Đi tàu thủy đêm.— Vịnh người tát nước.— Đêm đông buồn.— Thu dạ cảm-hoài.— Đảo tượng Phật.— Đề bức tranh sơn thủy.— Thích câu : «Con sâu quấy rầu nổi canh».— Đêm không ngủ.— Buồn.— Nguyễn-Huệ.— Nghĩ truyện giang-sơn.— Họa bài : «Thán-biệt tinh-nhất».— Lê-Lai.— Nghĩ sự đời.— Đêm thu mưa.— Chiều mùa đông trên bãi bãi.— Đêm thanh ngâm.— Câu đối đề hội Trí-tri : XIX, 109, 300-302.

BÙI-HỮU-NGHĨA

Thà gặp cọp chẳng thà gặp bạn.— Qua Hà-âm hữu cảm : XIX, 107, 95.

BÙI MẠNH-THIẾN

Phong cảnh Sài-son : XIV, 80, 163.

BÙI-MỘ-VŨ

Tự thuật (2).— Con mèo già : XX, 117, 482.

BÙI-NGỌC-BẢO

Trách hề : XII, 70, 340.

BÙI-NGUYỄN-ẤN

Mừng bạn đồng-nghiệp.— Tặng bạn. — Cảnh buồn : XVI, 92, 181-182.

BÙI-PHỤ-KINH

Huyện Yên-mô.— Huyện Hoàn-long.— Huyện Kim-thành : hát nói : VI,
32, 163.

BÙI-QUANG-HUY

Chơi núi (2) : IV, 21, 231.

BÙI-TIÊN-MAI

Chùa Sùng-nghiêm.— Vịnh con cóc : XXI, 119, 91.

BÙI-TỬ

Nam thù Nguyên-diệu : Dạ cảm ký-tình.— Đi thuyền giữa bể : III, 15,
180.

BÙI-THẾ-MĨ

Xuân nhật tự-thuật.— Đêm trăng đứng trên cầu.— Được tin bạn chết trôi :
XIV, 79, 74.

Tự thán : XV, 89, 456-457.

Lời Chung-công : XVII, 97, 88.

BÙI-THỊ THU-CÚC

Lữ hoàì. — Cảm hứng : XIV, 82, 337.

BÙI-THÚY-ĐỒNG

Cung hủ ngự-giá bắc-tuần (2) : XXXIII, 190, 476.

BÙI-TRÌNH-KHIÊM

Bài ca trẻ ấu-trì viên cầu nguyện cho các ân-nhân : XI, 66, 493-494.

Bài ca.. : Đạo làm con.— Đạo làm cháu.— Anh em ở với nhau.— Vợ chồng ở với nhau.— Ở với họ.— Ở với bạn.— Ở với thầy : XI, 66, 494.

BÙI-VĂN-QUÝ

Vấn tế (Me được truy tặng) : VIII, 49, 423.

CAO-DUY-CÁC

Áo gấm đi đêm.— Tiễn bạn đi học xa : XI, 61, 44-45.

CAO-THỊ-HAI

Buồn mình : XX, 113, 87.

CAO-VĂN-HAI

Khuyến việc học quốc-văn : XXXII, 180, 80.

Mừng bạn Nguyễn-Trọng-Toàn : XXXII, 181, 194-195.

Mừng ông Nguyễn-Văn-Kiêm (câu đối).— Mừng em cưới vợ : XXXIII, 190,
478-479.

CAO-XUÂN-DỤC

Hát nói : Cung hỷ lời thánh-dụ trước thư lập ngôn.— Quốc-trái.— Ứng
mộ như Tây : II, 11, 308.

CH. B.T.

Tặng thầy giáo.— Tặng tình-nương.— Tặng kim-quất cho bạn tỉnh Bắc :
XXXV, 207, 206.

CHÂU-NGUYÊN

Đêm xuân nghe mưa cảm : VI, 32, 173.

CHU-ĐÌNH-THỤ

Thơ tặng biệt : II, 7, 39.

Mật ngọt chết ruồi : II, 9, 165.

CHU MẠNH-TRINH

Hương-sơn : (hát nói) : II, 8, 97.

CHU-THẾ-HỰU

Qua chốn cũ cảm hoài. Đêm xuân tự thuật.— Đêm xuân nhớ nhà : XII,
72, 524.

Đêm trăng chơi núi Kính-chủ.— Qua lối cũ cảm hoài.— Tự-thuật.— Trả
lời bạn.— Thơ trách tình nhân : XXI, 124, 623-624.

Hồng lâu oán : XXII, 129, 519.

Tự thuật.— Cảm tác.— Trách tình nhân.— Tặng bạn.— Đưa người tri-
kỷ.— Tập Kiều.— Tiền cô thầy tướng.— Tặng cô đào Tĩnh (hát
nói) : XXIII, 133, 308-309.

CHU-THỌ-VỤC

Vịnh ông phỗng đá.— Vịnh cái máng.— Vịnh thăng cuội : XVII, 97, 89.

CHU-VĂN-ỨNG

Thu hoài cảm tác.— Tranh niềm lữ-thứ : X, 58, 301.

CHUNG-NGHỊ

Lữ thứ sầu ngâm.— Khóc vợ (2) : XX, 113, 87.

D. — Đ.

Đi thăm đồng ngẫu hứng.— Mẹ con lưu lạc.— Thấy cô gánh nặng đi đường.—
Các cô đồng lội lên rừng.— Nhân hứng : XX, 114, 178-179.

DOÃN-KÉ-THIỆN

Vịnh con cóc.— Vịnh con cáo : IV, 22, 331

Vu Y tranh-luận.— Xứ Bắc-kỳ.— Sông Nhị-hà.— Nông thư ơng ngẫu đàm :
VI, 33, 260-262.

DƯƠNG-BÁ-TRẠC Tuyết-huy

Hứng mát trong đền Ngọc-sơn.— Đi qua đường Quan-Thánh : I, 4, 256.

Đọc sách «Giác mộng con» (ngẫu thành 5 bài) : II, 8, 98-99.

Bài ca khuyên đồng-bào nước ta nên mua vé quốc-trái : III, 16, 210-213.

Năm hết thuật hoài.— Hối xuân.— Lời người lính đi Tây tết gởi về mừng
tuổi : IV, 19, 72-73.

Bài truy-diệu ông Cao-Đắc-Minh, phi-công ngộ nạn chết 17-12-1918 : IV, 19,
81-82.

Vấn tế ông Liễu Tử Hậu (của Hàn Dũ) : IV, 23, 415-416.

DƯƠNG-BÂN Tùng-khê

Dùng đồ sứ An-nam : X, 58, 300.

DƯƠNG-BỘI-KHA

Vịnh Dương-quí-phi.— Vịnh vua Đường Minh-hoàng : II, 9, 165.

DƯƠNG-ĐÌNH-TÂY

Ngư ông tự vịnh.— Đêm thâu nhớ nhà : XI, 61, 45.

Anh đốt hay làm thơ.— Thương ai : XI, 64, 299.

Hay nói : XI, 66, 492.

Lữ xá sầu ngâm.— Hỏi khách làng văn : XIII, 77, 430.

Không sầu.— Đề tranh sơn-thủy.— Lời anh sầm : XIV, 84, 528.

Ca-dao : Thương ai (2).— Khuyên tứ dân.— Đông cảm.— Buồn.— Đi học xa nhớ nhà.— Nhớ bạn Hà-thành.— Khuyên bạn thanh-niên.— Trông gương tự thán.— Đứng trên bờ sông.— Hỏi ảnh.— Xuân nữ thán.— Phong cảnh Đáp-cầu.— Bần nữ thán.— Chơi núi ngâu vịnh.— Những người chết đuối (dịch thơ Tây).— Mừng bạn cưới vợ.— Vắng tri-âm.— Lòng hối-hận : XVIII, 102, 87-91.

Ngư ông tự vịnh.— Nhớ bạn.— Đề tranh sơn-thủy.— Thư sinh tự vịnh.— Dạ hoài.— Nhớ bạn đã mất.— Không sầu.— Viếng một nhà nữ-sĩ.— Hay nói.— Lời anh xầm.— Khuyên bạn hồng thi.— Chúc ngoại tở-phụ.— Xuân nhật hoài ngâm.— Tặng anh đốt hay thơ.— Lữ xá sầu ngâm.— Nhớ bạn Faifo — Thuật-bút.— Cảnh nước lụt.— Cười mình : XVIII, 104, 295-298.

Xuân nhật hoài ngâm.— Ngày xuân ngâu vịnh.— Xương phụ ngâm.— Không chơi.— Tặng một cô thiếu-nữ.— Nhớ bạn Tuy-hòa : XXIII, 131, 93-95.

DƯƠNG-KHUÊ

Ngũ thập ngũ tự thọ : II, 12, 358.

DƯƠNG-LÂM Thái-tử thiếu-bào Mộng-Thạch.

Vịnh sử : Lê-Lai.— Vũ-Trần-Thiệu.— Nguyễn-Văn-Quyên : II, 11, 306-307.

DƯƠNG-MẠNH-HUY Liễu-viên

Vịnh Kiều (4) : I, 6, 386.

Bài văn tổng cùng (thay nhờ người Phú-thọ) : II, 8, 101-102.

Hát sầm chợ.— Hát sầm nhà trò : II, 8, 102.

Mượn thêm xuân (hát keo) : II, 9, 166-167.

Tỏ vương kỷ-niệm thăng ca khúc : II, 11, 310-311.

Soi gương nói chuyện với bóng.— Nhớ gởi cho anh Tùng-vân-trai : II, 12, 363-364.

Tết nguyên-đán.— Mùa xuân lên chơi núi Sài-sơn (hát nói) : IV, 19, 74.

Ba người em rề viếng chị vợ.— Vịnh chim công.— Khâu áo tơ.— Vịnh Long-biên Ái-hoa hội.— Đêm thất-tịch thay lời ông Ngâu tự tình với bà Ngâu.— Thay lời bà Ngâu hoạ nguyên vận trả lời ông Ngâu : V, 26, 150.

DƯƠNG-MỘNG-THẠCH

Hát sinh-nhật.— Chơi chùa Hương-tích ngẫu đề.— Tập binh-sử : Trương Phu Duyệt.— Phụng đọc nhờ thánh-dụ hữu-sở-tư.— Tự tả ảnh-trương.— Tự-vịnh.— Đánh tờ-tôm.— Ngồi nghỉ không đánh bạc.— Tương-tư.— Hựu tương-tư.— Khất cái.— May rui.— Văn-minh tiến-hóa : II, 10, 233-236.

Vịnh sử : Nguyễn-Trãi.— Mạc-Đặng-dung : II, 12, 362-363.

DƯƠNG-TẮT-ĐẠT

Đêm khuya nghĩ một mình : X, 56, 158.

DƯƠNG-TỰ-NHU

Vịnh Kim-Trọng tái-hợp : II, 8, 99.

Tặng cô ả lấy hai đời chồng cùng nghiệp.— Tặng ông cử dạy học ế : II, 9, 166.

Đề đền Hùng-vương — Hùng-vương kỷ-niệm hội : II, 10, 236.

Hát nói : Gặp nàng Khanh người cũ : IV, 19, 65.

DƯƠNG-THIỆU-CƯƠNG

Cảnh chùa Non-nước (Ninh-binh).— Cảm-trởng về tết Trung-thu.— Giàu làm chị, khó làm em.— Gửi thăm anh em bạn Na-cham (bài hát) : XXXI, 179, 630-631.

Năm mới.— Ngày xuân nhớ bạn sông Hương.— Hỏi thăm bạn sông Hương.— Họa nguyên vận bài «Đêm hè chơi thuyền hồ Grom».— Chơi chợ trời.— Bài hát : XXXII, 181, 192.

Ngày xuân gửi thăm bạn sông Hương.— Cùng đi chuyển ô-tô gặp người cũ (hát nói) : XXXII, 183, 395.

Xuân, cưới ngựa đi tìm bạn.— Hạ, chơi hoa hồ sen.— Thu, chơi trăng trên sông.— Đông, đốt lò trâm xem sách.— Mùa thu chơi thuyền Hồ Tây : XXXII, 184, 505.

Buổi sớm đi đường.— Đề ảnh mi-nhân.— Nhớ người xa : XXXIII, 187, 192-193.

DƯƠNG-VÂN-TRÌ

Hát nói : Hồng Tuyết.— Nói hát.— Tặng cô đào Cấn.— Sợ vợ ghen với cô đào Oanh.— Tặng-cô đào goá chồng.— Chơi hát ngẫu hứng : VII, 41, 425-427.

Ngũ thập ngũ tự thọ.- Hà-nội tứ cảnh.- Hỏi thăm bạn ở tỉnh Hưng-hóa.-
Lời hẹn : VII, 42, 510.

Hát nói : Hát đạì.- Tặng cô đào Phàm : VII, 42, 511.

Đ.

Cùng hai ông huyện Bình-lục và Duy-tiên lên núi Đọi (Hán và Việt) : XXXV,
209, 288.

Đ. CH.

Lên núi Tản : XXV, 144, 523.

Đ. M.

Ngày tết gửi sách Gia-đình giáo-dục cho em cảm tác (3) : XXXIII, 191,603.

Đ. M. X.

Chính-khí ca của Văn Thiên-Tường : XXXI, 178.498-500.

ĐÀM - XUYÊN (Coi : Nguyễn Phan Lãng)

ĐẠM-PHƯƠNG

Từ-khúc : Cảnh mùa thu (điệu Nga-mi-dương).- Ngày xuân nhớ bạn (điệu
Nư-mộng-lệnh).- Trời thu cảm hoài (điệu Tiều-đào-viên) : V, 26,
151-152.

Vịnh sử : Hai bà Trưng.- Bà Triệu Âu - Bà Mị-châu : IX, 50, 160.

Bà Mỵ-Ê.- Vịnh cờ hoa lau.- Qua đèo Ngang : IX, 51, 261-262.

ĐÀO HỮU KHÔI

Trùng-đụ Kinh-thành cung hỷ.- Bài hát chúc mừng ngày sinh-nhật cụ Duyên
Mậu Hoàng quận-công : XXX, 171, 421-422.

Mỹ-nhân tẩm Đờ-son (mưởu, nói).- Bài hát sầm về cảnh tẩm Đờ-son : XXXI, 176, 302.

Ngự giá bắc tuần cung hỷ (hát nói) : XXXIII, 189, 374.

ĐÀO MỘNG-GIÁC

Cùng bạn qua Ải-vân (ngày giời mưa) : II, 8, 101.

ĐÀO THIÊN-NGÔN

Anh Mán (phú ?) : XVIII, 103, 185-186.

Nước lụt.- Thượng-sĩ hạ đạn.- Phú ông Đờ Nghệ : XX, 113, 85.

ĐẶNG BÁ DỸ Kỳ-hoa-tử

Thú vui làm rượu : III, 18, 367.

ĐẶNG-ĐỨC-XIÊU

Tế Phụ-mã chưởng-hậu quân Vũ-Tính và Lễ-bộ thượng-thư Ngô Tùng-Chu : III, 14, 94.

ĐẶNG NGỌC-LIÊU

Mừng tuổi báo Nam-Phong : XXI, 124, 622.

ĐẶNG NGỌC-THỤY

Dịch thơ «Bạch-đầu» của Trác Văn-quân : VII, 41, 428-429.

Thơ Bạch-đầu : VIII, 43, 76-77.

ĐẶNG TÍCH-T-RÙ

Đường thi diễn nôm : VIII, 48, 518-519.

ĐẶNG THUẬN-KHANH

Tri dương ngâm đàn đề từ.- Họa lại của Dương Tất-Đạt : X, 59, 401.

ĐẶNG TRẦN-PHÁT

Khuyên bạn hồng thi.- Tự đề : XI, 64, 298.

Chơi chùa hoài cò.- Nghĩ đời : XI, 66, 492.

ĐẶNG TRẦN-VIỆN

Chung-điều minh (thơ mới) : II, 9, 168.

ĐẶNG VŨ-TRỢ Lý-khê

Hùng-vương-hội kỷ-niệm ca : II, 11, 310.

Núi Vọng phu - Chùa Tam giáo. — Ngày tết Nguyên đán. — Khuyên lập thương cục. — Thương Kiều... — Hiểu thị tông lý... — Lên nói Voi. — Hai lần chơi động Tử-trầm. — Chùa Hương-tích. — Vườn Bách thú. — Hồ Tây. — Yết văn-miếu tỉnh Sơn-tây. — Yết đền Bà Trưng-vương. — Đi hộ đê. — Vịnh núi Tân-viên. — Nhà nho gặp thời. — Nhà nho lỡ thời. — Phong cảnh phủ Nho-quan. — Chiếm bá miếu vua Đinh tiên-hoàng. — Đề ảnh truyền thần. — Tặng cô đào Mai. — Họa bài... — Lên núi Dục-thúy. — Bút sắt. — Bút lông. — Phong cảnh Đờ sơn. — Mùa nực chơi hồ Hoàn-kiểm. — Hưng-hóa thành hoài cò. — Hùng-vương-hội kỷ-niệm ca : XIX, 112, 614-619.

ĐẶNG-XUÂN-PHƯƠNG

Khuyên người hồng gió : III, 14, 113.

Phụng dịch thơ ngự-chế (Nam-phong phần chữ Hán số 28), về việc mất mùa đói kém năm nay : V, 30, 562.

ĐẶNG-XUÂN-QUÝNH

Đồng cảm.— Tự thán.— Nhấn bợn làng say.— Ngoạn nguyệt lữ-hoài : XV, 90, 552.

Vịnh Kiều.— Đền núi làng Bồng-tiên.— Ngoạn-nguyệt cảm-hoài.— Tiễn bạn : XVI, 95, 487-488.

Quá xuân nữ.— Gửi cho bạn : XVI, 95, 489-490.

Nhớ bạn.— Giác chiêm bao.— Cảnh sáng.— Cảnh chiều — Gửi cho bạn.— Thư-sinh tự-thán.— Phú-đắc.— Tự nói mình : XIX, 109, 297-298.

ĐẶNG-XUÂN-VIỆN dịch Khải-định

Tập thơ di Tây của đức Khải-định (thơ chữ Hán phụng-dịch quốc-âm, 60 bài) : XXVII, 156, 485-494.

ĐINH-HỮU-CHƯ

Tự thuật.— Ngẫu vịnh : XIV, 79, 75.

ĐINH-VĂN-CHẤP

Dịch thơ đời Lý và Trần (1-123 bài) : XX, 114, 146-157.— XX, 115, 238-244.— XX, 116, 340-347.

ĐINH-TRAI

Hải-thượng Đinh-trai tiên-sinh thi-tập : Yết đền Hùng về giữa đường đêm gặp gái đẹp.— Phủ trung nhân phú.— Vào nhà Giám.— Nhớ đào-nương cảm-tác.— Đến Kinh lên chơi Hoành-sơn.— Khoa quý mào-mừng người giám-sinh.— Lưu-giả cho người đào nương ở Hà-tĩnh.— Nhân ngâm.— Gửi về cho người nội-trợ.— Chơi phủ Quảng-oai nhân phú : XXXIV, 196, 368-369.

Năm Bình-nọ bị giáng hồi Kinh.— Khờ về sự nghèo.— Tự miễn.— Mừng quan Thừa-thiên phủ-doãn Nguyễn-Công-Trừ thất-thập thọ.— Hỏi thăm quan lại phủ Quảng-oai.— Năm Mậu-thân cáo bệnh về.— Năm Kỉ-dậu khai bút : XXXIV, 198, 457.

Tháng tám lai kinh. — Qua tỉnh Nam-định muện ngâm. — Tết Trung-thu gặp mưa. — Phong cảnh tỉnh Ninh-binh : XXXIV, 199, 40.

Phong cảnh tỉnh Thanh-hóa, Nghệ-an. — Đền đền Sông. — Núi Chồng-mâm. — Núi Chiếc-đũa. — Đền đền vua Lê... — Núi Ngọc-nữ : XXXIV, 200, 90.

Gặp... Nguyễn-Công-Trứ va... Tôn-Thất-Cung. — Khe Nước-lạnh. — Núi Đá-chẹt. — Thần Nghệ-an. — Núi Đá-nhảy. — Cáo quan về : XXXIV, 201-202, 86-87.

Thuật hoai. — Tạ phù-danh. — Tặng glai-nhân đủ tài cầm kỳ thi họa. — Tặng người tri-âm tỉnh Thanh. — Từ biệt : XXXV, 203, 34-35. (Nguyễn-Thế-Xương sao lục).

ĐOÀN-ĐẮC Mai-khanh

Từ khúc : XIX, 110, 407.

ĐOÀN-HIỆP

Gọi hồn. — Tự trào. — Họa bài trên : XVI, 95, 484-486 : XVI.

ĐOÀN-KỶ

Ngày kỷ-niệm mồng 2 tháng 5 : III, 14, 115.

ĐOÀN-NGỌC-MẠNH

Văn tế sống (Đối chiếu NP 13, tr. 99) : XV, 87, 266-267.

Quan-Công cư Tào. — Chê gái lấy chồng già : XVI, 91, 81.

Tái ngộ tình-nhân. — Biệt tình-nhân — Cầm kỳ thi tửu : XVI, 92, 182.

ĐOÀN-NHƯ-KHUÊ

Mừng quan huyện thăng tri-phủ (hát nói). — Câu đối mừng ông Phạm tá tục-huyền : XXXII, 181, 195.

ĐOÀN-NHỮ-NAM Thọ sơn

Tiết thu.— Đêm thu.— Đi đường gặp mưa.— Dẫn nhà giáo.— Vui.— Nhấn khách Lạng-sơn.— Thu-cảm.— Gửi cô đào Mầu.— Chơi Trung-trang.— Hát nói: Thú ăn chơi.— Hối mua tiên — Quí thời-giờ.— Chén rượu trắng thu.— Xuân.— Bài hát «mười yêu».— Cờ bạc : XVII, 98, 176-179.

Khuê oán.— Phong, Hoa, Tuyết, Nguyệt.— Chiều thu nhớ bạn.— Phú-đắc : Anh đồ tự-phụ.— Cô đồ đáp lại — Chơi đèn Hà-lộc.— Phú-đắc : Người dâu gặp-gỡ — Sinh con trai.— Gái nhà nghèo.— Hát nói: Động Hương-tích.— Mùa thu tiễn bạn.— Xâm : Tắm ao nhà.— Dao vườn hoa.— Lời anh xâm — Đồ đưa : câu chuyện nhà chài.— Phong-dao : chẵn tấm : XVIII, 104, 292-295.

Khuyên người làm lụng.— Thăm chốn cố-viên.— Mưa Ngâu.— Nhấn cô hàng tắm.— Thư đường ngâu tác.— Đêm không ngủ.— Con trâu.— Con bò — Than nghèo.— Đêm thu lạnh — Chờ trăng.— Nắng.— Tức cảnh đề.— Tắm đêm.— Lữ thứ cảm hoài.— Phú-đắc : chẳng thương chẳng nhớ sao hay đi tìm ?— Viếng bạn Nam-định.— Đêm buồn.— Nhớ người xưa.— Giấc mộng đêm qua.— Hồi «thẻ» quân thúc.— Câu hát vặt : XIX, 111, 510-514.

Tắm mát buổi chiều.— Nghĩ.— Nhớ Thư-trì.— Bến Tân-đệ.— Biệt bạn sáng sớm.— Trời nắng đường xa.— Thức đêm.— Quả cau.— Miếng giầu.— Quả mít chín — Rơm.— Rạ.— Hát nói : Xem sách.— Đánh tờ-tôm.— Hát đồ-đưa : Lời chú lái đò.— Lời kể chuyện : Lời mẹ dạy con gái lúc về làm dâu.— Lời hát vặt : Công cha đức mẹ.— Nông phụ từ.— Cuộc đời thay đổi : XX, 116, 376-379.

ĐOÀN-QUỲ

Mồng chín tháng chín lên chơi núi Dục-thúy.— Cờ phong.— Ngũ-ngôn.— Bài tựa chơi chùa Trầm : VI, 36, 541-543.

ĐOÀN-TINH-CANH

Núi Hùng - sơn.— Sông Nhị-hà.— Qua trường thi Nam-định : XII, 68, 157-158.

Miếu Lã-gia.— Phong-cảnh núi Gôi : XII, 71, 342.

Đêm nằm không ngủ : XII, 71, 440.

Vịnh sử : Kinh-dương-vương.— Lạc-Long-quân.— Hùng - quốc - vương : XVI, 95, 489.

Lời khuyên học trò trong bốn mùa.— Lời vợ khuyên chồng (điệu hát) : rượu chè, trai gái, thuốc xái, cờ bạc.— Nhấn người trầy hội.— Bị cháy nhà.— Đi ở nhờ.— Về thăm chỗ ở cũ.— Về ở nhà quê.— Ngồi dạy học.— Tự an-ủy mình.— Đưa học trò đi thi.— Mừng học trò thi đỗ.— An-ủy học trò thi hỏng.— Tượng Hộ-pháp.— Chơi bến sông Bồ.— Cù-hậu : XVI, 96, 584-588.

Vịnh-sử : Đổng Thiên-vương.— Sơn tinh Thủy tinh.— Trừ Đổng-tử và Tiên-Dung.— Mị-nương.— Thục An-dương-vương.— Trọng-Thủy, và Mị-Châu.— Lý Ông Trọng.— Triệu Vũ-đế : XVII, 97, 85-86.

Cái gầu.— Thăm Văn-miếu.— Một ông kỳ-mục.— Thầy phù-thủy.— Thanh-minh tảo-mộ gặp mưa.— Đại hạn tháng sáu.— Đồng hè báo thức.— Cái dóm diêm.— Cái gương.— Hạt mưa.— Hòn son.— Ông lão.— Tài trai.— Cảnh đêm hè ở nhà học.— Chiêm bao đi du-lịch bên Âu.— Nghĩ sự đời.— Tự hối.— Công nợ.— Ma làm.— Câu hát vạt.— Lời bạn hỏi.— Lời tự đáp lại.— Cái tha-ma.— Đời người.— Cuộc đời.— Thuyền đi gặp gió.— Đêm hè thức dậy.— Anh đồ quê (xâm).— Ông quan phùng chèo (hát).— Dịch bài "Du Bá-Nha hòa đàn viếng Chung Tử-Kỳ : XVII, 100, 376-380.

Đề tranh : Mai điều, Liên áp, Cúc điệp, Tùng lộc.— Nghi Quán chuột.— Tức cảnh chợ Hoè.— Đêm đông.— Cười Tết.— Đề ba mươi Tết.— Khai bút.— Ngán nỗi thơ tôi.— Thích đăng báo.— Gửi bạn Nam-định.— Tức không có tiền mua sách mua báo.— Kỷ-niệm ngày 27 tháng một.— Tình cảnh đưa đi ở.— Tự cười mình.— Nhớ lúc

còn thơ.— Tặng ông Lang (xâm).— Câu hát vặt : XVIII, 105, 397-400.

Người câu cá.— Người kiếm củi.— Người cày ruộng.— Người xem sách.— Hai bàn tay — Con chó lang.— Con cua.— Vợ mắng.— Thầy đồ hiểu dụ cô đồ.— Gái tân lấy chồng ông lão.— Ăn mày.— Câu hát vặt.— Tự đề tập thơ.— Muốn làm cậu trò con.— Nhớ bạn.— Vòng trần lụy.— Người học trò.— Người làm ruộng.— Người làm thợ.— Người đi buôn.— Lời mẹ khuyên con gái.— Chó với mèo : XIX, 108, 202-205.

ĐOÀN XUÂN ĐÌNH

Mừng xuân : IV, 20, 142.

ĐỒ NAM (Coi : Nguyễn Trọng Thuật)

ĐỒ BÌNH THÀNH

Văn tế (viếng anh là Đồ-Ích-Khiêm) : IX, 54, 557-558.

ĐỒ HÀO ĐÌNH

Đêm mừng bầy (khảo về tích vợ chồng Ngâu và đối chiếu với chuyện cũ Âu-châu) — Minerve và Chức-nữ.— Thất tịch ca.— Đêm mừng bầy (ca-khúc lục bát) : IX, 52, 319-323.

ĐỒ KHẮC CHỨC

Ông lang thuốc tự thuật : XVII, 97, 88-89.

ĐỒ KHẮC SƯƠNG

Khuyên bạn không nên đeo đẳng cô đào.— Gái lỗi thì nhớ xuân.— Con bò hai lần ăn cây ngô bị bắt.— Vịnh bà Trưng-nữ-vương.— Vịnh cô Kiều.— Ông Công ngày tết : XIV, 84, 527.

ĐỖ-THỊ - SEN

Tiền bạn cảm tác : XVI, 93, 290.

ĐỖ XUÂN-MÃN

Đường bộ từ Đoan-hùng đến Tuyên-quang. — Phong vật thành Tuyên. —
Chơi thành Tuyên ngẫu hứng : IV, 19, 66.

Thơ đề núi và chùa Đọi : (Thơ Hán, dịch nôm) : XXII, 226, 198-199.

ĐỖ XUÂN - TIẾP

Đêm thu nhớ nhà : XIV, 79, 75.

ĐÔNG-CHÂU (Coi : Nguyễn Hữu Tiến)

ĐÔNG-GIANG

Ngũ thập tự-thọ : XV, 90, 553.

ĐÔNG-HỒ (Coi : Lâm Tấn Phác)

ĐÔNG-TÔ

Mười bài đoạn-trường (từ điệu) : Đề-từ. — Tính đa tài. — Liên bạc mệnh. —
Bi kỳ-lộ. — Úc cố nhân. — Niệm nô kiều. — Ai thanh-xuân. — Ta
kiền ngộ. — Khô linh-lạc. — Mộng cố-viên. — Khốc tương-tư :
XVII, 97, 87-88.

ĐƯỜNG MẠNH HUY

Thư thăm chông phải tội phát vãng Cao-bằng (hát nói) : V, 28, 351.

GI. TH.

Mừng xuân : XXXIV, 193, 210.

GIANG-HỒ du-tử

Độc sử cảm vịnh.— Cảm tác.— Họa thơ bạn.— Bài nguyên-xương.— Mùa thu cùng bạn chơi núi Gôi.— Cung oán : XVIII, 103, 187-188.

HÀ-THANH

Lục thập tự thuật : XXXI, 179, 628.

HÀ MAI-KHÔI

Truyện Kiều gọt (Dùng chữ chuyện Kiều mà rút lại mỗi câu bốn chữ, bốn câu hai vần, cộng 284 câu) : X, 56, 120-127.

Trày hội chùa Hương.— Đề chùa Thầy : XIV, 80, 163.

HÀ NGỌC-LIÊN

Hoa tình : XV, 89, 458.

HÀ NGỌC-QUI

Tự thuật : XVI, 92, 181.

HÀ NGỌC-TRÍ

Họa văn bài : Tự thuật của Hà-Ngọc-Quy : XVI, 92, 181.

HẠC-MINH

Giấc kê vàng : X, 60, 477-480.

HẢI-SINH

Tiến sao L₁-hầu : II, 8, 99.

HÀN-THANH

Gửi bạn phương Nam : XXX, 170, 314.

HÀN-THUẬN-ĐẶNG

Nỗi mình.— Cô gái kén chồng (dịch thơ Tây).— Cô gái góa chồng (dịch thơ Tây) : XX, 117, 483.

HOA-MẬU-ANH

Ngày xuân chơi Sài-sơn :XIV, 80, 163.

HOA-SI

Mừng gió nồm : I, 6, 388.

HOA-SINH

Lưu-Bình đề quán Nghinh-xuân : II, 8, 100.

HOÀN-BÍCH

Xuân giang hoa nguyệt dạ.— Giang lâu thư hoài (dịch thơ Đường.) : XII, 69, 245-246.

Đêm trăng nhớ tri-kỹ.— Hồ Hoàn-kiếm.— Tiên-biệt.— Chơi xa nhớ nhà : XII, 69, 247.

Đêm thu nhớ tri-kỹ.— Thơ tặng một cụ Hòa-thượng.— Ở chơi một chỗ sơn-dộng cỏ : XII, 70, 339.

Đề động Hoa-lư.— Đêm thu chơi sông.— Chơi sông Bò.— Trông trăng gửi bạn.— Tiễn bạn : XII, 71, 441.

Chơi chùa Hương-tích.— Qua đò suối Thiên-trù : XIV, 81, 257-258.

HOÀNG-CẬP-ĐỆ

Thư gửi cho một người văn-sĩ róm : XIX, 110, 404.

HOÀNG-CHÂU-TÍCH

Chúc mừng Nam-phong tạp chí : XXXV, 203, 35.

HOÀNG-DIÊN

Thơ gửi cho tình-nhân (hài vãn).— (Tập các câu Tam-tự-kinh) : XIV, 79, 77-78.

Chơi chùa Long-động : XVI, 92, 182.

HOÀNG ĐÌNH-TIỆT

Ở nhà lâu.— Vịnh cảnh chùa : XI, 64, 299.

HOÀNG HẠ-UYÊN

Thơ gửi thăm chị : I, 4, 260.

Vịnh thẳng hè.— Hồng, điệp, phong.— Sáo biết nói : I, 5, 320-321.

Vịnh Lương-sinh.— Vịnh Giao-Tiên.— Vịnh phâm-hàm.— Vịnh Tây-hồ.—
Vịnh hoa sen : I, 6, 391-392.

HOÀNG HỮU-TRÍ

Họa bài : «Hồ giả hồ cai» : XVI, 93, 287.

HOÀNG-MAI Hàn-sĩ

Xem hát chèo.— Muối : XVIII, 106, 499.

HOÀNG NGỌC-PHÁCH Song-an

Đêm trăng ngắm cảnh Hồ Tây.— Cảnh núi Dục-thúy. — Cảnh chùa Non-nước.— Bãi tha ma.— Cảnh đèn Ngọc-son.— Buổi chiều chơi sông : VIII, 43, 78.

Vịnh Thúy-Kiều.— Thuyền bị bão.— Khó giàu.— Cảm tác.— Cảnh đồng buổi chiều.— Đề ở chùa Thầy : VIII, 44, 157-158.

Đi học xa nhớ nhà.— Tiễn-biệt ở bờ sông.— Tài hoa là giống đa tình : VIII, 45, 244.

HOÀI-QUANG

Hoài-nam ca-khúc (Gồm 670 câu thơ lục-bát, không kể các bài thơ khác rải-rác trong ca-khúc): XIII, 74, 128-134.— XIII, 75, 210-216.— XIII, 76, 294...

HOÀNG-TỬ-MINH

Rủ chơi xuân.— Gái muện chồng,— Thơ Thủy tiên: II, 9, 166.

HOÀNG-THÚC-HỘI

Đề nhà hội-quán hội Khai-trí tiến-đức: XI, 62, 134.

HOÀNG-THÚY-CHI

Thơ đề núi và chùa Đọi (thơ Hán dịch nôm lục-bát): XXII, 621, 891.

HOÀNG-VĂN-BÍCH

Nhớ nhà.— Tiên-biệt: XVI, 93, 289.

HOÀNG-VĂN-CHÍNH

Bài ca du-tiên hội đèn Hùng-vương: VI, 35, 453-454.

HOÀNG-XUÂN-SƠN

Mừng báo: III, 14, 116.

HOÀNG-YẾN Song-cử

Bài ký đi chơi núi Ngự-bình: II, 8, 101.

HỒ-KHẨU-BÙI dịch

Bài hát «Túy-ông-đình» (kèm chữ nho): II, 8, 96-97.

HỒ-SĨ-NAM sao lục

Bài phú chế anh học trò lười đốt : XV, 89, 455-456.

Bài phú thuốc phiện : XVI, 95, 483-484.

Bài sai tồ-tôm.— Bài phú thi hồng : XVI, 91, 81-83.

HỒ-TÁ-BANG

Tự trào.— Hồ giả hồ oai : XVI, 91, 85

HỘI-NHÂN

Mùa thu tiễn bạn.— Tiễn người đi xa.— Mùa thu cảm biệt.— Vịnh vợ chồng Ngâu : V, 28, 349.

Chúc tụng (thơ ca xuân) : VI, 32, 171-172.

HỒNG-ĐỨC

Hồng-đức quốc-âm thi-tập : Thiên địa môn : Nguyên-đán.—Xuân.—Hạ.—Thu.—Đông.— (chưa hẳn thuộc Hồng-đức đời nhà Lê (1470-1497) song không phải cận-thời. Thơ cò : bảy chữ xen sáu chữ) : V, 29', 425-427.

Tân-nguyệt.— Nguyệt.— Họa theo văn mười bài : V, 30, 536-537.

Trào-nguyệt.— Thu-thiên nguyệt-lãng.— Hằng-nga nguyệt.— Năm canh.— Lại thề nữa : VI, 31, 62-64.

Nguyệt trung đan-quế.— Hạ-thử.— Xuân.— Hạ.— Thu.— Đông : VI, 32, 158-159.

Mười hai tháng (mỗi tháng một bài) : VI, 33, 254-255.

Nhân-đạo môn : Tự thuật.— Hán Cao-tô.— Hạng-Vũ.— Trương-Lương.— Tiêu-Hà : VI, 35, 358.

Hàn-Tín.— Tô-Vũ : VI, 35, 446.

Lãng-Mẫu tổng sứ-giả.— Điều Lê-Du.— Điều Cao-hương Lương trạng-nguyên.— Vịnh Nghĩa-bang Trạng-nguyên.— Mị-Ê.— Hoàng-giang điếu Vũ-nương : VI, 36, 533-534.

Điêu-Thuyền. — Chiêu-quân Chiêu-quân xuất tái. — Chiêu-quân tự-tử. — Lưu Nguyễn nhập động. — [Lưu Nguyễn động-trung ngộ tiên-ử. — Lưu-Nguyễn từ tiên-tử. — Tiên-tử hoài Lưu-Nguyễn Lưu-Nguyễn. — tái đáo bắt kiến tiên-tử : VII, 37, 60-61.

HUỲNH-CÔN

Hưu trí lưu-giản : I, 6, 386.

Đề ấp Thăng-viên : II, 12, 363.

Ông ngư-phủ. — Vịnh mưa đông. — Âu-châu chiến-cuộc : III, 15, 169.

HUỲNH-CHÂU-TÍCH

Họa văn đề ấp Thăng-viên : II, 12, 363,

HUỲNH-MÃN-ĐẠT

Chiêu-quân xuất-tái. — Mưa đêm. — Gành Móm. — Đi đi tu. — Cảnh chiều. — Dạ-nguyệt phiếm-chu : XV, 88, 353-354.

HUỲNH THỊ BẢO-HOÀ

Vịnh miếu bà Triệu-Âu. — Nhớ nhà khi còn ở Bắc-kỳ. — Thức bạn : XXI, 122, 417.

HƯƠNG-SƠN

Tặng nhà sư. — Nhân-tình đưa cho cô đào. — Cô đào đáp lại. — Tự trào. — Lục thập tự thọ. — Song thọ hí-tác. — Phu phụ đối thoại : XXXV, 209, 288-289.

Kim-Trọng Thúy-Kiều hợp vịnh. — Kim-Trọng Thồ-quan hợp vịnh. — Thúy-Kiều. — Kim-Trọng. — Thúy-Vân. — Vương-Quan. — Tiểu-đồng. — Đạm-Tiên. — Chung-công. — Quan phủ Lôi-châu. — Thăng bán tơ

.— Thúc-ông.— Thúc-sinh.— Thúc-sinh sợ vợ.— Hoạn-Thư :
XXXV, 310, 646-347.

HƯỜNG-NHUNG, HƯỜNG-THIỆC

Việt-sử diễn nghĩa tứ-tự ca : XIX, 111, 451-460.

HỮU-TĂNG

Qua đôn Bim-sơn.— Đền Hùng-sơn.— Hội đền Hùng : IX, 54,556.

HỮU-HIỀN

Thơ mừng Báo : I,3, 183.

Thơ chơi giảng : I, 3, 184.

HỮU-TÔ

Vịnh Mị-Châu.— Đề truyện Kiều : III, 14, 114.

KIM-KHANH

Gửi cho bạn đồng-tâm.— Tiên-biệt : XVIII, 106, 499.

KHIÊM-TRAI

Hoài-cò khúc : VI, 32, 164-165.

L. V. Q.

Mộng tình cảm-hoài : XIX, 111, 510.

L. V. T.

Nói chuyện với người trong tranh (liên-hoàn) : XV, 89, 457-458.

LẠC-TỤNG

Họa vận bài «Không đề» của Quất-Điền: VI, 34, 359.

LÂM-TÁN-PHÁC Đông-hồ, Trác-chi

Xuân-nhật thi-bút : XIV, 80, 164.

Từ-Thứ qui Tào.— Quách Tử-Nghi lai triều thụ tội.— Vua phán cho Quách Tử-Nghi (Lâm-Tán-Phác sao lục): XV, 88, 354

Đưa bạn về quê.— Bơi thuyền hồ Đông.— Chiều hôm nhớ nhà.— Viếng mộ tiên-nhân.— Ngồi thuyền giữa biển bị giông cản.— Bỏ Tây-phục về Quốc-phục.— Canh năm dạo cảnh — Thầy giáo tự cười mình.— Dốt làm thơ.— Phú đắc.— Vịnh hai bì Trung.— Đêm mưa nhớ bạn.— Trông trăng nhớ bạn (điệu nga-mi-dương) : XVIII, 106, 497-498.

Hà-tiên thập cảnh : mười bài thơ của Mạc-Thiên-Tích : XIX, 107, 43-47.

Buồn tình — Thơ mảnh sành.— Cây dừa.— Cây bắp.— Cây vông — Tự thuật.— Trăng non.— Trách Thúy-Kiều.— Bá-Di Thúc-Tề.— Đưa chông.— Vọng phu-thạch.— Tự thán.— Đại khôn — Than cuộc đời ,— Tưới cây : (các bài này không rõ của ai, LTP sao-lục) : XIX, 107, 96-98.

Trác-chi thi văn tập : Bơi thuyền chơi Đông-hồ.— Bụi trúc sau mưa — Chơi hoa.— Hoa hồng.— Hoa hồng buổi sáng.— Hoa rụng.— Đông-hồ cảnh sớm.— Đề ảnh tự cười mình.— Đêm đông nhớ bạn.— Thấy gió bắc cảm.— Trông trăng nhớ bạn.— Đề bình cắm hoa lài và hoa hồng.— Đề sách tiêu-thuyết «Nho phong».— Thanh-minh có mưa phùn.— Lên chơi núi Đại Tô-châu.— Chơi Tô-châu— Mừng tân-hôn.— Kính tiễn Nguyễn đại-nhân trí-sĩ.— Cảnh trăng trên Đông-hồ : XX, 116, 379-381. Quên rằm.— Vịnh Tây-Thi.— Vịnh Chiêu-quân.— Giang-thành cảnh chiều.— Hoa rụng.— Gửi người tặng hoa.— Đề bình mai-hoa.— Đưa bạn làng văn.— Giấc ngủ trưa.— Cười khan.— Ở đời.— Quốc gia nghĩ cảm.— Ký ngày tương-ngộ người

bạn cũ.— Mộng thấy em nhà.— Lan «Nguyệt-dạ».— Ký ngày
tương-biệt ông Hương Tiên : XXII, 129, 516-518.

Mi-nhân thập vịnh : chải đầu, soi gương, sửa áo, thêu thùa, biếng tựa,
dưới hoa, xem sách, buồn ngâm, lặn lội, thiu ngủ : XXI, 123,
521-522.

Nét mực nhà : Hoài hữu.— Khuyến nữ-học.— Mừng tân-hôn.— Bảo lụt
năm giáp-thìn (1904).— Họa bài trên.— Tặng Giang-thanh tri-
phủ.— Họa bài trên.— Mừng tri-huyện thăng tri-phủ.— Mừng
bác Minh-đường trí-sĩ — Vịnh Quan-công.— Trung-thu du hồ (5).
— Mừng tri-huyện người một họ sinh trai.— Mừng bạn thăng
chức.— Đưa bạn.— Chiều thu nhớ bạn.— Cái khay cần.— Vịnh
«cờ con cá» trên đầu cột thuyền buồm.— Kính họa Nguyễn-hữu-
Bàí.— Nguyên bài của quan Thượng-thư.— Gặp người xưa.—
Tiễn bạn, nghiệp làm thuốc.— Bơi thuyền chơi trăng thu.— Trăng
non.— Vịnh cái ô.— Đưa cháu Thuần-Nhân đi thi.— Thị-phi gió
thoảng.— Nhớ bạn nghiệp làm thuốc.— Văn thánh-miếu Hà-nội.—
Khai bút năm Bình-thìn (1916).— Đề gác Nam-phong.— Khai
bút năm Bình-dần (1926).— Vịnh bông mai-vàng...— Câu đối
viếng bà xương-phụ.— Câu đối đề phần mộ tiên-nhân.— Tiễn bạn
thân trí-sĩ.— Gửi bạn Tân-an.— Đinh-mão hạ Tân-xuân ngâm.—
(và hơn hai chục bài thơ chữ Hán) : XXI, 124, 570-579.

Cái bình vôi, dịch thơ Pháp : XXI, 124, 627-628.

Đưa con lấy chồng, dịch «À une mariée» của V.Hugo.— Vịnh Nàng Mai,
dịch «Marie» của Th.Jirace.— Cảnh hoàng-hôn, dịch «Le soir» của
Lamartine.— Nhấn bạn nhà quê, dịch «Aux paysans» của Autran :
XXII, 128, 413-415.

Bài hát : Bài hát nghỉ lễ(2).— Bài ca nghỉ hè.— Chơi núi Tượng-son.—
Cảnh học-đường ân giáo-dục : XXV, 144, 523-524.

Bài phú Đông-hồ (Phượng-thành danh thắng, vãn : Đông-hồ một mảnh
trăng thu) : XXV, 145, 626-628.

Thơ tiễn biệt (với Quang-Đầu, Bạch-Như) : XXVI, 148, 293-294.

Bài phú Đông-hồ : XXVIII, 158, 69-72.

Tuyển lục ít bài thơ tiên. — Bài luyện đồng : XXX, 171, 398-401.

Đáp họa thơ ai người đ.t Bắc (của H.T.nữ-sĩ trong NP 170) : XXXI, 174, 76.

Khuyến việc học Quốc-văn : XXXII, 180, 80.

LÊ-ANH-ĐIỂM

Tự nói mình. — Chơi thuyền Hạp-long. — Nhớ bạn tri-âm. — Thu cảm : XI, 63, 215-216.

LÊ-BẠCH-NHƯ (Hà-tiên)

Chiều thu có cảm. — Đưa quan đốc học dời đi chỗ khác. — Chiều thu ở hồ sen nghe tiếng hát. — Ở Giang-thành gửi bác Đông-hồ. — Qua lối cũ có cảm. — Chiều thu ở Nam-phố. — Ở vườn. — Đêm đông độc-âm. — Chơi bãi ở Vân-trung nhớ cố-nhân. — Dưới trăng ngộ cố-nhân. — Chơi xuân có cảm : XXVIII, 161, 403-404.

LÊ-CẨM-NHUNG

Người xưa cảnh cũ nào đâu tá ? (dịch « Le Lac » của Lamartine) : VIII, 48, 519-520.

LÊ-DU Sớ-cường

Dật-sự Ma-Danh-Cúc và vợ Ba-đồn tướng-quân (Ma-Danh-Cúc thuộc giòng Từ-trường ở Thái-nguyên, xưng tướng từ đời Tây-sơn tới Minh-mệnh. Khi bị bắt, vợ làm bài tự-tình đề xin đại-xá) : XXVIII, 159, 163-166.

Thơ Đường diễn nôm : XXXI, 175, 151-159.

Đường thi diễn âm : XXXI, 179, 606-611.

LÊ-ĐÌNH-HUYẾN

Nhân-đình quốc-âm thi-tập : Tự.— Thơ thất ngôn : Phú-đắc «Đình đám người mẹ con ta». — Điệu nội tam thủ (ba bài khóc vợ). — Ký bản-thôn chư quân-tử.— Họa thơ ông Tú cùng làng bảy mươi tư tuổi tự thọ.— Họa thơ ông «Tú khiêng» yêu phiêu ghét phiến : V, 29,434-435. — Bắc-kỳ đê vỡ.— Dân thôn hộ đường khuyến nông.— Bệnh hậu hì thuật.— Hạ Phương-tri cựu Phó-tổng Bùi-thái sơ-độ.— Hạ Phương-tri cựu Chánh-tổng Bùi-thái sơ-độ. — Tặng Đan-phượng Thụy-ứng lão-y Nguyễn-đài.— Tặng Thụy-ứng sĩ-nhân tân cư.— Họa Thanh-liêm. . . — Tặng biểu huynh Dương-đài : VI : 35, 452-453.— Tặng tiên-thất đệ Trương-đài.— Thôn-cư tức-sự.— Tặng đồng-hãn lão-y Dương-đài.— Tặng bản-thôn lão-nho sơ-độ.— Tặng muội-phu Nguyễn-đài ngũ-thập.— Bằng-tọa văn điều.— Trung-nguyên khiên-hứng.— Thái-hàThảo-trang...— Họa Thái-hà...— Phụ nguyên-tác : VII, 38, 156-157.

Thay lời phiến nói.— Tự thán.— Phú-đắc : bác cử Hanh chí minh nông không chơi nghề chữ.— Bắc-ninh đê vỡ (năm Tân-hợi). — Xem hộ đê.— Lãng ngâm.— Văn tế cha (nhà làm nghề thuốc) : V, 30,541-542.

Họa bản-thôn Lan-son Nguyễn-Tường.— Ông kiến tặng.— Phụ nguyên-tác.— Gửi cho ông Tú Khiêng bảy-mươi-năm tuổi thọ.— Họa thơ ông Tú Khiêng đưa lại.— Phụ nguyên tác.— Phượng-tri đồ-gia tế-mẫu văn : VI, 31, 68-69.

Tự-trào.— Thị gia-nhi.— Tặng tụng-đệ nguyên Lễ-phòng Thư-lại.— Giáp-dần tuế-trừ.— Hành-niên ngũ thập ngũ chí hi.— Chuyết-phụ họa.— Tiệp-thiếp họa.— Phượng-tri Lưu-đài họa.— Phượng-tri cựu Phó-tổng Bùi-đài họa : VI, 36, 538 539.

Thơ thọ.— Xá-đệ Âm-sinh Thúc-hoạch họa.— Chuyết-kinh Đặng thị học

bộ.— Phó thất Bùi thị học bộ.— Từ-tế-đăng bài họa : VII, 41, 429-430.

Vấn tế mẹ (trăm ngày) : VIII, 44, 159.

LÊ-ĐÌNH-SÁN

Ca-khúc : Hội kỷ-niệm đền Hùng-vương : VI, 34, 363-364.

LÊ HÀO

Mùa thu.— Đêm không ngủ : XII, 71, 440.

LÊ-HÒA

Vịnh ông Trần Hưng-Đạo : VI, 34, 362.

LÊ-KIỆM-THÍNH

Mừng nhà mới.— Tiễn Quan Bác vật về Tây : XIX, 110, 405.

LÊ-MẠNH-TRINH

Không muốn làm trai.— Muốn già.— Tự-thuật.— Mừng sinh con trai.—
Bán chị em xa.— Cảnh hoàng-hôn,— Cảnh nhà nho — Ông ba
bị.— Con cu cu : XV, 84, 72-73.

Bảo mẫu — Cảnh nhà nông.— Danh lợi : XVIII, 103, 187.

LÊ MINH-HỒNG

Thuật hoài (giang hồ thuật ngôn) : XX, 114, 183-184.

LÊ QUỐC-TRINH

Quá phế-miếu hữu cảm.— Đền Ngọc-sơn — Đêm dài mong sáng : XII, 68, 157.

LÊ-THỊ-TÀN

Khúc Hồng-nhạn-lai (thơ mới) : II, 9, 168.

LÊ-VĂN-PHỔ

Con cóc.— Con ve sấu. — Cảnh Hồ Tây. — Đèn Quan-Thánh — Hồ Hoàn-kiếm Tết đoàn rǣ.— Mấy câu đố vật : XX, 118, 582-583.

LÊ-VĂN-QUÍ Quảng-nguyên

Bài hát bà Trưng bà Triệu : I, 5, 315.

LÊ-VĂN-QUỚ

Cảm tưởng sau khi đọc mấy bài tiễn-biệt ông Trọng-Toàn : XXXII, 182-300.
Sông xuân đêm trắng hoa.— Lời ông câu.— Bói ở (tản văn) : XXXIII, 191, 606-607.

Học-sinh Tǣng-hòa mừng tuổi thầy học : XXXIV, 192, 98.

LÊ VĂN-THIỆP

Bài ca : Hưng quốc khánh niệm tiết của làng Bợ-la (Thái-bình) : VIII, 48, 524

LÊ-VIỆT thôn-nũ

Bà Triệu-Ầu.— Qua miếu thờ bà Triệu-Ầu.— Mẹ khuyên con khi mới ra làm quan : XXX, 171, 422.

LÊ XUÂN-SINH sao lục

Tinh-khứ lưu.— Chim bồ câu.— Tự-giác — Nợ phong-lưu.— Câu đối : Hồ Non-nước, dán ngày Tết.— Văn phở-khuyến : XV, 87, 264-265.

LIÊN-BẠT (ông nghề)

Bà phú cải-lương : XIII, 73, 63-65.

LƯƠNG CHÂU-TRÂN

Trung-Nhật chiến-tranh (họa : Trần Đại-Minh) : XXXII, 184, 506.

LƯƠNG DUYÊN-HỒI

Qua dò tiền hạn. — Không thêm đi thi : XX, 113, 88.

LƯƠNG-ĐIỀN

Đi thuyền đêm ở Tây-hồ : II, 8, 99.

LƯƠNG NGỌC-PHÚ

Thơ gửi một người văn-sĩ róm : XIX, 110, 404.

LƯƠNG TÁI-TẠO

Văn tế chim ngan và chim sếu (Bán được hai con, bị đạn ở cánh, đem về nuôi. Một hôm con ngan bỏ đi, còn con sếu ở lại không chịu ăn) : XXVIII, 160, 292-293.

LƯƠNG VỊ-THỦY

Mưa tạnh sáng trăng. — Đánh thức bạn : XV, 90, 552-553.

Đánh thức chồng tát nước. — Tát nước. — Tiết xuân. — Tự thuật. — Tự trào. — Tư cố hương. — Lên núi Dục-thúy. — Nhớ bạn. — Cảm tác : XVI, 93, 285-286.

Nông nổi đêm thu : I. Hành-vân điệu, II. Nam thương-diệu. — Đêm thu chơi trên cầu. — Đi đêm : XVIII, 106, 500-501.

Bảo nhau. — Muốn đi tu : XIX, 110, 405.

LƯU CÔNG-HIỆU

Ngẫu vịnh : XII, 72, 525.

LÝ-NGUYỄN-BÁCH

Hồ Tây buổi trưa.— Chờ em ở bờ Hồ Tây.— Đòi là giấc mộng : XXI, 119, 92-93.

LÝ-VĂN-PHÚC

Khắc-trai thi văn tập : Bất phong lưu truyện. Hồi chu trở phong thán : V, 27, 264-266.

MAI-ĐÔNG nữ sĩ

Tình cảnh chị đi chợ : XVI, 94, 387-388.

Giai-nhân tự thuật : XVI, 95, 486.

Bà Trưng-Nhị.— Bà Mị-nương.— Phong-dao : Chị đi mua vôi, Chị đi xem hội, Mắng chị đi xem hội : XX, 113, 85-86.

MAI-KHÊ nữ sĩ

Vịnh ông Nguyễn Trãi : IV, 23, 411.

Họa bài : giai-nhân tự-thuật : XVI, 95, 486.

Đề tám ảnh ông Phạm Thượng-chi : XVII, 100, 383.

MAI-KHÔI

Thơ gió nồm : I, 4 256-257.

MAI-LIÊN nữ sĩ

Tâm sự người gái tân : XVI, 94, 387.

MAI-LỘC

Bài hát dân tiền quan phải giáng : I, 3, 183.

MAI-NHẠC

Đề tám ảnh ông Phạm Thượng-chi : XVII, 100, 383.

MAI-SƠN

Thơ của nàng Lương-Ỡ-nương gửi cho Lý-sinh (Dịch thơ Tàu) : XXI, 122, 416-417.

MAI-THỊ-TUYẾT

Đi đường xa (10) : X, 60, 475-476.

MAI-VĂN-LIÊM

Khai bút.— Xuân.— Mừng xuân.— Hời khách chơi xuân — Đạo gót vườn xuân.— Đêm.— Đêm sông.— Họa : khai bút : XVI, 91, 83-84.

MAI-VĂN-LIÊN

Pháo nổ : XVI, 95, 488.

MÂN-CHÂU (Coi thêm : Nguyễn-Mạnh-Bồng)

Cận thiên-tiên.— Hoài hữu ngâm . II, 11, 313.

Đày biệt xứ, dịch «L' exilé» của Lamennais : III, 15, 159-162.

Uy-Liêm đệ nhị (A Guillaume II) : III, 16, 220-222.

Sớm xuân ngủ dậy.— Xuân khuê.— Xuân tình.— Xuân cảm.— Mừng xuân.— Xuân cảm.— Ngày xuân tức sự : IV, 19, 71.

Cầu chúa Đông : Tiền Đông Táo : IV, 19, 73.

Chơi Ngọc-sơn.— Vịnh sông Đào.— Vui Tết tức cảnh : IV, 20, 141.

Vịnh sử : Phan Thị-Thuấn (ba bài) : IV, 21, 228 229.

Tức cảnh Đèo Luột : IV, 21, 231.

Chúc người đời.— Dủ chơi xuân.— Đọc sách đêm xuân.— Hối xuân.—
Thưởng xuân : IV, 32, 172.

Núi Trầm-sơn : XIII, 77, 429.

MẬN

Tắm sớm III, 15, 171.

MINH-CHÂU

Tự thán : III, 15, 169.

MINH-PHƯỢNG

Ngẫu đề.— Nhớ cô hàng rượu.— Thuật-hoài (Giá-cô-thiên).— Ngông
(Hành-hương tử).— Khóc Kiều (Bắc-giang mai lệnh).— Trường
hận ca.— Tự thán (xuôi và ngược).— Đại.— Hồng - nhan bạc-
mệnh.— Cảm-hoài (Xuân-tiêu khúc. Thân-thế (Nhất tiễn mai).—
Vô đề (Giá-cô-thiên).— Chơi thuyền (Tân-đoạn trường.— Bán sầu
(Diệu kinh).— Hát ả-đào lần thứ nhất.— Khóc (thơ trường-thiên).—
Viếng bạn (cổ phong).— Bài văn "Viếng người bạc mệnh" : XVII,
101, 483-488.

Chơi Hải-phòng.— Chơi Kiến-an.— Hữu cảm — Lữ cảm — Tình-cảnh chơi
Kiến-an.— Về Hà-nội bị đau (Phá Tề-trận).— Vô duyên.— Chơi
núi.— Luận về khóc, cười (tản văn) : XVIII, 104, 299-302.

Ngẫu đề (thuận, nghịch độc).— Tức-cảnh đề.— Trách ông bướm.— Khóc
cúc (Bộ-bộ-thiểm).— Kiếp má hồng (Vân-thê).— Tâm sự người

con gái lúc về nhà chồng (Thái-xuân-hoa).— Đêm buồn (Thu thiều-thanh).— Gặp gỡ làm chi (ngũ ngôn).— Bệnh trung ngẫu hứng.— Bài phú «Yêu hoa».— Luận về «phải, trái»: XVIII, 105, 400-403.

Thức bạn ngủ trưa.— Khéo kéo nó cấp.— Con tằm rút ruột.— Nhấn bạn — Hữu-sở-tư (5).— Viếng nghĩa-địa.— Viếng thằng bé con mới đẻ.— Tự hứng cảm : XIX, 108, 205-206.

MÔNG-LAN thôn nữ

Xuân dạ phiếm chu nhân ngâm.— Nguyên tiêu thường hoa không có trăng cảm tác.— Dạo vườn xuân.— Phong, hoa, tuyết, nguyệt, cầm, kỳ, thi tửu vịnh.— Thuyền đi chơi sông Hương: XXVIII, 160, 291-292.

Giai-nhân nhân sầu thập vịnh (Vịnh mười cái buồn...)— Vịnh Ngưu lang.— Vịnh Chức-nữ.— Đề tranh hoa mai: XXVIII, 162, 498-499.

Thu dạ ngẫu đề.— Cảm tác.— Chơi sơn-lâm cảm tác.— Tây-hồ vọng-nguyệt: XXVIII, 163, 601.

Đề vào mặt phỗng đá — Vịnh bà Trưng.— Vịnh bà Triệu-Âu.— Vịnh cuội.— Vịnh bà Chiêu-quân.— Vịnh đền Phố Cát.— Uống rượu tự-thuật.— Đối-tọa nhân ngâm.— Vịnh người con gái bị chồng chê tự tử.— Thường hoa trà bạch.— Vịnh chùa Hương-tích.— Tiên đề : XXIX, 164, 94-95.

Vịnh Cuội cùng trăng.— Thường xuân.— Hát nói : XXIX, 166,302.

Thu-cảm (tản văn).— Khúc thu-hận (Tả theo ý bài «Khúc thu hận» của bà Trương-Phổ) : XXX, 168, 93-94.

MỘNG-TIÊN

Ngày hạ.— Ngẫu vịnh: XIII, 75, 252.

MỘNG-LIÊN

Họa vận bài «Chơi Trung-thâu» của Tam-xuyên : VI, 55, 256.

MỘNG-PHẬT

Tặng cụ Tam-xuyên : VI, 36, 359.

Vịnh cờ lau : IX, 51, 261-262.

N. H. Q. sao lục

Chinh-phụ hoài-ngâm : XXII, 125, 83-84.

N. N.

Già (mười nói).— Vinh nhục : XXXV, 210, 348.

NẠI-VIÊN

Thân hào tiến quan huyện Bất-bạt : XXXIV, 192, 98-99

NAM-ĐỒNG-ÍCH

Ta uống rượu ta : XXXV, 207, 207.

NAM-PHONG sao lục

Phụng dịch bài thơ ngự chế ban cho báo Nam-phong : II, 11, 257.

Qua núi Già-hương huyện Phù-ninh.— Viếng ông Nguyễn cử-nhân người Nội-duệ.— Nhấn bảo ả đào.— Gửi người tương-tư — Khuê oán — Tự mình cười.— Phụng mạng vua đi đánh giặc.— Thọ trời rất khéo.— Cảnh xuân.— Trăng thu : IV, 22, 328-329.

Dịch Đường thi : Hoàì thương biệt hữu-nhân.— Biên-từ.— Tây-Thi thạch—
Hưu quan lục thập tự thọ.— Thuật hoàì.— Nợ phong-lưu.— Văn
cảnh chiều.— Cảnh thu.— Túy-hương.— Văn vợ tế chồng : IV,
23, 409-411.

Hát nói, hát ả đào : Cảnh nhàn.— Cách phong-lưu.— Cảnh Tây-hồ.—
Chinh-phụ.— Trần-Đoàn.— Tự tình.— Mỗi tình chung.— Nhớ
người viễn khách : V, 28, 343-345.

Chánh phủ mở quốc-trái đường xe lửa Vinh-Đông-hà : khuyên mua quốc-
trái.— (Các thề thơ. . .) : X, 55, 1-5.

NAM-SƠN-TRÚC

Động Long-tiên (Chùa Trầm) : II, 9, 169.

NINH-LÃNG-NAM

Thơ gửi đề đền kỷ-niệm « Trận vong tướng-sĩ » : VII, 40, 339.

NÔNG-SƠN (Coi : Nguyễn-Can-Mộng)

NG. sao-lục

Bài văn tế sống : tiêu-dẫn, văn tế : III, 14, 99-100..

NGẠC-ĐÌNH (coi : Nguyễn-Hữu-Tạo)

NGẠC-HỌC

Chúc mừng Thái-dân Khuất tiên-sinh thất thập thọ : XXXIV, 192, 97.

NGÔ-HUY-LÊ Mỹ-hào

Đề ảnh ông giáo B... : II, 7, 38.

Thơ tặng biệt : II, 7, 39.

NGÔ-HUY-LINH

Cung chúc Hoàng thượng bắc tuần : II, 12, 362.

Diễn bài tựa Lan-đỉnh (kèm chữ Hán) : V, 28, 345-346.

Dịch bài « Qui khứ lai... » : VI, 36, 540-541.

Yêu sen (dịch) : VII, 38, 159.

Dịch nghĩa bài ca « Khuyển hiếu » : IX, 51, 233-236.

Ham-quốc nữ-lưu tân truyện (lục bát) : XIV, 83, 383-388.

NGÔ-HUY-QUÝNH

Tết nguyên-đán ở Lai-châu.— Ngày xuân tặng bạn : XXII, 125, 89-90.

NGÔ-LƯƠNG-NGỰ

Tỉnh Bắc-kạn.— Phú đắc : « Tiếc thay cây quế giữa rừng đề cho thẳng Mán
thẳng Mường nó leo ».— Lo : XIX, 110, 403.

NGÔ-SÁCH-VINH

Hoa tình (sâm ả đào) : XV, 85, 74.

NGÔ-TÂN-TIẾN

Bài hát mừng trường Kỹ-nghệ (hát nói) : I, 6, 390.

NGÔ-THẾ-THỤY

Tặng bà đào Hảo.— Tặng ông ần-sĩ núi Lãm-sơn Bắc-ninh : XIV, 79, 77.

Đầu năm Giáp-tí.— Vịnh bà Nguyễn Thị-Kim : XIV, 80, 161-162.

Đề ảnh.— Tặng bạn làm thông-phán : XIV, 82, 335.

Vịnh chùa Tam-thanh.— Nhấn bạn làng thơ.— Vịnh thu : XIV, 83, 435.

NGÔ-THẾ-VINH

Bài Chức-cầm hồi-vấn của nàng Tô-Huệ (bản chữ Hán, dịch hai bài) :
XXII, 129, 514-516.

NGÔ THỨC-TỬ Mai-khê

Họa thơ vịnh Đường Minh-hoàng.— Vịnh đời người : II, 12, 364.

Tượng đồng vua Lê-Tô.— Lý-Ông-Trọng.— Vú em ngồi xe nhà.— Khuê-oán : III, 15, 170.

Muôi hóm : III, 15, 171.

NGÔ VI-LÂM Quế-hài

Thơ cung kỹ Ngự giá Bắc tuần : II, 12, 362.

NGUYỄN (bà Án-sát-sứ)

Vấn tế mẹ : II, 11, 314-315.

NGUYỄN ÁI-HOÀ sao lục

Xuân sầu : I, 5, 315.

Chơi Thái-nguyên tức cảnh.— Ở Phồ-yên gửi về cho bạn ở Hà-thành : II, 8, 100.

Cận thiên tiên : II, 9, 167-168.

Thơ bà phủ Ba trách cụ Nhân-Khanh hẹn đến chơi không đến : II, 9, 169.

Nga mi-dương : giầy con.— Mị xuân-liều : Xem báo : II, 10, 237.

Trú-đường-xuân : Xuân hoài.— Ứng-thiên-trường : Tương-tư : II, 11, 313.

NGUYỄN ÁI-MĨ

Đời người . XVI, 93, 289.

NGUYỄN BÁ-CUNG

Mừng quan Tissot thăng khâm-sứ Kinh : IV, 23, 416.

NGUYỄN BÁ-GIỀM

Đưa một người trái duyên.— Đưa ông phán sở kho bạc mắt trộm.— Đề

cái đàn tranh (treo nhà đàn bà góa).— Văn miếu Hà-rội.— Đưa một người đi thi hội.— Ông tượng gỗ.— Ông tiến-sĩ hàng Gai.— Câu đố : 19 bài.— Đưa một ông bạn làng văn : XXII, 128, 411-413.

NGUYỄN BÁ-NHIỆM

Mấy lời huấn-thị nam-nữ học-sinh của quan thượng-thư bộ quốc-dân giáo-dục : XXXIII, 190, 477.

NGUYỄN BÁ-THỤY

Khuê phụ thán : XIX, 112, 613-614.

NGUYỄN-BÁ-XUYẾN

Xuyến-ngọc-hầu thi-văn tập : Văn tế trận vong tướng-sĩ.— Văn tế chúng sinh : XX, 117, 474-476.

Văn tế mẹ.— Văn tế bố vợ : XX, 118, 575-576.

Văn tế nữ mẫu.— Văn tế cha.— Văn tế ngu : XXI, 119, 86-88.

Văn tế đám ma.— Văn tế đám ma (nữ) : XXI, 120, 197-198.

Văn tế hậu.— Văn tế thầy tu chùa Đông-hoa : XXI, 121, 304-305.

Văn tế cha, văn tế mẹ : XXI, 123, 517-518.

Văn tế cha (3) : XXII, 125, 82-83.

Đích tử tế thứ màu.— Văn tế thứ màu.— Văn tế bố vợ : XXII, 126, 192-193.

Cảm tác.— Vịnh tổ tông.— Thăm quê cảm tác.— Đau ốm luôn cảm tác.— Mừng nghĩa huynh thọ bảy mươi.— Đến chơi trường học ông Phạm Công-Thuyên.— Vịnh non nhân nước trí.— Họa bài thơ của ông Phạm Công-Thuyên.— Đề thuyền buồm.— Tặng thầy chùa : XXII, 127, 305-306.

Chơi chùa Đông-hoa, nghe tiếng đọc sách có cảm.— Họa bài thơ của Hoàng nghĩa huynh.— Gửi cho bạn ở Nghệ an.— Tặng ông Trúc

Khê ở Hoa-dương thôn. — Mừng ông Biện Tráng làm nhà mới. — Giám-đốc trường thi năm Kỷ-mão. — Ngày Tết khai bút. — Chơi chùa Thiên-bảo cùng xướng họa với ông Đạo-khê. — Uống rượu với bạn ở Trúc-khê hoa-viện : XXII, 128, 408-409.

Trả lời ông Đạo-khê. — Chơi bè ở Đằng-giang. — Họa thơ ông Trúc-khê. — Họa thơ tức cảnh của Đạo-khê công. — Khỏi bệnh tạ thầy thuốc. — Đến chơi quan huyện La-thạch ngẫu chiếm. — Muối đêm. — Ngày xuân dậy sớm. — Vịnh cá vàng. — Đưa cho ông Lãn-Phu. — Đưa cho mấy thầy Hòa-nam : XXII, 129, 513-514.

Một bài họa theo. — Đưa cho bạn. — Gửi cho bạn. — Tặng ông Đạo-khê ở nơi tân ngụ. — Phụ thơ ông Đạo-khê họa lại. — Họa thơ ông Đạo-khê. — Nghi hộ bạn mừng ông Đạo-khê. — Họa thơ ông Lãn-Phu. — Thơ vịnh hoài. — Vào Gia-định thuyền đi được ổn đáng. — Mới vào yết-kiến Chúa Nguyễn : XXII, 130, 626-627.

Qua trên sông. — Họa thơ ông Liên-Phong. — Chơi chùa Bàu. — Đưa cho ông Lãn-Phu. — Viếng cái thây phơi ở bờ sông. — Vịnh đèn. — Khai bút năm Kỷ-sửu. — Ngày xuân có cảm. — Ngày xuân qua trên sông : XXIII, 131, 88-89.

Vịnh vườn hoa cảnh xuân. — Năm Tân-mão Sơn-phỉ xuân - động. — Say rượu. — Mừng nhạc-phụ làm nhà mới. — Lên gác chùa Hội-tiên. — Tự-thán. — Tự-thuật. — Ngày xuân khai bút. — Tức cảnh : XXIII, 132, 202-204.

Họa thơ nhà mới của ông Đạo-khê. — Phụ bài nguyên-xướng của ông Đạo-khê. — Ông Đạo-khê gửi cho bạn. — Chơi chùa Bàu. — Ngày xuân gửi cho bạn. — Ông Trúc-Khê họa lại. — Ông Phương-hiên họa theo. — Họa bài thơ uống rượu. — Ông Đạo-khê họa. — Ông Phương-hiên họa. — Ông Đạo-khê họa thơ tạ trước. — Chơi bè ở Đằng-giang (Đạo-khê). — Ngẫu hứng (Đạo-khê) : XXIII, 153, 304-305.

Hát nói : Tả ý mình. — Tả cảnh. — Chơi chùa trên núi. — Ngày xuân họp bạn. — Bốn cụ Vệ-úy.. mới cưới vợ bé. — Bài hát qui-lai. — Tình. —

(2).— Hào-tiết giai-kỳ — Nhân. — Bảng vàng. — Nước và trăng. — Chơi đăm sen. — Nắng lâu gặp trận mưa rào. — Phúc phận. — Rượu và thơ. — Trưng-phu. — Tứ-thời giai-húag. — Vốn lời. — Chữ danh. — Khúc hát cảm-hoài khi vị-ngộ. — Tờ trát-văn của ông Lê Huyền-Khê mừng ông Nguyễn Bá-Xuyến : XXIII, 134, 412-417.

NGUYỄN BẠCH-LIÊN

Vô đề : XIII, 75, 253.

NGUYỄN BẰNG-ĐOÀN

Đề sách Phan-Trần. — Uống nước lọc. — Qua chơi văn-miếu. — Cảm tưởng lúc buổi sáng sớm : XXXIII, 186, 74.

NGUYỄN BẮC-KẠN

Thu : XV, 85, 73.

NGUYỄN BÌNH-HỒ

Nữ huấn ca (lục bát), Nguyễn Bình-hồ soạn, Nguyễn Đức-Thúy sao lục : X, 57, 207-211.

NGUYỄN BÌNH-KHIÊM Bạch-am

Tiêu-dẫn của Đông-Châu, rồi tiếp đến 8 bài : III, 14, 95-96.

Bạch-vân thi-tập (tiếp) : bài IX-XVII, Đông-Châu sao-lục : III, 15, 156.

Bạch-vân thi-tập (tiếp) : bài XVII-XXIV : V, 29, 427-428.

Hát chúc vua Dục-tôn ngũ tuần đại-khánh, thơ lục-bát có kèm chữ Hán của (Nguyễn Bình-Khiêm ?) : V, 29, 428-430.

Bạch-vân. . . bài XXV-XXXIV : V, 30, 537-538.

Bạch-vân. . . bài XXXV-XLIV : VI, 31, 64-65.

Bạch-vân. . . bài XLV-LI : VI, 55, 446-447.

Hát nói : Cảnh thu.— Trung-thu vọng-nguyệt.— Đêm thu hội yến (2).—
Di-Tề.— Hạng-Vũ : VI, 35, 447-449.

Hát nói (ả đào) : Chiêu-Quân.— Lời trâm đề Kim-khánh.— Thủy-xa cứu
hạn.— Ca-nương tiễn khách đi thi : VI, 36, 535-536.

Bạch-vân. . . bài 52-57, năm 1530-1540 : VI, 36, 534.

Bạch-vân. . . bài 58-65 : VII, 37, 61-62.

Hát nói : Lữ thứ trung thu vô nguyệt.— Phó thi khâu chiêm.— Hồng thi
khiến hứng.— Tiêu-khiến cơn buồn.— Thầy đồ tự cười mình.—
Tặng đào Tám làng Thụy-ứng : VII, 37, 62-63.

NGUYỄN CAN-MỘNG Nông-sơn

Hà-nội hành.— Thành Đại-la.— Hà-thành lãm cổ : IX, 49, 79.

Thơ đề núi và chùa Đọi.— Thơ Hán dịch nôm : XXII, 126, 198.

Dịch thơ Tây của nhiều tác-giả : XXII, 126, 199.

Bình-luận thơ các danh-nhân : Bán than của Trần Khánh-Dư.— Qua kẽm
Trống của Lê Thánh-Tôn.— Bốn cô tiêu ngủ ngày của Yên
Đồ.— Qua đèo ngang của Thanh-Quan.— Hoài cổ của Thanh
Quan.— Chơi chùa Hầm của Chu-Mạnh-Trinh.— Qua đèo Ba-dộ,
của Hồ-Xuân-Hương.— Hang Các-cổ của Hồ-Xuân-Hương : XXVIII,
162, 500-502.

Nông-sơn thi-tập : Về làng gặp tuần mưa...— Đề non-bộ.— Đồ tú-tài.— Khi đổ
cử-nhân về mừng chúc mẹ.— Thức đêm.— Long-thành hoài-cổ.—
La-thành phỏng-cổ.— Hà-nội hành.— Than quá thời.— Ngẫu
hứng.— Lên núi Non-nước.— Lấy vợ nhà quê.— Sáng sớm ra chơi
Đồ-sơn.— Gái về chồng cũ.— Đã trả lại cadre cũ, đầu năm 1932
lại được thăng professeur hạng nhì.— Khai bút năm giáp-tí.— Hồ
Bab-ê.— Vịnh vòng ngọc tặng cô đào Hoàn.— Họa nguyên vận mừng
thọ cụ Thượng Nguyễn-Vi-khánh.— Thông thơ của bà huyện-
Thanh-Quan.— Thông thơ cô Hồ-Xuân-Hương.— Đề giả sơn
thủy của quan Tuần Mai-loàn-Xuân tự là Song-tiên.— Lại câu

đổi — Lên núi Sài-sơn. — Bối-am. — Qua núi Phụ-ng-hoàng : XXXIII, 188, 283-287. Hát nói : Tự giải. — Hộp bạn làng chơi. — Tối Trung-thu mưa. — Ăn cháo. — Chơi chùa Đọi. — Đình Hoàng-nông. — Tặng cô đào Bồn. — Quế đường hậu-thân. — Tặng cô đào Thu. — Tặng cô đào Sen. — Chơi Hồ Tây. — Tặng cô đào Nhu. — Nghi hộ .. Phạm-Quỳnh về Kinh. — Hồng lâu oán. — Gia-huấn. — Tứ giới. — Câu đối tặng ông tú Đỗ-Mụ. — Câu đối đề nghĩa-địa Hải-phòng. — Nợ. — Dế. — Tặng cổ-nhân : XXXIII, 189, 374-378.

Khúc nghênh-hoàng. — Bài ca nghênh-giá : XXXIII, 189, 373-374.

Hát ả đào : Mừng Thiếu-bảo Hoàng tướng-công thắng Võ-hiền — Mừng Vi-Khanh Nguyễn tướng-công. — Đánh tờ-tôm. — Đề ảnh cô đào Đàm-Mộng-Hoàn. — Tặng cô đào Ngân : XXXIV, 193, 210-211.

Bài biếu thánh chúc ngày lễ Vạn-thọ đức Bảo-đại : XXXV, 206, 164.

NGUYỄN-CAO (Phó-bảng)

Văn chúc sinh-nhật cụ Thái-xuyên tướng-công của dân Thái-hà : XXVIII 161, 405.

NGUYỄN CÔNG-TRỨ

Đồng dạ cảm tác. — Quyên đề cảm (không phải của cụ Yên-đò). — Phó thí ngẫu chiếm. — Cách ăn ở : II, 11, 305.

Tha nghèo (bốn bài) : II, 12, 358.

Thơ : bài 1-11 : XV, 89, 454-455 ; bài 12-21 : 90, 549-550.

Đương cơn khờ nhục. . . — Trời đất đâu mà. . . : XVI, 91, 81.

NGUYỄN CHÍNH-TRỰC

Dịch thơ Tàu : Trường can hành : XIII, 73, 77-79.

Lên núi Tản : XXV, 144, 523.

NGUYỄN DIỆP-QUẢNG

Mừng năm mới. — Vịnh vua Lê Thái-tổ : II, 9, 165.

NGUYỄN-DU

Văn tế mười loài chúng sinh : XXXI, 178, 502-504.

NGUYỄN DUY-LIÊM

Hát ru em : XII, 70, 324.

NGUYỄN ĐÌNH-CHI

Thiên nam bảo-độ diễn ca (thơ song thất lục bát bàn-giải về các triều-đại trong lịch-sử Việt-nam với các danh-địa Việt-nam) : XXII, 125, 57-64. — XXII, 126, 142-149. — XXII, 127, 248-255. — XXII, 128, 374-383.

NGUYỄN ĐÌNH-ĐÔNG

Một giấc mộng. — Cái ô. — Tiếng sấm. — Gửi cho anh ở xa. — Ngẫu đề : XX, 118, 581.

NGUYỄN ĐÌNH-TUẤN

Giang hồ cảm-tác (thi-ca liên-hành) : XVI, 92, 183.

Lời than của kẻ tha-lương. — Vọng-phu khuê-oán : XXI, 121, 309-310.

NGUYỄN ĐÌNH-GIÁC

Núi Dục-thúy : X, 56, 157.

Phố Hiến hoài-cò : XI, 64, 298.

Chơi động Hương-tích : XII, 71, 440.

NGUYỄN ĐÔN-PHỤC Tùng-vân

Qui khứ lai từ, dịch Đào-Uyên-Minh. (Coi bản dịch của Ngô Huy-Linh trong NP số 36.). Phụ-chú về tiểu-sử Đào Uyên-Minh : IX, 53, 11/1921, tr. 467-469. Lb.

Tùng-vân vận-văn : X, 55, 1/1922, tr. 81-83.

— Vịnh quả địa cầu (Đl.).— Nghi đề Hoạn-thị Quan-âm-các. Cát-nghĩa phong-lưu (thủ-vĩ ngâm).— Thăm bạn cháy nhà (ct.)— Tân cựu ngâm (tt).— Hát nói : Góp nợ.— Tặng cô đào Sự.— Gương Tố-Nga (lb).

Bài hát tiễn hành. Nhân dịp Phạm Thượng-chí tiên-sinh tây-hành và Nguyễn Viễu-đầu tiên-sinh nam-qui : X, 56, 2/1922, tr. 109

Quốc-sử lục-thập-tứ vịnh diển ca, dịch (lb) : X, 56, 2/1922, tr. 150-156.

Đêm mùa hè.— Vịnh hoa mộc phù-đung.— Thu lạo ngâm (thê Ly-tao).— Tịch.mịch ngâm (thê Ly-tao).— Lãn họa ngâm : X, 56, 2/1922, tr. 157.

Chơi bên Ngọc (hn) : X, 57, 3/1922, tr. 215-216.

Nghi-đề Tử-trâm-sơn Long-tiên-đồng, ba bài đi : X, 59,5/1922, tr. 400-401.

Qua cầu Hà-Liễu (cổ thê) : XI, 61, 7/1922, tr. 45-46.

Bảo học trò về nghĩa ngày đi không trở lại, ngũ ngôn cổ-thê, dịch cổ-thi : XI, 61, 7/1922, tr. 46-47.

Vịnh giai-nhân (nn).— Ngày xuân rượu say..: XI, 64, 10/1922, tr.296-298.

Dịch thơ Tàu : Nghi cổ (hai bài).— Uống rượu.— Tống biệt : XI, 65, 11/1922, tr. 389-390.

Vịnh cổ Ngu-mĩ-nhân, dịch thơ Tàu (tt) : XI, 66, 12/1922, tr. 491-492.

Tiết-phụ ngâm, dịch thơ Tàu : XII, 67, 1/1923, tr. 56-57.

Hàm-đan thiếu-niên hành, thơ Tàu : XII, 68, 2/1923, tr. 156-157.

Đào-nguyên hành, dịch thơ Tàu : XII, 70, 4/1923, tr. 338-339.

- Đào-nguyên đồ, dịch thơ Tàu : XII, 71, 5/1923, tr. 438-439.
- Chơi ở trong hồ cùng nhau rót rượu.— Ở đất Đư-hàng, say rượu làm thơ : XII, 72, 6, 1923, tr. 523-524.
- Trên sông Tương tiễn bạn.— Rót rượu mời bác Bùi-Địch, dịch thơ Tàu : XIII, 74, 8/1922, tr. 163.
- Tiền bác Ngụy Vạn vào Kinh.— Đề lầu Hoàng-hạc : XIII, 75, 9/1923, tr. 251-252.
- Tặng bác Chu-Sơn-nhân.—... chơi thuyền ở hậu-đình : XIII, 76, 10/1923, tr. 341-342.
- Ngày xuân chợt thỏ. Họa lại bài «Đã quai-ngâm» của Nghê-t-Phu : XIII 77, 11/1923, tr. 429.
- Ở đất Hành-dương, cùng bác Lưu-Vũ-Tích chia đường.— Nhớ cảnh cũ : XIII, 78, 12/1923, tr. 516-517.
- Bài hát kỷ-niệm cụ Tiên-điền. XV : 86, 8/1924, tr. 109-110.
- Thơ «Thiên-thai», có lời phụ-lục và phụ-bình : XV : 89, 11/1924, tr. 428-431.
- Dịch thơ cổ : Tuyết-cú. — Đêm đậu thuyền bến Tần-hoài.— Tiền bác Lương-Lục.— Đêm xuân.— Vịnh cái hoa đào ở Khánh-Toàn am.— Khuê oán.— Tiền bác Đồng-Đại.— Ở lầu Hoàng-hạc.— Gặp sứ-giã vào kinh.— Đêm rằm trông trăng.— Chơi chốn giang lâu.— Tây-hồ.— Vịnh cảnh Tây-hồ.— Đề bức bình-phong.— Tầm phụ-ngâm.— Cảnh điền-gia hai bài : XIX, 111, 11/1926, tr. 489-492.
- Dịch thơ cổ : thơ Đường I-V : XX, 115 3/1927, tr. 277-278.
- Dịch thơ cổ : Đài Tô xem tích-cổ.— Qua đất Việt-Trung nhớ sự cổ.— Ngõ Ô-y.— Mông chấn thán chấn nhớ anh em trong núi.— Mộ xuân tức sự. XX, 116, 4/1927, tr. 375-376.
- Dịch thơ cổ : Vịnh sử.— Mộ xuân ngâm.— Mộ xuân tức sự.— Đề Kinh-nghĩa đường.— Ngày xuân. XX : 117, 5/1927, tr. 476-477.

- Dịch thơ cổ : Xem sách.— Ngày xuân chợt đề.— Vua cho cung-nữ dâng thơ tạ khước. Đi qua sông Ngô : XX, 118, 6/1927, tr. 577-578.
- Thu-hiên tân-trúc phú : XX, 118, 9/1927, tr. 584-585.
- Dịch thơ cổ : Tiết thanh-minh.— Cảnh mộ xuân.— Cảnh hồ.— Vịnh hải-đường.— Cảnh Bắc-sơn : XXI, 120, 8/1927, tr. 198-199.
- Bài phú cây khoai san-hà. Văn « san-hà chung-cò điện kim-âu » : XXII, 128, 4/1928, tr. 344-346.
- Bài phú thần tự do : XXIV, 138, 5/1929, tr. 305-306.
- Thơ tạp vịnh : Vịnh trái giã-sơn.— Chợ Đông-xuân mua cúc.— Vịnh cái bút lông.— Nghề vẽ trong thế-giới : XXVII 158, 1/1931, tr. 72.
- Hà-đông thập vịnh diển-âm. (tạp-thề) : Nhuệ-phố lục-ba.— Nhuệ-giang thu-nguyệt.— Hồng-kiều cự-qui.— Bảo-tàng tân-viên.— Chức cầm cơ-thanh.— Hương-sơn qui lộ.— Bình-khang cổ-lý.— Mậu-quí thị-thanh.— Tiền-thôn hà-trúc.— Đạo-nhân tân-cự : XXIX, 166, 10/1931, tr. 303-307.
- Đông-vương-các tự diển-âm. (Nguyên văn của Vương-Bột nhà Đường) : XXXIII, 188, 9/1933, tr. 249-257.
— Bài kiệt tác, như Tì-Bà hành của Bạch Cư-Dị, Xích-bích phú của Tô-Đông Pha. Song thất.
- Tế tự-do văn. (hài văn). Thế tài phỏng cò, phỏng bài tế nha-phiến văn : XXXIV, 194, 4/1934, tr. 257-259.
- Bài phú nghèo, (hài văn) : XXXV, 205, 10/1934, tr. 118-121.
- Bài ca cò thạch-xương bờ : XXXV, 208, 11/1934, tr. 245.
- Dịch thơ văn cổ : Bài ca « Xuân-giang hoa nguyệt dạ ».— Bài ngâm « Bả-từ vấn nguyệt ».— Bài « Cách-ngôn trị-gia » : XXXV, 210, 12/1934, tr. 313-317.

NGUYỄN ĐÔN-TỰ

Thăm bạn học ở Hà-nội : XI, 64, 300.

NGUYỄN ĐỨC-ĐẠT

Giáo-huấn ca : XXIX, 165, 164-170.

NGUYỄN ĐỨC-NHUNG

Con gái gánh nước : Đêm đông để kêu.— Năm mơ cụ Không ra đời.—
Đội khăn xếp : XIX, 110, 402-403.

NGUYỄN ĐỨC-TƯƠNG

Điều cò chiến-trường phú (diễn nôm) : XXVII, 152, 91-92.

NGUYỄN GIA-TRỤ Đông-xuyên

Buổi chiều sang đò.— Thăm chùa Bé.— Ngẫu thuật.— Chiều hôm chơi sông
Thanh-giang cảm tác : XXXIII, 191, 602-603.

NGUYỄN GIẢN-KHANH

Vịnh Thúy Kiều : X, 60, 475.

Ly nhân oán dạ trường phú (diễn âm) : XI, 62, 135-136.

Hà thành tức-sự : Qua Cửa Đông.— Cầu Đu-Me.— Đèn Vua Lê.— Chơi
Hồ Gươm : XII, 69, 246.

Thơ lưu-giản : XV, 90, 551.

NGUYỄN HOA-KIỆM

Hoa hồng nở : I, 6, 388.

NGUYỄN HOÀI-TINH

Kỷ-niệm báo Nam-phong.— Hát nói : III, 13, 33.

NGUYỄN HOÀNG-CÁC

Ở Thanh-hoa cảm hoài. — Cảm hoài : XX, 115, 282-283.

NGUYỄN HOÀNG-THIỆU

Mừng Đồng-minh toàn-thắng và thế-giới hòa-bình. — Hai bài thơ thủ-vĩ liên ngâm. — Bài hát nói (ả-đào) : V, 25, 85.

NGUYỄN HÙNG-TÁC

Ngũ canh (5). — Nợ đời. — Rượu thu chơi trăng : XI, 65, 391-392.

NGUYỄN HUY-ĐẠI

Chơi thuyền hồ Tây đêm mùa hạ. — Thúy-sơn hoài cổ. — Đồng bạn tự thán-Vịnh Kiều xuất-gia. — Vịnh Sở-khanh. — Bốn tố-nữ trong tranh. — Gửi cho bạn. — Vịnh ngẫu. — Khai bút. — Sầm : XX, 113, 89-90
Đề ảnh. — Tranh sơn-thủy. — Nghĩa-địa cảm đề. — Thức đêm. — Trung thu vãn nguyệt — Chùa Tháp. — Thu dạ lữ-hoài : XXII, 125, 88-89

NGUYỄN HUY-KỶ

Tự thuật — Xuân dạ : XIV, 79, 74.
Xuân du Tây hồ tả cảnh : XIV, 80, 161.

NGUYỄN HUY-NHU Mặc-si

Chép lời nói một người nông-phu (kèm bản chữ Hán cũng của tác-giả) : V, 29, 435-437.

NGUYỄN HUY-TƯỚNG

Vịnh Lê Thái-tổ. — Vịnh Lê Thánh-tôn. — Quan-công bình trúc. — Mẹ ru con ngủ ngày. — Đi đường gặp giai-nhân hé cửa nhìn ra. — Thu cảm : XXXIII, 191, 603-604.

NGUYỄN HUỲNH-MAI

Cảnh chiều : XIII, 76, 342.

Ngày xuân mừng bạn : Nguyễn Trọng-Toàn : XXXII, 180, 81.

Cảm tưởng sau khi đọc mấy bài tiễn biệt ông Trọng-Toàn : XXXII, 182, 301.

Hừng sáng.— Chiều hôm.— Đêm tối.— Khuyên học quốc-ngữ.— Bút lông.— Bút sắt : XXXII, 183, 394.

Cây mai.— Cây kiền.— Cây đèn.— Con cua.— Tặng Trọng-Toàn Nguyễn hiền-hữu : XXXII, 184, 505-506.

Gửi ông Đông-hồ.— Gửi ông Trọng-Toàn.— Mừng ông Nguyễn Văn-Kiểm : XXXII, 185, 619-620.

Đầu mùa xuân.— Mưa đêm.— Đêm chơi thơ một mình.— Cùng bạn chơi đêm : XXXIII, 187, 192.

Hoạ bài “Đưa em đi tòng sự”.— Xem trăng đêm đông.— Khuya nghe đẽ gáy : XXXIV, 192, 98.

Tặng thầy Nguyễn Thành-Giáo.— Đưa thầy Nguyễn Văn-Kiểm.— Gửi các bạn văn-chương : XXXIV, 193, 211-212.

NGUYỄN HỮU-BÀI Phước-môn

Hầu ngự giá vào Quảng-nam đi qua núi Ái-vân.— Đề mỏ bạc ở Bồng-miêu (Quảng-nam).— Đưa quan Lê-bộ về trí-sĩ.— Do Bộ Công chuyển thăng Bộ Lại.— Tạ ơn ban áo : I, 2 115-116.

Mừng bản-báo : I, 4, 255.

Vịnh bông huệ : II, 7, 37.

Vịnh thủy-tiên nở chiều mừng một Tết.— Vịnh Tết năm mới : II, 8, 98.

Thơ gửi đề đền kỷ-niệm Trần vong tướng-sĩ : VII, 40, 339.

NGUYỄN HỮU-CHI

Vịnh báo Nam-Phong : I, 5, 315.

NGUYỄN HỮU-CHIẾU

Hồng-lâu oán (5).— Khóc mã bạn chốn quê người.— Học trò nhà nghèo

mặc áo rách.— Cảm hoài ở Vientiane.— Gửi người mới quen biết.— Về Hà-nội tức cảnh.— Đi tìm bạn không được gặp.— Gặp người xưa.— Ca dao : XVII, 100, 380-382.

Khấn đèn Hùng.— Một đêm hè nóng.— Ngắm cảnh buổi sáng sớm mùa đông.— Vịnh bà Nguyễn Thị-Kim.— Năm đêm tương-tư : XVIII, 106, 498-499.

NGUYỄN HỮU-CHÍNH Bằng quận-công

Ngôn-ân thi-tập bài I-VIII ; IX-XVII : XIII, 73, 79-80 — XIII, 74, 164.

NGUYỄN HỮU-KHOA

Văn sách về đạo vợ chồng : VI, 32, 166-167.

Một bài phú cô : Đám-tục phú (độc-vận) : XV, 89, 417-419.

NGUYỄN HỮU-MINH

Vịnh núi Yên-tử.— Vịnh núi Yên-phụ : VI, 34, 362.

Sa Bạch-nhạn.— Sông Sáu đầu.— Bến Á-long.— Núi Kính-chủ.— Núi Phụng-hoàng : VI, 35, 451.

Núi Dược-son.— Núi Đồn-son.— Núi Đờ-son : VI, 36, 541.

NGUYỄN HỮU-QUÍ

Đề áp Lạc-nông (gần Sóc-son) : X, 56, 157.

NGUYỄN HỮU-TẠO Ngạc-đình

Hành quân tức sự.— Giới quân-sĩ ca : II, 10, 229-230.

NGUYỄN HỮU-TIẾN Đông-châu

Dịch Đường-thi (tiếp số 9 và 10) : Khuê oán.— Tùng quân hành.— Phù-

dung lâu tống Tấn-Tiệm.— Lư-khê biệt nhân.— Dạ thượng Thụy-hàng thành văn dịch.— Cung-oán : III, 13, 30.

Dịch Đường thi : Thạch-thành đầu.— Ô-y hạng.— Thập ngũ dạ vọng-nguyệt.— Hán-uyên hành.— Đãng-lâu.— Nghe Bạch-nhạc-Thiên phải giáng làm quan Tư-mã Giang-châu.— Vũ lâm linh.— Qua đò Tang-càn.— Dạ-vũ ký-thác.— Hát nói : Thất-tịch.— Giải-cầu-nan.— Kiếp nhân-sinh.— Liệt-nữ.— Hàn-Tiến.— Thế sự : III, 14, 96-98.

Dịch Đường-thi : Đổ bến Tần-hoài.— Dương liễu chi.— Giang-lâu thư-hoài.— Nhân chơi đất Nghiên-lũng thăm chỗ ở.— Cung-oán.— Hát nói : Chúc thọ.— Nhớ thôn quê.— Mỗi người một thú.— Tạo vật bất-nhân : III, 15, 158-159.

Dịch thơ Thiên-thai : 5 bài Đường-luật có kèm chữ nho.— Hát nói : Tiễn khách.— Trăng thu.— Nhân-sinh nghịch-lữ.— Quyết-khoa : III, 17, 294-296.

Hát nói : Nhớ chinh-phu.— Cáo quan về nhà.— Hợp thiều ly đa.— Cuộc công danh (Đông-châu sao-lục) : III, 18, 265.

Nữ-giới ca (Đông-châu sao-lục) : IV, 19, 63-64.

Ngũ thập lục tự-thuật (kèm theo 3 bài họa nguyện-vận của Từ-long, Cát-thành, Hương-sơn) : XXXI, 179, 628.

NGUYỄN-HỮU-THÌN Mai-cương

Mồng 5 tháng 5 cùng bạn chơi sơn-thủy : III, 15, 170.

NGUYỄN HỮU-XỨNG

Đề đền Hùng-vương.— Đề Hiệp-Phật ở Nghĩa-dịa tỉnh Thái-bình.— Đánh đầu-hồ : IV, 23, 411.

Cung kỳ «Hưng-quốc khánh-niệm tiết».— Tập Kiều : V, 28, 352.

Bài ca khuyến-liêm (dịch Phạm-Vấn-Thụ) : VI, 31, 72-74.

NGUYỄN HY-CHU

Vịnh Thúy-Kiều.— Cự Ưc-trai : XXIII, 131, 90-91.

NGUYỄN KẾ-KHOA

Sầm ả-đào anh giấy thép : II, 12, 364.

NGUYỄN-KIỆM

Dịch thơ Đường : Tứ xuân.— Đưa Thị Lang đi Thường-châu.— Gửi thăm nhà.— Đêm rằm trông trăng. (có kèm theo chữ Hán) : III, 18, 366-367.

Dịch thơ Đường : Qua đò Tang-càn.— Giang-lâu thư hoài.— Cung-oán.— Hoa-thanh cung : IV, 22, 330-331.

Dịch thơ Đường : Đổ bến Tần-Hoài.— Đưa bạn trên sông Hoài : V, 26, 151.
Vịnh Cao-bằng toàn hạt.— Vịnh Cao-bằng di-tích.— Vịnh Cao-sơn đồn.—
Vịnh Bà-dương thành.— Đống-Lân hoài-cổ : X, 58, 300-301.

Hát nói : Mừng ngày lễ Hưng-quốc khánh-niệm.— Quan san ức biệt : X, 60, 476-477.

NGUYỄN KINH-CHU

Con mèo.— Cái quạt.— Cái điều.— Người hàng gạo.— Người lái đò.—
Về hưu.— Thăm bạn.— Cảnh Tết.— Đi bộ trời mưa.— Tự-trào :
XXX, 171, 423-424.

Ăn tết.— Tặng bạn cố-tri tái-ngộ.— Khởi rặm mắt ù tai.— Mong thanh-
tra đến.— Ngẫu vịnh : XXXI, 174, 77-78.

Nhớ buổi chơi núi Tứ-trăm : XXXI, 179, 631-633.

NGUYỄN-KHANH Mai-phong

Đề động Thanh-sơn (Hội xá) : II, 8, 103.

NGUYỄN KHẮC-HIỆU Tản-dà

Sâm : I, 5-316.

Bài kính viếng ông Guérout của quan dân châu Thanh-sơn hạt Hưng-hóa :
I, 6, 385-386.

NGUYỄN KHẮC-NHƯỢNG

Tiến bạn đi Sài-gòn : III, 15, 170.

NGUYỄN-KHOÁI

Hỏi ông sao.— Gửi cho anh : XVI, 95, 488,

NGUYỄN-KHUYẾN Yên-đồ

Vịnh ông tiến-sĩ giấy.— Gởi tự-thuật — Chợ gởi Hương-tích.— Vịnh
Kiều.— Ông phỗng đá (hát cô đầu) : I, 4, 251-253.

Bài hát sâm.— Vịnh Kiều.— Viếng Đạm-Tiên gặp Kim-Trọng.— Mặc tay
Hoạn-thư.— Kiều khuyên Từ-Hải hàng.— Nhân cư.— Đề cái
tượng phỗng đá núi non bộ (Nguyễn Mạnh Bồng phụng sao) : I,
5, 311-313.

Chợ gởi chùa Thầy (phủ Quốc oai).— Bờn cô tiều ngủ ngày.— Than già—
Ta lại người cho hoa trà (khi đã lòa rồi).— Tạ bạn mời đi làm
quan (thác làm nhời gái hóa) : I, 6, 384.

Chế bác đồ keo mắc lừa gái.— Chừa rượu.— Châu châu đá voi.— Làng
Ngang có chỗ lợi.— Ông gởi : II, 6, 34-35.

Cảnh lên lão.— Ngẫu hứng.— Dựng nhà tế đường.— Cáo quan ở nhà.—
Cảm hứng.— Cảnh mùa hè.— Thu âm : II, 8, 95.

Nước lụt hỏi thăm bạn.— Bóng đèn cô (hát nhà trò).— Đồng-tước dài.—
Tống Lương Lục.— Thục-trung cứu-nhật.— Lương-châu-từ.—
Thanh-bình-diệu : II, 9, 162-163.

Thu điệu.— Thu vịnh.— Mừng ông Ngũ-sơn làm Đốc-học Hưng-yên.—
Thơ cỡi say : II, 10, 229.

Ngẫu hứng.— Cảm-hứng : II, 11, 305.

Du An-lão-sơn.— Đấng Long-đội-sơn — Ngũ thập ngũ tự thọ (của Dương Khuê) : II, 12, 358

Thơ hòn đá.— Đùa ông bạn điếc.— Bài khốc quan Thượng-thư Vân-đình Dương-Khuê : IV, 19, 62-63.

Bài hát du em.— Khuyên học : IV,24, 461-462.

Bài phú ông đồ nông : V, 29, 430-432.

Trọc đầu.— Than nghèo.— Tập Kiều kiến chí.— Tặng Hà-nam Đốc học Trần.— Cảm-hứng.— Lý-ngư bặt-hồ.— Than lụt.— Vịnh sư chùa Long-đội : VI, 32, 159-160.

Nước lụt.— Than nợ.— Phú-đắc : Bà già đã bảy mươi tư, Ngồi trong cửa sò gửi thư lấy chồng.— Vịnh lão-nguru : VI, 34, 359-360.

Tặng Hà-nam Đốc-học Trần.— Mùa hè tự than.— Vịnh chợ Đồng.— Con vọt : VII, 41, 427.

Đưa cho người làm mối.— Khuyên người lấy lẽ.— Hòa lò đun nước.— Cảnh Tết.— Vào hè.— Tặng một bà ở làng.— Nhớ cảnh chùa Đội.— Tặng cô đào Lưu : XXI, 121, 305-306.

NGUYỄN KỶ-NAM

Mừng hội Ái-hoa : II, 7, 38.

Hỏi xuân.— Hỏi trăng : V, 26, 150-151.

Câu đối đề đền Hùng-vương : VI, 34, 364.

Vịnh thân-thề con người : XIV, 79, 74.

Tình thế (lời Thầy tu).— Nhủ bạn quần thoa : XVI, 93, 288.

NGUYỄN LÊ-BÔNG Côi (thêm : Lương-diễn)

Hát rậm dò (Đặt theo tiếng lái thuyền đang trong) : II, 9,167.

Thất-liên-châu : Vọng phu.— Thượng-vân-thê : Dạ sầu : II, 10, 237-238,

Mị xuân-liễu : Thuật hoài : II, 11, 313-314.

Chơi hồ nhớ bạn (dịch Lamartine) : IX, 49, 80.

Lòng mẹ thương con (dịch « Le coeur d'une mère » của Richepin) : XXII, 125, 91.

NGUYỄN-MAI

Mừng vua về nước (bài thơ lục bát của một người cháu tác-giả truyện Kiều, viết theo lối Kiều): XXXI, 179, 545-548.

NGUYỄN MẠNH-BÓNG (Coi : Mân-Châu)

NGUYỄN MẠNH-XỨNG

Mừng xuân.— Vịnh cảnh Tiên-hương.— Mừng mưa.— Đề ảnh một người.—
Cảm hoài : X, 60, 474-475.

Thu thiên cảm hứng.— Trả lời một người hỏi cách làm văn.— Gửi cho bạn.— Xem tàu bay.— Xuân dạ cảm tác.— Giang biên ngẫu-cảm.— Thương người thương mình.— Hỏi ông phỗng đá.— Gái trinh kén chồng : XI, 61, 43-44.

Gửi cho một người học-sinh đi tòng chính.— Gửi cho một người bạn đi tu.— Cây thông non.— Viếng bạn.— Trăng soi.— Thả thuyền.— Chơi trăng.— Đêm đông. Buồn.— Hỏi thăm đường : XI, 63, 214-215.

NGUYỄN MÂN-CHÂU (Coi thêm Mân-châu)

Xuân quang hữu cảm : I, 3, 182-183.

NGUYỄN MỘNG-LÝ.

Đêm nằm không ngủ.— Từ con đi giang hồ : XVIII, 106, 497.

NGUYỄN NĂNG-LỰ Bình-lãng

Thăm nhà Giám.— Chơi chùa Hương : XI, 65, 391.

NGUYỄN NĂNG-QUỐC.

Tự thọ Năm-mươi : IV, 21, 231.

NGUYỄN NÙNG-SƠN

Hương-giang-ngẫu hứng.— Viếng người bạc mệnh.— Khóc bạn.— Tình mộng hồng lâu.— Khổ nỗi chồng con.— Xấu tay.— Gửi bạn làm xa.— Sành nghề.— Tặng ông bạn say.— Hồng-lâu thán.—

Ông bạn lùn — Cảnh nghèo. — Mừng bạn. — Trường Nam. —
Đại tội Bói ra ma : XXV, 143, 417-419.

NGUYỄN NGỌC-ẤN.

Cái hồ. — Mùa thu (dịch Lamartine) : IX, 51, 264.

Cảnh chiều trời Nam : IX, 54, 558-559.

NGUYỄN NGỌC-GIAI.

Nguyệt hạ độc trước. (Nguyên văn chữ Hán) : IX, 50, 162.

NGUYỄN NGỌC-QUÁN.

Quan đại-tướng Joffre : IX, 52, 364.

NGUYỄN NGỌC-THIỀU.

Nhớ tri-kỷ. — Viếng mả một người ca-nhi : XIV, 79, 74-75.

Mưa thu. — Than nghèo : XIV, 80, 163.

NGUYỄN NGỌC-THUẾ.

Vịnh quan tiền : XIX, 110, 303.

NGUYỄN-NHÚN.

Tự trào. — Đề ảnh. — Người mình : XVI, 93, 287.

Mừng anh chị sinh con trai. — Cảm tác. — Khuyên em mới đi giáo học. —
Nhớ Gia-lộc (1) : XVIII, 103, 190.

NGUYỄN NHƯ-CƯƠNG

Nhớ bạn cũ. — Họa « Cảnh hồng lâu » (đọc xuôi đọc ngược) : XVI, 93, 288.

Hữu-sở-tư. — Tiếc hoa. — Lối cũ. — Nhớ bạn. — Thăm vườn cũ. — Trông
mây nước. — Soi gương. — Cảnh bèo mặt nước. — Hoa cúc. —
Viếng cái đũa gãy. — Trăng dưới nước. — Con cuốc. — Tàn-cung
oán. — Phú đắc. — Chiêm bao. — Cái chôi than thân. — Vịnh ba
người trong « Tuyết-Hồng lệ-sử ». — Bài phú « Hoa rụng ». — Bàn
về truyện « Tuyết Hồng lệ-sử » : XVII, 99, 279-283.

NGUYỄN PHAN-LÃNG Đà-n-xu-yên

Hát mừng gió nồm : I, 2, 119-120.

Bác-sơn di-văn của Khổng-khuê : III, 14, 103-106.

Hỏi tội nghiêm (hỏi tội Đức-quốc).— Mừng thắng trận.— Khuyên cho vay :
III, 16, 213-215.

NGUYỄN QUANG-BÍNH

Hát nói.— Từ khúc : VII, 40, 336-337.

Dịch thơ Đường bài I— VIII : VII, 40, 337-338.

NGUYỄN QUANG-ĐIỀN

Cảnh sơn lâm : XII, 70, 341.

NGUYỄN SĨ-MẠNH

Ở đời sao phải.— Tự thuật.— Khóc bạn.— Gửi cho ý-trung-nhân.—
Cảm-tác.— Đêm khuya nghe hát : XII, 70, 340-341.

NGUYỄN-SINH

Giăng thu : I, 3, 184, 185.

Học trò đêm khuya nhớ nhà và nghĩ về việc học quốc : I, 3, 185-186.

Đêm đêm tiếng đẽ kêu sấu : I, 4, 257-258.

NGUYỄN SONG-KIM Nữ sinh

Bài ca khuyên người nên xem Tân-văn tạp-chí : II, 9, 170-171.

Xuân-yến-khứ.— Nghe chuông : II, 10, 238.

Đề bức tranh sơn-thủy (dịch cổ văn Tàu) : II, 18, 239.

Khuyên người Annam mua vé quốc-trái : III, 16, 215-217.

NGUYỄN SỸ-AN Ngọc-hồ

Ngọc-hồ thi-ca tập : Say (hát à-đào).— Gái nghèo lỡ duyên.— Khuyên
bạn đầu quân (hát nói).— Một giáo-viên tự trào.— Cái quạt.— Cái
điếu.— Lời chị Nguyệt — Vịnh Kiều bán mình chuộc cha.— Vịnh
Kiều tu chùa Hoạn-thư.— Thăm một bà Bá mắt trộm.— Gửi
tình-nhân nơi xa.— Gái quê đi ngợc gió.— Chồng chê.— Mượn

chồng.— Cái diều sáo.— Đêm khuya cảm hứng.— Áo nâu và
mụn găm : XXVIII, 159, 179-181.

NGUYỄN TÂM-QUYỀN

Hồn Nam-Việt.— Gánh nước : XX, 113, 87-88.

NGUYỄN-TIẾN Tương-giang thị

Đồ tây và Đồ nho.— Máng tết.— Tết đến tưng tiền.— Phòng văn Kiều.—
Tự-thuật.— Lây Kiều : Cô đầu vắng khách tự thán.— Bức thư của
bạn gái thăm nhau ngày tết.— Tập Kiều : Gửi thư lấy chồng.—
Mỹ-nhân soi gương.— Vợ chú tây đen.— Người thanh-mạnh.—
Cái quần chị em xóm bình-khang : XXXIV, 192, 94-97.

Lời hai chị em gái quê.— Cái nạn kinh-tế chỗ nhà quê.— Mừng ngày lễ
sách phong Hoàng-hậu.— Tặng bốn một ông đồ cò.— Bốn một cô
phần chỉ đi tu.— Cười ông sư đi ăn cướp bị bắt.— Kén vợ.—
Thơ ngụ-ngôn : Hai bà lão đi xe lửa.— Cái lọ cò.— Con chó và
con dê : XXXIV, 193, 206-209.

Hai vợ chồng nhà văn-sĩ.— Hỏi ông tơ : XXXIV, 194, 271.

Ngó cùng ông Nghị mới.— Văn tế tiễn ông tuần hủ.— Văn tế tơ-hồng.—
Tết Hàn-thực : XXXIV, 195, 320-321.

Phong-hóa đất Hà-thành : XXXIV 197, 416-417.

Nhảy đầm (hát sầm).— Khuyên ông bạn mới xuất chính (hát nói) : XXXIV,
198, 458.

Lễ tiễn quan ôn.— Học chữ tây.— Anh đồ (hát sầm) : XXXIV, 199, 41.

Nhảy đầm phú : XXXIV, 200, 91.

Lời mẹ khuyên con gái : XXXIV, 201-202, 87.

Đua nhau.— Cái nạn kinh-tế ngày nay (hát nói) : XXXV, 205, 122-123.

Trách hồ Hoàn-kiểm.— Thế-lực đồng tiền : XXXV, 206, 165-166.

Gái lãng-mạn (hát sầm) : XXXV, 207, 207

Cái nguyên-nhân nghèo túng của nước ta : XXXV, 208, 246-247.

Lời bà lão Nam-phong (hát sầm) : XXXV, 210, 347-348.

NGUYỄN TIẾN-PHAN

Mấy bài thơ đáp thư Ng. H. — V. Nam-kỳ : IV, 19, 65.

NGUYỄN-TÍNH

Trả lời em : XVI, 95, 488.

NGUYỄN TÙNG-THÀNH

Vịnh cụ Tiên-diên.— Cụ Ưc-traí : XXIII, 131, 90-91.

NGUYỄN TÙNG-THỌ

Thán biệt tình-nhân : XV, 89, 457.

NGUYỄN TƯỜNG-CẨM

Dịch bài «Chức-cầm hồi vấn» của nàng Tô-Huệ : XXIII, 131, 89-90.

NGUYỄN THÀNH-GIÁO

Mừng bạn Nguyễn Trọng-Toàn : XXXII, 181, 194.

Đưa em đi tùng-sự : XXXIV, 192, 98.

NGUYỄN-THẮNG

Hát nói : Cảnh Đông.— Cảnh Xuân — Tập Kiều : XII, 67, 58-60.

NGUYỄN THẾ-ĐẠT

Chết cho nước (dịch thơ tây) : III, 18, 368.

NGUYỄN THẾ-NỨC

Ngắm hoa sen (Lối Sở-từ).— Khúc tương-tư : XVII, 97, 89.

Điệu ru con trai.— Điệu ru con gái : XVII, 99, 285.

Dịch cổ-thi : Giấc ngủ mùa xuân.— Con đường Lạc-dương.— Một mình trên núi Kính-đỉnh.— Khúc ca Y-châu.— Trong quán Trúc : XVII, 99, 279.

Dịch cò-thi : Câu trả lời của một vị Thái-thượng ãn-giã.— Cung phi mong vua.— Tiễn Chu-Đại vào Tần.— Lên lầu Quán tước.—Thăm Viên Thập-di không gặp — Ngày thu chơi hồ : XVII, 101, 482-483.

Đêm trăng chơi hồ Tây.— Đèn đèn hai Bà.— Đèn hồ Hoàn-kiếm.— Hối trắng.— Hối gió.— Hối mây.— Nhớ tri-âm : XVIII, 104, 298-299.

NGUYỄN THẾ-XƯƠNG

Việt-nam lịch-sử ngữ-ngôn thi : Còi trống tiếng Nam.— Biền cò văn Việt... : XX, 114, 129-140.— XX, 115, 221-230.— XX, 116, 319-332. .

Việt-nam địa-dư ngữ-ngôn thi : Tựa.— Cương-vực.— Quốc-hiệu.— Quốc-đồ.— Khu hoạch.— Giang-hà.— Đê-chính.—Suối vực ao hồ.—Hải-khâu.— Hải-loan.— Khí-hậu.— Chúng-tộc : XXXI, 177, 376-385. Nhân-vật, quân-chính quan-chế, binh chính : XXXI, 179, 593-597. Tài-chính, dân-chính, tôn-giáo, phong-tục, giáo-dục, vật-sản, nông công thương mại, hàng lộ thiết lộ, bưu-chính, điện cục, ngoại-giao chính-sách, Man Thồ nhân chủng, hoàn bang chư quốc, kết : XXXII, 180, 55-69.

Bài ca mừng Ngự-giá Bắc-tuần : XXXIII, 191, 567-572.—

Bèo hiệp mây tan (Thúy-Kiều và Kim phụng liên ngâm).—Cúc, mai trò chuyện (ngụ- ngôn) : XXXIII, 191, 604-605.

Mừng báo Nam-phong.— Mừng thọ bảy mươi : XXXV, 204, 80.

NGUYỄN THỊ-AN

Vịnh cảnh chùa Hương-tích : X, 60, 475.

NGUYỄN THỊ-HẢO

Nhớ nhà : XVI, 91, 85.

NGUYỄN THỊ-PHÍ

Khuê phụ thán (Phan Sơn-Đại sao lục) : IV, 21, 229-230.

NGUYỄN THỊ PHONG-TRẦN

Qua sông Cửu-long bị tố : XV, 85, 73.

NGUYỄN THỊ-QUỲNH nữ sinh

Trần tình ngâm.— Hội chùa Đễ-thích.— Năm mới : II, 8, 104.

Mồng ba Tết động đất.— Đêm dạy trông trăng.— Họa thơ hoa hồng nở : II, 9, 169-170.

Mừng trường nữ học mới mở.— Cảm hoài : II, 10, 239.

Đề sách Luân-lý : II, 12, 365.

NG. T.- Q nữ-sĩ.

Nhớ bạn cũ — Hoa nọ.— Hoa nở.— Hoa tàn.— Tàn cung-oán.— Trinh-nữ.— Bài văn viếng bạn : XIX, 110, 400-402.

NGUYỄN THIỆU-TIÊN

Mừng Hương-sơn ông thọ sáu mươi : XXXV, 209, 289.

Mừng thọ bảy mươi : XXXV, 210, 348.

NGUYỄN THỨC-KHIÊM

Việt-nam di-ái sử-ca (Trích những người hay sự tốt trong nước, đem các công-cuộc đời xưa, dải tỏ ra tình-cảnh, đề cho các bạn tuổi trẻ đọc) : XXII, 129, 478-487.— XXIII, 131, 48-57.— XXIII, 132, 158-168.— XXIII, 133, 278-287.

Nhâm thân xuân-đán đề nhà Hàm-con-cóc.— Sắp lên đường vợ Kinh nói chí mình.— Sắp ra về dặn em gái Đình.— Tái đáo xuân Kinh.— Qua Nghệ-an ngâm lên-chi hai bài.— Đêm chơi thuyền sông Hương gặp ả Túy-Liên-cô.— Kinh ngụ ngâm tứ tuyệt : XXXII, 184, 506-508.

NGUYỄN-THUYẾT

Túy-vân khúc (Túy-vân là một trong 36 tháng cảnh ở Thần-kinh) :
X, 54, 83-86.

NGUYỄN TRÁC-NHIẾP

Viếng khách bông-tiên : XIX, 110, 405.

NGUYỄN TRẦN-TRỤ

Vào hè. — Đề một cái lãng (làng Thừa, Mỹ-hào). — Nghe thấy bên nhà một
ông ký mở "tò tôm điếm" : XXXIII, 186. 74-75.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT Đò-nam

Thơ cho bạn : XVI, 94, 388.

Hỏi đời : XVIII, 103, 187.

Chí-linh phong-cảnh. — Sông Lục-dầu hoài cò. - Thầy đồ cò : XVIII, 106,
496-497.

Giá áo trước cửa hàng. — Vệt nhà với vệt rừng. — Mèo cái già đeo chuỗi
chàng hạt. — Hươu với lợn. — Đèn ló với đèn cây. — Ngựa nhà
với ngựa rừng : XX, 114, 177-178.

Cái đò người người cất thời ta... — Tốt mã dễ cùi. — Cậu Hai Thọ
ăn giò. — Con mối với đàn kiến : XX, 115, 281-282.

Nhớ tình-nhân ở Hà-nội về xuôi bị lụt. — Lụt mất vợ. — Lụt mất chồng. —
Khen cô mặc hai áo gấm lông. — Ca-trù : Đêm trung-thu chơi
Sáu đầu hoài cò. — Chữ tình : XX, 118, 583.

Thơ ngụ-ngôn mới : Hai mẹ con với miếng sắt. — Cái lư-hương cò
với cái lư-hương kim. — Cái đèn đề trên đế với cái hòm
chụp ảnh lấp chân. — Cái cối chày máy với cái cày. — Cô Hoa
với cái cột cầu đá. — Súc gỗ lim với phiến gỗ lim. — Con mọt
sách với bạn rồ. — Con sứa và con tôm. — Cái súng tay

với cái túi dệt về thế kỷ 21.— Thầy giáo với cậu Giáp : XXI, 120, 174-177.

Hán-Việt ngữ-ngôn d'ên-ca : Con ve, con bọ ngựa... ông thái-tử...— Thần sông và thần bề.— Con bọ ngựa với cái bánh xe.— Lão người nước Tống với ruộng lúa.— Thằng ăn cắp gà.— Anh chàng người nước Tề với hai người vợ.— Người Dịch-giả mua xương ngựa thiên-lý.— Con chai với con cò.— Người Biện-Trang với hai con hồ.— Ông lão trên cửa ải với con ngựa.— Con gà, con lợn, và con chó.— Con mèo với con chuột.— Hội nghị súc-vật.— Con ve với con nhặng : XXI, 123, 488-491.

Hát nói : Lời cô Việt-nga : XXI, 124, 624.

Bài trường thầy Lang khóc mẹ vợ.— Sự sướng.— Bài Côn-sơn ca của cụ Úc-traí : XXIX, 166, 302.

NGUYỄN TRUNG-CHÍNH

Cung oán (9).— Nhớ quê nhà.— Con gái đi tu.— Nhớ bạn đồng song Đem khuya nghe hát.— Gửi cho ý-trung-nhân.— Đem hè đất khách.— Gửi cho một người trong xóm bình-khang.— Khóc ý trung-nhân (2) : XIX, 109, 298-300.

NGUYỄN TRUNG-KHUYẾN

Gánh nợ đời.— Đem trăng chơi hồ Tây : XIII, 77, 430.

Sáng dậy : XIV, 79, 75.

Đem khuya xem sách.— Thương mình : XIV, 80, 163.

Qua cảnh cũ nhớ người xưa.— Đi đường ngẫu vịnh : XIV, 82, 336.

Biệt bạn ra về.— Thăng-long hoài-cổ : XIV, 83, 435-436.

Viếng mộ bạn (2) : XIV, 84, 528.

Cảm tác.— Lãng ngâm : XV, 85, 74.

Vịnh đức Đồng thiên-vương.— Chơi thuyền sông Đào-động.— Nhớ hão thương vay.— Chơi xuân nhớ xuân.— Lữ-hoài : XVI, 94, 388-389

Trời thu ngẫu cảm.— Cùng bạn chơi trăng.— Nhấn bạn làng thơ.—

Vịnh người câu cá.— Mưa gió mãi.— Vịnh Ông Lê-Lai :
XVII, 97, 83-84.

Sứ-trình tiễn-lâm khúc (Bài ca đi sứ Tàu của cụ Lý-Văn-Phúc) : XVII,
99, 253-261.

Mùa đông,— Rét.— Nghĩ nổi mình : XVIII, 103, 189.

Chơi chùa Hương gặp bạn.— Công nợ.— Hồng-lâu oán.— Đề ảnh.—
Cảm tác : XIX, 110, 402.

Tiến bạn về Nam (hát nói).— Tiễn bạn.— Lãng ngâm.— Chú Mán ngồi
xe.— Tiếng sấm.— Hóng mát ngẫu vịnh.— Tặng bạn mới kết
giao.— Bụt sinh.— Không ngủ.— Đề đền vua Hùng.— Đề chùa
Bạch-mã làng Ngoại-lãng : XIX, 111, 508-509.

Hát ả-đào : XX, 115, 285.

Nghĩ cảm nước ta hồi bị Mã-Viện sang cướp.— Phú-đắc : Dã tràng xe
cát bề đông, Nhọc lòng mà chẳng nên công-cán gì : XX, 118
581-582.

Qua miếu bà Mị-châu.— Qua giếng Ngọc-tinh.— Đề miếu bà Mị-châu :
XXV, 145, 625.

NGUYỄN TRÙNG-HANH

Việt-sử nguyên-âm. Các bậc đế-vương : Hùng-vương.— Thục An-dương-
vương.— Triệu Vũ-đế.— Trưng-vương (Lược-dẫn, truyện, 6 câu
lục-bát, thơ tứ-tuyệt) : VI, 36, 536-538.

Sĩ-vương.— Tiền-Lý Nam-đế.— Triệu Việt-vương.— Đào Lang-
vương.— Hậu-Lý Nam-đế.— Mai hắc-đế : VII, 37, 63-65.

Phùng-Hưng.— Khúc-Hiệu.— Dương Duyên-Nghệ.— Ngô tiên-
chúa.— Ngô hậu-chúa.— Thập nhị sứ-quân : VII, 38, 153-155.

NGUYỄN VĂN-AN

Gái trinh chết yểu (Dịch "Vierge morte", của André Rivoire) : IX, 53,469-
470.

Thuật hoài.— Làm việc xa nhớ nhà : XII, 71, 440-441.

Tự trào (2) : XIII, 76, 342.

Đề miếu vua Hùng.— Mị-châu.— Tô Hiến-Thành.— Trần Hưng-Đạo : XIV, 80, 162.

Triệu-Âu.— Lý Chiêu-hoàng.— Mị-Ê : XIV, 84 529.

Trần Bình-Trọng.— Nàng Châu-Long : XVI, 92, 182-183.

Buồn trông cảnh bề.— Đêm hè không ngủ : XVII, 97, 88.

NGUYỄN VĂN-ÁNG

Thăng-long hoài-cổ : XIV, 83,436.

Lữ-hoài.— Trời mưa đất khách.— Đêm thu không ngủ.— Đèn vua Hùng : XVIII, 103, 189.

NGUYỄN VĂN-BẰNG Phù-giang

Cảnh Hồ Tây bên thành Hà-nội : III, 13, 31-32.

NGUYỄN VĂN-CHỨC

Vịnh thủy-tiên.— Vịnh phật-thủ.— Thơ vịnh Tết.— Nhà sư khai bút : IV, 20, 141-142.

NGUYỄN VĂN-ĐÀO

Bài mừng báo Nam-Phong : II, 9, 164-165.

Bài hát cô đầu (Mừng Nam-Phong) : II, 9, 165.

Mừng ngự giá Bắc-tuần : II, 12, 362.

Thơ mừng báo Nam-Phong đầu năm.— Mừng tuần Nam-phong (hát nói)
điệu Hoa phong-lạc, điệu Vân-thê : III, 13, 32-33.

Dịch nôm bài lưu-giả khi ăn yến của quan hộ-giá đại-thần Liên-đình Bá-tước.— Đề sách chép tục-ngữ : III, 14, 115-116.

Bài phú lính An-nam sang giúp Đại-pháp (Văn : đánh kẻ thù chung đền ơn
Bảo-hộ) : III, 16, 222-223.

Vịnh phong-cảnh huyện Hưng-nhân : IV, 19, 65.

Xin anh cò bạc thời chùa (Kinh-nghĩa nôm) : IV, 19, 67-68.

Xuân nhật tái-đảo Sài-sơn ngẫu-vịnh : IV, 21, 231.

Vịnh cảnh chơi chùa Hương : IV, 23, 370.

Đề đền kỷ-niệm tỉnh Thái-bình.— Đề tượng Hiệp-Phật ở nghĩa-địa Thái-bình : IV, 31, 74.

Hưng-nhân hý-sự : VII, 40, 339-341.

Chơi chùa Tây-phương hoài-cồ.— Nhớ cảnh chùa Vĩnh-Nghiêm.— Chầy hội đền Kiếp-bạc : VIII, 45, 243-244.

Chơi động Long-tiên hoài-cồ.— Vịnh cảnh chùa Kính-chủ : X, 56, 157-158.

Chơi đền Tứ-mặc hoài-cồ : XI, 66, 492.

Mùa thu chơi núi Tam-đảo : XII, 69, 246.

Ngày xuân lễ đền Hùng-vương : XII, 71, 440

Loa-thành hoài-cồ.— Đêm thu qua mộ ông Vũ-Công-Mật.— Chơi núi Khâu-khánh lưu-đề : XV, 90, 553.

Xuân nhật tái-đảo Sài-sơn.— Chơi chùa Tây-phương.— Qua chùa Trầm thăm động Long-tiên hoài-cồ.— Vịnh Văn-miếu Hà-nội. — Đêm xuân đi thuyền chơi chùa Hương-tích : XXII, 126, 197-198.

Hát nói : Tiễn bạn. — Trùng phùng cựu ca kỳ hí tặng : XXII, 128, 411.

Họa bài thơ Ngũ thập lục tự thuật của Đông-Châu, NP số 179.— Qua chùa Trầm thăm động Long-tiên hoài-cồ.— Loa-thành hoài-cồ.— Bài ca vịnh cảnh chơi chùa Hương-tích : XXXII, 181, 191-192.

NGUYỄN VĂN-ĐẠT

Sầm : III, 15, 171.

NGUYỄN VĂN-ĐỘ

Mừng Nam-Phong : III, 13, 32.

NGUYỄN VĂN-GIAI

Nằm co.— Nói khoác : XVI, 91, 81.

NGUYỄN VĂN-HIỆN

Vịnh gió nồm (3) : I, 5, 316.

Thu dạ cò.— Xuân thiên dịch kì : I, 6, 386-387.

Công nợ.— Đàn bò ăn vườn cỏ : II, 7, 39.

Vịnh ếch dưới giếng.— Vịnh muối.— Khôn chẳng qua nhẽ, khoẻ chẳng qua nhời : II, 9, 164.

Vịnh xuân.— Thơ xuất hành mờ mờ sáng hôm mồng một (Ở Hà-nội về Bắc-ninh) : IV, 19, 74.

NGUYỄN VĂN-HÙNG

Tự thán.— Tự vịnh : XIX, 110, 404.

Năm mới tự vịnh : XX, 113, 88.

NGUYỄN VĂN-KIÊM Trọng-toàn

Đề sách «Quả dưa đỏ» (Cố Lâm-Tấn-Phác) : XXI, 122, 417.

Phải lòng con gái.— Nhớ bạn.— Đi câu.— Đi buồn.— Đi cày.— Bệnh điên.— Đi học.— Hỏi văn tánh-được thi.— Chiêu dương cố-sự phú.— Xuân Kiều văn sách.— Tánh-được văn tế.— Bản vô sự phú đa ưu.— Văn tế.— Đánh bạc phú.— Khuê phụ đồ yên giới (Thơ văn cũ Nam-kỳ) : XXVII, 152, 61-70.

Mấy lời khuyên học-sinh về dịp Nguyên-đán : XXXII, 180, 80.

Mừng quan Thanh-tra sơ-học tỉnh Gò-công Nam-kỳ : XXXII, 180, 81.

Đưa thầy Trọng-Toàn về tạm nghỉ ở quê nhà (gồm nhiều bài của nhiều tác-giả trong nhóm Trí-đức Học-xá, Trọng-Toàn sao lục) : XXXII, 181 192-194.

Ta bạn làng văn : XXXII, 181, 195.

NGUYỄN VĂN-KINH

Tiểu Dương, Phạm nhị tiên-sinh về hưu (N.V.K. sao lục) : XXXII, 182, 300.

NGUYỄN VĂN-LƯƠNG

Đất khách đêm xuân.— Tiễn bạn.— Tự-vịnh.— Ngẫu-đề.— Nhớ Ninh-binh.— Nhớ Gia-viễn.— Nhớ bạn.— Trách bạn đồng-tâm.— Nhớ

bạn.— Tự-vịnh.— Nhấn bạn thiếu-niên.— Nhớ bạn Hà-thành.—
Say.—Đánh vật.— Vị hoàng hoài-cổ : XIX, 110, 405-407.

Khuyên bạn má hồng (Điều kẻ truyện lối mới của Ng. V. L.) : XX, 115
285-286

NGUYỄN VĂN-MINH

Bài họa : Hồng lâu tự thán của Trần Hữu-Lượng : XII, 72, 525.

Thư sinh tự trào (3) : XVI, 93, 289.

NGUYỄN VĂN-NĂNG

Tự thuật.— Trời chiều thơ-thần.— Cảnh sáng : XIV, 81, 258.

Đi đường gặp mưa.— Chán,— Cảnh xuân.— Chơi thuyền nhớ bạn : XIV
82, 336.

Thăm vườn cũ — Ở đời.— Nông phu tự thán.— Trả lời anh em : XIV
84, 527.

Bạn xưa.— Làm văn.— Đứng bờ ao.— Đám bạc : XV, 86, 174.

Cảm đề : XV, 90, 552.

Xuân nhật.— Hỏi xuân.— Khai bút.— Đêm không ngủ.— Đời người.— B
bạn nay : XVI, 91, 84.

Phú đắc : «Ta về ta tắm ao ta. . .»— Anh đánh dặm.— Buổi tối nhà quê
XVI, 93, 287.

Tự đề.— Mong bạn.— Tắt nước.— Cảnh hè.— Gọi đồ đêm.— Khóc cha.—
Thơ gửi cho vợ.— Quyền sách cũ.— Mảnh gương.— Nghe quýt
kêu.— Đêm hè.— Thơ gửi một nhà văn-sĩ ròm.— Rằm tháng
bảy.— Trời thu.— Chim hồng bị gió.— Cảnh tàn xuân.— Uống
nước.— Con gà sống.— Mưa ngâu.— Chơi thuyền.— Soi gương :
XVII, 98, 179-182.

Nỗi oan.— Sen tàn.— Đêm thu.— Tình cảnh dân quê.— Ru em.— Hồn non
nước.— Nhớ : XVII, 101, 488-490.

Sáng mồng một Tết gọi bạn.— Năm mới thăm hoa.— Bác thợ cày.— Chúc
năm mới.— Khai bút.— Ngày Tết cảm hứng.— Vun cây.— Xuân :
XVIII, 105, 395-396.

NGUYỄN VĂN-PHÚC

Đồng cảm.— Đồng dạ Hồng-lâu oán : XXII, 125, 89.

Gửi cho bạn đồng-sự thường hay tập viết chữ nhỏ.— Gửi cho bạn đồng-sự nguyên giáo-học.— Trả lời bạn hỏi « Quân tử đi đâu vội thế a ? »— Vịnh mùa hạ.— Xem hội Tây,— Chơi chùa Hàm-long : XXII, 130, 629.

NGUYỄN VĂN-TẤN

Chú đường xuân : Tương-tư : III, 15, 176.

NGUYỄN VĂN-TỐ Phi-vân

Chiều thu đất lạ.— Canh khuya đất khách : XV, 90, 552.

NGUYỄN VĂN-TUÂN

Mừng ngự giá Bắc-tuần : III, 14, 115.

NGUYỄN VĂN-THÀNH

Tế tướng sĩ văn (Tiểu dẫn của Phạm-Quỳnh) : III, 13, 27-29.

NGUYỄN XUÂN-ĐÀI Thọ-vực

Chơi thuyền đêm.— Núi Dục-thúy : XI, 63, 214.

Cuối thu.— Cảm hứng : XI, 65, 391.

Cảnh buồn buổi chiều : XIII, 76, 343.

Đề lăng vua Đinh.— Đêm xuân cảm hứng.— Chơi thuyền : XIII, 77, 429-430.

Qua công thành cũ cảm tác.— Đông cảm : XVI, 92, 182.

Túy ngâm.— Tiễn bạn.— Mừng bạn sinh con trai.— Đề lăng vua Đinh.— Nhớ bạn chơi thuyền sông Vân.— Phú-đắc : « Nhớ ai nhớ mãi thế này, Nhớ đêm quên ngủ nhớ ngày quên ăn » : XX, 115, 283.

NGUYỄN XUÂN-HOÈ

Vịnh núi Hồng-linh.— Lữ-khách hoài ngâm.— Đại hạn : XIX, 110, 403.

Viếng bạn.— Dạy học.— Tự thuật : XX, 114, 182.

NGUYỄN XUÂN-NÔNG

Đi chơi thuyền.— Nợ công-danh.— Đêm ba mươi Tết ở Phong-sa-ly.—

Mùa thu mẹ ru con.— Mùa đông : XX, 114, 182-183.

NGHĨA-DÂN

Mua quốc trái, hỡi đồng bào : III, 16, 217-219.

NHÀN-KHANH

Mừng bà Chiêu cải giá.— Đền đền đức Đồng thiên-vương — Mừng cháu
đỏ cử-nhân.— Mừng em họ đỏ tú-tài.— Trông giăng buồn
vịnh.— Vịnh nguyệt cung Thường Nga.— Vịnh cảnh huyện Sơn-
vi : I, 5, 317-320.

Thăm bà Kim Hoạn-thư.— Tiễn bà phủ Lý-nhân.— Họa hai bài thơ bà phủ
Ba.— Gửi cho bà phủ Ba. — Họa văn bài vịnh tàu bay của người
đưa lại.— Họa bài công-ti ông ký Mão.— Tự than.— Than sầu :
I, 6, 390-391.

Vịnh thu.— Vịnh xuân.— Bài hát cô đầu.— Ngâm xuân.— Tự thuật.—
Thơ gửi cho bà Nhân-khanh của bà phủ Ba, nàng hầu quan phủ
Lý-nhân ngày trước (Có tiểu dẫn về tác-giả) : II, 7, 40-41.

Chơi chùa Hương-tích.— Sang chùa Tuyết.— Chơi chùa Thầy.— Gửi bà
huyện Hải-hậu : II, 8, 102-103.

Vịnh bác đồ mặt rỗ (người Hà-đông) : II, 9, 169.

Tự tình : II, 10, 238-239.

NHÀN VÂN-ĐÌNH

- Diễn bài khuyến học của cụ Trạng Trình 1-16 : XXIV, 136, 94-95.
- Dù bạn chơi Cờ-lẽ.— Đêm thu nước nhà— Mừng các bạn học-giới hội viên.— Hòn đá mài.— Cái hòm diêm.— Cái đồng hồ.— Thu dạ cảm hoài.— Khuyến học ca : XXIV, 136, 95-97.
- Việt-nam sử-vịnh, từ Kinh dương-vương đến Bản-triều Gia-Long : XXIV, 138, 235-243.
- Hết thử phú (Tô-Thức đời Tống).— Thu thanh Phú (Âu Dương-Tu đời Tống).— Qui khứ lai từ (Đào-Tiền đời Tấn).— Ngọc-tinh-liên phú (Mạc Đĩnh-Chi đời Trần) : XXV, 140, 90-93.
- Khúc đêm hè.— Văn tế các cháu viếng bà : XXV, 142, 305-306.
- Chơi trăng mặt bể.— Đêm buồn.— Cảnh đời.— Cảm sự đời.— Bè cảnh chanh tặng bạn.— Hội bơi Hành thiện.— Quan tiền.— Con cóc.— Cái lá bùa.— Cái gối : XXV, 143, 419-420.
- Tu động Bích-đào (Từ Thức).— Nhân Vân-Đình tự ngâm.— Chiếu bóng mình.— Câu đối chơi.— Thơ báo lụt : XXVI, 146, 87-90.
- Nam-anh tùng vịnh : Tứ tổ miếu.— Chùa Phúc-lâm.— Chùa Phúc-sơn.— Chùa Quỳnh-lâm.— Tống hậu miếu.— Trần vương từ : XXIV, 147, 193-196.
- Phủ Thiên-tiên.— Trung-liệt thần.— Chúa Chiêu-Hàng.— Chúa Hoa-đình.— Chúa Mộc.— Chúa Lệnh : XXVI, 148, 294-296.
- Ông Nam-Cường.— Mã Thiên-táng.— Mã ông Mồ.— Mai-hiên di-chủng.— Hoè phủ cố-trạch.— Chợ Tương : XXVI, 149, 399-401.
- Ngủ ngày.— Thức đêm.— Dậy sớm.— Thanh-minh.—Họa thơ ngẫu thành của cụ Cúc-hiền.—Tặng ông K.L. ở Phương-đê.—Tặng bạn hay tồ-tôm,— Xem chèo.— Đêm xem quốc-sử.— Tặng người buồn.— Nhớ bác Mai-am.— Cảm ông J. J. Rousseau.— Giấc mộng đêm xuân.— Xem lại sách cũ.— Khúc đêm đồng : XXVII, 153, 198-199.

Quyển sách.— Chiếc bút.— Thắt tích vịnh Ngưu-nữ.— Tết trung-thu.—
Vịnh Kim-Trọng.— Thăm ông T. Đ. L. ở Lạng-sơn (Miếu, nói).—
Qua tỉnh Lạng-sơn.— Chùa Tam-thanh.— Núi Vọng-phu.— Phố
Kỳ-lừa.— Lạng-sơn bát cảnh liên châu vịnh : XXVII, 154, 287-
289.

Nhớ cụ Phạm Đán-viên.— Mong bạn.— Đêm nghe đàn.— Đêm nằm có
cảm.— Đề cái công.— Thu tặng Giáo-hữu.— Lạng-sơn bát-vịnh.—
Tặng bạn thi trượt.— Mừng cậu tư con quan...— Ở đời.— Vẽ cảnh
mai — Đồng tiền chinh mới.— Anh-thủy ca.— Cháu gái viếng bà
ngoại.— Sương-phụ sầu-ngâm.— Bài hịch mỗi-một ở phòng sách :
XXVII, 157, 626-629.

Khúc đêm xuân.— Xuân hoa tiêu vịnh.— Tháng chạp.— Chào xuân.— Chùa
Bà Đá Hà-nội.— Đêm nghe ếch kêu.— Đêm xem bộ «Bạch-vân văn
tập».— Phú-đắc : thánh-nhân dai khù-khờ : XXVIII, 158, 67-69.

Nam-định Văn miếu trùng tu.— Đề Trần Thị-Thoa tiêu-sử.— Ngọa-long
khúc.— Dịch tám bài thơ ở lầu «Lạc-hoa phi như».— Hiếu-thuận
ca.— Đề-bích ca.— Họa sơn thủy ca.— Minh-hà thiên.— Bả-tửu
vấn-nguyệt.— Ngư-tiêu vấn đáp ca.—Xuân-dạ yến Đào-lý viên tự.—
Lậu-thất minh.— Mừng tiệc vui cậu G.— Mừng Đ.C. tiên-sinh. Qua
Hòn-gay.— Từ Cầm-phả vào cửa Ông.— Thăm Chợ-Trời.— Tới
Mông-dương.— Đi đường bộ.— Đêm không ngủ : XXVIII, 160,
291-297.

Từ đức tụng.— Cái bút nhà nho.— Đề bức ảnh...— Tiền đề.— Ngày hè
được mưa.— Cảnh hè.— Cái quạt giấy.— Viếng đấng thúc-phụ tạ
thế : XXVIII, 162, 499-500.

Thầy đồ tự hối.— Cô đồ họa văn trả lời : XXVIII, 163, 600.

Tứ thời dật hứng : Xuân, hạ, thu, đông.— Đông-dạ thư-hoài.— Lạp-dạ
khách Hà-thành.— Tiếng pháo cuối năm.— Người đời.— Nợ công-
danh.— Chiếc khăn xếp : XXX, 168, 91-93.

Đêm ba mươi tết mong sáng.— Ngày xuân xem hoa.— Tiết thượng nguyên ở Phương thành.— Vịnh Ngô Tam-Quế.— Chơi chùa Phúc-lâm : XXX, 170, 313-314.

Biểu mừng hoàng-thượng hồi loan : XXXI, 176, 302-303.

Cảnh mùa chiêm.— Cảnh chiều sớm ở nhà quê.— Đêm tối trời.— Đêm mong bạn.— Đêm đã khuya.— Tự-thuật.— Họa bài tự thuật của ông túc nho.— Gái lớn kén chồng.— Gặp cô hàng rượu.— Phơi sách bị mưa.— Xem hát tuồng.— Anh hùng rơm.— Công tử bột.— Anh thuyền chài.— Chú đi cày.— Chùa Ngọc-sơn.— Đề tập «Duyên nợ phù-sinh» của Trần-Tuấn-Khải.— Cái bễ chơi cảnh.— Cây trúc.— Hòn vôi.— Quả chuông.— Địa đồ nước Nam.— Xem ao.— Con cua.— Con cá chép : XXXI, 178, 511-514.

Trung-du tùng vịnh (Du-lich xứ Trung-kỳ năm 1928): Núi Non-nước.— Đền Sùng-sơn.— Cầu Hàm-rồng.— Động Bích-đào.— Động Lam sơn.— Đền vua Thục.— Đảo Song-ngư.— Núi Hồng-linh.— Sông Lam-giang.— Đá Lập-thạch.— Đèo Ngang.— Sông Danh.— Núi Ngự-bình.— Sông Hương-giang : XXXII, 180, 82-85.

Mừng ông giáo Phan Tiến-Hải thăng hàm.— Đêm nghe trẻ học.— Soi gương.— Khuyến em học quốc ngữ.— Gió mưa đêm hạ.— Vịnh sử.— Hoài-quốc công Võ-Tánh.— Ninh-hòa quận công Ngô-Tùng-Châu.— Chiêu nghị tướng-quân Nguyễn Tấn-Huyền.— Tín-võ-hầu Phạm-Văn-Điền.— Khúc đêm thu : XXXII, 182, 301-303.

Viếng ông Hữu-Mai : XXXII, 183, 397-398.

Họa bài ngũ thập lục tự thuật của Đông-Châu, NP 178.— Bận cho chiếc quạt.— Chợ thường xuân.— Đêm hè chơi chùa Phúc-lâm,— Thăm ông Trần Đức-Châu đi Lạng-sơn mở hiệu may : XXXII, 185, 620-621.

Nhớ ai.— Mừng cụ Lang đi thủ tù.— Nhớ cảnh Huế.— Truyện Liễu-trai : XXXIII, 190, 477.

NHỮ-MAI

Đọc báo Nam-phong đề ba bài (tứ tuyệt) : X, 6, 388.

PHÁC-NGỌC (Coi : Phạm-Thấu)

PHẠM CHÍNH-THẮT

Đồng thiên-vương.— Triệu-Âu : III, 15, 171.

PHẠM ĐÌNH-BẢN

Cảm tưởng.— Không nên chán đời.— Sự cụ : XX, 113, 90.

Chùa Tam-thanh.— Ông Ngô Thời-Sĩ.— Gửi cho bạn say.— Khuê oán.—
Phong dao : XXII, 129, 518-519:

PHẠM ĐÌNH-TRÁC

Mừng ông Bạch Thái-Bưởi : III, 18, 368.

PHẠM HI-NGUYỄN

Bài hát đánh đu bát-tiên ở hội Hùng-vương kỷ-niệm : II, 12, 364.

PHẠM HUY-HỔ

Húi đầu.— Mừng ông đồ Tri-chi hạ thọ : VII, 41, 429.

PHẠM HUY-KỶ

Dịch thơ Đường : Về làng.— Lời người biên viễn.— Tự thán : V,
28, 346-347.

Mong mưa.— Nhớ sách (dịch thơ ông Tôn-am) : V, 29, 437.

PHẠM HUY-TOẠI

Khuyên học quốc-ngữ : Xưa học chữ tàu. Nay học quốc-ngữ : VII, 38,
159-160.

Cảnh lụt huyện Gia-bình : VII, 41, 429.

Giữ đạo hiếu-trung.— Trông trăng.— Con bò.— Anh thuyền chài : IX, 50, 159-160.

Vịnh Thúy-Kiều : X, 58, 301.

Nợ nam-nhi.— Cảm-hoài.— Xem hoa cảm tình.— Vịnh hoa phù-dung bằng giấy.— Cái gương : XVI, 92, 181.

PHẠM MẠNH-SINH

Cùng bạn uống rượu.— Tặng người cũ : XIX, 111, 515.

PHẠM MINH-NGUYỆT

Chữ tang bồng.— Mị-châu : III, 15, 169-170.

PHẠM NAM-KIỀU

Tự thuật.— Cảnh thu.— Chiều đi đường rừng : XV, 86, 174.

PHẠM NGỌC-CƠ

Xin lưu : XVIII, 103, 190.

PHẠM NGỌC-ĐƯỜNG

Bài phú khuyên người ta nên yêu nhau : XXII, 125, 90-91.

PHẠM PHÚ-THÔNG

Vấn nguyệt : XVIII, 103, 190.

Cái thiên-chức của nhà văn-sĩ đời nay (10),— Lời Tây-Thi.— Đọc Trần-triều võ-công lịch-sử hữu cảm.— Lời gái giang-hồ : XXI, 124, 622-623.

PHẠM QUANG-SÁN

Bài thơ đề tượng Hiệp-Phật.— Bài thơ đền kỷ-niệm : VI, 31, 74-75.

Bài ca khuyến hiền về việc thi-hành tân-luật : VI, 34. 364-366.

Bài phú phương-ngôn (Ghép toàn bằng các câu Phương-ngôn, 100 vận) : VII, 42, 482-497.

Đề lăng vua Lê.— Đề mộ nhà Trần.— Cảnh chùa Tây-phương.— Trúng rỗng lại nở ra rỗng.— Bài phú huyện Hưng-nhân (Vần : Thái-bình cảnh sắc) : VIII, 47, 421-423.

Tốt danh hơn lành áo.— Bài phú cờ bạc (Vần : Cờ bạc là bác thẳng bần) : IX, 50, 161-162.

PHẠM SĨ-VĨ

Thiên-gia thi-tập diễn-âm.— Cảnh xuân.— Cảnh thu.— Cảnh đông... : XXV, 144, 520-522.— XXV, 145, 622-624.— XXVI, 146, 85-87.— XXVI, 147, 190-192.— XXVI, 148, 290-292.— XXVI, 149, 395-398.

PHẠM TUẤN-LÂM

Lưu biệt khi đi Bắc-kạn : XV, 86, 175.

PH. T. L. — PH. T. T.

Cuộc du-quan làng Bản-Mún : Lên đường, Đến nơi, Sáng dậy, Ra về, Dọc đường : XV, 90, 551.

PHẠM TUẤN-TÀI

Đông dạ lữ-hoài.— Đêm đứng bờ ao.— Gái bị chồng chê : XII, 67, 57.

Cảm đề.— Sơn-thủy ngẫu vịnh : XII, 70, 339-340.

Biệt bạn ra về.— Nhân-tình : XII, 71, 440.

Cảm tưởng.— Lưu biệt.— Từ khúc : XIII, 76, 343.

Xuân : XIV, 79, 74.

Bắc-kạn tông vịnh.— Đông.— Nhớ bạn.— Thôi đời.— Chán (4).— Tông kết : XIV, 79, 76.

Mưa gió ngày tết — Một bức thư cho ai,— Tặng đóa hoa xuân : XIV, 81, 258.

Nỗi mình : XIV, 83, 435.

Cảnh sáng Bắc-kạn — Cảnh chiều Bắc-kạn.— Hồng-lâu oán : XV, 90, 551.

Người oan — Viếng người.— Nhớ bạn (Minh-nguyệt khúc) : XVI, 93, 289.

PHẠM-THÂN

Viếng một người nữ học-sinh.— Nhớ bạn mới gặp.— Trách bạn mới gặp — Chiều chơi mát bờ sông Lê : XIX, 111, 514-515.

PHẠM-THÁU Phác-ngọc

An dương vương.— Đêm dài : XVI, 94, 389.

Nghịệp làm thơ.— Tự trào.— Chơi thuyền dưới trăng.— Tương-tư : XVI, 486-487.

Mã-Viên.— Sự nghèo.— Triệu-Âu.— Thương vay.— Thúy-Kiều : XVIII, 106, 499-500.

Khóc đời.— Kiếp trâu.— Đêm hè nghe cuộc.— Lời người vợ lẽ than thân.— Mong trăng thu : XXI, 119, 91-92.

Hát nói : Lời cô Việt-nga.— Gặp bạn cũ,— Tương-tư.— Hát cô đầu : XXI, 124, 624-625.

Đề bức tranh sơn-thủy.— Tự thán.— Qua Văn-miếu Hà-nội cảm hoài.— Đêm sương ngầu cảm.— Đêm mong sáng.— Đưa bạn ở Hải-phòng— Nhớ bạn ở Hải-phòng.— Thương mình.— Nguyệt hạ cảm hoài.— Nhớ bạn xa.— Nghe cuộc khêu : XXII, 130, 627-628.

PHẠM-THỨC

Phú : Không chồng mà chưa mới ngoan (Văn : Gái tơ ngựa nghề sớm sao :
VI, 33, 260.

PHẠM TRẦN-ĐĨNH

Bài phú " Tịch cư ninh thê " : XVI, 93, 283-285.

PHẠM VĂN-CHÍNH

Thăm các bạn đồng nghiệp,— Mừng bạn đỗ Tốt-nghiệp Cao-đẳng Pháp-
chính : XIX, 111, 510.

PHẠM VĂN-NGHỊ Trục-viên

Vịnh thợ rèn : XXV, 145, 625.

Vịnh tượng chùa Cồ-lễ.— Thúc-sinh.— Mã-giám-sinh.— Sở khanh : XXV,
145, 625-626.

PHẠM VỌNG-CHI

Chơi Sầm-son (kèm theo ba bài thơ Đường) : XXVIII, 163, 601-603.

PHẠM XUÂN-HOÀ

Đứng bờ hồ Cửu-long : XVIII, 103, 191.

Đạo chơi non nước : XVIII, 106, 499.

PHẠM XUÂN-KHÔI

Vịnh cảnh Lương-tài : III, 17, 298.

Việt-nam nhị-thập-tứ hiệu diễn ca : 24 sự tích hiệu-tử nước Việt (Cùng
soạn với Nguyễn-Hữu-Tiến) : VIII, 46, 295-303.

Thơ vịnh Kiều (31 bài thơ Đường, không rõ của ai, nay do PXXK sửa chữa và cho in, bản Hán và bản nôm đối-chiếu) : IX, 54, 501-509.

Qui khứ lai từ (sửa lại bài văn dịch của Tùng-Vân) : X, 56, 159.

PHẠM XUÂN-NÙNG Hữu-tô

Vịnh hai bà Trưng.— Vịnh bà Trưng chị — Vịnh bà Trưng em.— Vịnh cảnh.— Vịnh cảnh Hương-cảng.— Vịnh cái bồ-dìn.— Vịnh Mị-Ê : III, 17, 297.

PHẠM XUÂN-PHÁI

Cung chúc Hoàng-thượng Bắc-ngự : II, 11, 311.

Khuyên an-thường thú-phận : XXXI, 179, 629-630.

PHẠM XUÂN-THÁI

Bài vô-đề : III, 14, 114-115.

PHAN DỤ-AN (con Phan-Huy-Chú)

Tiểu quan Trấn-thủ về triều.— Nhớ quan Trấn-thủ đi dẹp giặc.— Mừng-
quan Trấn-thủ về dinh mới.— Bài văn tế các chiến sĩ trận vong :
XVIII, 106, 494-496,

PHAN ĐÌNH-CHI

Câu đối tập Kiều : VII, 42, 512-513.

PHAN ĐÌNH-ĐỒ

Đêm khuya nhớ nhà : XVI, 93, 289.

PHAN HOÀI-DẬT

Tôi ở đâu (chuyện ông Viên Hộ) : XXII, 125, 86.

PHAN QUỐC-LƯƠNG

Nhớ cha mẹ.— Tự thuật.— Quan hải ngẫu-đề.— Nguyên-văn cảm-tác : XIX, 110, 404.

PHAN QUỐC-QUANG

Bài văn Đường Thiên-Bửu tế nàng Cầm-Nhung : IV, 19, 66-67.

PHAN THANH-GIẢN

Từ giả vợ đi làm quan.— Khi đi sứ Pháp đậu ở bến tàu.— Thơ di-bút : XIX, 107, 95-96.

PHAN VĂN-ĐIỆN

Thơ tặng biệt : II, 7, 39.

PHAN VĂN-TRỊ

Thơ cũ Nam-kỳ (Gồm 10 bài do Lâm Tấn-Phác sao lại của Phan-Văn-Trị họa bài của Tôn-Thọ-Tường) : XIII, 78, 517-518.

Chùa hư.— An-giang phong-cảnh.— Vinh-long hoài cổ.— Hột lúa.— Thọ may.— Ông câu (2) : XV, 88, 353.

Mười bài thơ họa lại 10 bài của Tôn-Thọ-Tường, NP số 22 năm 1919 : XVIII, 103, 182-183.

Thơ cũ Nam-kỳ do LTP sao lục bài 1-10 : XVIII, 105, 394-395.

PHAN XUÂN-NÙNG

Phụng-họa nguyên-vận bài “Tự thọ năm mươi” của Nguyễn-Năng-Quốc : IV, 21, 231.

PHÚ-CƠ

Thơ cảm ơn : I, 6, 392.

Ngoạn nguyệt thi : I, 6, 392.

PHÚ TUẤN-NANG

Tự thán.— Tự thuật.— Đồ cảnh hoài tình : XIV, 80, 164.

PHỤNG-NAM

Họa lại mười bài thơ Liên-hoàn (NP số 21, tr. 229) bài 1-10 : XIX, 110, 399.

PHÙNG TÁT-ĐÁC

Mối tiếc thương lần đầu (dịch : Le Premier Regret, của Lamartine) : XXIV, 139, 407-411.

PHÙNG-XUÂN

Cao-hoàng hưng-quốc kỷ-niệm ngâm : VIII, 48, 523-524.

PHƯỚC-MÔN (Cõi Nguyễn-Hữu-Bài)

QUANG-ĐÁU

Đêm thu chơi trăng trên Đông-hồ.— Nghĩa ở đời.— Cái trống học.—
Chiều thu ngồi với bác Bạch-như ở Kim-dữ.— Nỗi buồn canh
khuya : XXIV, 137, 197.

QUÁT-ĐÌNH

Không đề : VI, 34, 359.

QUỐC-TỬ-GIÁM

Đêm vắng ở khoáng-giã bên Tân-thế-giới (thơ soạn từ bài văn của Cha-
teaubriand) : VIII, 47, 424-425.

SỞ-CUỒNG : (Cõi : Lê-Dư)

SƠN-ĐẠI (Vĩnh-long)

Khuyên các đấng nam nữ : III, 18, 368-369.

SƯƠNG NGUYỆT-ANH

Một tấm cảm-tình (thơ tự do và một bài « Gửi Nam-Phong » Đường luật) :
III, 14, 112.

T. C. H.

Công nợ.— Đứng trên bờ sông : XV, 89, 457.

T. L.

Tự tự (Theo văn bài « Họa bài lưu-giản » của Trúc-Đường, NP 191) :
XXXIII, 191, 602.

Hỏi tình-nhân thức ngủ : XXXIV, 194, 272.

Vịnh hoa Đàm.— Tặng chị em xóm bình-khang : XXXV, 206, 165.

T. N. B.

Tất kinh tất giới vô vi phu-tử phú (Bài phú của ông Cừ Thiện quê ở Cốc thành) : XVI, 121, 306-308.

T. T.

Vấn nguyệt : XVI, 91. 84-85.

TẠ BÌNH-HẢI

Cảm tác.— Khóc bạn : XVI, 94, 389.

Cảm tặng một người nghĩa-khí.— Thân cò.— Thơ gửi cho anh ký : XIX,
109, 302.

Tiền bạn đồng nghiệp đôi đi Vinh-Tân-ấp.— Vị-hoàng hoài-cò.— Đề anh :
XX, 113, 87.

TẠ MẠNH-KHẢI

Cảnh hồng-lâu : XVI, 93, 288.

TẠ QUANG-NINH

Tự thán : XII, 67, 57-58.

Cảm tưởng : XII, 70, 340.

Than nghèo : XIII, 76, 342.

Nghĩ nổi mình.— Viếng mộ bạn : XIV, 79, 75.

Cảm tác.— Đêm dài.— Đề một người hiệp-nữ : XV, 89, 456.

Cảnh Phủ-Giày.— Nghĩ vãn thương vay.— Nhớ người Bắc-kạn : XVI, 93, 286.

Trời tối.— Thương mình.— Muốn tu.— Tiễn bạn đi Cao-bằng.— Nhớ chị gái — Buổi chiều đứng bên bờ sông Vị.— Thăng-long hoài-cổ : XVIII, 103, 188-189.

Giọt lệ đêm trường.— Giang hồ nhớ bước.— Vị chữ bần.— Nhớ nhà : XIX, 109, 302-303.

Cảm tác.— Đi tàu cùng bạn cảm biệt.— Vợ đánh thức chồng.— Hồng-lâu oán : XX, 118, 580.

Nỗi buồn canh khuya : XXI, 124, 623.

TAM-XUYÊN

Đậu dò câu cá bến chùa Thiên-Mụ.— Sanh-nhật.— Đêm ba mươi Tết không ngủ.— Nghe chim kêu.— Ngẫu ngâm.— Gửi cho cô Mộng-Liên.— Tặng Mộng-Liên.— Chơi Trung-thâu : VI, 33, 255-256.

Trùng-cửu chơi Ngự-bình : VI, 34, 358-359.

TẢN-ĐÀ (Coi : Nguyễn Khắc-Hiếu)

TAO-ĐÀN

Vịnh sử : Trần Hưng-Đạo.— Lê-Lợi.— Gia-Long.— Hai Bà Trưng : VI, 35, 450-451.

Triệu-Âu.— Quốc-Toản.— Như-Hồ.— Trịnh-Kiểm.— Gia-tướng Hưng Đạo-Vương.— Nguyễn-Hiền.— Thị-Kính.— Tề-Khương.— Bá-Di : VII, 38, 158-159.

TÂY-ĐƯỜNG

Mừng Nam-phong : V, 26, 195.

TIÊN

Đề Trấn Võ : IX, 54, 556.

TINH-PHỐ

Bên hoa có cảm : XXXV, 205, 123.

Chơi hồ sen có cảm.— Vịnh Châu lan.— Món nợ nhà nho.— Gửi bạn ở chồng : XXXV, 206, 165.

TÔ-GIANG (Coi : Vũ-Tuất)

TÔ-TRINH

Có tiền mua tiên cũng được : II, 12, 364.

TÔ VĂN-THIỆN

Đi học xa nhớ nhà : I, 6, 387-388.

Cảm tình : II, 7, 40.

TÔN QUANG-PHIỆT

Kiều bán mình chuộc cha.— Kiêu trách Thúc-sinh : XVI, 92, 183.

TÔN THẤT-LƯƠNG

Bích thành hoài-cổ.— Đề bức thêu sen và chim oan ương.— Ước đêm thu.— Tặng một người quen.— Rằm tháng giêng đi chùa : II, 11, 308-309

TÔN THẮT-PHÁN

Bài hát ru con : II, 11, 311-312.

Địa cầu tổng ca : III, 18, 368.

Đông-dương tổng-ca : IV, 19, 65.

Đại-nam quốc-sử tổng-ca : VI, 32, 165-166.

TÔN THỌ-TƯỜNG

Từ-Thứ qui Tào.— Khóc đầu Hạng-Vũ.— Kỹ nữ qui-y.— Chùa Cây-mai.—

Tự-thuật : XV, 88, 352.

TÚ-PHƯƠNG

Viếng người bạc mệnh.— Khúc tương-tư.— Nhớ bạn Trường-an : XXVIII,
160, 290-291.

TUẤN-ĐĂNG

Hựu thê : XXXIV, 193, 209-210.

TÙNG-TOÀN

Trên dòng nghiêng chén.— Tôi mơ tưởng.— Chơi núi Từ-trầm.— Chơi
vườn Bách-thú : XXXV, 208, 246.

TÙNG-THIỆN (con đức Minh-mạng)

Lỗ phản ngựa lũng : VI, 31, 66.

Đề «Nữ phạm điển-nghĩa» : VI, 32, 164.

TÙNG-VÂN (Coi : Nguyễn Đôn-Phục)

TUY-LÝ-VƯƠNG

Thơ họa vận «Khoai».— Đề nhà mát : II, 11, 305-306.

«Hòa lạc» ca : III, 17, 296-297.

TUYẾT-HUY (Coi : Dương Bá-Trạc)

TUYẾT-TRANG nữ-sĩ

Họa bài «Đêm khuya xem sách» của Nguyễn Trung-Khuyến, NP 80 : XX, 113, 86-87.

TỪ ĐIỂN-ĐỒNG

Khò đêm dài.— Tự chê mình về sự thi : II, 9, 166.

TỪ-VÂN

Đêm thu.— Cảnh thu tàn.— Nhớ bạn.— Vịnh cái thác nước.— Cái điều sừ.— Cái ống tiền.— Cái chuông.— Người câu cá : XXV, 144, 522.
Gái ế chồng than thân.— Đòi quan-viên.— Giọt lệ sông Hương.— Tuổi vàng thương kẻ.— Bảo người hình-nhân.— Chiều hè chim về tổ.— Cá cắn câu,— Kiếp trần ai.— Lời ếch đáy giếng.— Đêm hè mắng muối.— Trò đời.— Vịnh chàng công-tử bột : XXVIII, 159, 177-179.

TƯƠNG-AN (con vua Minh-mạng)

Trách tình-nhân lỗi hẹn.— Không đề.— Từ-Thứ về Tào.— Bụi tre bờ.— Không đề.— Uống rượu.— Người điếc.— Không đề : VI, 31, 65-66.

Họa vịnh «Đề Nữ phạm điển-nghĩa» : VI, 31, 164.

TƯƠNG-GIANG-THỊ (Coi : Nguyễn-Tiến)

TƯƠNG-PHỐ

Tái tiểu sầu ngâm : XXVI, 147, 192.

Khúc thu hận : XXIX, 164, 93-94.

Đòi đáng chán : XXX, 171, 422.

TH. TR.

Mừng ông Cử thọ sáu mươi. — Cự giáo về hưu : XXXIV, 194, 272.

THÁI VĂN-HOÈ

Nhớ ai. — Thầy Đờ với con muối. — Đứng trên khe : XX, 113, 88-89.

Thói đời. — Chán đời. — Đứng trên sông ngày rằm. — Mẹ dạy con. — Đá bóng. — Phu xe kéo con đi. — Lúc nằm co : XX, 115, 283-284.

Khóc chồng. — Tự hi. — Gửi cho bạn nhà giàu. — Khóc mẹ. — Hát nói : XXI, 124, 625-626.

THANH-BÌNH

Dịch bài : «Giang hồ tản-nhân» : XXVIII, 160, 291.

THANH-NGUYỄN

Vịnh cờ hoa lau : IX, 51, 261.

THANH-QUAN

Thơ bà huyện Thanh-quan (Tiểu-chú của Tuyết-trang Trần Văn-Ngoạn) :
Đi đò buổi chiều. — Buổi chiều đi đò nhớ nhà. — Vịnh chùa Trấn-bắc. — Hoài cò. — Qua núi Đèo-ngang : II, 7, 37.

THANH-TỰ

Tặng bạn lúc phân-ly. — Nghi minh. — Cảnh hoàng-hôn. — Khách nhà quê ra Hà-nội. — Chơi Hồ Hoàn-kiếm. — Mùa đông ở Bá-giang. — Cảnh nhàn : XXXII, 180, 81-82.

THÂN NHÂN-TRUNG

Chùa bà Đanh (trong «Quốc-âm thi-văn tùng-thoại» của Sở Cường, NP 173, tr. 597) trong có câu «Hồn bướm mơ tiên» : XXX, 173, 597.

THÂN TRỌNG-HUỀ

Thơ nhớ mẹ : II, 8, 103.

THI MỘNG-LAN

Sự nghèo : XII, 62, 525.

THIỆN-ĐÌNH

Văng cảnh chùa Hương : XXXII, 182, 304.

Mừng vua Bắc-tuần : hựu thê : XXXIII, 190, 476.

THIỆN-TIÊN

Mừng gia-thúc Kiêm-thiện ông thất thập thọ.— Câu đối.— Hát ả-đào :
XXXIV, 193, 209.

THIỆN-TRƯỜNG

Vịnh núi Thạch-động.— Đưa bạn thiên-bồ Cà-mau.— Tiễn bạn.— Phú-
đắc : Tu đâu cho bằng tu nhà.— Tiễn bạn thiên-bồ Tân-an.—
Đưa chồng đi thi.— Trung-thu du hồ.— Thu dạ.— Tân xuân
khai bút.— Tiễn bạn sang Đại-Pháp — Thường nguyệt thu.—
Ngày xuân khai bút.— Khuyến thiện.— Hoài hữu.— Tặng ni xuất
giới.— Phú đắc : Ví dù giải kết đến điều...— Chiếc thuyền.—
Vịnh Thúy Vân.— Hải tân văn vọng.— Tự thuật.— Gia-huấn.—
Đối khóc vợ.— Khóc vợ : XXV, 141, 200-201.

Sơ thu ngâm vịnh.— Cảnh chiều thu.— Tình non nước : XXV, 142, 306.

Thơ tục-huyền (nhiều tác-giả khác nữa).— Các câu đối.— Thơ lục-bát.—
Thơ thất ngôn.— Thơ tập Kiều.— Song thất lục bát : XXVI, 151,
618-621.

Hoài tình.— Đồ rác.— Bào lụt.— Hát hội.— Mừng một ông bạn sinh
nam.— Vịnh dạ lan.— Đêm thu thường nguyệt.— Niấc chuyện
du hồ năm xưa.— Tân xuân tức sự.— Hoài hữu.— Tản hôn.—

Tân xuân khai bút.— Trông trăng cảm các.— Ở đời.— Vịnh hoa mai.— Vịnh hoa cúc.— Vịnh lục trúc.— Tiếng chuông vàng.— Đối gián nhà.— Đòi đề truyện Thúy-Kiều.— Cảm khái.— Chơi núi Tô-châu nhỏ.— Trồng hoa hường.— Chơi ở núi Đại-Tô-châu.— Mừng ông giáo Huỳnh Thoại-Bàng.— Tặng ông lương-y Lý Ngọc-Thành.— Khóc em dâu.— Viếng núi Thạch - động.— Tân xuân tức-sự.— Kỷ-tị.— Canh-ngọ : XXVII, 154, 289-292.

THỊNH-CHÂU

Đề truyện các bậc hiền-nhân danh-sĩ nước Pháp: VI, 31, 76-78.— VI, 32, 168-171.— VI, 34, 366-368.— VI, 35, 454.

THU-ANH

Vịnh Nữ-giới chung : III, 15, 171.

THU-DƯƠNG-TỬ

Thanh-Lâm nữ-sử (Theo mấy câu hát: Lãng-ơ chẳng một mình ai, Thanh-Lâm Đồng-sớm có hai ba người.— Đằm đằm chẳng một mình ai, Thanh-lâm Đồng-sớm có hai ba người.— Kể-cứu lịch sử bà Thanh-Lâm).— My-giang cở miếu : XXXIV, 201-202, 87-89.

Oan trung tự thán : XXXV, 204, 80.

THU-TÂM

Tự trào (Đề ảnh ngòi viết chữ Hán): XV, 89, 457.

THUẬN-GIANG

Hoa phù dung.— Khuyến thương.— Quan phong.— Đi chơi Trùng-cửu : XIX, 110, 405.

THUY-LAN

Từ khúc : XIX, 111, 516.

THƯỢNG-ĐÌNH CƯ-SĨ

Nhớ người Quảng-yên : XIII, 75, 252.

THƯỢNG TÂN-THỊ

Khuê phụ thán (10).— Tục Khuê-phụ thán (10) : XXX, 169, 204-206.

TR. V.-Q

Mừng xuân.— Muốn đi chơi theo dấu người xưa.— Tự trào: XXXIV, 193, 212.

Họa bài «Cụ giáo về hưu» : XXXIV, 194, 272.

TRÁC-CHI (Coi : Lâm Tấn-Phác)

TRẦN-BẠN

Vịnh cờ hoa lau : IX, 51, 261.

TRẦN CHỈ-HIỆU

Họa bài : Xin hưu của Phạm Ngọc-Cơ : XVIII, 103, 191.

Đạo chơi non nước : XVIII, 106, 499.

TRẦN DUY-VÂN

Tự thán.— Dạ tứ.— Thể tình cảm tác.— Đánh cờ.— Chừa bài lá.— Vịnh con cá.— Con tầm.— Cái điều sứ.— Cái đèn tọa-đăng.— Chùa Cồ-lễ (Thuận nghịch đề) : XXII, 125, 87-88

TRẦN ĐẠI-MINH

Ngán đời.— Gợi đàn.— Họa bài tự-thuật của Nguyễn Văn Sầm : XXXII, 184, 506.

TRẦN ĐÌNH-HUYẾN

Tiền quan Đông-các đại học-sĩ Phúc-môn-bá Nguyễn đại-nhân đi hộ giá qua quí quốc : XI, 61, 43 .

Cuộc đời XI, 62, 214.

TRẦN HOÀNG-SẮC

Đánh chơi gà — Đánh vật.— Hội tây.— Hội chợ Nam-định.— Cải lương.— Người thủ-quĩ : XX, 115, 284-285.

TRẦN HỒNG-TUÂN

Nhật trình từ Nam-định vào Huế.— Hối trời.— Anh đồ.— Cái hỏa lò.— Cái tháp voi — Chùa Cờ-lễ.— Núi Dục-thúy Non-nước : XXII, 130, 629.

TRẦN HUY-LIỆU

Tự thuật.— Dạ hoài.— Bà Triệu-Âu : XII, 70, 340.

Cảm tác : XIII, 75, 252-253.

Cảm tác.— Vịnh thẳng bé con : XIII, 77, 430.

Khóc Kiều.— Khóc bạn Nam-kỳ.— Cảnh mưa dầm.— Cảm tác.— Tiền bạn.— Trò đời.— Đề ảnh một người.— Họa thơ tổng biệt của một người bạn.— Đất khách đêm nằm không ngủ — Vịnh cảnh Thủ-dầu-một.— Tạ bạn cho áo.— Lụt nước mưa.— Trả lời bạn.— Nhấn trời.— Tiền bạn.— Tự trào.— Buồn.— Cảm-tác : XVI, 96, 588-590.

Sáng sớm đi chơi bãi biển cảm vịnh.— Trò đời.— Đề ảnh mình.— Lưu-giã cùng các bạn Nam-kỳ.— Hoài ý-trung-nhân.— Nhấn bạn.— Dạ hoài : XVII, 97, 84-85.

Dịch cổ thi : Thơ nàng Liên-Nhi vợ Ngô Tam-Quế (4).— Mắng mình ngông : XVII, 98, 183-184.

Đêm nằm không ngủ.— Phần chí.— Cảm tác.— Đi xa nhớ nhà.— Lữ-thứ sầu ngâm.— Chiều hôm nhớ nhà.— Cảm-hoài : XV, 90, 550.

Khóc ý-trung-nhân (Thi ca liên-hành) : XVII, 181, 483

TRẦN HỮU-GIƯƠNG

Lên Ai-vân : III, 15, 170.

Chơi chùa Ngũ-hành.— Tới Ai-vân không gặp bạn : IV, 22, 331.

TRẦN HỮU-KHÁNH

Đền Vua Đinh ở Trường-yên : XV, 89, 459.

TRẦN HỮU-LƯỢNG

Hồng-lâu tự thán : XIII, 72, 524-525.

TRẦN KẾ-XƯƠNG

Hữu cảm.— Quan tại gia.— Kết pháo : III, 7, 35.

Khóc bạn (Tú-tài quê ở Phong-châu) : II, 8, 98.

Đêm dài.— Nhớ bạn.— Mùa bức mặc áo bông : IV, 19, 64.

Than thân chưa đạt.— Vấn thân vô oán.— Tự thán.— Mưa tháng bảy.—
Ra cửa được tiền.— Gửi cho cô đầu.— Không phòng.— Tái
giá.— Gái hóa lấy chồng quan : V, 30, 540-541.

Đi thi.— Tặng người quen.— Hữu cảm.— Thán cùng.— Xuân nhật tự
vịnh. Bài phú thầy đồ.— Làm câu đối cho bà vãi cầu hậu.—
Gửi cho ông Phó nguyên làng Vị-xuyên : VI, 32, 71-72.

Năm mới chúc nhau.— Đánh tổ-tôm : VI, 32, 160.

Tự tự.— Viếng ông lão.— Chê ông Hàn sợ vợ bỏ.— Vịnh tát nước.—
Gửi cho cố-nhân.— Ngẫu hứng.— Gửi cho bạn thân — Hát ông
trắng.— Hát ông trời.— Hát sông lấp Nam-định : XI, 33, 257-258.

Thi hồng : VI, 34, 360.

Chào bà Hai Địch.— Thán cùng.— Tự-tích.— Văn tế sống vợ.— Bài phú
hồng thi : VI, 35, 449-450.

Vị hoàng hoài cổ.— Gần Tết than việc nhà.— Mừng ông cử Bùi
cưới vợ kế.— Đi lạc đường : VII, 41, 428.

Than nước lụt. — Đại hạn.— Gửi cho ông thủ-khoa Phan : VII 42, 511-512.

Cười mình. — Than nghèo.— Tự đắc.— Gái ở chùa.— Thương tiếc ai.—
Gửi cho người tình-nhân : VIII, 43, 75-76.

Bài văn vợ tế chồng : IX, 52, 364.

Chế ông Cử.— Đưa ông Phủ.— Ông Huyện : XVIII, 103, 185.

Than bão lụt.— Chế ông phó bảng.— Than đời,— Khen vợ.— Than sự học.— Tự trào.— Mừng Bắc-kỳ nghị-viên.— Phú-đắc : Tú Tây-hồ ..— Phú-đắc : Vào rừng... — Tranh nhau đổ dầu.— Ông Cử.— Ông Thành thủ-ý.— Ông sư chùa Cuối.— Đưa bạn đi thi.— Hỏi bạn đỗ tiến-sĩ.— Chế quan Đốc.— Mừng em.— Mừng ông trùm.— Than về sự thi.— Lắm quan.— Ông đội Ch.— Ông lang B.— Ông hàn C.— Ông cử Nhu.— Hót của trời.— Chú Mán.— Đồi thi.— Tiến-sĩ Trung thu.— Chị Hằng.— Hóa ra dưa hồng : XIX, 108, 199-201.

TRẦN KHÁNH-PHONG

Gái đêm thu : I, 4, 259-260.

TRẦN MAI-KHÔI Vân-dình

Vịnh sử : Chữ Đồng và Tiên-Dung gặp nhau.— My-Châu.— My-Ê.—
Dương-hậu : II, 7, 38.

Vịnh sử : Sơn-Thủy tranh hôn.— Trương-vương.— Triệu-Âu.— Cù-hậu : III, 13, 32

TRẦN MẠNH-ĐÀN

Khuyến dân ca : XII, 68, 158.

Địa-dư tiện độc (Các bài địa-dư soạn bằng thơ lục-bát) : XXXIII, 190, 447-458.— XXXIII, 191, 573-578.

TRẦN MẠNH-KHOA

Thơ cô tiêu về lấy chồng : II, 8, 98.

TRẦN-MỸ Tuàn-phủ Hà-nam

Cờ-phần Lý-khúc : Tự đề-từ.—Đề đền Hùng-vương.— Đề đền Thục-vương
Đề miếu hai bà Trưng— Vĩnh vua Đinh Tiên-hoàng.— Vĩnh
Lê Đại-Hành...—Vĩnh Lý Chiêu-hoàng...— Qua đền Thụy-phương
xem tượng Lý Ông-Trọng.— Vĩnh Hưng-Đạo đại-vương.— Đề
tranh cụ Nguyễn-Trãi.— Vĩnh Liễu-Thăng.— Bến Chương-
dương hoài-cổ.— Đêm trăng thu đề động chùa Trầm.— Hoàng
Tướng-Công trùng-tu động chùa Trầm tái đề.— Đề miếu bà Mị-Ê
ở hành cung Lý-nhân : IV, 24, 459.461.

Đề Vũ-diện Võ-thị miếu.— Vĩnh Thúy-Kiều.— Vĩnh Trần Kiều-
Liên.— Mừng quan án-sát hưu trí.— Họa thơ ông giáo Phần...—
Tiển Hà niết Đỗ-Ngân đại nhân trí-sĩ.— Mừng tân-học cử-tú liệt-
sĩ.— Mới đổi phép thi gửi cho tú-sĩ ở làng : V, 25, 69-70.

Thương - tá tự trào.— Mừng ông tú cùng làng mới đỗ.—
Làm hộ người làng Đông-am mừng ông tú làng ấy.— Vĩnh
Mỗ-gia sơn-trà.— Chẳng tham ruộng cả ao sâu, Tham vì một
nỗi tốt râu mà hiền.— Vĩnh chú Mãi gheo sư Chiêm.— Đã
bỏ lại mớ theo.— Dẫn bài thơ của quan phó-bồi-thăm.— Hùng-
sơn thứ chú hí tác.— Mất chóc toi : V, 26, 146-148.

Đề thứ hí-tác.— Tống ông Thủy.— Trúc-chi từ.— Bài tập Kiều
gửi cho quan đốc Thái-bình.— Bài hát cho cô đào trước nhân
tình bỏ đi sau lại trở về.— Bài hát ông huyện Nhót.— Câu
đối : V, 27, 266-269.

Phan quận-công dị Trịnh-Kiểm thế văn.— Trịnh-Kiểm dị Phan
quận-công thư.— Hữu-mai Nguyễn Đình-Tuân cung bạt : V, 28,
342-343.

TRẦN NGỌC-HOÀN

Vịnh Đền Hùng-vương.— Tự thán : XIII, 77, 430.

TRẦN NHẬT-TÌNH Học-tăng

Chơi Sầm-sơn.— Cái sáo diều : III, 17, 298.

TRẦN NHƯ-LAN

Tặng Nam-Phong (hát nói) : III, 13, 33-34.

TRẦN PHI-HIỂN

Dịch thơ chữ Hán : VII, 38, 155-156.

TRẦN PHƯỚC-PHẬN

Đêm thu ở cảnh Đông-hồ : XXV, 140, 93-94.

TRẦN QUANG-HOÀNG

Trời đại-hạ : XVI, 94, 388.

Hát nói : Kính tặng Huỳnh-Thoại-Bằng : XX, 116, 381.

TRẦN QUANG-HUYẾN

Mừng báo Nam Phong : X, 58, 300.

Vấn cảnh chùa Lào.— Tắm sông Mê-kông.— Vợ Lào tiễn chồng về Nam :
X, 60, 475.

Cảm khái nhà cháy (2) : XI, 64, 299.

TRẦN QUỐC-HOÀ

Khuyên người xem báo : II, 8, 100.

TRẦN SỞ-KIỀU

Dịch Đường-thi : Ở Giang-lâu nhớ bạn.— Ông Lý-Bạch tiễn ông Mạnh
Hiệu-Nhiên ở lầu Hoàng-hạc đi ra Quảng-lãng.— Đêm xuân ở

Lạc-thành nghe tiếng sáo.— Tức cảnh ở chỗ giang thôn : VI, 33,
258-259

TRẦN TÁN-BÌNH

Vấn tế : Dân ấp Thái-hà tế cụ Quận-Hoàng Thái-xuyên : XXXIII, 190, 480.

TRẦN TẤN-ĐẠT Vj-giang

Thương mình — Gửi cho bạn má hồng.— Chơi Sầm-son.— Than sầu.—
Đêm buồn : III, 14, 114.

TRẦN THÁI-KHANG Riên-lư

Trách bóng trong gương : III, 15, 170.

Sự đời : XI, 61, 44.

TRẦN THẮT-PHÁN

Mừng quan án Vương tứ-đại : IV, 24, 462.

TRẦN THỊ BỘI-HOÀN

Bội-Hoàn thi-tập : Ngắm cảnh Châu-giang (Phủ-lý).— Trên cầu Thê-húc
viếng cô Hoàng-Thị-Cần.— Lạc vào vườn hoa say hoa mến cảnh.—
Đêm thu sầu.— Tựa gốc đào.— Dưới bóng phù-dung.— Hái giầu
không.— Năm canh.— Bốn mùa : đông, xuân, hạ, thu : XXXII,
183, 395-395.

TRẦN-THIỆP Đức-châu

Họa vãn « Lạng-son bát vịnh » của Nhân Văn-Đình : Tam-thanh động.—
Sông-tiên động.— Mạc-gia thành.— Vô-thị sơn.— Kỳ-lừa thị.—

Kỳ-cùng giang.— Na-sâm phổ.— Tuần muội quan : XXVIII, 163, 600-601.

TRẦN THỌ-HUY

Nhớ cảnh non-nước.— Sáu năm ở đất Cao-bằng.— Cảnh Ba-bề Bắc-kạn.— Hoa nhài nở tối.— Chơi hội Phục-hòa : XI, 62, 134-135.

TRẦN ƯU-CHIẾU

Hát ả đào.— Hát sầm : I, 6, 389-390.

TRẦN VĂN-DỰ

Chu Bách-Lư cách ngôn : XXV, 143, 416-417.

TRẦN VĂN-RUẬT

Chị tát nước.— Làm cỏ (ngâm khúc) : XV, 85, 74.

Chị hái dâu.— Rắn chông đưng cờ bạc.— Chơi ả-đào : XV, 86, 175-176.
Hát nói : Lời anh Cuội.— Câu hát sầm dưới chài : XV, 88, 355.

TRẦN VĂN-THANH

Vân-Kiều vấn-đáp : XVII, 99, 284-285.

TRẦN VĂN-THI

Tự tình cùng bạn Cao-đẳng xuất thân nhậm chức tại Cao-mên : X, 56, 158.

TRẦN VĂN-UẤT

Bài ca trẻ ấu-trì-viên hát (3) : XII, 68, 158-159.

TRÍ-HỒNG

Cười mình.— Phổ huyện Bình-lực : XVI, 95, 487.

TRỊNH-CHÂU (Cõi : Thịnh-Châu)

TRỊNH ĐÌNH-RU' Cống-sinh

Cảnh mùa đông ở Bồ-giang (Thái-bình) : I, 6, 387.

Ngày xuân ngâm thơ.— Khai bút : IV, 20, 140-141.

TRỊNH ĐÔNG-CƯƠNG

Cái hồ (dịch Lamartine) : IX, 49, 81.

TRỊNH XUÂN-NHAM Nam-thanh

Chu-tử trị gia cách-ngôn (Dịch bài « Trị gia » của Chu-tử đời Tống ra lục-bát, bài hơn 100 câu) : II, 7, 44-45.

TRỌNG-TOÀN (Cõi : Nguyễn-Văn-Kiểm)

TRÚC-ĐƯỜNG

Họa bài lưu giản của ông Tống-sơn : XXXIII, 191, 602.

TRÚC-HÀ

Cảnh đưu-hiu (dịch L' Isolement của Lamartine) : XXI, 124, 626-627.

TRÚC-SĨ

Tặng ai một bó hoa này (Dịch « Je vous envoie un bouquet » của Ronsard) : XXI, 123, 522-523.

TRÚC-TIÊN

Bài ca đọc Nam-sử (hát nói) : VIII, 45, 243.

TRƯƠNG CÔNG-TÙNG

Vịnh cảnh Ninh-giang : VI, 34, 362.

TRƯƠNG GIA-MÔ Cúc-nông

Thuật hoài.— Tức sự.— Tặng ả Lãnh.— Gửi người tình.— Trung thu họa hữu tình vận.— Tặng bạn.— Nhớ Trí-viên.— Nhờ râu trắng.— Dịch thơ nàng Lý-Diệu-Huệ : VI, 33, 261-263.

TRƯƠNG MỘNG-TIẾU

Dịch thơ chữ Hán (lục-bát) : VII, 38, 155-156.

ƯNG-BÌNH

Nghe hát sông Hương.— Vịnh cảnh Tâm-dương thương-phụ.— Bài thi của nữ lưu họa văn : XXVI, 146, 87.

V. B.

Khai bút.— Làm hộ học-trò khai bút : XXXIV, 192, 97-98.

VĂN-LANG

Bạn trẻ họa bài ngũ thập lục tự thuật.— Họa bài năm canh (NP 183) .— Rừng vãn.— Trường dạ cảm tác.— Bút sắt.— Bình mực.— Quyền sách.— Ngọn đèn khuya.— Núi Bà Đen (Tây-ninh).— Viếng chùa Bà Đen.— Qua sông Cửu-long tại Mỹ-tho.— Tự thuật (1931).— Phong-trào phụ-nữ tại Sài-gòn : XXXIII, 186, 72-74.

Họa bài « Còn chơi » của Tấn-đà : XXXIII, 190, 477-478.

VÂN-BIỂU

Lục thập tự-thuật : XXXI, 179, 628.

VÂN-ĐÀI

Họa mườibài : Khuê phụ thán của T.T. tiên-sinh (10) : XXV, 204, 79-80.

VÂN-PHA

Vờ con chim xanh : I, 6, 388.

VÂN-SƠN

Vịnh tứ thời xuân hạ thu đông : XXXV, 206, 206.

VÂN-TIÊU

Dục hoa nở : I, 6, 388

VỊNH KIỀU-HÀU (Làng Lại-xá, đời Hậu-Lê)

Tứ thời khúc : XIX, 112, 555-559.

VIỆT-HƯNG

Thu cảm-— Thu sầu : XVIII, 106, 500.

VÕ-KHOA quan Thượng

Cảnh già.— Vô-tình tiễn biệt (hát nói).— Linh-giang : III, 18, 366.

VÕ PHÂN-SUẤT

Vấn tế vợ : II, 10, 231-233.

VÕ-THÁI ngự-sử

Tả cảnh làm giáo-thụ : III. 15, 169.

VŨ-BẮC Vj-thờnḡ

Chơi thuyền trên sông Bạch-Đàng.— Đi đường hoài-cảm.— Tây-hồ.— Cô tây.— Vịnh cảnh buổi sáng.— Tu đầu bằng tu chùa Hương-tích.— Vịnh hang Đầu-gỗ. (Hạ-long).— Vịnh chùa Một-cột.— Hựu-

thề.— Ông Nguyễn Văn-Thành, — Trọng-Thủy My-Châu.— Ngự.—
Tiêu.— Canh.— Mục.— Hai con con sắc - qui trong quan
trường.— Bà Tiên-Dung gặp Chủ Đổng-tử.— Buổi sáng dậy học.—
Than đời.— Buổi đời.— Đờ-rề.— Vịnh đê Chọi.— (năm tí).—
Mặt trời mọc.— Mặt trời lặn.— Đọc sách.— Phổng sành.— Mặt
trắng.— Học vị mình.— Học vị người.— Tự trào.— Đêm thu —
nhớ nhà.— Vịnh sông Bạch-đăng.— Than đời.— Không nên hút
thuốc phiện.— Vịnh Bà Triệu-Âu : XXIV, 138, 302-305.

Đêm không ngủ.— Khuyến học quốc-văn.— Đàn (cầm).— Cờ (kỳ).—
Thơ (thi).— Rượu (tửu).— Vẽ (họa).— Đòi khoái lạc.— Làm thuốc.—
Hoa lan.— Lại đẻ con trai.— Vạ thuốc phiện.— Nhớ bạn làm
thơ.— Giầu sồi.— Vào chơi viện Tích-cồ.— Bọn nhớ-nhãng.—
Bài hát ả-đào : XXXI, 178, 514-515,

Khuyên bạn xem báo : XXXIV, 197, 417.

VŨ-BÍCH

Sứ hoa nhàn vịnh (Nguyên-văn chữ Hán của một quan Hộ-bộ Tả-thị-
lang triều Lê đi xứ nhà Thanh, gồm 136 bài tả cảnh và 136
bài thơ mỗi bài có nói nguồn gốc và bài thơ Đường luật :
VIII, 48, 482-485.— IX, 49, 62-67.— IX, 50, 129-132.— IX, 51,
224-229.— IX, 53, 422-428.— IX, 52, 323-326 : IX, 54, 510-516.—
X, 56, 113-120.

VŨ CÔNG-NGHI

Vấn mi-nhân ca : XI, 61, 42 phụ.

VŨ DUY-PHIÊN

Mừng báo Nam Phong : I, 6, 389.

Lên chơi núi Thiên-văn (Kiến-an) : II, 8, 101.

Chơi chùa Lũng-tiên (Kiểu-an).— Ngụ-ngôn cổ-phong.— Cung kỳ Ngự giá
Bắc-tuần (hát nói) : III, 13, 31.

VŨ ĐÌNH KHÔI

Làm mấy câu chơi,— Hỏi thăm bạn chơi.— Chứa đánh cờ bạc : V, 26, 152.

Hữu hoài.— Tặng ông phủ Lâm-thao người Nghệ.— Hỏi thăm ông thông-phán tỉnh Hải-dương.— Thơ nhờ chữa văn nôm.— Bài hát năm 40 tuổi.— Ngẫu hứng ở Kiến-an.— Thơ tặng ông Từ-sơn sang chơi Kiến-an.— Làm việc ở Phú-thọ.— Câu đối tặng quan tuần phủ Chế ở Phú-thọ.— Câu đối tặng ông bạn là chủ ti rượu : V, 28, 347-349.

Tự vịnh : XIX, 111, 515-516.

Hồi hưu lưu giản (Có hai bài họa của Đông-Châu và Ngọc-Đường) : XXXI, 179, 629.

VŨ ĐÌNH-LONG

Mừng báo Nam-Phong : III, 14, 114.

VŨ HOÀNH

Mừng bản báo, họa bài của Phước Môn : I, 4, 256.

VŨ HUY-CHÂN Đái-sinh

Cảnh quê về sáng mùa xuân.— Cảnh quê chiều mùa thu : VI, 31, 75-76.

VŨ HUY-CHIẾU

Họa bài trên : XV, 86, 175.

VŨ HUY-DỰC

Văn tế mẹ (sưu tập thơ văn cổ) : XXXII, 182, 280-281.

VŨ HUY-MINH Vị-xuyên

Thơ mặt trời.— Phong cảnh Vị-xuyên : III, 17, 298.

VŨ KHẮC-TIỆP

Đề đèn Hùng-vương.— Mộ Hùng-vương.— Vịnh Đức Hùng-vương.—
Lên đèn Hùng-vương : VIII, 48, 481.

Vịnh hai Bà Trưng.— Bà Triệu-Âu.— Tấm Hồ tây.— Cuộc gỡ đầu.— Đề
ảnh một người mỹ-nhân bên Âu-châu.— Đề ảnh một người nữ-
sĩ đã cao tuổi chưa chồng.— Đề tranh Tiên-nữ tương-phùng.—
Vịnh hoa mùa xuân : IX, 50, 160-161.

Sau khi nghỉ hè lại ngược Cao-bằng.— Lữ hoài.— Chơi núi.— Đề đèn
Nùng.— Trí-Cao đại-vương.— Tự-thuật : IX, 51, 262.

VŨ MỘNG-BẢNG

Tự trào.— Cảnh Tam-thanh : XV, 85, 73.
Mừng tuổi mình : XV, 89, 456.

VŨ NGUYÊN-BÁI

Làm thơ,— Khóc bạn : XVI, 95, 488-489.

VŨ PHẠM-HÀM Thăm hoa

Hương-sơn phong-cảnh ca : II, 7, 35-36.

VŨ TÍCH-CÔNG Sơn-tây

Hạ báo Nam Phong : III, 13, 32.

Câu đối Tết.— Câu đối cảnh : IV, 19, 74-75.

Thơ dịch.— Thơ tình.— Từ khúc (4) : V, 26, 148-149.

Thơ Trôi.— Giã hoài.— Đi đò gặp nhau.— Muốn vào Bồng-lai.— Bọn bạn
bị kẻ trộm đánh.— Tết ở Nam-định.— Đón xuân.— Tiệc xuân.—
Mộng xuân : V, 28, 347-348.

Câu đối (13) : V, 28, 351-352.

Xuân âm.— Xuân-nhật lữ-hoài.— Xuân-dạ lữ hoài.— Thanh-minh.—
Thị-hạ Tết Đoan-ngũ.— Tàn hạ : V, 29, 437-438.

Câu đối (hơn 10) : V, 29, 438-439.

Thu-dạ lữ-hoài— Trung thu bộ nguyệt.— Trùng cửu đấng cao.— Mưa lụt
tháng chín.— Sơ-đông — Thúy-sơn hoài-cổ.— Vĩ-hoàng hoài-cổ :
V, 30, 542-543.

Câu đối (11) : V, 30, 543-544.

Người trong gương.— Hoa trong gương.— Mừng mưa.— Yêu sen.— Cả
đêm không ngủ.— Bón trắng.— Đi than thân : VI, 31, 70.

Câu đối : Mừng bạn lấy vợ kẻ.— Mừng người thầu khoán làm nhà mới.—
Mừng ông lý làm nhà lối tây. — Mừng bạn làm nhà.— Mừng
hàng xóm có bố mẹ vợ tư giúp làm nhà mới : VI, 31, 71.

Mừng hàng xóm làm nhà.— Mừng bạn đỗ tú-tài.— Mừng ông Cử.—
Mừng ông Nghè. — Mừng bạn làm giáo-học.— Mừng bạn làm tổng
sư : VI, 33, 263-264.

Sư cô phá giới.— Vãn thủy vãn nguyệt.— Chình-phụ ngâm (thuận nghịch
vận).— Nước lụt.— Vịnh đồng bạc con gái.— Vịnh phường
trèo.— Vịnh Thúy-Kiều : VI, 34, 361.

Câu đối : Mừng bạn làm phó lý.— Mừng ông Lý.— Mừng chánh-tổng
được sắc.— Em gái vợ mừng anh rề làm chánh-tổng.— Mừng
thợ sơn lên quan viên tư-vấn.— Mừng người học-trò lên quan
viên tư-vấn. — Mừng Đô-lại : VI, 34, 361-362.

Câu đối : VI, 35, 453.

Câu đối phúng : VI, 36, 544-545.

Câu đối (câu đối « khốc ») : VII, 38, 160.

Vịnh Từ-Hải.— Vịnh Thúc-sinh.— Vịnh Sở-Khanh.— Vịnh Vua Đinh
tiên-hoàng.— Vịnh Thúy-Kiều.— Vịnh Bà Triệu-Âu.— Vịnh đức
Trần Hưng-Đạo.— Vịnh vua Lê Thái-tổ : VIII, 44, 156-157.

Câu đối : XIII, 44, 158-159.

VŨ-TUẤT Tô giang

Thơ con muỗi.— Phong-dao (2) : XXV, 142, 306.

Sét đánh cháy nhà (dịch thơ de Musset) : XXV, 142, 307.

Đáp thư bạn hỏi thăm — Câu đối : Tặng ông Phạm chủ đồn-điền.—
Vợ lẽ khóc vợ cả : XXV, 144, 522-523.

VỤ THANH-ĐÀM

Hát ả-đào.— Nhời người học nho — Nhời người học tây.— Nhời người
học nông.— Hoa súng than thân : II, 7, 39-40.

VŨ THỊ PHÚ-CƠ

Họa bài đề ắp Thăng-viên của cụ Huỳnh-Côn : II, 12, 365.

VŨ XUÂN-LAN

Thi-ca tứ tuyệt (8) : XIX, 111, 509-510.

VŨ XUÂN-TÂM

Đề địa đồ năm châu.— Đề địa-đồ nước Nam.— Đề địa-đồ Bắc-kỳ.—
Đề địa-đồ Trung-kỳ.— Đề địa-đồ Nam-kỳ : XII, 69, 247.

Đề tranh Bà Triệu-Âu.— Thái-bình Tri-huyện tự trào : XX, 115, 282
Lưu giản : XXI, 119, 91.

VŨ XUÂN-TRÁC

Tần cung-nữ oán Bái-công qui Bá-thượng.— Vãn nguyệt.— Vãn hoa :
XVI, 94, 384-387.

Bồ đin.— Hối muỗi.— Cảnh chiều đi đường.— Chiêu-quán xuất tái.—
Chồng học ngủ gật.— Đánh trận đêm.— Vịnh người đun bếp (thơ
vua Lê Thánh-tôn).— Vịnh người đánh rậm.— Vãn-tế : Cụ đạo
vời nhà sư đi dò bị dấm : XVIII, 103, 184-185.

VƯƠNG TỬ-ĐẠI

Thơ lưu-giản hỏi ở Nghệ-an vào Quảng-binh : VIII, 47, 423,

VƯƠNG TỬ-QUÁN

Hoài hữu.— Vịnh Qui-nhơn phong-cảnh : XI, 61, 43.

XỨ-TIỀM

Ngồi đêm.— Đi tắm.— Trả lời chị : XXXI, 174, 77.

Ý-VIÊN

Đầu mùa thu qua hồ Tây.— Con gái nhà quê : IX, 54, 556.

Con cua.— Công-tử bột : XV, 89, 456.

YÊN-ĐỒ (Coi : Nguyễn-Khuyên)

VÔ-DANH, (Không rõ tên tác-già)

Ông phổng đá (Họa bài hát cô đầu của cụ Tam-nguyên Yên-đồ).— Đèn cù.— Buồn.— Giăng thu : I, 5, 313-314.

Thơ gió nồm.— Thơ gió báo tin (ký tên : một người đọc báo) : I, 6, 389.

Vịnh sử : Triệu-Âu.— Phục-Ba tướng-quân.— Vịnh rằm tháng bảy.— May hơn khôn (Hạn văn khôn).— Giai khôn tìm vợ gái ngoan tìm chồng (Hạn văn chồng).— Gái có công chồng chẳng phụ (Hạn văn công) : II, 8, 97-100.

Con rẽ tổ nhạc-phụ : II, 9, 163-164.

Dịch Đường thi : Tô-dài lăm cò.— Đêm xuân ở Lạc-thành nghe sáo.— Điện tiền khúc.— Tây cung xuân oán.— Tây cung thu oán.— Trường tín thu từ.— Trên lầu Hoàng-hạc tiễn Mạnh Hiệu Nhiên đi ra đất Quảng-lãng.— Tào phát Bạch-đế thành : II, 10, 230-231.

Bài phú thể-tục : II, 11, 302-304.

Kiểm hồ.— Đề Nam-âm thi-tập.— Vạn tế cha (Nghịệp làm thuốc) : II, 12, 359.

Kính diễn bài thơ «Ngự-chế» cho Nam-Phong (Gồm 72 bài thơ do nhiều người làm nhân dịp Ngự-giá Bắc-tuần) : II, 12, 360-361. — III, 13, 40-47.

Hát nói (hát ả-đào) : Hoa nguyệt. — Trời chẳng chiều người. — Tặng đào-nương. — Phận hồng-phan. — Chơi xuân kéo già. — Anh hùng vô-tận. — Thế sự. — Trung-thu : V, 29, 432-434.

Hát nói (hát ả-đào) : Cảnh xuân. — Cảnh hè. — Cảnh thu. — Cảnh đông. — Thơ trời ghen ghét : V, 30, 539-540.

Hát nói : Thừa phái hội-đồng đi phát tiền công cho dân đắp đê. — Làm quan ở tỉnh Sơn-tây. — Trái mùi nhân-thế. — Thúy - Kiều (6) — Nhớ quê hương : VI, 31, 66-68.

Hát nói : Nhân-sinh thích chí. — Cung oán. — Cơ trời dẫu bề. — Trai trượng-phu gái thuyền-quyên. — Người ăn-dật. — Nhân-tình chênh-mảng. — Tài-tình — Chúc mừng đời thịnh-trị. — Cảnh thu. — Thăm nhân-tình. — Nhấn tri-kỷ. — Nga-sơn tiều-àn : VI, 32, 161-163. (Bùi-Phụ-Kính ? ?)

Hát nói : Trên thuyền chơi trăng. — Ngụy Dã (Ăn-sĩ nhà Tống). — Triệu Tử-Long : VI, 33, 256-257.

Phú : Chơi trăng rằm trung-thu (Văn : bao nhiêu tuổi trăng già) : VI, 33, 259.

Vịnh bà Triệu-Âu : VI, 34, 362-363.

Hát nói : Từ-Thức. — Trách người đơn-bạc : VI, 36, 360-361.

Văn nhà sư làm chay tế mẹ : VI, 36, 543-544.

Hát nói (hát ả-đào) : Tặng đào Hiếu. — Tống-biệt. — Gặp đào Hiếu lại đến ca quán. — Trong tiệc hát tiễn bạn đi thi Hội. — Hội chùa Bạch-hạc : VII, 38, 152-153.

Hát nói : Tết dán câu đối (Tú-Xương). — Nợ phong-lưu (Ý-viên). — Cậy Mán (Vô-danh). — Chúc mừng sinh-tử cụ Tống-Khê quận-công. — Tiễn. — Tặng cô đào Cúc. — Tặng cô đào Ngộ : VIII, 43, 73-75.

Hát nói: Lưu hiệt mi-nương.— Tiễn quan tiể-sĩ vào kinh.— Cảm hoài.—
Cảm hứng.— Ca-quán tự-trào.— Tiễn người về làm quan.— Hát
sâm ả-đào (5) : VIII, 44, 155-156.

Hát sầm cô đào (7) : VIII, 48, 517-518.

Khánh thành Pháp-Việt trường và kỷ-niệm dài làng Đông-ngạc, hát nói
(3) : IX, 54, 555-556

Cuộc thi thơ vịnh bà Trần Thị-Thọ.— Lời tuyên-cáo của Hội-đồng chấm
thơ : X, 56, 100-108.

Sáu mươi tuổi của cụ Hiệp-Hương (Phủ-cam) và 21 bài họa với mấy bài
thơ khác : X, 57, 216-219.

Bài phú cò Giã-định (Nguyễn Anh-Tuấn sao-lục; không biết tác-giả,
không rõ năm nào, chừng 100 năm nay (?), lời không chuốt song
là di-tích quý của lối văn cò Nam-kỳ) : XIII, 77, 394-396.

Đêm thu nhớ nhà (5) : XV, 86, 174-175.

Thơ đưa cho tình-nhân (Dùng chữ Tam-tự-kinh) : XV, 88, 355-356.

Phú Thầy Phán (Tự trào) : XVI, 94, 389-390.

Câu đối : Báo Nam-Phong. viếng cụ Thân Trọng-Huê.— Hội Khai-trí
viếng cụ Thân Trọng-Huê : XVII, 97,89.

Một bài phú cò Tây-hồ chiến : XVII, 100, 374-376.

Khue tình ngâm-vọng.— Thu-dạ thuật-hoài : XXII, 126, 193-196.

Trường - hạn diễn-ca (Nguyên-văn chữ Hán của Bạch-Lạc-Thiên đời
Đường) : XXII, 127, 306-309.

Hát nói cò : Tiễn Xích-bích.— Hậu Xích-bích.— Trần Hi-Di.— Trương
Lưu-Hầu.— Chinh-phụ.— Khuất-Binh.— Nhân-sinh.— Sĩ vi chí
tiên.— Công danh.— Chữ anh-hùng.— Nợ Nam-nhi.— Nghiệp
văn-chương.— Công đèn sách.— Bạc tài danh.— Đường si-hoạn.—
Cuộc hành lạc : XXIII, 132, 204-207

Hát nói cò : Vọng phu.— Nhân-sinh thích nghi.— Thú vui chơi.— Tài-
tử giai-nhân.— Cảnh thanh-nhàn.— Cuộc rượu giải sầu.— Chí
nam-nhi.— Trải mùi đời.— Mỗi tình chung.— Tây-hồ gặp

khách.— Nhị-hà hoài cổ.— Na-sơn tiêu-ân.— Nhớ trượng-phu.—
Cuộc tồ-tôm.— Thường trăng thu.— Hợp mặt tri-âm.— Đối nguyệt
cầm ca : XXIII, 133, 305-308.

Văn tế sống hai người con gái làng Trường-lưu : XXIII, 135, 511-514.

Tứ thời khúc (Coi : NP 112).— Bài phú được Văn-trường.— Văn tế
tồ-tôm.— (Loại sưu-tầm văn cổ của NP) : XXVII, 159, 139-144.

Diễn bài Đăng-vương-các tựa và thơ.— Học trò gửi cho con gái.—
Thúy-sơn mộng ký.— Phong-hoa tuyết nguyệt (hát nói.— (Sưu
tầm văn cổ) : XXVIII, 160, 239-246.

Giới tửu (Độc vận tửu).— Văn tế sống nàng hầu.— (Sưu tầm văn cổ) :
XXVIII, 161. , ...

Dụ vợ đề mình lấy vợ lẽ.— Nhân sinh lạc sự ca.— Lượng như long
phú.— Diễn bài «Tương tiến tửu» của Lý-Bạch (4).— Cầm kỳ th
tửu (hát nói.— Sưu tầm văn cổ) : XXVIII, 162, 488-498.

Xử-thế phú.— Khuyên xử-thế phú.— Dân kêu quan tỉnh sớ tâu xin ân-xái
những nợ lãi lâu năm : XXIX, 164, 80-83.

Ca-dao cổ (Có mấy lời cất-nghĩa) : XXIX, 167, 411-420.— XXX, 169,
136-146.

Biểu mừng Hoàng thượng hồi loan : XXXI, 176, 303-304.

Văn tế tướng-sĩ về tết trung-nguyên.— Văn tế chúng - sinh về tết trung-
nguyên (Sưu tập thơ văn cổ) : XXXI, 178, 500-502.

Phong dao cổ : Phong-dao tỉnh Tuyên-quang.— Phong-dao tỉnh Lạng-
son.— Phong-dao tỉnh Sơn-tây : XXXI, 179, 633-639.

Tràng hạn ca (Thơ văn cổ) : XXXII, 180, 34-38.

Diễn bài «Ti-bà hành» và «tự» của Bạch Cư Dị (Thơ văn cổ) : XXXII, 181,
180-184.

Dịch thơ trạng-nguyên nói về học-trò thi đỗ : XXXIII, 182, 281-287.

Ba bài chúc mừng Ngự-giá Bắc-tuần khi tới Thanh-hóa (15-11-1932) :
XXXII, 183, 393-394.

Thơ Đường điển nôm : Tống hữu-nhân quá Vệ-châu — Hàm-dương
hoài cò.— Kinh Dương-đế hành-cung.— Khốc Lữ Hành-Châu.—
Lục nhai trần. - Xuân tận.— Cửu-nhật Tề-sơn đấng cao.— Trường
châu hoài cò.— Bần nữ.— Hoàng-lạc lâu : XXXII, 185, 595-601.
Thơ Đường điển nôm : Kinh thu.— Biệt-xá đệ Tôn-nhất. . . : XXXIII,
186, 43-49.

Em 60 tuổi khóc chị 65 tuổi (câu đối) : XXXIII, 191, 605.

Vịnh tượng Lý Thiết-Quài ở nhà cô đào (hát nói) : XXXIV, 194, 272.

DỊCH THƠ PHÁP (Phụ-tương Pháp ngữ)

Thơ thầy đồ Kiếp : Nguyễn Văn-Ích dịch « Kiếp Le Lettré » của Crays—
sac : XII, 68, 34-38.

Lá rụng : Vũ Đình-Tuyết dịch « La chute des feuilles » của Millevoye.— Một
người con gái từ-trần : Nguyễn Huy-Quán dịch « La mort d'une
jeune fille » của Ronsard : XII, 69, 57-58.

Con cá chép với đàn con : Nguyễn Mạnh-Hồng dịch « La Carpe et les
Carpillons » của Florian : XII, 71, 91-92.

Con đẽ : Nguyễn Mạnh-Hồng dịch « Le Grillon » của Florian : XII, 72,
110.

Hai người đi đường : Vũ Văn-Lễ dịch « Les deux voyageurs » của Flo-
rian : XIII, 73, 16.

Cậu thiếu-niên và ông lão : Vũ Văn-Lễ dịch « Le jeune homme et le
vieillard » của Florian : XIII, 73, 38.

Con cò : Nguyễn Mạnh-Hồng dịch « Le héron » của La Fontaine : XIII
75, 56.

Cậu bé và cái gương : Vũ Văn-Lễ dịch « L'enfant et le miroir » của
Florian : XIV, 79, 18.

Anh leo giầy và cái gậy : Vũ Văn-Lễ dịch « Le Danseur de corde et le
balancier » của Florian : XIV, 84, 82.

- Con cừu cái và con chó : Vũ Văn-Lễ dịch « La brebis et le chien » của Florian : XV, 85, 14.
- Anh mù và anh què : Nguyễn Mạnh-Bồng dịch « L'aveugle et le paralytique » của Florian : XV, 86, 18.
- Nhà sét đánh cháy : Văn-Quỳnh dịch « La chaumière incendiée par la foudre » của A. de Musset : XV: 88, 37-38.
- Hỏi sao hôm : Nguyễn Tùng-Thọ dịch « À une étoile du soir » của A. de Musset : XV, 88, 38.
- Cái hồ : Phan Quốc-Thụy dịch « Le Lac » của Lamartine.— Hồ-li và dê : Vũ Văn-Lễ dịch « Le Renard et le Bouc » của La Fontaine.— Vị quốc vong-thân : Vũ Văn-Lễ dịch « Morts pour la Patrie ». của V. Hugo : XVI, 91, 11-14.
- Những kẻ đắm tàu : Trần Văn-Quỳnh dịch « Les naufragés » của V. Hugo.— Gửi cho tình-nhân : Vũ Tuất dịch « À Pépa » của A. Musset.— Tuyết : Nguyễn-Trọng-Bảo dịch « La Neige » của G. de Maupassant.— Tặng hồn một người nữ-nhân chết trẻ : Long-thượng dịch « À une jeune morte » của Ronsard : XVI, 92, 35-38.
- Gửi người qua đường : Vũ Nguyên-Báu dịch « À une passante » của Baudelaire.— Trời mưa : Đ. Q. Giao dịch « La Pluie » của Verlaine : XVII, 98, 21-22.
- Cây sên với cây lau : Nguyễn Mạnh-Hồng dịch « Le chêne et le roseau » của La Fontaine.— Hoa hồng : Ngô Lương-Ngự dịch « La Rose » của Sedaine.— Áo ori : Ngô Lương-Ngự dịch « À mon habit » của Sedaine : XVII, 98, 22-24.
-

PHẦN II

MỤC-LỤC THEO BỘ-MÔN

MỤC-LỤC NAM-PHONG

MỤC-LỤC THEO BỘ-MÔN

I— NAM-PHONG (NP), BÁO-CHÍ (TC, BC).

II— TRIẾT-HỌC (TH)

Tổng-quát

Triết-học Đông-phương (THĐP)

Triết-học Tây-phương (THTP)

III— TÔN-GIÁO (TG)

IV— XÃ-HỘI (XH)

Tổng-quát

Công-dân

Hôn-nhân, gia-đình

Hương-thôn cải-lương

Phụ-nữ

Quan-lại, Thượng-lưu trí-thức

Trị-thủ

Vệ-sinh

«Ngoại-quốc»

V— CHÍNH-TRỊ (CT)

Việt-nam

Ngoại-quốc

VI— KINH-TẾ (KT)

Tổng-quát

Pháp-luật

VII— GIÁO-DỤC (GD)

Tổng-quát

Ấu-trì-viên

Gia-đình

Phụ-nữ (PN)

Quốc-dân giáo-dục

VIII— PHONG-TỤC (PT)

Việt-nam

Ngoại-quốc

IX— NGÔN-NGỮ (NN)

Danh-từ, Tự-điển

Hán-tự

Quốc-học

Quốc-ngữ, Quốc-văn

X— KHOA-HỌC (KH)

XI— MĨ-THUẬT (MT)

Âm-nhạc (ÂN)

XII— VĂN-HỌC (VH)

Văn-học, Văn-hoá, Văn-minh

Văn-gia, thi-gia

Văn-phẩm (VP) :

Chuyện ngắn, tiểu-thuyết
Chuyện dịch Pháp-văn (VHP)
Chuyện dịch Trung-hoa
Hài-văn, Hí-văn
Kịch, tuồng
Khai-trí Tiến-đức
Phê-bình sách

Văn-thê :

Việc học, việc thi
Thơ
Ca-dao, ngôn-ngữ
Câu đối
Diễn-thuyết
Hát tuồng, chèo, ả-đào
Kịch
Chuyện, tiểu-thuyết
Văn-chương (VC), Tùy-bút

XIII— LỊCH-SỬ (LS)

Lịch-sử Việt-nam
Lịch-sử ngoại-quốc
Tiểu-sử (TS)
Danh-nhân

XIV— ĐỊA-DU (ĐD), DU-KÝ, DU-HÀNH (DH)

MỤC-LỤC THEO BỘ-MÔN

I.— NAM-PHONG

1. Mấy nhời nói đầu, *Phạm-Quỳnh*, 1, 1-7.
2. Nhật-báo hay tạp-chí, *Phạm-Quỳnh*, 13, 1-3
3. Mừng Nam-Phong đầy niên, *Nguyễn Hoài-Tĩnh*, 13, 34-35.
4. Mừng tuổi Nam-Phong, *Nguyễn Mạnh-Bồng*, 13, 48-49.
5. Nam-Phong mở rộng, *N.P.*, 16, 181-184.
6. Về mấy bài bình-phâm báo « Nam-Phong », *Phạm-Quỳnh*, 24, 456-459.
7. Thơ cho Nam-Phong, *Hoàng Hữu-Đôn*, 33, 232-238.
8. Kính cáo các bạn đọc báo, *N.P.*, 64, 249-250.
9. Báo Nam-Phong được mười tuổi, *N.P.*, 119, 1-3.
10. Phạm tiên-sinh có chỉ triệu về Kinh, *N.P.*, 177, 339.
11. Ông Phạm-Quỳnh vào Kinh, *N.P.*, 177, 436.
12. Kính cáo các độc-giả, *N.P.*, 191, 518.
13. Mục-dịch báo Nam-Phong, *N.P.*, 192, bìa tr. 2.
14. Kính cáo độc-giả, *Nguyễn Hữu-Tiến*, 192, 1-2.
15. Bàn-chí khai sự, *N.P.*, 193, 205.
16. Nam-Phong chấn-chỉnh lại, *N.P.*, 194, 225-227.
17. Nam-Phong ngày trước, Nam-Phong bây giờ, *Hàn-thu*, 199, 9-12.
18. Tổng-luận sự-nghiệp Nam-Phong, *Nguyễn Hữu-Tiến*, 210, 299-304.
19. (Chính-trị ở Huế : một cuộc phỏng-vấn quan thượng-thư Phạm-Quỳnh, 189,305...)

BÁO-CHÍ

1. Báo-quán, *Hồng-nhan* dịch, 118, 585-587.
2. Cách-thức làm báo, *Nguyễn Hữu-Tiến* biên dịch, 172, 472-482 ; 173, 616-629 ; 175, 159-164.
3. Nghề làm báo, *Thượng-chi*, 99, 199-208.
4. Nghề làm báo, *Hồng-nhan* b d., 156, 446-451.
5. Nghề báo bên Âu-Mĩ, *Đông-châu* d., 179, 364-376.
6. Nghĩa-vụ làm báo, *Thượng-chi*, 6, 352-357.
7. Trường dạy làm báo, *Hồng-nhan*, 169, 119-122.

II.— TRIẾT-HỌC

1. Cảm-glác và tinh-thần, *Hoàng Ngọc-Phách*, 43, 68-70.
2. Chán đời chủ-nghĩa, *Tùng-nhân* d., 25, 33-41.
3. Danh-dự luận, *Thượng-chi*, 25, 1-9.
4. Danh-dự giả với danh-dự thật, *Thượng-chi*, 67, 1-6 ; 68, 83-91 ; 71, 363-369.
5. Đẹp là gì ? *Phạm-Quỳnh*, 6, 375-378 ; 7, 26-29 ; 8, 88-91.
6. Giáo-dục của thầy giáo Tân, *Tùng-vân*, 180, 16-19.
7. Hi-vọng với đời người, *Mãn-châu* d., 26, 127-133.
8. Hoàn-cảnh, *Thượng-chi*, 90, 471-476.
9. Hồn của chủng-tộc, *Phạm-Quỳnh*, 170, 231-235.
10. Hồn quẩn-chúng, *Phạm-Quỳnh*, 170, 235-239.
11. Luân-lý là gì ?, *Thượng-chi* d., 91, 1-6.
12. Nghĩa-vụ và quyền-lợi, *Hồng-nhan*, bd., 131,1-13.
13. Nhớ (ký-ức), *Thượng-chi*, 31, 29-32.
14. Tâm-lý học, *Nguyễn Triệu-Luật*, 89, 400-404 ; 90, 531-538 ; 92, 161-165... Coi : MLTG.

15. Tâm-lý quần-chúng, *Đông-châu d.*, 169, 147-151.
16. Tịch-mịch, *Thượng-chi*, d., 25, 10-24.
17. Thân-thể và tinh-thần, *Thượng-chi*, 32, 120-125.
18. Thiên-tài là gì ? *Thượng-chi* bd, 169, 123-128.
19. Triết-học là gì ? *Phạm-Quỳnh*, 2, 97-100.
20. Triết-học là gì ? *Thượng-chi* bd., 70, 257-265.
21. Trời, đất, người, *Tùng-vân*, 62, 88-101.

TRIẾT-HỌC ĐÔNG-PHƯƠNG

1. Học-thuật tư-tưởng nước Tàu, *Nguyễn Hữu-Tiến* d., 163, 538-552...
Coi : MLTG.
2. Lịch-sử luân-lý học nước Tàu, *Đông-châu* d. 34, 347-357...
Coi : MLTG.
3. Luân-lý học sử nước Tàu, *Nguyễn Hữu-Tiến* d., 168, 45-56...
Coi : MLTG.
4. Triết-học nước Tàu, *Thượng-chi* d., 87, 189-200.
5. Hàn-Phi : Thuyết hình-danh của..., *Kiểm-hồ*, 196, 356-358 ; 198, 449.
6. Không-phu-tử luận, *Phạm-Quỳnh* d., 13, 4-15.
7. Không-giáo luận, *Thượng-chi* d., 50, 116-122.
8. Không : Nho-giáo, *Trần Trọng-Kim*, 65, 353-371 ; 66, 439-456.
9. — Tư-tưởng căn-bản của Không-Mạnh, *Thượng-chi*, 85, 26-31.
10. — Triết-học Không-giáo, *An-khê*, 83, 375-383 ; 86, 127-138,
11. — Học-thuyết của các môn-đồ, *An-khê*, 89, 383-392.
12. — Người Pháp với đạo Không, *Nguyễn Trọng-Thuật*, 203, 12-15.
13. — Ảnh-hưởng về tinh-thần các thời-đại, *Đông-châu* d, 208, 222-228.
14. Lão-giáo : Đạo-giáo, *Trần Trọng-Kim*, 67, 21-31...
Coi : MLTG.
15. Luận-ngữ quốc-văn giải-nghĩa, *Đông-châu và Tùng-vân* d., 165, 181-190...
Coi : MLTG.

16. Mạnh-tử quốc-văn giải-thích, *Đông-châu d.*, 78, 487-495... Coi : MTLG.
17. Mạnh-tử : Giới-thuyết về sách..., *Đông-châu d.*, 163, 560-563.
18. — Học-thuyết, *Nguyễn Hữu-Tiến*, 183, 340-350.
19. Mặc-tử học-thuyết, *An-khê*, 91, 29-37 ; 93, 253-261.
20. Trang-tử và Darwin, *Hoa-dương d.*, 87, 216-226.
21. Vương-Dương-Minh : lịch-sử, *Tùng-vân*, 108, 143-153.
22. — : học-thuyết, *Tùng-vân bd*, 109, 245-257.
23. — : một nhà đại-hiền-triết, *Đông-châu d.*, 145, 589-603 ; 146, 53-67.

TRIẾT-HỌC TÂY-PHƯƠNG

1. Chủ-nghĩa luân-lý Tây-phương, *Đông-châu d.*, 136, 12-27.
2. Luân-lý học-thuyết của Thái-Tây, *Thượng-chi*, 47, 354-362... Coi : MLTG.
3. Triết-học Âu-châu đời nay, *Thượng-chi bd.*, 119, 22-30... Coi : MLTG.
4. Bergson (Henri), *Phạm-Quỳnh d.*, 8, 85-88... Coi : MLTG.— 150, 415-420.
5. Carton (Paul), Đời đạo-lý, *Thượng-chi*, 144, 431-441... Coi : MLTG.
6. Comte (Auguste), *Hồng-nhân bd.*, 138, 205-210 ; 139, 313-324.
7. — với Clotilde, *Thiếu-son*, 147, 156-167.
8. Descartes và phương-pháp luận, *Phạm-Quỳnh*, 2, 100-104 ; 3, 169-173...
Coi : MLTG.
9. Duplessis : đạo làm người, *Thượng-chi d.*, 109, 219-232... Coi : MLTG.
10. Janet (Paul) : nghĩa tự-do, *Thượng-chi d.*, 102, 15-30.
11. Le Bon (Gustave), *Phạm-Quỳnh d.*, 4, 238-239 ; 169, 160-173 ; 170, 239-245b.
12. Mill (bà Taylor Stuart), *Thiếu-son*, 148, 258-265.
13. Simon (Jules) : tự-do luận, *Thượng-chi d.*, 101, 406-417.
14. Taine và Renan : sự-nghiệp, *Thượng-chi bd.*, 162, 419-433d.

III.— TÔN-GIÁO

1. Công-giáo : Giáo-hoàng La-mã ban bệi-tinh, *Nguyễn Phong-Di*, 45, 245-246
2. Phật-giáo lược-khảo, *Phạm-Quỳnh*, 40, 263-302L.
3. — chuyện thái-tử Sudāna, *Hồng-nhật* 3, 85, 37-48.
4. — môn-phái, *Thượng-chi* bd., 121, 215-225... Coi : MLTG.
5. — tông-luận, *Thượng-chi* d., 142, 213-226.
6. — Khổng-tử với Thích-già, *Đông-châu* d., 167, 331-339.
7. — Tols'oi với phật-kinh, *Nguyễn Hữu-Tiến* d., 172, 498-508.
8. — lịch-sử tại Tàu, *Nguyễn Hữu-Tiến*, 178, 492-498... Coi : MLTG.
9. — Sách Khóa-hư, *Nguyễn Trọng-Thuật*, 189, 315-324.
10. — yếu-luận, *Sở-cường*, 195, 290-296.
11. — tân-luận, *Nguyễn Trọng-Thuật*, 208, 217-221... Coi : MLTG.
12. — hội ở Hà-nội, *N.P.*, 209, 295-297.
13. Một bậc cao-tăng nước Tàu : *Huyền-Trang*, *Đông-châu* d., 142, 227-242 ; 143, 374-387.
14. Một bậc cao-tăng nước nhà : cụ Cồ, *Nhàn Văn-Đình*, 173, 30-45.
15. Ni-cô truyện (truyện làng ni), *Nguyễn Đôn-Phục*, 177, 344-351.
16. Phụ-tiền ở Phương-thành, *Đông-hồ*, 171, 393-401.
17. Hôn-lễ các nước, *Đông-châu* d., 121, 273-279.
18. Hôn, tang, lễ, *Đỗ-Thận*, 94, 327-348.
19. Lễ-tiết của hoàng-gia (cải-cách), *N.P.*, 186, 79-80.
20. Lễ thọ, *Nguyễn Hữu-Tiến*, 124, 551-554.
21. Tang-lễ, *Đông-châu*, 90, 483-499... Coi : MLTG.
22. Tâm-giáo xã-hội, *Nguyễn Trọng-Thuật*, 187, 111-124.
23. Tế Giao, *Chương-dân*, 10, 223-228.
24. Tế Nam-giao ở Huế, *N.P.*, 45, 246-250.
25. Tế Giao : sự thờ Trời, *Nguyễn-Cư*, 86, 138-155.

26. Tể Nam-giáo. . . lễ Gia-tôn. . . *N.P.* , 182, 313-315.
27. Tể-tự điền-lễ, *Đông-châu*, 29, 419-425.
28. Tín-giáo tự-do, *Nguyễn-Anh-Tuấn*, 28, 340-341.
29. (Vấn-đề) cải-cách lễ-nghi, tang-lễ, *Nguyễn-Trọng-Thuật*, 200, 55-59 ; 206, 145-149.
30. Tôn-giáo Nhật-bản, *Đồ-nam* bd. , 147, 129-135. . . **Coi** : MLTG.
31. (Tôn-giáo) Mahomét giáo-chủ đạo Hồi, *Hồng-nhân* bd. , 148, 228-232.
Coi : Khổng-giáo, Lão-giáo. . . trong "Triết-học Đông-phương".

IV.— XÃ-HỘI

NHỮNG VẤN-ĐỀ TỔNG-QUÁT

1. Anh-hùng ở nước Nam, *Nhàn Văn-Đình*, 131, 31-34.
2. Cách chiếm đất ngằm của người Tàu, *Vũ Đình-Phiên*, 11, 321-322.
3. Cải-tạo xã-hội, *Nguyễn Trọng-Thuật*, 195, 281-284.
4. Có binh-dãng không ? *Hồng-nhân* d. , 118, 499-505.
5. Chấn-hưng phong-hóa. . . cải-cách mọi sinh-hoạt, *Trần Quán-Chi*, 62, 110-127.
6. Chủ-nghĩa xã-hội, *Đông-châu* d. , 109, 233-244 ; 110, 329-343.
7. Dân-chúng Á-châu, *Phạm-Quỳnh*, 155, 321-325.
8. Dân-số Nam-kỳ, *N.P.* , 47, 428.
9. *Diễn-thuyết* Quốc-tử giám, *N.P.*, 10, 252-256.
10. *Diễn-thuyết* của Albert Sarraut, *Sarraut*, 22, 260-278D ; 23, 385-390.
11. Dời đô : vấn-đề, *Thữ-ly*, 172, 211-212.
12. Đời mới, *Nguyễn Tiến-Lãng*, 200, 69-75.
13. Đức tượng kỷ-niệm hai bà Trưng, *Trần Tấn-Thọ*, 64, 308-310.
14. Hội-đồng tư-vấn 1922, *N.P.* , 63, 236-241.
15. Liệt-cường ở Á-đông. . . Địa-vị nước Pháp, *Hồng-nhân* d., 70, 265-272.

16. Người điên, *Song-Mai*, 153, 128-134.
17. Nghĩa-vụ ngày nay, *Thượng-chi*, 95, 407-410.
18. Nhân-vật với hoàn-cảnh, *Nguyễn Trọng-Thuật*, 206, 133-136
19. Socrate hay Citroën, *Hồng-nhân d.*, 180, 12-15.
20. Tâm-lý hư-vĩnh và cách xưng-hô, *Tham-phủ*, 190, 409-429.
21. Tâm-lý lính lê-dương, *Hồng-nhân d.*, 154, 242-244b.
22. Tân-cựu điều-hòa, *Võ Liêm-Son*, 66, 471-473.
23. (Tân cựu) Buổi mới người cũ, *Trịnh Đình-Rw*, 26, 171-172.
24. Tân xã-hội (luận-thuyết), *Nguyễn Thế-Xương*, 118, 538-548... Coi : MLTG.
25. Tiến-bộ của nước nhà, *Thân Trọng-Huê và Dương Bá-Trạc*, 8, 61-64 ; 9, 125-131.
26. Tiến-hóa về tinh-thần.., *Phạm-Quỳnh*, *Phụ-trương*, 66, 125-139 ; 67, 1-17.
27. Tiến-hóa của dân-tộc Việt-Nam., *Nguyễn Văn-Hiếu*, 205, 95-102 ; 206, 153-157.
28. Tiền-đồ nước Nam, *N.P. d.*, 98, 103-122.
29. Tinh-thần lập-quốc của nước Nam, *B.- T.*, 70, 305-308.
30. Tư-tưởng xã-hội của triết-học Tàu, *Đông-châu d.*, 121, 245-248.
31. Thế-giới đời nay, *Thượng-chi*, 157, 541-545,
32. Thống-nhất luận, *N.P.*, 8, 64-69.
33. Văn-minh mới sau trận đại chiến-tranh, *Mẽ-nhân*, 25, 59-61.
34. Vận-mạng nước nhà, *Nguyễn Văn-Liễn*, 185, 529-547.

VẤN-ĐỀ CÔNG-DÂN GIÁO-DỤC

1. Ái-quốc, *Thượng-chi d.*, 102, 106-108.
2. Bàn quan (Bác những kẻ—), *Trần Thanh-Phong*, 26, 167-168 ; 30, 432.
3. Công-dân trước thời-cuộc (Thơ cho người bạn), *Thượng-chi*, 26, 114-116... Coi : MLTG.

4. Công-thương nước ta... Hội chợ Hà-nội, *Quan Dục-nhân*, 33, 268-270.
5. Giao-tế trong xã-hội, *Phạm-Quỳnh*, 85, 1-19.
6. Khuyến-học hội, *Trần Tồn-Tích*, 36, 523-529.
7. Lễ-nhượng đời nay, *Hồng-nhân d.*, 152, 21-24.
8. Nông-nghiệp (Cảm-tưởng về...) *Nguyễn Mạnh-Bông*, 98, 146-148.
9. Nguyện-vọng của người Việt-nam, *Phạm-Quỳnh*, 103, 113-117.
10. Nguyệt-báo phò-thông, quốc-dân cần có một..., *Mai Tất-Toan*, 56, 141-142.
11. Nghĩa-vụ tứ dân..., *Vân-Bình*, 174, 97-99.
12. Tây-phục, quốc-phục (Một cái gương sáng...), *Hoàng Ái-Hương*, 59, 403-404.
13. Tiền (Cái thế-lực của đồng...), *Thượng-chi*, 23, 352-359.
14. Tự-tử (Tặng bạn chán đời, câu chuyện...), *Tương-phổ*, 143, 349-358.
15. Tự-tử (Cái bệnh...), *Hồng-nhân d.*, 177, 340-343d.
16. Thanh-niên hội (Việt-nam...), *Khai-trí Tiến-đức*, 62, 104-109.
17. Thanh-niên có nên buồn không ?, *Thượng-chi*, 68, 92-98.
18. Thanh-niên (Dư-luận về...), *S.A.*, 91, 68-70.—*Tôn Quang-Phiệt*, 91, 70-73.
19. Thiếu-niên Nam-Việt, *Hoàng Tích-Chu*, 36, 529-533.
20. Thực-nghiệp nước nhà (Kính cáo...), *Tùng-nam*, 26, 123-126.
21. Vấn-đề hiện-thi (Về mấy...), *Nguyễn Đình-Giám*, 43, 71-73.
22. Xử-thế (Phép...), *Hồng-nhân bd.*, 126, 118-125... Coi: MLTG.
23. Xử-thế (Một cái chương-trình...), *Hạc-đình d.*, 158, 53-56.

VẤN-ĐỀ HÔN-NHÂN GIA-ĐÌNH

1. Chế-độ gia-đình, *Đông-châu d.*, 134, 370-377.
2. Gia-tộc luận, *Thượng-chi d.*, 29, 375-381.
3. Quê-hương (Cái quan-niệm...) *Nguyễn-Bạt-Tuy*, 29, 448-450.
4. Cuộc đại-hôn của Kim-thượng (Giải luận...), *Hải-khách*, 194, 232-234.

5. Hồ cái già (Nhật-ký sợ vợ), *Lạc-khồ d.*, 124, 601-613... Coi: MLTG.
6. Hôn-luật, *Trần-Văn-Hiền*, 89, 393-399.
7. Kết-hôn cải-lương, *Đông-châu d.*, 134, 391-395.
8. Nợ duyên trong mộng, *Vân-Hương*, 141, 117-127.
9. Tảo-hôn (Cái hại...), *Trần Quán-Chi*, 63, 198-204.
10. Tôn-giáo với ái-tình, *Trúc-Phong*, 201-202, 51-53.
11. Tự-do kết-hôn (Bàn về nghĩa-vụ...), *Nguyễn-Bá-Học*, 27, 231-235.

VẤN-ĐỀ HƯƠNG-THÔN

1. Bầu-cử ở các dân-thôn (Một cái ý-kiến...), *Nam-Cổ*, 69, 233-237.
2. Cải-lương hương-tục, *Đông-châu*, 26, 109-112.
3. Cải-cách hương-thôn (Thời-đại nên biến-cải), *Phó Đức-Đôn*, 29, 453-456.
4. Cải-lương hương-chính (Bàn góp...), *Nguyễn Như-Ngọc*, 41, 403-415.—
Phạm-Huy-Chính, 62, 137-139.— *Đỗ-Thận*, 99, 217-225.— *Đặng-Xuân-Viện*, 141, 157-166.
5. Cải-lương hương-tục của làng Bộ-la, *N. P.*, 27, 286-287.
6. Cải-lương dự-án (Giúp cho vấn-đề. .), *Hoàng-Hữu Đôn*, 37, 41-59.
7. Cải-lương hương-chính ở tỉnh Hà-đông, *T.C.*, 46, 327-331.
8. « Cải-lương hương-tục » (Bài tựa sách...), *Phạm-Quỳnh*, 41, 433-434.
9. Cải-cách ở Trung-Bắc-hỳ, *Pasquier*, 166, 230-235.
10. Cải-lương... làng Thượng-cát, *Trần-Thúy*, 191, 553-566 ; 192, 37-53.
11. Cải-lương phong-tục, *Trần-Duy-Nhất*, 59, 367-374.
12. Dân-mãn (Xứ Bắc-kỳ có phải...), *N.P. d.*, 100, 313-328.
13. Đòi người (Một quan-niệm mới về...), *Lê-Dư*, 189, 331-336.
14. Hương... ước, *Đông-châu*, 44, 105-134.
15. Hành-lạc ở chốn nông-thôn, *Nguyễn Bá-Học*, 44, 145-147.
16. Học ở nhà quê (Bàn về việc...), *Hoàng-Hữu-Đôn*, 43, 16-20bis.

17. Hương-c hình xứ Bắc-kỳ (Bàn về...), *Trần Duy-Nhất*, 59, 361-367.
18. Hưng-nông khảo-luận, *Nam-Cò*, 70, 327-329.
19. Hương-t hôn từ xưa đến nay (Sự biến đổi...). *Nam-Cò*, 72, 516-523...

Coi : MLTG.

20. Hương-chính ở Bắc-kỳ ngày nay, *N.T.T.*, 112, 545-554.
21. Hương-thôn (Điều-tra về tình-trạng...), *Nguyễn Đôn-Phục*, 113, 41-48.
22. Hương-chính tình-nghĩa, *Nguyễn Trọng-Thuật* bd., 117, 417-422... Coi :

MLTG.

23. Kỳ-mục nhà quê (Bàn về...), *Nguyễn Đức-Diển*, 26, 112-113.
24. Khuyết-diễm ở Trung-kỳ (Mấy điều...), *Trần Mạnh-Nhẫn*, 89, 419-427.
25. Lại-tệ dân-tinh sách, *P.Đ.Đ.*, 23, 484-488.
26. Làng (Một... ở xứ Bắc-kỳ), *Đào Đình-Hào*, 177, 351-363.
27. Làng (Chuyện việc...), *Nguyễn Bá-Học*, 32, 131-143.
28. Nhân-dân xứ Bắc-kỳ (Thổ-địa...), *Trần Duy-Nhất*, 55, 46-58 ; 56, 133-9.
29. Nhà quê kẻ chợ, *Đ. T.*, 84, 512-514.
30. Nhà quê (Điều-trần về hiện tình ở...), *Đ.N.*, 104, 257-265.
31. Quê (Sinh-hoạt dân...), *Nguyễn Hữu-Tiến*, 209, 255-258.

VẤN-ĐỀ PHỤ-NỮ

1. Đàn bà nước Mi, *Nguyễn Hữu-Tiến*, 117, 459-465.
2. Hồng-nhan bạc-mệnh..., *Hoàng Ngọc-Phách*, 98, 149-151.
3. Địa-vị người đàn-bà trong xã-hội, *Phạm-Quỳnh*, 82, 269-284.
4. Nữ-giới (Giấc chiêm-bao của người thiếu-nữ), *Nguyễn Thế-Xương*, 124, 591-600.
5. Nữ-quyền (Nói về...), *Phạm Trọng-Thiều*, 93, 237-237.
6. Nữ-quyền, *Hạc-Đình* bd., 159, 151-155.
7. Nữ-quyền, *Hồng-nhan* d., 173, 571-573d.

8. Tóc (Vì sao tôi cúp tóc ?), *Huyñh Bảo-Hòa*, 197, 390-392.

VẤN-ĐỀ QUAN-LẠI THƯỢNG-LƯU

1. Bàn giao. . . Gương lại-trị, *Phạm-Liêu*, 33, 244-249.
2. Cách khéo làm quan (Luận về . . .), *Đông-châu d.* . 114, 175-176.
3. Chấn-chỉnh quan-trưởng, *Thân Trọng-Huê*, 26, 91-92. — *Dư-luận về bài...*, *Nhiều tác-giả*, 28, 294-300. — *Đặng Xuân-Phương*, *Nguyễn Như-Ngọc*, 29, 456-460. — *Phạm-Văn-Thụ*, 30, 524-526. — *Nguyễn Trọng-Thuật*, 30, 526-529.
4. Đào-tạo cho đất nước nhiều « cá nhân hảo-hạng » (Thư cho người bạn), *H.Đ.*, 131, 28-30. . . Coi : MLTG.
5. Đi sứ Tàu (Nói về truyện các cụ nước ta. . .), *Nguyễn Hữu-Tiến*, 92, 113-123.
6. Định ngạch quan-lại (Thượng-dụ. . .), *Viện Cơ-mật*, 19, 1-16.
7. Lễ Tết (Diễn-thuyết ở Quốc-tử-giám), *Đoàn Đình-Duyệt*, 26, 164-166.
8. Phái chủ-trương, *Phạm-Quỳnh*, 172, 458-462.
9. Quan-chế ở Bắc-kỳ (Cái vấn-đề định lại. . .), *Tuyết-Huy*, 20, 96-106.
10. Quan đại-thần (Bàn về các. . .), *Hồ Tử-Tuấn*, 23, 370-372.
11. Quan-giám, *Thân Trọng-Huê*, 28, 289-293.
12. Quan-hạn, *Thái Hám-Sinh*, 5, 283-292.
13. Quan phủ ở nhà quê, *Tùng-Lâm*, 36, 509-510.
14. Quan-trưởng (Bảo-hộ. . .), *Thân Trọng-Huê*, 27, 199-202.
15. Sử dân di thời (Diễn-thuyết. . .), *Ung-Dinh*, 27, 260-261.
16. Tăng lương (Bàn về sự. . .), *N.P.*, 34, 281-286.
17. Thượng-lưu (Cái nghĩa-vụ của. . .), *N.P.*, 64, 311-313.
18. Thượng-lưu (Cuộc vui chơi hàng ngày. . .), *Tùng-vân*, 94, 365-377.
19. Xuất-ngoại (Chuyện tâm-tình. . .), *Phạm-Quỳnh*, 172, 462-463b.

VẤN-ĐỀ TRI-THỦY

1. Đề-chính (Vấn-đề... ở Bắc-kỳ), *Hồng-nhan* d., 111, 443-450.
2. Huru-đê là một sự ích-lợi chung, *Bùi Phụ-Kinh*, 24, 488-490.
3. Huru-đê thuyết, *Phó-Đức-Đôn*, 26, 116-120.
4. Nạn nước lụt (Cái tai nạn...), *Đ.N.*, 115, 230-237.
5. Trị hà (Bài văn-sách...), *Hoàng-Thúc-Hội, Trương-Phục-Hứa* d., 27, 250-256.
6. Trị lụt (Vấn-đề... ở xứ Bắc-kỳ), *Ngô-Kỳ-Ngư*, 7, 7-10... Coi : MLTG.
7. Trị thủy (Phương-sách...), *Nguyễn-Cảnh*, 133, 245-256.

VẤN-ĐỀ VỆ-SINH

1. Bệnh lao có chữa được không ? *Phạm-Quỳnh*, 20, 107-109.
2. Đề-chế, Cối rế chữ «tây-chay», *Nguyễn Dạ-Thanh*, 27, 282-284.
3. Cờ bạc, *X.X.X.* d., 27, 276-278.
4. Hút thuốc (Cái hại...), *Mỹ-nhan*, 23, 395-397.
5. Rượu ở Đại-hội-nghị, *Phạm-Quỳnh*, 168, 1-15b.
6. Rượu lậu (Về việc cấm rượu...), *Chương-dân*, 23, 390-394.
7. Tài-tử (Tại sao người... hay sinh yêu-đoàn), *Trần-Phát-Đoan*, 56, 139-141.
8. Thể-thao, *Hồng-nhan* d., 175, 165-173.
9. Vệ-sinh (Mấy lời tóm-tắt về phép...), *Chương-dân* d., 19, 42-44.
10. Vệ-sinh học, *Đỗ Văn-Khoảnh*, 31, 52-62.
11. Vệ-sinh thực-hành, *Vạn-Khoảnh* bd., 33, 225-232.

XÃ-HỘI « NGOẠI-QUỐC »

1. Mĩ : sự tiến-hóa của nước... , *Phạm-Quỳnh*, 14, 59-81.
2. Mĩ : Làm án nước... , *Hồng-nhan* d., 176, 221-270b.
3. Nga : Chính-sách đảng quá-khích, *N.P.*, 58, 280-186.
4. Pháp : Tâm-lý người Pháp, *Thượng-chi* d., 181, 117-123.

5. Trung-hoa : Làm sao người Tàu không có cái trí sáng-khởi ? *Ed. Al. Ross*, 35, 408H.
6. Trung-hoa : Các nhân-vật trong cuộc cờ nước Tàu, *Tùng-vân*, 100, 311-312.
7. Trung-hoa : Cái bản-chất xã-hội nước Tàu, *Đông-châu d.*, 131, 330-342.
8. Trung-hoa : Xã-hội cờ nước Tàu, *Đông-châu d.*, 141, 133-142.
9. Cải-cách trong thế-giới (Hai cái phong-trào...), *Hồng-nhân d.*, 84, 490-498.
10. Chiến-tranh (Bàn về. . .), *Phạm-Quỳnh*, 16, 243-255.
11. Chiến-tranh Đồng-minh chiến thắng, *N.P.*, 16, 185-187.
12. Thế-giới nhất-lâm, *Thượng-chi d.*, 93, 203-219 ; 94, 307-319,
13. Thời-thế với anh-hùng, *Hồng-nhân d.*, 72, 471-479.

V.— CHÍNH - TRỊ

CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

1. Bảo-đại về nước, *Phạm-Quỳnh*, 174, 1-8.
2. Bảo-đại về nước (Sau khi đức...), *Minh-viên*, 174, 95-97.
3. Bảo-đại hồi-loan (Đức...), *N.P.*, 175, 201-203.
4. Bảo-đại hồi-loan, hai chữ cải-cách..., *Lê-Dương*, 175, 208-209.
5. Bảo-đại (Đạo chỉ-dụ thứ nhất của đức...), *Bảo-đại*, 176, 318-322.
6. Bảo-đại (Một giờ bệ-kiến đức...), *Nguyễn-Trác*, 177, 438-442.
7. Bắc-tuần (Mừng vua...), *Nguyễn Thế-Xương*, 189, 314b.
8. Biến-động ở Yên-bái (Về việc...), *N.P.*, 147, 206.
9. Bùi Quang-Chiều ở Nam-kỳ, *N.P.*, 104, 313-314.
10. Chấn-chinh quan-trưởng, *Phạm-Quỳnh*, 103, 108-112.
11. Chế-độ bảo-hộ (Một bài diễn-thuyết tán-dương cái. . .), *Phạm-Quỳnh*, 152, 1-4.
12. Chính-đảng có thể thành-lập không ?, *N.P.*, 103, 199-200.

13. Chính-đảng (Khảo-luận về...), *Thượng-chi*, 102, 5-15.
14. Chính-sách « Pháp-Việt hợp-tác » (Hai bài diễn-thuyết về...), *Phạm-Quỳnh*, 104, 237-246.
15. Chính-sách của nước France, *Nguyễn Văn-Điền*, 62, 80-88.
16. Chính-sách của nước Pháp, *N.P.*, 23, 341-352.
17. Chính-trị (Một bài học khôn về việc...), *Xa-ry*, 62, 101-104.
18. Chính-trị học, *Thượng-chi* bd., 148, 207-228 ; 150, 428-444.
19. Chính-trị nước Pháp đối với dân Việt-nam, *Phạm-Quỳnh*, 101, 418-420
20. Chính-trị Pháp-Việt; *Phạm-Quỳnh*, 114, 125-128.
21. Chính-trị Pháp-Việt, *Việt-Dân*, 116, 299-302.
22. Chính-trị Pháp-Việt (Bàn góp về...), *Nhà Nho*, 117, 397-404.
23. Chính-trị Pháp-Việt, *N.M.*, 118, 497-498.
24. Chính-trị Pháp-Việt, *Pasquier*, 127, 209-225.
25. Chủ-nghĩa « Đông-dương thống-nhất », *Nguyễn Bà-Trác*. 10, 191-197.
26. Chủ-nghĩa quốc-gia, *Phạm-Quỳnh*, 100, 401-405.
27. Chương-trình chính-trị (Một cái...), *Phạm-Quỳnh*, 101, 417-418.
28. Hội-đồng Dân-biểu Trung-kỳ, *Nguyễn-Trác*, 176, 322-326.
29. Dân-biểu Trung-kỳ (Tới hay lui ? Tiền-dò việcn...), *Một người dân*, 176, 326-327.
30. Dân-biểu Bắc-kỳ (Sửa đổi lại thể-lệ bầu cử việcn...), *N.P.*, 189, 392-395.
31. Dân-biểu Bắc-Kỳ (Cuộc tổng-tuyển cử...), *Nguyễn Trọng-Thuật*, 196, 337-339.
32. Dân-chính luận (Việt-nam...), *Nguyễn Trọng-Thuật*, 179, 578-586.
33. Dân-chính (Về kinh nghiệm trong việc...), *Nguyễn Tri-Kiểm*, 36, 508.
34. Dự qui-hóa (Lời..) về hôn, tang-chế, *Thượng-chi* dẫn giải, 33, 217-218.

35. Dự ngày 29-4 năm Bảo-đại thứ 8 (23-5-1933), *Bảo-đại*, 184, 517-518.
36. Đại-nghị (Cải xu-hướng về chế-độ...), *Đông-châu d.*, 155, 342-349.
37. Đại-nghị (Máy điều khuyết-điểm của chính-thề..) *Đông-châu d.*, 156, 439-445.
38. Hội-đảng (Giải-nghĩa về sự lập...), *Nguyễn-Bá-Trác*, 18, 327-330.
39. Hội-nghị Kinh-tế tài-chính Pháp ở Bắc-kỳ, *Robin*, 154, 316-320.
40. Khải-định thăng-hà (Hoàng-đế ..), *N.P.*, 99, 297-299.
41. Lập-hiến cho nước Nam (Vấn-đề...), *Phạm-Quyñh*, 151, 527-537.
42. Lập-hiến là gì ? *Nguyễn-Năng-Quốc*, 153, 134-136.
43. Lập-hiến và chế-độ đại-nghị (Chế-độ...), *Thượng-chi bd.*, 154, 219-225.
44. Lập-hiến (Câu chuyện...), *Phạm-Quyñh*, 173, 559-569.
45. Lễ quốc-triều đại kỳ-niệm Huế, *N.P.*, 12, 375-377.
46. Nguyễn-vọng của dân Annam, *Hán-Thu*, 200, 49-54.
47. Ngự-giá Bắc-tuần (Về việc...), *Phạm-Quyñh*, 11, 258-299.
48. Ngự-giá sang Pháp, *Cơ-mật-viện*, 57, 239-243.
49. Ngự-giá Bắc-hành, *Báo Tiên-Long*, 178, 528-531.
50. Ngự-giá Nam-tuần, *Báo Tiên-Long*, 180, 94-101.
51. Người nước Nam đối với người Pháp (Nói về cái giầy thân-ái của...), *Ngô-Quý-Chấn*, 29, 445-448.
52. Nghị-viên các nước bên thái-tây (Tư-cách...), *Nguyễn Thế-Xương*, 188, 260-262.
53. Nhân-quyền luận, *Hồng-nhan bd.*, 133, 215-227.
54. Phái-viên An-nam sang Pháp, *Diệp-Văn-Kỳ*, 174, 99-100.
55. Phụ-mẫu dân hay là công-bộc dân ?, *Phạm-Quyñh*, 102, 1-4.
56. Quan giám-quốc Doumer, *Hồng-nhan*, 166, 284-289.
57. Quan cai-trị Marty thăng khâm-sứ Ai-lao, *N.P.*, 207, 213-214.
58. Quan toàn-quyền (Diễn từ ngành-h:iep...), *Phạm-Quyñh*, 63, 222-225.

59. Quan toàn-quyền Merlin đối với hội Khai-trí Tiến-đức, *Phạm-Quỳnh*, 76, 280-284.
60. Quan thống-sứ Monguillot (Một nền dân-chính : chính-sách...), *Phạm-Quỳnh*, 77, 411-415.
61. Quan thống-sứ Pagès (Lược-thuật bài diễn-thuyết của...), *Pagès*, 178, 532-543.
62. Quan toàn-quyền Pasquier (Một bài diễn-thuyết quan-trọng...), *Pasquier* 154, 292-301.
63. Quan toàn-quyền Pasquier tạ-thế (Một cái tang...), *N.P.*, 191, 511-514.— *Huỳnh Thúc-Kháng* viếng, 191, 518.— *Phan Bội-Châu* viếng hai câu đối, 191, 517-518 — Đối với cái tang..., *N.P.*, 191, 516-517.
64. Quan thuộc-địa tổng-trưởng Reynaud (Bức thư ngỏ.), *Phạm-Quỳnh*, 166, 221-229.
65. Quan tổng-trưởng Reynaud (Sau cuộc kinh-lý của...), *N.P.*, 167, 325-330.
66. Quan thuộc-địa thượng-thư (Lời điều-trần cùng...), *Dương Bá-Trạc*, 167, 392-411.
67. Quan toàn-quyền René Robin, *N.T.L.*, 194, 235-239.
68. Quan toàn-quyền Sarraut, *Phạm-Quỳnh* d., 18, 311-319 ; 1, 52-54 ; 21, 184-186 ; 33, 206-212.
69. Quan thống-sứ Tholance (Diễn-văn...), *N.P.*, 189, 385-392.
70. Quan toàn-quyền Varenne (Dân An-nam đối với...), *Phạm-Quỳnh*, 100, 303-306.
71. Quan toàn-quyền Varenne (Ý-kiến... về tiền-dò nước Na.n), *N.P.*, 104, 510-513.
72. Quan thượng-thư bộ binh Võ-Liêm đọc diễn-van, *Võ-Liêm*, 14, 125-127.

73. Quốc-gia luận, *Hồng-nhan* bd., 132, 105-116.
74. Quốc-gia (Nghĩa... và lòng ái-quốc), *Thiếu-Son*, 157, 546-548.
75. Quốc-gia : nước là hay hay dở ? *Hồng-nhan* d., 172, 464-471.
76. Sắc-ngữ của hoàng-đế ban cho viện Nhân-dân đại-biểu (Lời huấn-thị...),
Báo-đại, 188, 213-219.
77. Tân-dân (Thuyết...), *N.P.*, 186, 5-9.
78. Tinh-thần lập-quốc (Bàn về cái...), *Thượng-chi*, 103, 103-106.
79. Tôn-quân (Nghĩa... đối với thời-thế mới), *Phạm-Quỳnh*, 175, 101-108.
80. Tư-tưởng về quốc-gia, *Đông-châu* d., 170, 246-248.
81. Tư-vấn Bắc-kỳ (Bàn về hội...), *N.P.*, 17, 240-242.
82. Tự-trị, *N.H.T.* d., 160, 275-278.
83. Thánh-dụ cho dân xứ Bắc-kỳ (Lờ...), *N.P.*, 12, 377-378.
84. Thánh-ý (Cung dịch...), *Thân Trọng-Huê*, 50, 89-99.
85. Thân-Trọng-Huê (Cụ...). Đám tang, *Phạm-Quỳnh*, 96, 516.
86. Thượng-dụ : khuyến-khích quan-trường, *Báo Đĩnh-Pháp*, 178, 531-532.
87. Trí-thức Trung-kỳ đối với viện Dân-biểu (Thái-độ hạng...), *Bái-Xương-Ngôn*, 186, 84-86.
88. Triều-đình Huế (Việc cải-cách trong...), *N.P.*, 184, 423-436f.— Công-văn
về việc cải-cách, 187, 149-176.
89. Trường Hậu-bồ cũ với trường Pháp-chính mới, *Phạm-Quỳnh*, 3, 153-158
90. Văn-hóa và chính-trị, *Thượng-chi*, 107, 1-4.

CHÍNH-TRỊ NGOẠI-QUỐC

1. Ai-cập : sự-nghiệp duy-tân của nước..., *N.P.*, 147, 197-199.— Nước
Ai-cập mới, *Phạm-Quỳnh*, 166, 239-243.
2. Ấn-độ : chủ-nghĩa quốc-gia, *Thượng-chi* bd., 103, 118-128.— Cuộc vận-
động của Gandhi ở..., *N.P.*, 150, 516-518.— Tình-hình chính-trị ở...,
Hồng-nhan d., 105, 334-344.— Một quyển sách mới về Ai-cập và

- Ấn-độ, *Thượng-chi*, 116, 303-317. - Chính-thề Ấn-độ, *Phạm-Quỳnh*, 165, 111-115 — Vấn-đề Ấn-độ do người Ấn-độ quan-sát, *Phạm-Quỳnh*, 165, 115-119.
3. Âu-châu : Tình-trạng chính-trị .. ngày nay, *Hồng-nhan d.*, 137, 103-129. — Các việc lớn... từ sau khi chiến tranh đến giờ, *Thượng-chi d.*, 34, 313-346.
4. Ba-lan : Lược khảo về nước..., *N.P.*, 116, 392-395.
5. Diển-điện : Nước... ở dưới quyền thống-trị của người Anh, *Ngọc-Trúc d.*, 150, 495-499.
6. Đông-phương : Trải qua mấy nước..., *Phạm-Quỳnh*, 165, 119-121b.
7. Đức : Lược khảo về nước..., *N.P.*, 114, 191-197.
8. Hi-lạp : Lược-sử độc-lập nước..., *Ngọc-Trúc d.*, 150, 492-495.
9. Mi : Nước Mi nhập cuộc, *Phạm-Quỳnh*, 2, 85-87 ; 2, 125-127.
10. Nga : Lược khảo về nước., *N.P.*, 115, 292-296. — *Hồng-nhan*, 121, 226-235.
11. Nhật-bản : Thế-lực... ở Tàu, *Phạm-Quỳnh d.*, 7, 10-17. — Một nền « Minh-trị ». *N.P.*, 7, 1-6. — Dân-tộc Nhật-bản, *Nguyễn-Văn-Hiếu*, 81, 189-211 ; 82, 285-304. — Knảo về chế-độ lập-hiến của nước Nhật-bản, 96, 517-532. — Gương nước Nhật, *Thượng-chi*, 146, 1-4. — Khảo về Hiến-pháp Nhật-bản, *Thượng-chi bd.*, 153, 107-121. — Việc Trung-Nhật, *Hồng-Nhan d.*, 171, 359-363. — Sức mạnh về tinh-thần của nước Nhật, *Mi-Ngọc d.*, 193, 157-168.
12. Pháp : Quan đại-tướng Foch, *N.P.*, 16, 194-197. — Chính-sách Pháp đối với Tàu, *Thượng-chi*, 33, 213-217. — Khảo về chính-trị nước Pháp, *Thượng-chi bd.*, 31, 1-22... Cõi : MLTG. — Đảng xã-hội nước Pháp, *Thượng-chi*, 97, 1-10. — Các chính-đảng ở nghị-viện Pháp, *Hồng-nhan bd*, 105, 320-325. — Quan cố thủ-tướng Pháp Clémenteau, *Thượng-chi bd...* 159, 99-104. — Chính-trị nước Pháp, *Phạm-Quỳnh*,

- 169, 115-119.— Một nhà đại chính-trị nước Pháp ông Ar. Briand, *Thượng-chi*, 171, 344-353d.
13. Phi-luật-tân: Một việc thi-nghiệm nên làm gương cho chúng ta, *Xa-ry*, 60, 437-439.— Một sự điều-tra... (Mì cho điều-tra ở Phi), *Xa-ry*, 61, 11-13.— Vấn-đề Phi-luật-tân, *Hồng-nhan d.*, 81, 231-245.— Vấn-đề độc-lập của Phi-luật-tân, *T.P.*, 196, 363-366.
14. Tiếp-khắc : Lược-khảo về..., *N.P.*, 118, 595-598.— Thống-linh nước Tiếp-khắc, *Ngọc-Trúc bd.*, 149, 39 1-395.
15. Thờ-nhĩ-kỳ : sau đại-chiến, *Mẽ-nhan*, 25, 41-48.— Nước... ngày nay, *Hồng-nhan bd.*, 146, 17-24 — Nước... mới, *Phạm-Quỳnh*, 166, 236-239 — Nước... mới *Nguyễn-Văn-Hiếu*, 203, 16-20 ; 204, 59-67.
16. Trung-hoa. Thời cục nước Tàu, *Nguyễn-Khắc-Nguyên*, 91, 13-29.— Lịch-sử và học-thuyết của Tôn-Vấn, *N.P.*, 98, 190-194 — Cái hiềm-tượng Thái-bình-dương, *Hồng-nhan d.*, 107, 24-28.—Thăm Hương-cảng và Quảng-đông, *Hồng-nhan d.*, 107, 48-63.. Coi : MLIG.— Điều-tra về nội-loạn nước Tàu, *Thượng-chi d.*, 125, 1-21.— Cuộc tiền-đô Mãn-châu của nước Tàu, *Nguyễn-Đôn-Phục*, 175, 141-151.— Bàn về nhân-vật Trường-Giới-Thạch, *Tùng-vân*, 179, 586-593.
17. Vạn-quốc : hội..., *Hồng-nhan bd.*, 108, 122-130.
18. Ý : chủ-nghĩa Pha-xi (p'hát-xít) nước Ý, *Thượng-chi bd.*, 177, 329-336.

V.— KINH-TẾ

1. Bạch-Thái-Burôi (Ông...), *N.P.*, 174, 94-95.
2. Cái tệ nghiện chè tự đời cổ Lê, *Đông-châu*, 31, 45-46.
3. Carnégie một nhà phú-hào nước Mĩ, *Thượng-chi d.*, 29, 397-400.
4. Công thương trong thế-kỷ thứ mười chín, *Thượng-c'ui d.*, 30, 471-480.
5. Công-thải 6 triệu đồng và tiền-đô xứ Đông-pháp, *N.P.*, 55-6-13.
6. Công-thải tàu-phi-tạ đối với xứ Đông-dương, *Hạc-đình*, 159, 131-139.

7. Chấn-chỉnh thương-trường, *N.P.*, 27, 229-230:er.
8. Chấn-chỉnh thương-trường, *Thượng-chi*, 28, 314-319.
9. Chấn-chỉnh thương-trường (theo gương ông Bạch-Thái-Bưởi), *Thượng-chi*, 29, 381-394.
10. Chí-phú cầm-nang (Phép làm giàu), *Nguyễn - Bá - Học* d., 29, 407-412...
Coi : MLTG.
11. Đạo-đức trong việc buôn bán và việc doanh-nghiệp, *N.P.* d., 73, 1-10.
12. Đo-lường (Nên thống-nhất phép cân...), *Nguyễn-Hữu-Tiến*, 196, 333-336.
13. Đúc thêm tiền đen (Nói về lẽ nên...), *Nguyễn-Văn-Chúc*, 26, 173-174.
14. Kinh-tế-học, *Phạm-Quỳnh* d., 12, 345-352... Coi : MLTG.
15. Kinh-tế nước Tàu (Nghiên-cứu về tình-hình...), *Dương-Tự-Nguyên* d., 15, 172-176... Coi MLTG.
16. Kinh-tế-học (Mấy điều yếu-lược về...), *Nguyễn Bá-Học* d., 45, 200-206 ; 46, 290-295.
17. Kinh-tế tổng-luận, *Hồng-nhân* bd., 136, 1-11.
18. Kinh-tế khủng-hoảng trong thế-giới, *Lê-Thăng*, 164, 11-15b.
19. Kinh-tế khủng-hoảng (Một cái bí quyết chống với nạn...): càn-kiếm, *Nguyễn-Trọng-Thuật*, 201-202, 45-47 ; 205, 92-94.
20. Kinh-tế của Mạc-Địch (Tư tưởng...), *Kiến-hồ*, 210, 327-332.
21. Kinh-tế (Câu chuyện...), *Đ.N.*, 164, 57-59.
22. Kinh-tế (Dân-tộc), *Nguyễn-Trọng-Thuật*, 191, 519-524.
23. Kinh-tế dân quê (Hiện-tình...), *Nguyễn-Trọng-Thuật*, 197, 379-382.
24. Kỹ-sư và cách dạy kỹ-sư ở nước Pháp (Nghề...), *Thượng-chi*, 29, 400-6 .
25. Kỹ-nghệ và buôn bán (Bàn về việc...), *Ngô-Quý-Chấn*, 26, 169-171.
26. Kho vàng mò được ở bãi bể Thanh-hóa, *N.P.*, 203, 43... Coi : MLTG.
27. Nông-nghiệp của nước ta sau này (Vấn-đề...), *Nguyễn-Trọng-Thuật*, 190, 450-455.
28. Ngân-hàng (Khảo về...), *Thượng-chi*, 28, 300 314.

29. Quốc-trái (Bàn về vay tiền... và cuộc..), *N.P.*, 16, 188-193.
30. Sinh lợi phân lợi, *Nguyễn Hữu-Tiến* bd., 161, 364-376.
31. Tài-chính Nhật-bản hồi duy-tân (Khảo về...), *Đ.N.*, 166, 265-274; 168, 64-71.
32. Tầm tư (Một đạo-luật bảo-hộ..), *Nguyễn Hữu-Tiến*, 200, 60-62.
33. Tiền bạc (Khảo về...), *Nguyễn-Tất-Tế*, 33, 219-225.
34. Tiền-tệ (Khảo về..), *Thượng-chi*, 37, 17-32ter.
35. Thương-hội lớn (Bàn về việc tranh thương với người khách, Bắc-kỳ nên lập một...), *Thượng-chi*, 27, 226-229.
36. Thương-nghiệp nước Pháp...; *Thượng-chi*, 31, 22-28.
37. Thương-nghiệp : cách tổ-chức một nhà buôn, *Ngô-Thương-Gia*, 47, 345-354.
38. Thuế thân ở Bắc-kỳ (Bàn về sự cải-cách ngạch...), *N.P.*, 17, 235-239.

PHÁP-LUẬT

1. Hiến-pháp (Giải-nghĩa...), *Nguyễn-Năng-Quốc*, 155, 335-341.
2. Hiến-pháp Vạn-quốc (Khảo về...), *Đồ-nam* bd., 155, 326-335... **Coi :**
MLTG.
3. Hình-chính (Trung-Kỳ đã bắt đầu cải-cách...), *Diệp-Văn-Kỳ*, 187, 144-149.
4. Luật-học (Tổng-luận về...), *Thượng-chi*, 54, 475-485.
5. Luật-mới (Về...), *N.P.*, 4, 261-267.
6. Luật mới (Sự thi-hành...), *Delestrée*, 8, 107 ; 9, 173-178.
7. Luật mới Bắc-kỳ (Lược-khảo về bộ...), *H.T.*, 57, 171-181...**Coi :** MLTG.
8. Luật mới Bắc-kỳ (Bộ Dân...), *Hội-đồng biên-tập*, 160, 206-211.
9. Quan-trường, *N.P.*, 5, 277-283.
10. Tư-pháp của Nhật-bản hồi duy-tân (Lịch-sử...), *Đồ-nam*, 187, 125-135.

11. Trần-Văn-Công (Bộ sách mới đrg ngàè nôi), *Thượng-chi*, 64, 290-296.
12. Trương Pháp-chính (Bản thêm về .), *Nguyễn-Bá-Trác*, 3, 187-192.

VII.— GIÁO-DỤC

1. Cái phong (Cầu trực-ngôn), *Nguyễn-Trọng-Thuật*, 177, 337-339.
2. Công-đức, *N. H. T. d.*, 160, 252-255.
3. Đạo-đức-luận, *Thượng-chi*, 21, 186-191.
4. Đạo-đức tinh-thần ngày nay (Tình-trạng khủng-hoảng về...), *Học-Đình d*, 160, 199-205.
5. Đạo chúng bạn, *Nguyễn-Bá-Học*, 48, 463-465.
6. Đạo vệ-sinh trong xã-hội, *Nguyễn-Bá-Học*, 48, 142-145.
7. Đạo-đức (Gương...), *Đông-châu*, d., 151, 538-548 .. Col : MLTG.
8. Đời mới (Một cuộc..), *Nguyễn-Tiến-Lãng*, 199, 1-8.
9. Giáo-dục người An-nam có phương-hại..., *N.P.*, 11, 317-318.
10. Giáo-dục (Thơ cho người bạn), *T.C.*, 32, 129-131.
11. Giáo-dục (Văn-minh nhờ...), *Võ-Thanh-Tâm*, 36, 506-507.
12. Giáo-dục triều Lê (Điều-lệ..), *Nhữ Đình-Tán điển quốc-ngữ*, 88, 322-328.
13. Giáo-dục Đông-Tây (Bản về ..), *Minh-Phượng*, 111, 493-495.
14. Giáo-dục ở Phương-thành, *Trúc-Hà*, 144, 450-460.
15. Giáo-dục ở thôn-quê, *Nguyễn-Trọng-Thuật*, 173, 631-634.
16. Giáo-dục (Cảm-tưởng về lịch-sử di-vãng của sự..), *Nguyễn-Đôn-Phục*, 193, 113.
17. Giáo-dục (Quốc-dân...), *Nguyễn-Khắc-Cán*, 198, 433-435.
18. Giáo-dục ở Ấn-độ, *N.P.*, 97, 93-95.
19. Giáo-dục ở nước Tàu, *Mỹ-ngọc d.*, 201-202, 73-78.

20. Học-chính tông-qui (Bàn về bộ...), *Phạm-Quỳnh*, 12, 323-344.
21. Lập thân luận, *Đông-châu d.*, 143, 344-348... Coi : MLTG.
22. Luân-lý đối với khoa-học thế nào ?, *Cổ Chính Hương*, 49, 14-20.
23. Luân-lý Đông-phương, *Quán-chi*, 60, 453-460.
24. Luân-lý học (Nhà...), *Hồng-nhân d.*, 174, 8-15đ.
25. Nguyễn-vọng của dân Annam, *Hán-thu*, 201-202, 48-50.
26. Nghĩa tự-cường, *N.T.T.*, 145, 538-540.
27. Nghĩa-vụ là gì ?, *Thượng-chi*, 4, 217-221.
28. Nghĩa-vụ, *Vũ-Ngọc-Liễn*, 33, 264-266.
29. Nghĩa-vụ của thanh-niên, *Nguyễn-Khắc-Cán*, 204, 51-56.
30. Quân-tử với tiêu-nhân, *Nguyễn-Hữu-Tiến*, 205, 89-91.
31. Sùng thực truất hư, *Nguyễn-Trọng-Thuật*, 207, 173-175.
32. Tổ-thực luận (Luận về cách ăn chay), *Đông-châu d.*, 137, 181-186.
33. Tương-ái (Muốn..., phải tương-tri), *Trần Đình-Nam*, 54, 553-555.
34. Thanh-niên nước ngoài (Trông gương...), *P.Đ.Đ. d.*, 203, 1-11.
35. Thế-giới vị lai (Người ta đối với cuộc...), *Đông-châu d.*, 104, 237-256.
36. Thề-dục (Vấn-đề...), *Chu Xước-Dư*, 63, 196-198.— *Nguyễn-Quý-Toán*, 73, 21-38.
37. Trường thề-dục ở Hà-nội (Lịch-sử...), *N.P.*, 58, 286-290.
38. Thiếu-niên ngày nay (Cảm-tưởng đối với...), *Đặng Xuân-Viện*, 157, 556-558.
39. Thống-nhất lấy ý-chí của một dân-quần (Phải...), *Nguyễn Trọng-Thuật*, 193, 149-151.
40. Thương thiếu-niên, *Nguyễn Trọng-Thuật*, 194, 228-231.
41. Truyện anh Trúc-Sĩ, *Thiếu-Sơn*, 175, 541-547.

ÁU-TRÌ-VIÊN

1. Áu-trì-viên : Vấn-đề, *Tùng-vân*, 60, 427-437. — 61, 1-6. — *K.T.T.Đ.*, 63, 161-168. — *Đức-Duy*, 68, 163-166. — Quy-tắc và dự-thảo, *Thượng-K.T.T.Đ.*, 62, 109-110. — Ích-lợi, *Đông-châu*, 64, 274-279. — *Cổ-lễ, chi*, 65, 319-328.
2. Lễ phép dạy trẻ con, *Đông-châu d.*, 131, 19-28.

GIA-ĐÌNH GIÁO-DỤC

1. Chủ nhà với đày tớ, *Nguyễn Bá-Học*, 48, 465-467.
2. Giáo-dục trong gia-đình, *Chương-dân*, 20, 114-117.
3. Giáo-dục ký (Gia-đình. . .) *Nguyễn Bá-Học*, 28, 321-327.
4. Giáo-dục trong gia-đình (Sự. . .), *Nguyễn Bá-Học d.*, 34, 287-306 ; 35, 409-419.
5. Giáo-dục (Gia-đình...) *Bùi-Quang-Huy*, 99, 209-217.
6. Giáo-dục (Gia-đình. . . ký). *Đông-hồ*, 115, 211-217. — Nhớ tiết hạ-nguyên, *Đông-hồ*, 135, 435-446 B.
7. Giáo-dục gia-đình, sách của *Chu-Khánh-Lan*, *Đề-nam d.*, 193, 121-128..
Coi : MLTG.
8. Lời khuyên con, *Nguyễn Hữu-Kha*, 89, 405-409. . . Coi : MLTG.
9. Nghĩa gia-tộc, *Phạm-Quyên*, 2, 89-92.
10. Tiết-kiệm (Bàn về. . .), *Nguyễn Bá-Học*, 21, 191-194.
11. Trị-gia (Phép. . .), *Đông-châu d.*, 132, 128-131.

PHỤ-NỮ GIÁO-DỤC

Coi thêm : Xã-hội, Vấn-đề Phụ-nữ.

1. Du-học bên Tây (Thư cho con gái. . .), *Vân-Hán*, 142, 302-304.
2. Gái thời nay, *Vân-Hương*, 140, 26-30B.

3. Giáo-dục đàn bà con gái (Sự . .), *Phạm-Quỳnh*, 4, 207-217.— *Thượng-chi d.*, 46, 304-307.— *Hồng-nhân*, 49, 1-6.
4. Gương nữ-giới, *Thiện-Định*, 182, 255-259.
5. Học (Sự . .), *Trịnh Thu-Tâm*, 11, 319-320.
6. Học (Sự . . con gái bây giờ nên thế nào ?), *Nguyễn Đình-Tỵ*, 23, 397-9.
7. Nữ học nước ta (Bàn về . .), *Vũ Ngọc-Liễn*, 29, 452-453.
8. Nữ-học : Thư trả lời ông chủ bút . . về nữ-học, *Nguyễn Bá-Học*, 40, 322-324.— *Đạm-phương*, 43, 66-68.— *Nguyễn Hữu-Tiến d.*, 159, 156-162.
9. Nữ-lưu (Thư cho em gái), *Hồi-Lãng*, 154, 239-241.
10. Nữ-ngôn đời bây giờ (Cái trình-độ . .), *Đạm-phương*, 49, 83-84.
11. Nhân-cách phụ nữ, *Huỳnh-thị Bảo-Hòa*, 191, 545-552.
12. Pécault, Felix (Một người có công với phụ-nữ giáo-dục nước Pháp . .), *Thiếu-son*, 149, 337-344.
13. Phụ-nữ Nhật-bản ngày nay, *Phan-Anh*, 210, 305-312.
14. Răn đàn bà con gái (Lời . .), *Đông-châu d.*, 130, 568-576.
15. Thư gửi người bạn gái (Truyện tao-đàn), *Trúc-Hà*, 129, 455-459.
16. Văn-chương với nữ-giới, *Hoàng-Ngọc-Phách*, 41, 379-383.
17. Văn-chương với nữ giới (Trả lời ông Hoàng-Ngọc-Phách), *Nguyễn Đồng-Khang nữ-sinh*, 42, 506-510.

VIỆC HỌC, QUỐC-DÂN GIÁO-DỤC

1. Cải-cách trong học-giới (Mấy sự . .), *Phạm-Quỳnh*, 87, 183-188.
2. Chức-phận các thầy giáo (Bàn về . .), *Nguyễn Bá-Học*, 25, 65-68.
3. Đọc sách (Phép . .), *Nguyễn Hữu-Tiến d.*, 161, 376-384 ; 162, 462-469.
4. Đọc sách (Lý-thú . .), *Đông-hồ*, 174, 22-25.
5. Đồng-tử-quân (Chế độ . .), *Hồng-nhân*, 153, 121-128.— *Hướng-đạo đoàn Việt-nam, Đờ-nam*, 195, 300-302.

6. Giáo-dục (Quốc-dân. .), *Trần-Duy-Nhất*, 47, 386-405.
7. Giáo-dục dân-tộc, *Phạm-Quỳnh*, 71, 73-74.
8. Giáo-dục phổ-thông phải lấy tinh-thần làm trọng, *Nguyễn Trọng-Thuật*, 174, 46-48.
9. Gương sĩ-hoạn, *Thiện-Định*, 182, 251-255.
10. Gương thanh-niên, *N.P.*, 173, 569-570.
11. Học-chế của Nhật-bản (Khảo về...), *Thượng-chi*, 27, 202-223.
12. Học-chính tông-qui (Sửa đổi mấy điều...), *N.P.*, 185, 625-631.
13. Học-hội (Vấn-đề...), *Đông-châu d*, 159, 128-130.
14. Học-phong và sĩ-khí, *Thượng-chi*, 79, 1-5.
15. Học : Câu chuyện có con phải cho đi học, *Tùng-vân*, 178, 458-465.
16. Kính cáo thanh-niên, *Tuyệt-huy*, 22, 297-300.
17. Lập ngôn chước thuật (Thánh-dụ truyền cho quan dân trong nước phải chăm về đường...), *Phạm-Quỳnh cần-chỉ*, 6, 349-351.
18. Lời khuyên học-trò, *Nguyễn-Bá-Học*, 24, 472-380... Coi : MLTG.
19. Phỏng-vấn quan thượng-Phạm-Quỳnh (Chính-trị ở Huế : Một cuộc...), (*Phạm-Quỳnh*), 189, 305-310.
20. Sách cho trẻ con xem (Nên có một thứ...), *Nam-Giang*, 85, 59-63.
21. Thanh-niên nước Đức (Cái bệnh của...), *Hồng-nhan bd.*, 181, 124-127.
22. Trường Cao-đẳng mới, *N.P.*, 87, 274-275.
23. Việc học nước ta bây giờ (Vấn-đề...), *Nguyễn Khắc-Bình*, 48, 510-508.
24. Việc học ở nhà quê (Bàn về...), *Nguyễn Khắc-Bình*, 47, 406-415.
25. Việc học ở nhà quê (Mấy lời phân giải lại bài « Bàn về... », *Hoàng-Hữu-Đôn*, 48, 508-513.
26. Việc học ở Trung-kỳ (Sửa đổi...), *N.P.*, 28, 367.

VIII.— PHONG-TỤC

1. Cách ăn mặc của người Nam ta, *Biền-xa*, 48, 447-453.

2. Cái « lạy » (Một cái tục-lệ rất có phương-hại), *Ngu-son*, 175, 209-211.—
Trần-Văn-Quang, 177, 437-438.
3. Gà Nam-Việt và gà Nhật-bản, *Phạm-Hỷ*, 26, 153-155.
4. Hà-tiên (Cảnh vật...), *Tri-đức học-xá*, 150, 445-462... Col : MLTG.
5. Hoài-cồ (Tám lòng...), *Nguyễn-Trọng-Sử*, 129, 469-477.
6. Hôn-lễ, trích «Văn-công gia-lễ», *Đông-châu*, 86, 113-118.
7. Lễ Du-xuân, *Hoàng-Song-Cử*, 21, 232-234.
8. Mê-tín với chân-lý, *Tham-Phủ*, 155, 369-380.
9. Nghi-lễ phổ-thông (Hôn-lễ, tang-lễ, các tế-lễ), *Thiện-Đình*, 146, 45-52...
Coi : MLTG.
10. Phong-hóa suy-đổi, *Phạm-Quỳnh*, 171, 339-344.
11. Phong-tục Hòa-bình, *Đặng-Xuân-Viện*, 156, 474-479.
12. Phong-tục xấu của dân mình, *Trần Thúc-Cáp*, 26, 174-176.
13. (Phong-tục) Người Mường, *Nguyễn Văn-Ngọc*, 95, 417-438.
14. Quần-phương nông-tuế khảo, *Nhàn-Vân-Đình*, 161, 385-398.
15. Tết Trung-thu, *Trần Văn-Ngoạn*, 6, 395-396.
16. Tôn-cồ-lục, *Trần Văn-Ngoạn*, 19, 52-62 ; 21, 202-208.
17. Thánh-thọ ngũ-tuần đại-khánh-tiết, *N P.*, 31, 84-86.
18. Thần-nữ Vân-cát (Truyện), *Thiên-đình*, 155, 479-484.
19. Thích đồ Tàu (Mấy lời nói nhỏ cùng các ông...), *Nguyễn Khắc-Hạnh*
31, 86-88.
20. Ai-lao : Phong tục các dân Thượng-du..., *Tứ-Giang*, 113, 71-74.— Phong
tục Lào Luang-Prabang, *Nguyễn-văn-Tou*, 129, 487-493.
21. Cao-ly : Tạp biên về..., *Đông-châu d.*, 119, 56-60.
22. Đức : Cái thói cần-kiệm chất-phác..., *Đông-châu d.*, 115, 262-265.
23. Eskimô : Một dân-tộc rất khoái-lạc, *Đông-châu d.*, 127, 234-237.
24. Mĩ : Đàn bà nước Mĩ, *Đông-châu d.*, 117, 459-465.
25. Tàu : Phong-tục nước Tàu, *Đông-châu d.*, 111, 472-483... Col : MLTG.
26. Xiêm : Phong-tục Xiêm-la, *Đông-châu d.*, 115, 257-261.

IX.— NGÔN-NGỮ

DANH-TỪ, TỰ-ĐIỀN

1. Danh-từ hóa-học (Bàn về cách dịch các...), *Nguyễn-Triệu-Luật*, 111, 484-489.
2. Danh-từ địa-dư (Bàn về dịch những...), *C.*, 61, 49-50.
3. Điều-tra tục-ngữ phương-ngôn để giúp làm Việt-âm tự-điền, *K.T.T.Đ.*, 68, 169-170.
4. Hàn-lâm (Nên đặt tòa...), *Đoàn-Vinh*, 22, 308-310.
5. Mượn chữ sai-hoại văn-minh (các tên riêng ngoại-quốc), *Lương-Khắc-Ninh*, 22, 327-328.
6. Pháp-Việt tự-điền dự-thảo, *Phạm-Quỳnh*, 174, 1-10... Col : MLTG.
7. Quốc-ngữ đình-ngoa, *Trần-Mạnh-Đàn*, 180, 109-116... Col : MLTG.
8. Sách điền-tích tiếng A-nnam ta (Vấn-đề sửa-soạn một quyển...), *Nguyễn-Như-Ngọc*, 57, 232-235.
9. Tiếng Nam Bắc khác nhau (Tự-vưng Hà-nội—Sài-gòn), *Nguyễn-Từ-Lãng*, 152, 56-60.
10. Tự-vưng các danh-từ về chính-trị pháp-luật, *Thượng-chi*, 41, 357-369.
11. Tự-điền (Bàn góp về việc làm...), *Trúc-Pha*, 75, 261-262.
12. Việt-âm tự-điền (Việc khôi-thảo một bộ...), *Thượng-chi*, 74, 106-112A.

HÁN-TỰ

1. Biết chữ Hán từ đời nào (Việt-nam ta...), *Phạm-Huy-Hồ*, 29, 416-419.
2. Chữ « chệt » có hại gì cho quốc-văn ? *Phạm-Xuân-Nùng*, 17, 258-259.
3. Chữ Hán không nên bỏ, *Ngô-Vi-Lâm*, 26, 172-173.

4. Dùng chữ nho trong văn quốc-ngữ, *Phạm-Quỳnh*, 20, 83-97.
5. Hán-học (Bàn về...), *Nguyễn-Bá-Trác*, 40, 324-336.
6. Học chữ nho (Bàn về sự...), *N.P.*, 13, 57-58.
7. Học chữ Hán (Bàn về văn-đề...), *Tuyết-huy*, 24, 463-472.
8. Nhà nho có lẽ chịu sâu ?, *Trúc-Hà*, 130, 561-568.
9. Nhà nho, *Phạm-Quỳnh*, 172, 449-458.
10. Nhà nho khoảng ba mươi năm nay với sự học cũ (Phái...), *Nguyễn Đôn-Phục*, 195, 285-289.
11. Với các bạn nhà nho (Mấy lời trung-cáo...), *Nguyễn-Bá-Trác* soạn, *Nguyễn-Đôn-Phục* d., 51, 189-199.

QUỐC-HỌC

1. Cờ-học viện ở Huế, *Trung-Bắc tân-văn*, 94, 404-406.
2. Cờ-học Hán-Việt (Văn-đề...), *Phạm-Quỳnh*, 132, 117-127.
3. Quốc-học (Bàn về...), *Phạm-Quỳnh*, 163, 515-522.
4. Quốc-học với quốc-văn, *Phạm-Quỳnh*, 164, 1-7.
5. Quốc-học với chính-trị, *Phạm-Quỳnh*, 165, 107-111.
6. Quốc-học : Điều đình cái án..., *Nguyễn Trọng-Thuật*, 167, 361-387.
7. Quốc-học đồ-thư-quán thành-lập, *QHĐTQ.*, 190, 458-460.

QUỐC-NGŨ, QUỐC-VĂN

1. Bảo-tồn Nam-ngữ, *Nguyễn Văn-Kiểm*, 122, 368-380 ; 123, 476.
2. Bức thư của A-tròn B-méo..., *Bạch-trai*, 206, 137-144.
3. Công-văn phải dùng quốc-ngữ, *N.P.*, 21, 241-242.
4. Chữ nôm với quốc-ngữ, *Sở-cường*, 172, 495-498.
5. Chữ Pháp có dùng làm quốc-văn An-nam được không ? *Thượng-chi*, 22, 279-286.

- 6, Hán-Việt văn-tự, *Phạm Quỳnh*, 107, 12-23. . . Coi : MLTG.
7. Học cò-diền có ích-lợi thế nào ? *Phạm-Quỳnh*, 88, 279-301.
8. Phan-Chu-Trinh đối với chữ quốc-ngữ, *N.P.*, 95, 504-506.
9. Quốc-ngữ cò (Chữ ..), *V.B.*, 74, 112B.
10. Quốc-ngữ vấn-đề, *N.P.*, 103, 200-205.
11. Quốc-ngữ (Khảo về chữ...), *Phạm Quỳnh*, 122, 327-339.
12. Quốc-ngữ quốc-văn, *Nguyễn-Văn-Kiểm*, 110, 357-369.
13. Quốc-ngữ kéo nài thần chữ nho (Bức thư thần)... Chữ nho kéo nài thần quốc-ngữ (Bức thư thần...), *Tùng-vân*, 196, 359-362 ; 197, 400-409.
14. Quốc-văn-thuyết, *Song-Cử thị*, 14, 117-128.
15. Quốc-văn về tương-lai thế nào (Vấn-mệnh. .), *Trần Duy-Nhất*, 52, 311-316.
16. Quốc-văn ta hồi triều Gia-long, *An-khê*, 80, 130-136 ; 82, 318-322.
17. Quốc-văn (Vấn-đề. .), *Tùng-vân*, 126, 101-117.
18. Quốc-văn đối với công-dụng và thời-gian, *Trúc-Hà*, 128, 337-342.
19. Quốc-văn (Học. .), *Nguyễn-Văn-Kiểm*, 149, 311-330.
20. (Quốc-văn) : Trả lời bài « Cảnh-cáo các nhà học-phiệt », *Phạm-Quỳnh*, 152, 10-14
21. Quốc-văn, *Phạm-Vọng-Chi*, 164, 60-62.
22. Quốc-văn cho bền chặt (Ta nên xây nền. .), *Nguyễn-Đặng-Giữn*, 168, 22-26.
23. Quốc-văn : ý-kiến người nước về vấn-đề. .), *Nguyễn-Văn-Kiểm*, 168, 27-44 ; 170, 284-300.
24. Quốc-văn (Vấn-đề. .), *Nguyễn-Văn-Kiểm*, 181, 128-147 ; 182, 260-279.
25. Quốc-văn ở các trường hươg-thôn không ? (Có nên dạy toàn...), *Ng.T.* *Ng.*, 185, 547-548b.
26. Sự tiến-hóa của tiếng An-nam, *Phạm-Quỳnh*, 69, 39-48 ; 70, 59-70.

27. Tiếng An-nam có cần phải hợp-nhất không ? *Phạm-Quỳnh*, 18, 320-326.
28. Tiếng dùng trong quốc-văn, *Nguyễn Văn-Ngọc*, 19, 37-39.
29. Tiếng An-nam (Bên về ..), *Dương Quảng-Hàm*, 22, 287-297.
30. Tiếng An-nam có nghèo không ? *Vũ Công-Nghị*, 59, 349-357.
31. Tiếng ta chữ ta (Văn-dề..), *Nguyễn Khắc-Bình*, 65, 371-380.
32. « Tiếng ta » bên kinh-đô Pháp, *Lê-Nguyễn*, 84, 509-512.
33. Tiếng Nam, *Lê-Thăng*, 160, 263-265.
34. Tiếng An-nam và tiếng Pháp (So-sánh..), *Trần-Kỳ-Ý*, 181, 147-155.
35. Tiếng Pháp nên biết chữ La-tinh (Muốn giỏi..), *Lưu-Văn-Minh*, 45, 215-225.
36. Thư ngỏ cho chủ bút Nam-Phong, *Ng. h. V.*, 16, 198-209.— *Mấy lời ngỏ lại cùng ông Ng. h. V.*, *Nguyễn Bá-Trác*, 17, 256-258.— *Trần. v. Đ.*, 17, 259-267.— *Nguyễn-Như-Nông*, 18, 381-382.— *Chu-Lãng-Vân*, 18, 385-382.— *Thân-Trọng-Huê*, 19, 17-20.— *Nguyễn-Bá-Trác*, 20, 97-98.
37. Văn quốc-ngữ, *Phạm-Quỳnh*, 2, 77-80.
38. Văn chương quốc-ngữ (Bàn về...), *Trần-Tấn-Tịch*, 29, 450-452.

X.— KHOA - HỌC

1. Bệnh lao, *Thượng-chí*, 44, 87-101.
2. Bệnh truyền-nhiễm và giống vi-trùng, *Đỗ-Vạn-Khoảnh*, 30, 500-502 ; 31, 33-36.
3. « Bê-tông » (Chúa trong nghề kiến-trúc), *Tùng-Nam*, 27, 242-245.
4. Cây cũng có cảm-giác như người, *Phạm-Quỳnh*, 2, 110-114.
5. Chớp bóng (Nói về nghề...), *Trương-Cam-Khuyến*, 94, 377-384.
6. Điện-ảnh, phim ảnh, *Trúc-Đình*, 43, 457-463.
7. Điện-học khái-luận, *Nguyễn-Lễ*, *Nguyễn-Mạnh-Bồng*, 9, 158-161.

8. Điện-tín, vô-tuyến-điện, *Trương-Cam-Khuyến*, 96, 569-578... **Coi :**
MLTG.
9. Động đất (Khảo về...), *Thương-chi* bd., 76, 265-275.
10. Giấy nói, *Nguyễn-Lễ* d., 24, 480-483 ; 27, 235-241.
11. Kiến (Khảo về loài. . .), *Khái-sinh*, 85, 49-55.
12. Khoa-học tạp-trở, *Biển-xa* d., 38, 145-152.
13. Khoa-học và luân-lý, *Hồng-nhân* d., 123, 425-438.
14. Khoa-học (Thế-lực của. . .), *Thượng-chi* d., 42, 446-456.
15. Người với vợ, *Nguyễn-Lễ*, 106, 454-468.
16. Nghề hàng-không hiện nay, *Nguyễn-Tường*, 179, 549-559b.
17. Nghề làm ảnh, *Nguyễn-Ứng*, 42, 467-472... **Coi :** MLTG.
18. Ốc người ta (Cái...), *Thượng-chi* d., 36, 479-490.
19. Sao băng, *Nguyễn-Lễ*, 28, 327-331.
20. Sấm sét (Ngọc-hoàng nổi giận), *Nguyễn-Lễ*, 15, 151-155
21. Tàu bay (Máy bay...), *Phạm-Quỳnh*, 3, 175-178 ; 4, 241-249.
22. Tàu ngầm, tàu lặn, *Phạm-Quỳnh*, 1, 43-50 ; 2, 105-110.
23. Tăng-Khoa-Tiến (Một nhà y-sĩ Trung-quốc), *Đỗ-nam-tử* d., 148-281-4.
24. Thuốc nam (Khảo-cứu về...), *Nguyễn-Khắc-Hanh*, 30, 511-518.
25. Thuốc nam (Khảo-cứu về..), *Phùng-Mai*, 52, 367-369.
26. Thuyết « đối-đích » của Einstein, *Trương-Thúc-Đình* và *Nguyễn-Đông-Hà*, 76, 316-326.
27. Văn-hóa của động-vật (Khảo về. . .), *Nguyễn-Tường*, 166, 289-294.
28. Vi-trùng (Nói về các giống...), *Nguyễn-Lễ*, 71, 409-419 ; 72, 484-497.
29. Y-học khảo (Giống muỗi truyền bệnh sốt rét), *Đỗ-Uông*, 63, 169-181.
30. Y-học-khảo : các bệnh-tật đối với loài người, *Đỗ-Uông*, 78, 483-486 —
Bệnh phong và vấn-đề cứu-tế cho người hủi, *Đỗ-Uông*, 80,
105-121.
31. Y-học (Tồn-cử-lục), *Đông-châu*, 31, 42-46.
32. Văn-chái của nước ta, *Phục-Ba*, 166, 260-264.

XI.— MỸ-THUẬT, GIẢI-TRÍ

1. Âm-nhạc, *Đông-châu*, 30, 518-523.
2. Ca-vũ và âm-nhạc nước nhà, *Sở-Cường*, 193, 169-177.
3. Cải-cách âm-nhạc thế nào (Ta nên.), *Đờ-Nam*, 192, 6-11 ; 194, 240-246.
4. Cầm-học tầm-nguyên, *Hoàng-Yến*, 47, 370-386... Coi : MLTG.
5. «Cầm-học tầm-nguyên» (Trả lời bài...), *Nguyễn-Hữu-Quát*, 50, 175-176. —
Ít lời ngõ với ông Nguyễn-Hữu-Quát, *Hoàng-Yến*, 52, 369-372.
6. Đờn ca Huế, *Hoàng-Yến*, 187, 97-110.
7. Hát ả-đào, *Nguyễn-Đôn-Phục*, 70, 277-289.
8. Kỳ-học lược-khảo (đánh cờ), *N.U.*, 53, 403-421.
9. Thường ca ở làng Hữu-thanh-oai, *Nguyễn-Mạnh-Hùng*, 100, 363-368.
10. Đấu-xảo mí-nghệ của hội Khai-trí, *Thượng-chi*, 78, 495-504.
11. Hà-thành khảo-cò (Ban...), *N.P.*, 171, 442.
12. Hội Thăng-long hiếu-cò, *N.P.*, 105, 411-412.
13. Mĩ-thuật An-nam, *Thượng-chi* d., 24, 431-444.
14. Thủy-họa (Lối...), *Vũ-Đình-Long*, 77, 383-388... Coi : MLTG.
15. Trường Bác-cò tìm được bốn ngôi cò-mộ, *N.P.*, 209, 294.

XII.— VĂN-HỌC.

VĂN-HỌC, VĂN-HOÁ, VĂN-MINH

1. Bảo-thủ với tiến-hóa, *Phạm-Quỳnh*, 156, 431-434.
2. Chủ-nghĩa là gì ? *Phạm-Quỳnh*, 164, 7-10.
3. Giải-nghĩa đồng-hóa, *Phạm-Quỳnh*, 163, 523-526.
4. Luận về phương-pháp, *Phạm-Quỳnh*, 163, 526-529a.
5. Bàn phiếm về văn-hóa Đông-Tây, *Thượng-chi*, 84, 447-453,

6. Văn-hóa Pháp đối với tiền-đồ nước Nam, *Thượng-chi*, 147, 99-102.
7. Văn-học : Nguồn-gốc... nước nhà và nền văn-hóa mới, *Lê-Dur*, 190, 399-408.
8. Văn-minh : Hai cái tỉ-lệ của sự văn-minh, *Phạm - Quỳnh d.*, 1, 29-41.
9. Văn-minh : Bài diễn-thuyết của Sarraut, *Phạm-Quỳnh*, 2, 81-84.
10. Văn-thuyết, *Phạm-Quỳnh d.*, 6, 365-367.
11. Văn-minh luận, *Thượng-chi*, 42, 437-445.
12. Văn-minh là gì ? *Thượng-chi d.*, 71, 369-382.
13. Văn-minh : Quốc-túy và..., *An-khé*, 78, 453-458.
14. Văn-minh : Người An-nam làm thế nào đổi mới được..., *Thượng-chi d.*, 140, 1-25.
15. Văn-minh : Nước Nam năm mươi năm nữa thế nào ? *Phạm-Quỳnh*, 154, 215-219.
16. Văn-minh : Nghĩa chữ... ở trong tâm-lý người Pháp, *Đỗ-Đình d.*, 154, 231-238... Coi : MLTG,
17. Văn-minh Đông-Tây : Hai cái văn-minh có thể dung-hòa được không ? *Thượng-chi d.*, 29, 412-416.
18. Văn-minh Âu-Á khác nhau thế nào ? *Nguyễn - Bá - Học d.*, 47, 365-370.
19. Văn-minh : Đông-phương và Tây-phương, *Hồng-nhan*, 89, 376-377.
20. Văn-minh : Đông-phương và Tây-phương, *N.P.*, 96, 591-596.— *Hồng-nhan d.*, 101, 421-435.— *Thượng-chi*, 143, 319-321.—*X.X X.*, 156, 459-460.
21. Văn-minh Đông-Tây : Bàn về..., *Đông-châu d.*, 103, 129-141.
22. Văn-minh : Quá-khứ và hiện-tại, *Trần-Văn-Tăng*, 106, 413-433.

VĂN-GIA, THI-GIA

1. Cung-oán ngâm khúc : Bình luận về thi-văn nước ta, *Nguyễn-Văn-Luận*, 50, 133-138.
2. Chinh-phụ ngâm mới : Một bản dịch... , *Nguyễn-Thúc-Khiêm*, 134, 349-357.
3. Đông-hồ : Một người có công với quốc-văn, *Trọng-Toàn*, 173, 574-585.
4. Lévi (Sylvain) : Ông Bác-si..., *N.P.* , 65, 408-409.
5. Nguyễn-Bá-Học : Bài viếng, lược - sử, lời di - ngôn, *Phạm - Quỳnh*, 50, 163-168.
6. Nguyễn-Bá-Trác thăng bô tống-đốc, *N.P.* , 187, 199.
7. Nguyễn-Cur-Trinh : Truyện Sài-vãi, *N.P.* (?), 39, 232-238.
8. Nguyễn-Du và truyện Kiều : Truyện Kiều, *Thượng-chi*, 30, 480-500.—
Dịch bài tựa truyện Kiều, *Đoàn-Quỳ*, 31, 78.— Văn-chương và nhân-vật trong truyện Kiều, *Nguyễn-Đôn-Phục*, 58, 302-315. Nhân-vật truyện Kiều, *Vũ-Đình-Long*, 68, 127-135. . . Coi : MLTG. —
Triết-lý..., luân-lý truyện Kiều, *Vũ-Đình-Long*, 71, 420-423.— Bàn góp ít câu..., *Nguyễn-Anh Tuấn*, 72, 512-515.— *Nguyễn Như-Ngọc*, 75, 221-223. —
Mấy lời bình-luận về văn - chương truyện Kiều, *Nguyễn Tường-Tam*, 79, 30-36.— Văn-chương truyện Kiều, *Vũ-Đình-Long*, 81, 211-219. . . Coi : MLTG. — Bàn góp... , *Nguyễn Triệu-Luật*, 81, 227-231.— Hai bài văn cũ về. . . , *Nguyễn Đình-Văn*, 82, 304-308.
9. Nguyễn-Du : Lễ kỷ-niệm cụ Tiên-diễn (8-9-1924), *N.P.* , 86, 89-90.
10. Nguyễn-Du : Bài diễn-thuyết, *Phạm-Quỳnh*, 86, 91-94.
11. Nguyễn-Du : Bài diễn-thuyết của ông *Trần-Trọng-Kim*, 86, 96-109.
12. Nguyễn-Du và truyện Kiều : Khóc Kiều, *Nguyễn Trọng-Thuật*, 86, 161-163.— Bàn góp... , *Vũ-Đoan-Trang nữ-si*, 87, 260-263.— Văn-tế :

Kim-Trọng tế Thúy-Kiều ở sông Tiền-dương, *Lê-Việt-Lượng*, 92, 179-181.— Bàn về... , *Mai-Khé*, 99, 225-230.— Bàn về nhân-vật truyện Kiều, *Tùng-Hoa*, 104, 273-279.— Bàn về... , *Cao-Hữu-Tạo*, 106, 469-475.— Truyện Kiều và xã-hội Á-đông, *Thượng-chi d.*, 111, 421-422.— Câu chuyện... , *Đông-hồ*, 119, 15-21.— Nghiên-cứu và phán đoán về... , *Nguyễn Trọng-Thuật*, 125, 41-50 ; 126, 150-159.

13. Nguyễn-Đình-Chiều : Một nhà thi-sĩ trứ danh nước ta, *Nguyễn Ngọc-Chi*, 76, 308-311.
14. Nguyễn-Trãi, Ưc-trai di-tập, *Thiện-Đình*, 144, 473-485.
15. Phạm-Đình-Hồ : Bài tự kê sự trạng, *Đông-châu*, 26, 136-152.
16. Phạm-Quỳnh : Lược bàn về ông... , *Nguyễn Văn-Kiểm*, 188, 219-222b.
17. Phạm-Quỳnh : Thăm ông... , *Nguyễn Văn-Kiểm*, 174, 25-29.
18. Phan-Kế-Bính : Một cái thương cho báo giới, *N.P.* , 47, 362-364.
19. Tagore đối với văn-minh Thái-Tây, *Hoa-đường d.* , 84, 454-461.
20. Tagore sang chơi Tàu, *N.P.* , 85, 81-82.
21. Trương-Vinh-Ký : Nam-kỳ dựng tượng kỷ-niệm..., *N.P.*, 123, 528-529.
22. Thân-Trọng-Huê về Kinh, *N.P.* , 51, 270-275.

VĂN-PHẨM

Truyện ngắn, tiểu-thuyết

1. Anh hủ lăm, *Lê-Đức-Nhượng*, 194, 247-250.
2. Ai giết người, *Mân-châu*, 28, 357-364.
3. Bác nghiệm, *Vũ-Miến-Nam*, 23, 78-80.
4. Bèo bọt hoa trôi, *Tùng-Toàn*, 193, 191-198 ; 194, 260-270.
5. Bề trần chìm nổi, *Tùng-vân d.* , 187, 183-191.
6. Bữa cỗ nợ miệng, *Lê-Đức-Nhượng*, 204, 76-78.

7. Bức ảnh phóng đại, *Lê-Đức-Nhượng*, 195, 308-312.
8. Cái oan càng nghiệt. . . , *Hồng-Giêm*, 18, 384-386.
9. Câu chuyện gia-đình, *Nguyễn Bá-Học*, 10, 242-246.
10. Câu chuyện nhà sư, *Nguyễn Bá-Học*, 26, 176-182.
11. Câu truyện một tối của người tân-hôn. *Nguyễn Bá-Học*, 46, 307-310.
12. Câu chuyện của người bán cam, *Tùng-vân*, 61, 48.
13. Câu chuyện đường xe hỏa Canada, *T.D.* , 61, 63-65.
14. Câu chuyện vả năm người, *Nguyễn Đôn-Phục*, 73, 43-49.
15. Câu chuyện thầy đồ quê, *Lê-Xuân-Sinh*, 79, 61-67.
16. Câu chuyện khách làng chơi, *Nguyễn Ngọc-Thiều*, 81, 245-249.
17. Câu chuyện tiêu ngày dài, *Tùng-vân*, 120, 150-155.
18. Câu chuyện dưới trăng, *Trúc-Hà*, 126, 126-130.
19. Câu chuyện ra ở đời, *Tham-Phủ*, 160, 246-251.
20. Câu chuyện ba khúc rừng, *Nguyễn Đôn-Phục*, 174, 16-21.
21. Câu chuyện cày bằng bút, *Tùng-vân*, 175, 114-115d.
22. Có gan làm giàu, *Nguyễn Bá-Học*, 23, 404-409.
23. Có mới nới cũ, *Đoàn Nhữ-Nam*, 105, 369-374.
24. Con người Sở-khanh, *Phạm-Duy-Tồn*, 20, 151-154.
25. Cửa trời trời lại lấy đi, *Đ.H.* , 24, 502-505.
26. Chuyện cũ nước Nam, *Phục-ba*, 150, 486-492.
27. Chuyện cô Chiêu Nhi, *Nguyễn Bá-Học*, 43, 55-58.
28. Dã-sử quang trượng Gầu, *Nguyễn Thúc-Khiêm*, 159, 144-151. . .
29. Duyên kỳ-ngộ một chị làng hoa, *Nguyễn Ngọc-Thiều*, 76, 311-315.
30. Dur-sinh lịch-hiềm ký, *Nguyễn Bá-Học*, 35, 437-446.
31. Đờ mất dạy, *Lê Đức-Nhượng*, 198, 436-439.
32. Gả-bán con. . . , *Đoàn Ngọc-Bích*, 67, 45-48.
33. Gái đẹp với anh đồ, *Người rừng xanh*, 192, 18-21.
34. Giấc chiêm bao dữ, *H.H.Đ.* , 46, 316-317.

35. Giọt lệ hồng lâu, *Hoàng Ngọc-Phách*, 51, 243-246.
36. Học-thuật làm cổ, *Tùng-vân*, 207, 188-193.
37. Hồn du-ký, *Thiện-dinh d.*, 139, 381-393. . . Coi : MLTG.
38. Lãi một hóa hai, *Lê Đức-Nhượng*, 201-202, 61-64.
39. Lấy chồng dê, *Trần Văn-Ngoan*, 37, 79-82.
40. Linh-nam đặt-sử (tiểu-thuyết cổ), *Đông-châu d.*, 48, 481-501. . .
Coi : MLTG.
41. Loài vật hay, *Lê-Giụ*, 91, 55-59.
42. Lòng nhi-nữ, *Lê Đức-Nhượng*, 205, 103-107.
43. Lưỡi dao oan nghiệt, *Tùng-toàn*, 197, 393-395.
44. Mai, *Ngô Ngọc-Kha*, 207, 183-187.
45. Mấy truyện dã-sử về Nguyễn Công-Trứ, *Lê Đức-Nhượng*, 193, 178-180.
46. Một cánh hoa chim, *Nguyễn Văn-Cơ*, 25, 76-77.
47. Một nhà bác học. — A! Truyện chiêm-bao, *Nguyễn Bá-Học*, 49, 67-71.
48. Nước đời lắm nổi. . . , *Phạm Duy-Tốn*, 23, 401-404.
49. Ngựa già, *Đàm-xuyên*, 13, 36-37.
50. Người thím nuôi, *Lê Đức-Nhượng*, 196, 352-355.
51. Nghe người thợ bắn thuật chuyện, *Tây Hiên*, 69, 231-237.
52. Ông Hội Hồ, *Lê Đức-Nhượng*, 209, 286-287.
53. Ông phó Xê, *Nguyễn Khắc-Cán*, 199, 17-21.
54. Ông tám mươi nói chuyện mười tám, *Nguyễn Văn-Mại*, 69, 227-231.
55. Phương thuốc chữa bệnh buồn gầy, *Tùng-vân*, 184, 448-449.
56. Quả dưa đỏ, tiểu-thuyết, *Nguyễn Trọng-Thuật*, 103, 167-182. . . Coi :
MLTG.
57. Sao cũng bày đồ nghi-vệ. *Lê Đức-Nhượng*, 200, 76-78.
58. Sống chết mặc bay, *Phạm Duy-Tốn*, 18, 355-357.
59. (Tập trở, 12 truyện), *Nguyễn Bá-Học*, 33, 249-253.
60. Tình xưa, *Đông-hồ d.*, 179, 621-627.

61. Tiếng oan những muốn vạch trời kêu lên ! *Lê-Tân-Hàn*, 90,538-539.
62. Tuyết-nga, *Tùng-Toàn*, 193,152-156.
63. Từ hôn, *Lê Đức-Nhượng*, 210,333-335.
64. Trần trọc đêm xuân, *Mân-châu*, 34,368-371.
65. Truyện ông Lý Chấm, *Nguyễn Bá-Học*, 13, 50-53.
66. Truyện Cô Phụng, *Đoàn Ngọc-Bích*, 65,381-385.
67. Truyện một người võ-sĩ tông chinh, *Nguyễn Ngọc Thiều*, 73,66-70.
68. Truyện một người du-học-sinh An-nam, *Vũ Đình-Chi*, 90,540-548.
69. Truyện ông nghề Tân, *Nguyễn Thúc-Khiêm*, 153, 137-147.
70. Truyện quan trạng Khiếu, *Nguyễn Thúc-Khiêm*, 157, 559-570 ; 158,23-30.
71. Thần thiên-lương, *Mân-châu*, 36, 511-515.
72. Vì đâu nên nỗi, *Tùng-toàn*, 195, 318-319.
73. Vì đâu nên nỗi dở dang. — Vô nam dụng nữ..., *Phạm-Vọng-Chi*, 159, 167-172 ; 160, 281-290.

TRUYỆN NGẮN dịch PHÁP-VĂN

1. Ái-tình, *Hồng-nhân d.*, 118, 571-575.
2. Bà Hoàng-phi nước Belgique, *Thượng-chi d.*, 19, 48-51.
3. Cờ-liên nữ-sĩ, *Vũ-Công-Nghi*, 61, 51-62.... Coi : MLTG.
4. Cái mũ phục-thù, *Nguyễn-Văn-Ngọc*, 20, 154-157.
5. Cái vinh cái nhục của nhà quân, *Phạm-Quỳnh d.*, 1, 71-75... Coi : MLTG.
6. Chàng Ba-búc xét chuyện đời thế nào, *Hồng-nhân d.*, 98,136-145.
7. Chàng ngọc hóa khôn vì tình, *P. T. C. d.*, 45, 225-243.
8. Chú lí buôn thành Venise, *Nguyễn-Háo-Vinh d.*, 21, 214-228
9. Chuyện trên xe lửa, *Thượng-chi d.*, 158, 73-76.
10. Đời súng đạn, *Tùng-toàn d.*, 197, 410-415... Coi : MLTG.
11. Lê-Công-vị hiếu-nữ, *Vũ Công-Nghi d.*, 57, 220-231 ... Coi : MLTG.

12. Một cái bi-kịch ngoài bè, *Biển-xa d.*, 43, 58-61.
13. Ngày sinh-nhật *Hồng-nhân d.*, 53, 452-455.
14. Người đàn bà điên, *Bùi Huy-Cường*, 51, 246-248.
15. Người hủi ở thành A-óc, *P. T. C. d.*, 37, 65-78,
16. Ôi thiếu niên, *Hồng-nhân d.*, 52, 326-337.
17. Tình duyên với lại tình cờ, *P. T. C. d.*, 54, 538-548.
18. Tự nguyện hóa chồng, *Phạm-Quỳnh d.*, 5, 323-325.
19. Truyện người lính băng tuyết, *Phạm-Quỳnh d.*, 2, 121-123.
20. Truyện cái gậy song, *Phạm-Quỳnh d.*, 7, 46-49... **Col: MLTG.**
21. Truyện chàng Man-nông, *T.C. d.*, 44, 148-151.
22. Truyện một thầy bà-la-môn, *P.T.C. d.*, 46, 310-312.
23. Truyện anh chàng đi khắp thiên-hạ để học... run, *Hồng-nhân d.*, 50, 138-144.
24. Truyện con yêu được vợ, *Lê-Tường d.*, 54, 162-165.
25. Truyện A-li-bế, *Nguyễn Văn-Khai d.*, 78, 504-507.
26. Thi chạy với hồ, *P.T.C. d.*, 46, 312-315.

TRUYỆN NGẮN dịch TRUNG-HOA

1. Bỏ nhà chuộc bạn, *Ngọc-đình d.*, 44, 151-154.
2. Câu chuyện tình trong giấc mộng, *Tùng-vân d.*, 183, 382-385.
3. Cửa đời người thế, *Ngọc-đình d.*, 36, 519-523,
4. Chồng tôi, tiêu-thuyết, *Tùng-vân d.*, 119, 79-86... **Col: MLTG.**
5. Chuyện chàng Đại-nam, *Đông-châu d.*, 9, 182-185.
6. Giàu sang chưa chín một nồi kê, *Trịnh-Xuân-Nam*, 5, 325-327.
7. Gương tự-do, *Đông-châu d.*, 87, 255-260.
8. Hoắc-nữ, *Đông-châu d.*, 38, 166-173.
9. Hồng Ngọc, *Nguyễn Hữu-Tiến d.*, 14, 117-121.

10. Kiện nhi, *Nam-Thạch d.*, 24, 505-507.
11. Làm ơn nên oán, *Ngạc-dinh d.*, 43, 62-65.
12. Lão hàng rượu, *Nam-thạch d.*, 26, 183-184.
13. Một phen khâu biện nên công, *Nguyễn Mạnh-Bồng*, 13, 22-23.
14. Nhất nộ vị hồng-nhan, *Tùng-vân d.*, 131, 80-88. . . Col : MLTG.
15. Quí-phi điểm sử, *Tùng-vân d.*, 155, 410-416. . . Col: MLTG.
16. Tấm gương tình, *Tùng-vân d.*, 142, 296-301. . . Col : MLTG.
17. Tần nương, *Nam-thạch*, 8, 115-117.
18. Tế-liều, *Đông-châu d.*, 36, 515-519.
19. Tình hải từ-hàng, *Tùng-vân d.*, 189, 368-373. . . Col : MLTG.
20. Tuyết-hồng lệ sử, *Mai-khê d.*, 77, 421-428. . . Col : MLTG.
21. Trần Đại, *Nam-thạch d.*, 26, 182-183.
22. Truyện cò bòn ca, *Ngạc-dinh d.*, 46, 317-320.
23. Văn chiến quốc sách, *Đồ-nam tử*, 152, 53-56.
24. Vợ Thày Cử Lư, *Tùng-vân d.*, 25, 80-83.

HÀI-VĂN, HÍ-VĂN

1. Cảnh lạc-hương, *Tùng-vân*, 108, 165-173.
2. Câu chuyện câu đối đỏ, *Tùng-vân*, 192, 36-37.
3. Câu chuyện hành không muối, *Tùng-vân*, 195, 297-299.
4. Câu chuyện Bụt chùa nhà, *Tùng-vân*, 201-202, 69-72.
5. Chuyện con tinh nói dối, *Tùng-vân*, 55, 351-352.
6. Chuyện ông tông-sư và ông lang thuốc, *Th.T.*, 60, 481.
7. Chừa nói chữ nhỏ, *Tùng-vân*, 50, 148.
8. Dự thảo một bản chương-trình của hội Ch. gái, *Tùng-vân*, 77, 416-420.
9. Hầu bài quan, *Phạm Vọng-Chi*, 157, 62-6930.
10. Lịch-sử họ Bất, *Tùng-vân*, 90, 509-530.

11. Lời thư thàn Lương-tâm, *Tùng-vân...*, 74, 139-142.
12. Oan hay chẳng oan ? *Tùng-vân*, 75, 223-229.
13. Phép giáo-dục về nghề ma-men, *Tùng-vân*, 86, 156-160.
14. Sáo biết nói, *Phạm Đình-Hòa*, 54, 559-560.
15. Sự lạ, *Tùng-vân Đạo-nhân*, 59, 402.
16. Truyện ông đồ Ba-Vầy, *Nguyễn Đôn-Phục*, 71, 399-408.
17. Thần đấng đi thi, *Tùng-vân*, 53, 455.
18. Thờ công nghiệm nghe báo, *Tùng-vân*, 193, 147-148.
19. Xã-hội loài nhậy, *Tùng-vân*, 88, 329-332.

KỊCH, TUỒNG

1. Bích câu kỳ ngộ, hát chèo, *Nguyễn Thúc-Khiêm*, 179, 612-620... Coi :
MLTG.
2. Lân phượng kỳ duyên, (?), 186, 59-72. . . Coi : MLTG.
3. Lão an thiếu hoài, tuồng hát lối mới. *Nguyễn Thúc-Khiêm*, 146, 25-30.
4. Lão thiếu kỳ phùng, *Nguyễn Thúc-Khiêm*, 147, 124-128.
5. Nàng dâu oan, *Nguyễn Thúc-Khiêm*, 142, 282-295. . . Coi : MLTG.
6. Nguyễn-Chúa Phù Lê-Hoàng, *Nguyễn Thúc-Khiêm*, 116, 354-366. . . Coi :
MLTG.
7. Nghĩa bộc báo chủ, hát chèo, *Hoàng Thúc-Khiêm*, 155, 390-399 . . Coi :
MLTG.
8. Tích Phụng-nghi-đình, *Hoàng-Thúc-Khiêm*, 162, 479-487... Coi : MLTG.
9. Tình duyên với lại tình cờ, hài kịch, *P.T.C d*, 55, 69-81.
10. Tình tẻ thôn quê, tuồng hát, *Trần-Tử-Viên*, 113, 11-21.
11. Tô-thị ghét đấng anh Kỳ-lừa, *Nguyễn-Thúc-Khiêm*, 138, 266-279. . . Coi :
MLTG.
12. Tuồng Nguyễn-Trãi, *Từ-Diên-Đồng*, 88, 333-338. . . Coi : MLTG.

13. Tuyệt hận mộng : truyện nàng Mị-châu, *Mai-liên*, 97, 71-83.
14. Trót nặng lời thề, hát chèo, *Nguyễn Thúc-Khiêm*, 149, 366-378. . . Coi : MLTG.
15. Trung hiếu thần tiên, (?), 170, 265-274... Coi : MLTG.
16. Văn-phòng tứ bảo, hát tuồng, (?), 182, 294-300. . . Coi : MLTG.
17. Xuân-Hương khóc cay chàng Tồng-Cóc, tuồng hát, *Nguyễn Thúc-Khiêm*, 125, 489-498. . . Coi : MLTG.
18. Đạo đức như bà, *Hồng-nhân d.*, 338-341.
19. Phu-nhân là người tiết kiệm, *Hồng-nhân d.*, 50, 144-148.
20. Tuồng Hòa-Lạc (Horace), *Thượng-chi d.*, 73, 49-63. . . Coi : MLTG.
21. Tuồng Lôi-xích (Le Cid), *Phạm-Quỳnh d.*, 38, 87-126... Coi : MLTG.

KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC HỘI

1. Khai-trí tiến-đức hội, *Phạm-Quỳnh*, 20, 159-167.
2. Tiệc trà của hội..., *Phạm-Quỳnh*, 22, 255-256.
3. Diễn-thuyết, *Đoàn-Triển tổng-đốc*, 22, 257-259.
4. Tiệc trà của hội..., *Môn-châu*, 23, 412-415.
5. Một thí-nghiệm về diễn kịch, *Phạm-Quỳnh*, 34, 306-312.
6. Mấy lời bình luận về cuộc diễn kịch, *Nam-Minh*, 35, 396-408A.
7. Hội đối với tiền-dồ Việt-Nam, *Dương-Bá-Trạc*, 59, 375-380.
8. Kính cáo các ngài hội-viên, (?), 62, 77-80.
9. Dự-bàn lập một «Văn-học-ban», trong Hội..., (?), 63, 220-222.

PHÊ-BÌNH SÁCH

1. Cô lâu mộng của Ngạc-am Võ-Liêm-Sơn, *Cung Giũ-Nguyên*, 204, 71-75.
2. Đài gương, Lên sáu, của Nguyễn Khắc-Hiếu ; Dây đờn đau-đớn, của Nam-Thảo, *Phạm-Quỳnh*, 23, 422-424.

3. Địa-cầu vạn-vật luận : Thực-vật, của cố Thịnh ; Đại-nam hình luật ý, của Camille Briffaut, *Phạm-Quỳnh*, 20, 149-151.
4. Địa-cầu vạn-vật luận : Nhân-loại thân-thề, của cố Thịnh ; Triết-học khoa, của cố chính Linh ; Đàn bà Tàu, của Nguyễn Khắc-Hiếu, *Phạm-Quỳnh*, 26, 195-197.
5. Giấc mộng con, của Nguyễn Khắc-Hiếu, *Phạm-Quỳnh*, 7, 23 25.
6. Giọt lệ thu, *Nguyễn-Tường-Phượng*, 133, 316-318
7. Hán Việt thành-ngữ, của Bửu-Cân, *Cầm-giang*, 190, 461-462.
8. Hát ả-đào, của Phạm Văn-Duyệt, (?), 48, 525.
9. Khởi tình, của Nguyễn Khắc-Hiếu, *Nguyễn Mạnh-Bông*, 17, 291-293.
10. Minh-giáo xích-độc, của một người Âu, *Tùng-Vân*, 61, 13-16.
11. Mối sầu trung, của Hoàng-Thăng, *Nguyễn Mạnh-Bông*, 18, 360 ; *Hữu-tử*, 18, 361-362 *Đàm xuyên*, 18, 371-373.
12. Một tấm lòng, của Đoàn Như Khuê, *Phạm-Quỳnh*, 2, 123-125.
13. Nam-phong tùng-thư, *N.P.*, 114, 199-200.
14. Ngọn đèn khuya, của Mân-châu, *Trịnh Đình-Rư*, 18, 363-364.
15. Nho giáo, của Trần-Trọng-Kim, *Thượng-chi*, 149, 307-310.
16. Phở thông độc-bản, của Nguyễn Văn-Ngọc, *Nguyễn Mạnh-Bông*, 17, 290-921.
17. Tản văn ông Khắc-Hiếu, *Nguyễn Văn-Ngọc*, 17, 288.
18. Thẩn tiền, của Nguyễn Khắc-Hiếu, *N.P.*, 29, 470.
19. Thơ nôm thích nghĩa, của Cát-thành, *Nguyễn Mạnh-Bông*, 22, 319-324
20. Truyện cổ nước Nam, *N.P.*, 179, 655-656.

VĂN-THỂ

Việc học, việc thi

1. Đại-học : Trường..., *Phạm-Quỳnh*, 3, 145-152.

2. Đại-học : Mừng các ông tân khoa trường..., *Phạm-Quỳnh*, 36,490-494 ter.
3. Đại-học : Một trường... Đông-phương, *Hạc-đỉnh d.*, 158, 1-4,
4. Đọc sách thế nào, *Thượng-chi*, 89, 371-375.
5. Học tiếng Pháp để làm gì : Mục-dịch..., *Dương Tự-Nguyên*, 19, 45-47.
6. Học của quốc-dân : Bàn về việc..., *Nguyễn-Tất*, 21, 197-201.
7. Học ở đời nay : Câu truyện..., *Tùng-Vân*, 97, 61-71.
8. Học ở nước ta : Một cái chương-trình cải cách sự..., *Thượng-chi*, 105, 315-320.
9. Học : Cùng ai trong ban Tây-học, *Nguyễn Trọng-Thuật*, 182,236-242.
10. Học : Đáp lại một cái nguyện-vọng..., *Nguyễn Trọng-Thuật*, 188, 223-227.
11. Học : Ba cái báu của kẻ sĩ ngày nay, *Nguyễn-Trọng-Thuật*, 186, 1-4.
12. Quốc-tử-giám làm học-xá, *N.P.*, 187, 201-202.
13. Học của người Việt-nam hiện nay : Chương-trình cầu..., *Đồ-nam*, 191, 524-529.
14. Học : Không khéo vẫn là cái. . . trong khuyên sáo. *Nguyễn Trọng-Thuật*, 192, 3-5.
15. Trí-thức tinh-thần : Cải-cách về. . ., *Phạm-Quỳnh*, 156, 435-438.
16. Trung-học : Lời thỉnh cầu về bậc. . ., *N.P.*, 130, 640-641.
17. Thi : Khảo-cứu về sự thi ta, *Tuhết-huy*, 23, 373-385.
18. Thi đình, *N.P.*, 23, 422.— Các ông nghề mới, 24, 511-512.
19. Thi hội về đời Lê, *Trần-Văn-Ngoạn*, 6, 397-398.
20. Thi hội sang năm, *N.P.*, 17, 310.
21. Thánh dụ bỏ khoa-cử ở Trung-kỳ 21-11-1918, *N.P.*, 18, 390.
22. Vụ chấm thi : Cảm tưởng về. . ., *Tùng-vân*. 96, 548-553.

Thơ

1. Thơ là gì, *Hồng-nhan* d., 48, 437-446.
2. Thơ : Giải thích về nghĩa bất học vô thuật, *Tùng-vân*, 192, 12-17.
3. Thơ mới với thơ cũ, *Nguyễn-Hữu-Tiến*, 193, 109-112.
4. Thơ nôm : Bàn về... , *Phạm-Quyên*, 5, 293-297.
5. Thơ đề hai bà Trưng : Cuộc thi... , *Hoàng Thúc-Hội*, 60, 495-498.
6. Thi-ca Việt-nam, *Phạm-Quyên*, 64, 75-100.
7. Thi-thoại : Nam-âm... , *Chương-dân*, 8, 80-82... Coi : MLTG.
8. Thi-văn khảo-luận : Nam-âm... , *Đông-châu*, 14, 85-89... Coi : MLGT.
9. Thi-văn tòng-thoại : Quốc-âm... , *Sở-cường*, 173, 597-608... Coi : MLTG.
10. Tò-quốc phong-thi, *Thiên-đình*, 142, 243-258... Coi : MLGT.

Ca-dao, ngôn-nữ

1. Ca-dao : Phê-bình văn-chương... , *Hoàng-Minh*, 184, 478-483.
2. Cách-ngôn : Thánh-hiền... , *Nguyễn Văn-Bân*, 50, 104-116... Coi : MLTG.
3. Hát : Xét tâm-lý người thôn-quê bằng những câu hát, *Hoàng Ngọc-Phách*, 88, 311-322.
4. Ngôn-ngữ : Nói có sách, *Thiên-đình*, 138, 210-231.
5. Ngôn-ngôn ở các nước, *Nguyễn-Trọng-Thuyết*, 116, 332-329.
6. Phong-dao và lịch-sử, *Đông-châu*, 77, 353-369.
7. Phong-dao : Một bài... về thề luân-lý, *Hải-hạc*, 196, 340-343.
8. Phương-ngôn : Mấy nghĩa nên bàn lại, *Phạm Huy-Hồ*, 43, 46-55.
9. Tục-ngữ ca-dao, *Phạm-Quyên*, 46, 253-272.
10. Tục-ngữ phương-ngôn : Điều tra về... , *KTTĐ*, 66, 438.
11. Tục-ngữ phú, *Phạm Như-Môn*, 127, 256-263... Coi : MLTG.
12. Việt-nam tò-quốc túy-ngôn, *Đông-châu* và *Đừ-nam*, 169, 130-136... Coi : MLTG.

Câu đối

12. Câu đối nôm : Khảo về các lối . . . , *Đông-châu*, 102, 31-42.
13. Câu đối chữ Hán : Khảo về . . . , *Đông-châu*, 129, 433-454D.

Diễn-thuyết

14. Bàn về diễn-thuyết, *Thượng-chi*, 45, 169-180.

Hát tuồng, chèo, ả-đào

15. Vấn chương trong lối ả-đào. *Phạm-Quỳnh*, 69, 171-188.
16. Về tuồng hát An-nam, *Đạm-phương*, 76, 303-307.
17. Về hát tuồng và hát chèo, *Nguyễn Thúc-Khiêm*, 144, 461-472.

Kịch

18. Khảo về diễn-kịch, *Thượng-chi*, 51, 179-189.

Tiểu-thuyết, truyện, hài-văn

19. Bàn về tiểu-thuyết, *Phạm-Quỳnh*, 43, 1-15.
20. Bàn về truyện cổ An-nam ta, *Đỗ Hào-Đình*, 46, 320-327.
21. — về cách hài-văn, *Tùng-vân*, 64, 280-285 ; 78, 467-476.
22. — về sự tiến-hóa của quốc-văn trong lối tiểu-thuyết, *Trúc-Hà*, 175, 116-134 ; 176, 228-248.
23. Thưởng kính-nghĩa nôm, *Tùng-vân*, 95, 438-454.

VĂN-CHƯƠNG, TÙY-BÚT

1. Bài hịch ông Lê-Duy-Mật, *Nguyễn Nhân-Hạp*, 92, 178-179.
2. Bài ký cái thuyền khắc bằng hạt quả, *Mân-Châu d.*, 21, 235-236.
3. Bài ký núi Cồ-Tịch, *Dương Mạnh-Huy*, 27, 269-270.

4. Bài ký về giáo-dục, *Đông-hồ*, 157, 571-582.
5. Bài minh mộ-chí ông Tô-Tự, *Tuyết-huy*, 20, 145-147,
6. Bài trâm « sọ », *Tuyết-huy d.*, 25, 75-76.
7. Bài tụng « Tây-hồ », *N P.*, 85, 69-72.
8. Bài tự đưa ông Lâu-đồ-nam đi chơi Hoài-nam, *Tuyết-huy d.*, 22, 333-336.
9. Bài tự tình với sông Hương, *Nguyễn Bá-Trác*, 2, 118.
10. Bài tựa sách quốc-túy, *Nguyễn Kỳ-Nam*, 12, 365-366.
11. Bài văn của ông Hàn-Dũ tế cháu, *Đông-châu d.*, 19, 38-39.
12. Bàn về nghĩa chữ « đại-nhân », *Nam-cổ*, 67, 49-50.
13. Bôn ba nhớ cảnh quê nhà, *Nội-nhân*, 29, 443-444.
14. Bông hoa đầu mùa, *Tuyết-mai*, 118, 523-537. — 125, 50-57.
15. Bông hoa đua nở, *Mộng-tuyết*, 146, 4-17.
16. Bông hoa cuối mùa, *Nguyễn-nữ Thanh-San*, 162, 434-449.
17. Bọm say, *Sinh-viên QTG.*, 26, 163.
18. Bức thư rơi, *Tương-phổ*, 139, 324-329.
19. Cách nói chuyện, *Phạm-Quỳnh*, 75, 177-192.
20. Cái đầu đón trên đời, *Hoàng Ngọc-Phách*, 26 157-158.
21. Cái sầu, *Chương-dân*, 12, 366-367.
22. Chữ « tài », *Nguyễn Khắc-Hiếu*, 3, 180-182.
23. Cảm-tình khi gặp xuân, *Mân-châu*, 20, 142-143.
24. Cảm xuân, *Đàm Xuyên*, 19, 75.
25. Cảnh học đường, ân giáo-dục, *Tuyết-mai*, 121, 260-264.
26. Cảnh nhá-nhem, *Một độc-giá*, 22, 332-333.
27. Câu chuyện nên ghi, *Nguyễn-khoa Diệu-nhơn*, 26, 160-161.
28. Câu chuyện văn-chương, *Bùi Đức Triệu*, 89, 415-417.
29. Câu chuyện rửa hờn, *Nguyệt-thành*, 38, 164-165.
30. Cờ-vấn (dịch), *Đông-châu*, 117, 477-481... Coi : MLTG.

31. Cờ-văn (dịch), *Tùng-Văn*, 170, 315-316... Coi : MLTG.
32. Chơi xuân cảm hoài, *Mân-châu*, 21, 252-233.
33. Đêm hè nhớ bạn, *Thịnh-châu*, 25, 70-71.
34. Đêm tháng sáu chơi hồ Hoàn-kiếm, *Hội-nhân*, 28, 355-357.
35. Đêm thất tịch, *Hội-nhân*, 26, 158-159.
36. Đêm thu đọc sách, *Châu-nguyên*, 26, 152-153.
37. Đoàn tọa vị thiết, *Nhàn-Văn-đình*, 151, 586-595.
38. Đồng tiền nói chuyện, *Điều-hoàng*, 19, 68-70.
39. Đức đủ thứ giai, *Phạm Xuân-Nùng*, 19, 223-224.
40. Giải thưởng Tự-lực văn-đoàn, *TLVD.*, 197, 415.
41. Giải và dịch lại câu sách Luận-ngữ cho báo Phong-hóa, *Nguyễn Trọng-Thuật*, 199, 13-16.
42. Giấc mộng sông Hương, *Phạm Văn-Liệu d.*, 42, 497-506.
43. Giọt lệ thu, *Tương-phổ*, 131, 13-18.
44. Ghi lời chị Nguyệt, *Mân-châu*, 14, 101-102.
45. Hai buổi chơi Hội chợ, *Nguyễn Mạnh-Bồng*, 18, 373-380.
46. Hào-kiệt-hàm dưỡng khác người thường, *Mân-châu*, 36, 545-547.
47. Hoài cảm, *Đông-hồ*, 189, 324-330. . . Coi : MLTG.
48. Hợp đàn, *Mân-châu*, 35, 455-456.
49. Hồn ai ? *Nguyễn Trọng-Thuật*, 181, 163-167.
50. Kiếp văn-tự, *Minh-Phượng*, 107, 29.
51. Khen, chê, *Nguyễn Khắc-Hanh*, 29, 441.
52. Khuyến người ta nên xem báo, *Nguyễn Hồng-Nguyên*, 11, 320-321.
53. Làm văn, *Phạm-Quỳnh*, 67, 18-20.
54. Lễ thanh-minh, *Phó Đức-Thành*, 26, 161-163.
55. Linh-phượng : tập lệ-ký của Lâm-Trác-chi, *Đông-hồ*, 128, 347-360.
56. Lòng bác-ái, *Thượng-chi d.*, 20, 148-149.
57. Lòng cảm-hoài của một người học trò Nam-Việt, *Trần Văn-Chi*, 30, 547-548.

58. Lòng mộ đạo, *Vũ Ngọc-Liễn*, 27, 274-276.
59. Lòng yêu nước, *Mân-châu*, 29, 441-442.
60. Lối danh lợi, *Ưng-trình*, 25, 71-72.
61. Lời mừng cuộc: toàn-thắng của Đông-minh, *Tuyết-huy*, 17, 298-300.
62. Lời Tô-Tần nói với Triệu-Huệ-Vương, *Mân-châu d.*, 17, 303.
63. Mấy câu nói nhỏ cùng khách chán đời, *Nguyễn Ngọc-Phách*, 28, 354-355.
64. Mấy câu trả lời bài lai-cáo, *Phạm-Quỳnh*, 35, 408B-408G.
65. Mối thương tâm của người bạn gái, *Tương-phổ*, 135, 426-435.
66. Một đêm đông của khách giang-hồ, *Lê-Hoè*, 33, 266-267.
67. Một giấc mộng, *Tương-phổ*, 133, 228-244D.
68. Mùa thu tiễn bạn, *Mân-châu*, 27, 270-274.
69. Mưa dầm, *Đàm-xuyên*, 12, 367-369.
70. Mừng hội hòa-bình, *Mân-châu*, 25, 73-75.
71. Mừng năm mới, *Vũ-Văn-Lễ*, 20, 142.
72. Mừng xuân, *Tuyết-huy*, 19, 76-77.
73. Mười ba năm, *Nữ-sinh Tri-đức học-xá*, 172, 516-518.
74. Ngày xuân đi chơi núi, *Đạm-phương*, 21, 234-235.
75. Ngắm cuộc đời, *Ngô-Vi-Lâm*, 15, 168-169.
76. Ngồi bút kiếm ăn. — Sắc nước hương trời, *Vương-Thục*, 20, 143-144.
77. Ngọn gió Hồ Gươm, *Nguyễn Bá-Trác*, 1, 51-52.
78. Nghe đàn, *Đàm-xuyên*, 4, 253-255.
79. Nhớ Hà-nội, *Hà Huy-Sấn*, 47, 415-421.
80. Ở đời lấy gì làm khuây, *Nguyễn Triệu-Luật*, 67, 51-56.
81. Ôi thiếu-niên, *Võ Đình-Chí*, 95, 469-472.
82. Phải trái ở đời, *Cự-hải*, 15, 167-168.
83. Phạm-Lãi ba lần thiên-ti đều thành-lành, *Đông-châu d.*, 115, 278-281.
84. Quang cảnh ngày hội mừng đình-chiến, *Nguyễn Hữu-Lãng*, 17, 300-301.

85. Sống chết, *Minh-phương*, 110, 355-356.
86. Sự nghèo, *Nguyễn Văn-Đản*, 31, 80.
87. Sự tin, *Hội-nhân*, 35, 456-458.
88. Tán dương quyển sách, *Hồng-nhân d.*, 183, 327-333.
89. Tán niên thuật lễ tân dân, *Mân-châu*, 32, 174-177.
90. Tết ở Huế, *Phó-Đức-Thành*, 20, 144-145.
91. Tiến thủ, *Mân-châu*, 31, 80-81.
92. Tính dễ tính khó, *Hoàng-Tích-Chu*, 31, 79.
93. Tính người hay cờ bạc, *Trịnh-Xuân-Nham*, 25, 72-73.
94. Tình cảnh buổi chiều, *Minh-phương*, 111, 495-497.
95. Tu thân dưỡng tâm.— Chó chể: hết chuyện, *Trịnh-Xuân-Nham*, 23, 412.
96. Tư-tướng một nhà gỗ đầu trẻ, *Nguyễn Thế-Đạt*, 26, 163-164.
97. Tự thuật cảnh Hương-giang buổi chiều, *Đạm-phương*, 13, 37-38.
98. Thấy người rồi tưởng đến ta, *Tây-hiên*, 22, 325-326.
99. Thế nào là hư-vấn, *T.D.N.* 65, 386-388.
100. Thi ra ông Tứ-Ly phù đạo Khổng, *Nguyễn Trọng-Thuật*, 201-202, 54-56.
101. Thiên-tắc bách thoại, của Da-đăng Hoàng chi, *Mân-châu d.*, 15, 163-65.
102. Thiếu-niên, *Hội-nhân*, 33, 264.
103. Thuốc đắng *Đàm-xuyên*, 15, 165-167.
104. Thương sen hồ Tây, *Đàm-xuyên*, 12, 369-370.
105. Trường giang lưu, *Nguyễn Lê-Bồng*, 9, 168-169.
106. Vấn có thực-tế thì nước mới hay, *Trần-Hữu-Khánh*, 60, 471-474.
107. Vấn cò đời Lê, *Dương-Xuyên-Hầu*, 113, 49... Coi : MLTG.
108. Vấn chỉ làng tôi, *Vũ-Ngọc-Liễn*, 26, 155-157.
109. Vấn chiến-quốc sách. *Đ.N.*, 153. 165-168... Coi : MLTG.

110. Văn chương *Mân-châu*, 30; 549-550.
111. Văn chương *Dương-Đình-Tây*, 102, 81-86.
112. Văn-chương, *Trúc-Hà*, 141, 127-132.
113. Văn-chương, *Lê-Tràng-Kiều*, 206, 150-152.
114. Văn đời Tần, *Đông-châu d.*, 174, 78-79.
115. Văn khóc cha, *Nguyễn-Phan-Lãng*, 18, 369-371.
116. Văn « tiêu khiển », văn « biện-thuyết », *Hoàng Tích-Chu*, 38, 161-162.
117. Văn thế nào là thoát ráo mà thiết-thực, *Nguyễn-Trọng-Thuật*, 198, 425-428.
118. Văn thi hội, *Dương-Thiều-Tường*, *Nguyễn Cao-Tiêu*, 24, 445-447...
Coi : MLTG.
119. Vật cũng có đoàn-thề sao ? *Song-cử*, 14, 100-101.
120. Viếng con gái từ, trần *Ng. K. C.*, 128, 343-344.
121. Xa nghe con cóc nó kêu, *Trần-Hiền*, 17, 301-303.
122. Xuân cảm, *Hội-nhân*, 32, 177-178.
123. Xử thế châm ngôn, *T.C.*, 87, 201-202 ; 88, 351-352.

VĂN-HỌC THẾ-GIỚI

1. Bàn về lịch-sử văn-minh Âu-châu, *Phạm-Quỳnh*, 21, 169-184 ; 26, 95-109
2. Các thời-kỳ lớn trong lịch-sử văn-minh thế-giới, *Hồng-nhân* bd., 49, 21-43.
3. Thế-giới tiến-bộ sử, *Hồng-nhân* bd., 51, 215-224... Coi : MLTG.
4. Văn-học Hy-lạp, *Mân-châu*, 4, 226-229... Coi : MLTG.
5. Làm người, của *Wilson*. *Thượng-chí d.*, 80, 85-98
6. Nghề diễn kịch ở nước Mi, *Hồng-nhân d.*, 77, 388-393.
7. Sự sinh-hoạt một trường Đại-học nước Mi, *Thượng-chí d.*, 113, 1-11

8. Văn-học nước Mi, *Thượng-chi* bd., 123, 439-444.
9. Văn minh nước Mi, *Thượng-chi* d., 123, 439-444.
10. Văn-minh nước Mi cùng văn-minh thế-giới, *Thượng-chi* d., 176, 213-221.
11. Lời cách-ngôn của vua Marc-Aurèle, *Hồng-nhân* d., 128, 317-327 ; 129, 425-432.
12. Một cái tiêu-thuyết rất ngắn của Garchine, *Hạc-đình* d., 168, 72-75.
13. Sự tiến-hóa của nước Nhật-bản, (?), 72. 535-538.
14. Văn-minh Nhật-bản, *Thượng-chi* bd., 120, 107-122.
15. Văn-minh nước Nhật, *Thượng-chi* bd., 178, 443-457b.

VĂN-HỌC PHÁP

1. Bài văn không đề-mục của P. Bourget, *Thượng-chi* d., 9, 171-172.
2. Bàn về bộ tiêu-thuyết «Vua bề» của E. M. Vogüe, *Phạm-Quỳnh*, 3, 159-167.
3. Bàn về quyền nhà văn-sĩ, của P. Mille, *Thượng-chi*, 92, 101-108.
4. Bàn về văn-minh học-thuật Pháp, *Phạm-Quỳnh*, 1, 9-18.
5. Bề lớn của Guyau, *Thượng-chi* d., 14, 106-111.
6. Bút sắt và b t lông của René Crayssac, *Thượng-chi* d., 78, 439-453.
7. Các nhà thi-sĩ, của Bossuet, *Nguyễn-Văn-Luận* d., 53, 439-442.
8. Công nước Pháp trong lịch-sử khoa-học, dịch Challaye, *Thượng-chi*, 52, 277-285.
9. Đông phương với Tây-phương của, René Gillouin, *Phạm-Quỳnh* d., 163 529a—529b.
10. Hai cái thái-cực, của Pascal, (?), 57, 235-237
11. Học là gì của Marcel, *Prévost*, *Hồng-nhân* d., 76, 276-279.
12. Hoa, của Maeterlinck, *Nguyễn-Văn-Đào*, 32, 178-180.
13. Hội Hàn-lâm của nước Pháp, *Phạm-Quỳnh*, 1, 55-58.

14. Lịch-sử nghề diễn kịch ở Pháp. Bàn về hí-kịch của ông Molière, *Thượng-chi* bd., 35, 377-395.
15. Lịch-sử và học-thuyết của Montesquieu, *T. C.* bd., 108, 113-122.
16. Lịch-sử và học-thuyết của Rousseau, *T. C.* bd., 104, 207-225... Coi: MLTG.
17. Lịch-sử và học-thuyết của Voltaire, *Thượng-Chi* bd., 114, 101-124 ; 115, 201-211.
18. Lối tả chân trong văn-chương : Bàn về nhà văn-sĩ Pháp Guy de Maupassant, *Thượng-chi* d., 21, 194-197.
19. Lược-khảo về văn-học sử nước Pháp, *Hồng-nhân* bd., 92, 124-131 ; 96, 557-567... Coi : MLTG.
20. Một bài kịch mới bằng chữ Pháp, *Thượng-chi*, 67, 14-18.
21. Một bộ tiểu-thuyết mới « Nghĩa cái chết » của P. Bowret, *Phạm-Quỳnh*, 1, 19-27.
22. Một bộ tiểu-thuyết Tây về phong-tục An-nam, của Jean Marquet, *T.C.*, 44, 101-104 ter.
23. Một nhà danh-sĩ nước Pháp : Ông Anatole France, *Nguyễn Mục-Tiên*, 89, 419-415.
24. Một nhà văn-hào nước Pháp : Anatole France, *Thượng-chi* bd., 161, 311-325b,
25. Nói về văn-minh, của Emile Sénart, *Hồng-nhân* d., 119, 93-95.
26. Nhi-nữ tạo anh-hùng : bà Warens với ông Rousseau, *Thiếu-sơn*, 144, 485-490.
27. Pháp-văn tiểu-thuyết bình-luận « Phục thù cho cha » của P. Bourget, *Phạm-Quỳnh*, 9, 139-154.
28. Pháp-văn tiểu-thuyết bình-luận « Lỡ độ đường » của P. Bourget, *Thượng-chi*, 25, 24-32ter.
29. Pháp-văn thi-thoại : Baudelaire tiên-sinh, *Phạm-Quỳnh*, 6, 367-371.

30. Sách « Bình-yên » của ông Dufresne, *Nguyễn Văn-Ngọc*, 17, 288-290.
31. Sự chết, của Maeterlinck, *Hồng-nhân d.*, 117, 484-485.
32. Sự học, của Renan, *Thượng-chi d.*, 21, 236-238.
33. Tình bè bạn, của Marquise de Lambert, *Thượng-chi d.* 41. 369-378.
34. Tư-tưởng của Charles Maurras, *N.P.*, 115, 218-220.
35. Tư-tưởng về thời-thế, *Hồng-nhân d.*, 120, 202-204.
36. Thế nào gọi là một nước, của Renan, *Thượng-chi d.*, 74, 93-106.
37. Trí khức-triết cùng trí tình-nhuệ, của Pascal, *T. C. d.*, 54, 523-526.
38. Văn-chương Pháp, *Phạm-Quỳnh*, 53, 379-398bis.
39. Về ông Henri Oger và công-cuộc khảo-cứu của ông, *N.P.*, 75, 264.

Coi thêm : Triết-học Tây-phương ; Chuyện dịch Pháp-văn . . .

VĂN-HỌC TRUNG-HOA

1. Bàn góp về thí-học người làm thơ, *Đông-châu dịch Hán-tự*, 121, 248-249.
2. Bàn về chữ danh, *Tùng-vân dịch « Bắc-sơn di-văn »*, 76, 285-293.
3. Bàn về học-thuật nước Tàu, *Nguyễn Bá-Trác*, 15, 129-141.
4. Các thi-nhân nước Tàu, *Hồng-nhân d.*, 73, 10-14.
5. Công lợi với học-thuật, dịch Hán-tự, *Đông-châu*, 107, 5-11.
6. Khảo về các lối-văn Tàu, *Đông-châu*, bd., 72, 480-484.. *Coi : MLTG.*
7. Khảo về Khuất-nguyên, *Đông-châu d.*, 119, 4-14
8. Khảo về nguyên-lưu chữ Tàu, *Đông-châu bd.*, 70, 299-304.
9. Khảo về sách Xuân-thu tả-truyện, *Nguyễn Trọng-Thuật*, 127, 225-234..
Coi : MLTG.
10. Lược thuật về mẹo văn Tàu, *Đông-châu bd.*, 71, 395-399.
11. Một bộ sách Tây khảo về văn-minh Tàu, của Legendre, *Hạc-dinh*, 154, 226-230.

12. Một bức « Vạn ngôn thư » của Vương An-Thạch, *Thuận-giang* d., 207. 176-182... Coi : MLTG.
13. Nho thuật và nho giáo ở nước Tàu, *Đông-châu* d., 120, 147-149.
14. Văn-hóa nước Tàu sau khi Âu-chiến, *Đông-châu* d., 120, 137-141.
15. Văn-hóa sử nước Tàu, *Đông-châu* d., 56, 128-133... Coi : MLTG.
16. Văn mới của người Tàu, *Nguyễn Tiến-Lãng*, 210, 318-323.
17. Xét nguồn gốc chữ Tàu lúc mới phát-âm ra làm sao, *Đông-châu* d., 55, 37-46.
18. Xét về nguyên-do sự hủy-báng, của Hàn-Dũ nhà Đường, *Hồng-nhân* d., 88, 308-310.

Coi thêm : Triết-học Đông-phương ; Chuyện dịch Trung-hoa ...

XIII.— LỊCH - SỬ

TỔNG - QUÁT

1. Bài học của lịch-sử, *Thượng-chi*, 145, 535-537.
2. Hồn nước, *Nhàn Vân-Đình*, 173, 608-615.
3. Khảo về cổ rễ dân An-nam, *Thượng-chi* d., 84, 480-489.
4. Khảo về lịch-sử xứ Trung-kỳ, *An-khê*, 99, 231-242.
5. Khảo về sách « Đại-Việt sử-lược » của Lê-Văn-Hưu (?), *Đông-châu*, 83, 83, 388-395.
6. Lịch-sử dân-tộc ta khai-thác về cõi Nam, *Nguyễn Bá-Trác*, *Tùng-vân* d., 65, 339-352.
7. Một bộ sách có giá-trị cho quốc-sử : sách « Việt-nam cận-cồ-sử » của ông giáo Maybon, *T.C*, 52, 293-296 ; 54, 485-494.
8. Một quyển gia-phả có giá-trị : Thế-đức-đường ký, *Nguyễn Trọng-Thuật*, 101, 449-454... Coi : MLTG.

9. Nam-sử liệt-truyện khảo-cứu, *Lê Thúc-Thống*, 100, 329-340... Coi : MLTG
10. Nam-sử tạp-biên, *Phục-ba*, 147, 168-173.
11. Nên biết quốc-sử, *Võ Thanh-Tân*, 27, 261-264.
12. Nước Nam đời xưa, *T. C.*, 45, 182-188.
13. Nước Nam về đời nội-thuộc nhà Đông-Hán, *Phục-ba*, 162, 449-453.
14. Phép làm sử và sử Việt-nam, *Thượng-chi d.*, 130, 531-548.
15. So-sánh địa-mạch và nhân-vật nước ta với nước Tàu, *Đông-châu*, 28, 331-339.
16. Sử-học chuyên luận, *Phạm-Quỳnh*, 4, 223-225... Coi : MLTG.
17. Sử-liệu nước nhà X.X., 189, 312-314. *Tiếng-Dân*, 189, 314-314a.
18. Sử-luận, dịch Đái-cát-phu, *Phạm-Quỳnh d.*, 2, 93-96.
19. Việt-nam phong-sử, *Nguyễn Văn-Mai*, *Đông-châu*, 41, 415-425.
20. Việt-sử khảo, *Tuyết-huy*, 15, 142-150.
21. Việt-sử luận, *Tuyết-huy*, 22, 300-303... Coi : MLTG.
22. Vũ-trung tùy-bút, *Phạm-Hồ*, *Đông-châu d.*, 121, 236-244... Coi : MLTG.

NHÂN-VẬT LỊCH-SỬ

1. Bá-đa-lộc : Mộ ông... hiện nay ở đâu ? *Vương Gia-Bật*, 92, 157-160.
2. Bách-đa-lộc : Coi : *Gia-long*, *Nguyễn Phúc-Cảnh*.
3. Bảng quốc-công : Lịch-sử..., *Sở-Cường*, 170, 248-265.
4. Dực-tôn : Coi : *Le Myre de Vilers*.
5. Gia-định tam hùng, *Đặng Xuân-Viện*, 165, 147-157.
6. *Gia-long* tế ông Bách-đa-lộc, *Phạm-Quỳnh*, 2, 116-117.
7. *Gia-long* : Một đoạn lịch-sử nước nhà, Đức Cao-hoàng và ông giám-mục Bá-đa-lộc, *Đỗ Đình-Nghiêm*, 79, 13-29.
8. *Gia-long* : Cảm tưởng sau khi đọc sách *Gia-long*, *Nguyễn Kỳ-Phùng*, 186, 39-43.

9. Hậu Lê chính-trị, *Thiện-dinh*, 168, 75-81.
10. Hoàng-tử (Nguyễn-Phúc) Cảnh tế ông Bách-đa-lộc, 3, 179-180.
11. Hồ Quí Ly : Họ nhà Hồ, *Thiện-dinh*, 151, 596-603.
12. Khúc-Thừa-Dụ, Khúc-Hiệu, Dương-Diên-Nghệ : Ba nhân-vật kiến lập trong lịch-sử nước ta, *Tùng-vân*, 204, 45-50.
13. Lạc-long-quân và bà Âu-cơ... : Câu chuyện phá nghi, *Chi-dinh*, 188, 258-260.
14. Le Myre de Vilers : Một cái thơ đáng đọc, ông... gửi cho đức Dục-tôn ngày 13-3-1882, *Thân Trọng-Huê*, 33, 187-206.
15. Lê-Lợi : Lịch-sử Chúa Lam-sơn, *Phục-ba* bd., 141, 103-117.
16. Lê-Trịnh : Vua Lê Chúa Trịnh, *Đặng Xuân-Viện*, 145, 548-560.
17. Lý Nhân-Tôn : Lịch-sử vua..., *Đặng Xuân-Viện*, 163, 564-569.
18. Mạc-thị sử : Hà-tiên..., *Đông-hồ*, 143, 322-343.
19. Nam-tiến của dân Việt-nam : Cuộc..., *Nguyễn Văn-Kiểm*, 169, 152-153.
20. Ngô-vương-Quyền, *Thiện-dinh*, 161, 346-350.
21. Nguyễn-Tràng-Tộ trên lịch-sử Việt-nam, *Nguyễn Trọng-Thuật*, 180, 1-11.
22. Nguyễn-triều trong thời-kỳ sơ-khởi, *Ngô Ngọc-Kha*, 184, 450-465.
23. Nguyễn-triều : Lịch-sử ngoại-giao của bản triều, *H.C.T.*, 209, 279-280.
24. Patenôtre : Điều-ước Bảo-hộ năm 1884, *Nguyễn Văn-Tường — Patenôtre*, 152, 5-10.
25. Tây-sa : Nước Pháp muốn đòi đảo Tây-sa cho dân Việt-nam ta, *N.P.*, 172, 554-557.
26. Tây-sơn : Lịch-sử đời Tây-sơn, *Đông-châu dịch Sở-cuồng*, 97, 11-28.—
Thiện-dinh, 135, 417-426.
27. Tuân lại nước Tàu đô-hộ nước ta xưa, *Thiện-dinh*, 165, 141-146.
28. Trần Hưng-đạo : Bài hịch của đức thánh Trần, năm 1285, 45, 180-182.
29. Trần Nguyên chiến-kỳ, *Thiện-dinh*, 167, 387-391.

30. Triều-đình Huế : Chuyện cũ về... , Nhân vật mới, nhân vật cũ, *Diệp Văn-Kỳ*, 188, 262-266.
31. Triệu-Ủy-Đà, *Đặng Xuân-Viện*, 160, 214-221.

ĐỊA CHÍ

1. Báo-thiên : Tháp chùa. . . , *Trần Văn-Ngoan*, 8, 105-106.
2. Cochinchine ở đâu mà ra, *N.P.* , 97, 101-102.
3. Chiêm-thành ngoại-sử, *Phục-ba*, 161, 326-340.— *H.T.C.* , 201-202, 56-60 ; 203, 25-27.
4. Đông-sơn hoà!-cổ, *Phục-ba*, 153, 147-153.
5. Hà-tiên Mạc-thị-sử, *Đông-hồ*, 107, 31-43.
6. Hòa-bình quan-lang sử-lược, *Quách-diệu*, 100, 355-363.
7. Kontum tỉnh-chí, *TX*, 191, 529-544. . . Coi : MLTG.
8. Nam-định địa-dư nhân-vật khảo, *Thiện-đình*, 164, 47-56.
9. Nam-kỳ địa-chí, *Thiện-đình*, 162, 453-462.
10. Quảng-ngãi tỉnh-chí, *Nguyễn-Bá-Trác*, 181, 168-180. . . Coi : MLTG.
11. Quảng-yên : Khảo về địa-dư và lịch-sử tỉnh. . . , *Đông-châu*, 84, 467-479.
12. Tam-Trung ở tỉnh Cao-bằng : Đền. . . , *Trần-Văn-Ngoan*, 7, 42-44.
13. Thanh-cầm : Miếu. . . , *Trần-Văn-Ngoan*, 12, 371.
14. Thành-nam : Bia núi. . . , *Trần Văn-Ngoan*, 8, 106-107.

LỊCH-SỬ THẾ-GIỚI

1. Á-châu cận-thế sử, *Đình-Linh-Uy*, 160, 266-274 ; 161, 356-363.
2. Ấn-Độ : Khảo về sử. . . , *Phục-ba* bd. , 169, 154-160.
3. Nhật-bản : Lịch-sử. . . , *Nguyễn-Văn-Hiếu*, 97, 29-61.
4. Nhật-bản : Lược-ký sử. . . , *Đông-châu* d., 135, 447-454... Coi : MLTG.

5. Trung-hoa : Bàn về lịch-sử nước Tàu, *Tùng-vân*, 80, 136-142... Cõi : MLTG.
6. Trung-hoa : Bàn về sự kiến-đô của nước Tàu, *Nguyễn Đôn-Phục*, 171, 377-393
7. Trung-hoa : Bốn tay hùng-biến đời Chiến-quốc, *Nguyễn Trọng-Thuật*, 114, 141-146.
8. Trung-hoa : Hai người nước Triệu đời Chiến-quốc, *Đ.N.*, 119, 31-36.
9. Trung-hoa : Lược-ký về lịch-sử nước Tàu, *Đông-châu d.*, 125, 22-29... Cõi : MLTG.
10. Trung-hoa : Mười năm dân-chủ ở nước Tàu, *Hạc-Đình d.*, 72, 503-512.
11. Trung-hoa : Nhân-vật trong lịch-sử Trung-hoa, *Tùng-vân*, 182, 243-251.

TIỂU-SỬ

1. Barrès (Maurice), *Phạm-Quỳnh*, 81, 177-188.
2. Berthelot, *Phạm-Quỳnh*, 5, 307-310... Cõi : MLTG.
3. Bùi Huy-Bích, *Mẽ-nhân*, 27, 246-250.
4. Cao-Bá-Quát, *Nguyễn Tường-Phượng*, 209, 259-266.
5. Cao-sĩ : các bậc cao-sĩ nước Nam ta, *Đông-châu*, 32, 150-154.
6. Cồ-kim đặt-sử, *Sở-cường*, 188, 227-241... Cõi : MLTG.
7. Công Chính, *Phục-ba*, 158, 16-22.
8. Curie, bà Marie... , *Chuyên-môn*, 48, 453-456.
9. Danh-nhân Hải-dương, *Đề-nam*, 151, 604-610... Cõi : MLTG.
10. Danh-nhân truyện-ký, *Đông-châu*, 22, 311-319... Cõi : MLTG.
11. Danh-nho nước ta, *Đông-châu d.*, 52, 307-311... Cõi : MLTG.
12. Danh-nho nước Tàu, *Tùng-vân*, 136, 27-30... Cõi : MLTG.
13. Danh-thần lục, *Đông-châu d.*, 31, 47-51... Cõi : MLTG.
14. Dương Khổng-Lộ, *Thiện-đình*, 141, 142-147.
15. Đoàn-bà Đông-phương, *Nguyễn Đôn-Phục*, 101, 435-444... Cõi : MLTG.

16. Đào-Uyên-Minh, *Nguyễn Hữu-Tiến*, 179 560-578.
17. Đặng Xuân Bảng tự Hi-long, *Đặng Nguyên-Khu*, 132, 135-145. . . **Coi : MLTG.**
18. Đỗ-Hữu-Vị, Pháp-Việt danh-nhân, *Ưng-Trình*, 19, 70.
19. Edison (Thomas), *Vũ-Công-Nghi* bd., 69, 220-227. . . **Coi : MLTG).**
20. Gandhi, *N.P.* , 100, 390-396.
21. Guynemer phi-tướng, *Phạm-Quỳnh* d., 18, 331-339.
22. Gương đẹp đàn-bà, *Tùng-vân*, 165, 157-164. . . **Coi : MLTG.**
23. Hoàng Thái-Xuyên, *N.P.* , 188, 292-294.
24. Hoàng-Sâm, *Trần-Văn-Ngoạn*, 10, 240-241.
25. Hương-hải thiều-sư, *Thiện-dinh*, 136, 31-37.
26. Không-phu-tử, *Trần Trọng-Kim*, 39, 242-254.
27. Không : Bốn nhân-vật... Từ-lộ, Nhan-tử, Từ-cống..., *Tùng-vân*, 186, 9-17.
28. Lãn-ông, *Nguyễn-Trọng-Thuật*, 69, 191-200 ; 70, 290-298.
29. Lavoisier, Pasteur, *Thượng-chi*, 24, 450-456.
30. Liệt nữ nước ta, *Hội-nhân* d. , 36, 502-506.
31. Liệt-nữ ngâm khúc, *Ưng-ân Nguyễn Văn-Trình*, 112, 586-598.
32. Liệt-phụ họ Đoàn, *Trần Văn-Ngoạn*, 6, 396-397.
33. Long Maurice toàn-quyền, *N.P.*, 67, 7-13.
34. Loti (Pierre), *Thượng-chi*, 72, 451-470.
35. Lương-Khải-Siêu *Tùng-vân*, 185, 549-555.
36. Mac Donald thủ-tướng nước Anh, *Hồng-nhân* d., 82, 309-313.
37. Mạc-gia tiều-sử, *Đặng Xuân-Viện*, 146, 39-44.
38. Nguyễn-Bá-Học, *Nguyễn Bá,Trác*, 50,168-171. — *Vũ-Đình-Phiêu*, 50, 171-172. — *Nguyễn Văn-Luận*, 51, 236-238. — *Đạm-phương* ng, 51, 238-239. — *Trần Ái-Liên*, 51, 240-242.
39. Nguyễn Công-Trứ *Liệt-truyện bản triều*, 93, 280-283.

40. Nguyễn Cư-Trình *N.P.*, 39, 239-241.
41. Nguyễn-D, *Nguyễn-Đức-Tánh*, 134, 319-328.
42. Nguyễn Đăng-Tuân thái-sư, *Chương-dân*, 19, 39-41.
43. Nguyễn Đình-Đắc, *Nguyễn Đức-Tánh*, 140, 40-50
44. Nguyễn Hữu-Cầu, *Thiện-đình*, 137, 129-132D.
45. Nguyễn-Tự tiên-sinh truyện, *Thiện-đình*, 122, 25-30.
46. Nguyễn Văn-Giai, *N.P.* (?), 12, 371-372.
47. Nguyễn văn-Siêu, *Phượng-đình*, (?), 134, 328-330.
48. Nguyễn-Xi, *Nguyễn-Đức-Tánh*, 140, 40-50.
49. Pasteur, *Thượng-chi d.*, 66, 419-432.
50. Peter (Saint), *Hải-khách*, 198, 429-432.
51. Phạm-Phú-Thứ, *Chương-dân*, 22, 303-306.
52. Phạm-Thế-Lịch tiên-sinh truyện, *Phục-ba*, 147, 113-123.
53. Phan-Chu-Trinh, *N.P.*, 103,200.
54. Tagore (Rabindranath), *Trương-Trúc-Đình*, 83, 396-405.
55. Tôn-cò lục, *Trần Văn-Ngoan (Tuyết-trang)*, 6, 393-395.
56. Tô-Đông-Pha, *Đông-châu d.*, 149, 344-357 ; 150, 462-477.
57. Tuy-lý-vương *Song-Mai*, 152, 31-36.
58. Tư-mã Quang, *Đông-châu d.*, 147, 173-184 ; 148, 236-250.
59. Thảo trạch anh hùng, *Lê-Dư*, 163, 530-537... Coi : MLTG.
60. Thanh-qạch tiên-sinh truyện, *Đặng Xuân-Viện*, 140, 31-39.
61. Thanh-hóa nhân-vật chí, *Nguyễn Quý-Toàn d.*, 77, 403-411... Coi : MLTG
62. Thúc-giạ, *Sông Hương*, 38, 162-164.
63. Trung-nghĩa : cái chết của người..., *Lê-Dư*, 168, 16-22.

Xem thêm : Lịch-sử

XIV.— DU-KÝ, DU-HÀNH

1. Ai-cấp, *Tân-đình*, 63, 216-220.

2. Ai-lao hành-trình, *Trần Quang-Huyến*, 57, 189-197.
3. Ai-lao : Du-lịch xứ Lào, *Phạm-Quỳnh*, 158, 5-15 ; 159, 105-113b.
4. Ân-tử : Hành trình chơi núi..., *Nguyễn Thế-Hữu*, 105, 325-334 ; 106, 443-453.
5. Âu-du tổng-thuật : Ngự-giá..., *N.P.*, 62, 144-148.
6. Ba-bề du-ký, *Hoàng Văn-Trung*, 55, 21-31.
7. Bànà du-ký, *Huỳnh Báo-Hoà*, 163, 522-559.
8. Bàn-thành và đền Hiền-trung : Bài ký chơi..., *Trần Quang-Hoàng*, 116, 381-385.
9. Bắc-du : Cùng các phái-viên Nam-kỳ, *T.C.*, 32, 125-128.
10. Bắc-ninh : Lời cảm-cự về mấy ngày chơi..., *Tùng-vân*, 100, 340-355.
11. Bắc-tuần : Hành-trình cuộc ngự-giá..., *Mi-Ngọc*, 190, 491-499.
12. Biền : Tết chơi..., *Trúc-Phong*, *Trí-đức Học-xá*, 207, 194-200.
13. Cao-bằng : Hành-trình mạn ngược, *Vũ Khắc-Tiếp*, 44, 136-142.
14. Cao-bằng : Chơi Lạng-sơn..., *Phạm-Quỳnh*, 96, 507-515.
15. Cồ-loa : Bài ký chơi..., *Tùng-vân*, 87, 203-216.
16. Dục-thúy : Ký núi..., *Đạm-trai*, 28, 352-354.
17. Đại-tây : Một mình giữa bề..., *Hồng-nhân d.*, 158, 64-67.
18. Hạ-long : Chơi vịnh..., *Đông-châu*, 82, 322-327.
19. Hà-tiên : Cảnh-vật..., *Nguyễn Văn-Kiểm*, 153, 168-176 ; 154, 250-257.
20. Hải-dương : ...cờ-tích miền đông-bắc tỉnh..., *Tùng-vân*, 102, 53-66.
21. Hải-nội—Sài-gòn : Lược ký đi đường bộ từ..., *N.X.H.*, 129, 459-468.
22. Hải-ninh : Du-lịch đất..., *Trần-Trọng-Kim*, 71, 383-394.
23. Hạng-mạn du-ký, *Tiêu-Đầu*, 29, 394-397.
24. Hạng-mạn du-ký, *Nguyễn Bá-Trác*, 38, 134-144... Coi : MLTG.
25. Hòa-lan du-ký, *Hồng-nhân d.*, 147, 103-112.
26. Hương-tích : Chảy chùa..., *Thượng-chi*, 23, 359-370 ; *Mai Đăng-Đệ*, 26, 133-136.

27. Hương-sơn du-ký, *Minh-phượng*, 109, 264-283.
28. Huế : Mười ngày ở..., *Phạm - Quỳnh*, 10, 198-222.
29. Huế : Các lăng-tăm ở Huế, *Nguyễn Đức-Tánh*, 141, 148-157.
30. Huế : Cuộc đi chơi..., *Phục-ba*, 157, 586-589.
31. Huế : Lại tới thần-kinh, *Nguyễn Tiên-Lãng*, 200, 79-83 ; 204, 56-58.
32. Kinh-dương-vương : Chùa Bút tháp lăng... *Đồ-nam*, 197, 383-389.
33. Khổng : Thăm miếu ông. . . , *Thượng-chi d.* , 83, 356-368.
34. Lý-bát-đế : Đi xem đền. . . , *Phạm-Văn-Thư*, 91, 37-39.
35. Nam-kỳ : Một tháng ở. . . , *Phạm-Quỳnh*, 17, 268-285. . . Coi : MLTG.
36. Nam-tống du-đàm, *Trần-Thuyết-Minh*, 61, 29-35.
37. Nam tuần hành-trình ký, *Song-cử*, 182, 221-235 ; 183, 333-339.
38. Ninh-bình : Qua chơi mấy nơi cổ-tích đất. . . , *Đông-châu*, 94, 349-364.
39. Ninh-bình phong-vật chí, *Thiện-đình*, 163, 569-577.
40. Ngọc-tân ký, *Tùng-vân Trai*, 57, 212-215.
41. Ngũ-hành sơn, *Nguyễn Trọng-Thuật*, 184, 437-448 ; 185, 555-570.
42. Nghệ-tĩnh : Các nơi cổ-tích đất. . . *Nguyễn Đức-Tánh*, 135, 466-477. . .
Coi : MLTG.
43. Nhật-bản : Cảnh vật. . . , *Trọng-Toàn d.* , 155, 351-359.
44. Nhuệ : Cuộc chơi trên sông. . . , *Nguyễn Mạnh-Hồng*, 96, 554-556.—
Mai-khê, 101, 444-449.
45. Paris : Thuật chuyện du-lịch ở . . . , *Phạm-Quỳnh*, 64, 250-274.
46. Pháp : Học-sinh Au-nam ở bên. . . , *Thôn-Đảo*, 112, 631-635.
47. Pháp : Trên đường Nam-Pháp, *Tùng-Hương và Trọng-Toàn*, 176, 257-269.
48. Pháp-du hành-trình nhật-ký, *Phạm-Quỳnh*, 58, 253-261... Coi : MLTG.
49. Phú-quốc : Thăm đảo. . . *Đông-hồ*, 124, 531-550.
50. Phú-quốc : Chơi. . . *Mộng-tuyệt*, 198, 440-443 ; 199, 22-24.

51. Quảng-xương danh-thắng, *Thiện-Đình*, 157, 583-585.
 52. Quảng-yên du-ký, *Nhân Văn-Đình*, 168, 81-91.
 53. Sài-sơn : Cuộc đi chơi... , *Tùng-vân*, 93, 237-253.
 54. Sĩ-vương : Thăm lăng... *Nguyễn Trọng-Thuật*, 175, 109-113.
 55. Tàu : Du-lịch về phía nam nước... , *Tùng-vân d.*, 66, 459-470... Cõi :
MLTG.
 56. Tàu bay : Đi... , *Phan Tất-Tạo*, 22, 323-324.
 57. Tây-dô thắng-tích, *Thiện-đình*, 160, 222-225.
 58. Tiên-du : Cuộc đi chơi năm tầng núi, *Tùng-vân*, 91, 40-54.
 59. Túy-vân du-ký, *Nguyễn Bá-Kinh*, 62, 136-137.
 60. Tuyên-quang : Bài ký phong-thồ tỉnh... , *Nguyễn Văn-Bân*, 32, 143-150.
 61. Thái-nguyên : Định-hóa-châu du-ký, *Đặng-Xuân-Viện*, 145, 613-616.
 62. Thất-khê : Mấy ngày chơi... , *Nguyễn Thế-Xương*, 122, 381-392.
 63. Thầy : Bài ký chơi chùa Thầy, *Lê Đình-Thắng*, 48, 514-517.
 64. Thụy-Anh du-ký (Thái-bình), *Đặng-Xuân-Viện*, 164, 69-73.
 65. Thượng-cát : Cuộc đi quan-phòng làng... , *Tùng-vân*, 63, 182-192.
 66. Thượng-kinh ký-sự của cụ Lãn-ông, *Nguyễn Trọng-Thuật d.*, 77, 369-381... Cõi : MLTG.
 67. Trầm-sơn ký (Tứ-trầm-sơn, hay chùa Trầm), *Tùng-vân*, 59, 392-400.
 68. Vinh-Đông-hà : Đường xe lửa... , *N.P.*, 56, 93-100.
 69. Vinh-yên : Bài ký phong-thồ tỉnh... , *Nguyễn Văn-Bân*, 84, 506-509.
-

NAM - PHONG

PHỤ-TRƯỞNG PHÁP-NGŨ

(SUPPLÉMENT EN FRANÇAIS)

MỤC-LỤC THEO TÁC-GIẢ VÀ VÔ-DANH

(TABLE ALPHABÉTIQUE DES AUTEURS ET ANONYMES)

A

- 1 A.T., Patriotisme et éducation, XXXIII, 189, 29-30.
- 2 AEGERTER (Emmanuel), La philosophie de Clémenceau, XXVI, 147, 13-15
- 3 ANONYME, Oeuvre des Ấu-trĩ-viên au Tonkin fondée par l' Association «Khai-trĩ Tiển-đức». Règlement, XI, 62, 61-63.
- 4 — Notice sur l'oeuvre des «Ấu-trĩ-viên» au Tonkin (Jardins d'enfants) fondée par l' Association «Khai-trĩ Tiển-đức»; XI, 63, 65-74.
- 5 — L' Orient et l' Occident, Đông-phương với Tây-phương (Nói về vấn-đề học tiếng), XII, 68, 24-34.
- 6 — L' Âme française, Hồn nước Pháp (*Le Temps*), XIII, 76, 351.
- 7 — Réception de M. Le Gouverneur Général Merlin à l' AFIMA, Cuộc nghênh tiếp quan Toàn-quyền Merlin ở Hội Khai-trĩ' XIV, 80, 24-34.
- 8 — Les humanités, Nói về học cồ-điền, XVII, 97, 11.
- 9 — L'art chinois moderne (De la revue «*La Politique de Pékin*»), XVIII, 103, 24-25.
- 10 — Le conflit des races, XVIII, 106, 63-64.
- 11 — Qu' est-ce que l' esprit scientifique ? XIX, 109, 31-32.

- 12 ANONYME La Chine et l' Europe, XX, 114, 21-23.
- 13 — L'organisation d'un voyage d'affaires en Extrême-Orient, XXI, 120, 20-21.
- 14 — Comment l'on vit en Russie soviétique, XXII, 125, 3-4.
- 15 — Les découvertes préhistoriques au Tonkin (*Le Temps*), XXIII, 133, 28-30.
- 16 — Histoire et organisation administrative de l' Indochine (*Revue Inter-Océan*), XXIV, 137, 7-11.
- 17 — La Chine nouvelle : A propos du livre de Cheng Tch'eng : Ma Mère (Préface de Paul Valéry, Paris et Neuchatel, Victor Attinger), XXIV, 137, 11-14.
- 18 — La femme chinoise, Deux projets de Mme Soumé Cheng, XXIV, 138, 15-17.
- 19 — Nationalisme indochinois (*Revue du Pacifique*), XXVI, 149, 25-29 ; XXVI, 150, 33-37.
- 20 — Mahatma Gandhi, XXVII, 153, 15-16.
- 21 — Réception de M. Paul Reynaud à l' AFIMA. Discours du Président de l' Association, XXIX, 167, 49-50.
- 22 — La question des alcools au Grand Conseil (De la *Revue «Indochine»* à Saigon), XXX, 168, 13-14.
- 23 — Doléances présentées par la colonie annamite à Vientiane à son Excellence le Ministre des Colonies lors de son voyage au Laos, en Nov. 1931, XXX, 169, 18-22.
- 24 — Un Hindou soutient une thèse à la Faculté des Sciences, XXX, 173, 70.
- 25 — Le préjugé de race, XXX, 173, 72.
- 26 — Finances indochinoises (*Le Temps*), XXXI, 177, 36-28.
- 27 — La réforme de l' enseignement en Annam, XXXI, 178, 46-48.

- 28 — Le Japon s'explique (Le livre blanc publié par le Japon sur les Affaires Chinoises et Mandchoues), XXXI, 178, 41-45.
- 29 — Machinisme et Civilisation, XXXI, 178, 51-52.
- 30 — La Cérémonie du Nam-Giao (*Correspondance ARIP*), XXXII, 182, 21-25.
- 31 — Hué et ses chansons (*Tribune indochinoise*), XXXII, 182, 25-26.
- 32 — Au Siam (Immigration chinoise. Les écoles chinoises du Siam protestent contre l'enseignement de la langue siamoise. Résultat de la réglementation sur l'enseignement primaire), XXXII, 184, 50.
- 33 — Du Laos au Cambodge, XXXIII, 186, 9-11.
- 34 — L'ouverture de la session du Conseil Colonial, XXXIII, 188, 25-27.
- 35 — Son Excellence Hoàng-Cao-Khải (*Avenir du Tonkin*), XXXIII, 188, 27-28.
- 36 — Les obsèques de S.E. Hoàng-Cao-Khải (*Volonté indochinoise*), XXXIII, 189, 30-33.
- 37 — Le voyage de S.M. Bảo-Đại au Tonkin (Du journal *La Patrie Annamite*), XXXIII, 190, 37-38.
- 38 — M. Albert Sarraut et S.M. Bảo-Đại, XXXIII, 190, 43-46.
- 39 — La philosophie chinoise (*Le Mois*), XXXIV, 192, 1-8.
- 40 — Le préjugé des nombres fatidiques, XXXIV, 193, 9-14.
- 41 — La prise de contact de M. le Gouverneur Général Robin avec le Gouvernement Annamite, XXXIV, 201-202, 24-26
- 42 ARCHIMBAUD (Léon), M. Alexandre Varenne devant les problèmes indochinois, XVII, 101, 57-64.
- 43 — Un bel exemple de relèvement national : la modernisation du royaume de Siam, XXVI, 146, 6-8.
- 44 AUBAC (Stéphane), Les impressions d'un Polonais sur Paris et la France, XXI, 123, 55-58.

B

- 45 BABUT (A E.), À propos de Phan-Châu-Trinh, XIX, 109, 26.
- 46 — H. Varenne et les Annamites, XIX, 110, 33-39.
- 47 — Resterons-nous toujours en Indochine ?, XXI, 121, 30-32.
- 48 BAINVILLE (Jacques), Le français tel qu'on l'écrit, XIX, 108, 18-20.
- 49 BẢO-ĐẠI, Proclamation de S.M. l'Empereur d'Annam à son peuple (Ordonnance royale du 10-9-1932), XXXI, 176, 23-26.
- 50 — La réforme de l'enseignement en Annam, XXXI, 178, 46-48.
- 51 BARRÈS (Maurice), La vie exemplaire de Paul Bourget, XIV, 80, 35-36
- 52 — Le Problème de l'Enseignement, Văn-đề giáo-dục, XVI, 91.
- 53 BARTHOUSSE (Louis), Pierre Loti : Sa vie et son oeuvre, XIV, 84, 78-80.
- 54 BÉNÈS (Edouard), La France et la nouvelle Europe, XXXI, 179, 55-62.
- 55 BÉRAUD (Henri), Le transfert des cendres de Jaurès au Panthéon, XV, 90, 69-70.
- 56 BERGSON (Henri), L'enseignement français, XV, 85, 12-13.
- 57 BIDOU (Henry), La main du poète, XXVII, 154, 22-24.
- 58 — Une cour d'amour au Laos, XXXII, 185, 57-58.
- 59 — Le linceul vert, XXXIII, 186, 12-14.
- 60 BLANGUERNON, Le Centenaire de Pasteur, Lễ Bách-niên kỷ-niệm ông Pasteur, XI, 66, 140-144.
- 61 BOSSIÈRE (Claude-Georges), La contribution française au développement des applications de la science depuis cinquante ans, XXVIII, 158, 6-8.
- 62 BONNAFONT (Louis), Les riz verts, XV, 87, 32-33.
- 63 BONNARD (Abel), Un poème chinois : Chant des sentiments d'autrefois, XVIII, 103, 25-26.
- 64 — Les humanités gréco-latines, XXII, 126, 15-18.
- 65 BOULENGER (Jacques), Paul Valéry et l'histoire, XXX, 170, 36-38.

- 66 — La grammaire de l' Académie, XXXI, 175, 18-20.
67 BOULENGER (Marcel), Faire la conversation, XV, 89, 58-59.
68 — Qu' est-ce qu' un journaliste ?, XXVI, 147, 15-16.
69 BOUQUET (Henri), La cuisine et la santé, XXXIII, 189, 34-36.
70 BOURGEOIS (Léon), La So iété des Nations et la paix, XV, 87, 30-31.
71 BOURGET (Paul), La leçon de Barrès, XIV, 81, 44-48.
72 — Le Service des Lettres, XV, 86, 17.
73 BOURRIN (Claude), L' évolution du théâtre annamite, XXIV, 139, 21-23.
74 BRÉMOND (Henri), La poésie pure, XVII, 104, 64-68.
75 BRUCE (J. Percy), Les récents mouvements religieux en Chine, (Le Confucianisme, Le Bouddhisme, Le Christianisme, Le Taoïsme et L' Éclectisme), XXI, 119, 7-9.

C

- 76 CASSIUS, Sur la décadence du style, XX, 114, 23-24.
77 — Quelques notions sur l' histoire de la Chine, XX, 117, 51-62.
78 — Les religions en Chine (Religion des Lettrés, des Taoïstes, de Fo c' est-à-dire Bouddha, le Christianisme), XXI, 119, 1-4.
79 CAZES (Jean), La route mandarine (*L'Opinion de Saigon*), XIX, 110, 43-46.
80 CHALLAYE (Félicien), L' énigme de la Chine actuelle, XXI, 120, 11-19 ; XXI, 121, 23-29.
81 CHAMPLY (Henry), Lettre de Chine : Un dîner chez le «petit maréchal», XXXI, 177, 35-36.
82 CHATEL (Yves), Introduction de Phạm Quỳnh à l' occasion de sa conférence sur « L' Evolution intellectuelle et morale des Annamites depuis l' établissement français », Lời giới thiệu (Ông Phạm-Quỳnh...) XI, 65, 125-128.

- 83 CLAUDEL (Paul), Un coup d'oeil sur l'âme japonaise, *Khái-luận về tâm-lý của người Nhật-bản*, XIV, 80, 19-23.— XIV, 81, 37-44.— XIV, 82, 49-56.
- 84 CLÉMENCEAU (Georges), Le penseur, *Nhà tư-tưởng*. XIII, 76, 352.
- 85 COCHIN (Henry), Ce que disaient d'eux-mêmes les Français du 14^e siècle, XX, 113, 3-5.
- 86 CORMERAIS (P. Marcel), La Mecque chinoise, XXI, 119, 5-7.
- 87 COUCHOUD (Paul-Louis), Les appels de l' Orient, *Tiếng gọi của Đông-phương (Les deux moitiés de l'humanité doivent se pénétrer et se compléter. Hai nửa nhân-loại nên phải hiểu nhau và bổ-túc cho nhau)*, XVII, 99, 37-44.
- 88 COURTOIS-SUFFIT (Maurice), Le théâtre au Japon, XVIII, 105, 46-50
- 89 CRAYSSAC (René), Un sonnet sur le Kim Vân Kiều : Kim et Kiều, XIII, 77, 100.
- 90 — Les morts dans la Cité jaune, XIX, 112, 53-56.
- 91 — Du patriarcat à l' individualisme, XXX, 168, 1-3.
- 92 CRU (Robert L.), Les Français vus par un Américain, XIX, 112, 60-62.
- 93 — Une réfutation du socialisme par M. Wells, XX, 113, 1-3.
- 94 — Gandhi et la question des « Intouchables », XXXIII, 186, 6-9.

D

- 95 D. H. , *Coopération*, XVIII, 106, 59-61.
- 96 DANDOLO (Marc), Au salon d' Art Annamite, *Xem cuộc đấu xảo Mi-thuật An-nam*, XIII, 77, 93-100.
- 97 DANLOR (Jacques), L' étape, XXII, 129, 37-40.
- 98 DANYSZ (Stéphane), Un poète de la conscience nationale polonaise : Jules Slowacki (1809-1849), XXI, 124, 62-64.
- 99 DẠ-THÀNH, *Progrès et Tradition*, XXXV, 204, 32-37.
- 100 — *Esquisse d' un idéal : L'Homme cultivé*, XXXV, 207, 108-112.

- 101 DAUDET (Léon), L' humanisme et les Lettres contemporaines, XXII, 125, 9-10.
- 102 DEBLUT (Antoinette), Le Français tel qu' on le comprend en Bavière, XXV, 142, 23-24.
- 103 DELACROIX (Henri), Qu' est-ce que l' Art ?, XX, 117, 63-64.
- 104 DELONCLE (Pierre), Le port d' escale, de transit et de défense de l' Indochine, XXXII, 180, 5-8.
- 105 DORGELES (Roland). Littérature et journalisme, XVI, 91, 9-11.
- 106 — Une appréciation sur les Annamites, Môt lời phê-bình về người An-nam, XVII, 97, 12-14
- 107 DOUMIC (René), Les Prix littéraires de l' Académie française, XXXII, 181, 11-20.
- 108 DUBOSCQ (André), Le problème du Pacifique : Les origines, Éléments actifs, La donnée de «l' Ours», La donnée de «la Baleine», XX, 115, 25-38.
- 109 — La zone des typhons, À la recherche d' une solution, Théorie d' une solution amiable, XX, 116, 39-45.
- 110 — L' hégémonie de l' esprit européen, XXII, 130, 41-44.
- 111 DUCLOS-SALESSES (Jeanne), Pèlerins, XX, 116, 45-48.
- 112 DU-HOÇ, Ce qui a été fait pour les Indochinois en France : Une visite au «S.A.M.I», XXXIV, 195, 35-38.
- 113 — Couleurs et Inclinations, XXXIV, 197, 73-75.

Đ

- 114 ĐẶNG-ĐÌNH-PHÚC, Contes et Légendes du pays d' Annam, Truyện cổ-tích nước Nam.— Légende du « Đền Chanh », Chuyện Đền Chanh, XII, 49, 94-57.

- 115 — Lieux historiques de la province de Hải-dương, Các nơi danh thắng tỉnh Hải-dương : I— Yên-tử, XII, 71, 85-91.— Le temple de Kiếp-Bạc, Đền Kiếp-bạc, XIII, 73, 11-16.

E

- 116 EYDOUX, Une rénovation de l'art annamite (Nam-Son, Lê-Phò, Georges Khánh, Vũ-Cao-Đàm. . .), XXXI, 174, 10.

F

- 117 FERRERO (Guglielmo), Le gouvernement et l'opinion, XIX, 108, 16-18.
118 — La Chine et l'Europe, XXI, 123, 49-52.
119 FEYSSAL (De), Du nouveau régime de la propriété foncière, XXV, 141, 13-16.
120 FONTAINE (A.R). Comment nous garderons l'Indochine, XXI, 123, 52-54.
121 FONTANIER (Henri), Les origines de la civilisation chinoise, XIX, 111, 47-49.
122 FOURNIER-VAILLY (Ch.), L'oeuvre de Jean Dupuis, XXV, 141, 9-12.
123 FRANCE (Anatole), L' Histoire, Sù-học, XVI, 95, 55-60.
124 — Pensées sur l' amour, Tư-tưởng về ái tình, XVI, 96, 70-72.

G

- 125 G.J., L'enseignement des langues et littératures indigènes dans les écoles indigènes des colonies, XX, 118, 65-71.
126 G.M., Considérations sur l' Art Annamite, XV, 89, 60.

- 127 GASC (Marie-Louise), *Au pays Rhadé*, XXXV, 205, 48-51.
- 128 GASPARDONE (E.), *La Chine*. XXXII, 184, 41-49.
- 129 GÉRAUD (André), *La crise en Indochine*, XXX, 169, 22-26.
- 130 GRAFFEUIL, *Eloge funèbre prononcé par M. le Secrétaire Général Graffeuil*, XXXIII, 191, 47-52.
- 131 GRANTHAM (A.L.), *L'art chinois: Wang Wei (Vương-Duy) en tant que paysagiste*, XXII, 126, 19-22.— XXII, 127, 26-28.— XXII, 128, 29-34
- 132 GRONDIJS (L.H.), *Une conversation avec l'ancien empereur de Chine*, XXXII, 181, 9-10.
- 133 GROUSSET (René), *La nation Annamite, Quốc-dân An-nam (Mấy điều đại-cương về lịch-sử An-nam (Le Temps), Thiên-chức về lịch-sử của Pháp ở An-nam)*, XIV, 84, 71-78.
- 134 — *La leçon de l'esthétique indienne: Les fresques d'Ajanta*, XXII, 125, 10-12.
- 135 GRUMBACH (R.), *Jean Dupuis: l'explorateur du Tonkin*, XXXI, 177, 38.
- 136 GUÉBRIANT (Mgr de), *L'évolution de la nation chinoise: Impressions*, XXIII, 133, 23-27.
- 137 GUERRY (E.), *L'évolution du droit annamite*, XXIII, 131, 5-7.
- 138 GUY (Camille), *M. Albert Sarraut, Ông Albert Sarraut*, XIV, 83, 59-70.

H

HÁN-THU, voir: NGUYỄN TIẾN-LĂNG.

- 139 HARAUCOURT (Ed.), *L'art aux colonies, Mĩ-thuật ở thuộc-địa*, XIV, 79, 5-10.
- 140 HERBINET (Charles), *L'Indochine française dans le roman contemporain*, XXIV, 138, 17-19.
- 141 — *Une étude historique et actuelle des finances d'Annam*, XXVI, 148, 22-24.

- 142 HERMANT (Max), *Causes morales de la crise*, XXXII, 180, 3-4.
143 HERRIOT (E. Jouard), *Enseignement et Démocratie*, XIV, 84, 80-81.
144 HIROSHI YOKOYO, *L'assimilation des idées étrangères par l'esprit japonais*, XXII, 130, 44-46.
145 HỒ ĐẮC THĂNG, *Pascal et Épictète, Le dessein de Pascal*, XXV, 140, 1-5.
146 HỒ KIM-BĂNG, *L'histoire en marche ou La guerre hors-la-loi*, XXX, 171, 44-46.
147 HOÀNG-VĂN-CƠ, *Le retour de Son Excellence le Võ-Hiến (Hoàng-Trọng-Phu)*, XXXV, 207, 106-107.
148 HOULLEVIGUE (L.), *L'Évolution de l'univers*, XX, 118, 72-74.
149 — *Qu'est-ce que la vie ?*, XXI, 124, 65-68
150 HƯƠNG-GIANG, *La formation du pays d'Annam*, XXIII, 131, 1-5.

J

- 151 JALOUX (Emond), *Destin de l'homme de lettres*, XXX, 171, 46-48.
152 — *La lecture*, XXXII, 185, 54-56-
153 JAURÈS (Jean), *Au clair de lune*, XV, 86, 15-17.

L

- 154 L., *De stèle en stèle (prose rythmée)*, XXXIV, 200, 25-26.
155 LANO (Yves), *À propos des Philippines*, XXXV, 206, 89-90.
156 LAUNAY (L. de), *La formation intellectuelle*, XXIV, 139, 24-26.
157 LAVELLE (Louis), *La morale et la religion selon M. Bergson*, XXXI, 174, 3-6.
158 — *L'origine du plaisir*, XXXII, 185, 51-54.
159 LAYS (René), *La politique de la Cour de Huế : Une importante interview de M. Phạm-Quỳnh*, XXXIII, 187, 15-20.

- 160 LAYS (René), *Le génie de la forêt*, XXXIV, 200, 27-28.
- 161 — *Actes de politique indigène de M. Robin en Indochine*, XXXIV, 201-202, 11-18.
- 162 LE BON (Gustave), *Les grands conflits psychologiques : Visions d'avenir*, XIX, 112, 57-60.
- 163 LÊ-ĐÌNH-NHO, *Le régime foncier en Indochine*, XXXIV, 194, 19-24.— XXXIV, 196, 51-58.— XXXIV, 197, 76-82.— XXXIV 199, 12-18.— XXXIV, 200, 29-34.
- 164 LE COMTE (Georges), *L'écrivain dans la société d'après-guerre*, XX, 113, 8-10.
- 165 LEFRANC (Jean), *La capitale de la Sagesse : La cité universitaire de Paris*, XXV, 140, 5-6.
- 166 LE MEUR (Jean), *Un instant du passé égyptien*, XXIII, 132, 21-22.
- 167 LEOPARDI, *Dialogue d'un marchand d'almanachs et d'un passant*, *Lời vấn-đáp một người bán lịch với một khách qua đường*, Victor Orban dịch Pháp văn, XIV, 79, 10-13.
- 168 LÊ-QUANG-TRÌNH (Dr), *La presse annamite : Un anniversaire*, XXII, 125, 13-14.
- 169 LÊ-TÀI-TRƯỜNG, *Autour d'une dispute (Trần Trọng-Kim et Phan-Khôi)*, XXVII, 155, 28-29.
- 170 LÉVI (Sylvain), *L'Asie nouvelle, Đất Á-châu mới*, XVI, 91, 1-7.
- 171 — *L'Asie nouvelle : Deux personnalités, Deux oeuvres, Đất Á-châu mới : Hai nhân-vật, Hai sự nghiệp (Tagore, Chúa Maharadja Tchandra Chamcher Yang đất Népal)*, XVI, 93, 25-32.—XVI, 94, 39-46.— XVI, 95, 47-55.— XVI, 96, 63-69.
- 172 LIBER, *La route Hanoi-Saigon*, XIX, 109, 30-31.
- 173 LYAUTEY, *En Annam : La Cour de Huế (Tourane, lundi 31 Aout 1896; 1er Sept. 1896, soir de Tourane à Saion. Lettres du Tonkin et de Madagascar 1894-1899, Armand Colin)*, XXXI 177, 32-35.
- 174 — *Les « Intouchables »*, XXXIII, 186, 5-6.
- 175 LY SA, *Un lâcher de pigeons*, XV, 87, 33-34.

M

- 176 MAETERLINCK (Maurice), Les deux aspects de l'infini, Hai cái trạng-thái của thái-cực, XVII, 97, 7-9.
- 177 MÃKHALI-PHAL, Un poème de Mãkhali-Phal, poétesse franco-cambodgienne, XXXV, 208, 124-125.
- 178 MARCHAL (Paul), L'insecte et l'homme, XX, 113, 5-7.
- 179 MASSON (Georges-Armand), L'ironie d'Anatole France, XVI, 92, 23-24.
- 180 MASSON-OURSEL (Paul), Foi bouddhique et foi chrétienne, XXI, 119, 9-10.
- 181 MASSOUL (Henry), Le fascisme est-il un " article d'exportation " ?, XXVIII, 161, 44-46.
- 182 MẶT GIANG. Molière et la Cité jaune, XXI, 123, 64-65.
- 183 MAUROIS (André), Art et Cinéma, XII, 125, 100.
- 184 MAURRAS (Charles), L'avenir de l'intelligence, Tiền đồ của bọn trí thức (nói về thân phận nhà văn), XIX, 112, 626,
- 185 — Le mystère de la mort, Lẽ huyền-bí về sự chết, XVII, 97, 9-10.
- 186 MAYBON (Albert), Le problème de la morale en Asie, XXI, 121, 32-34.
- 187 MAYBON (Abert) Le génie japonais, XXI, 124, 59-60.
- 188 — Le Bouddhisme japonais : Les sectes et leur activité présente, XXII, 130, 46-48.
- 189 MEILLET (A.), Les interférences entre vocabulaires, XVIII, 102, 10-12.
- 190 MERLIN, Discours de M. le Gouverneur Général Merlin à S. M. l'Empereur d'Annam le 14 Sept, 1923, Bài diễn-từ của quan toàn-quyền Merlin đọc khi yết-kiến Hoàng-thượng ngày 14-9-1923, XIII, 75, 54-55.

- 191 MARLIN Extraits du discours de M. le Gouverneur Général Merlin au Conseil du Gouvernement (7-12-1923), Trích-lục mấy đoạn trong bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền Merlin kỳ hội-đồng chính phủ, XIII, 77, 87-92.
- 192 — Discours de M. le Gouverneur Général, Bài diễn thuyết của quan Toàn quyền, XIV, 80, 28-34.
- 193 — Discours de M. le Gouverneur Général Merlin prononcé à l' AFIMA le dimanche 5-4-1925, Bài diễn thuyết của Toàn quyền Merlin ở tiệc trà hội Khai-trí ngày 5-4-1925, XVI, 92, 15-23.
- 194 MEYER (Georges), Léningrad 1931, XXX, 172, 56-59.
- 195 MEYNARD (Alfred), Une héroïne de l'esprit : Mme Alexandra David-Neel au Tibet, XVIII, 104, 36-38.
- 196 — Une opinion chinoise sur l'avenir de l'Extrême-Orient. XVIII, 106, 62-63.
- 197 — Comprendre la Chine : De la Chine moderne, XX, 114, 16-19.
- 198 — Sur la route de Hông-tích, XX, 177, 62-63,
- 199 MILLE (Pierre), Ce qui se passe en Russie, XXII, 125, 1-3.
- 200 — La collaboration franco-annamite, XXII, 129, 35-36.
- 201 — L' étape, XXII, 129, 37-38
- 202 — La Chersonèse d'or. « Ainsi notre départ serait pour l'Indochine, le pire des malheurs... », « pour que l'Indochine vive — je dois même écrire pour que vive l'Indochine — il faut que le pédoncule qui la rattache à l'Europe ne soit pas coupé », XXIX, 166, 35-37.
- 203 MONGUILLOT, Discours prononcé par M. le Résident Supérieur Monguillot à l'ouverture des travaux (Chambre consultative du Tonkin 18-10-1923), Bài diễn-thuyết của quan Thống-sứ Bắc-kỳ ở Tư-vấn nghị-viện, XIII, 76, 67-80
- 204 MONOD (G.- H.), Makhâli Paâl, poétesse cambodgienne, XXXV, 205, 52-54.

- 205 MONTÉGUT, Le privilège de la littérature française, *Cái đặc sắc của văn-chương Pháp*, XII, 70, 70-72.
- 206 MONTORGUELL (Georges), Un philanthrope français : M. Cognacq, Directeur de la Samaritaine, XXIII, 131, 8-10.
- 207 MORAND (Paul), Devoirs du Français à l' étranger, XXXIII, 186, 3-4.
- 208 MUSSET (Alfred), L' héroïsme maternel, *Mẹ hy sinh cho con*, XVI, 92, 32-34.

N

- 209 NAM-PHONG, Quelques livres nouveaux, XVII, 98, 25-28.
- 210 — Amours impériales : Le Mariage de S. M. Bảo-đại, XXXIV, 194, 15-16.
- 211 — Bulletin de la quinzaine (L' arrivée de M. Robin), XXXIV 198, 88.
- 212 — Relations franco-annamites : Un exemple et un symbole, XXXIV, 198, 89-90.
- 213 — Vox populi (confiance à M. Robin), XXXV, 203, 6-8.
- 214 — Bulletin de la quinzaine. La Renaissance de la confiance, XXXV, 206, 87-88.
- 215 — Une politique jeune, XXXV, 207, 91-96.
- 216 — Bulletin de la quinzaine : (Situation politique, sociale, et économique), XXXV, 207, 97-99.
- 217 — Bulletin de la quinzaine : (M. Marty au Laos.- M. Grandjean aux Affaires Politiques de l' Union), XXXV, 208, 121-123.
- 218 — Notre second numéro spécial, notre dernier numéro.
« Il y a quatre mois, nous prenions notre part à l' oeuvre commune de redressement général... », Cf. N^o du 1-15 Août.
« Le NAM-PHONG suspend sa publication pour des raisons d'ordre purement financier.

Le 1er juillet 1934, lorsque notre ami Hân-thu entreprit le rajeunissement de notre organe, la subvention gouvernementale dont nous bénéficions nous avait été déjà réitérée en raison des difficultés budgétaires.

Une revue littéraire vit de Mécènes. L'Indochine ne peut plus être notre Mécène. Nous avons essayé de voler de nos propres ailes». (p. 158)

- 219 — Paroles franches et idées-forces. Le discours du 4-12-1934 : Le sauvetage de l'agriculture, Politique de sollicitude, Primauté de l'Esprit (Signé : Nam-Phong), XXXV, 210, 163-165.
- 220 NER (Marcel), Une université orientale, XXVIII, 158, 1-3.
- 221 — Fustel de Coulanges et la politique coloniale, XXIX, 166, 32-35.
- 222 NEUMANN, La politique à Hué. Le sens de changement de ministère et de «Méthode» qui vient d'être tenté en Annam. Ni coup d'État, ni révolution, XXXIII, 188, 21-25.
- 223 NGUYỄN ĐÔNG-HÀ, Réflexions sur l'art d'écrire et la nouvelle littérature annamite. Suy nghĩ về phép làm văn và lối quốc văn mới, XII, 72, 103-109.
- 224 NGUYỄN MẠNH-TƯỜNG, Revue des revues. Versailles méditerranéen : Quelques pages de M. Nguyễn Mạnh-Trường, XXXIV, 198, 99-100.
- 225 NGUYỄN-NHO, Que devons-nous faire pour encourager les poètes et les artistes à cultiver le beau ?, XI, 61, 21-40 - XI, 62, 41-60.
- 226 — Opinions d'un jeune, Ý-kiến của một người thanh-niên, XII, 72, 93-102.- XIII, 73, 1-11.
- 267 NGUYỄN-TIẾN-LĂNG, HÂN-THU, Connaissance de la forêt : Voyage à Sơn-la et Lai-châu avec M. le Résident Supérieur Tholance,

XXXIV, 194, 17-18. — XXXIV, 195, 31-32. — XXXIV, 197, 70-72. — XXXIV, 201-202, 38-41. — XXXV, 203, 19-22. — XXXV, 206, 79-86.

- 228 — Regards sur l'Annam d'aujourd'hui : Les aspirations Annamites, XXXIV, 195, 25-30.
- 229 — Ombres sur la Rivière des Parfums, XXXIV, 195, 33-34.
- 230 — Regards sur l'Annam actuel. Un aspect de l'évolution sociale: L'Individu dans la Famille, XXXIV, 196, 39-50.
- 231 — Constructoin. À nos lecteurs. *Cette partie française du Nam-phong en est à son deuxième mois d'existence...* (À partir du 4^e ou 5^e mois), XXXIV, 197, 59-63.
- 232 — Le mandariyat de demain, XXXIV, 198, 83-87.
- 233 — Un divorce, XXXIV, 198, 91-95.
- 234 — La critique littéraire. Marius-Ary Leblond et Maurice Martin du Gard à Madagascar. — Alfred Silbert : Transafrrique, XXXIV, 198, 94-98.
- 235 — Sous le signe de l'union, XXXIV, 199, 1-4.
- 236 — Bulletin de la quinzaine (Association des Retour de France), XXXIV, 199, 5.
- 237 — Une vie nouvelle, (Mision de la jeunesse... Exemples des autres pays...), XXXIV, 200, 19-24. — XXXV, 203, 9-14. — XXXV, 204, 42-44. — XXVX, 205, 65-68.
- 238 — Les grands lignes de la politique indigène de M. Robin, XXXIV, 201-202, 2-10.
- 239 — M. Robin et les problèmes économiques de l'Indochine présente, XXXIV, 201-202, 19-25.
- 240 — À Huế, à la suite de M. Robin (L'inauguration de la Bibliothèque Bào-Đài), XXXIV, 201-202, 27-28.

- 241 — Le nouveau visage de Huế (Départ le 18-6-1934.— Entretiens avec M. Phạm-Quỳnh, XXXIV, 201-202, 30-34.— XXXV, 203, 15-18.— XXXV, 206, 73-76.— XXXV, 207, 113-114.— XXXV, 210, 166-170.
- 242 — Les deux serpents (Conte), XXXIV, 201-201, 42-43.
- 243 — Bulletin de la quinzaine (De stèle en stèle ou Sur le mandarinat), XXXIV, 201-202, 44.
- 244 — Indépendance et Domination, XXXV, 204, 28-31.
- 245 — Réforme morale, XXXV, 205, 45-47.
- 246 — Madame Marie-Louise Perreux, XXXV, 206, 77-78.
- 247 — Chez les Moïs de Cochinchine, XXXV, 207, 100-102.
- 248 — La nomination de M. Marty à la tête du Protectorat du Laos, XXXV, 207, 103-105.
- 249 — Continuité de vues, XXXV, 208, 115-120.
- 250 — Vieil et jeune Annam, XXXV, 208, 126-129.
- 251 — Tombeaux royaux (de Túr-Dũ l'Impératrice, femme de Thiệu-trị et mère de Tự-đức ; Son tombeau se trouve près de Gò-công, ceux de la famille de Phạm également. Cf. Nam-Phuong, originaire de Gò-công), XXXV, 209, 137-140.
- 252 — Huế mystique, Cérémonie du Nam-giao, XXXV, 209, 150-156
- 253 — Remerciements à : Eugène Pujarniscle, Ưng-Hoè, René Lays, Phạm-Xuân-Độ (Dạ-thành), Vũ-Văn-Hiền, Phan-Anh, Ngô-Ngọc-Kha, Cung-Giũ-Nguyễn, Lê-Tràng-Kiều... (Signé Hán-thu, N.T.L.)
- 254 — M. Robin et l'évolution de la Monarchie Annamite, XXXV, 210, 159-162.
- 255 NGUYỄN-VĂN-LIÊN, La langue annamite dans ses tendances actuelles, XXXV, 208, 130-136.

- 256 NGUYỄN-VĂN-THỌ (Nam-son); La peinture chinoise. Technique et symbolisme. Manière spéciale des Chinois d'interpréter la Nature, XXV, 144, 33-42.
- 257 NGUYỄN-VĂN-TỐ, L'individu dans la vieille cité annamite (La thèse de M. Nguyễn-Mạnh-Tường jugée par M. Nguyễn-Văn-To), XXXI, 178, 48-50.
- 258 NODIER, (Adèle Charles), Lettre de Gaston de Germancé à Edouard de Millanges; Thơ của Gaston de Germancé viết cho Edouard de Millanges, XXXII, 183, 40.

O

- 259 OKAKURO, La vie spirituelle de l'Asie, Sự sinh-hoạt về tinh-thần của Á-châu, XV, 85, 8-12.
- 260 ORMESSON (Wladimir d'), Hindenburg et Hitler, XXX, 172, 61-62.
- 261 OUTREY (Ernest), Le musée national de Bangkok, XXV, 140, 7-8.

P

- 262 P.A., Le Premier Souverain moderne de l'Annam. La journée de l'Empereur, XXX, 190, 38-40.
- 263 — Huế, centre de la politique franco-annamite. La nouvelle Cour, XXXII, 190, 41-42.
- 264 PASQUIER, Réception de la mission des étudiantes françaises à la Société des Amis du Vieux Hué, Hội Đô-thành Hiếu-cồ nghênh tiếp các cô nữ-học-sinh Pháp đi du-lịch ngày 5-12-1924, XV, 89, 49-57.

- 265 PASQUIER, La politique indigène en Indochine : Conférence de M. Pierre Pasquier, XXIII, 135, 39-46.—XXIV, 136, 1-5.
- 266 — Le visage de l'Indochine, XXIV, 136, 5-6.
- 267 — Allocution aux lauréats du concours triennal de Thanh hóa (15-8-1929 ?), XXV, 142, 21-22.
- 268 — Éducation et Politique (Extraits du discours de M. le Gouverneur Général Pasquier) XXVII, 155, 30-32.
- 269 — Retour de S.M. l'Empereur d'Annam. Discours prononcé par M. le Gouverneur Général Pasquier au Palais Thái-hòa le 10-9-1932, XXXI, 176, 26-28.
- 270 PASTEUR, (Paroles de Pasteur), Mấy lời nói của ông Pasteur, XII, 67, 18.
- 271 PHẠM-QUỲNH, La Poésie annamite, Việt-Nam Thi-ca, XI, 75-100.
- 272 — L'Évolution annamite et le rôle de l'A.F.I.M.A., XI, 65, 122-123.
- 273 — L'Évolution intellectuelle et morale des Annamites depuis l'établissement du Protectorat français, Sự tiến-hóa về đường t'nh-thần của người Việt-nam tự khi nước Pháp đặt Bảo-hộ, XI, 66, 129-139.— XII, 67, 1-17.
- 274 — L'évolution de la langue Annamite. Sự tiến-hóa của tiếng An-nam, XII, 69, 39-48.— XII, 70, 59-70.
- 275 — Un problème d'éducation des races. Một cái vấn-đề dân-tộc giáo dục Comment doit-être faite l'éducation des Annamites par la France ? Nước Pháp phải dạy người Việt-nam thế nào ?, XII, 71, 73-84.
- 276 — Une culture franco-annamite, XVII, 100, 54-56.
- 277 — Problème d'éducation et d'enseignement : Japon et Indochine, XVIII, 102, 1-9.
- 278 — Les aspirations des Annamites, XVIII, 103, 13-16.

- 279 PHẠM-QUỲNH, Mandarinat, XVIII. 103, 17-20.
- 280 — Un livre français : (En chine, par Abel Bonnard), XVIII, 104, 27-29.
- 281 — Phan-Chu-Trinh, XVIII, 104, 30-32.
- 282 — La politique de collaboration franco-annamite, Deux discours prononcés à la fête du 34^e anniversaire de la Société d'Enseignement Mutuel du Tonk'in le 24-4-24, XVIII, 105, 39-40.
- 283 — Malaise moral, XVIII, 106, 53-55.
- 284 — La nation annamite, XIX, 107, 1-4.
- 285 — La presse annamite, XIX, 107, 4-6.
- 286 — Influence française, XIX, 108, 7-12.
- 287 — Lettrés annamites, XIX, 109, 21-23.
- 288 — Politique et Administration, XIX, 109, 23-25.
- 289 — Un discours-programme, XIX, 109, 27-29.
- 290 — Une figure originale de philosophe chinois : Mạc-Địch, apôtre de la paix et de la fraternité, XXI, 122, 35-48.
- 291 — Les humanités sino-annamites, XXIII, 132, 11-21.
- 292 — Les conditions du rapprochement franco-annamite, XXV, 142, 17-19.
- 293 — Hommage à Mme Jeanne Duclos-Salesses, XXV, 142, 19-21.
- 294 — Orient et Occident, XXV, 143, 25-27.
- 295 — La leçon de l'histoire, XXV, 145, 43-45.
- 296 — Le poète de la Cité jaune, XXV, 145, 45-47.
- 297 — L'exemple du Japon, XXVI, 146, 1-3.
- 298 — Sur la Rivière des Parfums, XXVI, 146, 3-5.
- 299 — La culture française et la renaissance annamite, XXVI, 147, 9-11.
- 300 — Eloge du thé, XXVI, 147, 11-13.

- 301 PHẠM-QUỖNH, Réflexions sur Confucius et Confucéisme, XXVI, 148, 17-19.
- 302 — Boissière et les Annamites, XXVI, 148, 19-22.
- 303 — Psychologie du Tét, XXVI, 149, 30-32.
- 304 — Vers une Constitution, XXVI, 151, 39-46 : 1) Protectorat ou Administration directe. 2) Vers une constitution. 3) Education nationale.
- 305 — Une apologie du régime du protectorat, XXVII, 152, 1-3.
- 306 — Le poète K'i Yuan, XXVII, 152, 6-8.
- 307 — Une belle figure de mandarin : S.E. Phạm-Văn-Thọ, XXVII, 153, 9-11.
- 308 — À propos d'une conférence : L'Evolution intellectuelle et sociale des Annamites, XXVII, 153, 12-14.
- 309 — Anticipation : Ce que sera l'Annam dans cinquante ans, XXVII, 154, 18-19.
- 310 — Des clerics qui ne trahissaient point, XXVII, 154, 19-22.
- 311 — Foules d'Asie, XXVII, 155, 25-27.
- 312 — Conservation et Evolution, XXVII, 156, 33-35.
- 313 — Réforme intellectuelle et morale, XXVII, 156, 36-38.
- 314 — Interprétation du monde moderne. XXVII, 157, 41-44.
- 315 — La question linguistique, XXVIII, 158, 3-6.
- 316 — Impressions au Laos : Vientiane la poussiéreuse. Les Annamites au Laos. L'immigration annamite au Laos, XXVIII, 159, 9-20.
- 317 — Serai-je ministre ? Les conceptions politiques de M. Vinh. De quoi s'agit il ? Indochinois ou Annamite ? XXVIII, 160, 31-32.
- 318 — L'ordre nécessaire, XXVIII, 161, 33-35.
- 319 — Le discours de M. Pasquier au Conseil de Gouvernement, XXVIII, 161, 35-38.

- 320 PHẠM-QUỲNH, Fédéralisme indochinois et Nationalisme Annamite, XXVIII, 161, 38-40.
- 321 — En relisant le Capitaine Gosseelin, XXVIII, 161, 41-43.
- 322 — Assimilation, XXVIII, 162, 47-49.
- 323 — Souvenirs d'exposition coloniale, XXVIII, 162, 49-52.
- 324 — A Madagascar, XXVIII, 162, 52-55.
« Ainsi donc. à Madagascar comme en Indochine, ce sont les missionnaires qui ont le plus fait pour la connaissance de la langue locale. On peut ne pas partager leur foi religieuse, on ne peut pas ne pas rendre hommage à leurs oeuvres de savants et de pionniers » (p. 53).
- 325 — En Syrie, XXVIII, 162, 55-58.
- 326 — La Méthode, XXVIII, 163, 59-61.
- 327 — Opinions d'un lettré campagnard (Sur le Protectorat, sur la Royauté et le Mandarinat), XXVIII, 163, 61-72.— XXIX, 164, 3-14.—(Le voyage du Ministre des Colonies, Le Ministre des Colonies et les Aspirations Annamites, Après le voyage du Ministre), XXIX, 167, 41-49.
- 328 — La Doctrine, XXIX, 164, 1-3.
- 329 — Le Statut de l'Inde, XXIX, 165, 15-17.
- 330 — Le problème de l'Inde vu par un Indien, XXIX, 165, 17-20.
- 331 — A travers l'Orient, XXIX, 165, 20-23.
- 332 — La Turquie nouvelle, XXIX, 166, 27-29.
- 333 — L'Egypte nouvelle, XXIX, 166, 29-32.
- 334 — Le Philosophe Mencius, XXX, 168, 4-7.
- 335 — Modification du régime des alcools au Tonkin et dans le Nord-Annam (Discours prononcé par M. Phạm-Quỳnh à la séance plénière du Grand Conseil du 4 Décembre 1931), XXX, 168, 7-12

- 336 PHẠM-QUỲNH, La France politique, XXX, 169, 15-17.
- 337 — L'âme des races, XXX, 170, 27-30.
- 338 — L'âme des foules, XXX, 170, 30-32.
- 339 — Méditation sur l'histoire d'Annam, XXX, 170, 33-35.
- 340 — Une culture nationale, XXX, 171, 39-41.
- 341 — La nouvelle langue annamite, XXX, 171, 41-44.
- 342 — L'École dirigeante, XXX, 172, 51-53.
- 343 — Confidences, XXX, 172, 51-53.
- 344 — Philosophie d'Extrême-Orient, XXXI, 174, 1-3.
- 345 — La mission de la France, XXXI, 175, 11-13.
- 346 — Politique d'égards, XXXI, 175, 13-15.
- 347 — Les idéaux de l'Orient, XXXI, 176, 21-23.
- 348 — Réflexions sur la Chine, XXXI, 177, 29-31.
- 349 — Interprétation du Bouddhisme, XXXI, 178, 39-41.
- 350 — L'homme moderne, XXXI, 179, 53-55.
- 351 — La leçon des ancêtres, XXXII, 180, 1-3.
- 352 — Discours prononcé par S.E. Phạm-Quỳnh à l'inauguration de la Bibliothèque Bảo-Đại (10.914 volumes), XXXIV, 201-202, 28-29.
- 353 PHẠM-XUÂN-ĐỘ, Le culte des ancêtres dans la société annamite moderne, XXXIV, 197, 64-69.
- 354 PHAN-ANH, L'idée de progrès dans le confucianisme, XXXIV, 199, 6-11.
- 355 — La langue annamite subira-t-elle l'influence de la langue française ?, XXXV, 205, 55-64.
- 356 POUVOURVILLE (Albert de), L'esthétique indochinoise, XVIII, 103, 21-24.

- 357 PUJARNISCLE (Eugène), Logique des superstitions, XXXV, 203, 1-5.
358 — Lyautey, l'asiatique, XXXV, 206, 69-72.

R

- 359 RAGEOT (Gaston), La psychoculture ou administration de soi-même, XIX, 110, 39-42.
360 — Le mécontentement de soi, XX, 118, 74-76.
361 — L'apprentissage de la sincérité, XXII, 125, 7-8.
362 RECLUS (Maurice), La politique d'aujourd'hui, XIX, 108, 13-16.
363 RIVAROL, L'Esprit français jugé par les grands écrivains français, Tinh-thần nước Pháp do các tay danh-sĩ Pháp bình-phâm, XIV, 79, 13-15.
364 ROBIN, MERLIN, Discours de M. Le Secrétaire Général Robin, Bài diễn thuyết của quan, Phó Toàn-quyền Robin.- Réponse de M. Le Gouverneur Général Merlin, Bài trả lời của quan Toàn-quyền Merlin, XIII, 75, 46-53.
365 ROD (Edouard), La responsabilité de l'écrivain. Trách-nhiệm nhà văn-sĩ (Đông-Hà dịch), XV, 90, 61-69.
366 RODES (Jean), Hong-Kong, XVIII, 105, 50-52.
367 ROMAINS (Jules), Sur l'art dramatique, XIX, 111, 49-52.
368 ROMIER (Lucien), Mobilité et Civilisation, XXX, 172, 59-60.
369 ROUGIER (Louis), (Économie), XXIII, 132, 134.
370 — L'esprit radical, XXX, 173, 71-72.
371 ROUX (Jules), Un lettré annamite : Phan-chu-Trinh, XVIII, 106, 55-59
372 RUSSIER (M.), Sur l'enseignement franco-annamite (Extr. d'un discours prononcé en 1914), XI, 65, 123-124.

S

- 373 SARRAUT (Albert), La doctrine coloniale de la France (Une conférence de M. Albert Sarraut, Cái chủ-nghĩa khai thuộc của nước Pháp (Bài diễn-thuyết của quan thuộc địa bộ Thượng-thư Sarraut, XIII, 75, 39-46 - XIII, 76, 57-67.- XIII, 77, 81-87.- XIII, 78, 101-112.- XIV, 79, 1-5.
- 374 — La mission civilisatrice de la France, Cái thiên-chức khai-hóa của nước Pháp, XVII, 97, 1-6.- XVII, 98, 15-21.- XVII, 99, 29-37.- XVII, 100, 45-54.
- 375 — Grandeur et servitude coloniales, XXX, 171, 49-50.
- 376 — M. Albert Sarraut et S.M. Bão-Đại (discours improvisé prononcé par M. A. Sarraut au moment de l'embarquement de S.M. Bão-Đại pour l'Indochine), XXXIII, 190, 43-46.
- 377 SAUMONT (J.B.), Kì-m-Vân-Kiêu par R. Crayssac, XX, 116, 49-50.
- 378 — Selon les rites, XXIII, 134, 35-36.
- 379 SCHULTZ (Yvonne), Une nouvelle école de peinture et de sculpture : «L'Ecole annamite», XXV, 145, 48-50.
- 380 SEILLIÈRE (Ernest), Le mystère de la Chine, XXIX, 165, 23-24.
- 381 — La morale de M. Bergson, XXXI, 174, 7-9.
- 382 SÉRÉNUS, Un bréviaire colonial (A propos de «Quelques conférences à Paris» de Monsieur Phạm-Quỳnh), Lời bình-phẩm về sách «Mấy bài diễn-thuyết ở Paris», XIII, 74, 32-38.
- 383 SIEGFRIED (André), Un grand journaliste : Auguste Gauvain, XXXII, 183, 27-39.
- 384 SINENSIS (J.), Le vrai visage du bolchevisme, XXII, 125, 5-6.
- 385 SOULIÉ DE MORANT (G.), Qui sera maître de l'Asie ? XXVII, 152, 4-6.

T

- 386 T.D.N., Notes sur la province de Kontum, *Lược-khảo về tỉnh Kontum (Tác-giả tự-dịch)*, XIII, 74, 17-32.
- 387 — Aux étudiantes de l'Université de Paris en mission d'études dans les Pays Annamites, XV, 88, 35-37.
- 388 TAGORE (Rabindranath), Mon école, *Trường học của tôi*, XV, 85, 1-8.— XV, 87, 19-30.— XV, 88, 39-48.
- 389 TESSAN (François de), Roland Dorgelès, XIV, 79, 16-17.
- 390 THARAUD (Jérôme), Le jubilé d' Anatole France, XIV, 82, 56-58.
- 391 THIBAudeau, Allocution prononcée par M. Le Résident Supérieur Thi baudeau à son premier contact avec Leurs Excellences les nouveaux Ministres du Gouvernement Annamite, XXXIII, 186, 1-3.
- 392 TILLFROYES, Le Japon mystique, XXI, 124, 60-61.
- 393 TOULOUSE (Dr), La vieillesse des peuples, XXIII, 134, 36-38.
- 394 TRẦN-ĐÌNH-NAM, Essai sur les concepts fondamentaux de la Médecine sino-annamite, XI, 65, 101-121,
- 395 — Le problème de la souffrance physique et le peuple d'Annam, *Vấn-đề đau-ốm trong dân-gian ta*, XII, 68, 19-24.

U

- 396 ÚNG-HOÈ, A propos de Patriotisme et de Nationalisme, XXVI, 150, 37-38.
- 397 — Morale annamite et morale occidentale, XXVII, 156, 39-40.

- 398 ÚNG-HÒÈ, Histoire et Archéologie de l'Annam-Champa : À propos d'un livre récent, XXIV, 201-202, 33-37.
- 399 — Morale et religion, XXXV, 204, 23-27.
- 400 ÚNG-QUÁ, Il y a une renaissance annamite (Renaissance littéraire, artistique...), XXX, 173, 63-70.

V

- 401 VAILLAT (Léandre), L'école des Beaux-Arts à l'Exposition coloniale (Mlle Lê Thj Lự, élève de troisième année, .. vient à l'atelier, vêtue du costume traditionnel ; elle porte le pantalon de soie noire et a les dents laquées noires, XXXI, 175, 16-18.
- 402 VAILLY (Ch. Fournier), L'oeuvre de Jean Dupuis, XXV, 141, 9-12.
- 403 VALÉRY (Paul), La Chine nouvelle ; A propos du livre de Chéng Tch'éng : Ma mère, XXIV, 137, 11-14.
- 404 VALYI (Félix), L'Europe et l'Asie, XXV, 143, 28-32.
- 405 VARENNE, La politique de collaboration franco-annamite (discours 24-4-1924.), XVIII, 105, 41-46.
- 406 VINGTRAS, Anatole France, XV, 87, 31-32.
- 407 — Idées d'arcrimon sur la Chine, XX, 114, 19-21.
- 408 — Tombeaux sous la pluie, XXVII, 157, 44-48.
- 409 VISSIÈRE (A.), L'Institut des Hautes Etudes Chinoises de Paris, XVIII, 104, 32-35.
- 410 VOGUE (Mélchior de), Le Pessimisme, Chủ-nghĩa chán đời (Đông-Hà djch), XVI, 95, 60-62.
- 411 VŨ-HƯƠNG, Un poète populaire : Le chansonnier Nguyễn-Du, XXXII, 182-26.
- 412 VŨ-VĂN-HIỀN, Sur le plan social : Une évolution des moeurs, XXXV, 204, 38-41.

- 413 VŪ-VĂN-HIÈN, Réflexions sur le culte des ancêtres (Fondement du culte des ancêtres, valeur morale du culte des ancêtres et la génération nouvelle), XXXV, 209, 141-149.

W

- 414 WELLS (H.G.), Sur la Chine : I— Que se passe-t-il en Chine ? Nous ignorons la Chine, Pas de grand homme en Chine !, Le Koumintang est-il rouge ? La Russie et la Chine se rapprocheront-elles ?), XX, 114, 11-16.
- 415 WILD (Herbert), Action et réaction interasiatiques, XXIX, 165, 24-26.
- 416 — La fresque de Wou Tao-Tseu, XXIX, 166, 37-40.

X

- 417 X. La collaboration franco-annamite, XXII, 127, 23-25.
- 418 X. Mahatma Gandhi, XXVII, 153, 15-16.
- 419 XXX. Nationalisme indochinois, XXVI, 149, 25-29. — XXVI 150,, 33-37.
- 420 XUÂN-LAN, La culture historique et l'élite annamite, XXIII, 134, 31-35.
-

BẢNG DẪN ĐỀ-MỤC

(Index des Matières)

- Académie, 66,107,225
Administration, 16,
A. F. I. M. A., 4,7,21, 272
Alcools, 22, 335
Amour, 124
Ancê tres (Culte des), 351,353,413
Annam, 225 voir : Viêt Nam
Annamites, voir : Việtnamiens.
Angkor Vat, 59
Archéologie, 15,398
Art, 9, 96, 103, 116, 126, 131,139,
256,367,400,
Asie, (voir aussi : Extrême Orient),
186, 259, 311, 385, 404, 415.
Ấu-tri-viễn, 3,4
Ashram, 388
Association des "Retour de France",
236
Bangkok, 261
BẢO-ĐẠI, 37, 49, 210, 250, 262,
269, 376
BARRÈS, 71
BERGSON, 157, 381
Bibliographie, 209, 280
Bibliothèque, 240
Biographies : voir aux noms de
personnes
Bolchevisme, 384
BONNARD, Abel, 67
Bouddhisme, 180, 188, 349
BOURGET, Paul, 51
BOY, 44
Cam-ranh (bate de), 104
225
Cénacle.
Chambre des Représentants du
Peuple, 289
Champa, 398
Chansons, 31
Chine. 9,12, 17, 18, 28, 39, 63, 75,
77, 78, 80, 81, 86, 117, 121,
128, 131, 132, 136, 196,197,
256, 280, 290, 306, 348, 380,
407. 409, 414
Cité jaune, 90,182
Cité universitaire de Paris, 165
Civilisation, 121, 224, 368
CLÉMENCEAU, 2
Cochinchine, 247
COGNAC, 206
Colonie, 125, 139
Colonisation, 373, 374, 375
Concours triennaux, 267
Confucianisme, 354, 301
CONFUCIUS, 169, 301
Conseil colonial, 34
Conseil du Gouvernement, 319
Contes, voir : Légendes et contes
Cour de Hué, 41, 159, 173, 222,
263, 391
Coutumes, voir : Moeurs et cou-
tumes.
Crise économique, 129
Cuisine, 69
Culture, 5, 87, 100, 133, 190, 212,
224, 233, 264, 273 276, 286,
294, 299, 312, 332, 340, 347
351
Đền Chanh, 114
DORGELES, Roland, 389
Droit, 137, 257

- DUCLOS-SALESSES**, 293
DUPUIS, Jean, 122, 135
École, 401
Économiques (problèmes), 239
Économie, 370
Écrivains, 151, 184, 365
Éducation, 95, 156, 220, 268, 275,
 277, 313, 388
Égypte, 166, 333
Élite, 420
Enseignement, (Voir aussi : Educa-
 tion) 27, 52, 56, 125, 143
 170, 241, 388
Esprit français, 363,
Esthétique, 134, 356
États-Unis, 108
Europe, 12, 54, 110, 118, 404
Exposition coloniale, 323
Expositions, 401
Extrême-Orient, 13, 87, 196, 331,
 344, 347.
Fascisme, 181
Fédéralisme, 320
Femme chinoise, 18
Finances, 26, 141
Foules, 338
Français, 92, 207
Français (langue), 48, 66, 102,
 225, 363.
France, 44, 54, 345, 374
FRANCE, Anatole, 107, 336
FUSTEL DE COULANGES, 221
GANDHI, Mahatma, 20, 418.
GAUVAIN, Auguste, 383
Géographie, 115, 386
Grammaire, voir : Linguistique
GRANDJEAN, 217
HINDENBURG, 260
Histoire, 16, 65, 77, 80, 123, 128,
 133, 150, 273, 295, 339, 398, 420.
HITLER, 260
HOÀNG-CAO-KHAI, 35, 36,
HOÀNG-TRỌNG-PHU, 147
Hong Kong, 360
Huế, 31, 241, 252
Humanisme, 101
Humanités, 64, 291
Hương tich, 118,
Hygiène, 4, 395
Immigration annamite, 23, 316
Inde, 94, 134, 174, 220, 329, 330,
Indochine, 16, 19, 26, 42, 47, 104,
 108, 112, 120, 129, 161, 163,
 239, 265, 266, 277, 356, 396
Infini, 176
**Institut des Hautes Études Chinoi-
 ses**, 409
Instruction (Voir aussi : Enseigne-
 ment), 94, 174
Intouchables, 94, 174
Japon, 28, 83, 88, 108, 144, 188,
 187, 196, 277, 297, 392
Jardins d'enfants, voir : *Ấu trĩ viên*
JAURÈS, 55
Jeunesse, 226, 237
Journalisme, 68, 105, 383
KÉMAL, Mustapha, 332
Kiếp bạc, 115
KIÈU, 271, 377, 411
K'U YUAN, 306
Kontum, 386
Lai châu, 228
Langues, voir : Linguistique et
 aux noms des langues

- Laos*, 23, 58, 248, 316
Lecture, 152
Légendes et contes, 114, 160, 242
Léningrad, 194
Lettrés (Voir aussi : Écrivains), 287
LÉVI, Sylvain, 5
Linguistique, 48, 66, 102, 189, 225, 255, 274, 315, 341, 355, 363.
Littérature, 62, 63, 72, 74, 140, 154, 177, 179, 204, 205, 229, 234, 291, 306, 378, 389
Littérature Vietnamienne, 169, 223, 255, 271, 291, 296, 400.
LOTI, Pierre, 53
225, 225, 24, 291, 296, 400
LYAUTEY, 358
Machinisme, 29
MẶC-ĐỊCH, 290
Madagascar, 324
Mandchourie, 28
MAKHALI-PHAL, 177, 204
Mandarinat, 209, 232, 327
MARTY, 217, 248
Médecine, 394
MENCIUS, 334
Mission estudiantine, 175
Moeurs et contumes, 58, 412.
Mongolie, 28
Mois, 247, 386
Morale, 157, 182, 186, 245, 381, 397, 399
Mort, 185
Morts (Culte des), 90
Musée, 261
Nam giao, 30, 252
Nam Phong, 231
National isme, 19, 320, 396
NEEL, Alexandra-David, 196
Népal, 171
NGUYỄN-BÁ-HỌC, 287
NGUYỄN DU, 271
Nombres fatidiques, 40
Orient, voir : **Extrême. Orient**
Orient et Occident, 5, 99
Pacifique, 108
Paris, 44, 323
PASCAL, 145
PASQUIER, Pierre, 130
PASTEUR, 60
Patriotisme, 1, 396
Peinture, 57, 256, 379, 416
Pèlerinage, 86, 198
PERREJX, Marie-Louise, 246
Pessimisme, 410
Peupless, 393
PHẠM-HUY-HỒ, 287
PHẠM-QUỲNH, 82
PHẠM-VĂN-THỤ, 307
PHAN-CHU-TRINH, 45, 281, 371
Philippines, 155, 244
Philosophie, 39, 145, 153, 158, 167, 258, 290, 300, 326, 328, 334, 344, 360
Politique, 7, 28, 42, 46, 47, 49, 108, 117, 120, 133, 146, 159, 161, 190, 191, 192, 193, 200, 202, 203, 213, 214, 215, 219, 221, 222, 228, 235, 238, 249, 254, 260, 263, 264, 265, 269, 273, 278, 282, 283, 288, 292, 302, 304, 305, 317, 318, 319, 320, 321, 327, 345, 346, 362, 369, 373, 374, 376, 382, 391,
Pologne, 98
Port, 104
POU YI, (PHÒ NGHI), 132
Presse, 168

- Prix littéraires**, 107
Propriété foncière, 119, 163.
Protectorat, 305, 327
Psychoculture, 359
Psychologie, 83, 337, 338, 343
Races, 10, 225, 337
Religions, 75, 78, 399
Régime foncier, 119, 163
Renaissance, 400
Rhadés, 127
Rivière des Parfums, 298
Routes, 79, 172
Russie, 14, 108, 199, 384
S. A. M. I., 112
SANTINIKETAN, 171
SARRAUT, Albert, 138
Sciences, 24, 61, 270
Sculpture, 379
Siam, 32, 43
Sincérité, 361
SLOWACKI, 98
Société des Nations, 70, 373
Sociologie, 4, 91, 113, 142, 162,
226, 230, 237, 308, 310, 314,
327, 342, 343, 350, 374, 395
Son la, 227
Style, 76
Superstitions, 357
Syrie, 325
TAGORE, Rabindranath, 57, 171
Tao dàn, 225
TCHANDRACHAMCHER
 YANG, 171
Tèt, 303
Thé, 300
Théâtre, 73, 88
Thèse, 24, 257
Tibet, 195
Tombeaux, 251, 408
Tonkin, 15, 37
TOUT ANK AMON, 166
Turquie, 332
Univers, 148, 176
VALÉRY, Paul, 65
Vie, 149
Viet Nam, 141, 150, 228, 230 237,
309, 339, 340, 398, 400
Vietnamien (langue), 255, 274, 341,
355.
Vietnamiens, 15, 46, 73, 106, 116,
126, 133, 137, 254, 255, 278,
284, 287, 299, 302, 308, 320,
387, 397, 420
Voyages, 13, 227, 247, 316, 327
386
WANG WEI, 131
WOU TAO TSEU, 416
Yên tử, 115
-

MỤC-LỤC CÁC TRANH-ẢNH (1)

Để tiện tra cứu, Mục lục các tranh ảnh này được sắp lại theo chữ gốc, nhân danh, địa danh, thay vì theo thứ-tự số và quyền. VKC.

- Ai-lao (Cảnh —), XXIX, 16.
- An-dương-vương (Đền —), XXIV, 246.
- An kỳ sinh chân nhân di tượng, XVIII, 442-443.
- An-tử (Núi — và các Đền chùa), XVIII, 334-335; (Chùa —), XVIII, 442-443.
- An-trường (Cảnh — gần Lam-sơn), XV, 12-13.
- Ấu-tri-viện làng Phương-trung, XIV, 36.
- Bá-đa-lộc (Ngôi mộ —, Nha-trang), XVI, 160.
- Bách-môn (Chùa —, Bắc-ninh), XVII, 122, 123-230.
- Bạch-Thái-Bưởi (Chân dung —), V, 382; (Sở chính và buồng giấy), V, 384; (Các cơ sở khác ở Nam-định), V, 386; (Các cơ sở ở Hà nội), V, 388; (Nhà máy, Sông Cửa Cấm), V, 392; (Nhà máy đúc và búa đúc), V, 390; (Ông —), X, 333.
- Bảo-Đại (Chân dung —), XXXI, 8-9; (— Hoàng đế ngự dung), XXXIII, 305. *Xem thêm* : Hoàng thượng.
- Bảo-Long (— Đông cung Hoàng Thái tử), X, 171.
- Barrès, Maurice, XIV, 189.
- Bla (Cầu tạm trên sông —), XXXIV, 252.
- Blanchard de la Brosse (Đồng-lý phủ —), VIII, 368.
- Bờ (Sông — tỉnh Sơn-la), XXVI, 128.
- Bricard : (« Chập chững đi » của —), XIV, 466.

1) Từ số 1 đến số 210 chúng tôi chỉ ghi số quyền và số trang, không ghi số tập chí.

- Bùi Quang-Chiêu (... và Ông —), IV, 24.
- Bửu-Thạch (Son Excellence —), XXXIII, 334.
- Cao-bằng (Thác —), XVI, 552-553.
- Cao-mên (Bà Chánh-phi —), XXIX, 118.
- Chapa (Toàn cảnh), XXVI, 632.
- Châtel, Yves-Charles, IX, 277; (Phó Toàn-quyền —), XXXIV, 281.
- Châu-long (Động —), XX, 48.
- Claudet, Paul (Ảnh —), IX, 376.
- Cờ-loa, XV, 206-207; XVII, 122-123; XIX, 130-131.
- Cơ-mật viện hội họp, XXXIII, 8-9.
- Cognacq (Chân dung —), III, 129; (Học-chính Giám-đốc —), IX, 1.
- Côn-son (Dạng thông —), (— Toàn cảnh), XVII, 420.
- Danh họa Âu tây (Các —), XX, 128.
- Danh họa Pháp, XI, 426.
- Dẫn thủy nhập điền ở Bắc, XII, 398.
- Diệu-Viên (Chùa —), XXXII, 8.
- Dalat (Thăm chè —), XXXIII, 8-9.
- Đan nhiệm (Đền làng —), XXIV, 346.
- Đấu xảo (— Khai-trí : hai kiểu bàn ghè), XIII, 368; (Kiểu nhà —), XVI, 12, 28; (— ở Khai Trí Tiến Đức), XXII, 130.
- Đê ở Bắc (Cảnh đắp —), XX, 340-341.
- Deschanel, Paul VI, 384.
- Điền binh Hà-nội, VII, 404; XXX, 206, 90.
- Điền quang (Chùa —), XXIV, 246.
- Đình lớn (Chín — ở Thế miếu), X, 190.
- Eugène, Charles, (Khâm sứ kinh —), VIII, 87.
- Foch (Chân dung tướng —), III, 195.

- Gia-Long (Lăng —), IX, 214 ; XXIII, 18.
- Giông (Hội đèn —), XIX, 130-131 ; (Ảnh —), XX, 564-565.
- Guynemer (Quan ba —), III, 330.
- Hà-tiên (Thắng cảnh —), XXI, 356, 560 ; (Phong cảnh —), XXVII, 460.
- Hạ-long (Cuộc du-lich các phái viên Nam-kỳ ở vịnh —), VIII, 104 ; XIV, 324-325.
- Hải-dương (Núi Kinh chủ —), XXII, 238.
- Hải-vân (Hỏa xa — quan), XXX, 146.
- Hãng Nguyễn-Trí-Phúc (Trước —), VI, 104.
- Hát-giang (Sông —), XIX, 356-357.
- Herriot (Ông —), XV, 12-13.
- Hiếu-nhân (Cửa — Huế), XXV, 132.
- Hoa-Lư, XVI, 440-441 ;
- Hoàn-kiếm (Hồ —), XIX, 442-443 ; (Cảnh tòa sen hồ —), XVII, 20.
- Hoàng-giang, Ninh-bình (Cảnh chiều ở —), XVII, 28-29.
- Hoàng-Thái-Xuyên, XXXIII, 213.
- Hoàng Thượng (— Ngự giá Âu du), XI, 42 ; (— ngự miền Bắc Trung-kỳ), XXXI, 548 ; (— ngự giá Trung-kỳ), XXXII, 8 ; (— thăm tàu Jeanne d'Arc, duyệt đội tàu bay, xem tập ở Giao-đàn, đi Nha-trang), XXXII, 228, 436.
- Hoàng-Trọng-Phu, IV, 1 ; (Đồng bào ở Vạn-tượng đón —), XXVIII, 222 ; (Chân dung —), XXXV, 207, 106.
- Hoành sơn (Đình làng —), XXIV, 142 ; (Cửa —), XXX, 26.
- Hội chợ (Khai mạc —), XXXV, 207, 114.
- Hội chợ Marseille, XI, 224.
- Hội « Đông Pháp bảo trợ », nghênh tiếp Toàn quyền Varenne, XVII, 329.
- Hội-đồng cải lương hương thôn ở Bắc-kỳ, IX, 179.
- Hội-đồng Chính phủ, VII, 352.

- Hội Khuyến-học (các hội viên hội Khuyến-học Long-xuyên), IV, 28.
- Hội-nghị Kinh-tế tài-chánh, XXV, 460.
- Hội Tiến (Các quan-viên —), X, I.
- Hời (Người —, Tháp —, Đàn bà—), XXVIII, 326, 434.
- Huế (Điện, Lăng-tâm). VIII, 444.
- Hương (Đò vào chùa —, Cảnh sông —), XXX, 246 ; (Cảnh chùa —), XIX, 264-265 ; XX, 416-417 ; (Cửa chùa Thiên hư — tích), XII, 128.
- Java (Chùa Borobudur—), XXX, 568 ; XXXV, 209, 156.
- Joffre (Thống chế —), IX, 475 ; X, 1.
- Khai-trí (Đấu xảo — : Hai kiểu bàn ghế..), XIII, 368 ; (Đấu xảo — : Kiểu nhà, giải I, giải 2), XVI, 12, 28 ; (Khánh thành), XX, 220-221 ; (— ở Khai-trí Tiến-đức), XXII, 130.
- Khải-định (Lăng —), XXXII, 228.
- Khue Vãn (Lầu — ở Vãn miếu Hà-nội), XII, 464.
- Kiếp-bạc (Đền —), XXI, 244-245.
- Kiết-ma (Mộ —), XXXII, 8.
- Kính-chủ (Động —), XVIII, 134-135 ; (Núi —), XXII, 238
- Kontum (Viên Tri-phủ Mọi ở —), XXXIII, 408 ; (Người Mọi ở — ; Cảnh— ; Sông Cừu, Chợ —, Sinh-hoạt Mọi —), XXXIV, 34, 252, 304 ; (Máy thác ở —), Cảnh —), XXXIII, 116.
- Lạc-son (Động —), XXIV 246.,
- Lam-thành (Máy đèn ở —), XXV, 46.
- Lạng-son (Cảnh —), XXX, 332.
- Láng (Cửa chùa — ban đêm), VII, 302 ; (Chùa —), XXI, 136-137.
- Lăng-tâm Huế (Điện —) VIII, 444.
- Lào (Đền vua —), XXVIII, 538.
- Le Gallen (Toàn-quyền —), VII, 437.

- Lê (Đền vua — ở Hà Nội, Cửa Ô Phố Mới Hà Nội), XIII, 20.
- Lê-Khôi (Tượng —), XXV, 46.
- Lê-Quang-Liêm (Phạm-Quỳnh với — và Nguyễn-Vấn-Cư), IV, 20.
- Lê-Văn-Duyệt (Lăng —), XX, 220-221.
- Lê-Văn-Phúc (Chủ nhà in — Nhóm Nam-Phong), IV, 208.
- Lebrun, Vigée : « Tình mẹ con », XIV, 466.
- Linh-láng (Voi-phục) (Đền —), XV, 392.
- Long, Maurice (Toàn-quyền —, Chân dung —), VI, 4 ; VII, 178.
- Luang-Prabang, XXIX, 16.
- Lục Nam (Tập trận tại —), XXXV, 208, 136.
- Lý Bát-Đế (Đền — ở Đình-bảng), XVII, 28-29.
- Mạc (Đền thờ họ —), XXV, 348.
- Mạc-Cửu (Mộ Ông —), XXV, 348.
- Mai Trung-Cát, XI, 42.
- Mán (— Sơn-la, Người —), XXVI, 330.
- Marty, L. (Nhóm Nam-Phong), IV, 208 ; (— Khâm-sứ Ai-lao, Chân dung —),
XXXV, 207, 102.
- Mèo (— Sơn-la, Người đàn bà —), XXVI, 330.
- Merlin (Toàn-quyền —), XII, 83 ; (Nghênh tiếp Toàn-quyền —), XIII, 212.
- Mĩ-thuật Pháp, XIX, 356-357, 442-443 ; (— Chập chững đi, của Bricard,
(Tình mẹ con, của Vigée Lebrun), XIV, 466.
- Millerand (Giám-quốc —), VII, 262.
- Minh-Mạng (Lăng —), XXIII, 18.
- Monguillot (Thống-sứ —), IX, 379.
- Một Cột (Chùa —), XIX, 356-357.
- Mường-la (Hồ —, Cảnh thượng du), XXVI, 236.
- Nam-Giao (Ảnh vẽ —), VIII, 169 ; (Tế —), XIV, 189 ; (Lễ —), XXXIII,
8-9 ; XXXV, 209, 156.

- Nam-Phong (Nhóm — : Chủ-bút Quốc-văn, Phạm-Quỳnh, Tổng-đốc Thân Trọng Huề, quan cai trị L. Marty, Chủ nhà in Lê-văn-Phúc, chủ bút Hán-văn Nguyễn-Bá-Trác), IV, 208.
- Nam-sơn (Họa-sĩ —) « Gia từ cận tượng »; « Xuân du ngoạn cảnh »; « Cò trắng với cá vàng »; « Về chợ »; « Quan viên sắp vào tế »; « Chợ gạo », XXXI, 178, 228, 330.
- Ngang (Đèo —, Đường lên đèo —), XXX, 26.
- Ngọc-Môn (Cửa —, — Huế), XXV, 132.
- Nguyễn-Bá-Học (1857 — 1921), IX, 163.
- Nguyễn-Bá-Trác, Chủ bút Hán-văn (Nhóm Nam-Phong), IV, 208.
- Nguyễn-Du (Tù đường, tài liệu về —), XXIV, 30.
- Nguyễn-Mạnh-Tường, 22 tuổi đỗ Tiến-sĩ luật, XXX, 568.
- Nguyễn-Năng-Quốc (Tuần-Phủ —), XI, 65.
- Nguyễn-Phú-Khai (Ông — và Ông Bùi-Quang-Chiêu), IV, 24.
- Nguyễn-Trãi (Chân-dung—), XXII, 336; (Nhà thờ Cù—tại Nhị-kê), XII, 561.
- Nguyễn-Văn-Cư (Phạm-Quỳnh với Lê-Quang-Liêm và —), IV, 20.
- Nhà học-sinh Đông Pháp (Paris), XXVII, 164, 244 b.
- Nhật (Thiếu nữ —), XXXV, 205.
- Ninh-bình (Cảnh chiều ở Hoàng-giang —), XVIII, 28-29.
- Nữ-sinh sư-phạm (Bà Varenne tiếp các —), XVII, 328.
- Paris (Những cảnh đẹp — . . .), XI, 264, 352, 426.
- Pasquier (Quan Quản-lý phủ Toàn-quyền—), IV, 169; (Khâm-sứ Trung-kỳ—), VIII, 345; (— P.), XXXIII, 512.
- Phái-đoàn (Nam-kỳ) ở Hưng-yên, Nam-định, VI, 104.
- Phái-viên (—Bắc-kỳ bộ-kiến Hoàng-thượng), X, 93; (— sau dạ yến; —trước Tòa Khâm-sứ; — ở đường vào Hương-kê), X, 96.
- Phái-viên Nam-kỳ. (Cuộc du-lich các — ở vịnh Hạ-long,) VIII, 104 ter.
- Phạm-Duy-Khiêm, XXXV, 204, 44.

Phạm-Ngũ-Lão (Đền —), XV, 310-311.

Phạm-Quỳnh (— với Lê-Quang-Liêm và Nguyễn-Văn-Cư), IV, 20 ; (— Chủ bút quốc-văn nhóm Nam-Phong), IV, 208 ; (Son Excellence —), XXXIII, 308.

Pháp (— chánh Đông-dương ; học-trò trường Pháp-chánh Đông-dương), III, 235 ; Mỹ-thuật nước—), XIV, 466.

Phát-diệm (Nhà thờ —), XVI, 440-441.

Phật (Tượng — lớn ở Nhật), XXX, 352 ; (Tượng — Lào Vientiane), XXVII, 558.

Phượng-đình (Tiểu tượng cụ —), XXIII, 328, 446B.

Phượng-thành cồ-tích, XXV, 348.

Phương-trung (Ấu-trì viện làng —), XIV, 36.

Phường-tông của Hội các nhà báo Nam-kỳ, IV, 32.

Pietri (Thượng-thư thuộc-địa —), XXVII, 4.

Quảng-ngãi đi Qui-nhơn, XXXV, 209, 156.

Quỳnh-lâm (Chùa —), XVIII, 16-17.

Ranh (Phà kết-thề bên sông — nghênh tiếp Pháp-bộ), X, 191.

Reynaud, Paul (Nghênh tiếp Paul —), XXIX, 221, 328.

Robin, René, IX, 179 ; (Chân dung —), XXXIV, 225 ; (Réception de M.—), XXXV, 201-202, 18 ; (— tại Khai-trì), XXXV, 201-202, 64 ; (— thăm Huế, Hải-phòng), XXXV, 205.

Rodin (Người tư tưởng của —), XI, 264.

Sài-sơn (Cảnh —), XVI, 238-239.

Sầm-sơn (Mỏ vàng —), XXXV, 204, 44.

Sập Việt (Thác —), XXVI, 236.

Sarraut, Albert (Chân dung —), II, 129, 323 .

Sư Cụ chùa Cồ-lễ (Chân dung —), XXXI, 8-9.

- Tagore (Thi-sĩ —), XVI, 396.
- Tam-cốc (Hang —), XXIV, 346.
- Tam-đảo (Bề tấm tại —), XXXV, 203, 22.
- Tam-thanh (Động —), XVI, 552-553.
- Tardieu (Thủ-tướng Pháp —), XXVII, 334.
- Tàu (Thăm trạng phía nam nước —), X, 324.
- Tây-hồ (Cổ-tích — ở Hàng châu), XI, 100.
- Tây phục (— và quốc phục, người Nam mặc — và quốc phục), X, 462.
- Tây-phương (Chùa — ở Thạch thất), XXX, 482.
- Tây-sơn (Tranh — yết kiến vua Kiên-long nhà Thanh), XXXIV, 464.
- Thái (Mả người —), XXVI, 236.
- Thái-hòa (Tại điện —), VIII, 253.
- Thân-Trọng-Huê (Tổng-đốc —) (Nhóm Nam-Phong), IV, 208 ; XIII, 40S.
- Thanh-hóa (Cổ-tích —), XV, 36-37.
- .. Hội-an đón Ngự-giá, XXXIII, 408.
- Thiên-mụ (Tháp chùa — Huê), XXXI, 457a.
- Thiệu-Trị (Trước lăng đức —), X, 191 ; (Lăng —), XXV, 242.
- Tholance (Thống-sứ —), XXXIV, 333 ; (— thăm chùa Võ-Hưng), XXXIV, 379 ; (Bà — thăm Hợp-thiện), XXXIV, 464.
- Thượng (Trang-phục đàn bà —), XXXV, 24.
- Thượng-du Bắc-kỳ (Cảnh —), XXVI, 16, 128.
- Thượng-thư (5 quan — mới ở Huê), XXXII, 548B-549.
- Tiên-Điền (Kỷ-niệm Cụ —), XV, 100-101.
- Tiên-Lữ (Chùa —), XX, 48.
- Tissot (Quan — Công-sứ Nam-Định), IV, 184.
- Tôn-Thất-Đàn (Lễ phong chức cho —), XXXIII, 226.
- Tôn-Thất-Quảng (Son Excellence —), XXXIII, 334.

- Trần Phềnh (Ban hát —), XXXIV, 68.
- Trần-Thị-Thọ, XII, 171.
- Trần-Văn-Thông (Tổng-đốc —), XI, 1.
- Trọi (Cầu —) XXI, 136-137.
- Trung-lương (Ảnh miếu —, Thái Hà-ấp), XXI, 34-35.
- Trương-Hán-Siêu (Mộ —), XVII, 122-123.
- Thề-dục (Trường — Hanoi), X, 286.
- Từ-Đạo-Hạnh (Đền —), XVII, 230.
- Từ-trầm (Núi —), XX, 48.
- Tự-đức (Lăng —), XXIII, 18; XXV, 242.
- Văn-miếu Hanoi (Lầu Khuê-văn ở —), XII, 464; XVIII, 236-237; XIX, 28-29.
- Varenne (Toàn-quyền —) Hội Đồng Pháp hỗ trợ ngành tiếp quan Toàn-quyền —, XVII, 304, 329; (Bà —, Nữ sinh sư-phạm đón bà —), XVII, 328.
- Versailles (Cung —), XIV, 98.
- Vientiane (Du hành —, Đồng bào Việt-Nam ở —, Cảnh chùa —), XXVIII, 108; (Đường đừa ở —, Đền vua Lào ở —), XXVIII, 538.
- Vinh-yên (Cái tháp nghiêng —), XVI, 230.
- Võ-hưng (Chùa —; Tholance thăm chùa —), XXXIV, 379.
- Voi-phục (Đền —), XV, 392.
- Vũ-trấn (Đền —), XX, 220-221.
- Yên-lăng (Chùa —), XIX, 442-443.
-

ĐÍNH-CHÁNH và BỒ-DI

ĐÍNH-CHÁNH

Trang	Hàng	Thay vì	Xin đọc là
60	23	Banà... 1,63/1931	Banà... 163, 6/1931
—	25	Nhân cách phụ nữ...	Xóa bỏ
—	26	Vì sao tôi cúp tóc ?...	Xóa bỏ
119	18	Nguyễn-Phan-Long...	Nguyễn-Phan-Lăng
123	1	Nguyễn-Tử-Lang	Nguyễn-Tử-Lăng
230		130	230
363		8. Tóc..., Huỳnh-Bảo-Hòa	8. Tóc..., Huỳnh-thị Bảo-Hoa
377		11. Nhân cách... Huỳnh thị Bảo-Hòa	11. Nhân cách... , Huỳnh-thị Bảo-Hoa
430	28	... à Saion	... à Saigon
432	1	Marlin	Merlin
434		267	227
440		301 ... et Confucéisme	301... et le Confucéisme

BỒ-DI

53	21	H.H.Đ. Giấc chiêm bao dữ, VIII, 46, 316-317	
58	2	Hoàng-tử Cảnh, xem : Nguyễn-Phúc-Cảnh.	
255	15	Nhân cách phụ nữ, XXXIII, 191, 12/1933, tr. 545-552.	GD.
—	—	Vì sao tôi cúp tóc ? XXXIX, 197, 6/1934, tr. 391-392.	
308	13	Phạm Hồ (Chiêu Hồ), xem : Nguyễn - Hữu - Tiến,	Vũ trung tùy bút

Giá : 150đ